

Theravāda
Phật Giáo Nguyên Thủy



Sớ Giải
Tăng
Chi
Độ
Kinh

Quyển 2



BHADANTACARIYA BUDDHAGHOSA

Việt dịch: Tỳ kheo Khải Minh



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Theravāda
Phật Giáo Nguyên Thủy



Sớ Giải
Tăng Chi Bộ Kinh
Quyển 2



BHADANTACARIYA BUDDHAGHOSA

Việt dịch: Tỳ kheo Khải Minh

(Bhikkhu Jotivādī)



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Mục Lục

I. Phẩm Người Ngu	1
Chánh Kinh Phẩm Người Ngu Thứ 1	1
Chánh Kinh Bài Kinh Tượng Trưng	6
Chánh Kinh Bài Kinh Tư Duy.....	8
Chánh Kinh Bài Kinh Làm Lỗi.....	10
Chánh Kinh Bài Kinh Không Khéo Tác Ý.....	12
Chánh Kinh Bài Kinh Nhổ Gốc Lên	15
Chánh Kinh Bài Kinh Cấu Uế.....	16
II. Phẩm Người Đóng Xe	18
Chánh Kinh Bài Kinh Quyển Thuộc	18
Chánh Kinh Bài Kinh Cần Phải Ghi Nhớ	23
Chánh Kinh Bài Kinh Tỳ Kheo.....	27
Chánh Kinh Bài Kinh Chuyển Luân Vương.....	34
Chánh Kinh Bài Kinh Người Đóng Xe Hay Vua Pacetana	41
Chánh Kinh Bài Kinh Sự Thật, Không Lỗi Làm	47
Chánh Kinh Bài Kinh Tự Ngã	58
Chánh Kinh Bài Kinh Chư Thiên	59
Chánh Kinh Bài Kinh Người Buôn Bán Thứ Nhất.....	61
Chánh Kinh Bài Kinh Người Buôn Bán Thứ Hai	66
III. Phẩm Người	71

Diễn Giảng Phẩm Người Thứ 3	71
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Bệnh Nhân.....</i>	<i>76</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Pháp Hữu Vi</i>	<i>81</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Công Ôn Lớn Lao.....</i>	<i>85</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Kim Cương</i>	<i>88</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Đàng Ghê Tởm</i>	<i>96</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Lời Nói Như Hoa.....</i>	<i>101</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Mù Lò</i>	<i>105</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Lộn Ngược.....</i>	<i>109</i>
IV. Phẩm Sứ Giả Của Trời	117
Diễn Giảng Phẩm Thiên Sứ	117
<i>Chánh Kinh Phạm Thiên</i>	<i>117</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Ānanda.....</i>	<i>122</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Sāriputta</i>	<i>126</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Các Nguyên Nhân.....</i>	<i>131</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Hatthaka</i>	<i>159</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Sứ Thần</i>	<i>165</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Đức Vua Thứ Nhất</i>	<i>181</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Được Nuôi Dưỡng Tế Nhị.....</i>	<i>188</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Trọng Yếu</i>	<i>201</i>
V. Phẩm Nhỏ	208
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Sự Có Mặt</i>	<i>208</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Sự Kiện</i>	<i>210</i>

Chánh Kinh Bài Kinh Hiền Trí.....	218
Chánh Kinh Bài Kinh Giới Hạnh	221
Chánh Kinh Bài Kinh Hữu Vi	223
Chánh kinh Bài Kinh Nhiệt Tâm Tinh Cần.....	224
Chánh kinh Bài Kinh Đại Giặc Cướp	227
VI. Phẩm Các Bà-la-môn	231
Chánh kinh Bài Kinh Người Thứ Nhất	231
Chánh kinh Bài Kinh Bà-la-môn.....	234
Chánh kinh Bài Kinh Cám Dỗ.....	237
Chánh Kinh Bài Kinh Vacchagotta.....	240
Chánh Kinh Bài Kinh Tikaṇṇa	248
Chánh kinh Bài Kinh Saṅgāraṇa	262
VII. Phẩm Lớn.....	279
Chánh kinh Bài Kinh Chủ Thuyết Của du sĩ Ngoại Đạo	279
Chánh kinh bài Kinh Sợ Hãi thứ 1.....	306
Chánh kinh Bài Kinh Sợ Hãi thứ 2.....	309
Chánh kinh Bài Kinh Sợ Hãi thứ 3.....	310
Chánh kinh Bài Kinh Sợ Hãi thứ 5.....	311
Chánh kinh Bài Kinh Venāga	313
Chánh kinh Bài Kinh du sĩ Sarabha.....	333
Chánh Kinh Bài Kinh Kālāmā	351
Chánh Kinh Bài Kinh Sājaha	363
Chánh Kinh Bài Kinh Các Vấn Đề Được Nói Đến.....	371

<i>Chánh Kinh Bài Kinh du sĩ Ngoại Đạo</i>	383
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Các Căn Thiện - Bất Thiện</i>	391
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Bát Quan Trai Giới</i>	400
VIII. Phẩm Ananda	428
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Channa</i>	428
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Tà Mạng Ngoại Đạo</i>	432
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Người Dòng Họ Thích</i>	436
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Lỏa Thế Niganṭha</i>	439
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Cần Phải Khích Lệ</i>	444
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Tư và Khởi Điểm</i>	447
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Giới Cấm Thủ</i>	449
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Mùi Hương</i>	452
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Abhibhū</i>	455
IX. Phẩm Sa-môn	472
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Sa-môn</i>	472
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Con Lừa</i>	474
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Nghề Nông</i>	475
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Người Vajjī</i>	477
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Bậc Hữu Học</i>	479
<i>(thứ nhất)</i>	479
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Bậc Hữu Học (thứ hai)</i>	481
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Bậc Hữu Học (thứ ba)</i>	486
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Bậc Hữu Học (thứ tư)</i>	492

<i>Chánh Kinh Bài Kinh Tam Học Thứ Hai</i>	494
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Paṃkadhā</i>	496
X. Phẩm Hạt Muối	503
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Cấp Thiết</i>	503
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Sống Viễn Ly</i>	505
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Mùa Thu</i>	509
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Hội Chúng</i>	511
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Con Ngựa Thuần Thực thứ nhất</i>	515
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Con Ngựa Thuần Thực thứ hai</i>	518
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Con Ngựa Thuần Thực thứ ba</i>	519
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Vải Thô Bằng Vỏ Cây</i>	520
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Hạt Muối</i>	524
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Kể Lọc Vàng</i>	533
XI. Phẩm Chánh Giác	543
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Trước Khi Giác Ngộ</i>	543
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Vị Ngọt</i>	546
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Khóc Than</i>	548
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Thỏa Mãn</i>	550
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Nóc Nhọn</i>	551
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Nóc Nhọn thứ hai</i>	553
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Nhân Duyên thứ nhất</i>	554
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Nhân Duyên thứ 2, 3,4</i>	555

XII. Phẩm Đọa Xứ	561
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Rơi Vào Đọa Xứ</i>	<i>561</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Khó Tìm Được.....</i>	<i>562</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Không Thể Ước Lượng Được.....</i>	<i>563</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Bất Động Hành.....</i>	<i>565</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Suy Vong Và Thành Tựu</i>	<i>568</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Chính Xác</i>	<i>571</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Thanh Tịnh</i>	<i>572</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Thanh Tịnh thứ 119.....</i>	<i>574</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Toàn Hảo.....</i>	<i>576</i>
XIII. Phẩm Kusināra	579
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Kusināra</i>	<i>579</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Tranh Luận</i>	<i>582</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Bảo Tháp Gotamaka</i>	<i>584</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Bharanḍu</i>	<i>587</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Hatthaka</i>	<i>591</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Thối Nát</i>	<i>597</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Anurudha (2).....</i>	<i>600</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Che Giấu.....</i>	<i>601</i>
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Chữ Viết.....</i>	<i>603</i>
<i>Trên Đá, Trên Đất, Trên Nước.....</i>	<i>603</i>
XIV. Phẩm Kẻ Chiến Sĩ	606
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Kẻ Chiến Sĩ.....</i>	<i>606</i>

<i>Chánh Kinh Bài Kinh Hội Chúng</i>	609
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Xuất Hiện</i>	610
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Mền Bằng Tóc</i>	611
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Ngựa Chưa Được Điều Phục thứ nhất</i>	613
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Ngựa Được Điều Phục thứ hai</i>	616
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Các Loại Ngựa Thuần Thục thứ ba</i>	619
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Moranivāpa</i>	622
XV. Phẩm Cát Tường	624
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Buổi Sáng Tốt Đẹp</i>	624
XVI. Phẩm Lỏa Thế	627
<i>Chánh Kinh Bài Kinh Đạo lộ</i>	627
<i>Kết thúc Bài Kinh Đạo lộ</i>	633
<i>Chánh Kinh Bài Kinh về Định</i>	633
Phương Danh Thí Chủ Hùn Phước	635

SỚ GIẢI KINH TĂNG CHI

(Manorathapuraṇī)

Chương III

BA PHÁP

Diễn Giảng Pháp 3 Chi

(Tikanipātaṇṇanā)

I. Phẩm Người Ngu

Chánh Kinh Phẩm Người Ngu Thứ 1

1-10 Người Ngu

1.- Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, Jetanava, tại vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo.

- Thưa vâng. Bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- Phạm có sự sợ hãi nào khởi lên, này các Tỷ-kheo, tất cả sự sợ hãi ấy khởi lên từ người ngu, không phải từ người hiền trí. Phạm có những nguy hiểm nào khởi lên, tất cả những nguy hiểm ấy khởi lên từ người ngu, không phải từ người hiền trí. Phạm có những tai họa nào khởi lên, tất cả những tai họa ấy khởi lên từ người ngu, không phải từ người hiền trí.

Ví như, này các Tỷ-kheo, ngọn lửa từ nhà bằng cỏ lau, hay từ nhà bằng cỏ, thiêu đốt các ngôi nhà có nóc nhọn, các ngôi nhà có trét trong và trét ngoài, ngăn chặn được gió, các ngôi nhà có chốt cửa đóng chặt, có các cửa đóng kín. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phạm có sự sợ hãi nào khởi lên, này các Tỷ-kheo, tất cả sự sợ hãi ấy khởi lên từ người ngu, không phải từ người hiền trí. Phạm có những nguy hiểm nào khởi lên, tất cả những nguy hiểm ấy khởi lên từ người ngu, không phải từ người hiền trí. Phạm có những tai họa nào khởi lên, tất cả những tai họa ấy khởi lên từ người ngu, không phải từ người hiền trí. Phạm có những nguy hiểm nào khởi lên, tất cả những nguy hiểm ấy khởi lên từ người ngu, không phải từ người hiền trí.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, người ngu có sự sợ hãi, người trí không sợ hãi, người ngu có nguy hiểm, người trí không có nguy hiểm, người ngu có tai họa, người trí không có tai họa. Này các Tỷ-kheo, không có sự sợ hãi đến với người trí, không có nguy hiểm đến với người trí, không có tai họa đến với người trí.

Do vậy, ở đây, cần phải học tập như sau: Thành tựu với ba pháp nào, một người ngu được biết là như vậy, hãy từ bỏ ba pháp ấy. Thành tựu với ba pháp nào, một người trí được biết là như vậy, hãy chấp nhận ba pháp ấy và thực hành chúng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập.

Diễn Giảng Phẩm Ngu Thứ 1

Giải Thích Về Kinh Sợ Hãi

Nên hiểu luận giải trong bài kinh sợ hãi (**bhaya**) thứ 1 của pháp 3 chi như sau:

Trong từ **Bhayāni**... tâm rung động kinh sợ gọi là sợ hãi. Trạng thái tâm không định tĩnh gọi là tai họa (**uppadava**). Trạng thái tâm chướng ngại tức trạng thái tâm dính mắc trong cảnh gọi là nguy khốn (**upasugga**).

Nên hiểu sự khác nhau của từ sợ hãi, tai họa và nguy khốn như sau:

Bọn cướp nương trú theo đồi núi và vùng hẻo lánh loan tin đến dân làng rằng: “Bọn ta sẽ vào cướp phá xóm làng của các ngươi vào ngày đó”. Kể từ lúc nghe được tin ấy nhóm dân làng cùng nhau kinh sợ hỗn loạn. Trạng thái này gọi là trạng thái tâm rung động kinh sợ.

Dân làng cùng nhau suy nghĩ rằng: “Làm sao để được bình an khi bọn cướp giận dữ chúng ta, chắc chắn chúng sẽ tàn sát chúng ta” rồi vợ vót tài sản cầm lấy trên tay đi vào rừng cùng

với súc vật 2 chân, 4 chân ngủ trên đất ở trong rừng bị cơn trùng như mòng và ruồi... chít đốt, cùng nhau lẫn trốn đi đến giữa bụi cây giẫm đạp gốc cay và gai. Sự tán loạn của nhóm dân làng đó dong ruổi đi như thế đó gọi là trạng thái tâm không định tĩnh. Sau đó, khi bọn cướp không đến theo như ngày loan báo, dân làng suy nghĩ với nhau rằng: “Có lẽ là tin đồn thất thiệt, chúng ta sẽ trở về thôn làng rồi cùng nhau khuân chuyển đồ đạc trở về thôn làng. Khi đó, bọn cướp hiểu rằng nhóm dân làng đó cùng nhau trở về nên cùng nhau bao vây thôn làng châm lửa thiêu đốt cổng làng tàn sát số lượng nhiều người và cướp lấy toàn bộ tài sản. Tất cả nhóm dân làng còn sống sau cuộc tàn sát cướp bóc cùng nhau dập tắt lửa rồi ngồi xuống buồn bã nơi bóng của cổng thành và bóng mái nhà... buồn rầu nhớ đến đồ đạc tiêu tan. Trạng thái tâm dính mắc như vậy gọi là trạng thái tâm dính mắc trong cảnh đó.

Từ **Naḷagārā** tức ngôi nhà lợp và che bằng cây sậy phần kết cấu ngôi nhà còn lại thì làm từ gỗ. Ngay cả ngôi nhà lợp lá cỏ cũng có lý này. Từ **Kūṭāgārāni** tức ngôi nhà nóc nhọn. Từ **Ullittāvilittāni** tức tô cả bên trong lẫn bên ngoài ngôi nhà. Từ **Nivātāni** tức gió không vào được. Từ **Bhusitaggalaṇi** tức cánh cửa gắn dính khít vào khung cửa bởi vì là đồ vật do người thợ thiện nghệ tạo ra. Từ **Pihitakavātāni** tức cánh cửa đã gắn vào. Bằng 2 từ này Đức Thế Tôn không thuyết ám chỉ cánh cửa và cửa sổ thường xuyên đóng lại Ngài chỉ thuyết thành tựu ân đức (**guṇasamapatti**) mà thôi. Cũng như cánh cửa và cửa sổ thường đóng và mở mọi lúc cần muốn.

Từ **Bālato uppajjanti** nghĩa là tất cả sự nguy khốn thường sanh lên do nương vào người ngu (**bāla**).

Thật vậy, người không phải là bậc hiền trí mà là người ngu khi muốn làm vua, làm phó vương (**uparāja**) hoặc muốn địa vị cao lớn khác thì sẽ dẫn dắt lấy con mồ côi cha, người ngu giống như mình một số ít rồi khuyên bảo rằng: Các người hãy đến đây ta sẽ làm cho các người trở thành vĩ đại tập hợp lại theo đồi núi và rừng sâu... rồi tiến vào thôn làng vùng biên giới làm cho thôn làng tiêu tan đánh phá cả thành thị, thôn xóm theo tuần tự.

Người muốn nơi chốn nào thoát nạn thì nên bỏ nhà cửa lẫn trốn đi. Tỳ kheo, tỳ kheo ni nương nhờ vào nhóm người đó cũng cùng nhau bỏ nơi chốn của mình lẫn trốn đi. Trong nơi chốn mà các vị ấy đi rồi thì cả đồ ăn khát thực lẫn sàng tọa cũng khó tìm kiếm được. Sợ hãi thường dẫn đến 4 hội chúng như vậy. Ngay cả trong tất cả bậc xuất gia mà 2 vị tỳ kheo là người ngu tranh cãi nhau ai cũng bêu rếu lẫn nhau nên khởi sanh sự náo động to lớn lên giống như nhóm tỳ kheo xứ Kosambī. Sợ hãi thường dẫn đến 4 hội chúng giống như vậy, các sự sợ hãi nào phát sanh lên như đã đề cập thì tất cả sự sợ hãi đó thường phát khởi từ người ngu, Đức Thế Tôn thuyết kết thúc sự tiến diễn như vậy.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Sợ Hãi Thứ 1



Chánh Kinh Bài Kinh Tướng Trạng

Này các Tỷ-kheo, tướng của người ngu ở trong hành động (của mình); tướng của người trí ở trong hành động (của mình). Trí tuệ chói sáng trong nếp sống (của mình)

Thành tựu với ba pháp, này các Tỷ-kheo, người ngu được biết đến. Thế nào là ba? Thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Này các Tỷ-kheo, thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người ngu được biết đến.

Thành tựu với ba pháp, này các Tỷ-kheo, người trí được biết đến. Thế nào là ba? Thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện. Này các Tỷ-kheo, thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người trí được biết đến.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: Thành tựu với ba pháp nào, người ngu được biết đến, hãy từ bỏ ba pháp ấy; thành tựu với ba pháp nào, người trí được biết đến; hãy chấp nhận ba pháp ấy, và thực hành chúng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập.

Sớ Giải Bài Kinh Tướng Trạng (Lakkhaṇasutta)

(Atthakathālakkaṇasutta)

Nên hiểu luận giải trong bài kinh Tướng Trạng thứ 2 như sau:

Nghiệp diễn tiến theo đường thân môn... là tướng trạng tức nhân làm cho hiểu biết đến người đó, nhân đó, người đó mới gọi là có nghiệp là tướng trạng.

Trí tuệ tốt do sự thực hành (cơ tánh-**caritta**) gọi là đường lối thực hành theo tuệ tịnh hảo (**apadānasobhanīpaññā**).

Giải thích: Người ngu và bậc hiền trí thường hiện bày do nghiệp mà mình đã tạo tác.

Thật vậy, đường lối người ngu đã đi giống như đường lối của lửa rừng lan đi thiêu đốt cháy cây cối, bụi cây, làng mạc, thôn xóm...

Hiện bày còn lại chỉ là nơi chốn để xây cất nhà mà thôi, đầy dẫy than, bồ hóng và tro. Còn đường lối bậc hiền trí đi giống như đường lối mây mưa báo hiện cho bốn phương rồi rơi xuống đầy ao và hồ... đưa đến sự sinh sôi nảy nở các loại mạ, bông lúa. Nơi chốn mà có đầy nước thì các loại cây trái, lúa mạ tươi tốt. Sự hiện bày trong đường lối mây mưa báo hiệu như thế nào thì trong đường lối mà bậc hiền trí tiến hành chỉ có duy nhất sự thành tựu mà không có sự thất bại như thế đó. Từ còn lại trong bài kinh này đều có ý nghĩa để cả.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Tướng Trạng



Chánh Kinh Bài Kinh Tư Duy

3- Có những pháp này, này các Tỷ-kheo, là đặc tính của người ngu, là tướng trạng của người ngu, là ẩn tích của người ngu. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu suy nghĩ ác, nói ác và làm ác. Nếu người ngu này, này các Tỷ-kheo, không suy nghĩ ác, không nói ác và không làm ác, thời lấy gì người hiền trí biết được: "Người này là kẻ ngu, không phải là bậc chân nhân"? Vì rằng, này các Tỷ-kheo người ngu suy nghĩ ác, nói ác và làm ác, nên các người hiền trí biết được: "Người này là kẻ ngu, không phải là bậc chân nhân". Có những pháp này, này các Tỷ-kheo, là đặc tánh của người ngu, là tướng trạng của người ngu, là ẩn tích của người ngu.

Có những pháp này, này các Tỷ-kheo, là đặc tính của người hiền trí, là tướng trạng của người hiền trí, là ẩn tích của người hiền trí. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người hiền trí suy nghĩ thiện, nói thiện và làm thiện. Nếu người hiền trí này, này các Tỷ-kheo, không suy nghĩ thiện, không nói thiện và không làm thiện, thời lấy gì người hiền trí biết được: "Người này là người hiền trí, bậc chân nhân"? Vì rằng, này các Tỷ-kheo người hiền trí suy nghĩ thiện, nói thiện và làm thiện, nên các người hiền trí biết được: "Người này là người hiền trí, là bậc chân nhân". Có những pháp này, này các Tỷ-kheo, là đặc tánh của người hiền trí, là tướng trạng của người hiền trí, là ẩn tích của người hiền trí.

**Sớ Giải Bài Kinh Tư Duy (Cintasutta)
(Atthakathācintasutta)**

Nên hiểu luận giải trong bài kinh Tư Duy thứ 3 như sau:

Từ **bālalakkhaṇāni** tức tướng trạng của người ngu (**bālalakkhaṇa**) bởi vì là dấu hiệu làm cho tất cả mọi người nhận định biết được rằng người này là người ngu. Chính tướng trạng đó làm nhân cho hiểu biết được là người ngu, cho nên mới gọi là dấu hiệu của người ngu. Từ **bālāpadānāni** tức hành vi của người ngu. Từ **duccintitacintī** nghĩa là người ngu khi suy nghĩ thường chỉ suy nghĩ đến vấn đề bất thiện do mãnh lực tham ác, sân ác và tà kiến. Từ **dubbhāsita bhāsī** nghĩa là ngay cả khi sẽ nói cũng thường chỉ nói lời bất thiện theo phân loại là nói dối... Từ **dukkata kammakārī** nghĩa là ngay cả khi hành động cũng chỉ là hành động điều bất thiện do mãnh lực của sát sanh... Từ có ví dụ như **paṇḍitalakkhaṇāni** nên hiểu theo tương tự về tướng trạng như đã đề cập.

Còn tất cả từ như từ **sucintitacintī**... Trong bài kinh này nên kết hợp do mãnh lực của tất cả thiện hạnh như ý thiện hạnh (**manosucarita**)...

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Tư Duy Thứ 3



Chánh Kinh Bài Kinh Lầm Lỗi

4.- Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người ngu được biết đến. Thế nào là ba? Phạm tội, không thấy là có phạm tội; phạm tội sau khi thấy là có phạm tội, không như pháp sám hối; được người khác phát lộ có tội, không như pháp chấp nhận. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người ngu được biết đến.

Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người hiền trí được biết đến. Thế nào là ba? Phạm tội, thấy là có phạm tội; phạm tội sau khi thấy là có phạm tội, như pháp sám hối; được người khác phát lộ có tội, như pháp chấp nhận. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người hiền trí được biết đến.

Sớ Giải Bài Kinh Lầm Lỗi

(*Atthakathāaccayasutta*)

Nên hiểu luận giải trong bài kinh lầm lỗi (*accaya*) thứ 4 như sau:

Nhóm từ **Accayaṃ accayato na passati** nghĩa là người ngu thường không thấy lỗi của mình là sai quấy. Nhóm từ **Accayato disvā yathādhammaṃ na paṭikaroti** nghĩa là người ngu mặc dù hiểu rằng mình làm sai cũng không chịu chấp nhận hành theo pháp tức chấp nhận hành phạt (**daṇḍakamma**) cũng không chịu sám hối tức không chịu xưng tội với người khác. Nhóm từ **Accayaṃ desentassa yathādhammaṃ na paṭiggaṇhāti** nghĩa là khi người khác

hiểu rằng mình làm sai thì nhận hành phạt rồi xin sám hối còn người ngu cũng sẽ không chịu nêu lên tội (để sám hối).

Pháp thuộc về phần trắng (của bậc hiền trí) nên hiểu theo lý đối lập lại với việc đã đề cập.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Làm Lỗi Thứ 4



Chánh Kinh Bài Kinh Không Khéo Tác Ý

5.-Thành tựu với ba pháp, này các Tỷ-kheo, người ngụ được biết đến. Thế nào là ba? Không như lý suy tư, đặt câu hỏi; không như lý suy tư, trả lời câu hỏi; khi người khác như lý trả lời câu hỏi với những câu, những chữ vuông tròn, với những hành văn trơn tru chải chuốt, không có chấp nhận. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người ngụ được biết đến.

Thành tựu với ba pháp, này các Tỷ-kheo, người hiền trí được biết đến. Thế nào là ba? Như lý suy tư, đặt câu hỏi; như lý suy tư, trả lời câu hỏi; khi người khác như lý trả lời câu hỏi với những câu, những chữ vuông tròn, với những hành văn trơn tru chải chuốt, liền chấp nhận. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người hiền trí được biết đến.

Sớ Giải Bài Kinh Không Khéo Tác Ý

(Atthakathāyonisosutta)

Nên hiểu luận giải trong kinh không khéo tác ý thứ 5 như sau:

Nhóm từ **Ayoniso pañham kattā hoti** nghĩa là người ngụ (không trả lời đúng theo câu hỏi) bởi vì suy nghĩ không đúng phương pháp giống như trưởng lão **Loḷudāyī** khi bị hỏi rằng: “Này **Udāyī**, nền tảng của tùy niệm (**anusati**) có bao nhiêu?”. Thì suy nghĩ rằng uẩn từng nương vào trong kiếp trước sẽ là nền tảng của tùy niệm, làm điều không phải là câu hỏi cho trở thành câu hỏi,

Nhóm từ **Ayoniso pañham visajjetā hoti** nghĩa là người ngu cho dù trước khi trả lời câu hỏi thì suy nghĩ giống như vậy, cũng trả lời không khôn khéo giống như trưởng lão **Loḷudāyī**, theo lý chẳng hạn như: “Bạch Đức Thế Tôn, tỳ kheo trong Pháp Luật nào thường ghi nhớ đến uẩn nương vào trong kiếp sống trước được vô số như một kiếp sống cũng có, nghĩa là nói điều không phải là câu hỏi cho trở thành câu hỏi.

Trong nhóm từ **Parimaṇḍalehi padabyañjanehi** này nên hiểu theo luận giải như sau:

Từ gọi là từ phụ âm (**byañjana**) bởi vì làm cho ý nghĩa rõ ràng. Từ phụ âm làm cho âm tiết (1 vần-**akkhara**) được đầy đủ không làm cho mất đi ý nghĩa của 10 loại phụ âm gọi là ăn khớp (**parimaṇḍāla**). Bởi vì phụ âm chỉ bấy nhiêu đó.

Từ **Siliṭṭhehi** gọi là bay bướm bởi vì có từ trau chuốt.

Từ **Upagatehi** tức dẫn đến quả và nhân.

Từ **Nābbhanumoditā** nghĩa là người ngu thường không tùy hỷ tức không vui thích câu hỏi mà người khác trả lời khôn khéo như trả lời làm cho đầy đủ bằng mọi trường hợp. Giống như trưởng lão **Loḷudāyī** không tùy hỷ (**anumodanā**) của ngài **Sāriputta**. Như vị ấy nói rằng: “Này hiền giả **Sāriputta**, không có sự kiện này, không phải là điều kiện (**okāsa**) mà bậc Bất Lai vượt qua là bằng hữu của nhóm chư thiên có đoàn thực làm vật thực, hình thành một nhóm nào chư thiên do ý sanh (**devatāmanomaya**) rồi nhập thiền diệt cũng được (**saññāvedayitanirodhaka**), sẽ xuất khỏi thiền diệt cũng được, nguyên nhân (**thāna**) này không có.

Trong nhóm từ **Yoniso pañham kattā...** nên hiểu luận giải như sau:

Bậc hiền trí hỏi câu hỏi bằng cách khôn ngoan thường trả lời câu hỏi bằng cách khéo léo giống như trưởng lão **Ānanda**.

Thật vậy, trưởng lão được Bậc Đạo Sư hỏi rằng: “Này **Ānanda**, nền tảng của tùy niệm (**anusati**) có bao nhiêu?” thì suy nghĩ bằng cách khôn ngoan trước rằng: “Đây là câu hỏi trước khi trả lời bằng cách khéo léo nên bạch hỏi rằng: “Bạch Đức Thế Tôn, tỳ kheo trong giáo pháp này tịnh chỉ khỏi các dục... rồi nhập vào tứ thiền, bạch Đức Thế Tôn nền tảng tùy niệm tu tiến như vậy, làm cho sung mãn như vậy thường đưa đến hiện tại lạc trú.

Từ **Abbhānumoditā hoti** nghĩa là bậc hiền trí thường tùy hỷ bằng cách khôn khéo giống như Đức Như Lai tùy hỷ (**anumodana**).

Thật vậy, Đức Như Lai khi trưởng giả **Ānanda** đã trả lời câu hỏi thì phán dạy như: “Lành thay, lành thay **Ānanda** con hãy ghi nhớ nền tảng của 6 tùy niệm (**anusati**) này, tỳ kheo trong Pháp Luật này có niệm khi bước tới trước, có niệm khi quay lại.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Không Khéo Tác Ý



Chánh Kinh Bài Kinh Nhổ Gốc Lên

9.-Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người ngu vụng về, không phải bậc chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị kể trí quả trách và tạo nên nhiều điều vô phước. Thế nào là ba? Thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác (như trên) ...

Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người hiền trí không vụng về, là bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị kể trí quả trách và tạo nên nhiều phước đức ... (như trên) ...

Sớ Giải Bài Kinh Nhổ Gốc Lên

(Atthakathākhatasutta)

Nên hiểu luận giải trong bài kinh thứ 9 như sau:

Pháp thuộc về trắng trong phần đầu xác định bằng thập thiện nghiệp (**kusalakammapatha**), trong phần cao đạt được cho đến A La Hán Đạo.

Trong nhóm từ **Bahuñca paññam pasavati** này Đức Thế Tôn thuyết đến phước lẫn lộn nhau cả hiệp thế lẫn siêu thế.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Nhổ Gốc Lên Thứ 9



Chánh Kinh Bài Kinh Cấu Uế

10.- Do thành tựu ba pháp, này các Tỷ-kheo, do không đoạn tận ba cấu uế, tương xứng như vậy, bị quăng vào địa ngục. Thế nào là ba? Ác giới và cấu uế của ác giới không được đoạn tận; tật đố và cấu uế của tật đố không được đoạn tận; xan tham và cấu uế của xan tham không được đoạn tận. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, do không đoạn tận ba cấu uế này, như vậy bị quăng vào địa ngục tương xứng.

Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, tương xứng như vậy được sinh lên cõi Trời. Thế nào là ba? Có giữ giới và cấu uế của các giới được đoạn tận; không có tật đố và cấu uế của tật đố được đoạn tận; không có xan tham và cấu uế của xan tham được đoạn tận. Thành tựu với ba pháp này, đoạn tận ba cấu uế này, tương xứng như vậy được sanh lên cõi Trời.

Sớ Giải Bài Kinh Cấu Uế (Atthakathāmalasutta)

Nên hiểu trong bài kinh cấu uế thứ 10 như sau:

Tánh chất của người ác giới gọi là **dussīlaya** (phá giới), chính pháp giới này là cấu uế nên mới gọi là **dussīlayamala** (phá giới cấu uế).

Ý Nghĩa Của Cấu Uế

Vấn: Gọi là cấu uế do ý nghĩa như thế nào:

Đáp: Do ý nghĩa:

- 1- Đốt cháy.
- 2- Có mùi hôi thối.
- 3- Làm cho sầu muộn.

Giải thích: Cấu uế luôn đốt cháy chúng sanh trong tất cả khổ cảnh như địa ngục cho nên mới gọi là cấu uế do ý nghĩa đốt cháy.

Người dơ bẩn do cấu uế là nơi đáng ghê tởm cả trong nơi cư ngụ của cha, mẹ lẫn bên trong chư tỳ kheo Tăng, trong nơi cây đại thọ Bồ Đề và nơi bảo tháp, mùi sanh lên từ việc bất thiện của họ luôn lan tỏa đi khắp mọi phương rằng người đó tạo ác nghiệp đến ngàn ấy cho nên mới gọi là cấu uế do ý nghĩa có mùi hôi thối.

Người dơ bẩn do cấu uế thường nhận sự nóng nảy trong mọi nơi đi đến và thân nghiệp của họ cũng không trong sáng, không thanh khiết nên gọi là cấu uế do ý nghĩa làm cho sầu muộn.

Một lý khác nữa, cấu uế thường làm cho thiên sản, nhân sản và Niết-bàn sản héo hon. Vì vậy nên hiểu là cấu uế do ý nghĩa làm cho héo hon.

Ngay cả trong cấu uế ganh tỵ và cấu uế bôn xén cũng có ý nghĩa giống như vậy.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Cấu Uế Thứ 1

Kết Thúc Diễn Giảng Phẩm Người Ngu Thứ 10



II. Phẩm Người Đóng Xe

Chánh Kinh Bài Kinh Quyển Thuộc

11. Ba Pháp

- Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo có danh tiếng, sống đem lại bất hạnh cho đa số, không an lạc cho đa số, không lợi ích cho đa số, đem lại bất hạnh, đau khổ cho chư Thiên và loài người. Thế nào là ba? Khuyến khích các thân nghiệp không tùy thuận; khuyến khích các ngữ nghiệp không tùy thuận, khuyến khích các pháp không tùy thuận. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo có danh tiếng sống ... cho chư Thiên và loài người.

- Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo có danh tiếng, sống đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, đem lại hạnh phúc an lạc cho chư Thiên và loài người. Thế nào là ba? Khuyến khích các thân nghiệp tùy thuận; khuyến khích các ngữ nghiệp tùy thuận; khuyến khích các pháp tùy thuận. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo có danh tiếng sống đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, đem lại hạnh phúc, an lạc cho chư Thiên và loài người.

Diễn Giảng Phẩm Người Thợ Đóng Xe Thứ 2 (Rathakāravaggavaṇṇanā)

Sớ Giải Bài Kinh Quyển Thuộc (Ñātakasutta)

Nên hiểu luận giải trong bài kinh quyển thuộc của phẩm người thợ đóng xe thứ 11 như sau:

Thân Nghiệp-Ngữ Nghiệp-Ý Nghiệp

Từ **Ñātako** tức tỳ kheo có danh tiếng mà đại chúng biết khắp, hiển lộ.

Từ **Ananulomike** nghĩa là thân nghiệp không thuận (**ananulomika**) do ý nghĩa không xứng đáng với giáo pháp về thân nghiệp không xứng đáng. Từ **Kāyakamme** tức về thân ác hạnh như sát sanh...

Một lý khác nữa: thân ác hạnh (**kāyaducarita**) thô thiển từ tỳ kheo có thể dẫn dắt cho chấp hành về thân ác hạnh này... tức dẫn dắt cho chấp hành chấp giữ về nghiệp chỉ ngăn đó rằng: “việc tôn thờ thích hợp tất cả mọi phương hướng, việc cúng tế cho đúng mới thích hợp.” ngay cả ngữ nghiệp như nói dối thô thiển... từ tỳ kheo ấy sẽ dẫn dắt cho chấp hành về ngữ nghiệp chỉ chừng đó rằng gọi là việc nói dối đối với người khờ dại, không có bởi vì mình, không có ý định đối với người khác cũng nói được. Ngay cả về ý nghiệp thô thiển như tham ác...

Tỳ tỳ kheo chỉ dạy nghiệp xứ sai lệch cũng không gọi là dẫn dắt cho thích hợp chấp hành về ý nghiệp giống như trưởng lão dân xứ **Dakkhiṇavihāra**.

Trưởng Lão Người Dân Xứ Dakkhiṇavihāra

Tương truyền rằng con trai của một nàng lãnh chúa đi đến tìm vị trưởng lão hỏi rằng “*Người trước khi tu tiến tâm từ nên tu tiến tâm từ với người nào trước?*”. Trưởng lão không chịu chỉ dạy đến người thích hợp (**sabhāga**) và không thích hợp (**visabhāga**) với nhau mà trở lại chỉ dạy với người thương yêu nhất. Con trai của nàng lãnh chúa đó có vợ là người thương yêu (nhất). Anh ta mới rải tâm từ đến nàng thì phát khởi điên dại.

Vấn: Tỳ kheo chỉ dạy nghiệp xứ này là người thực hành không đem lại lợi ích cho phần nhiều người như thế nào?

Đáp: Bởi vì tùy chúng của vị tỳ kheo đồng trú chỉ bấy nhiêu đó và có sự hộ độ... gồm cả chư thiên ngoài ra là bạn của nhóm chư thiên đó, khởi đầu kể từ chư thiên bảo hộ (**ārakkhadevatā**) của nhóm tùy chúng đó cho đến phạm thiên giới ai cũng cùng nhau thực hành theo vị tỳ kheo đó do nghĩ rằng vị tỳ kheo này không hiểu biết sẽ không thực hành. Tỳ kheo này gọi là người thực hành không phải đem đến lợi ích cho phần nhiều người.

Về pháp thuộc về phần trắng nên hiểu thân nghiệp và ngữ nghiệp do năng lực của tất cả Tư (**cetanā**) như Tư tạo điều kiện tránh xa sát sanh... Về phần vị tỳ kheo chỉ dạy nghiệp xứ không cho sai lệch gọi là chấp hành duy trì trong pháp thích hợp giống như trưởng lão **Tissa** dân xứ **Kolitavihāra** thông suốt 4 bộ **nikāya**.

Trưởng Lão Tissa

Trương truyền rằng, trưởng lão **Dattābhaya** là anh trai lớn của trưởng lão **Tissa** ngụ trong tịnh xá **Cetiya** khi một loại bệnh khởi sanh, mới cho gọi đến bảo rằng: “Sư đệ chỉ bảo hộ trợ chỉ chừng một nghiệp xứ để giảm bớt (con bệnh) cho tôi”.

Vị sư đệ thưa rằng: “Bạch sư huynh, lợi ích gì với đề mục nghiệp xứ khác, sư huynh nên ghi nhận về đoàn thực (**kavaḷiṅkārahāra**) vị sư huynh hỏi rằng: “Này sư đệ đoàn thực này có lợi ích như thế nào?”, vị sư đệ đáp rằng: “Bạch sư huynh, đoàn thực này là sắc y sinh (**upādāyarūpa**) và khi đã thấy được một loại sắc y sinh thì 23 loại sắc y sinh cũng hiện bày rõ ràng”.

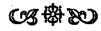
Vị sư huynh nghe được như vậy thì đáp rằng: “Này sư đệ, chừng này cũng có lẽ đủ thích hợp” rồi tiễn đưa vị sư đệ ra về, ghi nhận đoàn thực rồi ghi nhận sắc y sinh lập đi lập lại thì chúng đắc A La Hán. Ngay lúc đó, vị sư huynh gọi vị sư đệ đó khi chưa kịp đi ra khỏi tịnh xá đến bảo rằng: “Này sư đệ, sư là nơi nương tựa vĩ đại của tôi”, rồi thuật lại ân đức mà mình đã thành tựu với vị sư đệ.

Từ **Bahuyanahitāya** nghĩa là tùy chúng của tỳ kheo này có đồng trú... mọi người cùng nhau thực hành theo điều mà tỳ kheo đó đã thực hành bởi suy nghĩ rằng: “Vị tỳ kheo này không hiểu biết thì sẽ không hành”, hộ độ...

Cũng giống như tất cả chư thiên, như chư thiên bảo hộ của nhóm tùy chúng đó, chư thiên địa cầu là bạn của nhóm chư thiên bảo hộ đó và chư thiên hư không là bạn của nhóm chư thiên địa cầu, cả đến chư thiên sanh vào trong phạm thiên giới

cũng thực hành theo điều mà tỳ kheo đó hành giống nhau, tỳ kheo gọi là người thực hành để hỗ trợ cho phần nhiều người.

Kết Thúc Sớ Giải Kinh Quyển Thuộc Thứ 11



Chánh Kinh Bài Kinh Cần Phải Ghi Nhớ

- Ba Chỗ

- Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh cần phải trọn đời ghi nhớ. Thế nào là ba?

Tại chỗ nào, này các Tỷ-kheo, một vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh được sanh ra; đây là pháp thứ nhất, này các Tỷ-kheo, một vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh cần phải trọn đời ghi nhớ.

Lại nữa, tại chỗ nào, này các Tỷ-kheo, một vua Sát-đế-ly được làm lễ quán đánh, đây là pháp thứ hai, này các Tỷ-kheo, một vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh cần phải trọn đời ghi nhớ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, tại chỗ nào, một vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh sau khi chiến thắng một trận, tại chỗ vị ấy chiếm như là cầm đầu trong cuộc chiến thắng; đây là pháp thứ ba, này các Tỷ-kheo, một vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh cần phải trọn đời ghi nhớ.

Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh cần phải trọn đời ghi nhớ.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có ba pháp này, một Tỷ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ. Thế nào là ba?

Tại chỗ nào, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa; xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; đây là pháp thứ nhất, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, tại chỗ nào, Tỷ-kheo như thật biết rõ: "Đây là khổ", như thật rõ biết: "Đây là khổ tập", như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt", như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt"; đây là pháp thứ hai, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, tại chỗ nào, một Tỷ-kheo, sau khi đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát; đây là pháp thứ ba, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ.

Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ.

Sớ Giải Bài Kinh Cần Phải Ghi Nhớ (Atthakathāsaraṇīyasutta)

Nên hiểu luận giải trong Kinh cần phải ghi nhớ thứ 12 như sau:

3 Trường Hợp Cần Phải Ghi Nhớ

Từ **khattiyassa** tức sát đế ly sanh ra. Từ **mudhābhisitassa** tức người được làm lễ quán đánh bằng sự đăng quang trở thành vua. Từ **saraṇīyāni honti** nghĩa là không nên quên. Từ **jato** tức sanh ra. Từ **yāvajivam saraṇīyam** nghĩa là trong lúc còn niên thiếu đại sát đế ly không thể hiểu được bất cứ việc gì liên quan đến ngài được nhưng vào thời gian (tiếp theo) sau đó ngài nghe được vấn đề mà dòng dõi quyến thuộc như phụ mẫu... hoặc người thân tín tâu rằng ngài sanh ra trong

thôn xóm kia, trong kinh thành nọ, trong ngày nọ, trong vì sao kia kể từ ngày đó trở đi (vấn đề mà dòng dõi quyền thuộc thuật lại cho nghe) là vấn đề mà ngài sẽ phải ghi nhớ tức chắc chắn không quên suốt đời.

Thật vậy, đức vua **Pakitananda** không có công việc phải làm cho đời sống và địa vị... Tuy nhiên Đức Thế Tôn ngài đem duyên sự này để thuyết về 3 hạng người so sánh đến đức vua, vì vậy Đức Thế Tôn trước khi thuyết về nhóm người đó mới thuyết rằng **Evameva kho bhikkhave...**

Tất cả cụm từ đó thì cụm từ **Anagāriyaṃ pabbajito hoti** này nên hiểu rằng Tứ Thanh Tịnh Giới (**Catuparisuddhisīla**) nương vào để xuất gia. Từ **Saraṇiyaṃ hoti** nghĩa là (nơi chốn mà tỳ kheo đã cạo bỏ tóc và râu, đắp y cà sa xuất gia trở thành tu sĩ không nhà) là nơi chốn mà tỳ kheo cần phải ghi nhớ tức hoàn toàn suốt đời không quên rằng ta xuất gia rồi ở nơi gốc cây kia, tại nơi kinh thành kia, trong **sīmā** thọ cụ túc giới nọ, trong tịnh xá kia, tại thôn xóm nọ, trong quốc độ kia.

Từ **idaṃ dukkhaṃ** nghĩa là khổ chỉ ngần này không có khổ ngoài ra đây. Từ **Ayaṃ dukkhasamudayo** nghĩa là nhân sanh khổ chỉ có bấy nhiêu đó, không có nhân sanh khổ ngoài ra đây. Trong 2 từ còn lại cũng có lý giống như vậy.

Đức Thế Tôn thuyết Dự Lưu Đạo bằng Tứ Đế trong bài kinh này như đã diễn giảng. Còn việc chú niệm đề mục hoàn tịnh (**kaṣiṇaparikamma**) và tuệ quán (**vipassanāñāṇa**) dựa vào Đạo cả.

Từ **Saraṇiyaṃ hoti** nghĩa là (nơi chốn mà tỳ kheo chứng đắc Dự Lưu) là nơi chốn mà tỳ kheo cần phải ghi nhớ tức suốt

đòi không quên lãng rằng: “Ta chứng đắc Dự Lưu nơi cội cây kia... tại quốc độ nọ. Từ **Asovānaṃ khaya** nghĩa là do chấm dứt tất cả lậu hoặc. Từ **Anāsavaṃ cetovimuttiṃ** tức Quả tuệ. Cụm từ **Sayaṃ abhiññā sacchikatvā** nghĩa là tự mình làm cho hiển lộ bằng tuệ đặc thù. Từ **Upasampajja viharati** tức trú vào. Từ **Saraṇīyaṃ** nghĩa là thường nhiên nơi chốn mà mình chứng đắc A La Hán là nơi chốn mà tỳ kheo cần phải ghi nhớ suốt đời không quên lãng Ta thành tựu trở thành bậc A La Hán nơi cội cây kia... tại quốc độ nọ.

Đức Thế Tôn Ngài kết thúc tóm tắt pháp thuyết như vậy.

Kết Thúc Sơ Giải Bài Kinh Cần Phải Ghi Nhớ Thứ 12



Cầm bừa đối lấy ca sa
Tóc xanh xin đoạn, phù hoa xá gì
BÊN ĐÔNG ANOMA, THAI TỬ CẮT TÓC ĐÁP CA SA TRỞ THÀNH MỘT SA MÓN.

Chánh Kinh Bài Kinh Tỳ Kheo

13.- Ba Hạng Người

- Có ba hạng người này, này các Tỳ-kheo, xuất hiện, có mặt ở đời. Thế nào là ba? Không hy vọng, có hy vọng, ly hy vọng.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là người không hy vọng? Ở đây, này các Tỳ-kheo, có người được sanh trong một gia đình thấp kém, gia đình một người đồ phân, hay gia đình một người thợ săn hay gia đình một người đan tre, hay gia đình người đóng xe, hay gia đình người quét rác, hay trong gia đình một người nghèo khổ, khó tìm được đồ ăn uống để sống, khó tìm cho được đồ ăn đồ mặc... Và người ấy xấu xí, khó ngó, lùn, thấp, nhiều bệnh hoạn, đui một mắt, còm, què, hay đi khắp khểnh, không có được đồ ăn, đồ uống đồ mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, chỗ nằm, chỗ ở hay đèn. Người ấy nghe nói như sau: "Vị Sát-đế-ly tên như vậy đã được các Sát-đế-ly làm lễ quán đảnh theo lễ quán đảnh của các Sát-đế-ly". Người ấy không nghĩ như sau: "Không biết khi nào các Sát-đế-ly mới làm lễ quán đảnh cho ta theo lễ quán đảnh của Sát-đế-ly?". Người như vậy, này các Tỳ-kheo, được gọi là người không hy vọng.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là người có hy vọng? Ở đây, này các Tỳ-kheo, trưởng nam của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, xứng đáng để được làm lễ quán đảnh, nhưng chưa làm lễ quán đảnh và đạt đến địa vị bất động (đã đến tuổi thành niên). Người ấy nghe nói như sau: "Vị Sát-đế-ly tên như vậy đã được các Sát-đế-ly làm lễ quán đảnh theo lễ quán đảnh của các Sát-đế-ly". Người ấy suy nghĩ như sau: "Không biết khi nào các Sát-đế-ly mới làm lễ quán đảnh cho ta theo lễ quán đảnh của Sát-đế-ly?". Người như vậy, này các Tỳ-kheo, được gọi là người có hy vọng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người ly hy vọng? Ở đây này các Tỷ-kheo, vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh. Vị ấy nghe nói như sau: "Vị Sát-đế-ly tên như vậy đã được các Sát-đế-ly làm lễ quán đảnh theo lễ quán đảnh của các Sát-đế-ly". Người ấy không nghĩ như sau: "Không biết khi nào các Sát-đế-ly mới làm lễ quán đảnh cho ta theo lễ quán đảnh của Sát-đế-ly? Vì có sao? Sự hy vọng được làm lễ quán đảnh trước khi chưa làm lễ quán đảnh, hy vọng ấy được hoàn toàn chấm dứt. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là người đã ly hy vọng.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, xuất hiện, có mặt ở đời. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có ba hạng người xuất hiện, có mặt giữa các Tỷ-kheo. Thế nào là ba? Không hy vọng, có hy vọng, ly hy vọng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người không hy vọng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người ác giới, tánh tình độc ác, sở hành bất tịnh, có những hành vi che đậy, không phải là Sa-môn, nhưng hiện tướng là Sa-môn, không sống Phạm hạnh, nhưng hiện tướng có Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục, tánh tình bất tịnh. Người này nghe: "Tỷ-kheo có tên như vậy, do đoạn tận các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát". Người ấy không suy nghĩ như sau: "Đến khi nào, do đoạn tận các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, ta sẽ chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát?" Người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là người không hy vọng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người có hy vọng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo giữ tánh tình hiền thiện. Vị ấy

nghe: "Tỷ-kheo có tên như vậy, đã đoạn tận các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát". Người ấy suy nghĩ như sau: "Đến khi nào, do đoạn tận các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, ta sẽ chứng đạt, chứng ngộ và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát?" Người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là người có hy vọng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người ly hy vọng? Ở đây này các Tỷ-kheo, một vị A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc. Vị này nghe: "Tỷ-kheo có tên như vậy ... tuệ giải thoát". Vị ấy không suy nghĩ như sau: "Đến khi nào, do đoạn tận ... tuệ giải thoát?" Vì có sao? Hy vọng được giải thoát trước khi chưa giải thoát, này các Tỷ-kheo, hy vọng ấy đã được hoàn toàn chấm dứt. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, là người ly hy vọng.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, xuất hiện, có mặt giữa các vị Tỷ-kheo.

Sớ Giải Bài Kinh Tỳ Kheo

(Atthakathābhikkhunosutta)

Nên hiểu luận giải bài kinh tỳ kheo thứ 13 như sau:

Từ **Santo** dịch là đang có tức còn tìm được. Từ **Samvijjamānā** là đồng nghĩa của từ **santo**. Từ **lokasmim** tức trong thế gian chúng sanh. Từ **Nirāso** tức người không có sự hy vọng, nghĩa là không có sự ước muốn.

Giải Thích Từ Hy Vọng (asamso) Không Hy Vọng (vigatāso)

Từ **Asaṃso** tức người vẫn còn hy vọng tức vẫn còn ước muốn được. Từ **Vigatāso** tức người hết hy vọng. Từ **Caṇḍālakule** tức trong dòng giống của tất cả người Chiên Đà La. Từ **Veṇakule** tức trong dòng giống thợ đan rổ. Từ **Nesādakule** tức trong dòng giống của người thợ săn như thợ săn thú... Từ **Rathakārakule** tức trong dòng giống của thợ đóng xe. Từ **Pukkusakule** tức trong dòng giống của người hốt rác.

Khi Ngài thuyết về sự bất hạnh (**vipatti**) của dòng giống bằng chỉ bấy nhiêu nguyên nhân ấy. Hiện nay bởi vì có người mặc dù trong dòng giống thấp hèn cũng vẫn giàu có như có nhiều tài sản nhưng người ấy không có hy vọng chẳng được như thế ấy, cho nên Ngài thuyết đến sự bất hạnh về tài sản của họ, mới thuyết rằng **Dalidde**...

Tất cả nhóm từ đó thì từ **Dalidde** tức người hình thành từ sự nghèo đói. Từ **appannapānabhojane** tức dòng giống có cơm nước và thức ăn ít oi. Từ **Kasiravuttike** tức dòng giống có sự nuôi sống vất vả.

Giải thích: Tất cả người trong dòng giống dùng sự nỗ lực kiên trì vô cùng để hoàn thiện việc nuôi mạng. Cụm từ **Yattha kasirena ghāsacchādo sabbhati** nghĩa là người trong dòng giống nào đi làm để kiếm sống được thực phẩm như cháo và thức ăn và y phục vừa đủ để che thân đáng hổ thẹn bằng cách khó nhọc.

Hiện nay, bởi vì có người mặc dù sanh trong dòng giống thấp hèn có sanh y cụ tức (**upadhisamāpatti**) tức bảo tồn trong trạng thái có thân thể kiện toàn nhưng người này chẳng được

như thế, vì vậy Ngài thuyết đến sự khiếm khuyết về thân thể của họ, Đức Thế Tôn mới thuyết rằng **So ca hoti dubbanno...**

Tất cả nhóm từ đó thì từ **Dubbanno** nghĩa là có màu da như gốc cây bị đốt cháy giống như con quỷ lộ lem.

Từ **Dubbasiko** tức không là nơi đẹp mắt cho dù của mẹ thân sinh.

Từ **Okoṭimako** tức người lùn. Từ **Kāṇo** tức người mù một bên mắt, người mù cả 2 mắt. Từ **Kuṇi** tức người liệt một bên tay, liệt cả 2 tay. Từ **Khañjo** tức người khập khểnh một bên chân, người khập khểnh cả 2 bên. Từ **Pakkhahato** người bại liệt (toàn thân).

Từ **Padipeyyassa** tức dụng cụ thấp sáng như dầu và mảnh sứ...

Cụm từ **Tassa na evaṃ hoti** nghĩa là người ấy thường không có suy nghĩ như vậy...

Vấn: Vì sao không có suy nghĩ?

Đáp: Bởi vì họ sanh vào trong dòng giống thấp kém.

Từ **Jetṭho** nghĩa là khi vị thái tử nữa là vị lớn vẫn còn thì vị hoàng tử nhỏ không có hy vọng, vì vậy Đức Thế Tôn thuyết rằng **Abhiso** này. Từ **Anabhisitto** nghĩa là cho dù thái tử phải đăng quang ngoài trừ dị tật như mắt mù lòa và tay teo cơ... Nếu như nhận được sự đăng quang một lần thì không phải hy vọng trong việc đăng quang nữa, cho nên Đức Thế Tôn mới thuyết rằng **Anabhisitto** này. Từ **Macalappato** nghĩa là về phần thái tử lớn vẫn còn là trẻ thơ còn ẵm bồng không nhận được sự đăng quang, thái tử đó cho dù không hy vọng trong việc đăng quang

nhưng sau đó ngài trưởng thành được 16 tuổi bắt đầu có râu hiện rõ gọi là đạt đến tuổi chín chắn (**nitibhāva**) có thể điều hành chính sự được, vì vậy Đức Thế Tôn mới thuyết rằng **Macalappatto** này. Cụm từ **Tassa evaṃ hoti** như sau.

Vấn: Vì sao Thái Tử có suy nghĩ như vậy?

Đáp: Bởi vì ngài có sanh chủng thượng lưu.

Từ **Dussilo** tức người không có giới. Từ **Pāpadhammo** tức người có pháp đê tiện. Từ **Asuci** tức người tạo tất cả nghiệp như thân nghiệp... bẩn thỉu. Từ **Saṅkassarasamācāro** nghĩa là người có hành vi mà người khác nhớ đến bằng sự ghê tởm tức có hành vi bắt nguồn từ sự ghê tởm của người khác rằng người này có lẽ sẽ tạo ác nghiệp này bởi vì họ nhìn thấy một số ác nghiệp tội tệ.

Một lý khác nữa: có hành vi mà chính mình nhớ đến bằng sự ngờ vực gọi là **saṅkassarasamācāro**.

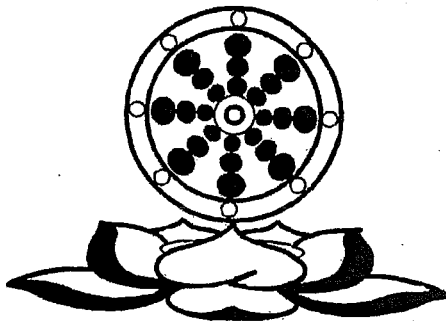
Thật vậy, tỳ kheo đó nhìn thấy các tỳ kheo hội họp bàn tán với nhau đến một vài vấn đề trong tất cả nơi tạm trú ban ngày... thì có suy nghĩ như sau: “Nhóm tỳ kheo này tụ họp bàn tán với nhau. Bọn họ biết được hành vi mà ta đã tạo nên bàn tán với nhau hay chăng? Vị ấy gọi là có hành vi mà tự mình nhớ đến bằng sự ngờ vực. Từ **Paṭicchannakammanto** nghĩa là người tạo ác nghiệp phải che đậy. Từ **Assamaṇo samaṇapatiñño** nghĩa là người không phải sa môn nhưng trở lại tuyên bố rằng Ta là sa môn bởi vì họ là sa môn giả.

Từ **Abrahmacarī brahmacarīpatiñño** nghĩa là người không sống phạm hạnh nhưng thấy người khác sống phạm hạnh y phục tề chỉnh lâm y màu hoại sắc đi khát thực nuôi mạng

trong làng mạc, thành thị, kinh đô cũng làm giống theo rồi tuyên bố rằng ta sống phạm hạnh bởi vì tự mình thực hành theo tánh chất như vậy. Nhưng khi được nói đến ta tỳ kheo rồi vào phòng bố tát... thì tuyên bố rằng ta sống phạm hạnh hoàn toàn thật. Khi nhận lợi lộc của Chư Tăng tương tự như nhau thì cũng tuyên bố là sống phạm hạnh.

Từ **Antaputi** nghĩa là bên trong chất chứa nghiệp thối nát. Từ **Avassuto** nghĩa là người đắm ướt tất cả phiền não như ái dục... thường xuyên ngự trị. Cụm từ **Tassa na evaṃ hoti** nghĩa là người ấy không có suy nghĩ như vậy, vì sao? Bởi vì họ không có đủ căn duyên (**upanissaya**) với pháp siêu thế. Cụm từ **Tassa evaṃ hoti** nghĩa là vì sao họ có suy nghĩ như vậy? Bởi vì họ là người thường thực hành làm cho viên mãn trong đại giới (**mahāsīla**).

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Tỳ Kheo Thứ 13



Chánh Kinh Bài Kinh Chuyển Luân Vương

14. - Pháp

- Phạm vua Chuyển Luân nào, đúng pháp, pháp vương, vị ấy cũng chuyển bánh xe (cai trị), không phải không có vua.

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, ai là vua cho vua Chuyển Luân đúng pháp, pháp vương?

- Đó là pháp, này Tỷ-kheo.

Thế Tôn nói:

- Ở đây, này Tỷ-kheo, vị Chuyển Luân, đúng pháp, pháp vương, y cứ pháp, cung kính pháp, kính trọng pháp, tôn kính pháp, lấy pháp làm tràng phan, lấy pháp làm cờ xí, lấy pháp làm tối thắng, ra lệnh hộ trì, che chở, ủng hộ đúng pháp đối với quần chúng.

Lại nữa, này Tỷ-kheo, vua Chuyển Luân, đúng pháp, pháp vương ... ra lệnh hộ trì, che chở, ủng hộ đúng pháp đối với các Sát-đế-ly, đối với các tùy tùng, đối với quân đội, đối với các Bà-la-môn và gia chủ, đối với các thị trấn và quốc độ, đối với các Sa-môn, Bà-la-môn, đối với các loài thú và các loài chim.

Vua Chuyển Luân ấy, này các Tỷ-kheo, đúng pháp ... sau khi ra lệnh hộ trì, che chở ... đối với các loài thú và các loài chim, chuyển bánh xe đúng pháp. Bánh xe ấy không bị ngăn cản sự chuyển vận, bởi bất cứ người nào, hay bởi loài hữu tình thù nghịch nào.

Cũng vậy, này Tỷ-kheo, Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, đúng pháp, vị Pháp Vương, y cứ pháp, cung kính pháp, kính trọng pháp, tôn kính pháp, lấy pháp làm tròng phan, lấy pháp làm cờ xí, lấy pháp làm tối thắng, ra lệnh hộ trì, che chở, ủng hộ đúng pháp đối với thân nghiệp, nghĩ rằng: "Thân nghiệp như vậy cần phải hành trì, thân nghiệp như vậy không được hành trì".

Lại nữa, này Tỷ-kheo, Như Lai, bậc A-la-hán ... ủng hộ đúng pháp đối với khẩu nghiệp, nghĩ rằng: "Khẩu nghiệp như vậy cần phải hành trì, Khẩu nghiệp như vậy không được hành trì, đối với ý nghiệp", nghĩ rằng "Ý nghiệp như vậy cần phải hành trì, Ý nghiệp như vậy không được hành trì".

Như Lai ấy, này Tỷ-kheo, bậc A-la-hán ... đúng pháp, sau khi ra lệnh hộ trì che chở ... đối với thân nghiệp ... đối với khẩu nghiệp ... đối với ý nghiệp ... chuyển bánh xe đúng pháp. Bánh xe ấy không bị ngăn chặn sự chuyển vận, bởi Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ác ma, Phạm thiên, hay bất cứ một ai ở đời.

Sớ Giải Bài Kinh Chuyển Luân Vương

(Atthakathācakkhavattisutta)

Nên hiểu luận giải bài kinh Chuyển Luân Vương thứ 14 như sau:

Ý Nghĩa Của Từ Đức Vua (rājā)

Gọi là **Rājā** do ý nghĩa làm cho đại chúng thương mến bằng 4 nhiếp pháp (**saṅgahavatthu**). Gọi là **Cakkavatti** do ý nghĩa làm cho xoay chuyển bánh xe. Gọi là **Dhammika** do ý nghĩa có pháp. Gọi là **Dhammarājā** do ý nghĩa làm vua bằng

chính pháp đó tức bằng 10 phận sự của Chuyển Luân Vương. Cụm từ **Sopi na arājakam** Chuyển Luân Vương cho dù không được vị vua khác bảo hộ cũng không thể bỏ mặc bánh xe (pháp) được.

Bậc Đạo Sư khởi đầu thuyết như vậy thì Ngài im lặng.

Vấn: Vì sao?

Đáp: Bởi vì Đức Phật suy nghĩ rằng tất cả tỳ kheo thiện xảo trong việc vấn hỏi (**anusandhi**) sẽ đứng dậy vấn hỏi bởi vì trong nơi đây có nhiều vị tỳ kheo tương tự như vậy, rồi sau đó Đức Như Lai được nhóm tỳ kheo đó vấn mới thuyết giảng rộng ra. Ngay lúc ấy, một vị tỳ kheo thiện xảo trong việc vấn hỏi (**anusandhi**) trước khi bạch hỏi Đức Thế Tôn mới đánh lễ bạch rằng **Ko pana bhante...** Về phần Đức Thế Tôn giải đáp cho tỳ kheo đó mới thuyết rằng **Dhammo bhikkhu...** Tất cả các từ đó thì từ **Dhammo** tức pháp là thập thiện nghiệp. Từ **Dhammam** tức pháp có tánh chất như đã đề cập. Từ **Nissāya** nghĩa là thực hành pháp đó là nơi nương tựa cho tâm là nền tảng của pháp. Từ **Dhammam sakkaronto** nghĩa là pháp mà mình tôn kính đó thực hành bằng thiện pháp bằng trường hợp nào thì thực hành theo trường hợp đó. Từ **Dhammam garukaronto** nghĩa là cung kính pháp đó bằng sự khởi lên việc cung kính trong pháp đó. Từ **Dhammam apacāyamāno** nghĩa là khiêm tốn nhu thuận bằng hành vi chơn chánh (**samīcikkamma**) như việc duy trì lễ bái... đối với pháp đó.

Từ **Dhammaddhajo dhammaketu** nghĩa là gọi là người có pháp là ngọn cờ chiến thắng và gọi là người có pháp là dấu hiệu bởi vì làm cho pháp đó đặt lên phía trước giống như chiến sĩ giơ cao lên ngọn cờ đặt lên phía trước và giơ pháp đó lên

giống như người chiến sĩ giờ thương giáo lên tiến tới. Từ **Dhammādhīpateyyo** nghĩa là gọi là người lấy pháp làm chủ bởi vì là người lấy pháp làm trưởng (**adhīpati**) và bởi vì làm tất cả hành vi (mọi phận sự của đức vua) bằng năng lực pháp đó. Trong cụm từ **Dhammikam rakkhāvaraṇaguttim samvidahati** nên hiểu giải thích về sự gìn giữ... gọi là thực hành pháp do ý nghĩa có pháp. Việc gìn giữ, bảo vệ và che chở gọi là **Rakkhāvaraṇagutti**. Tất cả việc gìn giữ, bảo vệ và che chở thì ân đức pháp như nhẩn nại... gọi là **gìn giữ** theo Phật Ngôn rằng khi người gìn giữ cho người khác gọi là gìn giữ cho mình. Trường hợp như Phật Ngôn mà Đức Phật thuyết rằng *Này các tỳ kheo, người gìn giữ cho người khác bằng phương cách như thế nào thì cũng gọi là gìn giữ cho mình, người gìn giữ cho người khác bằng nhẩn nại, bằng vô hại, bằng tâm từ (và) trở thành người có sự thương kính nên gọi là gìn giữ cho mình*. Việc bảo vệ tài sản như y phục, chăn mền và nhà cửa... gọi là **āvaraṇa**. Sự phòng hộ bảo vệ rủi ro tai họa từ trộm cướp... gọi là **gutti**.

Giải thích: Chuyển Luân Vương sắp xếp đặt để việc gìn giữ, bảo vệ và che chở đúng pháp bằng thiện pháp.

Người Sẽ Phải Xếp Đặt Gìn Giữ

Bấy giờ, trước khi Ngài thuyết về người sẽ phải xếp đặt gìn giữ bảo vệ và che chở Đức Thế Tôn mới thuyết rằng **Antojanasmim...**

Trong từ **Antojanasmim...** được tóm tắt như sau:

Chuyển Luân Vương bảo hộ thái tử, hoàng hậu mà gọi theo người nội bộ gìn giữ trong giới phòng hộ (**sīlasamvara**), đức vua ban cho vải, vật thơm và vòng hoa... đối với thái tử,

hoàng hậu lẫn bảo vệ tất cả điều rủi ro tai họa cho thái tử và hoàng hậu gọi là sắp đặt việc gìn giữ, bảo vệ và phòng hộ theo pháp. Ngay cả Sát Đế Ly... cũng có lý (ý nghĩa như sau) này. Về phần khác nhau như sau

Sát Đế Ly đã được đăng cơ thì Chuyển Luân Vương cũng phải trợ giúp ngay cả ban cho báu vật (**ratana**) như ngựa thuần chủng có tướng tốt... Sát Đế Ly ngự theo Chuyển Luân Vương cũng phải làm cho vừa lòng ngay cả phương tiện giao thông tương xứng. Quân đội hùng mạnh Chuyển Luân Vương cũng phải hỗ trợ bằng việc ban cho vật thực, phần thưởng bằng việc không cho quá giờ.

Tất cả bà la môn Chuyển Luân Vương cũng phải giúp đỡ bằng việc xả thí như cơm, nước và vải... Tất cả cư sĩ Chuyển Luân Vương cũng phải giúp đỡ bằng việc bao cho thức ăn, cây giống, cái cày và con bò có sức mạnh vượt trội... Dân chúng ở trong làng mạc gọi là **Negama**. Dân chúng ở trong thôn quê gọi là **Janapada**. Tất cả nhóm dân chúng đó cũng đều như nhau nghĩa là Chuyển Luân Vương cũng phải giúp đỡ.

Còn về sa môn, bà la môn là vị tịnh chỉ tội lỗi, đã buông bỏ tội lỗi thì Chuyển Luân Vương phải cúng dường bằng việc ban cho sa môn tùy tùng. Thú và chim Chuyển Luân Vương cũng phải phóng sanh thả đi bằng việc ban cho sự không sợ hãi (**abhaya**).

Chuyển Luân Vương Không Ai Có Thể Ngăn Cản Được

Cụm từ **Dhammeneva cakkam vatteti** nghĩa là Chuyển Luân Vương xoay chuyển bánh xe tiến hành theo pháp tức thập thiện nghiệp đạo (**kusalakammapatha**). Cụm từ **Tam hoti**

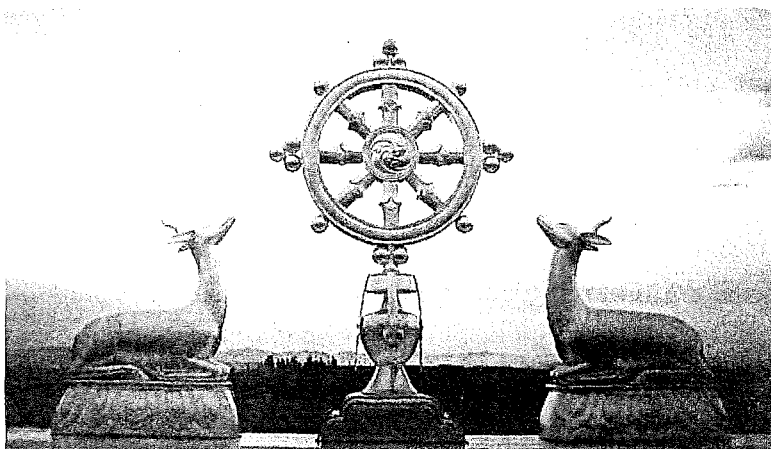
cakkam appativattiyam nghĩa là bánh xe có quyền tuyệt đối tức Chuyển Luân Vương xoay chuyển đi là pháp mà không có người nhân loại nào có thể xoay chuyển ngược lại được. Từ **Kenaci manussabhūtena** nghĩa là tất cả chư thiên làm điều mà mình muốn nào thì thành tựu tương xứng như mong muốn. Do đó, Đức Thế Tôn mới thuyết rằng **Manussabhūtena** bằng cách không gom cả nhóm chư thiên đó vào. Từ **Paccatthikena** tức kẻ thù đối lập trước mặt.

Từ **Dhammiko** nghĩa là Chuyển Luân Vương hành theo pháp bằng mãnh lực thập thiện nghiệp đạo, còn Đức Như Lai hành theo pháp bằng mãnh lực 9 pháp siêu thế. Từ **Dhammarajā** nghĩa là Đức Như Lai gọi là Pháp Vương bởi vì làm cho đại chúng hân hoan bằng 9 pháp siêu thế. Từ **Dhammaṃyeva** nghĩa là Đức Như Lai nương vào 9 pháp siêu thế, đảnh lễ pháp đó, kính pháp đó, kính trọng pháp đó. Chính pháp đó của Đức Như Lai gọi là ngọn cờ chiến thắng bởi vì pháp cao tột cho nên Đức Như Lai mới gọi là có pháp là ngọn cờ chiến thắng. Chính pháp đó của Đức Như Lai là dấu ấn vì vậy Đức Như Lai mới gọi là có pháp là dấu ấn. Đức Như Lai gọi là **Dhammādhīpateyya** bởi vì Ngài làm cho pháp thành trường lớn mạnh. Từ **Dhammikaṃ rakkhāvaraṇaguttim** nghĩa là gìn giữ bảo vệ và phòng hộ cho pháp hiệp thế và siêu thế. Từ **Samvidahati** tức định đặt bằng chế định. Từ **Evarūpaṃ** nghĩa là người không gần gũi 3 loại ác hạnh (**ducarita**) chỉ nên thân cận 3 loại thiện hạnh (**sucarita**). Trong mỗi từ thì nên hiểu theo giải thích như vậy.

Từ **Samvidahitvā** nghĩa là định đặt tức pháp dạy. Cụm từ **Dhammeneva anuttaraṃ dhammacakkam pavatteti** nghĩa là Đức Như Lai vận hành xoay chuyển bánh xe pháp mà không

có bánh xe nào ngang bằng giống như vận hành xoay chuyển bằng 9 pháp siêu thế. Cụm từ **Tam hoti cakkam appaṭivattiyam** nghĩa là bánh xe pháp mà Đức Như Lai vận hành xoay chuyển đi như vậy mà bất cứ ai ai cho dù chỉ một người trong tất cả nhóm người này như sa môn... cũng không thể (vận hành) xoay chuyển ngược lại được để ngăn cản.

Kết Thúc Sơ Giải Bài Kinh Chuyển Luân Vương Thứ 14



Chánh Kinh Bài Kinh Người Đóng Xe Hay Vua Pacetana

15.- Người Đóng Xe Hay Pacetana

1. Một thời Thế Tôn ở tại Bàranàsi, Isipatana, chỗ Vườn Nai, tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo.

- Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có vị vua tên là Pacetana. Rồi, này các Tỷ-kheo, vua Pacetana cho gọi người thợ đóng xe:

- "Này người đóng xe, sau sáu tháng, sẽ có trận chiến. Này người đóng xe, ông có thể làm cho ta một cặp bánh xe mới được không?"

- "Thưa Đại Vương, có thể được".

Người đóng xe trả lời cho vua Pacetana.

Rồi này các Tỷ-kheo, người đóng xe, sau sáu tháng trừ sáu ngày, làm xong một bánh xe. Rồi vua Pacetana bảo người đóng xe:

- "Sau sáu ngày, này người đóng xe, sẽ có trận chiến. Đôi bánh xe mới có thể làm xong được không?"

- "Thưa Đại vương, sau sáu tháng trừ sáu ngày, một bánh xe đã làm xong".

- "Này người đóng xe, Ông có thể, với sáu ngày (còn lại) này, làm xong bánh xe thứ hai?"

- "Thưa Đại vương, con có thể làm được".

Người đóng xe trả lời cho vua Pacetana.

2.- Rồi này các Tỷ-kheo, người đóng xe trong sáu ngày, sau khi làm xong bánh xe thứ hai, cầm cặp bánh xe mới, đi đến vua Pacetana; sau khi đến, thưa với vua Pacetana:

- "Thưa Đại vương, cặp bánh xe mới này đã làm xong cho Ngài".

- "Này người đóng xe, cái bánh xe này làm xong trong sáu tháng trừ sáu ngày và cái bánh xe này làm xong trong sáu ngày, có cái gì sai khác giữa hai cái này, ta không thấy có cái gì sai khác hết".

- "Có sự sai khác giữa hai cái này, thưa Đại vương. Thưa Đại vương, hãy nhìn sự sai khác".

Rồi, này các Tỷ-kheo, người đóng xe đẩy chỏ chạy bánh xe được làm xong trong sáu ngày. Bánh xe ấy tiếp tục chạy cho đến khi sức đẩy (ban đầu) còn tồn tại rồi xoay quanh vài vòng và rơi xuống đất. Rồi nó đẩy cho chạy bánh được làm xong trong sáu tháng trừ sáu ngày. Bánh xe ấy tiếp tục chạy cho đến khi sức đẩy (ban đầu) còn tồn tại, rồi nó đứng lại như đang mắc vào trong trục xe.

3- "Do nhân gì, này người đóng xe, do duyên gì cái bánh xe được làm trong sáu ngày, tiếp tục chạy cho đến khi sức đẩy (ban đầu) còn tồn tại, rồi xoay quanh vài vòng và rơi xuống đất. Do nhân gì, này Người đóng xe, do duyên gì cái bánh xe được làm

trong sáu tháng trừ sáu ngày, tiếp tục chạy cho đến khi sức đầy (ban đầu) còn tồn tại, rồi nó đứng lại như mắc vào trục xe?"

- "Thưa Đại vương, cái bánh xe này được làm xong sau sáu ngày, vành xe bị cong, có chỗ hỏng, có khuyết điểm; các căm xe bị cong, có chỗ hỏng, có khuyết điểm, trục xe bị cong, có chỗ hỏng, có khuyết điểm. Vì rằng vành xe bị cong, có chỗ hỏng, có khuyết điểm; vì rằng các căm xe bị cong, có chỗ hỏng, có khuyết điểm, vì rằng trục xe bị cong, có chỗ hỏng, có khuyết điểm nên bánh xe ấy tiếp tục chạy cho đến khi sức đầy (ban đầu) còn tồn tại, rồi xoay quanh vài vòng rồi rơi xuống đất. Còn bánh kia, thưa Đại Vương, được làm xong sau sáu tháng trừ sáu ngày, bánh xe ấy không bị cong, không có chỗ hỏng, không có khuyết điểm; trục xe ấy không bị cong, không có chỗ hỏng, không có khuyết điểm. Vì rằng vành xe không bị cong, không có chỗ hỏng, không có khuyết điểm; vì rằng các căm xe không bị cong, không có chỗ hỏng, không có khuyết điểm, vì rằng trục xe không bị cong, không có chỗ hỏng, không có khuyết điểm nên bánh xe ấy tiếp tục chạy cho đến khi sức đầy (ban đầu) còn tồn tại, nó đứng lại như đang mắc vào ở trong trục xe.

4.- Rất có thể, này các Tỷ-kheo, các thầy nghĩ rằng trong thời ấy, người đóng xe ấy là một người khác. Này các Tỷ-kheo, chớ có nghĩ như vậy. Trong thời ấy, ta chính là người đóng xe. Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, ta khéo léo về chỗ cong của gỗ, về chỗ hỏng của gỗ, về khuyết điểm của gỗ. Nay, này các Tỷ-kheo, ta là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, khéo léo về chỗ cong của thân, về chỗ hỏng của thân, về khuyết điểm của thân; khéo léo về chỗ cong của lời nói, về chỗ hỏng của lời nói, về khuyết điểm của lời nói; khéo léo về chỗ cong của ý, về chỗ hỏng của ý, về khuyết điểm của ý.

5.-Đối với các Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo ni nào, thân cong không có đoạn tận, thân hư hỏng, thân khuyết điểm (không có đoạn tận), lời nói cong không có đoạn tận, lời nói hư hỏng, lời nói khuyết điểm (không có đoạn tận), ý cong không có đoạn tận, ý hư hỏng, ý khuyết điểm (không có đoạn tận), như vậy, này các Tỷ-kheo, vị ấy rời khỏi pháp luật này, ví như bánh xe ấy được làm xong sau sáu ngày.

Đối với các Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo ni nào, thân cong được đoạn tận, thân hư hỏng, thân khuyết điểm (được đoạn tận), lời nói cong ... ý cong được đoạn tận, ý hư hỏng, ý khuyết điểm (được đoạn tận), như vậy, này các Tỷ-kheo, vị ấy an trú trong pháp luật này, ví như bánh xe ấy được làm xong sau sáu tháng trừ sáu ngày.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy học tập như sau: "Chúng tôi sẽ đoạn tận thân cong, thân hư hỏng, thân khuyết điểm, chúng tôi sẽ đoạn tận lời nói cong, lời nói hư hỏng, lời nói khuyết điểm, chúng tôi sẽ đoạn tận ý cong, ý hư hỏng, ý khuyết điểm". Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập.

**Sớ Giải Bài Kinh Người Đón Xe Hay Vua Pacetana
(Atthakathāpacetanasutta)**

Nên hiểu luận giải trong bài kinh người đón xe hay **Pacetana** thứ 15 như sau:

Ý Nghĩa Của Từ Isipatana

Từ **Isipatane** nghĩa là nơi mà nhóm đạo sĩ đề cập về Đức Phật và Đức Phật Độc Giác đến nghỉ ngơi để Chuyển Pháp Luân và để làm lễ bố tát (**uposatha**) là nơi tụ họp. Trong kinh **pāli** thì từ **Padane** cũng có ý nghĩa cũng như vậy giống nhau. Từ **Migadāye** nghĩa là trong rừng mà đức vua ban cho để muốn làm cho nơi ấy không có sợ hãi đối với các con nai.

Cụm từ **Chahi māsehi chārattūnehi** nghĩa là được nghe rằng người thợ đón xe sắp đặt mọi loại dụng cụ rồi đi vào rừng cùng với đệ tử trong ngày ngay khi nhận được chỉ dụ của đức vua ngoại trừ cây mọc lên theo cổng làng, giữa làng, đền tháp và nghĩa địa... và cây bị đốt cháy, cây ngã và cây khô thì chọn lựa lấy cây mọc lên trong địa hình tốt không có tất cả tai hại thích hợp để sử dụng làm trục xe, cãm xe, đùm xe, vành xe để làm thành bánh xe. Khi người thợ mộc chọn lựa lấy cây làm thành bánh xe, thời gian chừng 6 tháng kém 6 đêm trôi qua. Do đó, Đức Thế Tôn mới thuyết rằng **Chahi māsehi charattūnehi**.

Từ **Nānākaraṇaṃ** nghĩa là khác biệt nhau. Từ **Nesaṃ** phân từ ra thành **Na esaṃ** nghĩa là ta nhìn không thấy sự khác biệt nhau của bánh xe đó. Từ **Atthesaṃ** phân từ ra thành **Atthi esaṃ** nghĩa là tàu chư thiên chế định (**sammatideva**) 2 bánh xe đó có sự khác biệt nhau. Từ **Abhisankhārassa gati** tức sự xoay chuyển. từ **Ciṅgulāyivā** nghĩa là vành. Từ **Akkhāhatam**

maññe nghĩa là ráp đặt vào trong trục xe. Từ **Sadosā** nghĩa là có sự chênh tức tạo thành chỗ cao, chỗ thấp. Từ **Sakasāvā** nghĩa là dính liền lõi mục nát và vỏ bên trong.

Từ **Kāyavaṅkā** ... là tên của tất cả ác hạnh như thân ác hạnh... Từ **Evam papatitā** rơi ngã bằng đức tánh như vậy. Từ **Evam Patitṭhitā** nghĩa là bảo tồn bằng ân đức Pháp như vậy. Trong 6 hạng người thì đại chúng hiệp thể gọi là đã rơi xuống khỏi đức tánh (**guṇa**) tốt. Còn bậc Thánh nhân như bậc Dự Lưu... gọi là vững trú trong ân đức tốt. Mặc dù trong số lượng của 4 bậc Thánh nhân thì 3 bậc Thánh nhân đầu gọi là rơi xuống khỏi ân đức tốt đẹp trong sát na mà tất cả phiền não dấy động, còn bậc Lưu Tận gọi là vững trú tuyệt đối chắc thật. Từ **Tasmā** nghĩa là bởi vì 3 bậc Thánh nhân đầu là bậc chưa đoạn trừ sự chênh vênh bằng đường thân... nên rơi xuống, còn các bậc Lưu Tận là bậc đã đoạn trừ sự chênh vênh bằng đường thân... luôn vững trú trong ân đức tốt đẹp.

Lại nữa, nên hiểu việc đoạn trừ sự chênh vênh... như sau:

Trước tiên nhóm thập bất thiện nghiệp đạo này tức sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói đâm thọc, tà kiến thì bậc Thánh nhân đoạn trừ được bằng Nhập Lưu Đạo. Hai loại nói thô lỗ, sân ác đoạn trừ được bằng Bất Lai Đạo. Hai loại tham ác, nói lời vô ích đoạn trừ được bằng A La Hán Đạo.

Kết Thúc Sơ Giải Bài Kinh Người Thợ Đóng Xe Và Vua Pacetana Thứ 15



Chánh Kinh Bài Kinh Sự Thật, Không Lỗi Lầm

16.- Con Đường Không Có Lỗi Lầm

- Thành tựu ba pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thực hành con đường không có lầm lỗi, và có những căn bản thẳng tắn để đoạn diệt các lậu hoặc. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hộ trì các căn, tiết độ trong ăn uống và chú tâm cảnh giác.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được bảo vệ, khiến tham ưu, các ác bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự bảo vệ nguyên nhân ấy, phòng hộ nhãn căn, thực hành phòng hộ nhãn căn. Khi tai nghe tiếng ... mũi ngửi hương ... lưỡi nếm vị ... thân cảm xúc ... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, ví ý căn không được bảo vệ, khiến tham mưu, các ác bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự bảo vệ nguyên nhân ấy, phòng hộ ý căn, thực hành phòng hộ ý căn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo hộ trì các căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tiết độ trong ăn uống?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như lý giác sát thọ dụng các món ăn, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được an trú và được bảo dưỡng, để (thân này) khỏi bị thương hại, để hộ trợ Phạm hạnh, nghĩ rằng: ", Như vậy, ta diệt trừ các cảm thọ cũ, và không cho khởi lên các cảm thọ mới, và ta

sẽ không có lỗi lầm, sống được an ổn". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tiết độ trong ăn uống.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo chú tâm cảnh giác?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ban ngày trong khi đi kinh hành và ngồi, gột sạch tâm khỏi các triền cái, ban đêm trong canh một, trong khi đi kinh hành và ngồi, gột sạch tâm khỏi các triền cái, ban đêm trong canh giữa, nằm xuống như con sư tử về phía hông bên phải, hai chân gác lên nhau, chánh niệm tỉnh giác, tác ý tưởng thức dậy, ban đêm trong canh cuối, sau khi thức dậy trong khi đi kinh hành và ngồi, gột sạch tâm khỏi các triền cái. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chú tâm cảnh giác.

Thành tựu ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thực hành con đường không có lỗi lầm, và có những căn bản thắng tấn để đoạn diệt các lậu hoặc.

Sớ Giải Bài Kinh Sự Thật, Không Lỗi Lầm (Atthakathāapaṇṇakasutta)

Nên hiểu luận giải trong bài kinh sự thật, không lỗi lầm thứ 16 như sau:

Từ **Apaṇṇakapaṭipadaṃ** nghĩa là bậc Thánh nhân là bậc thực hành pháp hành không sai lệch tức pháp hành tuyệt đối tốt đẹp, pháp hành dẫn dắt xa lìa khỏi dục, pháp hành hội đủ nhân, pháp hành có cốt lõi, pháp hành chuẩn mực (**maṇḍapaṭipadā**), pháp hành không đối nghịch, pháp hành thích hợp, pháp hành tương ứng với pháp, không phải hành

theo suy lường ước đoán (**takkavidayā**) hoặc dựa và phương châm. Bởi vì tỳ kheo, tỳ kheo ni, cận sự nam hoặc cận sự nữ là người chấp trì như vậy (dựa vào suy lường (**takka**), dựa theo phương châm (**naya**) sẽ suy vong khỏi nhân sản (**manusasamāpatti**), thiên sản (**davasamāpatti**) và Niết-bàn sản (**nibbānasamāpatti**). Còn người thực hành sự thật không lỗi lầm sẽ không suy vong các tài sản đó.

Hai Người Chủ Đoàn Xe Bò

Giống như trong thời quá khứ khi 2 người chủ đoàn xe bò đi trên đường đến nơi hiểm trở, người chủ đoàn xe bò mê muội tin lời của dạ xoa đưa đến diệt vong cùng với nhóm thương buôn, (còn người chủ đánh xe bò khôn lanh, không tin lời của dạ xoa suy nghĩ rằng ta sẽ đổ nước trong nơi mà ta gặp được nước rồi ra hiệu lệnh cho nhóm thương buôn rồi mới đi trên đường, Ngài đề cập nhắm vào kệ ngôn này.

Một Đoàn Người Được Nói Đến Về Trường Hợp Không Sai Lầm Và Người Suy Lường Ước Đoán, Đề Cập Đến Trường Hợp Thứ Hai (Sai Lầm) Người Thông Thạo Biết Được Trường Hợp Bị Sai Lầm Đây Rồi Nên Dựa Vào Trường Hợp Đây Mà Không Sai Lầm.

Từ **Yoni** trong cụm từ **Yoni Cassa Araddhā Hoti** này là tên gọi của một phần của uẩn cũng có, nhân cũng có, đường tiểu tiện cũng có.

Một phần của uẩn gọi là **Yoni** như trong cụm từ **Catasso so sariputta yoniyo** Đây **Sārīputta**, nhóm sanh loại này như... Nhân gọi là **Yoni** trong câu... rằng **Yoni hesā bhūmija**

phalassa adhigamāya tức Đây **Bhumija** đó cũng là nhân để đắc chứng Quả.

Đường tiểu tiện gọi là **Yoni** có trong câu như **Na cāhaṃ brahamaṃ brūmiyonijaṃ mattisambhavaṃ** tức Như Lai không nói người sanh từ đường sanh để (âm hộ) tức sanh từ người mẹ là bà la môn, và trong câu **Tamenaṃ kammajavātā nivattitvā uddhaṃpādaṃ adhosiraṃ samparivattetvā mātu yoni mukhe sampaṭipādentī** tức gió từ nghiệp (**kammajavāta**) thổi chúng sanh này, chúng sanh kia làm cho chân phía trên đầu ngược xuống phía dưới rồi đưa đến nơi của mình của người mẹ. Nhưng trong nơi đây Ngài muốn lấy nhân là **yonī**. Từ **Araddhā** tức khởi sự làm cho đầy đủ.

Nên hiểu theo phân tích trong từ **Asavānaṃ khayāya** như sau: phiền não (**kilesa**) gọi là lậu hoặc (**āsava**) do ý nghĩa chảy đi.

Giải thích: Chảy đi từ mắt... từ tâm cũng có.

Một lý khác nữa, gọi là lậu hoặc bởi vì chảy đi từ pháp cho đến chuyển tộc tuệ, từ hư không giới (**okāsaloka**) cho đến phạm thiên phi tưởng phi phi tưởng.

Giải thích: làm cho nhóm pháp và hư không giới này diễn tiến bên trong. Ý nghĩa làm cho bên trong này là tánh chất (của lậu hoặc). Gọi là lậu hoặc giống như tất cả vật ngấm tẩm như rượu ngấm tẩm... do ý nghĩa ngấm tẩm lâu dài, bởi vì ngay cả trong đường lối thế gian họ cũng gọi ngấm tẩm lâu dài là lậu hoặc do ý nghĩa ngấm tẩm lâu dài, nên nhóm phiền não đó cũng thích hợp gọi là lậu hoặc như nhau.

Thật vậy, như Đức Phật thuyết rằng: **Purimā bhikkhāve koṭi na paññāyati avijjāya ito pubbe avijjā nāhosi** tức Đây các tỳ kheo, đầu mối của vô minh không hiển hiện từ trước đây không có vô minh.

*Một lý khác nữa, phiền não gọi là lậu hoặc bởi vì chảy đi gặp gỡ luân hồi khổ tiếp tục. Trong số lượng phân tích cả 4 pháp này thì phân tích mỗi gốc (phân tích 3 loại dùng được) trong nơi mà tất cả phiền não đến (bằng tên gọi) lậu hoặc, phân tích về sau thì chỉ dùng được riêng biệt trong nghiệp (**kamma**). Cũng thuần nhất là nghiệp phiền não mà thôi là lậu hoặc cũng không được, thực ra cho đến các tai họa khác nhau (**upaddavananappakāra**) cũng là lậu hoặc được. Bởi vì trong tất cả bài kinh có nguồn gốc tranh cãi (bằng tên gọi) về lậu hoặc như trong câu **Nāham cunda diṭṭhidhammikānameva āsavānaṃ saṃvarāya dhammaṃ deseni** tức Đây Cunda, *Như Lai không thuyết pháp để ngăn chặn tất cả lậu hoặc trong hiện tại mà thôi.**

Pháp là nhân cho sanh vào trong 3 cõi và pháp bất thiện còn lại (bằng tên gọi) là lậu hoặc (**āsava**) như trong câu:

Tất cả lậu hoặc là nhân đưa đến trở thành chư thiên hoặc là nhân làm cho trở thành Càn Thát Bà bay trên hư không, là nhân làm cho trở thành dạ xoa, thành nhân loại và chúng sanh sanh ra trong nước, Ta đã chấm dứt các lậu hoặc đó, Ta đã đoạn trừ tận gốc rễ.

Các tai họa khác nhau như việc hiềm độc với người khác gây ra sự nuối tiếc, việc sát sanh, giam cầm là nhân làm cho nhận lãnh khổ trong khổ cảnh bằng tên gọi lậu hoặc, như trong câu **Diṭṭhadhammikānaṃ āsavānaṃ saṃvarāya**

samparāyikānaṃ āsavānaṃ paṭighātāya tức Như Lai thuyết pháp để ngăn chặn tất cả lậu hoặc trong hiện tại, để đoạn trừ tất cả lậu hoặc trong tương lai. Tất cả nhóm lậu hoặc đó trong nơi nào đến như thế nào thì trong nơi đó nên hiểu như thế đó. Bởi vì nhóm lậu hoặc này trong luật có 2 loại là

- 1) Để ngăn chặn lậu hoặc trong hiện tại,
- 2) Để đoạn trừ lậu hoặc trong vị lai.

Trong phẩm 6 xứ (**saḷayatanavagga**) có 3 loại là Nay hiền giả, lậu hoặc có 3 loại là

đục lậu (kāmasava),

hữu lậu (bhavāsava),

vô minh lậu (avijjāsava) nhưng trong bài kinh khác và trong Thắng Pháp có 4 loại thì cùng với tà kiến lậu (**ditṭhāsava**).

Theo giải thích phân ra tất cả lậu hoặc có 5 loại tất cả tỳ kheo hiện hữu

- 1) lậu hoặc là nhân làm cho rơi vào địa ngục,
- 2) lậu hoặc là nhân làm cho sanh vào loại bàng sanh,
- 3) lậu hoặc là nhân đưa đến cảnh giới ngạ quỷ,
- 4) lậu hoặc là nhân đưa đến nhân giới,

5) lậu hoặc là nhân đưa đến thiên giới, nhưng trong nơi đây nghiệp được thuyết là lậu hoặc. Trong pháp 6 chi (**chakkanipāta**) tất cả lậu hoặc đến 6 loại theo lý chẳng hạn như Nay các tỳ kheo, lậu hoặc cần phải đoạn trừ bằng phòng hộ (**saṃvara**).

Trong bài kinh tất cả lậu hoặc (**sabbāsavapariyāyāsutta**) thì 6 loại lậu hoặc đó phân ra thành 7 loại cùng với tất cả lậu hoặc cần phải đoạn trừ bằng tri kiến (**dassana**). Nhưng trong nơi đây nên hiểu rằng Ngài ám chỉ lấy 4 lậu hoặc theo lý của Tạng Thắng Pháp. Việc đoạn trừ được lậu hoặc trong mỗi sát na hay trong trạng thái chấm dứt lậu hoặc không còn dư sót hay Đạo, Quả, Niết-bàn gọi là Lậu Tận (**āsavakkhaya**) trong từ **khayāya** này.

Thật vậy, việc đoạn trừ được mỗi sát na gọi là lậu tận như trong câu **Yo āsavaṇaṃ khayāya vayo bhedo aniccataṃ antaradhānaṃ** tức sự chấm dứt, tiêu hoại, hủy diệt, vô thường, diệt mất của tất cả lậu hoặc (gọi là lậu tận).

Sự đoạn trừ lậu hoặc, sự chấm dứt lậu hoặc bằng cách tuyệt đối, sự không sanh lên của lậu hoặc, trạng thái chấm dứt, sự không có của tất cả lậu hoặc gọi là lậu tận như trong câu **Jānato ahaṃ bhikkhave passato āsavānaṃ khayānaṃ vadāmi** nghĩa là: *này các tỳ kheo Như Lai nói rằng sự chấm dứt của tất cả lậu hoặc đối với vị tỳ kheo đang biết, đang thấy.*

Đạo (**magga**) gọi là lậu tận (**āsavakkhaya**) như trong kệ ngôn này

Sekkhassa sikkhamānassa

Ujumaggānusārino

Khayasmiṃ paṭhamam ñānaṃ

Tato aññā anantarā.

Khi ta đang học tập tiến hành theo đường lối đúng đắn trong sát na chấm dứt lậu hoặc, thì trí tuệ sẽ sanh lên trước, sau đó A La Hán Quả sẽ sanh lên.

Quả (**phala**) gọi là lậu tận như trong câu: Gọi là sa môn bởi vì chấm dứt tất cả lậu hoặc.

Niết-bàn (**nibbāna**) gọi là lậu tận trong kệ ngôn như sau:

Paravajjānupassissa

Niccaṃ ujjhānasaññino

Āsavā tassa vaḍḍhanti

Ārā so āsavakkhayā

Tất cả lậu hoặc thường tăng trưởng với người để ý lỗi lầm của người khác thường xuyên ưa thích nêu lỗi lầm của họ thì luôn xa lìa Niết-bàn.

Nhưng trong bài kinh này Đức Thế Tôn thuyết rằng **Āsavānaṃ khayāya** do Ngài muốn ám chỉ đến Quả.

Giải thích: Để được lợi ích A La Hán Quả.

Cụm từ **Indriyesu gattadvāro** nghĩa là có môn đã khép kín trong tất cả quyền có tâm là thứ 6. Cụm từ **Bhojane mattaññu** nghĩa là biết tiết độ trong vật thực.

Giải thích: Biết tiết độ việc nhận, ăn và quán tưởng. Cụm từ **Jāgariyaṃ anuyutto** nghĩa là người phân ra ban đêm ban ngày ra thành 6 phần rồi thực hành luôn luôn là người thức tỉnh trong 5 phần.

Giải thích: Tích cực trong việc thức tỉnh.

Đức Thế Tôn khi Ngài định đặt tam đề như vậy, trước khi phân chia nhóm tam đề đó theo tuần tự mới thuyết rằng **Kaṅka bhikkhave bhikkhu**. Tất cả nhóm câu đó thì ý nghĩa của câu **Cakkhunā rūpaṃ disvā...** làm cho chi tiết trong bộ đặc biệt gọi là Thanh Tịnh Đạo (**visuddhimagga**). Ý nghĩa của tất cả từ như: **Paṭisaṅkhā yoniso āhāraṃ āhāreti neva davāya** (tỳ kheo quán tưởng khôn khéo mới dùng vật thực vào không phải để chơi đùa) được giải thích chi tiết trong bộ đặc biệt gọi là Thanh Tịnh Đạo giống như vậy.

Cụm từ **Āvaraṇiyehi dhammehi** nghĩa là lìa khỏi 5 pháp triền cái bởi vì triền cái sẽ cản trở tâm cho nên nhóm triền cái đó mới gọi là pháp ngăn chặn (**āvaraṇiyadhamma**). Cụm từ **Sihaseyyaṃ kappeti** nghĩa là thành tựu sự nằm giống như sư tử chúa. Cụm từ **Pādena pādaṃ accādhāya** tức đặt chân trái chông qua chân phải bởi vì khi đặt chân ngang nhau thì đầu gối sẽ chạm đầu gối, khớp chân sẽ chạm khớp chân khổ thọ sẽ phát sanh bởi vì chạm nhau cho nên để tránh tai hại đó nó sẽ đặt chân chông nhau một tí. Vì vậy mới thuyết rằng **Padena pādaṃ accādhāya**.

Cụm từ **Sato sampajāno** nghĩa là thực hành bằng niệm và tỉnh giác.

Vấn: Tỳ kheo đó khi ngủ thì gọi là có niệm, tỉnh giác như thế nào?

Đáp: Bằng năng lực của việc tu tiến (của nghiệp xú trước khi ngủ). Bởi vì tỳ kheo này khi kinh hành trong nơi kinh hành biết rõ (tỉnh giác) rằng buồn ngủ nên dừng lại nghiệp xú đang tu tiến rồi ngồi trên giường hoặc trên tấm ván ngủ, khi thức dậy thì thức dậy tu tiến đến nghiệp xú (**kammaṭṭhāna**) trong chính

nơi dừng nghỉ đó lại nữa, bởi vì họ sẽ ngủ cũng vẫn gọi là có niệm, tỉnh giác. Đây là lý trong Căn Bản Nghiệp Xứ (**mūlakammaṭṭhāna**) trước. Còn tỳ kheo này gọi là có niệm, tỉnh giác cho dù bằng nghiệp xứ theo nơi ghi nhận. Căn cứ điều này như thế nào?

Giải thích: Vị tỳ kheo này khi đi kinh hành biết rõ rằng buồn ngủ thì nằm nghiêng bên phải trên tảng đá hoặc trên giường quán xét rằng thân không có tâm nằm trên giường cũng không có tâm, giường không có tâm đặt trên mặt đất cũng không có, mặt đất không có tâm ở trên nước cũng không có tâm, nước không có tâm ở trên gió cũng không có tâm, gió không có tâm ở trên hư không cũng không có tâm.

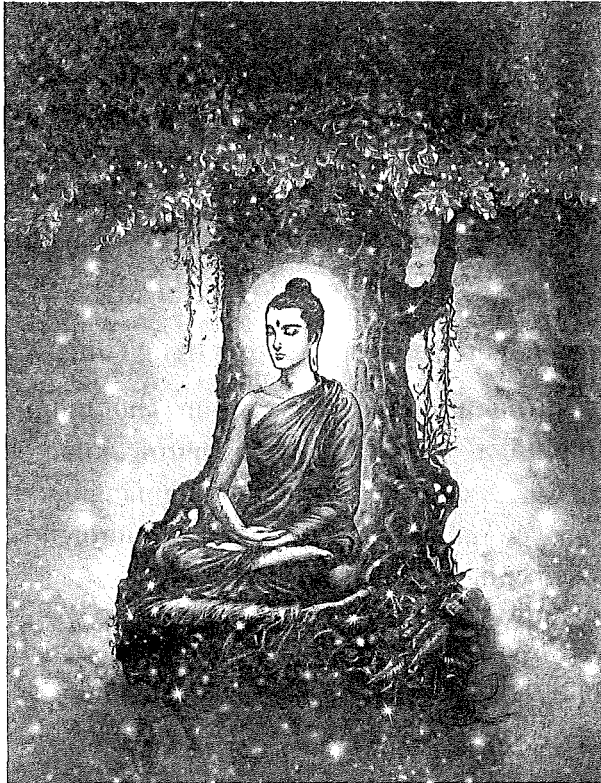
Tất cả các điều đó ngay cả hư không cũng không biết rằng ta mang theo gió, cho đến gió cũng không biết rằng ta ngự ở trên hư không, cho đến gió cũng như vậy không biết rằng ta ngự ở trên hư không, cho đến gió cũng như vậy không biết rằng ta mang theo nước... giường cũng không biết rằng ta đang nâng thân, thân cũng không biết rằng ta ở trên giường, có nghĩa là các điều đó khác nhau phương diện khác nhau không có sự suy nghĩ đến nhau, không có sự quan tâm đến nhau, không có sự để ý đến nhau, không có chủ tâm hoặc không có mong muốn đối với nhau.

Khi vị tỳ kheo đó suy xét như vậy thì tâm phản khán (**paccavekkhaṇacitta**) dẫn đến tâm hữu phần. Cho dù vị ấy khi đang ngủ như vậy cũng gọi là đang có niệm tỉnh giác.

Cụm từ **Uṭṭhānasaññaṃ manasikarivā** nghĩa là lưu tâm đến tướng ghi nhận lúc thức dậy rằng khi mặt trăng hoặc ngôi sao mọc lên thẳng như vậy ta sẽ thức dậy.

Giải thích: Đặt tượng trong tâm, bởi vì vị tỳ kheo đó thực hành như vậy rồi ngủ cũng sẽ thức dậy ngay trong thời gian đã ghi nhận đó.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Sự Thật, Không Lỗi Lầm Thứ 16



Chánh Kinh Bài Kinh Tự Ngã

17.- Ba Pháp

- Có ba pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến hại mình, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai. Thế nào là ba? Thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến hại mình, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai.

Có ba pháp này, này các Tỷ-kheo, không đưa đến hại mình, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai. Thế nào là ba? Thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện. Có ba pháp này, này các Tỷ-kheo, không đưa đến hại mình, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai.

Sớ Giải Bài Kinh Tự Ngã

(Atthakathāvattasutta)

Nên hiểu luận giải trong bài kinh tự ngã thứ 17 như sau:

Từ **Attabyābādhaya** tức tự làm cho mình khổ. Từ **Parabyābādhāya** tức làm cho người khác khổ. Từ **Kāyasucarita...** trong giai đoạn đầu bằng năng lực thập thiện nghiệp đạo. Tuy nhiên trong giai đoạn cao hơn cho đến A La Hán Quả Ngài cũng không ngăn lại.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Tự Ngã Thứ 17



Chánh Kinh Bài Kinh Chư Thiên

18.- Thiên Giới

- Nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các thầy như sau: "Chư Hiền, có phải Sa-môn Gotama sống Phạm hạnh để được sanh lên cõi Trời? "Này các Tỷ-kheo, được hỏi vậy, các Thầy có bực phiền, tủi nhục, chán ngấy hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Như vậy, này các Tỷ Kheo, các Thầy bực phiền, tủi nhục, chán ngấy đối với thiên thọ mạng; các Thầy bực phiền, tủi nhục, chán ngấy đối với thiên sắc, thiên lạc, thiên danh vọng, thiên thù thắng, còn nói gì, này các Tỷ Kheo, đối với thân làm ác, các Thầy bực phiền, tủi nhục, chán ngấy như thế nào, đối với miệng nói ác.... đối với ý nghĩ ác, các Thầy cảm thấy bực phiền, tủi nhục, chán ngấy như thế nào.

Sớ Giải Bài Kinh Chư Thiên

(Atthakathādevasutta)

Nên hiểu luận giải trong bài kinh chư thiên thứ 18 như sau:

Từ **Atṭiyeyyātha** nghĩa là tất cả bọn họ là người bị chán ngán bức bách. Từ **Harāyeyyātha** nghĩa là nên hổ thẹn. Từ **Jiguccheyyātha** nghĩa là nên khởi lên sự ghê tởm trong lời nói giống như khởi lên sự ghê tởm trong phần. Từ **Iti** trong cụm từ **Iti kira** này nên thấy rằng là sự trau chuốt của văn tự bằng việc gắn liền câu. Từ **Kira** là bất biến từ dùng trong ý nghĩa rằng "được nghe nói truyền nhau". Từ **Kira** nên hiểu là việc nối liền

nội dung rằng “Được nghe rằng tất cả bọn họ phiền toái bởi tuổi thọ chư thiên”. Từ **Pageva kho pana** có ý nghĩa bằng với **Paṭhamataram** nghĩa là trước hơn (hoặc diệt đầu tiên).

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Chư Thiên Thứ 18



Chánh Kinh Bài Kinh Người Buôn Bán Thứ Nhất

19.- Người Buôn Bán

- Thành tựu ba chi phần, này các Tỷ-kheo, một người buôn bán không thu nhận được tài sản chưa thu nhận và không tăng trưởng tài sản đã được thu nhận. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người buôn bán, vào buổi sáng không có nhiệt tâm chăm chú vào công việc, vào buổi trưa không có nhiệt tâm chăm chú vào công việc, vào buổi chiều không có nhiệt tâm chăm chú vào công việc. Thành tựu với ba chi phần này, này các Tỷ-kheo, một người buôn bán không thu nhận được tài sản chưa được thu nhận và không tăng trưởng tài sản đã được thu nhận.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo thành tựu ba chi phần, không thu nhận được thiện pháp chưa được thu nhận, và không tăng trưởng được thiện pháp đã được thu nhận. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vào buổi sáng không có nhiệt tâm chăm chú vào định tướng, vào buổi trưa không có nhiệt tâm chăm chú vào định tướng, vào buổi chiều không có nhiệt tâm chăm chú vào định tướng. Thành tựu ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo không thu nhận được thiện pháp chưa được thu nhận, và không tăng trưởng thiện pháp đã được thu nhận.

Thành tựu ba chi phần, này các Tỷ-kheo, một người buôn bán thu nhận được tài sản chưa thu nhận, tăng trưởng tài sản đã được thu nhận. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người buôn bán, vào buổi sáng có nhiệt tâm chăm chú vào công việc, vào buổi trưa có nhiệt tâm chăm chú vào công việc, vào buổi

chiều có nhiệt tâm chăm chú vào công việc. Thành tựu với ba chi phần này, này các Tỷ-kheo, một người buôn bán thâu nhận được tài sản chưa được thâu nhận, và tăng trưởng tài sản đã được thâu nhận.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu ba pháp, Tỷ kheo thâu nhận được thiện pháp chưa được thâu nhận, tăng trưởng thiện pháp đã được thâu nhận. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ kheo vào buổi sáng có nhiệt tâm chăm chú vào định tướng, vào buổi trưa có nhiệt tâm chăm chú vào định tướng, vào buổi chiều có nhiệt tâm chăm chú vào định tướng. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo thâu nhận được thiện pháp chưa được thâu nhận, và tăng trưởng thiện pháp đã được thâu nhận.

Sớ Giải Bài Kinh Người Buôn Bán Thứ Nhất

(Atthakathāpaṭhamapāpaṇikasutta)

Nên hiểu luận giải trong bài kinh Người Buôn Bán thứ nhất thứ 19 như sau:

Từ **Pāpaniko** nghĩa là người thương buôn trong chợ chủ cửa tiệm. Từ **Pāpaṇiko** là tên gọi của người thương buôn là người mở cửa tiệm bán hàng hóa. Từ **Abhabbo** nghĩa là người không cân xứng.

Cụm từ **Na sakkaccaṃ kammantaṃ adhiṭṭhāti** nghĩa là công việc chuyên tâm làm như thế nào mới xem như là bền vững, công việc mà chuyên tâm thường thành tựu tương xứng

với sự chuyên tâm bằng trường hợp nào thì y không chuyên tâm làm cho thành tựu bằng chính mình. Trong cụm từ **Sakkaccaṃ kammantaṃ adhiṭṭhāti** nên hiểu theo giải thích như sau:

Thời gian sáng, tối người thương buôn thức dậy thấp đèn nhưng không ngồi sắp đặt hàng hóa gọi là không chuyên tâm làm công việc bằng cách cẩn trọng vào buổi sáng. Bởi vì người thương buôn này sẽ không được làm chủ do bỏ lỡ cơ hội vật chất có thể được, có 3 cơ hội tạo điều kiện

1. Đồ đạc mà bọn trộm cắp trong lúc nửa đêm vội vã đi đến chợ bởi suy nghĩ rằng chúng ta sẽ giải tán đồ đạc này cho rảnh rây chúng ta bằng cách bán với giá phải chăng.
2. Đồ đạc mà số lượng nhiều người là đối tác tranh giành mua, bán lúc ban đêm ở trong tỉnh thành vào sáng, tối đi đến chợ để mua lấy.
3. Hoặc đồ đạc mà người có ý định sẽ đi đến thôn quê vội vã đi đến chợ từ sáng sớm để mua lấy.

Trong lúc người khác nghỉ ngơi để dùng vật thực với nhau thì họ ngược trở lại dùng vật thực tức cất hàng hóa từ sáng sớm rồi trở về nhà dùng vật thực rồi ngủ trở lại, buổi chiều mới trở lại đi đến cửa tiệm một lần nữa, như vậy gọi là không chuyên tâm làm công việc bằng cách cẩn trọng trong lúc giữa trưa.

Người thương buôn đó sẽ không được làm chủ không còn cơ hội có thể được vật chất có 2 cơ hội làm duyên tức

1. Đồ đạc mà bọn trộm cắp giải tán không kịp vào buổi sáng sớm từ lúc ban ngày lúc mà người khác chưa đi

lại thì bọn trộm cướp sẽ đi đến cửa tiệm chợ để bán với giá rẻ.

2. Đồ đạc nào của bọn cường hào (là người có phước) sai biểu người đem đến trong lúc dùng vật thực ra lệnh rằng có thể được đồ đạc này đến từ cửa tiệm chợ.

Còn vào buổi chiều cho đến lúc họ báo canh giờ y cũng không thắp đèn rồi ngồi bên trong cửa tiệm chợ, như vậy gọi là không chuyên tâm làm công việc bằng cách cẩn trọng vào buổi chiều.

Do người thương buôn đó sẽ không được làm chủ đồ đạc đáng được có cơ hội làm duyên tức đồ đạc mà bọn trộm cắp đến giải tán kịp cả buổi sáng và buổi trưa nhưng ngược trở lại đi đến cửa tiệm chợ vào buổi chiều rồi bán giá rẻ.

Tỳ Kheo Không Chuyên Chú Tu Tập Thiền Định

Cụm từ **Na sakkaccaṃ samādhinimittaṃ adhiṭṭhāti** nghĩa là tỳ kheo không nhập định bằng thái độ cung kính.

Cũng trong cụm từ **Na sakkaccaṃ samādhinimittaṃ adhiṭṭhāti** nên hiểu luận giải như sau:

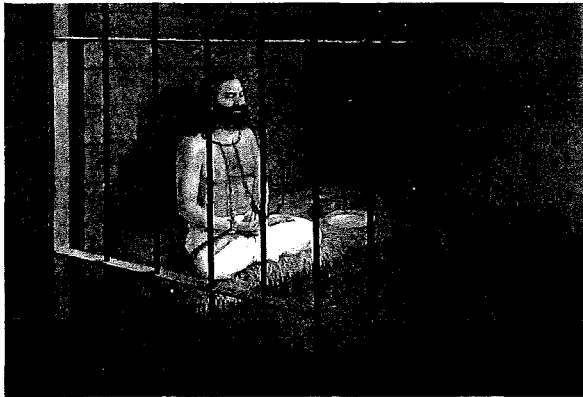
Tỳ kheo hành phận sự nơi sân bảo tháp và sân đại thọ bồ đề rồi đi đến trú xứ nhưng không chịu ngồi nhập thiền cho đến lúc đi khát thực gọi là không chuyên chú ghi nhận ấn tướng (**nimitta**) bằng cách cung kính. Còn thời gian về sau khi dùng đồ ăn khát thực, vị ấy trở về từ việc thọ thực rồi đi đến nơi nghỉ ngơi ban đêm và nơi nghỉ ngơi ban ngày tuy nhiên không ngồi nhập định cho đến ban chiều gọi là không chuyên chú ghi nhận định tướng (**samādhinimitta**) bằng cách cung kính trong lúc giữa trưa.

Lại nữa, buổi chiều vị ấy đánh lễ bảo tháp, phục vụ bậc trưởng lão rồi đi vào trú xứ nhưng không chịu ngồi nhập định suốt canh một, gọi là không chuyên chú ghi nhận định tướng bằng cách cung kính vào buổi chiều.

Riêng về ý nghĩa nên hiểu theo lý ngược lại với đề cập trong tuần trăng sáng.

Lại nữa, trong câu này trong nơi mà ngài đề cập rằng **Samapattim appetvā** nhập định khi không có định thì cho dù thiền quán cũng thích hợp và trong từ **Samādhinimittam** thì ngay cả cảnh của thiền định cũng thích hợp như nhau. Như lời mà Đức Thế Tôn thuyết rằng cho dù định cũng gọi là định tướng thì ngay cả cảnh của định cũng gọi là định tướng.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Người Buôn Bán Thứ Nhất



Trên biển chìm nổi bao lần. Nhờ ăn khai thị hồi tâm thấy bờ
MỘT TỖ KHEO ĐỆ TỬ TÔN GIÁ MAHAKASSAPA TU TẬP CHỨNG THIỀN SAU LAI THỜI THẤT HOÀN TỤC. VỊ NÀY
PHẠM PHÁP BỊ ĐEM XỬ TỬ. ĐƯỢC NHẮC NHỞ VỊ NÀY HỒI TÂM VÀ CHỨNG THÁNH QUẢ.

Chánh Kinh Bài Kinh Người Buôn Bán Thứ Hai

20.- Người Buôn Bán

- Thành tựu với ba chi phần, này các Tỷ-kheo, người buôn bán không bao lâu đạt được về tài sản lớn mạnh và rộng lớn. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người buôn bán có mắt, khéo phần đấu và xây dựng được cơ bản.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người buôn bán có mắt? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người buôn bán biết các thương phẩm. Vật này mua như vậy, bán như vậy, sẽ đưa lại tiền như vậy, tiền lời như vậy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người buôn bán có mắt.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là người buôn bán khéo phần đấu? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người thương gia khéo léo mua và bán các thương phẩm. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người buôn bán khéo phần đấu.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người thương gia xây dựng được căn bản? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người buôn bán được các gia chủ hay con các gia chủ, được các nhà giàu, có tiền bạc lớn, có tài sản lớn biết đến như sau: "Người buôn bán này là người có mắt, khéo phần đấu, có đủ sức cấp dưỡng vợ con, và thường trả tiền lời cho chúng ta. Chúng ta trao hàng hóa cho người này: "Này bạn thương gia, hãy lấy tiền này, xây dựng tài sản để nuôi dưỡng vợ con và thường thường trả tiền lời cho chúng tôi". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người buôn bán xây dựng được cơ bản.

Thành tựu với ba chi phần này, này các Tỷ-kheo, người buôn bán, không bao lâu đạt đến tài sản lớn mạnh và rộng lớn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu với ba pháp, vị Tỷ-kheo không bao lâu, đạt đến lớn mạnh và rộng lớn về các Thiện pháp. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có mắt, khéo phẩn đấu và xây dựng được cơ bản.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo có mắt? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật biết rõ: "Đây là khổ" ... như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo có mắt.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo khéo phẩn đấu? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống tinh cần tinh tấn, đoạn tận các pháp bất thiện, làm cho sanh khởi các pháp thiện, đồng mãnh, kiên trì, tinh tấn, không có từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo khéo phẩn đấu.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo xây dựng được cơ bản? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các Tỷ-kheo nghe nhiều, thông hiểu các tập Agàma (A-hàm), bậc trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu, thường thường đến yết kiến, phỏng vấn, đặt các câu hỏi: "Thưa Tôn giả, cái này là thế nào? Pháp này ý nghĩa gì? Các Tôn giả ấy mở rộng những gì chưa được mở rộng, phơi bày những gì chưa được phơi bày, và đối với những đoạn sai khác còn có những chỗ nghi ngờ, các vị ấy giải thích các sự nghi ngờ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo xây dựng được cơ bản.

Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không bao lâu, đạt đến sự lớn mạnh và rộng lớn về các thiện pháp.

Sớ Giải Bài Kinh Người Buôn Bán Thứ Hai

(Atthakathādutiyapāṇikasutta)

Nên hiểu luận giải trong bài kinh thứ 20 như sau:

Người Thương Buôn Có Trí Tuệ

Từ **Cakkhumā** nghĩa là người thương buôn là người có tuệ nhãn (**paññacakkhu**). Từ **Vidhuro** nghĩa là người có phận sự quan trọng tức có phận sự cao cả như tinh cần kết hợp với trí. Từ **Nissayasampanno** tức đầy đủ nơi nương ngụ nghĩa là hội đủ nơi trú ngụ. Từ **Paṇiyam** tức hàng hóa bán. Trong cụm từ **Ettakam mūlam bhavissati ettakato udrayo** có giải thích rằng hàng hóa mua lại đó bằng việc mua theo cách vòng vo như thấu hiểu mua như vậy, bán như vậy. Hàng hóa được sắp đặt thành vốn như số lượng mua lại ngần này, vì vậy khi bán hàng hóa đó đi thì trong việc bán hàng hóa sẽ có lợi nhuận ngần này tức thêm lên (cho được) ngần ấy.

Cụm từ **Kusalo hoti paṇiyam ketuñca vikketuñca** nghĩa là người thương buôn khôn khéo đi đến tìm mua nơi mà hàng hóa được dễ dàng và đi đến nơi bán hàng hóa thì tìm nơi mà hàng hóa khó tìm được gọi là người tinh tường trong nơi đây, y luôn được lợi lộc tăng thêm lên gấp 10 cũng có, gấp 20 cũng có.

Từ **Addhā** tức cường hào là người đầy đủ của cải tích trữ số lượng nhiều. Từ **Mahaddhanā** tức người có nhiều tài sản bởi mãnh lực hàng sử dụng. Từ **Mahābhoga** tức người có nhiều tài sản bởi vật phẩm là hàng tiêu dụng lẫn hưởng thụ. Từ **Paṭibalo** gọi là người có khả năng bởi vì hội đủ sức mạnh thân và sức mạnh hiểu biết. Cụm từ **Amhākañca kālena kālam**

anuppādetum nghĩa là để tăng thêm lợi tức phát sanh từ tài sản mà họ vay mượn... để làm vốn cho tất cả bọn họ theo thời gian thích hợp. Từ **Nipatanti** nghĩa là mời mọc. **Pāli** là từ **Nipadanti** cũng được, ý nghĩa tương tự như vậy.

Cụm từ **Kusalānaṃ dhammānaṃ upasampadāya** tức sự trọn vẹn được riêng biệt tất cả thiện pháp. Từ **Thāmavā** tức đầy đủ sự hiểu biết. Từ **Daḷahaparakkamo** tức đầy đủ sự nỗ lực bằng hiểu biết vững vàng. Từ **Anikkhittadhuro** tức không buông bỏ phận sự như vậy rằng ta chưa đạt đến mục đích tận cùng sẽ không bỏ mặc phận sự tinh cần này.

Từ **Bahussutā** nghĩa là đa văn bởi vì có Phật Ngôn được lắng nghe nhiều bằng năng lực của 1 bộ **nikāya** hoặc 2 bộ **nikāya**... Từ **Āgatāgamā** nghĩa là 1 **nikāya** gọi là 1 bộ (**āgama**), 2 **nikāya** gọi là 2 bộ, 5 **nikāya** gọi là 5 bộ. Trong 5 bộ này người nào có được cho dù chỉ 1 bộ tức có sự rành mạch thì nhận được sự tán thán (chỉ 1 bộ) nhóm người này gọi là **āgatāgamā** (rành mạch bộ kinh).

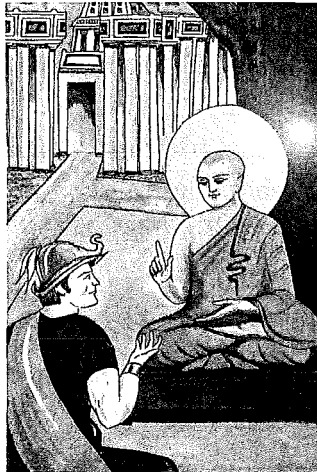
Từ **Dhammadharā** tức người thọ trì Tạng Kinh (**suttantapīṭaka**). Từ **Vinayadharā** tức người thọ trì Tạng Luật (**vinayapīṭaka**). Từ **Mātikādhara** tức người thọ trì cả 2 mẫu đề (**mātikā**). Từ **Paripucchāti** tức vấn hỏi đến điều lợi ích và điều không lợi ích, đến nguyên nhân và điều không phải nguyên nhân. Từ **Paripaṇhāti** tức biết suy xét nhận định rằng ta sẽ hỏi về Pháp Luật tên này.

Trong bộ kinh này trí tuệ có trước, sự tinh cần và thân cận thiện bằng hữu đến sau. Trong điều đó không nên hiểu như vậy chúng đấng A La Hán trước rồi mới tu tập tinh cần, thân cận thiện bằng hữu sau. Thông thường thuyết pháp thì xác định theo

phương diện pháp môn thấp, theo phương diện pháp môn cao hoặc cả 2 phương diện pháp môn cũng có. Nhưng trong bài kinh này nên hiểu xác định theo phương diện pháp môn cao. Bởi vì trước khi thuyết Ngài thuyết nương vào thân cận thiện bằng hữu Ngài thuyết về sự tinh cần khoảng giữa rồi mới thuyết đến A La Hán về sau.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Người Buôn Bán Thứ Hai Thứ 20

Kết Thúc Sớ Giải Phẩm Diễn Giảng Thứ 2



III. Phẩm Người

Diễn Giảng Phẩm Người Thứ 3

(Puggalavaggavaṇṇanā)

21.- Chúng Thực Với Thân

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, tại Jetanava, vườn ông Anàthapindika. Rồi Tôn giả Savittha, Tôn giả Mahàkotthita đi đến Tôn giả Sàriputta; sau khi đến nói lên với Tôn giả những lời chào đón hỏi thăm ... Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Savittha đang ngồi xuống một bên:

- Có ba hạng người này, này Hiền giả Savittha, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Thân chúng, kiến chí, tín giải. Ba hạng người này, này Hiền giả, có mặt, xuất hiện ở đời. Trong ba hạng người này, này Hiền giả, hạng người nào Hiền giả chấp nhận là hy hữu hơn, là thù diệu hơn?

- Có ba hạng người này, này Hiền giả Sàriputta, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Thân chúng, kiến chí, tín giải. Ba hạng người này, này Hiền giả, có mặt, xuất hiện ở đời. Trong ba hạng người này, thưa Hiền giả, hạng người tín giải, hạng người này, tôi chấp nhận là hy hữu hơn, là thù diệu hơn. Vì có sao? Vì rằng, thưa Hiền giả, với hạng người này, tín căn được tăng thượng.

Rồi Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Mahàkotthita:

- Có ba hạng người này, này Hiền giả Kotthita, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Thân chúng, kiến chí, tín giải. Ba hạng người này, thừa Hiền giả, có mặt, xuất hiện ở đời. Trong ba hạng người này, này Hiền giả, hạng người nào Hiền giả chấp nhận là hy hữu hơn, là thù diệu hơn?

- Có ba hạng người này, này Hiền giả Sàriputta, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Thân chúng, kiến chí, tín giải. Ba hạng người này, này Hiền giả, có mặt, xuất hiện ở đời. Trong ba hạng người này, thừa Hiền giả, hạng người thân chúng, hạng người này, tôi chấp nhận là hy hữu hơn, là thù diệu hơn. Vì có sao? Vì rằng, thừa Hiền giả, với hạng người này, định căn được tăng thượng.

Rồi Tôn giả Mahàkotthita thừa với Tôn giả Sàriputta:

- Có ba hạng người này, thừa Hiền giả Sàriputta, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Thân chúng, kiến chí, tín giải. Ba hạng người này, thừa Hiền giả, có mặt, xuất hiện ở đời. Trong ba hạng người này, này Hiền giả, hạng người nào Hiền giả chấp nhận là hy hữu hơn, là thù diệu hơn?

- Có ba hạng người này, này Hiền giả Kotthita, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Thân chúng, kiến chí, tín giải. Ba hạng người này, thừa Hiền giả, có mặt, xuất hiện ở đời. Trong ba hạng người này, thừa Hiền giả, hạng người kiến chí, hạng người này, tôi chấp nhận là hy hữu hơn, là thù diệu hơn. Vì có sao? Vì rằng, thừa Hiền giả, với hạng người này, tuệ căn được tăng thượng.

Rồi Tôn giả Sàriputta nói với Tôn giả Savittha và Tôn giả Mahàkotthita như sau:

- Thưa các Hiền giả, tất cả chúng ta đã trả lời, tùy theo biện tài của mình. Thưa các Hiền giả, chúng ta hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến chúng ta sẽ hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời chúng ta như thế nào, chúng ta hãy như vậy thọ trì.

- Vâng, thưa Hiền giả.

Tôn giả Savittha và Tôn giả Mahàkotthita vâng đáp Tôn giả Sàriputta. Rồi Tôn giả Sàriputta, Tôn giả Savittha và Tôn giả Mahàkotthita đi đến Thế Tôn; sau khi đến, dành lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống, một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sàriputta thuật lại với Thế Tôn tất cả câu chuyện đã xảy ra với Tôn giả Savittha và Tôn giả Mahàkotthita.

- Ở đây, này Sàriputta, thật không dễ gì để trả lời một chiều là hạng người này hy hữu hơn, thù diệu hơn trong ba hạng người kia. Sự kiện này xảy ra, này Sàriputta, là hạng người tín giải này là hạng người đang hướng đến A-la-hán, hạng người thân chứng này là hạng người Nhất Lai hay Bất Lai, hạng người kiến chí này là hạng người Nhất Lai hay Bất Lai.

Ở đây, này Sàriputta, thật không dễ gì để trả lời một chiều là hạng người này hy hữu hơn, thù diệu hơn trong ba hạng người kia. Sự kiện này xảy ra, này Sàriputta, là hạng người thân chứng này là hạng người đang hướng đến A-la-hán, là hạng người tín giải này là hạng người Nhất Lai hay Bất Lai, hạng người kiến chí này là hạng người Nhất Lai hay Bất Lai.

Ở đây, này Sàriputta, thật không dễ gì để trả lời một chiều là hạng người này hy hữu hơn, thù diệu hơn trong ba hạng người kia. Sự kiện này xảy ra, này Sàriputta, là hạng người kiến chí này là hạng người đang hướng đến A-la-hán, còn hạng người tín giải

này là hạng người Nhất Lai hay Bất Lai, và hạng người thân chúng này là hạng người Nhất Lai hay Bất Lai.

Ở đây, này Sàriputta, thật không dễ gì để trả lời một chiều rằng hạng người này là hy hữu hơn và thù diệu hơn trong ba hạng người kia.

Sớ Giải Bài Kinh Trưởng Lão Saviṭṭha

(Atthakathā Saviṭṭhasutta)

Nên hiểu luận giải trong bài kinh trưởng lão Saviṭṭha thứ 21 của phẩm thứ 3 như sau:

Bậc Thánh nhân gọi là bậc thân chúng (**kāyasakkhī**) bởi sự xúc chạm của thiền (**samphassajhāna**) do xúc đến trước, về sau mới làm cho thấy rõ diệt (**nirodha**) tức Niết-bàn.

Gọi là bậc kiến chí (**ditṭhipatta**) bởi chứng đắc pháp mà mình thấy.

Gọi là bậc tín giải thoát (**saddhāvimutta**) bởi vì tin tưởng (có đức tin) mới giải thoát.

Từ **Khamati** tức vui thích. Từ **Abhikkantataro** tức tốt vượt trội hơn. Từ **Paṇatataro** tức vi tế vượt trội hơn.

Cụm từ **Saddhindriyaṃ adhimattaṃ hoti** nghĩa là trưởng lão Saviṭṭha vào sát na A La Hán Đạo có tín quyền làm phạm sự (lớn mạnh) 4 quyền còn lại tháp từng theo. Do đó, trưởng lão trước khi đề cập đến Đạo mà mình đã chứng đắc mới nói như vậy. Còn ngài trưởng lão **Mahākoṭṭhika** vào sát na A La Hán Đạo có định quyền làm phạm sự (lớn mạnh) 4 quyền còn

lại tháp tùng theo định đó. Vì vậy, ngài trưởng lão **Mahākoṭṭhika** trước khi nói về định quyền có mãnh lực vượt trội (lớn mạnh) mới đề cập đến Đạo mà mình đã chứng đắc đó. Còn trưởng lão **Sāriputta** vào sát na A La Hán Đạo có tuệ quyền làm phận sự (lớn mạnh) 4 quyền còn lại tháp tùng theo tuệ quyền đó cho nên Ngài trưởng lão **Sāriputta** trước khi nói về tuệ quyền có mãnh lực vượt trội (lớn mạnh) mới nói về Đạo mà mình đã chứng đắc đó.

Từ **Na khevattha** phân từ ra thành **Na kho ettha**. Cụm từ **Ekamsena byākatum** nghĩa là để thuần nhất giáo hóa. Đức Thế Tôn Ngài thuyết nhất hướng về A La Hán Đạo bằng cụm từ **Arahattāya paṭipanno**. Trong bài kinh này cả 3 trưởng lão đều đề cập riêng biệt về Đạo mà mình đã chứng đắc bằng trường hợp như đã dẫn giảng. Nhưng Đức Chánh Đẳng Giác thuyết về người đang bảo tồn trong lãnh vực pháp khác nữa.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Trưởng Lão Saviṭṭha Thứ 21



Chánh Kinh Bài Kinh Bệnh Nhân

22.- Người Bệnh

- Có ba hạng người bệnh này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, một hạng người bệnh, dầu có được ăn các món thích hợp, hay không được các món ăn thích hợp, dầu có được các thuốc men thích hợp hay không được các thuốc men thích hợp, dầu có được sự chăm sóc thích đáng hay không được sự chăm sóc thích đáng, không được bình phục từ chứng bệnh ấy.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người bệnh, dầu có được ăn các món thích hợp, hay không được các món ăn thích hợp, dầu có được các thuốc men thích hợp hay không được các thuốc men thích hợp, dầu có được sự chăm sóc thích đáng hay không được sự chăm sóc thích đáng, được bình phục từ chứng bệnh ấy.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người bệnh, có được ăn các món thích hợp, không phải không được, có các thuốc men thích hợp, không phải không được, có được sự chăm sóc thích đáng, không phải không được, được bình phục từ chứng bệnh ấy.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, hạng người bệnh này, có được các món ăn thích hợp, không phải không được, có được các thuốc men thích hợp, không phải không được, có được sự chăm sóc thích đáng, không phải không được, được bình phục khỏi chứng bệnh ấy. Chính do duyên với hạng người bệnh này, này các Tỷ-kheo, các món ăn thích hợp với người bệnh đã được chấp thuận, các thuốc men thích hợp với người bệnh đã được chấp thuận., sự chăm sóc thích đáng với người bệnh đã được chấp thuận. Chính

do duyên với hạng người bệnh này, này các Tỷ-kheo, các người bệnh khác cần phải được chăm sóc như vậy.

Ba hạng người bệnh này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có ba hạng người này, có mặt, xuất hiện ở đời, có thể so sánh với ba hạng người bệnh này. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được thấy Như Lai hay không được thấy Như Lai, được nghe Pháp và Luật do Như Lai trình bày, hay không được nghe Pháp và Luật do Như Lai trình bày, không có đi vào tánh quyết định, tánh chơn chánh đối với các Thiện pháp.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không được thấy Như Lai, được nghe Pháp và Luật do Như Lai trình bày, hay không được nghe Pháp và Luật do Như Lai trình bày, đi vào tánh quyết định, tánh chơn chánh đối với các Thiện pháp.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được thấy Như Lai, không phải không được thấy, được nghe Pháp và Luật do Như Lai trình bày, không phải không được nghe Pháp và Luật do Như Lai trình bày, đi vào tánh quyết định, tánh chơn chánh đối với các Thiện pháp.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được thấy Như Lai, không phải không được thấy, được nghe Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, không phải không được nghe, đi vào tánh quyết định, tánh chơn chánh đối với các Thiện pháp. Chính do duyên hạng người này, này các Tỷ-kheo, thuyết pháp được chấp nhận,

và chính do duyên hạng người này, này các Tỷ-kheo, pháp được thuyết giảng cho các người khác.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời được ví dụ với ba hạng người bệnh.

Sớ Giải Bài Kinh Bệnh Nhân

(Atthakathāgilānasutta)

Nên hiểu luận giải về bài kinh bệnh nhân thứ 22

Từ **Sappāyāni** tức lợi ích hỗ trợ nghĩa là làm cho tăng trưởng cao lên. Từ **Paṭirūpaṃ** tức thích hợp. Cụm từ **Neva vutthāti tamhā ābādhā** này Đức Thế Tôn thuyết đến người bệnh vào đến giai đoạn hấp hối hình thành do bệnh trúng gió và bệnh động kinh... thì không chữa trị được. Bằng cụm từ **Vutthāti tamhā ābādhā** này Đức Thế Tôn thuyết đến bệnh lật vật phân loại ra thành bệnh nôn mửa, ghê lở và bệnh thay đổi thời tiết...

Bằng cụm từ **labhanto sappāyāni bhojanāni no alabhanto** này Đức Thế Tôn thuyết đến mọi loại bệnh sẽ được chấm dứt bằng việc điều trị. Cũng trong bài kinh này gọi là việc chăm sóc (người bệnh) thích hợp nên hiểu là người khéo léo siêng năng không lười biếng thể hiện tính chất giúp đỡ người bệnh. Cụm từ **Gilānupaṭṭhāko anuññāto** tức việc chăm sóc người bệnh mà Ngài cho phép rằng chư tỷ kheo Tăng nên giúp đỡ.

Giải thích: Khi vị tỷ kheo bệnh không còn sức khỏe sẽ bệnh theo thông thường của mình thì chư tỷ kheo Tăng phải giao phó cho một vị tỷ kheo và một vị sa di rằng hãy phục vụ tỷ kheo này.

Trong suốt thời gian mà cả 2 vị tỳ kheo và sa di đang chăm sóc phục vụ tỳ kheo bệnh đó, tỳ kheo bệnh hay cả 2 vị phục vụ có cần điều nào thì tất cả điều ấy là bổn phận của chư tỳ kheo Tăng.

Cụm từ **Aññepi gilānā upaṭṭhātabbā** nghĩa là ngay cả người bệnh ngoài ra ấy thì chư Tăng cũng nên chăm sóc.

Vấn: Vì sao?

Đáp: Bởi vì người bệnh đến giai đoạn hấp hối khi không được Chư Tăng chăm sóc sẽ làm cho tâm bực tức rằng nếu như các vị tỳ kheo bệnh ta sẽ làm cho tiêu (mất) luôn, nhưng các vị tỳ kheo không bệnh chút nào cả thì sẽ rơi vào khổ cảnh. Nhưng khi Chư Tăng đang chăm sóc bệnh thì vị ấy sẽ suy nghĩ rằng chư tỳ kheo Tăng tạo nghiệp nên tạo nhưng bệnh như vậy là do nghiệp quả của chính ta, vị ấy sẽ rải tâm từ đến chư tỳ kheo Tăng thì sẽ được sanh lên thiên giới. Còn tỳ kheo nào bệnh lật vật cho dù không được chăm sóc mà không chấm dứt (bệnh) thì cũng sẽ chấm dứt được bệnh của vị tỳ kheo đó cho dù không có thuốc cũng hết được, nhưng khi pha thuốc đem đến cho uống thì sẽ hết bệnh được mau chóng hơn. Từ đó vị ấy có thể sẽ học Phật Ngôn hoặc tu tập sa môn pháp được, vì vậy Đức Thế Tôn mới phán dạy rằng cho dù các người bệnh khác thì chư Tăng cũng nên chăm sóc.

Từ **Neva okkamati** tức không đi vào đến con đường (không đúng đường). Cụm từ **Niyāmaṃ kusalesu dhammesu sammattaṃ** tức sự nói chín chắn đúng đường lối trong tất cả thiện pháp (chơn chánh tương tự như đạo lý). Bằng từ này xem như thuyết ám chỉ đến hạng người **văn cú tối vi (padaparamapuggala)**.

Trường hợp thứ 2 Ngài ám chỉ đến hạng người **khai thị tri (ugghatitāññūpuggala)** như trưởng lão **Nālaka** trong giáo pháp nhận được sự giáo hóa trong trú xứ của chư Phật Độc Giác chỉ một lần thì thấu đáo Độc Giác Trí (**paccekabodhiñāṇa**) ngay tức thì trong thời kỳ không có Đức Phật Toàn Giác. Trường hợp thứ 3 thuyết ám chỉ đến hạng người Quảng Dẫn Tri (**vipacitāññūpuggala**). Còn hạng người Ưng Dẫn (**neyyapuggala**) thì phải nương vào phương cách đó (mới giác ngộ được).

Cụm từ **Dhammadesanā anuññātā** tức thuyết giáo mà Ngài cho phép mỗi tháng 8 lần. Cụm từ **Aññesampi dhammo desetabbo** nghĩa là pháp cần phải thuyết cho người ngoài ra.

Vấn: Vì sao?

Đáp: Bởi vì hạng người văn cú tối vi tuy rằng sẽ không thể chứng đắc pháp trong tự thể này được nhưng cũng sẽ làm duyên trong vị lai. Còn người nào khi được thấy hình dáng, sắc tướng của Đức Như Lai mới đắc chứng, hay khi không thấy cũng đắc chứng. Lại nữa, khi được nghe Pháp Luật mới đắc chứng hay không được nghe cũng đắc chứng hay người ấy sẽ chứng đắc cho dù không được thấy không được nghe. Nhưng khi được thấy, khi được nghe thì sẽ đắc chứng nhanh chóng, vì vậy như đã trình bày trên nên mới thuyết pháp cho nhóm người đó. Còn nhóm người thứ 3 (văn cú tối vi **padaparama**) bắt buộc phải thuyết pháp lập đi lập lại.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Bệnh Nhân Thứ 22



Chánh Kinh Bài Kinh Pháp Hữu Vi

23.- ChấT Chứa

- Có ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chấT chứa các thân hành có não hại, chấT chứa các khẩu hành có não hại, chấT chứa các ý hành có não hại. Sau khi chấT chứa thân hành có não hại, chấT chứa khẩu hành có não hại, chấT chứa ý hành có não hại, người ấy sanh trong thế giới có não hại. Vì phải sanh trong thế giới có não hại, người ấy cảm giác các cảm xúc có não hại. Người ấy, vì cảm giác các cảm xúc có não hại, nên cảm giác các cảm thọ có não hại, nhất hướng đau khổ, như các chúng sanh ở trong địa ngục.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người chấT chứa thân hành không có não hại ... chấT chứa ý hành không có não hại. Sau khi chấT chứa thân hành không có não hại ... chấT chứa ý hành không có não hại, người ấy được sanh trong thế giới không có não hại. Được sanh trong thế giới không có não hại, người ấy cảm giác các cảm xúc không có não hại. Do cảm giác các cảm xúc không có não hại, người ấy cảm giác các cảm thọ không có não hại, nhất hướng lạc, như chư Thiên ở Biển Tịnh Thiên.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người chấT chứa thân hành có não hại và không có não hại ... chấT chứa ý hành có não hại và không có não hại. Sau khi chấT chứa thân hành có não hại và không có não hại ... sau khi chấT chứa ý hành có não hại và không có não hại, được sanh vào thế giới có não hại và không có não

hại. Được sanh vào thế giới có não hại và không có não hại, người ấy cảm giác các cảm xúc có não hại và không có não hại. Do cảm giác các cảm xúc có não hại và không có não hại, người ấy cảm giác các cảm thọ có não hại và không có não hại, xen lẫn lạc và khổ, ví như loài Người, một loại chư Thiên và một loại sanh trong đọa xứ.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

Sớ Giải Bài Kinh Pháp Hữu Vi (Atthakathāsaṅkhārasutta)

Nên hiểu luận giải bài kinh pháp hữu vi thứ 23 như sau:

Từ **Sabyāpajjham** tức có khổ. Từ **Kāyasaṅkhāra*** tức nhóm tư trong thân môn. Từ **Abhisāṅkharoti** nghĩa là tập hợp lại tức làm cho thành nhóm, làm cho trở thành khối. Ngay cả ngữ môn và ý môn cũng có ý nghĩa giống như vậy. Cụm từ **Sabyāpajjham lokam** tức chúng sanh thế gian có khổ. Cụm từ **Sabyāpajjha phassa phusanti** nghĩa là xúc có quả là khổ do

* Thân hành (kāyasaṅkhāra) tức pháp tạo tác thân, ngữ hành (vacīsaṅkhāra) pháp tạo tác ngữ hành, ý hành (manosaṅkhāra) pháp tạo tác tâm. Trong nơi khác phần nhiều Ngài ám chỉ hơi thở bởi vì hơi thở nuôi dưỡng thân cho tồn tại, ngữ hành ám chỉ tầm tứ bởi vì người ta suy nghĩ trước rồi mới nói, ý hành ám chỉ tưởng thọ bởi vì tâm sẽ trở thành thiện, bất thiện do tưởng với thọ tạo tác cho diễn tiến. Nhưng trong nơi đây ngài sớ giải thích rằng nhóm tư diễn tiến trong các môn đó gọi là hành mà diễn tiến theo đường thân hành... chỉ có nghĩa là thực hành ác hạnh bởi vì ác hạnh là vấn đề gây ra phiền nhiễu.

đụng chạm. Cụm từ **Sabyāpajjhaṃ vedanaṃ vediyati** nghĩa là cảm thọ là quả có khổ.

Giải thích: Cảm thọ bệnh tật và đau ốm tức không còn sự tươi tỉnh.

Cụm từ **Seyyathāpi sattā nerayikā** nghĩa là họ luôn cảm thọ tất cả chúng sanh sanh vào trong địa ngục chỉ cảm giác thuần nhất thọ khổ.

Vấn: Địa ngục không có thọ xả hay chẳng?

Đáp: Có, nhưng thọ đó ở trong vai trò không đáng kể (**abboharika**) do thọ khổ có nhiều sức mạnh. Do đó như việc diễn giảng trên xem như Đức Phật dẫn chứng địa ngục đó rồi so sánh với địa ngục. Như được nghe rằng đây là tên so sánh tương ứng (**paṭibhāgaupamā**) trong điều đó.

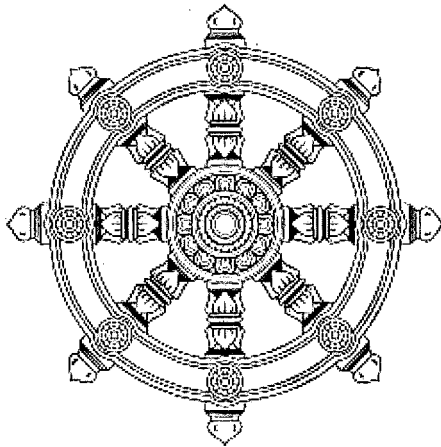
Ngay cả trong cụm từ **Seyyathāpi devā subhakiṇhā** này Đức Thế Tôn dẫn chứng về thiên giới đó đến so sánh với thiên giới. Bởi vì dị thực quả của thiên có hỷ (**pīti**) thường diễn tiến trong phạm thiên giới tầng thấp, còn dị thực quả của thiên không có hỷ chỉ thuần nhất có lạc (**sukha**) diễn tiến trong tầng phạm thiên Biến Quang Thiên (**subhakiṇha**). Do đó, Đức Thế Tôn mới thuyết về phạm thiên Biến Quang Thiên mà Ngài không dựa vào phạm thiên tầng thấp. Trường hợp như diễn giảng trên cho dù ví dụ này trong điều đó cũng nên hiểu rằng là so sánh tương xứng.

Từ **Vokiṇṇa sukhadukkhaṃ** tức thọ có lạc và khổ hòa trộn lẫn nhau. Cụm từ **Seyyathāpi manussā** tức thật sự tất cả nhân loại thường có lạc, có khổ theo thời gian. Cụm từ **Ekacce ca devā** tức chư thiên tầng dục giới. Ngay cả nhóm chư thiên

tầng dục giới đó cũng có lạc, khổ theo thời gian, bởi vì nhóm chư thiên tầng dục giới ít oai lực hơn sẽ phải đứng dậy rời khỏi chỗ ngồi, sẽ phải tránh đường, sẽ phải tháo khăn ra, sẽ phải lễ bái bởi vì nhìn thấy chư thiên nhiều oai lực hơn tất cả việc làm đó đều gọi là khổ.

Cụm từ **Ekacce na vinipātikā** tức chư thiên đọa xứ (**vemanikapetā**). Nhóm ngạ quỷ đó hưởng thụ tài sản theo thời gian, cảm thọ nghiệp theo thời gian cho nên mới gọi là có lạc, khổ hoàn toàn hòa trộn lẫn nhau. Trường hợp như việc diễn giảng trên thì 3 loại thiện hạnh (**sucaritta**) trong bài kinh này nên hiểu Ngài thuyết lẫn lộn nhau cả hiệp thế lẫn siêu thế.

Kết Thúc Sơ Giải Bài Kinh Pháp Hữu Vi Thứ 23



Chánh Kinh Bài Kinh Công Ơn Lớn Lao

24.- Nhiều lợi ích

- Có ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, làm nhiều lợi ích cho người khác. Thế nào là ba?

Do người nào, này các Tỷ-kheo, có người được quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, người ấy là hạng người làm lợi ích nhiều cho người kia. Đây là hạng người làm lợi ích nhiều cho người khác.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, do người nào, người khác rõ biết: "Đây là khổ", rõ biết: "Đây là khổ tập", rõ biết: "Đây là khổ diệt", rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", người ấy là hạng người làm lợi ích nhiều cho người kia. Đây là hạng người làm lợi ích nhiều cho người khác.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, do người nào, người khác đoạn trừ các lậu hoặc ngay trong hiện tại, với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Đây là hạng người làm lợi ích nhiều cho người khác.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, làm lợi ích nhiều cho người khác. Ta nói rằng không có một người nào khác làm lợi ích nhiều hơn cho người bằng ba hạng người này. Ta nói rằng người này không thể khéo trả ơn cho ba hạng người kia, như đánh lễ, đứng dậy, chấp tay, hành động thân thiện, bố thí các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, thuốc trị bệnh ...

Sớ Giải Bài Kinh Công Ôn Lớn Lao
(Atthakathābahukārasutta)

Nên hiểu luận giải bài kinh công ôn lớn lao thứ 24 như sau:

Cụm từ **Tayome bhikkhave puggalā** tức 3 nhóm thầy. Cụm từ **Puggalassa bahukārā** tức người giúp đỡ nhiều cho đệ tử. Từ **Buddham** tức Bậc Toàn Giác. Cụm từ **Saranam gato hoti** nghĩa là quy y Phật là nơi nương tựa. Từ **Dhammam** tức 9 pháp siêu thế cũng với phương thức (pháp học). Từ **Sangham** tức hội chúng 8 bậc Thánh.

Việc quy y này Đức Thế Tôn thuyết về vai trò của người không từng quy y tức người không tạo đức tin vững chắc. Có nghĩa là 3 nhóm thầy như

- 1) Vị thầy truyền thọ quy y
- 2) Vị thầy truyền dạy cho đạt được Dự Lưu Đạo
- 3) Vị thầy truyền dạy cho đạt được A La Hán Đạo

Trong bài kinh này là vị có sự trợ giúp nhiều. Năm nhóm thầy như

- 1) Vị thầy truyền giới xuất gia
- 2) Vị thầy chỉ dạy Phật Ngôn
- 3) Vị thầy tụng tuyên ngôn (**kammavācāriya**)
- 4) Vị thầy chỉ dạy cho chúng đắc Nhất Lai Đạo
- 5) Vị thầy chỉ dạy cho chúng đắc Bất Lai Đạo không được đề cập trong bài kinh này.

Vấn: Các vị thầy này không có sự trợ giúp nhiều hay chăng?

Đáp: Không phải không có trợ giúp. Việc thuyết giảng này chỉ xác định 2 phần bởi vì tất cả vị thầy này gọi là có sự trợ giúp nhiều. Trong các ân đức Pháp đó thì vị thầy không có nguyện vọng tạo phước (**puññādhikāra**) thì thích hợp trong việc quy y mà thôi. Còn tứ thanh tịnh giới (**catupārisuddhisīla**), tu tiến đề mục hoàn tịnh (**kasiṇaparikamma**) và minh quán (**vipassanāñāṇa**) là ân đức pháp nương vào sơ đạo (**paṭhamamagga**). Còn cả 2 Đạo và Quả bậc cao nên hiểu là nương vào A La Hán Đạo. Cụm từ **Iminā puggalena** tức người đệ tử. Cụm từ **Na sappatikāraṃ vadāmi** nghĩa là Như Lai nói rằng việc đền đáp không phải là vấn đề để làm.

Giải thích: Tất cả việc đánh lễ mà người đệ tử khi cúi xuống đánh lễ bằng ngũ thể đầu địa hàng trăm lần hàng ngàn lần đứng dậy từ chỗ ngồi đi đến tiếp đón (vị thầy) trong lúc mỗi lần thấy thì chấp tay lên biểu lộ hành động tôn kính thích hợp, cúng dường 100 chiếc y, 1000 lá y, cúng dường vật thực 100 lần, 1000 lần mỗi ngày, xây dựng trú xứ toàn bằng 7 báu từ ranh giới luân vi sơn (và) cúng dường mọi thứ dược liệu trị bệnh như bơ trong, bơ đặc... thường xuyên gọi là chưa thể đền đáp công ơn mà thầy tổ đã làm (cho hoàn tất) được.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Công Ơn Lớn Lao Thứ 24



Chánh Kinh Bài Kinh Kim Cương

25.- Vết Thương Làm Mủ

- Có ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Hạng người với tâm ví dụ như vết thương, với tâm ví dụ như chớp sáng, với tâm ví dụ như kim cương.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người với tâm ví dụ như vết thương? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người phẫn nộ, nhiều hiềm hận, dầu có bị nói chút ít, cũng tức tối phẫn nộ, sân hận, sùng sộ, biểu lộ sự phẫn nộ, sân hận và bực tức. Ví như một vết thương đang làm mủ, nếu bị cây gậy hay một miếng sành đánh phải, liền chảy mủ nhiều hơn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có người phẫn nộ và bực tức. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người được ví dụ với vết thương đang làm mủ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người với tâm được ví dụ như chớp sáng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người như thật rõ biết: "Đây là khổ"... như thật rõ biết "Đây là con đường đưa đến khổ diệt". Ví như một người có mắt, thấy các sắc trong đêm tối mù mịt, khi có chớp sáng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có người như thật rõ biết: "Đây là khổ", ... như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt". Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là hạng người với tâm được ví như chớp sáng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người với tâm được ví dụ như kim cương? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người, nhờ đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thẳng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải

thoát. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người, với tâm được ví dụ như kim cương.

Ba hạng người này, nay các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

Sớ Giải Bài Kinh Kim Cương (Atthakathāvajirasutta)

Nên hiểu luận giải bài kinh kim cương thứ 25 như sau:

Từ **Arūkūpamacitto** tức có tâm như vết thương mãn tính. Từ **Vijjupamacitto** tức có tâm như tia chớp bởi vì chiếu sáng khoảng thời gian chút ít. Từ **Vijirūpamacitto** tức có tâm như kim cương bởi vì có thể đặng gốc cội rễ của tất cả phiền não. Từ **Abhisajjati** tức đang vướng mắc. Từ **Kuppatti** tức luôn tăng trưởng bởi mãnh lực của sân. Từ **Byāpajjati** tức diệt đi tánh chất thông thường là vật hôi thối. Từ **Patitthiyati** tức dẫn đến bực tức bướng bỉnh. Từ **Kopam** tức sân hận mức độ tồi tệ. Từ **Dosam** tức nóng giận có sức mạnh nhiều hơn sự bực tức bởi có thể gây tổn hại. Từ **Appaccayam** tức ưu buồn là trạng thái không hài lòng.

Từ **Duṭṭhāruko** tức vết thương dai dẳng. Từ **Katthena** tức đầu cây gậy. Từ **Kathalena** tức mãnh sành. Từ **Āsavam neti** tức chảy dính liền nhau.

Giải thích: Vết thương dai dẳng sẽ tuôn chảy ra 3 loại là mủ, máu và tủy theo thông thường của mình, nhưng khi bị va chạm vào thì sẽ tuôn chảy thêm lên.

Trong từ **Evameva kho** này có điều so sánh như sau: Người thường hay nóng giận nên nhìn thấy giống như vết thương ghê tởm. Tánh nết (**carana**-hành vi) của người thường hay nóng giận nên nhìn thấy giống như việc tuôn chảy (của vật dơ bẩn) của vết thương ghê tởm tuôn chảy ra theo tự nhiên của mình, tánh nết của người ác xấu nên nhìn thấy giống như việc tuôn chảy (của vật dơ bẩn) của tử thi trương phồng lên theo thông thường, lời nói chút ít cũng nên nhìn giống như bị va chạm bằng cây hoặc mảnh sứ, tánh chất mà họ sẽ kiêu ngạo nhiều thêm lên rằng người này (dám) nói như vậy với người như ta, nên nhìn thấy giống như việc tuôn chảy ra nhiều thêm lên của vết thương dai dẳng. Từ **Rattandhakāratimissāya** nghĩa là vào buổi tối trong lúc trời tối hẳn bởi vì bóng tối ngăn lại không cho nhãn thức hiện khởi. Từ **Vijjantrikāya** tức vào lúc trời chợp. Trong điều này có sự so sánh như sau, hành giả nên nhìn thấy người có mắt tỏ.

Nghiệp mà sơ đạo sát trừ nên nhìn thấy giống như trời tối lúc sơ đạo hiện khởi nên thấy giống như ánh chớp của trời chợp, sự thấy Niết-bàn vào sát na sơ đạo nên thấy giống như thấy sắc được mọi phía của người có mắt trong lúc trời chợp, phiền não mà nhị đạo sát trừ nên thấy giống như phá tan bóng tối một lần nữa, sự khởi hiện của nhị đạo nên thấy giống như ánh chớp của tia chớp một lần nữa, việc nhìn thấy Niết-bàn vào sát na nhị đạo nên thấy giống như sự thấy được sắc mọi phía của người có mắt tỏ trong lúc trời chợp, phiền não mà tam đạo sát trừ giống như xua tan sự tối tăm mịt mù một lần nữa, việc khởi hiện của tam đạo nên thấy giống như ánh chớp của trời chợp một lần nữa, sự thấy Niết-bàn vào sát na tam đạo nên thấy giống như sự thấy được sắc mọi phía của người có mắt tỏ trong

lúc trời chớp. Ngay cả thực tánh mà người có tâm so sánh như kim cương cũng có điều so sánh như sau: Tứ đạo nên thấy giống như kim cương. Tất cả phiền não mà Tứ Đạo sát trừ nên thấy giống như đài mặt ngọc maṇi hoặc đài mặt đá, thực tánh tất cả phiền não mà Tứ Đạo sát trừ không còn dư sót nên thấy như tánh chất của kim cương cắt đứt đài mặt ngọc maṇi hoặc đài mặt đá, phiền não mà Tứ Đạo đã sát trừ sẽ không sanh trở lại nữa nên thấy giống như đài mặt ngọc maṇi hoặc đài mặt đá bị kim cương cắt đứt sẽ không đầy lên trở lại nữa.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Kim Cương Thứ 25



Chánh Kinh Bài Kinh Nền Giao Du

26.- Cần Phải Thân Cận

- Có ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Có hạng người này, này các Tỷ-kheo, không nên gần gũi, không nên sống chung, không nên hầu hạ cúng dường. Có hạng người, này các Tỷ-kheo, nên thân cận gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường. Có hạng người, này các Tỷ-kheo, sau khi cung kính, tôn trọng, nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người không nên gần gũi, không nên sống chung, không nên hầu hạ cúng dường? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người thấp kém về giới, định, tuệ. Hạng người như vậy, này các Tỷ-kheo, không nên gần gũi, không nên sống chung, không nên hầu hạ cúng dường, trừ khi vì lòng thương tưởng, vì lòng từ mẫn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người đồng đẳng với mình về giới, định, tuệ. Hạng người như vậy, này các Tỷ-kheo, nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường. Vì có sao? Với ý nghĩ: "(Cả hai) thiện xảo về giới, câu chuyện của chúng ta sẽ thuộc về giới, được diễn tiến (lợi ích) cho cả hai chúng ta, và sẽ làm cho hai chúng ta được an lạc. (Cả hai) là thiện xảo về định (Cả hai) là thiện xảo về tuệ, câu chuyện của chúng ta sẽ thuộc về tuệ, được diễn tiến (lợi ích) cho cả hai, và chúng sẽ làm cho hai chúng ta an lạc". Cho nên, người như vậy nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường.

Thế nào là hạng người, này các Tỷ-kheo, sau khi cung kính, tôn trọng, nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người thù thắng về giới, định và tuệ. Hạng người ấy, này các Tỷ-kheo, sau khi cung kính, tôn trọng, cần phải gần gũi, cần phải sống chung, cần phải hầu hạ cúng dường. Vì có sao? Với ý nghĩ: "Như vậy, nếu giới chưa đầy đủ, ta sẽ làm đầy đủ, hay nếu giới được đầy đủ, ta sẽ hỗ trợ thêm cho chỗ này chỗ kia với trí tuệ. Hay nếu định chưa đầy đủ, ta sẽ làm cho đầy đủ, hay nếu định được đầy đủ, ta sẽ hỗ trợ thêm cho chỗ này chỗ kia với trí tuệ. Hay nếu tuệ chưa đầy đủ, ta sẽ làm đầy đủ, hay nếu tuệ được đầy đủ, ta sẽ hỗ trợ thêm cho chỗ này chỗ kia với trí tuệ". Cho nên, với hạng người này, sau khi cung kính tôn trọng, nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

*Người gần kẻ hạ liệt
Rồi cũng bị hạ liệt
Thân cận người đồng đảng
Được khỏi bị thối đọa
Ai gần bậc thù thắng
Mau chóng được thăng tiến
Do vậy hãy sống chung
Bậc ưu thắng hơn mình*

Sớ Giải Bài Kinh Nền Giao Du

(*Atthakathāsevitabbasutta*)

Nên hiểu sớ giải bài kinh nền giao du thứ 26 như sau:

Từ **Sevitabbo** tức nên giao du. Từ **Bhajitabbo** tức nên thân cận. Từ **Payirūpāsītabbo** tức nên đi đến thường xuyên để thân cận. Cụm từ **Sakkatvā garukatvā** nghĩa là tạo sự lễ bái và tôn kính.

Trong cụm từ **Hīno hoti sīlena...** nên hiểu sự thấp kém (hơn nhau) bằng cách so sánh với nhau.

Giải thích: Trong tất cả nhóm người đó thì người giữ 10 giới không nên giao du với người giữ 5 giới. Người giữ tứ thanh tịnh giới không nên giao du với người giữ 10 giới. Cụm từ **Aññatra anudayā aññatra anumāpā** nghĩa là trừ khi vì lòng thương tưởng sẽ tế độ. Bởi vì để được lợi ích cho mình thì không nên giao du với người như vậy. Nhưng sẽ đến giao du với họ bằng sự thương tưởng bằng cách tế độ thì nên.

Cụm từ **Silasāmaññagātānaṃ satamaṃ** nghĩa là đối với tất cả chúng ta tuy là người có giới ngang nhau. Từ **Sīlakatha ca no bhavissati** nghĩa là kệ ngôn đề cập đến nhóm giới đó sẽ có với tất cả chúng ta là người có giới ngang nhau. Cụm từ **Sā ca no pavattanī bhavissati** nghĩa là kệ ngôn của tất cả nhóm chúng ta nói với nhau cho dù suốt ngày đó sẽ tiến hành không dứt quãng. Cụm từ **Sā ca no phāsu bhavissati** nghĩa là giải thích về giới hạnh (**sīlakathā**) tiến hành suốt cả ngày đó sẽ là sự sống hân hoan của tất cả chúng ta. Ngay cả giải thích về định, tuệ (**samādhipaññākathā**) cũng có lý giống như vậy.

Từ **Sīlakkhandham** tức khối giới. Người loại bỏ pháp không thích hợp của giới tức không hỗ trợ cho giới, giao du (thực hành) pháp thích hợp tức pháp hỗ trợ cho giới gọi là tương trợ cho giới uẩn bằng tuệ trong nơi đó trong cụm từ **Tattha tattha paññāya anuggahessamī** này.

Ngay cả trong định uẩn và tuệ uẩn cũng có lý giống nhau. Từ **Ninīyati** nghĩa là khi người giao du với người thấp kém hơn mình thường suy thoái đương nhiên sẽ tổn giảm nối tiếp nhau mãi giống như nước đổ vào trong nồi lọc nước dơ bẩn. Từ **Tulyasevī** tức giao du người ngang bằng với mình.

Từ **Setṭhamupanamaṃ** tức xu hướng giao du với người thanh cao. Cụm từ **Udeti khippaṃ** nghĩa là luôn tăng trưởng mau chóng ngay lập tức. Cụm từ **Tasmā attano uttarim bhajetha** nghĩa là bởi vì người hướng mình giao du với bậc thanh cao thường tăng trưởng mau chóng vì vậy nên cần phải giao du với người trội hơn là người cao hơn tức người thanh cao hơn mình.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Nền Giao Du Thứ 26



Chánh Kinh Bài Kinh Đáng Ghê Tởm

27.- Đáng Ghê Tởm

- Có ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Có hạng người đáng ghê tởm, không cần phải gần gũi, không cần phải sống chung, không cần phải hầu hạ cúng dường. Có hạng người, này các Tỷ-kheo, cần phải nhìn một cách thân nhiên, không cần gần gũi, không cần phải sống chung, không cần phải hầu hạ cúng dường. Có hạng người, này các Tỷ-kheo, cần phải gần gũi, cần phải sống chung, cần phải hầu hạ cúng dường.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người đáng ghê tởm, không cần phải gần gũi, không cần phải sống chung, không cần phải hầu hạ cúng dường? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người ác giới, tính tình độc ác, sở hành bất tịnh, có những hành vi che đậy, không phải là Sa-môn nhưng hiện tướng Sa-môn, không sống Phạm hạnh, nhưng hiện tướng có Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, đầy những tham dục, tánh tình bất tịnh. Hạng người như vậy, này các Tỷ-kheo, đáng ghê tởm, không cần phải gần gũi, không cần phải sống chung, không cần phải hầu hạ cúng dường. Vì có sao? Vì rằng, dầu không thuận theo một chút nào tri kiến của người như vậy, nhưng tiếng xấu được đồn xa về người ấy là có bạn ác, có bằng hữu ác, tôn sùng kẻ ác. Ví như, này các Tỷ-kheo, một con rắn đi vào trong đồng phân, dầu nó không cắn ai, người cũng bị (đồng phân) làm cho ô uế. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, dầu không thuận theo một chút nào tri kiến của người như vậy ... là tôn sùng kẻ ác. Cho nên, hạng người như vậy đáng ghê

tởm, không nên gần gũi, không nên sống chung, không nên hầu hạ cúng dường.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người cần phải nhìn một cách thân nhiên, không nên gần gũi, không nên sống chung, không nên hầu hạ cúng dường? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người phần nộ, nhiều hiềm hận, dầu có bị nói chút ít cũng tức tối, phần nộ, sân hận, sùng sộ, hiện rõ phần nộ, sân hận và bức tức. Ví như, này các Tỷ-kheo, một vết thương làm mủ, nếu bị cây gậy hay mảnh sành đánh phải, thời chảy mủ ra nhiều hơn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có hạng người phần nộ, và bức tức. Ví như, này các Tỷ-kheo, một que lửa bằng gỗ tindukà, nếu bị cây gậy hay mảnh sành đánh phải, thời xẹt lửa xẹt khói ra nhiều hơn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ... Ví như, này các Tỷ-kheo, một hố phân được cây gậy hay mảnh sành quật vào, thời mùi hôi thối lại càng nhiều hơn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có hạng người phần nộ, sân hận và bức tức. Hạng người như vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải nhìn với cặp mắt thân nhiên, không nên gần gũi, không nên sống chung, không nên hầu hạ cúng dường. Vì có sao? Vì nghĩ rằng: "Người ấy có thể nhục mạ ta. Người ấy có thể chửi mắng ta. Người ấy có thể làm hại ta." Cho nên, hạng người như vậy cần phải nhìn một cách thân nhiên, không nên gần gũi, không nên sống chung, không nên hầu hạ cúng dường.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người cần gần gũi, cần phải sống chung, cần phải hầu hạ cúng dường?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người giữ giới, tánh tình hiền thiện. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải gần gũi, cần phải sống chung, cần phải hầu hạ cúng dường. Vì có sao? Vì rằng, dầu không thuận theo chút nào tri kiến của người như vậy,

nhưng tiếng tốt được đồn xa về người ấy là có bạn lành, là có bằng hữu lành, là tôn sùng kẻ lành. Cho nên, hạng người như vậy, cần phải gần gũi, cần phải sống chung, cần phải hầu hạ cúng dường.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

Người gần kẻ hạ liệt
Rồi cũng bị hạ liệt
Thân cận người đồng đẳng
Được khỏi bị thối đọa
Ai gần bậc thù thắng
Mau chóng được thăng tấn
Do vậy hãy sống chung
Bậc ưu thắng hơn mình

Sớ Giải Bài Kinh Đáng Ghê Tởm

(Atthakathājigucchitabbasutta)

Nên hiểu luận giải bài kinh đáng ghê tởm thứ 27 như sau:

Từ **Jigucchitabbo** tức người mà bất cứ ai cũng phải ghê tởm giống như phấn. Từ **Athakho nam** bằng với **athakho assa**. Từ **Kittisaddo** tức tiếng nói xưng danh với nhau. Trong từ **Evameva kho** này nên hiểu theo điều so sánh như sau:

Người ác giới nên thấy giống như hổ phân. Người ác giới nên thấy giống như con rắn hổ thân của nó rơi xuống trong hổ phân, trạng thái mà người giao du với người ác giới (nhưng) không làm theo người ác giới đó nên thấy giống như trạng thái

người bị con rắn mà họ kéo lên từ hố phân treo lên đến thân xác nhưng không cắn, lúc mà người giao du với người ác giới thì thậm chí tiếng tăm không tốt đồn đại khắp nơi nên hiểu giống như lúc họ bị con rắn thân dính phần cắn vào. Từ **Tiṇḍukālātamaṃ** tức thanh củi cây hồng vàng. Cụm từ **Bhiyyo mattāya cicīhāyati** nghĩa là thanh củi cây hồng vàng đó khi bị đốt cháy theo thông thường thì mảnh sẽ văng rơi ra kêu thành tiếng rắc rắc.

Giải thích: Thanh củi bị gõ sẽ kêu thành tiếng nhiều hơn.

Từ **Evameva kho** nghĩa là người thường hay nóng giận cũng giống nhau như thế đó tức cho dù theo bản tánh tự nhiên của mình là người không yên tịnh hung dữ sinh diệt. Nhưng trong lúc được nghe lời nói cho dù chỉ chút ít thì chửi mắng thậm tệ hung dữ thêm lên nữa, rằng “người này nói như vậy với người như ta”. Từ **Guthakūpo** tức hố đầy dẫy phần hoặc hố phần. Trong nơi đây nên hiểu so sánh theo lý trước đó.

Cụm từ **Tasmā evarūpo puggalo ajjuhekkhitabbo na sevitabbo** nghĩa là do người thường hay nóng giận khi ai giao du thân cận thì sẽ có sự nóng giận giống như vậy, thường nóng giận ngay cả với người chửi ngược trở lại cho rằng người này có lợi ích gì, vì vậy họ sẽ trở thành giống như lửa cháy rơm. Mọi người nên thân nhiên không nên giao du thân cận.

Ngài đề cập giải thích như thế nào? Ngài cập giải thích rằng người đi đến gần lửa rơm cháy cho đến quá độ sẽ bị nóng, thân thể của họ sẽ ảnh hưởng cháy tháp từng theo, người lui ra cách xa nhiều hơn sẽ không bị nóng, sự mát mẻ cũng chưa mất hẳn. Còn người đang sưởi lửa trong khoảng cách vừa chùng không vào gần quá và không lùi cách xa quá thì sự lạnh giá sẽ

mất đi, vì vậy người thường hay nóng giận giống như lửa rom cháy nên cần phải nhẫn nại bằng thái độ trung dung không cần bất cứ ai giao du, không cần bất cứ ai thân cận, không cần bất cứ ai đi đến ngồi kề cận.

Từ **Kalyāṇamitto** tức bạn thanh khiết. Gọi là **Sahāya** tức người thông thường đi chung cùng nhau và đi lại chung với nhau. Từ **Kalyāṇasampavaṅko** tức người nhu thuận đối với tất cả thiện bạn hữu (**kalyāṇamitta**) là người thanh khiết.

Giải thích: Người có tâm khiêm tốn noi theo sự chỉ dẫn của thiện bạn hữu.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Đáng Ghê Tởm Thứ 27



Chánh Kinh Bài Kinh Lời Nói Như Hoa

28.- Nói Như Hoa

- Có ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Hạng người nói như phân, hạng người nói như hoa, hạng người nói như mật.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người nói như phân? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người khi đi vào hội trường, hay đi vào hội chúng, hay khi đi đến giữa các người bà con, hay khi đi đến giữa các người đồng một tổ hợp, hay đi đến giữa cung vua, hay bị dẫn như là người làm chứng, được nói: "Người biết gì, hãy nói lên". Người ấy không biết, nói rằng: "Tôi có biết"; có biết, nói rằng: "Tôi không biết"; không thấy, nói rằng: "Tôi có thấy"; có thấy, nói rằng: "Tôi không thấy". Do vì mình hay vì người, hay vì một vài lợi vật nhỏ, mà đã cố ý nói láo. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là người nói như phân.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người nói như hoa? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người khi đi vào hội trường, hay khi đi vào hội chúng, hay khi đi đến giữa các người bà con, hay khi đi đến giữa các người đồng một tổ hợp, hay đi đến cung vua, hay bị dẫn như là người làm chứng, được nói: "Người biết gì, hãy nói lên". Người ấy không biết, nói rằng: "Tôi không biết"; có biết, nói rằng: "Tôi có biết"; không thấy, nói rằng: "Tôi không thấy"; có thấy, nói rằng: "Tôi có thấy". Không vì mình hay vì người, hay vì một vài lợi vật nhỏ mà đã cố ý nói láo. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là người nói như hoa.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người nói như mật? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người đoạn tận ác ngữ, từ bỏ lời nói ác

ngữ. Lời nói của người ấy không hại, tai ưa nghe, khả ái, đi thẳng đến tâm, lễ độ, được nhiều người ưa thích, được nhiều người thích ý, người ấy nói những lời như vậy. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người nói như mật.

Ba hạng người này, nay các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

Sớ Giải Bài Kinh Lời Nói Như Hoa

(Atthakathāpupphabhāṇisutta)

Nên hiểu luận giải bài kinh lời nói như hoa thứ 28 như sau:

Người nào nói lời lẽ bốc ra mùi hôi thối như phấn, người đó gọi là **guthabhaṇī**. Người nào nói lời lẽ lan tỏa hương thơm như hoa, người đó gọi là **pupphabhāṇī**. Người nào nói lời lẽ dịu ngọt như mật ong, người đó gọi là **madhubhāṇī**.

Từ **Sabhāgato** tức ở trong hội trường. Từ **Parisagato** tức ở trong nhóm dân làng. Từ **Nātimajjhagato** tức ở trong vòng tất cả người thừa tự. Từ **Pūgamajjhagato** tức ở trong vòng tất cả binh lính. Từ **Rājakulamajjhagato** tức ở trong vòng hoàng tộc nghĩa là trong cung điện dành cho việc phán quyết của triều đình.

Từ **Abhinīto** tức bị dẫn đi để cần phải thẩm vấn. Từ **Sakkhipuṭṭho** tức bị họ dựa vào làm chứng cứ để tra hỏi. Cụm từ **Evam bho purisa** đây là tình huống. Cụm từ **Attahetu vā parahetu vā** tức bởi vì bộ phận như tay và chân... của mình hoặc của người khác. **Lābha** Ngài ám chỉ lấy **vật chất (āmisā)**

trong câu **Āmisakiñcikkhahetu vā** này. Từ **Kiñcikkham** tức đồ vật chút ít nghĩa là đồ vật nhỏ nhoi.

Giải thích: Nguyên nhân của vật chất nói tận cùng cho dù chỉ là con chim cú, chim cun cú, cục bơ trong và cục bơ đặc... Cụm từ **Sampajānamusā bhāsītā hoti** nghĩa là nói dối cho dù biết rõ.

Tội lỗi gọi là **ela** trong từ **nelā**. Lời nói gọi là **nelā** do ý nghĩa không có tội nghĩa là chấm dứt tội. Lời nói không có tội giống như giới mà Đức Thế Tôn thuyết trong kệ ngôn này rằng **Nelaṅgo setapacchādo**.

Lời nói gọi là **Kaṇṇasukhā** nghĩa là lời nói êm tai bởi vì từ ngữ thanh tao. Lời nói đó không làm cho phát sanh nhức nhối tai giống như kim đâm vào.

Lời nói gọi là **Pemaṇiyā** bởi vì làm cho khởi lên sự thương mến không làm cho phát sanh nóng giận cả toàn thân do có ý nghĩa dịu dàng.

Lời nói gọi là **Hadayaṅgamā** bởi vì dẫn đến tâm không bồn loạn đưa đến tâm sáng khoái.

Lời nói gọi là **Porī** do ý nghĩa có trong đất nước bởi vì đức hạnh hoàn hảo.

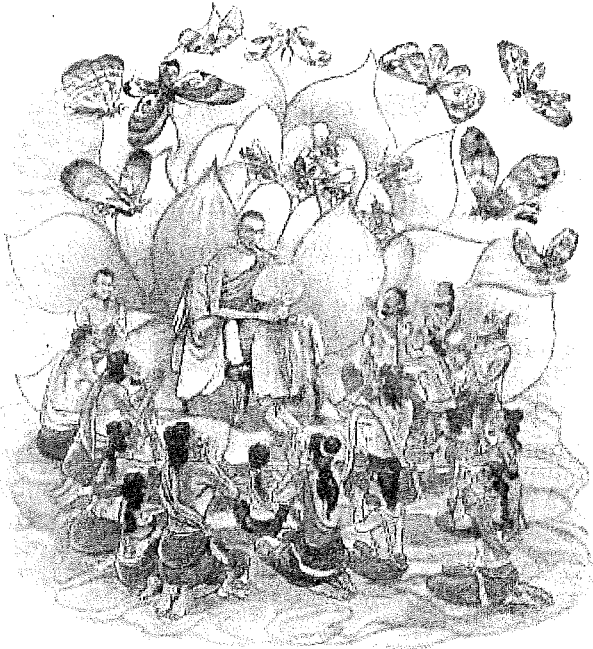
Lại nữa, lời nói gọi là **Porī** bởi vì tế nhị dịu dàng giống như nữ nhân phát triển lớn lên trong đất nước. Lại nữa, lời nói gọi là **Porī** bởi vì là lời nói thị dân nghĩa là lời nói của người ở trong thành thị.

Thật vậy, thị dân thường có lời lẽ thích hợp như gọi người trạc tuổi cha là cha, gọi người trạc tuổi anh trai hoặc em trai là anh trai, em trai.

Do lời lẽ loại này gọi là **Bahujanakantā** bởi vì là lời nói mà phần nhiều người thương mến.

Lời nói gọi là **Bahujanamanāpā** bởi vì được hài lòng tức làm cho hả dạ đối với phần nhiều người vì là lời nói mà phần nhiều người thương mến.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Lời Nói Như Hoa Thứ 28



Chánh Kinh Bài Kinh Mù Lòa

29.- Mù Lòa

- Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mắt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Người mù, người một mắt, người có hai mắt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người mù? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không có mắt để có thể với mắt như vậy, thâm hoạch được tài sản chưa được thâm hoạch hay làm cho tăng trưởng tài sản đã được thâm hoạch; không có mắt để có thể với mắt như vậy, biết được pháp thiện và pháp bất thiện, có tội và không tội, pháp liệt và thắng, pháp thuộc thành phần đen và trắng. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người mù.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có một mắt? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người có mắt để có thể với mắt như vậy, thâm hoạch được tài sản chưa được thâm hoạch hay làm cho tăng trưởng tài sản đã được thâm hoạch; nhưng không có mắt để có thể với mắt như vậy, biết được pháp thiện và pháp bất thiện, có tội và không tội, pháp liệt và thắng, pháp thuộc thành phần đen và trắng. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người một mắt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có hai mắt? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người có mắt để có thể với mắt như vậy, thâm hoạch được tài sản chưa được thâm hoạch hay làm cho tăng trưởng tài sản đã được thâm hoạch; và có mắt để có thể với mắt như vậy, biết được pháp thiện và pháp bất thiện, có tội và không tội, pháp liệt và thắng, pháp thuộc thành phần đen và trắng. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người có hai mắt.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mắt, xuất hiện ở đời.

Kẻ mù, mắt bị hư
Cả hai đều bất hạnh
Vừa công đức không làm
Vừa không được tài sản
Thứ đến là hạng người
Được gọi là một mắt
Liên hệ pháp phi pháp
Tìm cầu các tài sản
Vớ trộm và man trá
Cùng vớ cả nói láo
Vừa khéo góp tài sản
Vừa giỏi hưởng dục lạc
Từ đây đến địa ngục
Người một mắt bị hại.

Còn vị có hai mắt
Được gọi người tối thượng
Thâu hoạch các tài sản
Một cách đúng chánh pháp
Các tài sản đã có,
Tặng trưởng đúng chánh pháp
Bố thí, ý tốt đẹp
Không phân vân ngập ngừng
Được sanh chỗ hiền thiện
Đi chỗ ấy không sầu

Vậy hãy tránh thật xa
Người mù, người một mắt
Thân cận bậc hai mắt
Bậc tối thắng trượng phu!

Sớ Giải Bài Kinh Mù Lòa

(Atthakathāandhasutta)

Nên hiểu luận giải bài kinh mù lòa thứ 29 như sau:

Cụm từ **Cakkhu na hoti** tức không có tuệ nhãn (paññacakkhu). Từ **Phatiṃ kareyya** nghĩa là làm cho tài sản đã được cho bền vững tức làm cho tăng trưởng. Từ **Sāvajjānavajje** tức pháp có tội và không có tội. Từ **Hīnappaṇite** tức pháp bậc hạ và bậc thượng. Từ **Kaṇhasukkasappaṭibhāge** nghĩa là pháp đen và pháp trắng.

Đức Thế Tôn thuyết rằng có sự cân xứng bằng cách đối lập nhau bởi vì trái nghịch lẫn nhau. Trong từ này có sự thu gọn như sau: Người nên biết pháp thiện là pháp thiện, nên biết pháp bất thiện là bất thiện. Ngay cả trong từ pháp có tội... cũng có lý như vậy. Còn trong pháp có sự đối xứng với nhau cả pháp đen lẫn pháp trắng, pháp đen người nên biết là có sự đối xứng với pháp trắng, pháp trắng nên biết là đối xứng với pháp đen bằng tuệ nhãn nào cho dù mắt thấy chừng ấy của người đó không có, nên hiểu ý nghĩa trong trường hợp còn lại theo lý như đã đề cập trên.

Cụm từ **Na ceva bhogā tathārūpā** nghĩa là mặc dù loại tài sản đó không có với người ấy. Cụm từ **Na ca puññāni kubbati** nghĩa là họ vẫn không tạo phước. Bằng từ có giới hạn bấy nhiêu đây xem như không có mắt là nhân làm cho tài sản phát sanh lên và nhãn làm cho phát sanh trí (tuệ nhãn). Cụm từ **Ubhayattha kaliggaho** tức chấp sai.

Giải thích: Năm giữ sai lầm trong cả 2 đời tức trong đời này và đời sau.

Một lý khác nữa, cụm từ **Ubhayattha kaliggaho** tức nắm giữ cả 2 lợi ích như việc tiếp diễn về hiện tại kiến (**ditṭhadhamma**) và hậu lai kiến (**samparayabhava**) là tội lỗi.

Giải thích: Chấp thủ sai lầm.

Từ **Dhammadhammena** tức bằng pháp thập thiện nghiệp đạo hay bằng pháp thập bất thiện nghiệp đạo. Từ **Saṭho** tức thường hay chung điện. Cụm từ **Bhogāni pariyesati** tức tầm cầu tất cả tài sản.

Cụm từ **Theyyena kuṭakammena musāvadena cūbhayaṃ** nghĩa là tầm cầu tất cả tài sản bằng cả 2 nghiệp trong tất cả nghiệp như nghiệp trộm cắp...

Vấn: Tầm cầu bằng cả 2 nghiệp như thế nào?

Đáp: Tầm cầu tất cả tài sản bằng nghiệp trộm cắp (**theyyakamma**) và nghiệp lường gạt (**kuṭakamma**) tức tầm cầu bằng nghiệp trộm cắp và nói dối và tầm cầu nghiệp lường gạt và nói dối. Từ **Saṅghātum** tức để tích góp. Từ **Dhammaladdhehi** tức có được bằng cách không cho hư hoại pháp như thập thiện nghiệp đạo (**kusalakammamārga**). Từ **Uṭṭhānādhigatam** tức có được bằng sự tinh cần. Từ **Abyaggamānaso** tức có tâm xa lìa hoài nghi. Cụm từ **Bhaddakam** nghĩa là nơi chốn tốt nhất tức nơi chốn chư thiên. Từ **Na socati** tức không có sâu muện bởi sâu muện bên trong trong nơi nào.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Mù Lòà Thứ 29



Chánh Kinh Bài Kinh Lộn Ngược

30.- Lộn Ngược

- Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Hạng người với trí tuệ lộn ngược, hạng người với trí tuệ bấp vế, hạng người với trí tuệ rộng lớn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người với trí tuệ lộn ngược? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người đi đến khu vườn (tinh xá) thường thường nghe pháp từ các Tỷ-kheo, các vị Tỷ-kheo thuyết pháp cho người ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Người ấy, tại chỗ ngồi ấy, đối với bài thuyết giảng ấy, không có tác ý đến đoạn đầu, không có tác ý đến đoạn giữa, không có tác ý đến đoạn cuối. Cũng vậy, khi người ấy từ chỗ ngồi ấy đứng lên, đối với bài thuyết giảng ấy, người ấy không có tác ý đến đoạn đầu, không có tác ý đến đoạn giữa, không có tác ý đến đoạn cuối. Ví như này các Tỷ-kheo, một cái ghè bị lộn ngược, nước chứa trong ấy tuôn chảy, không có dừng lại. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, có hạng người đi đến khu vườn ... không có tác ý đoạn cuối. Cũng vậy, khi người ấy từ chỗ ngồi ấy đứng lên ... không có tác ý đoạn cuối. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người với trí tuệ lộn ngược.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người với trí tuệ bấp vế? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người đi đến khu vườn (tinh xá). Người ấy, tại chỗ ngồi ấy, đối với bài thuyết giảng ấy, có tác ý đến đoạn đầu, có tác ý đến đoạn giữa, có tác ý đến đoạn cuối. Nhưng khi người ấy từ chỗ ngồi ấy đứng dậy, đối với bài thuyết giảng ấy, người ấy không có tác ý đến đoạn đầu, không có tác ý đến đoạn giữa, không có tác ý đến đoạn cuối. Ví như này các Tỷ-kheo, trên bấp vế của một người, các loại đồ ăn được chổng lên

như hạt mè, hạt gạo, các loại kẹo và trái táo. Khi từ chỗ ngồi đứng dậy, vì vô ý, người ấy làm đổ vãi tất cả. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, có hạng người đi đến khu vườn ... Người ấy, tại chỗ ngồi ấy ... có tác ý đoạn cuối. Nhưng khi người ấy tại chỗ ngồi ấy đứng dậy ... không có tác ý đoạn cuối. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người với trí tuệ thấp kém.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có trí tuệ rộng lớn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người đi đến khu vườn (tinh xá) ... trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Tại chỗ ngồi ấy, vị ấy đối với bài thuyết giảng ấy, có tác ý đến đoạn đầu ... có tác ý đến đoạn cuối. Cũng vậy, khi vị ấy, từ chỗ ngồi ấy đứng lên, đối với bài thuyết giảng ấy, có tác ý đến đoạn đầu ... có tác ý đến đoạn cuối. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái ghè được dựng đứng, nước chứa trong ấy được giữ lại, không có chảy đi. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ở đây, có hạng người đi đến khu vườn (tinh xá) ... trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Tại chỗ ngồi ấy, vị ấy đối với bài thuyết giảng ấy, có tác ý đến đoạn đầu ... có tác ý đến đoạn cuối. Cũng vậy, khi vị ấy, từ chỗ ngồi ấy đứng lên, đối với bài thuyết giảng ấy, có tác ý đến đoạn đầu ... có tác ý đến đoạn cuối. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người có trí tuệ rộng lớn.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

Hạng trí tuệ lộn ngược
Không thông minh, không mắt
Họ thường thường đi đến
Đến gần các Tỷ-kheo
Đoạn đầu của bài giảng

Đoạn giữa và đoạn cuối
Họ không học được gì,
Họ không có trí tuệ

Hạng trí tuệ thấp về
Được gọi là tốt hơn
Họ thường thường đi đến
Đến gần các Tỷ-kheo
Đoạn đầu của bài giảng
Đoạn giữa và đoạn cuối
Ngồi trên chỗ mình ngồi
Nắm giữ được lời văn
Đứng dậy không hiểu rõ
Quên mất điều đã nắm

Bậc trí tuệ rộng lớn
Được gọi tốt hơn cả
Họ thường thường đi đến
Đến gần các Tỷ-kheo
Đoạn đầu của bài giảng
Đoạn giữa và đoạn cuối
Ngồi trên chỗ mình ngồi
Nắm giữ được lời văn
Thọ trì điều được nghe
Suy tư điều tối thắng
Vớ ý không dao động
Là hạng người như vậy
Thực hành pháp, tùy pháp
Có thể đoạn khổ đau.

Sớ Giải Bài Kinh Lộn Ngược
(Atthakathāavakujjitasutta)

Nên hiểu luận giải bài kinh lộn ngược thứ 30 như sau:

Từ **Avakujjapañño** tức có trí tuệ giống như cái nồi lật úp xuống. Từ **Ucchagapañño** tức có trí tuệ như bấp vế. Từ **Puthupañño** tức có trí tuệ quảng đại.

Trong từ **Adikalyānaṃ...** nên hiểu luận giải như sau:

Khởi đầu (thuyết) gọi là mở đầu, khoảng giữa của kệ ngôn gọi là chính giữa, đoạn kết thúc gọi là cuối cùng. Nhóm từ khéo đó khi thuyết pháp cho người ấy gọi là thuyết pháp làm cho tốt đẹp, tăng trưởng không có tội lỗi cả trong phần đầu, phần giữa lẫn phần cuối.

Lại nữa, trong kinh này có đoạn đầu, giữa và cuối của **thuyết pháp (desanā)** và có đoạn đầu, giữa và cuối của **giáo pháp (sāsanadhamma)**.

Tất cả 2 thuyết pháp và giáo pháp (đề cập về) thuyết pháp trước câu đầu tiên của 4 kệ ngôn là câu đoạn đầu, 2 câu là đoạn giữa và câu sau cùng là đoạn cuối.

Đối với Kinh có một sự liên kết thì nguyên nhân (**nidāna**) là đoạn đầu, tiếp nối (**anusandhi**) là đoạn giữa, đoạn kết thúc trong kinh rằng **Idamavoca** là đoạn cuối.

Đối với kinh có nhiều liên kết thì liên kết thứ 1 là đoạn đầu, nhiều hơn đó trở đi một hoặc nhiều liên kết là đoạn giữa, liên kết sau cùng là đoạn cuối. Đây là lý của thuyết pháp trước.

Về phần giáo pháp thì giới là đoạn đầu, (chỉ tịnh) định là đoạn giữa, minh quán (**vipassanā**) là đoạn cuối.

Một lý khác nữa, chỉ tịnh là đoạn đầu, minh quán là đoạn giữa, Đạo là đoạn cuối.

Một lý khác nữa, minh quán là đoạn đầu, Đạo là đoạn giữa, Quả là đoạn cuối.

Một lý khác nữa, Đạo là đoạn đầu, Quả là đoạn giữa, Niết-bàn là đoạn cuối.

Một lý khác nữa, khi gom pháp cho song hành với nhau thì giới với chỉ tịnh (**samādhī**) là đoạn đầu, minh quán với Đạo là đoạn giữa, Quả và Niết-bàn là đoạn cuối.

Từ **Sāttham** nghĩa là các tỳ kheo thuyết pháp đem đến lợi ích. Từ **Sabyañjanam** nghĩa là thuyết pháp làm cho văn tự được trọn vẹn (thuyết pháp đầy đủ văn tự). Từ **Kevalaparipunṇam** nghĩa là thuyết pháp làm cho trọn vẹn tất cả không thiếu sót. Từ **Parisuddham** tức thuyết pháp thanh tịnh tức không làm cho rối ren không có nắm giữ lại. Cụm từ **Brahmacariyam pakāseti** nghĩa là khi thuyết như thế đó gọi là tuyên bố Thánh Đạo có 8 chi gom lại bằng Tam Học là đức hạnh cao thượng nhất. Cụm từ **Nevādiṃ manasikaroti** nghĩa là khỏi sự thuyết pháp cũng không tác ý (đến lợi lộc).

Từ **Kumbho** tức cái nôi. Từ **Nikujjo** tức lật úp miệng nôi xuống. Trong từ **Evameva kho** này nên hiểu luận giải như sau: Người có trí tuệ thấp kém nên thấy giống như lật úp miệng nôi xuống. Lúc được nghe thuyết pháp nên thấy giống như lúc đổ nước (vào trên đáy nôi). Lúc mà người ngồi trên tọa cụ chưa có thể tiếp nhận học được nên thấy giống như lúc nước chảy ra hết. Lúc người đó đứng dậy thì không nhớ được nên thấy giống như lúc nước không chứa được (trên đáy nôi). Từ **Ākiṇṇāni**

tức nơi cất giữ lại. Cụm từ **Satisammosāya pakireyya** tức (đồ vật cần phải để khoanh lại đó) rơi vung vãi đi bởi vì là người lơ đãnh.

Trong từ **Evameva kho** này nên hiểu luận giải như sau: Người có trí tuệ như bấp vế nên thấy giống như bấp vế. Phật Ngôn có nhiều loại khác nhau nên thấy giống như các loại vật thực khác nhau. Lúc mà người ngồi học trên sàng tọa nên thấy giống như lúc (mà) người ngồi khoanh chân theo các kiểu trên bấp vế. Lúc mà người đứng dậy từ sàng tọa đó thì không nhớ được nên thấy giống như lúc người đứng dậy làm cho thức ăn đổ tung tóe bởi vì lơ đãnh.

Từ **Ukkujjo** tức (cái nồi) đặt lật ngửa miệng lên. Từ **Santhāti** tức nước vẫn còn chứa lại.

Từ **Evameva kho** này nên hiểu luận giải như sau: Người có nhiều trí tuệ nên thấy giống như cái nồi đặt lật ngửa miệng lên. Lúc được nghe thuyết pháp nên thấy giống như đổ nước vào. Lúc người ngồi học trên sàng tọa nên thấy giống như nước đang chứa lại. Lúc người đứng dậy đi mà vẫn còn nhớ được nên thấy giống như lúc nước không chảy ra.

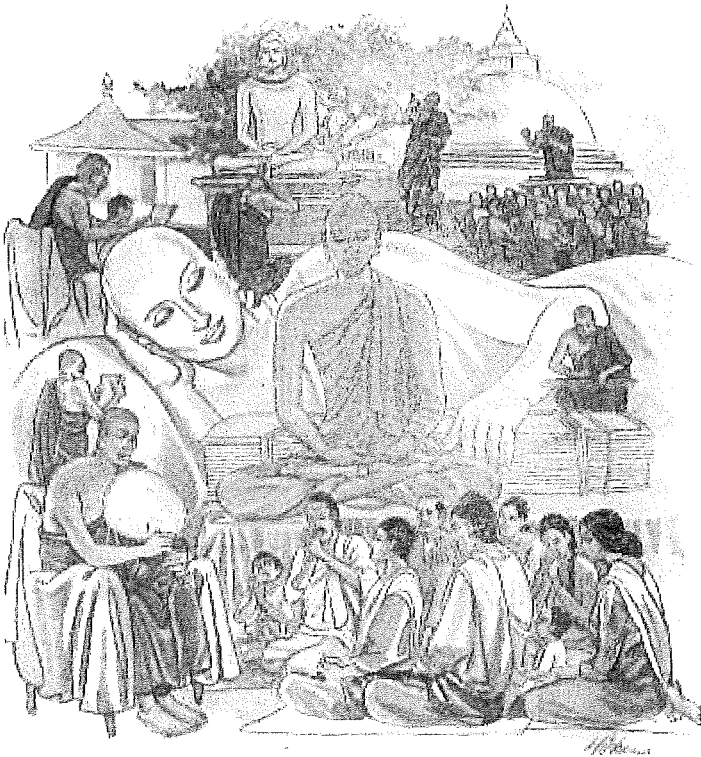
Từ **Dummedho** tức không có trí tuệ. Từ **Avicakkhaṇo** tức thiếu trí tuệ để xử lý. Từ **Gantā** tức có sự đi bình thường. Cụm từ **Seyyo etena vuccati** nghĩa là (người có trí tuệ như bấp vế) Đức Phật thuyết rằng thù thắng hơn người đó (tức người có trí tuệ như cái nồi lật úp).

Từ **Dhammānudhammapaṭipanno** nghĩa là thực hành pháp tương xứng với 9 pháp siêu thế tức thực hành điều thực hành giai đoạn đầu cùng với giới. Từ **Dukkhasa** tức khổ luân

hồi. Cụm từ **Antakaro siyā** nghĩa là nên thực hành rốt ráo tức nên là người làm cho đứt đoạn (khổ) thì cũng là người làm cho chấm dứt con đường (khổ).

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Lộn Ngược Thứ 30

Kết Thúc Phẩm Diễn Giảng Về Người Thứ 3



IV. Phẩm Sứ Giả Của Trời

Diễn Giảng Phẩm Thiên Sứ

(Devadūtavaggavaṇṇanā)

Chánh Kinh Phạm Thiên

31. Ngang Bằng Với Phạm Thiên

- Những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, trong ấy, các con cái kính lễ mẹ cha ở trong nhà, những gia đình ấy được chấp nhận ngang bằng với Phạm Thiên. Những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, trong ấy, các con cái kính lễ mẹ cha ở trong nhà, những gia đình ấy được chấp nhận như các Đạo sư thời xưa. Những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, trong ấy, các con cái kính lễ mẹ cha ở trong nhà, những gia đình ấy được chấp nhận là đáng được cúng dường.

Phạm Thiên, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với cha mẹ. Các Đạo sư thời xưa, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với cha mẹ. Đáng được cúng dường, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với cha mẹ. Vì có sao? Giúp đỡ rất nhiều, này các Tỷ-kheo, là cha mẹ đối với con cái, nuôi chúng lớn, dưỡng dục chúng, giới thiệu chúng vào đời.

Mẹ cha gọi Phạm Thiên,
Bậc Đạo sư thời trước
Xứng đáng được cúng dường
Vì thương đến con cháu

Do vậy, bậc Hiền triết
Đánh lễ và tôn trọng
Dâng đồ ăn đồ uống
Vải mặc và giường nằm
Thoa bóp (cả thân mình)
Tắm rửa cả tay chân
Vói sở hành như vậy,
Đối với mẹ cha
Đời này người Hiền khen
Đời sau hưởng Thiên lạc

Sớ Giải Kinh Phạm Thiên

(Atthakathābrahmasutta)

Nên hiểu luận giải kinh phạm thiên thứ 31 của phẩm thiên sứ thứ 4 như sau:

Từ **Ajjhāgāre** tức trong nhà của mình. Cụm từ **Pūjitā honti** nghĩa là cha mẹ là người mà con trai phải phụng dưỡng bằng vật chất ở trong nhà.

Đức Thế Tôn khi Ngài tuyên bố với dòng giống cúng dường cha mẹ rằng là dòng giống có phạm thiên (thường xuyên ở nhà) bởi có cha mẹ (là phạm thiên). Bấy giờ, trước khi Ngài thuyết đến ý nghĩa cha mẹ là vị thầy đầu tiên (**pubbācāraya**)... mới thuyết từ khởi đầu như **Sapubbācariyakāni** (như vị thầy ban đầu). Tất cả các từ đó thì từ **Brahmā**... Đức Thế Tôn thuyết để làm thành tựu trở thành phạm thiên... với dòng giống đó. Từ **Bāhukārā** tức có sự giúp đỡ nhiều đối với tất cả con cái. Từ **Āpādakā** tức gìn giữ đời sống.

Giải thích: Cha mẹ gìn giữ đời sống cho con cái như nuôi dưỡng nâng niu cho diễn tiến nối tiếp nhau. Từ **Posakā** nghĩa là nuôi dưỡng cho thân xác lớn lên cho uống máu (sữa) trong lòng ngực. Cụm từ **Imassa lokassa dassetāro** nghĩa là sự việc các người con được cảnh tốt và cảnh xấu khởi hiện trong thế gian này do nương vào cha mẹ cho nên cha mẹ mới gọi là người giới thiệu thế gian này.

Từ **Brahma** trong câu kệ ngôn **Brahmāti mātāpitāro** này là tên của vị cao quý nhất không lìa bỏ 4 pháp tu tiến như từ, bi, hỷ, xả như thế nào thì tất cả cha mẹ cũng giống như thế đó sẽ không từ bỏ 4 pháp tu tiến (**bhāvanā**) đối với tất cả con cái, 4 nhóm pháp tu tiến đó nên hiểu theo giai đoạn thời gian như sau:

Giải thích: Trong lúc đứa con còn trong bụng thì cha mẹ sẽ khởi lên tâm từ rằng khi nào nhỉ? Ta sẽ thấy được đứa con bé bỏng an toàn có bộ phận cơ thể lớn nhỏ đầy đủ toàn vẹn. Nhưng khi nào đứa con bé bỏng đó vẫn còn non dại nằm ngửa như khi nào lớn lên cao hoặc nằm trăn trở không yên kêu la khóc thét, khi đó cha mẹ khi được nghe tiếng đứa con ấy sẽ khởi sanh bi mẫn. Nhưng trong lúc đứa bé chạy chơi đi lại hoặc trong lúc đứa bé ở vào độ tuổi thanh niên thiếu nữ thì cha mẹ ngắm nhìn sẽ có tâm mềm mại, hân hoan, vui thích giống như bông gòn và bông vải mà họ chà sát chùng lên cả 100 lần bỏ vào trong bột bơ trong, khi đó cha mẹ sẽ có tâm hỷ. Nhưng khi nào đứa con bắt đầu có gia đình tách lìa khỏi nhà, khi đó cha mẹ sẽ yên tâm rằng giờ đây con của ta sẽ có thể sống độc thân được lúc đó cha mẹ sẽ có tâm xả. Như đã đề cập trên Đức Thế Tôn mới thuyết rằng **Brahmāti mātāpitāro**.

Cụm từ **Pubbācariyāti vuccare** nghĩa là tất cả cha mẹ từ khi sanh con ra thường luôn cho con học tập cho con ý thức rằng hãy ngồi như vậy, hãy đứng như vậy, hãy đi như vậy, hãy nằm như vậy, hãy nhai như vậy, hãy ăn như vậy, người này con nên gọi là cha, người này nên gọi là anh, người này nên gọi là em, con nên làm điều này không nên làm điều này, nên giao du với người tên đó, người tên kia không nên giao du.

Thời gian về sau, các vị thầy khác mới chỉ dạy cho nghề thuật cỡi voi, nghề thuật cỡi ngựa, nghề thuật cưỡi xe, nghề thuật bắn cung và việc tính toán bằng ngón tay. Các vị thầy khác thì cho quy y, vị thầy khác cho học Phật Ngôn, vị thầy khác cho thọ cụ túc gia (**upasamapada**), vị thầy khác chỉ cho chứng đắc sơ đạo. Tất cả các vị thầy đó mới gọi là vị thầy về sau (**pacchācāriya**), còn cha mẹ là vị thầy trước hơn mọi vị thầy (**pubbācariya**). Do đó, Đức Thế Tôn mới thuyết rằng **Pubbācariyāti vuccare**. Tất cả từ đó thì từ **vuccare** nghĩa là gọi tức nói.

Cụm từ **āhuneyyā ca puttāni** nghĩa là xứng đáng nhận được cơm, nước... mà con cái sắp đặt đem đến để cúng dường, để tiếp đãi là người xứng đáng nhận lãnh cơm, nước... vì vậy Đức Thế Tôn mới thuyết rằng **Āhuneyyā ca puttānaṃ**. Cụm từ **Pajāya anukampakā** nghĩa là cha mẹ luôn chăm sóc bảo tồn con của mình bởi việc sát hại sanh mạng của các chúng sanh khác, cho nên Đức Thế Tôn mới thuyết rằng **Pajāya anukampakā**. Từ **Namasseyya** tức tạo sự tôn kính. Từ **Sakkareyya** tức nên tôn kính đánh lễ.

Bấy giờ, trước khi Ngài thuyết về việc lễ bái mới thuyết về từ chẳng hạn như **Annena** này. Tất cả từ đó thì từ **Annena** tức

cháo, cơm và thức ăn vặt. Từ **Panena** tức 8 loại thức uống. Từ **Vatthena** tức vải để mặc và vải để đắp. Từ **Sayanena** tức đồ vật để chịu lực như giường và ghế. Từ **Ucchādanena** tức vật thoa dành để diệt mùi hôi làm cho có mùi thơm. Từ **Nahāpanena** tức tắm tưới vào thân bằng nước ấm khi thân trước lạnh, bằng nước mát khi thân trước nóng. Cụm từ **Pādānaṃ dhovanena** nghĩa là việc rửa chân bằng nước ấm và nước lạnh, xoa bóp bằng dầu.

Từ **Pecca** tức dẫn đến cõi khác (**paraloka**). Cụm từ **Sagge pamodati** tức trước hết trong cõi này thì nhân loại là bậc hiền trí nhìn thấy việc hầu hạ (phục dịch) cho cha mẹ của họ thì tán thán họ trong cõi này bởi vì có sự hầu hạ là nguyên nhân. Cũng người phụng dưỡng cha mẹ thì dẫn đến cõi khác ngự nơi thiên giới tâm luôn hân hoan, vui thích bằng thiên sản như vậy.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Phạm Thiên Thứ 31



Chánh Kinh Bài Kinh Ānanda

32. Ananda

1. Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên; ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Rất có thể, bạch Thế Tôn, một Tỷ-kheo được định như vậy, trong cái thân có thức này, không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên; đối với tất cả tướng ở ngoài, không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên; và do chứng đạt và an trú tâm giải thoát, tuệ giải thoát, không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên; vị ấy có thể chứng đạt và an trú tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy.

- Rất có thể, này, Ananda, một Tỷ-kheo được định như vậy ... có thể chứng đạt và an trú tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy.

- Như thế nào, bạch Thế Tôn, rất có thể, một Tỷ-kheo được định như vậy ... có thể chứng đạt và an trú tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy?

- Ở đây, này Ananda, vị Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Đây là an tịnh, đây là thù diệu, tức là chỉ tức tất cả hành, từ bỏ tất cả sanh y, đoạn tận tham, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn". Như vậy, này Ananda, rất có thể Tỷ-kheo được định như vậy, ... có thể chứng đạt và an trú tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Lại nữa, này Ananda, liên hệ đến vấn đề này, Ta đã nói như sau trong kinh tên là "Những câu hỏi của Punnaka", chương về Pàràyana.

Do phân tích ở đời
Những vật cao và thấp
Với vị không dao động
Bởi vật gì ở đời,
An tịnh, không tối mù,
Không phiền muộn, không cầu
Ta nói người như vậy,
Đã vượt khỏi sanh già.

Sớ Giải Bài Kinh Ānanda

(Atthakathāānandasutta)

Nên hiểu luận giải bài kinh Ānanda thứ 32 như sau:

Từ **Tathārūpo** tức loại đó. Từ **Samādhipaṭilābho** tức đạt được nhất tâm. Trong cụm từ **Imasmim ca saviññāṇake** này nên hiểu theo giải thích rằng trong thân cả 2 phía tức của mình và của người khác mà trưởng lão Ānanda nói rằng **imasmim** này bằng cách gom lại (cả 2 thân) vào với nhau bởi do ý nghĩa có thức (**saviññāṇaka**) giống nhau.

Từ **Ahaṃkāramamaṃkāramānānusaya** nghĩa là nhóm phiền não này thì tà kiến tức tôi (**ahaṃkāra**), ái dục (**taṇhā**) tức là của tôi (**mamaṃkāra**), tiềm miên (**anusaya**) tức ngã mạn. từ **Nāssu** tức không nên có. Cụm từ **Bahiddhā ca sabbanimittesu** nghĩa là trong tất cả hiện tượng (**nimitta**) bên ngoài chỉ thấy ngần này tức

1 - sắc tướng (**rūpanimitta**),

2-thình tướng (**saddanimitta**),

3-khí tướng (**gandhanimitta**),

4-vị tướng (**rasanimitta**),

5-xúc tướng (**phoṭṭhabbanimitta**),

6-tướng thường còn (**sassatādinimitta**),

7-nhân tướng (**puggalanimitta**),

8-pháp tướng (**dhammanimitta**).

Cụm từ **Cetovimuttiṃ paññāvimuttiṃ** tức quả định và quả tuệ. Từ **Siyā** tức cần phải có. Cụm từ **Idhānanda bhikkhuno** Này **Ānanda**, tỳ kheo trong giáo pháp này.

Trạng Thái Của Niết-bàn

Đức Thế Tôn trước khi thuyết về Niết-bàn Ngài mới thuyết rằng **Etaṃ santam etaṃ paṇītam**. Cũng Niết-bàn gọi là tịnh lạc (**santa**) bởi vì vắng lặng tất cả phiền não. Niết-bàn gọi là tịnh lạc bởi vì tâm của người trú vào giác ngộ bằng suy nghĩ rằng Niết-bàn là lãnh vực vắng lặng rồi ngồi suốt cả ngày suy xét rằng vắng lặng chính là đây.

Từ **Paṇītam** nghĩa là Niết-bàn gọi là vi tế bởi vì tâm của người ngồi nhập định luôn diễn tiến “vi tế”. Ngay cả từ **Sabbasaṅkhārasamatho...** là từ đồng nghĩa giống nhau của Niết-bàn.

Tâm của người ngồi nhập định cả ngày bằng suy nghĩ sự vắng lặng của tất cả hành luôn diễn tiến “đỉnh chỉ tất cả hành”...

Lại nữa, bởi vì không có ái dục tức vật trói buộc trong 3 cõi là tên gọi Niết-bàn, tâm của người nhập định có cảnh Niết-

bàn luôn diễn tiến (trạng thái) Niết-bàn vì vậy Niết-bàn có tên là vắng lặng tất cả hành (**sabbasaṅkhārasamatho**)...

Trong việc quán xét tức suy nghĩ đến 8 loại này thì trong nơi đây suy nghĩ đến chỉ 1 loại cũng được, 2 loại cũng được tất cả đều giống nhau.

Từ **Saṅkhāya** tức biết bằng trí. Từ Paroparāni phân từ ra thành Parāni ca oparani ca.

Giải thích: Tự thể của người khác và tự thể của mình... gọi là para (tức tự thể của người khác) và gọi là opara (tức tự thể của mình). Từ **Yassa** tức của bậc A La Hán nào. Từ **Īñjitam** nghĩa là dao động tức bất định về 7 loại lo toan là dao động do tham ái (**rāga**), dao động do sân (**dosa**), dao động do si (**moha**), dao động do ngã mạn (**māna**), dao động do tà kiến (**diṭṭhi**), dao động do phiền não (**kilesa**) và dao động do ác hạnh (**ducaritta**). Cụm từ **Natthi kuhiñci** tức không có trong bất cứ cảnh nào cho dù chỉ trong một loại cảnh.

Từ **Santo** tức (người đó) gọi là vắng lặng bởi vì phiền não là kẻ thù đã vắng lặng. Từ **Vidhumo** tức không có ngay có thân ác hạnh... Từ **Anīgho** tức không có khổ đốn như tham ái (**rāgā**)... Từ **Niraso** tức không có ái dục (**tanhā**). Từ **Atari** nghĩa là vượt qua hay thoát khỏi cũng tức là giải thoát. Từ **So** tức bậc A La Hán Lưu Tận. Trong từ **Jātijaram** này cho dù bệnh và chết nên hiểu Ngài ám chỉ giống như từ sanh, già. Bậc A La Hán nhập thiền quả đó Đức Thế Tôn thuyết cả trong kinh và trong kệ ngôn bằng trường hợp như đã diễn giảng trên.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Ānanda Thứ 32



Chánh Kinh Bài Kinh Sārīputta

33 Sārīputta

2. - Rồi Tôn giả Sārīputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Sārīputta đang ngồi xuống một bên:

- Nay Sārīputta, Ta có thể thuyết pháp một cách tóm lược. Nay, Sārīputta, ta có thể thuyết pháp một cách rộng rãi. Nay Sārīputta, ta có thể thuyết pháp một cách tóm lược và rộng rãi. Và những người hiểu được thật là khó tìm!

- Nay đã đến thời, bạch Thế Tôn, nay đã đến thời, bạch Thế Tôn, để Thế Tôn thuyết pháp một cách tóm lược, thuyết pháp một cách rộng rãi, và thuyết pháp một cách tóm lược và rộng rãi. Sẽ có những người có thể hiểu rõ Chánh pháp.

- Vậy này Sārīputta, hãy học tập như sau: "Trong cái thân có thức này, sẽ không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên; đối với tất cả tướng ở ngoài, sẽ không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên; và do chứng đạt và an trú tâm giải thoát, tuệ giải thoát, không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên, chúng tôi sẽ chứng đạt và an trú tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy!". Như vậy, này Sārīputta, các Ông cần phải học tập. Khi nào Tỷ-kheo đối với thân có thức này, không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên; đối với tất cả các tướng ở ngoài, không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên; và do chứng đạt và an trú tâm giải thoát, tuệ giải thoát, không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên; vị ấy chứng đạt và an trú tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy. Người như vậy, này Sārīputta, được gọi là Tỷ-kheo

đã chặt đứt khát ái, đã cởi mở kiết sử, với chơn chánh hiện quán
kiêu mạn, đã đoạn tận khổ đau.

- Lại nữa, này Sārīputta, liên hệ đến vấn đề này, ta đã nói
như sau trong kinh tên là "Những câu hỏi của Udaya" trong
chương Pārāyana.

Đoạn tận cả hai pháp
Dục tham và sân hận
Và từ bỏ hôn trầm
Chận đứng mọi trạo hối
Với xả niệm thanh tịnh
Chạy trước pháp tư duy?
Ta nói trí giải thoát
Vô minh được phá tận.

Sớ Giải Bài Kinh Sārīputta

(Atthakathāsārīputtasutta)

Nên hiểu luận giải bài kinh Sārīputta thứ 33 như sau:

Từ **Sanṅkhittena** tức bằng cách thành lập thành câu mẫu
đề (**mātikā**).

Từ **Vitthārena** tức phân chia câu mẫu đề đã thành lập ra.
Từ **Sanṅkhittavitthārena** tức đôi khi tóm tắt, đôi khi cũng chi
tiết. Cụm từ **Aññāta ca dullabhā** nghĩa là người sẽ khó thấu
hiểu.

Đức Thế Tôn thuyết lời nói này với trưởng lão **Sārīputta**
do Đức Phật có ý định rằng Như Lai sẽ trợ giúp trí cho Sārīputta.
Trưởng lão khi nghe được Đức Phật nói như vậy mặc dù không

bạch rằng “Bạch Đức Thế Tôn, con sẽ tự hiểu từ ý định của Ngài để tâm thuyết pháp, con sẽ thấu hiểu pháp mà Ngài thuyết được bằng hàng trăm cách, hàng ngàn cách điều đó là phận sự của con”. Trước khi Bạc Đạo Sư nỗ lực trong việc thuyết pháp mới bạch rằng “Bạch Đức Thế Tôn, đây là thời mà Ngài thuyết pháp. Tuần tự sau đó, Bạc Đạo Sư mới bắt đầu thuyết với ngài Sārīputta rằng **Tasmātiha...** Trong tất cả từ đó thì cụm từ **Imasmiñca saviññānake...** có lý như đã đề cập đó.

Cụm từ **Acchejji taṇhā** tức đoạn trừ ái dục bằng vũ khí Đạo Tuệ. Cụm từ **Vivaṭṭayi samyojanam** tức nhổ lên 10 loại kiết sử cùng rút bỏ cả gốc rễ. Cụm từ **Sammānābhisamayā antamakāsi dukkhassa** tức làm cho khổ luân hồi tận cùng bằng việc giác ngộ đoạn trừ 9 loại ngã mạn bằng phương cách chín chắn, bằng pháp hành chơn chánh. Cụm từ **Idañca pana metam sarīputta sandhāya bhāsitaṃ** nghĩa là này Sārīputta, Như Lai thuyết lời nói đó ám chỉ đến nhập thiền quả (**phalasangāpatti**) trong khởi sanh vấn đề (**udayapañhā**) của phẩm con đường đến bờ kia (**parāyanavagga**).

Bấy giờ để thuyết Phật Ngôn Đức Thế Tôn mới nhắc đến cụm từ **pahānam kāmasaññānam** này. Cụm từ **Pahānam kāmasaññānam** này có trong khởi sanh vấn đề. Nhưng trong bài kinh này ngài giáo thọ sư giải thích Tăng Chi Bộ Kinh nêu lên rằng **Kāmasaññānam** này. Trong 2 từ đó chỉ khác nhau văn tự còn ý nghĩa thì như nhau. Từ **Kāmasaññānam** tức tưởng sanh lên nghĩ đến dục hoặc tưởng sanh lên với tâm đồng sanh với 8 tâm tham. Cụm từ **Domanassāna Cūbhayaṃ** tức Như Lai thuyết việc đoạn trừ cả 2 tâm sở bất thiện là:

1- Nhóm dục tưởng,

2- Tâm sở sân

bằng A La Hán Quả nghĩa là đoạn trừ bằng giải thoát vắng lặng (**paṭipassaddhivimutti**) nói theo giải thoát (phiền não) khác nhau (**aññāvimokkha**).

Còn trong xiển minh (**niddesa**) Đức Phật thuyết rằng (Như Lai nói rằng) sự đoạn trừ, sự vắng lặng, sự viễn ly, sự an tịnh cả 2 loại tâm sở bất thiện tức dục dục (**kāmachanda**) và (sân) nói về bất tử đại Niết-bàn (**amatamahānibbāna**). Lời nói đó Đức Phật thuyết bằng lãnh vực của việc nêu lên quả (**phala**). Bởi vì sự vắng lặng đình chỉ nghĩa là trạng thái chấm dứt phiền não gọi là đoạn tận hay Đạo viễn ly phiền não cũng gọi là đoạn tận hay quả tức sự vắng lặng đình chỉ phiền não cũng gọi là đoạn tận. Tất cả phiền não mà hành giả đoạn trừ được do đạt đến Niết-bàn nào thì Niết-bàn đó gọi là bất tử Niết-bàn. Do đó, nhóm từ này mới có trong xiển minh.

Do Phật Ngôn như **Aññāvimokkha pabrūmi** là Ngài muốn lấy riêng biệt bậc A La Hán Quả. Và do Phật Ngôn như **Thīnassa ca panūdanam** Đức Phật muốn lấy riêng biệt bậc A La Hán bởi vì hôn trầm cái (**thīnanivarana**) sanh lên trong giai đoạn cuối của việc sát trừ. Do Phật Ngôn như **Kukkuccānam nivāraṇam** là Ngài muốn lấy quả mà thôi bởi vì Quả sanh lên theo tuần tự của Đạo là nhân ngăn chặn hồi triển cái (**kukkuccanivarana**). Từ **Upekkhāsatisaṃsuddham** nghĩa là thanh tịnh tốt đẹp bằng xả và niệm khởi sanh trong quả diễn tiến trong thiên thứ 4. Chánh tư duy (**sammāsaṅkappa**) gọi là suy nghĩ pháp (**dhammatakka**) trong từ suy nghĩ pháp trước tiên (**dhammakattapurejavam**).

Chánh tư duy gọi là suy nghĩ pháp trước tiên bởi vì có từ đầu tức có đến trước nghĩa là tới trước của giải thoát phiền não khác nhau. Như Lai thuyết đến giải thoát phiền não khác nhau nên suy nghĩ đến pháp dẫn đầu.

Giải thoát sanh lên tận cùng của Cụ Tri Quyền (**aññinadrīya**) gọi là giải thoát phiền não sai biệt (**aññāvimokkha**) hoặc giải thoát sanh lên từ A La Hán Quả gọi là giải thoát phiền não khác nhau tức tuệ giải thoát (**paññāvimutta**). Cụm từ **Avijjāya pabhedanam** nghĩa là pháp diệt trừ vô minh bởi vì khởi hiện rất ráo của việc triệt tiêu vô minh.

Một lý khác nữa, chính A La Hán Quả có tên này bởi vì hướng đến Niết-bàn vắng lặng mà sanh lên. Bạc A La Hán Quả nên hiểu rằng Đức Thế Tôn tuyên bố bằng tất cả từ trên thậm chí từ đoạn tận... bằng trường hợp như đã diễn giảng.

Kết Thúc Số Giải Kinh Sāriputta thứ 33.



Chánh Kinh Bài Kinh Các Nguyên Nhân

34.- Các Nguyên Nhân

1. - Có ba nguyên nhân này, này các Tỷ-kheo, khởi lên các nghiệp. Thế nào là ba? Tham là nguyên nhân khởi lên các nghiệp. Sân là nguyên nhân khởi lên các nghiệp. Si là nguyên nhân khởi lên các nghiệp.

Phàm nghiệp nào được làm vì tham, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ tham, duyên khởi từ tham, tập khởi từ tham, tại chỗ nào tự ngã được hiện hữu, tại chỗ ấy, nghiệp ấy được thuần thực. Chỗ nào nghiệp ấy được thuần thực, chỗ ấy quả dị thực của nghiệp ấy được cảm thọ ngay trong hiện tại, hay trong đời sống kế tiếp, hay trong một đời sau nữa.

Phàm nghiệp nào được làm vì sân, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ sân ... Phàm nghiệp nào được làm vì si, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ si ... tại chỗ ấy, nghiệp ấy được thuần thực ... hay trong một đời sau nữa.

Ví như, này các Tỷ-kheo, các hạt giống không bị bể vụn, không bị hư thối, không bị gió và nắng làm hư, còn tươi tốt được khéo gieo vào một đồng ruộng tốt, được trồng vào đất khéo sửa soạn, và được trời mưa xuống đều đặn, các hạt giống ấy, này các Tỷ-kheo, được lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm nghiệp nào được làm vì tham ... hay trong một đời sau nữa. Phàm nghiệp nào được làm vì sân ... hay trong một đời sau nữa. Phàm nghiệp nào được làm vì si ... hay trong một đời sau nữa.

Có ba nguyên nhân này, này các Tỷ-kheo, khởi lên các nghiệp.

2. Có ba nguyên nhân này, này các Tỷ-kheo, khởi lên các nghiệp. Thế nào là ba? Không tham là nguyên nhân khởi lên các nghiệp. Không sân là nguyên nhân khởi lên các nghiệp. Không si là nguyên nhân khởi lên các nghiệp.

Phàm nghiệp nào được làm vì không tham, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ không tham, duyên khởi từ không tham, tập khởi từ không tham. Vì rằng tham được từ bỏ, như vậy, nghiệp ấy được đoạn tận, được cắt đứt từ gốc rễ, được làm như thân cây tala, được làm cho không thể hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai.

Phàm nghiệp nào được làm vì không sân ... Phàm nghiệp nào được làm vì không si, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ không si ... Vì rằng si được từ bỏ, như vậy, nghiệp ấy được đoạn tận, được cắt đứt từ gốc rễ, được làm như thân cây tala, được làm cho không thể hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai.

Ví như này các Tỷ-kheo, các hạt giống không thể bị bể vụn, không bị hư thối, không bị gió và nắng làm hư, còn được tươi tốt, được khéo gieo. Và một người lấy lửa đốt chúng, sau khi lấy lửa đốt, làm cho chúng thành tro, sau khi làm thành tro, quạt chúng trong gió lớn, hay cho vào dòng nước sông chảy nhanh mang cuốn đi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hạt giống ấy được đoạn tận, được cắt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây tala, được làm cho không thể hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm nghiệp nào được làm từ không tham ... không thể sanh khởi trong tương lai. Phàm nghiệp nào được làm từ không sân ... không thể sanh

khởi trong tương lai. Phàm nghiệp nào được làm từ không si ...
không thể sanh khởi trong tương lai.

Có ba nguyên nhân này, này các Tỷ-kheo, khởi lên các
nghiệp:

Phàm có hạnh nghiệp nào,
Sanh từ tham sân si,
Do kẻ vô trí làm
Dầu có ít hay nhiều
tại đây được cảm thọ,
Không phải tại chỗ khác
Do vậy vị Tỷ-kheo
Từ bỏ tham, sân, si
Làm khởi lên minh trí,
Từ bỏ mọi ác thú.

Sớ Giải Bài Kinh Các Nguyên Nhân

(Atthakathānidānasutta)

Nên hiểu luận giải bài kinh các nguyên nhân thứ 34 như
sau:

Từ **Nidānāni** tức tất cả nguyên nhân. Từ **Kammānaṃ** tức
nghiệp dẫn chúng sanh đến luân hồi. Cụm từ **Lobho nidānaṃ
kammānaṃ samudayāya** tức tham có sự đắm nhiễm và sự
ham muốn là trạng thái là nguyên nhân.

Giải thích: làm duyên để việc khởi hiện của nghiệp dẫn
đến luân hồi tức hội tập nghiệp dẫn đến luân hồi. Tác hại như

sự nóng giận và gây tổn hại là trạng thái gọi là sân. Mê muội có sự lầm lạc và mù quáng là trạng thái gọi là si.

Từ **lobhapakatam** tức nghiệp mà người đã tạo bằng tâm tham.

Giải thích: Nghiệp mà người bị tham chi phối khởi lên ham muốn rồi thực hiện. Nghiệp gọi là đắm nhiễm (**lobhajam**). Nghiệp gọi là có nguồn gốc tham (**lobhanidānam**) bởi vì có tham là nguyên nhân. Nghiệp gọi là có tham là căn nguyên (**lobhasamudayam**) bởi vì có tham tập khởi. Duyên gọi là tập khởi nghĩa là có tham làm duyên. Cụm từ **Yathassa attabhāvo nibbattati** nghĩa là trong nơi nào tự thể của người đó người có nghiệp sanh lên từ tham tức tất cả uẩn thường hiện bày lên.

Cụm từ **Tattha tam kammaṃ vipaccati** nghĩa là nghiệp luôn là mầm móng trong tất cả uẩn. Cụm từ **Diṭṭhe vā dhammā...** Đức Thế Tôn thuyết đến loại nghiệp đó bởi vì nghiệp đó là hiện báo nghiệp (**diṭṭhadhammavedaniyakamma**) cũng có, là sanh báo nghiệp (**uppajjavedaniyakamma**) cũng có, hoặc là hậu báo nghiệp (**aparapariyāyavedaniyakamma**) cũng có. Cho dù cả 2 câu còn lại cũng có lý giống như vậy.

Từ **Akhaṇḍāni** tức không bị hủy hoại. Từ **Apūtīni** nghĩa là không dẫn đến trở thành vật không phải là hạt giống bởi vì hư thối. Từ **Avātātapahatāni** nghĩa là không bị gió lùa vào và cháy nắng. Từ **Sārādāni** tức có lỗi sử dụng được nghĩa là có lỗi không phải không có lỗi. Từ **Sukhasayitāni** nghĩa là vẫn an toàn bởi vì gìn giữ tốt.

Từ **Sukhette** tức trong ruộng bằng phẳng. Cụm từ **Suparikammakatāyabhūmiya** tức nền ruộng đã chuẩn bị tốt bằng việc cày bằng cày và bằng bừa. Từ **Nikkhittāni** tức đã trồng. Từ **Anuppaveccheyya** tức gieo xuống thường xuyên. Trong từ **Vuddhiṃ...** có giải thích như sau: gọi là phát triển bởi vì cao thêm lên. Gọi là tươi tốt bởi vì bám chặt ở phía dưới. Gọi là quảng đại bởi vì lan tỏa ra bao quanh.

Trong bài kinh này lời nào Đức Thế Tôn thuyết rằng **Diṭṭhe vā dhamme** để không cho lầm lẫn trong câu đó nên đề cập phân nghiệp ra trong nơi đây.

Giải thích: Theo phương cách của bài kinh Đức Thế Tôn phân chia nghiệp thành 11 loại tức

- 1- Hiện báo nghiệp (**diṭṭhadhammavedanīyakamma**),
- 2- Sanh báo nghiệp (**Uppajjavediyakamma**),
- 3- Hậu báo nghiệp (**Aparapariyāyavedanīyakamma**),
- 4- Trọng nghiệp (**Garukakamma**),
- 5- Thường nghiệp (**Bahulakakamma**),
- 6- Cận tử nghiệp (**Yadāsannakamma**),
- 7- Khinh thiếu nghiệp (**Kaṭattāvāpanakamma**),
- 8- Sanh nghiệp (**Janakakamma**),
- 9- Trì nghiệp (**Upatthambhakakamma**),
- 10- Chướng nghiệp (**Upapīlakakamma**),
- 11- Đoạn nghiệp (**Upaghātakakamma**).

Giải Thích Hiện Báo Nghiệp

Tất cả 11 loại nghiệp thì trong tất cả 7 tâm đồng lực (**javana**) thì tâm đồng lực tư đầu tiên thuộc thiện hoặc bất thiện trong lộ đồng lực đầu tiên gọi là hiện báo nghiệp (**diṭṭhadhammavedanīyakamma**). Hiện báo nghiệp cho quả trong tự thể này mà thôi nếu là thiện trợ giúp cho dị thực quả trong tự thể này thì giống như nghiệp của trưởng giả **Kākavaliya** và trưởng giả **Puṇṇaka...**, còn nếu là bất thiện (trợ giúp cho dị thực quả trong tự thể này) thì giống như nghiệp của dạ xoa **Nanda**, thanh niên **Nanda**, **nandagoghāta**, tỳ kheo **Kokālika**, đức vua **Suppabuddha** (thiện giác), **Devadatta** và nàng **Ciñcāmānavikā...** nhưng khi không có thể cho quả sẽ trở thành vô hiệu nghiệp (**ahosikamma**) tức trở thành nghiệp không cho quả, nghiệp đó được dẫn chứng so sánh như người thợ săn nai.

Ví Dụ Về Người Thợ Săn Nai

So sánh mũi tên mà người thợ săn (nai) nhìn thấy con nai thì giương cung bắn đi nếu không lệch thì sẽ làm cho con nai đó ngã xuống trong nơi đó, tuần tự sau đó người thợ săn nai sẽ lóc da con nai đó xẻ ra thành miếng nhỏ, miếng lớn giữ lại thịt nuôi vợ, con. Nhưng nếu lệch thì con nai sẽ chạy đi không quay trở lại phương hướng đó nữa như thế nào thì ví dụ này cũng nên hiểu như thế đó.

Giải thích: Việc trở lại thời điểm của dị thực quả của hiện báo nghiệp giống như mũi tên bắn trúng con nai không lệch, việc trở lại trở thành nghiệp không có quả giống như mũi tên bắn lệch như thế đó.

Giải Thích Sanh Báo Nghiệp

Còn tư trong tâm đồng lực thứ 7 vẫn hỗ trợ cho thành tựu gọi là Sanh Báo Nghiệp (**uppajjavedaniyakamma**). Sanh báo nghiệp trợ giúp cho quả trong tự thể tiếp theo nhưng trong tất cả 2 thiện, bất thiện của sanh báo nghiệp thuộc về thiện nên hiểu bằng lãnh vực của 8 định chứng, thuộc về bất thiện nên hiểu bằng mãnh lực của 5 nghiệp vô gián (**anantarikakamma**). Tất cả 2 nghiệp đó thì người chứng đắc 8 định chứng sẽ sanh vào trong phạm thiên giới bằng một loại định chứng. Còn người tạo nghiệp ngũ nghịch vô gián sẽ sanh vào trong địa ngục bằng một loại nghiệp. Định chứng còn lại và nghiệp vô gián còn lại sẽ trở thành vô hiệu nghiệp tức nghiệp không có quả.

Giải Thích Hậu Báo Nghiệp

Năm tâm đồng lực tư sanh lên trong khoảng giữa của 2 tâm đồng lực (đồng lực tư thứ 1 và đồng lực tư thứ 7) gọi là hậu báo nghiệp (**aparapariyāvedaniyakamma**). Vô hiệu nghiệp được cơ hội khi nào trong thời vị lai khi đó sẽ cho quả khi sự diễn tiến của vòng luân hồi vẫn còn thì nghiệp đó không gọi là vô hiệu nghiệp. Tất cả nghiệp đó nên trình bày bằng câu chuyện người thợ săn và con chó. So sánh con chó với người thợ săn nai thả con chó chạy đi bởi vì nhìn thấy con nai nên mới chạy đuổi theo con nai kẹp vào trong nơi nào sẽ trợ giúp cho quả trong nơi đó ngay lập tức. Xương danh rằng chúng sanh sẽ thoát khỏi từ nghiệp đó thì không có.

Giải Thích Trọng Nghiệp

Còn trong tất cả nghiệp nặng và nghiệp không nặng, cả thiện và bất thiện mà nghiệp nào nặng thì nghiệp đó gọi là trọng

ngiệp (**garukakamma**). Trọng nghiệp thuộc về thiện nên hiểu là nghiệp đáo đại, thuộc về bất thiện nên hiểu là ngũ nghịch vô gián nghiệp. Khi trọng nghiệp đang có thì thiện nghiệp hoặc bất thiện nghiệp còn lại sẽ không thể cho quả được. Cả 2 loại trọng nghiệp đó sẽ cho quả tục sinh.

Ví dụ so sánh giống như cục đá cuội hoặc cục sắt cho dù số lượng bằng hạt giống rau cải ném xuống dòng nước thường không thể nổi lên được mà sẽ chìm xuống như thế nào thì thiện nghiệp hay bất thiện nghiệp cũng giống như vậy nghiệp nào nặng sẽ nghiêng về nghiệp đó.

Giải Thích Thường Nghiệp

Còn trong tất cả thiện nghiệp và bất thiện nghiệp thì nghiệp nào nhiều nghiệp đó gọi là thường nghiệp (**bahulakamma**). Thường nghiệp nên hiểu bằng trợ giúp của tập hành (**asevana**) suốt thời gian lâu dài.

Một lý khác nữa, thuộc về thiện nghiệp thì nghiệp nào có sức mạnh tạo cho thọ hỷ khởi hiện, thuộc về bất thiện nghiệp tạo cho nhiệt não sanh lên, nghiệp đó gọi là thường nghiệp.

Ví dụ so sánh giống như khi 2 võ sĩ đô vật lên võ đài người nào có nhiều sức mạnh thì người đó sẽ vật đối thủ ngã xuống như thế nào thì thường nghiệp cũng giống như vậy sẽ thắng bởi thêm cho nhóm nghiệp này yếu sức mạnh đi. Nghiệp nào nhiều bằng cách hưởng thụ cho đến thuần thục hoặc có sức mạnh bằng mãnh lực làm cho nhiệt não nhiều thì nghiệp đó sẽ cho quả giống như nghiệp của đức vua **Dutthagāmaṇīabhaya**.

Câu Chuyện Đức Vua **Dutthagāmaṇīabhaya**

Tương truyền rằng đức vua **Duṭṭhagamaṇīabhaya** chinh chiến bị bại trận trong vùng **Cūlalaṃgaṇiyayuddha** ngài phi ngựa bỏ trốn. Quan thị vệ **Tissa** một mình đi theo đức vua mà thôi. Đức vua đi vào rừng già rồi ngồi xuống. Khi bị cơn đói hoành hành mới ra lệnh rằng: “Này **Tissa**, 2 người chúng ta đói lắm bây giờ làm thế nào đây?”

Tâu đại vương, có vật thực của Đức Phật ngài hãy đem vật thực bỏ vào cái ấu vàng cất trong vải **Sāṭaka** của đức vua. Nếu như vậy hãy đem đến đây. Quan thị vệ mới đem vật thực ra đặt ngay trước mặt đức vua, đức vua nhìn thấy rồi ra lệnh rằng: “Người phân ra thành 4 phần đi!”.

Quan thị vệ tâu hỏi rằng: “Nhóm chúng ta có 3 người vì sao đức vua lại sắp xếp thành 4 phần”. Này **Tissa**, lúc ta nhớ đến ngài thì ta không bao giờ thọ dụng vật thực khi chưa được dâng đến vị thiền sư trước, cho đến ngày nay ta cũng sẽ không chịu thọ dụng bằng cách chưa dâng vật thực đến vị thiền sư. Quan thị vệ mới sắp đặt phân vật thực ra thành 4 phần.

Đức vua ra lệnh rằng người hãy thông báo thời gian. Trong rừng hoang vắng thần sẽ gặp được thiền sư ở nơi nào. Điều này không phải là phận sự của người nếu đức tin của ta vẫn còn tự ta sẽ gặp được vị thiền sư người hãy yên tâm rồi thông báo thời gian đi.

Quan thị vệ thông báo đến 3 lần rằng: “Đến lúc thọ nhận vật thực rồi, thưa ngài thiền sư, đến lúc thọ nhận vật thực rồi thưa ngài thiền sư!”. Tuần tự sau đó, tại khu vực cây bồ đề (**bodhiyamālaka**) trưởng lão **Mahātissa** nghe được tiếng nói đó bằng thiên nhĩ suy nghĩ rằng tiếng nói này ở đâu nhỉ? Mới biết được rằng ngày nay đức vua **Duṭṭhagāmaṇīabhaya** giao

chiến bại trận ngựa vào đến rừng sâu ngồi xuống cho phân vật thực ra thành 4 phần, ngài suy tư rằng ta sẽ thọ dụng chỉ một phần mới cho thông báo (buổi ăn), suy nghĩ rằng hôm nay ta nên tế độ cho đức vua đi đến bằng ý thông (**manogati**) đứng ngay trước mặt đức vua.

Đức vua đưa mắt nhìn thấy thì ngài khởi lên tâm tịnh tín ra lệnh rằng: “Này Tissa, có nhìn thấy không?”, rồi đánh lễ trưởng lão nói rằng: “Bạch ngài, ngài hãy cho con xin bát”. Trưởng lão đem bát ra đức vua sót phần vật thực của trưởng lão cùng với phần của đức vua vào trong bát rồi nói rằng: “Bạch ngài sự khốn đốn do vật thực xin dùng có (với con) trong bát cứ lúc nào, rồi đánh lễ đứng một bên.

Về phần quan **Tissa** suy nghĩ rằng khi đức vua của ta đưa mắt nhìn thì ta không thể thọ thực được nên sót phần của mình vào trong bát của trưởng lão giống như vậy, cho đến con ngựa cũng suy nghĩ rằng ta cũng nên cúng dường phần của ta đến trưởng lão. Đức vua đưa mắt xem con ngựa rồi bạch rằng cho đến con ngựa này cũng muốn sót phần của mình vào trong bát của trưởng lão, nên sót phần đó vào trong bát đó giống như vậy rồi đánh lễ tiễn đưa trưởng lão đi, trưởng lão cầm lấy bát đi rồi cúng dường cho chư Tăng kể từ đầu bằng cách phân ra thành từng vắt.

Ngay cả đức vua cũng suy nghĩ rằng nhóm ta đã đói là cần điều gì tốt nhất nếu như trưởng lão gởi vật thực còn dư lại đến cho. Trưởng lão biết được suy nghĩ của đức vua nên gởi vật thực còn thừa lại vừa đủ cho nhóm người đó để bảo tồn sanh mạng mới quăng bát đi trên hư không, bát đến đặt ngay trên tay của đức vua. Vật thực cũng đủ cho 3 người bảo tồn tánh

mạng. Tuần tự sau đó đức vua rửa bát rồi suy nghĩ rằng ta sẽ không gởi bát trống không đi mới cỡi y phục nhúng nước rồi đặt khăn vào trong bát, đức vua chú nguyện rằng xin cho bát hãy đặt vào trong tay của vị thiên sư của ta rồi quăng bát lên trên hư không, bát đến đặt trong tay của trưởng lão.

Vào thời gian sau đó, khi đức vua cho xây dựng đại bảo tháp cao 120 hắc tay tôn trí phần thứ 8 xá lợi của Đức Thế Tôn, khi bảo tháp chưa kịp hoàn thành cũng đến lúc gần băng hà. Về sau đó khi chư tỳ kheo Tăng đọc thuộc lòng 5 bộ **nikāya** cúng dường cho đức vua nằm ở phía hướng nam của đại bảo tháp thì 6 chiếc xe từ 6 tầng thiên giới dừng lại nối tiếp nhau trên hư không trước mặt của đức vua.

Đức vua ra lệnh rằng các người hãy đem sổ ghi chép tạo phước đến, rồi ra lệnh cho đọc sổ đó từ đầu. Khi không nghiệp gì làm cho tâm đức vua an trú vào mới ra lệnh rằng hãy đọc tiếp theo nữa. Người đọc đọc tiếp theo rằng: “Tâu chư thiên chế định (**sammatideva**), ngài là người bại trận trong trận chiến **Cūlalaṃgaṇiyayuddha**, đi vào rừng sau ngòi xuống dâng cúng vật thực cho trưởng lão **Mahātissa** bằng cách phân vật thực trong cái âu ra thành 4 phần.

Đức vua ra lệnh cho ngừng đọc rồi hỏi chư tỳ kheo Tăng rằng: “Bạch chư vị, tầng thiên giới nào là nơi hân hoan vui thích”. Chư tỳ kheo Tăng (dâng lời) phúc chúc rằng: “Xin phúc chúc cho đại vương, cõi Đẩu Suất là nơi ngự đến của mỗi vị bồ tát”. Đức vua băng hà ngồi ngự trên vương xa đến từ cõi Đẩu Suất rồi ngự đến cõi Đẩu Suất. Đây là câu chuyện (trình bày cho thấy) trong việc cho quả của nghiệp có sức mạnh.

Giải Thích Cận Tử Nghiệp

Còn trong tất cả nghiệp thiện và nghiệp bất thiện thì nghiệp nào có thể làm cho nhớ đến trong lúc cận tử, nghiệp đó gọi là cận tử nghiệp (**yadāsannakamma**)[†]

Chính cận tử nghiệp này khi nhóm thiện nghiệp và bất thiện nghiệp khác cho dù đang có thì cũng cho quá trước bởi vì đang gần thời cận tử giống như khi mở cửa chuồng mà có đàn bò đầy chuồng mà tất cả con bò được huấn luyện và con bò có sức mạnh mà ở trong vị trí khác (xa cửa chuồng) thì con bò ở gần cửa chuồng nhất là con bò già yếu sức đi nữa, con bò đó cũng vẫn ra khỏi cửa chuồng trước. Trong điều này có câu chuyện dẫn chứng như sau.

Câu Chuyện Người Gác Cổng Dân **Damila**

Tương truyền rằng trong làng **Madhuamgaṇa** có một người phụ trách trông coi cổng dân **Damila** cầm lấy cần câu đi từ buổi sáng câu cá rồi phân ra thành 3 phần, 1 phần lấy đổi gạo, 1 phần đổi lấy sữa, 1 phần nấu canh ăn.

Theo lẽ lối này họ hành nghề sát sanh đến 50 năm, về sau bước vào tuổi già thì đau bệnh nằm liệt giường trong lúc đó trưởng lão **Cullapiṇḍapātikitissa** người dân **Girivihāra** hỏi tướng lại rằng người này khi ta thấy vẫn còn chưa tiêu tụy, rồi đi đến đứng ở nơi cửa nhà của y. Lúc đó vợ của y mới nói rằng “Kìa, trưởng lão đã đến tế độ”, y trả lời rằng suốt thời gian 50 năm ta chưa từng đi đến trú xứ của trưởng lão tạo công đức tốt nào của ta nên ngài phải đến bà hãy đi thỉnh mời ngài đi.

[†] Từ yadāsannakamma tức āsannakamma

Bà nói lại với trưởng lão rằng: “Bạch ngài xin thỉnh ngài đi đến tế độ chúng sanh phía trước”, trưởng lão hỏi rằng: “sức khỏe của cận sự nam qua đường thân như thế nào?”. Nàng trả lời rằng: “Yếu lắm, bạch ngài”. Trưởng lão đi vào đến nhà để trợ giúp cho ghi nhớ rồi nói rằng: “Người có chịu thọ giới không?”. Y trả lời rằng: “Bạch ngài, xin thỉnh ngài cho giới”, trưởng lão cho tam quy rồi bắt đầu truyền ngũ giới chính trong lúc thọ **ngũ giới đó (pañcasīlāni)** thì lưới cứng đờ lại. Trưởng lão suy nghĩ rằng ngàn này cũng vừa đủ, rồi ra đi.

Riêng về y khi đã lìa đời sanh vào trong cõi Tứ đại thiên vương (**catumahārājika**). Cũng trong sát na y sanh lên thì nhớ lại rằng: “Ta tạo nghiệp gì mà được tài sản này?”, biết rằng được do nương vào trưởng lão, mới đến từ thiên giới đánh lễ trưởng lão rồi đứng lại một nơi thích hợp. Khi trưởng lão rồi hỏi rằng: “Ai đó?”, đáp rằng: “Con là người gác cổng dân **Damīla**, bạch ngài”. Trưởng lão hỏi rằng: “Ngài sanh lên nơi nào?”, đáp rằng: “Bạch ngài, con sanh vào tầng Tứ đại thiên vương, nếu như được ngài truyền ngũ giới thì có lẽ con sanh vào tầng cao hơn, con sẽ làm như thế nào?”, trưởng lão đáp rằng: “Này thiên tử! Ngài không thể tự thọ trì được”. Thiên tử đánh lễ trưởng lão rồi trở về thiên giới. Đây là câu chuyện dẫn chứng về thiện nghiệp.

Câu Chuyện Cận Sự Nam Mahāvataḱāla

Ở giữa dòng sông **Gaṅgā** có cận sự nam **Mahāvataḱāla**. Y niệm 32 thể trực để hướng đến Dự Lưu Đạo đến 30 năm tuy nhiên kiến điền đảo (**diṭṭhivipalāsa**) khởi lên rằng: “Ta niệm 32 thể trực như vậy cũng không thể sanh lên được cho dù chỉ là cơ hội để tác chứng, có lẽ chắc thật Phật Giáo sẽ không là Giáo Pháp dẫn dắt ra khỏi sanh hữu”. Khi từ trần sanh làm con cá

xấu dài 9 **usabha** ở sông **Gaṅgā**. Một lần nọ chiếc xe bò chở 60 cây cột đá đi theo trên đường đến bến cảng **Kacchapa**. Con cá sấu đó tấp ăn cả con bò lẫn cả cây cột đá cho đến hết. Đây là câu chuyện dẫn chứng về bất thiện nghiệp.

Giải Thích Khinh Thiểu Nghiệp

Còn nghiệp ngoài ra 3 nghiệp như đã đề cập trên hành động bởi không biết gọi là **khinh thiểu nghiệp (kaṭattāvāpanakamma)**. Khinh thiểu nghiệp trợ giúp cho quả tùy theo thời gian do không có 3 loại nghiệp kia, giống như khúc cây mà người điền ném đi sẽ rơi đi bất cứ nơi nào mà không có mục đích.

Giải Thích Sanh Nghiệp

Nghiệp thuần nhất làm cho tục sinh không cho sanh lên trong thời bình nhật, làm cho nghiệp khác sanh lên cho quả dị thực trong thời bình nhật gọi là sanh nghiệp (**janaka**).

Ví dụ giống như người mẹ thuần nhất làm cho sanh ra, còn bảo mẫu, bà vú chỉ nuôi dưỡng như thế nào thì sanh nghiệp cũng giống như vậy làm cho tục sinh giống như người mẹ, còn nghiệp đến trùng khớp vào trong thời bình nhật giống như bảo mẫu, bà vú.

Giải Thích Trì Nghiệp

Thông thường trì nghiệp có được cả thiện lẫn bất thiện bởi vì có người tạo thiện nghiệp rồi sanh lên nhàn cảnh, họ tồn tại trong cõi vui đó rồi thường xuyên tạo thiện nghiệp trợ lực cho nghiệp đó thường luôn luôn chuyển trong cõi vui suốt thời gian nhiều ngàn năm. Có người tạo bất thiện nghiệp rồi rơi vào khổ cảnh họ tồn tại trong cõi khổ tạo bất thiện nghiệp thường

xuyên trợ lực cho nghiệp đó rồi luân chuyển trong cõi khổ hết thời gian nhiều ngàn năm.

Một lý khác nữa, nên hiểu như sau cả thiện nghiệp và bất thiện nghiệp gọi là sanh nghiệp. Sanh nghiệp làm cho uẩn dị thực quả cả sắc và vô sắc, cả trong thời tục sinh lẫn trong thời bình nhật. Còn trì nghiệp thì không thể làm cho dị thực quả khởi hiện được nhưng sẽ hỗ trợ cho lạc, khổ sanh lên do dị thực quả làm cho tục sinh khởi hiện do nghiệp khác cho quả luôn diễn tiến suốt thời gian lâu dài.

Giải Thích Chương Nghiệp

Nghiệp gây cản trở bứt ép lạc, khổ sanh lên do dị thực quả làm cho tục sinh hiện khởi mà nghiệp khác cho quả sẽ không cho (lạc hoặc khổ) diễn tiến suốt thời gian lâu dài gọi là chương nghiệp (**upapīlakakamma**).

Trong chương nghiệp đó có lý như sau: Khi thiện nghiệp đang cho quả thì bất thiện nghiệp sẽ là chương nghiệp không cho thiện nghiệp có cơ hội cho quả. Ngay cả khi bất thiện nghiệp đang cho quả thì thiện nghiệp sẽ là chương nghiệp không cho thiện nghiệp có cơ hội cho quả.

Cây cối, lùm cây và dây leo làm cho phát triển tươi tốt, một người nào lấy cây đến nện đập phá hủy hoặc lấy vũ khí đến chặt thì cây cối, lùm cây, dây leo sẽ không phát triển tươi tốt lên như thế nào thì thiện nghiệp cũng giống như vậy khi đang cho quả nhưng bị bất thiện nghiệp gây cản trở hoặc bất thiện nghiệp đang cho quả nhưng bị thiện nghiệp ngăn cản thì sẽ không thể cho quả được. Trong 2 loại nghiệp đó đối với gia chủ

Sunakkhatta thì bất thiện nghiệp cản trở thiện nghiệp, đối với tên **Coraghātaka** thì thiện nghiệp ngăn cản bất thiện nghiệp.

Câu Chuyện Người Dao Phủ **Tāvakālaka**

Tương truyền rằng trong thành **Rājagaha** tên **Tāvakālaka** hành nghề đao phủ chặt đầu tướng cướp thời gian đến 50 năm. Về sau đó, các công tử tâu với đức vua rằng: “Tâu hoàng thượng (bậc chư thiên chế định) tên đao phủ đã già rồi không thể chặt đầu tướng cướp được. Đức vua ra lệnh giải tán y ra khỏi bổ nhiệm người khác thay thế. Về phần tên đao phủ **Tāvakālaka** suốt thời gian hành nghề đao phủ không được mặc y phục mới, không được cài bông hoa và vật thơm, không được dùng cơm sữa, không được việc xông tắm. Y suy nghĩ rằng Đã từ lâu ta là người ở trong lãnh vực của sầu muộn, mới dọn vợ nấu cơm sữa cho đem vật liệu để tắm đi đến bến nước gội đầu và mặc y phục mới, thoa vật thơm, cài bông hoa đang đi trở về nhà nhìn thấy trưởng lão **Sārīputta** thì hân hoan rằng ta sẽ thoát khỏi nghiệp sầu muộn khi gặp được bậc trưởng lão của ta, mới dẫn trưởng lão đi đến nhà rồi dâng cơm sữa được chế biến bằng bơ trong, bơ đặc, mật ong và đường phèn. Trưởng lão tùy hỷ cúng dường của y, y nghe được lời tùy hỷ trở lại nhu thuận theo sự nhắn nài theo tiễn đưa trưởng lão rồi trở lại đi giữa đường bị con bò cái có con húc cho đến thiệt mạng rồi sanh lên cõi Đạo lợi. Chư tỳ kheo bạch hỏi Đức Như Lai rằng: “Bạch Đức Thế Tôn, ngày hôm nay tên đao phủ chặt đầu tướng cướp mà trưởng lão **Sārīputta** tế độ cho thoát khỏi sầu muộn tuy rằng đã tạo nghiệp trong ngày nay y tái sanh trong nơi nào?”

Đức Phật: *Này các tỳ kheo, trong cõi Đạo lợi.*

Chư Tăng: Bạch Đức Thế Tôn, người đạo phủ đã hành nghề thời gian lâu dài, xin Đức Thế Tôn chỉ dạy như vậy thì ác nghiệp không có quả hay như thế nào?

Đức Phật: Nay các tỳ kheo, các con đừng nói như vậy người đạo phủ được thiện bằng hữu là người có sức mạnh nâng đỡ (**upanissayapaccaya**), việc cúng dường vật thực cho bậc tướng quân chánh pháp (**dhammasenāpatti**) nghe được kệ ngôn tùy hỷ (**anumodanākathā**) trở lại nhu thuận nhẫn nại (**anulomikakhanti**) nên được sanh về nơi đó.

Người đạo phủ nghe được lời thiện ngôn (**subhāsita**)

Trong trú xứ sách tấn tâm trở nên nhu thuận nhẫn nại được sanh về cõi Đạo Lợi

Giải Thích Đoạn Nghiệp

Còn đoạn nghiệp thiện hay bất thiện đang có sẽ cắt đứt nghiệp khác có sức mạnh giảm thiểu hơn ngăn chặn dị thực quả của nghiệp đó, rồi tạo cơ hội cho dị thực quả của mình. Khi nghiệp tạo cơ hội như vậy thì nghiệp đó gọi là quả nảy mầm. Đoạn nghiệp (**upaghātakakamma**) này có tên gọi là **upacchedakakamma**.

Giải Thích Đoạn Nghiệp (upacchedakakamma)

Trong đoạn nghiệp này có lý như sau: Trong lúc thiện nghiệp cho quả thì một loại bất thiện nghiệp sẽ khởi hiện cắt đứt nghiệp đó cho lìa khỏi ngay cả trong lúc bất thiện nghiệp cho quả thì một loại thiện nghiệp cũng sẽ sanh khởi cắt đứt nghiệp đó cho đứt lìa. Đây gọi là đoạn nghiệp (**upacchedakakamma**). Tất cả 2 loại đoạn nghiệp thiện và bất thiện thì nghiệp của vua A Xà Thế là nghiệp cắt đứt thiện

nghiệp, còn nghiệp của trưởng lão **Angulimāla** là nghiệp cắt đứt bất thiện nghiệp. Trường hợp như đã đề cập trên ngài phân tích 11 loại nghiệp theo phương thức kinh tạng (**suttantikaparīyāya**).

16 Loại Nghiệp Theo Phương Thức Tạng Thắng Pháp

Còn phương thức tạng Thắng Pháp ngài phân tích nghiệp thành 16 loại là:

- 1- Nghiệp xấu có loại bị ngăn chặn bởi sanh thú thành tựu (**gatisamapatti**) chưa cho quả.
- 2- Nghiệp xấu có loại bị ngăn chặn bởi sanh y thành tựu (**upadhisamapatti**) chưa cho quả.
- 3- Nghiệp xấu có loại bị ngăn chặn bởi thời điểm thành tựu (**kālasamapatti**) chưa cho quả.
- 4- Nghiệp xấu có loại bị ngăn chặn bởi hành vi thành tựu (**payogasamapatti**) chưa cho quả.
- 5- Nghiệp xấu có loại bị nương vào bởi sanh thú suy vong (**gativipatti**) cho quả.
- 6- Nghiệp xấu có loại bị nương vào bởi sanh y suy vong (**upadhivipatti**) cho quả.
- 7- Nghiệp xấu có loại bị nương vào bởi thời điểm suy vong (**kālavipatti**) cho quả.
- 8- Nghiệp xấu có loại bị nương vào bởi hành vi suy vong (**payogavipatti**) cho quả.
- 9- Nghiệp tốt có loại bị ngăn chặn bởi sanh thú suy vong chưa cho quả.
- 10- Nghiệp tốt có loại bị ngăn chặn bởi sanh y suy vong chưa cho quả.

- 11- Nghiệp tốt có loại bị ngăn chặn bởi thời điểm suy vong chưa cho quả.
- 12- Nghiệp tốt có loại bị ngăn chặn bởi hành vi suy vong chưa cho quả.
- 13- Nghiệp tốt có loại bị nương vào bởi sanh thú thành tựu cho quả.
- 14- Nghiệp tốt có loại bị nương vào bởi sanh y thành tựu cho quả.
- 15- Nghiệp tốt có loại bị nương vào bởi thời điểm thành tựu cho quả.
- 16- Nghiệp tốt có loại bị nương vào bởi hành vi thành tựu cho quả.

Giải Thích 16 Loại Nghiệp

Theo Phương Thức Thăng Pháp

Tất cả nhóm câu đó thì từ **Pāpakāni** tức ác xấu. Từ **Kammasamādānāni** tức nhận lãnh nghiệp. Từ **Kammasamādānāni** này là tên gọi của tất cả nghiệp mà người nhận lãnh nắm giữ. Nên hiểu luận giải trong câu **Gatisampattiṃ paṭibālahāni na vipaccanti...** như sau

Khi nghiệp có phạm sự hưởng cảnh xấu (**anittthārammaṇa**) vẫn đang còn mà người sanh lên nhận cảnh (**sugatibhava**) gọi là bị sanh thú thành tựu chưa cho quả.

Giải thích: là nghiệp bị sanh thú thành tựu ngăn chặn chưa cho quả. Người nào sanh vào trong bụng của nữ nhân nô lệ hoặc nữ nhân lao công do ác nghiệp (**pāpakamma**) nhưng là người có sanh y thành tựu vững vàng trong sự thành công tốt đẹp của

tự thể. Khi ông chủ của họ nhìn thấy nhan sắc (**rūpasamapatti**) của y rồi khởi lên suy nghĩ rằng người này không xứng đáng làm công việc thấp kém để bặt họ vào chức vụ thủ kho... cung cấp tài sản cho để nuôi dưỡng con của mình, chỉ bấy nhiêu nghiệp của người này gọi là bị ngăn cản bởi sanh y không cho quá.

Còn người nào sanh vào thời điểm tìm kiếm vật thực được dễ dàng và có vị ngon như thời điểm của người trong thời sơ kiếp (**paṭhamakappa**) ác nghiệp của họ cho dù đang có cũng gọi là bị ngăn chặn bởi thời điểm thành tựu không cho quá.

Còn người nào nương vào hành vi chơn chánh nuôi sống chỉ vào gặp trong lúc cần phải vào gặp, thối lùi trong lúc cần phải thối lùi, trốn tránh trong lúc cần phải trốn tránh, đưa của hối lộ trong lúc phải đưa của hối lộ, trộm cắp trong lúc phải trộm cắp ác nghiệp của người như vậy gọi là bị ngăn chặn bởi hành vi thành tựu không cho quá.

Còn ác nghiệp của người sanh vào khổ cảnh gọi là bị nương vào bởi sanh thú suy vong cho quá.

Còn người nào sanh vào trong bụng của người nữ nô lệ hoặc người nữ lao công có nước da không đẹp, thân thể không cân đối dẫn dắt làm cho khởi lên hoài nghi rằng là dạ xoa hay là người. Nếu họ là người nam thì mọi người sẽ nghi rằng người này không xứng đáng với công việc khác rồi cho y nuôi voi, nuôi ngựa, nuôi bò hoặc cho tìm kiếm cỏ, tìm kiếm củi, cho đổ ống nhỏ.

Nếu là người nữ thì mọi người sẽ sai biểu nấu cơm, nấu đậu cho voi cho ngựa... cho đổ rác rưởi hoặc sai làm công việc

đáng ghê tởm khác. Ác nghiệp ngần này của người đó gọi là bị nương vào bởi sanh y cho quả.

Còn người nào sanh vào trong thời điểm gạo châu củi quế, thời điểm quyền thuộc suy sụp tài sản hoặc thời trung kiếp (**antarakappa**) ác nghiệp của người ấy gọi là bị nương vào bởi thời điểm suy vong cho quả.

Còn người nào không biết được hành vi tinh cần không biết nên thân cận trong lúc nên thân cận... không biết được trộm cắp trong lúc nên trộm cắp ác nghiệp của người ấy gọi là bị nương vào bởi hành vi suy vong cho quả.

Còn người nào khi phận sự của nghiệp thích hợp với việc hưởng cảnh tốt (**itthārammaṇa**) vẫn đang còn, mà sanh vào cõi khổ thì nghiệp ấy gọi là bị ngăn chặn bởi sanh thú suy vong không cho quả.

Còn người nào sanh vào trong hoàng cung hoặc trong nhà của quan tể tướng... do oai lực của thiện phước (**puññakamma**) mà trở thành người mù lòa, người bại liệt, người què quặt hoặc là người bại suội mà tất cả mọi người không bằng lòng ban địa vị cho y bởi vì thấy rằng y không thích hợp địa vị phó vương, tướng quốc và quan thủ khổ..., phước của y như đã đề cập trên gọi là bị ngăn chặn bởi sanh y suy vong.

Còn người nào sanh vào trong nhóm người vào thời điểm gạo châu củi quế trong giai đoạn dòng họ suy sụp tài sản hoặc trong thời trung kiếp (**antarakappa**) thì nghiệp tốt của người ấy gọi là bị ngăn chặn bởi thời điểm suy vong.

Còn người nào không biết còn làm cho sự tinh cần sanh lên theo như lý đã đề cập, chính trong lần sau đó thì nghiệp tốt của y gọi là bị ngăn chặn bởi hành vi suy vong không cho quả.

Nhưng nghiệp của người sanh vào trong cõi vui do tạo thiện phước (**kalyāṇakamma**) gọi là bị nương vào bởi sanh thú thành tựu cho quả.

Tất cả người nhìn thấy tự thể của người sanh vào trong dòng dõi vua chúa (dòng hoàng tộc) hoặc dòng dõi của quan tể tướng... đưa đến sanh y thành tựu được bảo tồn của tự thể như cây cột bằng ngọc (**ratanadorana**) mà họ đặt nơi thành phố chư thiên, thấy rằng người này thích hợp với địa vị của phó vương, tướng quốc hoặc chức vụ quan thủ khổ... dù rằng họ còn trẻ cũng chấp thuận ban cho những địa vị đó. Việc tạo thiện phước của người chỉ ngần ấy gọi là bị nương vào bởi sanh y thành tựu cho quả.

Người nào sanh vào trong thời sơ kiếp hay thời điểm cơn nước tìm được dễ dàng hay tạo thiện phước của họ gọi là bị nương vào thời điểm thành tựu cho quả.

Người nào không biết hành vi tinh cần theo lý như đã đề cập thì nghiệp của người đó gọi là bị nương vào hành vi thành tựu cho quả.

Ngài phân 16 loại nghiệp theo phương cách của Thắng Pháp bởi trường hợp như đã diễn giảng trên.

12 Loại Nghiệp Theo Phương Thức Của Vô Ngại Giải Đạo
(Paṭisambhidāmagga)

Theo phương thức của Vô Ngại Giải Đạo Ngài phân 12 loại nghiệp theo một lý khác nữa như:

1. Nghiệp quả thuộc vô hiệu nghiệp đã có.
2. Nghiệp quả thuộc vô hiệu nghiệp đã không có.
3. Nghiệp quả thuộc vô hiệu nghiệp đang có.
4. Nghiệp quả thuộc vô hiệu nghiệp không đang có.
5. Nghiệp quả thuộc vô hiệu nghiệp sẽ có.
6. Nghiệp quả thuộc vô hiệu nghiệp sẽ không có.
7. Nghiệp đang có quả của nghiệp cũng đang có.
8. Nghiệp đang có nhưng quả của nghiệp không có.
9. Nghiệp đang có quả của nghiệp cũng sẽ có.
10. Nghiệp đang có nhưng quả của nghiệp sẽ không có.
11. Nghiệp sẽ có quả của nghiệp cũng sẽ có.
12. Nghiệp sẽ có nhưng quả của nghiệp cũng sẽ không có.

Giải Thích 12 Loại Nghiệp

Theo Phương Cách Vô Ngại Giải Đạo

Tất cả 12 loại nghiệp đó thì nghiệp tích lũy trong quá khứ được cơ hội cho quả chính trong quá khứ đó sẽ làm cho tục sinh sanh lên cũng làm cho tục sinh đã sanh lên, hoặc sẽ làm cho sắc khởi hiện cũng có thể làm cho sắc khởi hiện. Ngài thuyết rằng nghiệp quả thuộc vô hiệu nghiệp đã có.

Còn nghiệp không được cơ hội cho quả sẽ làm cho tục sinh, cũng sẽ không thể làm cho tục sinh khởi hiện được, hoặc sẽ làm cho sắc sanh lên, cũng sẽ không thể làm cho sắc sanh lên

được, Ngài thuyết rằng nghiệp quả thuộc vô hiệu nghiệp đã không có.

Còn nghiệp đã tích lũy trong quá khứ, được cơ hội cho quả trong hiện tại sẽ làm cho tục sinh khởi hiện cũng đã làm cho tục sinh khởi hiện hoặc sẽ làm cho sắc hiện khởi cũng đã làm cho sắc tồn tại. Ngài thuyết rằng nghiệp quả thuộc vô hiệu nghiệp đang còn.

Còn nghiệp không được cơ hội cho quả sẽ làm cho tục sinh khởi hiện, cũng không thể sẽ làm cho tục sinh khởi hiện được hoặc sẽ làm cho sắc sanh lên cũng không thể làm cho sắc sanh lên được. Ngài thuyết rằng nghiệp quả thuộc vô hiệu nghiệp không đang có.

Còn nghiệp tích lũy trong thời quá khứ sẽ được cơ hội cho quả trong vị lai làm cho tục sinh khởi hiện cũng sẽ có thể làm cho tục sinh khởi hiện hoặc sẽ làm cho sắc sanh lên cũng sẽ có thể làm cho sắc sanh lên. Ngài thuyết rằng nghiệp quả thuộc vô hiệu nghiệp sẽ có.

Còn nghiệp sẽ không được cơ hội cho quả trong thời vị lai làm cho tục sinh sanh lên cũng sẽ không thể làm cho tục sinh sanh lên được hoặc sẽ làm cho sắc khởi hiện cũng sẽ không thể làm cho sắc khởi hiện được. Ngài thuyết rằng nghiệp quả thuộc vô hiệu nghiệp sẽ không có.

Còn nghiệp tích lũy trong hiện tại và sẽ được cơ hội cho quả trong hiện tại giống nhau. Ngài thuyết rằng nghiệp đang có quả của nghiệp cũng đang có.

Còn nghiệp không được cơ hội cho quả trong hiện tại. Ngài thuyết rằng nghiệp đang có nhưng quả của nghiệp không có.

Còn nghiệp tích lũy trong hiện tại nhưng sẽ được cơ hội cho quả trong vị lai sẽ làm cho tục sinh sanh lên cũng sẽ có thể làm cho tục sinh sanh lên hoặc sẽ làm cho sắc khởi hiện cũng sẽ làm cho sắc (trong vị lai) khởi hiện được. Ngài thuyết rằng nghiệp đang có quả của nghiệp sẽ có.

Còn nghiệp sẽ không được cơ hội cho quả mà sẽ làm cho tục sinh sanh lên cũng sẽ không thể làm cho tục sinh sanh lên được hoặc sẽ làm cho sắc khởi hiện cũng sẽ không thể làm cho sắc (trong vị lai) khởi hiện được. Ngài thuyết rằng nghiệp đang có nhưng quả của nghiệp sẽ không có.

Còn nghiệp sẽ tích lũy trong vị lai sẽ được cơ hội cho quả trong vị lai như nhau mà sẽ làm cho tục sinh sanh lên, cũng sẽ làm cho tục sinh sanh lên hoặc sẽ làm cho sắc khởi hiện cũng sẽ làm cho sắc khởi hiện. Ngài thuyết rằng nghiệp sẽ có quả của nghiệp cũng sẽ có.

Còn nghiệp sẽ không được cơ hội cho quả mà sẽ làm cho tục sinh sanh lên cũng sẽ không thể làm cho tục sinh sanh lên hoặc sẽ làm cho sắc khởi hiện cũng sẽ không thể làm cho sắc khởi hiện được. Ngài thuyết rằng nghiệp sẽ có nhưng quả của nghiệp sẽ không có.

Theo phương cách của vô ngại giải đạo (**paṭisambhidāmagga**) Ngài phân nghiệp thành 12 loại bằng trường hợp như đã diễn giảng trên, 12 loại nghiệp này hay 16 loại nghiệp phần đầu mà đã phân ra tóm gọn vai trò của mình

lại nói theo phương thức của Kinh thì sẽ có 11 loại mà thôi. Mặc dù nhóm pháp đó tóm gọn từ 11 loại nghiệp sẽ còn lại chỉ 3 loại tức

- 1) Hiện báo nghiệp (**Diṭṭhadhammavedaniyakamma**)
- 2) Sanh báo nghiệp (**Uppajjavedaniyakamma**)
- 3) Hậu báo nghiệp (**Aparapariyāyavedaniyakamma**).

Nhóm nghiệp này không chồng chéo nhau luôn hiện diện trong vai trò thuần nhất của mình. Bởi vì nếu như hiện báo nghiệp trở thành sanh báo nghiệp hoặc hậu báo nghiệp thì bậc đạo sư không thuyết rằng **diṭṭheva dhamme** (trong hiện tại này mà thôi). Ngay cả nếu sanh báo nghiệp sẽ trở thành hiện báo nghiệp hoặc hậu báo nghiệp thì bậc đạo sư không thuyết rằng **uppajje vā** (trong kiếp sau). Lại nữa, nếu hậu báo nghiệp sẽ trở thành hiện báo nghiệp hoặc sanh báo nghiệp thì bậc đạo sư cũng không thuyết rằng **apare vā pariyaē** (hoặc theo cách thức kiếp tiếp theo). Ngay cả trong thiện nghiệp nên hiểu theo lý giống như vậy.

Và nên hiểu luận giải trong pháp thiện nghiệp như sau:

Từ **lobhe vigate** nghĩa là khi không có tham tức đã diệt. Từ **Tālavatthukatam** nghĩa là làm cho trở thành giống như cây thốt nốt.

Giải thích: làm cho không mọc lên nữa giống như cây thốt nốt bị chặt ngang đọt.

Từ **Anabhāvaṃ katam** nghĩa là làm cho không có về sau, nghĩa là làm bằng cách không cho sanh lên nữa. Từ **Evassa** nghĩa là nên là như vậy.

Nên hiểu điều so sánh trong từ **Evameva kho** như sau:

Nghiệp thiện và nghiệp bất thiện nên thấy giống như hạt giống, hành giả nên thấy giống như người lấy lửa đốt nhóm hạt giống đó. Đạo Tuệ nên thấy giống như lửa. Lúc phiền não bị Đạo Tuệ thiêu cháy nên thấy giống như lúc châm lửa đốt hạt giống. Lúc hành giả làm cho gốc của ngũ uẩn đứt gốc rồi bảo tồn nên thấy giống như lúc người thiêu đốt hạt giống cho trở thành tro: Lúc bậc lậu tận không chấp thủ tục sinh trong kiếp sống mới bởi vì đoạn tuyệt uẩn do ngũ uẩn đứt là gốc rễ không còn tục sinh tiếp tục, bởi vì diệt đi sự tiếp nối của hành do nghiệp chấp thủ còn dư sót (**upādinnakasaṅkhāra**) nên hiểu giống như lúc hạt giống bị họ rải đi nơi gió mạnh hoặc trôi đi trên sông làm cho không quay trở lại được nữa.

Cụm từ **Mohajam vāpi viddasu** nghĩa là người không biết (tạo nghiệp) cho dù chỉ khởi hiện si, tức họ không biết là người ngu muội (**andhabāla**) tạo nghiệp chỉ khởi hiện tham, chỉ khởi hiện sân, chỉ khởi hiện si cũng có, nghiệp nào mà họ đã tạo dù ít hay nhiều đi nữa. Cụm từ **Idheva tam vedanīyam** nghĩa là nghiệp đó là nghiệp mà người ngu sẽ phải thọ hưởng trong đời này tức chính trong tự thể này của mình, nghiệp đó sẽ cho quả trong tự thể đó của họ.

Cụm từ **Vatthum aññam na vijjati** nghĩa là không có điều lợi ích khác đối với việc nhận quả của nghiệp đó. Bởi vì nghiệp mà một người đã tạo sẽ cho quả trong tự thể của một người khác nữa không được. Cụm từ **Tasmā lobhañca dosañca mohañcapa viddasu** nghĩa là bởi vì vị tỳ kheo nào là vị hiểu biết là người có trí tuệ là bậc thiện trí thường không tạo nghiệp đó phân loại ra như nghiệp sanh lên từ tham..., tỳ kheo đó vẫn

còn làm cho mình sanh lên nên đoạn trừ được mọi loại khổ cảnh tức khi tạo tác mình như A La Hán đạo khởi hiện sẽ đoạn trừ mọi loại khổ cảnh được. Đây là đầu đề (dẫn chứng) của việc thuyết giảng. Còn bậc Lậu Tận thì ngay cả nhân cảnh cũng đoạn trừ được. Thậm chí trong lời thuyết giảng rằng **Tasmā lokañca dosañca** nên hiểu rằng Ngài thuyết đến pháp chỉ khởi hiện tham và chỉ khởi hiện sân giống nhau bằng đầu đề tham và sân. Vẫn trong tất cả kinh và trong kệ ngôn thì Đức Thế Tôn thuyết về luân hồi và ly luân hồi (**vivatta**) bằng trường hợp như đã đề cập trên.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Các Nguyên Nhân Thứ 34



Chánh Kinh Bài Kinh Hatthaka

35.- Về Alavi

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Alavi, tại Gomagga, trong rừng Simsapà, trên chỗ có trái lá.

Rồi Hatthaka, người Alavi, đang đi bộ hàng du ngoạn, thấy Thế Tôn đang ngồi trên chỗ có trái lá trong rừng Simsapà ở Gomagga, thấy vậy, liền đi đến Thế Tôn; sau khi đi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Hatthaka người Alavi bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn sống có an lạc không?

- Phải, này Hoàng Tử, ta sống được an lạc. Và những ai cảm thấy an lạc ở đời, Ta là một trong số những người ấy.

- Bạch Thế Tôn, lạnh là đêm mùa đông, thời gian giữa những ngày tám (trước và sau ngày rằm) là thời gian tuyết rơi, cứng rắn là đất do trâu bò dẫm đạp, mỏng manh là nệm làm bằng lá, lúa thừa là những lá của cây, lạnh là tấm vải cà sa, và lạnh là làn gió thổi.

Rồi Thế Tôn nói như sau:

- Dẫu vậy, này Hoàng Tử, Ta sống được an lạc. Và những ai cảm thấy an lạc ở đời, Ta là một trong số những người ấy. Vậy nay, này Hoàng Tử, ở đây ta sẽ hỏi Hoàng Tử, nếu có thể kham nhẫn, Hoàng Tử hãy trả lời. Hoàng Tử nghĩ thế nào, này Hoàng Tử? Ở đây, người gia chủ hay con người gia chủ có nhà có nóc nhọn, với các tường trét trong trét ngoài, che chở khỏi gió, chốt cửa được khóa chặt, các cửa sổ được đóng kín. Trong ấy, có một

chỗ nằm có trái tẩm thấm len với lông dài, với tẩm vải giường bằng len trắng, chăn len thêu bông, nệm bằng da quý con sơn dương kadali, tẩm thấm có tàn che phía trên và gối nệm đồ cả hai đầu, có đèn thấp đỏ và bốn bà vợ đẹp hầu hạ. Nay Hoàng Tử, Hoàng Tử nghĩ thế nào, người ấy nằm ngủ có an lạc không? Hay Hoàng Tử nghĩ thế nào?

- Bạch Thế Tôn, người ấy nằm ngủ an lạc. Nếu có những người cảm thấy an lạc ở đời, người ấy là một trong những người ấy.

- Hoàng Tử nghĩ thế nào, này Hoàng tử, với người gia chủ hay người con của người gia chủ ấy, khởi lên những nhiệt não về thân hay về tâm, do tham ái sanh. Bị nung đốt bởi những nhiệt não do tham ái sanh, người ấy có cảm thấy đau khổ không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Người gia chủ hay con của người gia chủ ấy, này Hoàng Tử, bị nung đốt bởi những nhiệt não do tham ái sanh, cảm thấy đau khổ. Tham ái ấy, Như Lai đã đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy ta cảm thấy an lạc.

Hoàng Tử nghĩ thế nào, này Hoàng Tử, với người gia chủ hay con của người gia chủ ấy, khởi lên những nhiệt não về thân hay tâm do sân sanh ... do si sanh. Bị nung đốt bởi những nhiệt não do si sanh, người ấy có cảm thấy đau khổ không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Người gia chủ hay con của người gia chủ ấy, này Hoàng Tử, bị nung đốt bởi những nhiệt não do si sanh, cảm thấy đau khổ. Si ấy, Như Lai đã đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như

thân cây tala, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy ta cảm thấy an lạc.

Luôn luôn được an lạc,
Vi phạm chí tịch tịnh
Không bị dục uế nhiễm
Trong mát, không sanh y,
Mọi tham trước dứt đoạn,
Nhiếp phục tâm sâu khổ,
An tịnh, cảm thọ lạc
Với tâm đạt an tịnh

Sớ Giải Bài Kinh Hatthaka

(Atthakathāhatthakasutta)

Nên hiểu luận giải bài kinh hatthaka thứ 35 như sau:

Hoàng tử Hatthaka

Từ **Ālavīyaṃ** tức trong xứ Ālavī. Từ **Gomagge** tức con đường đi của đàn bò. Từ **Paṇṇasantare** tức trên tọa cụ bằng lá cây rơi.

Từ **Atha** nghĩa là khi Đức Như Lai trải tấm đại y của Ngài xuống trên nơi được quét lấy lá cây rơi bị thành đồng trong rừng trắc gần ngay đường quốc lộ là con đường của bò đi (phân ra đi) rồi ngồi xếp bằng.

Cụm từ **Hatthako ālavako** tức hoàng tử nước Ālavī tên **Hatthaka** bởi vì thoát khỏi tay (của dạ xoa **Ālavaka**) đi đến phía tay (của Đức Chánh Đẳng Giác).

Nguyên Nhân Khởi Sanh Việc Thuyết Pháp

Từ **Etadavoca** nghĩa là hoàng tử **Hatthaka** kính bạch lời nói đó, lời nói rằng **Kicca bhante bhagavā**.

Vấn: Vì sao Đức Chánh Đẳng Giác ngự đến ngòai tại nơi đó (và) vì sao hoàng tử đi đến nơi đó?

Đáp: Thứ nhất Đức Chánh Đẳng Giác nhìn thấy được nguyên nhân phát sanh việc thuyết pháp như vấn đề... là nguyên nhân làm phát sanh mới ngự đến ngòai trong nơi đó. Về phần hoàng tử thức dậy từ sáng sớm có 500 cận sự nam vây quanh, đang tiến bước ngự đi đến nơi mà Đức Phật đang ngự. phân ra từ con đường cái giành cho đường của bò đi, ngự đến bằng ý định rằng: “Ta sẽ lựa chọn hái bông hoa trộn lẫn nhau để được lợi ích dùng làm vật cúng dường đến Đức Phật”. Khi đưa mắt nhìn thấy Bậc Đạo Sư mới đi vào yết kiến đánh lễ rồi ngòai tại một nơi thích hợp. Hoàng tử đi đến nơi đó bởi nguyên nhân như đã giải thích trên.

Hoàng tử **Hatthaka** Bạch Hối Đức Phật

Từ **Sukhamasayittha** nghĩa là (hoàng tử **Hatthaka** bạch hối Đức Phật) rằng “Đức Thế Tôn ngủ có an lạc hay chăng?”. Từ **Antaraṭṭhako** nghĩa là trong giữa 3 tháng với 4 tháng là thời gian lâu dài (nơi **himataka**) ở 8 ngày.

Giải thích: Thời gian lâu dài ở **Himataka** gọi là **antaraṭṭhaka** (ở trong giữa) bởi vì trong giai đoạn cuối của 3 tháng có 4 ngày (và) giai đoạn đầu của 4 tháng có 4 ngày nữa.

Từ **Himapātasamayo** tức thời điểm ở **Himataka**. Từ **Kharā** tức thô hoặc cứng. Từ **Gokaṇṭahatā** nghĩa là ngay nơi mà bò giẫm đạp có mưa mới rơi đất bùn phọt lên từ lỗ móng chân bò đi. Đất bùn đó khô bởi vì gió và nắng giống như hình

răng cưa chạm vào đầu buốt, hoàng tử Hatthaka nhắm vào đất bùn mới nói rằng “**Gokaṇṭakahaṭābhūmi**” lại nữa, có nghĩa là mặt đất nứt ra do lở móng chân bò.

Cụm từ **Verambo vāto vāyati** nghĩa là gió luôn thổi đến từ 4 hướng. Gió thổi đến từ 1 hướng, 2 hướng hoặc 3 hướng không gọi là gió thổi lên cao độ.

Bậc Đạo Sư suy nghĩ rằng: “Hoàng tử này không biết người sống an lạc không biết được người sống khổ đau trên thế gian, Ta sẽ làm cho hoàng tử biết được”. Trước khi làm sáng tỏ Ngài thuyết pháp thêm vào mới thuyết câu này rằng **Tenahi rājakumāra**. Tất cả nhóm từ đó thì cụm từ **Yathā te khameyya** nghĩa là (Đức Thế Tôn phán hỏi hoàng tử rằng) để làm cho hài lòng hoàng tử bằng trường hợp nào. Từ **Idhassa** tức nên có trên thế gian này.

Từ **Goṇakathato** nghĩa là bệ (bồ đoàn) trái bằng vải thảm màu đen có lông dài 4 ngón tay. Từ **Paṭikaṭṭhato** nghĩa là trái bằng tọa cụ màu trắng làm bằng lông cừu. Từ **Paṭalikaṭṭhato** trái bằng tọa cụ làm bằng bông hoa và lông cừu dày. Cụm từ **Kaddalimigapavara paccattharaṇo** nghĩa là tọa cụ hạng tốt làm bằng da con nai. Tương truyền rằng loại tọa cụ đó họ làm bằng da con nai để trải trên tấm vải trắng rồi khâu lại. Từ **Sauttaracchado** tức bệ cùng với vật che lợp bên trên, nghĩa là cùng với trần màu đỏ treo đặt phía trên. Cụm từ **Ubhato lohitaḷpadhāno** tức cái gối màu đỏ đặt để cả 2 phía của cái bệ.

Từ **Pajāpatiyo** tức các người vợ. Cụm từ **Manāpena paccupaṭṭhitā assu** tức nên nhận lấy việc phục vụ bằng cách thức phục vụ đáng hài lòng. Từ **Kāyikā vā** nghĩa là sự nóng nảy

dẫn đến thân hội đủ 5 môn nhiệt não. Từ **Cetasikā vā** tức làm cho ý môn cuồng nhiệt.

Cụm từ **So rāgo tathāgatassa pahīno** nghĩa là tham ái ngàn ấy Đức Như Lai đã đoạn tận. Còn tham ái mà họ đang có không gọi là Đức Như Lai đoạn tận. Ngay cả trong sân và si cũng có lý (ý nghĩa như nhau) này.

Từ **Brahmaṇo** nghĩa là người buông xuôi theo ác tức bà la môn, bậc Lậu Tận gọi là diệt hẳn bởi vì diệt hẳn phiền não. Cụm từ **Na lippati kāmesu** nghĩa là không dính mắc trong vật dục (**vatthukamma**) và phiền não dục bằng dụng cụ thô đắp tức ái dục và tà kiến. Từ **Sītibhūto** nghĩa là gọi là mát bởi vì không có phiền não là nhân làm cho nóng nảy bên trong. Từ **Nirūpadhi** nghĩa là không có sanh y (**upadhi**) bởi vì không có sanh y phiền não.

Cụm từ **Sabbā āsattiyo chetvā** nghĩa là tất cả phiền não như ái dục... gọi là pháp dính mắc. (Bà la môn) cắt đứt phiền não là tất cả vật dính mắc lan tỏa đi trong tất cả cảnh như sắc... Cụm từ **Vineyya santiṃ pappuyya cetaso** nghĩa là dẫn đến việc diệt phiền não của tâm.

Một lý khác nữa: Từ **Cetaso** là nguyên nhân (**kaṛaṇa**) (cách thứ 3-tatīyāvibhatti).

Giải thích: Chúng đắc Niết-bàn bằng tâm giống như trong câu... rằng **Sabbam cetasā samannāharitvā** tức tích lũy mọi pháp bằng tâm.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Hatthaka Thứ 35



Chánh Kinh Bài Kinh Sứ Thần

36.- Diêm Vương

1.- Có ba Thiên sứ này, này các Tỷ-kheo, Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Sau khi thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Rồi này các Tỷ-kheo, những người lính địa ngục với hai cánh tay bắt người ấy dẫn đến Vua Yama (Diêm vương) và thưa:

- "Thưa Đại vương, người này không kính mẹ, không kính cha, không kính Sa-môn, không kính Bà-la-môn, không tôn kính các bậc lớn tuổi trong gia đình, Đại vương hãy hình phạt nó"

Rồi vua Yama chất vấn người ấy: cất vấn, nạn vấn người ấy về Thiên sứ thứ nhất:

- "Này người kia, người có thấy vị Thiên sứ thứ nhất hiện ra giữa loài người không?"

Người ấy trả lời:

- "Con không thấy, thưa ngài"

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy:

- "Này người kia, người có bao giờ thấy giữa loài người, một người đàn bà hay đàn ông 80 tuổi, hay 90 tuổi, hay 100 tuổi, già yếu, cong như nóc nhà, lưng còm, chống gậy, vừa đi vừa run rẩy, bệnh hoạn, tuổi trẻ đã tận, răng rụng tóc bạc, hư rụng, sỏi đầu, da nhăn, đầu rung, tay chân da mồi khô nứt?"

Người ấy nói như sau:

- "Thưa Ngài, con có thấy".

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy như sau:

- "Này người kia, với người là người có trí, và lớn tuổi, Người có nghĩ rằng: "Ta rồi cũng bị già, ta không vượt qua tuổi già. Vậy ta hãy làm điều lành, về thân, về lời nói, về ý?"

Người ấy nói như sau:

- "Không, thưa Ngài, con không có làm. Thưa Ngài, con phóng dật."

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy:

- "Này người kia, chính vì do phóng dật, người đã không làm các điều lành về thân, về lời nói, về ý. Thật vậy, này người kia, chúng sẽ làm cho người, đúng theo sự phóng dật của người. Ác nghiệp ấy của người, không phải mẹ làm, không phải cha làm, không phải anh làm, không phải chị làm, không phải bạn bè thân hữu làm, không phải bà con huyết thống làm, không phải chư Thiên làm, không phải Sa-môn làm, Bà-la-môn làm. Ác nghiệp ấy chính do người làm và Người sẽ thọ lãnh quả dị thực của ác nghiệp ấy.

2. Rồi vua Yama, này các Tỷ-kheo, sau khi chất vắn, cột vắn, nạn vắn người ấy về vị Thiên sứ thứ nhất, liền chất vắn, cột vắn, nạn vắn người ấy về vị Thiên sứ thứ hai:

- "Này người kia, người có thấy vị Thiên sứ thứ hai hiện ra giữa loài người không?"

Người ấy trả lời:

- "Con không thấy, thưa ngài"

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy:

- "Này người kia, người có bao giờ thấy giữa loài người, một người đàn bà hay một người đàn ông, bệnh hoạn khổ não nguy kịch, rơi nằm trong tiểu tiện, đại tiện của mình, cần người khác nâng dậy, cần người khác dìu nằm xuống?"

Người ấy nói như sau:

- "Thưa Ngài, con có thấy".

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy như sau:

- "Này người kia, với người là người có trí, và lớn tuổi, Người có nghĩ rằng: "Ta rồi cũng bị bệnh, ta không vượt qua bệnh hoạn. Vậy ta hãy làm điều lành, về thân, về lời nói, về ý?"

Người ấy nói như sau:

- "Không, thưa Ngài, con không có làm. Thưa Ngài, con phóng dật."

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy:

- "Này người kia, chính vì do phóng dật, người đã không làm các điều lành về thân, về lời nói, về ý. Thật vậy, này người kia ... người sẽ thọ lãnh quả dị thực của các nghiệp ấy."

3. Rồi vua Yama, này các Tỷ-kheo, sau khi chất vắn, cật vắn, nạn vắn người ấy về vị Thiên sứ thứ hai, liền chất vắn, cật vắn, nạn vắn người ấy về vị Thiên sứ thứ ba:

- "Này người kia, người có thấy vị Thiên sứ thứ ba hiện ra giữa loài người không?"

Người ấy trả lời:

- "Con không thấy, thưa Ngài."

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy:

- "Này người kia, người có bao giờ thấy giữa loài người, một người đàn bà hay một người đàn ông, chết đã được một ngày, hay chết được hai ngày, hay chết được ba ngày, sưng phù lên, xanh xám lại và nát rữa ra?"

Người ấy nói như sau:

- "Thưa Ngài, con có thấy".

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy như sau:

- "Này người kia, với người là người có trí, và lớn tuổi, Người có nghĩ rằng: "Ta rồi cũng bị chết, ta không vượt qua sự chết. Vậy ta hãy làm điều lành, về thân, về lời nói, về ý?"

Người ấy nói như sau:

- "Không, thưa Ngài, con không có làm. Thưa Ngài, con phóng dật."

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy:

- "Này người kia, chính vì do phóng dật, người đã không làm các điều lành về thân, về lời nói, về ý. Thật vậy, này người kia ... người sẽ thọ lãnh quả dị thực của các nghiệp ấy."

4. Rồi vua Yama, này các Tỷ-kheo, sau khi chất vấn, cật vấn, nạn vấn người ấy về vị Thiên sứ thứ ba, rồi giữ im lặng.

Rồi này các Tỷ-kheo, những người lính địa ngục bắt người ấy chịu hình phạt gọi là năm cọc. Họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào một bàn tay, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn tay thứ hai, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào một bàn chân, họ lấy cọc sắt

nung đỏ đóng vào bàn chân thứ hai, Họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào giữa ngực. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ. Nay các Tỷ-kheo, rồi các người lính địa ngục bắt người ấy nằm xuống và lấy cái rìu chặt người ấy. Người ấy ở đây thọ lãnh ... chưa được tiêu trừ. Nay các Tỷ-kheo, rồi các người lính địa ngục dựng ngược người ấy, chân trên đầu dưới và lấy dao sắc chặt người ấy. Người ấy ở đây thọ lãnh ... chưa được tiêu trừ. Nay các Tỷ-kheo, các người lính địa ngục, cột người ấy vào một chiếc xe, kéo người ấy chạy tới, kéo người ấy chạy lui, trên đất được đốt cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây thọ lãnh ... chưa được tiêu trừ. Rồi nay các Tỷ-kheo, các người lính địa ngục đẩy người ấy lên, kéo người ấy xuống trên một sườn núi đầy than hồng, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây thọ lãnh ... chưa được tiêu trừ. Rồi nay các Tỷ-kheo, các người lính địa ngục nắm ngược người ấy, chân phía trên, đầu phía dưới và quăng người ấy vào một vạc dầu bằng đồng nung đỏ, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây, bị nấu với bọt nước sôi sùng sục, khi thì trôi nổi lên, khi thì chìm xuống đáy, khi thì trôi dạt ngang. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy được tiêu trừ. Rồi nay các Tỷ-kheo, những người lính địa ngục quăng người ấy vào Đại địa ngục. Nay các Tỷ-kheo, Đại địa ngục ấy:

Có bốn góc, bốn cửa
Chia thành phần bằng nhau,
Xung quanh có tường sắt,
Mái sắt lợp lên trên

Nền địa ngục bằng sắt
Nung đỏ cháy đỏ rực
Đứng thẳng luôn có mặt
Rộng một trăm do tuần

Một thời xưa lắm, này các Tỷ-kheo, vua Yama suy nghĩ như sau: "Những ai làm ác nghiệp ở đời, phải thọ lãnh những hình phạt sai khác như vậy. Mong rằng ta được làm người, và Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, ta có thể hầu hạ Thế Tôn, Thế Tôn thuyết pháp cho ta, và ta có thể thông hiểu pháp do Thế Tôn thuyết giảng".

Này các Tỷ-kheo, điều ta đang nói, không phải ta nghe từ một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác; những điều ta đang nói chỉ được ta biết mà thôi, chỉ được ta thấy mà thôi, chỉ được ta hiểu mà thôi.

Dầu Thiên sứ báo động,
Thanh niên vẫn phóng dật
Họ ưu buồn lâu dài,
Sanh làm người hạ liệt.
Ở đây, bậc Chân nhân,
Được Thiên sứ báo động,
Không bao giờ phóng dật
Trong diệu pháp bậc thánh
Thấy sợ trong chấp thủ
Trong hiện hữu sanh tử
Được giải thoát không thủ
Sanh tử được đoạn trừ
Được yên ổn không lạc

Ngay hiện tại tịch tịnh
Mọi oán hận sợ hãi
Các vị ấy vượt qua
Mọi đau đớn khổ sầu
Thấy đều được siêu thoát.

Sớ Giải Bài Kinh Sứ Thần (Atthakathādūtasutta)

Nên hiểu luận giải trong bài kinh sứ thần thứ 36 như sau:

Thiên Sứ (**devadūta**) từ **Devadūtāni** tức tất cả thiên sứ. Cũng trong từ **Devadūtāni** này có ý nghĩa của từ như sau: sự chết (**maccu**) gọi là **chư thiên (deva)**, sứ thần của chư thiên gọi là **thiên sứ (devadūta)**.

Giải thích: Người già, người bệnh và người chết gọi là thiên sứ bởi vì giống như nhắc nhở rằng: “Bây giờ, ngài đang đi vào gần kề sự chết bằng chủ ý làm cho phát sanh kinh cảm (**saṃveja**)”.

Lại nữa, gọi là thiên sứ do ý nghĩa là sứ thần giống như chư thiên.

Giải thích: Khi chư thiên tô điểm trang hoàng rồi đứng nói trên hư không rằng: “Ngài sẽ chết trong ngày kia, lời nói của chư thiên đó người phải tin tưởng như thế nào, thì ngay cả người già, người bệnh và người chết cũng giống như vậy, khi hiện bày cũng giống như nhắc nhở thậm chí ngài cũng sẽ như vậy là thường nhiên, và lời nói đó của người già, người bệnh và người chết cũng giống như lời tiên đoán của chư thiên, bởi vì

không thay đổi trở thành loại khác cho nên mới gọi là thiên sứ vì sứ thần giống như chư thiên.

Một lý khác nữa, gọi là thiên sứ vì là sứ thần của chư thiên thanh tịnh (**visuddhideva**) cũng được, nghĩa là mỗi vị bồ tát nhìn thấy người già, người đau, người chết và vị tu sĩ dẫn đến động tâm rồi xuất gia. Người già, người bệnh, người chết và vị tu sĩ gọi là thiên sứ bởi vì là sứ thần của tất cả chư thiên thanh tịnh như đã giải thích trên.

Nhưng trong bài kinh này ngài thuyết rằng **Devadūtāni** bởi vì thay đổi giới tính (**liṅgavipallāsa**).

Diêm Vương Hỏi Thiên Sứ

Vấn: Vì sao Đức Thế Tôn bắt đầu câu **Kāyena duccharitaṃ...?**

Đáp: Để Ngài thuyết đến nghiệp của người là nguyên nhân dẫn đến vai trò (cho diêm vương) chất vấn đến vai trò của các thiên sứ.

Thật vậy, chúng sanh thường sanh vào địa ngục bởi nghiệp này. Diêm Vương thường chất vấn các thiên sứ. Tất cả nhóm từ đó thì cụm từ **Kāyena duccharitaṃ carati** nghĩa là tạo 3 ác hạnh theo đường thân môn. Từ **Vācāya** nghĩa là tạo 4 ác hạnh theo đường ngữ môn. Từ **Manasā** tạo 3 ác hạnh theo đường ý môn.

Chúa Ngục (**Nirayapāla**) Có Thật Hay Không?

Trong cụm từ **Tamenam bhikkhave nirayapālā** này nên hiểu luận giải như sau:

Một số nhóm trưởng lão nói rằng chúa ngục không có thật, nghiệp riêng biệt giống như người máy tạo ra tình huống. Lời nói đó bị phản bác trong Tạng Thắng Pháp bằng lý chẳng hạn như: Trong địa ngục có chủ ngục, đáp: Phải rồi! người tạo lên tình huống cũng đang có, giống như trong nhân giới người tạo lên tình huống tức nghiệp đang có như thế nào thì trong địa ngục, chủ ngục cũng đang có giống như vậy.

Diêm Vương Tức Ngạ Quỷ **Vemānika**

Cụm từ **Yamassa rañño** nghĩa là ngạ quỷ **Vemānika** gọi là diêm vương một thời gian thọ hưởng tài sản như cây như ý thiên, vườn hoa chư thiên và nhóm thiên nữ múa hát... trong thiên cung, một thời gian cảm thọ quả của nghiệp. Diêm Vương hiện diện trong pháp đang có và diêm vương đó không chỉ có một vị mà đang có đến 4 vị ở 4 cửa.

Giải Thích Về Bất Cung Kính Mẹ (amatteyya)

Phi Bà-la-môn (**abrahmañña**)

Từ **Amatteyyo** nghĩa là người giúp đỡ cho mẹ gọi là cung kính mẹ (**matteyya**) tức là người hành động chơn chánh đối với mẹ. Người không giúp đỡ cho mẹ gọi là bất cung kính mẹ (**amatteyya**) tức người hành động sai quấy đối với mẹ. Ngay cả trong từ còn lại cũng có lý như vậy.

Trong từ **Abrahmañño** này có giải thích như sau: Bạc Lậu Tận gọi là Bà-la-môn, người hành động sai quấy trong nhóm bà la môn đó gọi là phi Bà-la-môn.

Từ **Samanuyñjati** nghĩa là diêm vương cho dẫn đến tuần tự trong việc chất vấn này đến chất vấn kia. Nhưng khi khẳng định chủ kiến (**laddhi**) thì gọi là vấn hỏi. Khi hỏi đến

nguyên nhân thì gọi là tra hỏi. Bằng từ **Nāddasaṃ** (tôi không được thấy) chúng sanh địa ngục nói như vậy, ám chỉ đến không có bất cứ vị thiên sứ nào thì vị đưa đến trong trú xứ của mình.

Diêm Vương Cảnh Tỉnh

Khi đó, diêm vương hiểu rằng người này chưa ghi nhận ý nghĩa của lời nói được muốn làm cho y ghi nhận mới nói lời... rằng **Ambho** này với họ. Tất cả nhóm từ đó thì từ **Jiṇṇaṃ** tức tiêu tụy bởi vì già. Từ **Gopānasivaṃkaṃ** tức cong vòng giống như chốt cửa nhà. Từ **Bhoggamaṃ** tức khòm xuống. Diêm Vương báo hiệu đến trạng thái mà người đó (có lưng) cong vòng bằng từ **Bhoggamaṃ** này.

Từ **Daṇḍaparāyaṇaṃ** tức cây gậy là nơi nương nghĩa là có cây gậy là bạn. Từ **Pavedhamānaṃ** tức đang run rẩy. Từ **Āturaṃ** tức đau khổ bởi vì già. Từ **Khaṇḍadantaṃ** tức gọi là có răng rụng bởi vì uy lực của sự già. Từ **Palitakesaṃ** tức có tóc bạc. Từ **Vilūnaṃ** tức đầu hói giống như bị ai nhổ tóc. Từ **Khalitasiraṃ** tức đầu hói nhiều. Từ **Valitaṃ** tức hiện khởi nếp nhăn. Từ **Tilakāhatagattaṃ** tức thân có tàn nhang lốm đốm cùng với đốm trắng đốm đen. Từ **Jaradhammo** nghĩa là có trạng thái già không thoát khỏi sự già được thường nhiên sự già luôn diễn tiến bên trong thân ta. Ngay cả 2 từ sau là trạng thái bệnh (**byādhidhammo**), trạng thái chết (**maraṇadhammo**) cũng cùng ý nghĩa như nhau.

Thiên Sứ Thứ 1

Trong cụm từ **Paṭhamam devadūtaṃ samanuyujitvā** này nên theo giải thích như sau:

Thông thường chúng sanh tiều tụy do sự già thường nói với nội dung rằng: “Này các bạn, khi tôi còn trẻ dồi dào sức lực bằng tay, chân và nhanh nhẹn giống như các bạn, tuy nhiên sự dồi dào sức lực và nhanh nhẹn của tôi tiêu mất hết rồi, thậm chí tay và chân của tôi cũng không làm phận sự của chúng được, tôi trở thành người như vậy bởi vì không tránh khỏi sự già cũng không phải chỉ riêng biệt tôi mà thôi cho dù các bạn cũng không thoát khỏi sự già như nhau, sự già đến với tôi như thế nào thì sự già cũng sẽ đến với các bạn như thế đó, bởi vì sự già đến như đã nói sẽ khởi hiện trong ngày vị lai. Xin tất cả các bạn hãy tạo việc thiện đi”. Bởi vì chúng sanh tiều tụy do sự già nên gọi là **thiên sứ**.

Thiên Sứ Thứ 2

Từ **Ābādhikam** tức người bệnh. Từ **Dukkhitam** nghĩa là có khổ. Từ **Bāḥagilānam** tức bệnh trầm trọng quá mức. Ngay cả trong nơi đây thường nhiên chúng sanh đau bệnh thường nói với nội dung rằng “Này các bạn, khi trước tôi là người không có bệnh giống như các bạn nhưng giờ đây tôi bị bệnh chi phối chùm trong phân và nước tiểu của mình, cho dù thân chống chỏi đứng dậy cũng chưa có thể được, tuy rằng tay chân của tôi đang có cũng không làm phận sự của chúng được, tôi trở thành người như vậy cũng do không tránh khỏi bệnh tật, không chỉ riêng biệt tôi mà ngay cả các bạn cũng không thoát khỏi bệnh như nhau, giống như sự bệnh đến với tôi như thế nào thì bệnh cũng sẽ đến với các bạn như thế đó bởi vì sự đau bệnh đó chắc

chấn sẽ đến trong ngày vị lai. Xin tất cả các bạn hãy tạo việc thiện đi!”. Do chúng sanh đau bệnh nên mới gọi là **thiên sư**.

Thiên Sư Thứ 3

Trong từ **Ekāhamataṃ**... nên hiểu theo giải thích như sau:

Chúng sanh chết được một ngày nên mới gọi là **ekāhamata**. (Bạn không thấy) chúng sanh chết trong một ngày hay chẳng? Ngay cả trong 2 từ sau chết được 2 ngày và chết được 3 ngày (**dvīhamataṃ** và **tīhamataṃ**) cũng cùng lý này. Tử thi gọi là **uddhumātaka** bởi vì phồng lên theo trạng thái sinh chướng lên theo tuần tự kể từ khi lìa đời, giống như bơm đầy hơi vào.

Tử thi có màu xanh lên lác đác khắp (thân) gọi là **vinīla**, chính vinīla gọi là **vinīlaka**. (Bạn không thấy) tử thi xanh sậm đó hay chẳng?

Một lý khác nữa, tử thi xanh sậm đáng ghê tởm bởi vì là vật đáng nhèm gớm. Từ **Vipubbakaṃ** tức tử thi có nước vàng chảy ra nhầy nhựa bị vấy bẩn bởi nước vàng chảy ra từ tét nứt.

Trong cụm từ **Tatiyaṃ devadūtaṃ** này tức thông thường chúng sanh chết thường chỉ bảo rằng: “Này các bạn hãy nhìn tôi bị quăng bỏ trong bãi tha ma chưa thiêu xác dẫn đến trạng thái chướng sinh... tôi trở nên như vậy bởi vì không thoát khỏi sự chết, không phải chỉ riêng biệt tôi mà ngay cả các bạn cũng không thoát khỏi sự chết như nhau, giống như sự chết đến với tôi như thế nào thì sẽ đến với các vị như thế đó, bởi vì sự chết như đã nói sẽ khởi hiện chắc chắn trong ngày vị lai. Xin tất

cả các bạn hãy tạo việc thiện đi”. Do chúng sanh chết đó mới xếp vào là **thiên sứ**.

Ai Bị Hỏi Đến Thiên Sứ - Ai Không Bị Hỏi

Vấn: Việc hỏi đến thiên sứ này ai được, ai không được (ai bị hỏi, ai không bị hỏi)?

Đáp: Người nào tạo ác nghiệp nhiều, người đó khi chết rơi vào trong địa ngục ngay tức thì. Nhưng người nào tạo ác nghiệp chút ít thì người ấy bị hỏi.

Ví dụ giống như hoàng tử bắt được tên trộm cùng với tang vật thì trừng phạt nên phải làm ngay tức thì không cần phải tra xét, nhưng người mà họ nghi ngờ, họ sẽ dẫn đi đến nơi dành cho việc tra hỏi. Người nhận được sự tra xét như thế nào thì điều ví dụ này cũng như vậy. Bởi vì người có ác nghiệp chút ít theo thông thường tự mình cũng nhớ lại được hay bị nhắc nhở cho nhớ lại thì mới nhớ lại được.

Dẫn Chứng Người Nhớ Lại Được Theo Thông Thường Của Mình

Trong việc tự mình nhớ lại được và bị nhắc nhở cho nhớ lại có dẫn chứng như sau:

Damila tên **Dighajayanta** tự mình nhớ lại được theo thông thường của mình. Tương truyền rằng, **Damila** lấy tấm vải nhân dịp cúng dường bảo tháp (bảo tháp cao chọc trời) nơi đại tịnh xá **sumanagiri** sau này chết đi sanh vào trong nơi gần địa ngục **Ussada** nghe được tiếng ngọn lửa mới hỏi tướng nhớ lại đến tấm vải đỏ mà mình lấy nhân dịp cúng dường bảo tháp y mệnh chung sanh lên thiên giới.

Có một người nữa cúng dường vải **saṭaka** chất vải mịn màng với vị tỳ kheo trẻ là con trai lúc đặt tấm vải gần nơi chân (vị con trai) thì nắm giữ hiện tướng (**nimitta**) trong âm thanh của tấm vải. Về sau người đàn ông đó chết đi sanh vào trong gần địa ngục **Ussada**, hồi tưởng nhớ lại được đến tấm vải đó, bởi vì nghe được tiếng ngọn lửa mới từ trần sanh lên thiên giới.

Tất cả (mọi) người sanh vào trong địa ngục nhớ đến thiện nghiệp theo thông thường của mình rồi mệnh chung sanh lên thiên giới như đã giải thích trước rồi.

Còn người không nhớ lại được theo thông thường của mình, khi diêm vương hỏi đến 3 vị thiên sứ thì tất cả chúng sanh đó một phần chỉ nhớ lại được thiên sứ thứ 1, chỉ một phần nhớ lại được đến thiên sứ thứ 2 và thứ 3. Chúng sanh nào không nhớ lại được cả 3 thiên sứ thì diêm vương sẽ nhắc nhở chúng sanh đó cho tự nhớ lại được.

Dẫn Chứng Người Bị Nhắc Nhở

Tương truyền rằng một vị quan cúng dường đại bảo tháp bằng 1 rổ bông lài rồi chia phước đến cho diêm vương. Khi các chúa ngục dẫn người sanh vào trong địa ngục do bất thiện nghiệp đi đến diêm vương. Khi họ không nhớ đến thiện nghiệp được bằng cả thiên sứ thì diêm vương mới xem xét tạm thời nhắc nhở cho họ nhớ lại rằng “người đã cúng dường bảo tháp bằng 1 rổ bông lài rồi chia phước cho ta không phải chăng?”. Lúc đó họ nhớ lại đến ngay lập tức mới mệnh chung sanh lên thiên giới, về phần diêm vương cho dù tự mình xem xét nhưng khi không thấy sẽ im lặng bằng suy nghĩ rằng chúng sanh này sẽ thọ lãnh khổ trọng đại.

Sự Hành Hình Trong Địa Ngục

Cụm từ **Tattam ayokhīlam** nghĩa là các chúa ngục bắt tự thể (cao lớn) khoảng **gāvuta** cho nằm ngửa trên tấm kim loại rực cháy rồi lấy cây lao sắt bằng cây thốt nốt đâm vào nơi tay phải, nơi tay trái... Chúa ngục sẽ bắt chúng sanh địa ngục cho nằm úp mặt hay nghiêng bên trái hay nghiêng bên phải giống như cho ngửa rồi hành hình giống như vậy.

Từ **Samvesetvā** nghĩa là chúa ngục bắt tự thể khoảng 3 **gāvuta** cho nằm trên tấm kim loại rực cháy. Từ **Kuṭhārihi** nghĩa là đẽo bằng rìu lưỡi vòm lớn cỡ bằng một phía mái nhà. Máu chảy ngập thành sông. Ngọn lửa cháy rực từ tấm kim loại dính theo nơi bị đẽo. Khổ vô cùng khởi hiện với chúng sanh địa ngục, còn các chúa ngục khi róc cũng róc cho thành 8 cạnh hay 6 cạnh giống như thước kẻ đường thẳng để đẽo. Từ **Vāsīhi** tức bằng các con dao có kích cỡ bằng cái thúng lớn.

Cụm từ **Rathe yojetvā** nghĩa là (các chúa ngục) buộc các chúng sanh địa ngục đó vào cho kéo xe cùng với cái ách, dây, trục xe, bánh xe, càng xe và cây đốt cổ lửa rực cháy khắp mọi phía. Từ **Mahantam** tức có ước lượng bằng ngôi nhà nóc nhọn cỡ lớn. Từ **Āropenti** nghĩa là đáng bằng cây búa sắt cháy hừng hực rồi bức ép cho lên (núi lửa). Cụm từ **Sakimpī uddham** nghĩa là chúng sanh địa ngục đó (bị lửa thiêu đốt) loạn xạ lên phía trên chìm xuống phía dưới và trôi nổi nằm ngang tương tự như gạo bỏ vào nồi sôi sùng sục. Từ **Mahāniraye** tức trong đại địa ngục vô gián (**avicīmahānaraka**). Cụm từ **Bhāgaso mito** tức (đại địa ngục) phân ra thành từng phần. Từ **Pariyanto** tức bị bao quanh. Từ **Ayasā** tức bị đóng lại phía trên bằng tấm sắt. Cụm từ **Samantā yojanasatam pharitvā tiṭṭhati** nghĩa là ngọc

lửa tỏa sáng đi như vậy. Khi chúng sanh địa ngục đó đứng xem trong nơi bao quanh 100 do tuần thì mắt sẽ lòi ra giống như 2 cục thịt.

Từ **Hīnakāyūpagā** nghĩa là dẫn đến sanh loại thấp kém. Từ **Upādāne** nghĩa là trong rừng rậm tức ái dục và tà kiến. Từ **Jatimaraṇasambhave** tức là nguyên nhân của tái sanh và chết. Từ **Anupādā** tức không chấp giữ bởi tứ thủ (**upādāna**). Từ **Jatimaraṇasaṅkhaye** nghĩa là giải thoát do Niết-bàn là lãnh vực chấm dứt của tái sanh và chết.

Từ **Diṭṭhadhammābhiniḅbutā** nghĩa là đã diệt hẳn bởi vì diệt tất cả phiền não trong hiện tại (**diṭṭhadhamma**) tức trong tự thể này. Cụm từ **Sabbam dukkham upaccagum** nghĩa là vượt qua tất cả khổ luân hồi.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Sư Thần Thứ 36



Chánh Kinh Bài Kinh Đức Vua Thứ Nhất

37.- Bốn Bạc Đại Vương

- *Này các Tỷ-kheo, trong ngày thứ tám của nửa tháng, các vị Đại thần cố vấn cho bốn Đại vương, đi du hành trong thế giới này để xem trong loài người, có nhiều người có hiếu với mẹ, có hiếu với cha, có kính Sa-môn, Bà-là-môn, có tôn trọng các vị gia trưởng, có làm lễ Uposatha (Bố-tát), có đề cao cảnh giác, có làm các công đức.*

Này các Tỷ-kheo, trong ngày 14 của nửa tháng, các Hoàng tử của bốn Thiên vương, đi du hành trong thế giới này để xem trong loài người, có nhiều người có hiếu với mẹ, ... có làm các công đức.

Này các Tỷ-kheo, trong ngày rằm lễ Uposatha, bốn vị Thiên vương tự mình đi du hành trong thế giới này để xem trong loài người, có nhiều người có hiếu với mẹ, ... có làm các công đức.

Nếu chỉ có ít người giữa loài người, này các Tỷ-kheo, có hiếu với mẹ, ... là các công đức, thời này các Tỷ-kheo, bốn vị Đại vương liền báo với chư Thiên ở cõi trời thứ ba mươi ba, đang ngồi tụ họp tại hội trường Sudhammà:

- "Thưa chư vị, có ít người giữa loài người có hiếu với mẹ, ... có làm các công đức".

Rồi này các Tỷ-kheo, chư Thiên ở cõi trời thứ ba mươi ba không hoan hỉ nói:

- "Thật vậy, Thiên chúng sẽ bị tổn giảm và Asura chúng (A-tu-la) sẽ được sung mãn."

Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu có nhiều người giữa loài người, có hiếu với mẹ, ... có làm các công đức, thời này các Tỷ-kheo, bốn vị Đại vương liền báo với chư Thiên ở cõi trời thứ ba mươi ba, đang ngồi tụ họp tại hội trường Sudhammā:

- "Thưa chư Vị, có nhiều người giữa loài người, có hiếu với mẹ, ... có làm các công đức".

Rồi này các Tỷ-kheo, chư Thiên ở cõi trời thứ ba mươi ba hoan hỷ nói

- "Thật vậy, Thiên chúng sẽ được sung mãn, còn các Asura chúng sẽ bị tổn giảm.

Sớ Giải Bài Kinh Đức Vua Thứ Nhất

(Atthakathāpaṭhamarājasutta)

Nên hiểu luận giải bài kinh thứ 37 đức vua thứ nhất như sau:

Chư Thiên Xem Xét Trong Nhân Giới

Cụm từ **Amaccā parisajjā** tức công việc của chư thiên (**paricārikadevarā**). Cụm từ **Imaṃ lokam anuvicaranti** nghĩa là được nghe rằng trong ngày 8 hạ tuần thiên vương **Sakka** ra lệnh cho 4 vị đại thiên vương rằng: "Tất cả các vị hôm nay là ngày 8 hạ tuần, các vị hãy du hành đi đến nhân giới rồi ghi tên và dòng họ của người tạo phước. Tứ Đại Thiên Vương đó cũng trở lại đi đến ra lệnh cho tùy tùng của mình rằng "Này các vị, các vị hãy du hành đi đến nhân giới viết tên và dòng họ

của người tạo phước trong tấm bảng vàng rồi đem đến đây”. Nhóm tùy tùng làm theo mệnh lệnh đó. Vì vậy Đức Thế Tôn mới thuyết rằng **Imaṃ lokam anuvaranti**.

Cụm từ **Kicca bahū...** Đức Thế Tôn thuyết để trình bày tình trạng xem xét của nhóm chư thiên đó. Thật vậy, tất cả chư thiên du hành đi xem xét theo tình trạng như đã đề cập trên.

Việc Giữ Bát Quan Trai Giới (**Uposatha**)

Tất cả nhóm từ đó thì cụm từ **Uposatham upavasanti** nghĩa là tất cả nhân loại phát nguyện thọ trì bát quan trai giới mỗi tháng 8 lần.

Từ **Paṭijāgaronti** nghĩa là thực hành việc giữ bát quan trai giới không để duôi (**paṭijāgauposatha**). Tất cả người khi thực hành việc giữ bát quan trai giới không để duôi thực hành bằng việc ngày rước và ngày đưa của 4 ngày bát quan trai giới nửa tháng, tức khi thọ trì ngày mùng 5 thì phải gìn giữ trong ngày mùng 4 là ngày rước và ngày đưa là ngày mùng 6. Khi thọ trì ngày mùng 8 thì phải gìn giữ trong ngày rước là ngày mùng 7 và ngày đưa là ngày mùng 9. Khi thọ trì ngày mùng 14 thì phải gìn giữ trong ngày mùng 13 là ngày rước và ngày mùng 15 là ngày đưa. Khi thọ trì ngày rằm thì phải gìn giữ trong ngày 14 là ngày rước và ngày mùng 16 là ngày đưa.

Cụm từ **Puññāni karonti** nghĩa là người tạo phước có các trường hợp khác nhau như thọ trì Tam Quy, thọ trì thường giới (**nīccasīla**), cúng dường bông hoa, nghe pháp, thắp sáng một ngàn ngọn đèn và xây dựng tịnh xá... Nhóm chư thiên đó du hành đi như vậy, ghi tên và dòng họ của người tạo phước vào trong tấm bảng vàng rồi đem đến dâng cho 4 vị Đại Thiên

Vương. Cụm từ **Puttā imaṃ lokam anuvaranti** nghĩa là (hoàng tử của Tứ Đại Thiên Vương) du hành đi xem xét bởi vì bị Tứ Đại Thiên Vương cử đi theo như cách thức trước đó. Từ **Tadahū** tức trong ngày đó. Từ **Uposathe** tức trong ngày bát quan trai giới.

Cụm từ **Sace bhikkhave appakā honti** nghĩa là nhóm quan đại thần của Tứ Đại Thiên Vương đi đến làng mạc, thành thị và kinh đô. Chư thiên ngự nơi làng mạc, thành thị và kinh đô đó hiểu rằng quan của Tứ Đại Thiên Vương đã đến, mỗi người cùng nhau đem lễ vật đi đến trú xứ của nhóm chư thiên đó.

Nhóm quan chư thiên đó nhận lễ vật rồi hỏi đến việc tạo phước của tất cả mọi người rằng: “Các vị vô khổ (**niradukkha**), số lượng nhiều người vẫn đang giúp đỡ cho mẹ phải chăng?” thì chư thiên thường ở làng mạc, thành thị và kinh đô báo cáo rằng: “Phải rồi!”. Thừa các vị vô khổ trong xóm làng kia, người này và người kia vẫn đang tạo phước ghi tên và họ của nhóm người đó rồi đi nơi khác.

Kế đến vào ngày mùng 14 con của Tứ Đại Thiên Vương cầm lấy tấm bảng vàng rồi đi du hành ghi tên và họ theo cách thức đó. Vào ngày rằm là ngày bát quan trai giới thì Tứ Đại Thiên Vương ghi tên và họ vào trong bảng vàng theo cách thức đó. Tứ Đại Thiên Vương hiểu rằng lúc này có ít người, lúc này có nhiều người theo số lượng trong tấm bảng vàng. Đức Thế Tôn ám chỉ lấy điều đó mới thuyết rằng **Sace bhikkhave appakā honti manussā** này.

Chư Thiên Tăng Đạo Lợi

Cụm từ **Devānaṃ tāvatiṃsānaṃ** nghĩa là tất cả chư thiên gọi là Đạo Lợi bởi vì nương vào 33 vị thiên tử sanh lên lần đầu tiên. Còn kệ ngôn nói về việc sanh lên của nhóm chư thiên đó đã giải thích trong sớ giải Đế Thích vấn đạo (**sakkapañhā**) trong Trường Bộ Kinh. Từ **Tena** tức do việc báo lại hay do nhân loại tạo phước ít. Cụm từ **Dibbā vata bho kāyā parihāyissanti** nghĩa là bởi vì vị thiên tử mới không xuất hiện thì nhóm chư thiên cũng sẽ suy giảm đi, thành phố chư thiên rộng lớn khoảng một ngàn do tuần đáng hân hoan cũng sẽ trống vắng. Cụm từ **Paripūriṣanti asurakāyā** nghĩa là 4 khổ cảnh sẽ chật ních người. Do đó tầng chư thiên Đạo Lợi mới than van rằng chúng ta sẽ không đi chơi lễ sao hội ở giữa nhóm chư thiên trong thành phố chư thiên từng tấp nập người. Thậm chí trong ngày trăng thượng huyền cũng nên hiểu ý nghĩa theo cách thức này.

Đức Thế Tôn thuyết rằng **Bhūtapubbaṃ bhikkhave sakko devānamindo** này Ngài ám chỉ đến lúc ngài là thiên vương **Sakka**.

Một lý khác nữa, Ngài nói rằng Đức Thế Tôn thuyết ám chỉ đến khuynh hướng của một vị trời **Sakka**. Từ **Anunayamaṇo** tức nhắc nhở cho nhớ lại. Cụm từ **Tāyaṃ velāyaṃ** tức trong lúc đó.

Bát Quan Trai Giới Thường Xuyên

(**Nibbaddhauposatha**)

Trong từ **Paṭihariyapakkaṅka** này nên hiểu giải thích như sau: Thọ trì bát quan trai giới xuyên suốt nối tiếp nhau trong ba tháng mùa mưa gọi là an trú đặc biệt vào bát quan trai giới (**paṭihāriyapakkauposatha**). Khi không thể giữ (thọ trì)

bát quan trai giới xuyên suốt 3 tháng được thì thọ trì thường xuyên suốt 1 tháng trong khoảng giữa ngày tự tứ (**pavāraṇa**), khi không thể thọ trì bát quan trai giới thường xuyên suốt 1 tháng được thì nửa tháng kể từ đầu ngày tự tứ cũng gọi là an trú đặc biệt vào bát quan trai giới. Từ **Aṭṭhangasusamāgataṃ** tức hội đủ 8 chi phần. Cụm từ **Yopassa mādiso naro** nghĩa là cho dù chúng sanh nào hãy nên làm như ta. Tương truyền rằng, vua trời Sakka hiểu được ân đức của bát quan trai giới như trường hợp đã đề cập mới từ bỏ tài sản trên thiên giới đi vào thọ trì bát quan trai giới mỗi tháng 8 ngày.

Một lý khác nữa, cụm từ **Yopassa mādiso naro** nghĩa là cho dù chúng sanh nào hãy nên làm như ta.

Giải thích: Nên ước nguyện để nhận được đại tài sản, nghĩa là người có thể nhận được tài sản của vua trời **Sakka** bằng cách thọ trì bát quan trai giới chỉ bấy nhiêu.

Từ **vusitavā** tức chấm dứt sự sống còn. Từ **Katakaraṇiyo** tức làm phận sự nên làm bằng 4 đạo. Từ **Ohitabhāro** tức đặt gánh nặng (ngũ uẩn), gánh nặng phiền não và gánh nặng tối vi hành (**abhisankhārabhāra**) xuống. Từ **Anuppattasadattho** nghĩa là A La Hán Quả gọi là lợi ích cho mình, chúng đắc lợi ích cho mình. Từ **Parikkhīṇabhavasamyojana** nghĩa là gọi là kiết sử vật trói buộc chúng sanh trong tất cả mọi sanh hữu, bởi vì kiết sử là nhân làm cho chúng sanh bị trói buộc rồi lôi kéo vào trong tất cả sanh hữu. Từ **Sammadaññāvimutto** nghĩa là giải thoát do hiểu biết nguyên nhân phương cách và nguồn gốc.

Cụm từ **Kallaṃ vvacanya** tức đáng để nói. Cụm từ **Yopassa mādiso naro** nghĩa là dù cho người nào sẽ trở thành

bậc Lưu Tận cũng phải làm như ta, phải thọ trì bát quan trai giới chỉ bấy nhiêu khi biết được bát quan trai giới như vậy.

Một lý khác nữa, cụm từ **Yopassa mādiso naro** tức cho dù người nào cũng làm như ta, nghĩa là phải nguyện ước để nhận được đại tài sản. Trong cụm từ này có giải thích rằng người có thể nhận được tài sản của bậc Lưu Tận cũng phải thọ trì bát quan trai giới chỉ bấy nhiêu.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Thứ 37 Đức Vua Thứ 1



Chánh Kinh Bài Kinh Được Nuôi Dưỡng Tế Nhị

38.- Được Nuôi Dưỡng Tế Nhị

1. - Nay các Tỷ-kheo, Ta được nuôi dưỡng tế nhị, tối thắng nuôi dưỡng tế nhị, cứu cánh nuôi dưỡng tế nhị. Nay các Tỷ-kheo, trong nhà Phụ vương ta, các hồ nước được xây lên, trong một hồ có hoa sen xanh, trong một hồ có hoa sen đỏ, trong một hồ có hoa sen trắng, tất cả phục vụ cho ta. Không một hương chiên đàn nào ta dùng, nay các Tỷ-kheo, là không từ Kàsi đến. Bằng vải Kàsi là khăn của ta, nay các Tỷ-kheo. Bằng vải kàsi là áo cánh, bằng vải kàsi là nội y, bằng vải kàsi là thượng y. Đêm và ngày, một lọng trắng được che cho ta để tránh xúc chạm lạnh, nóng, bụi, cỏ hay xương. Nay các Tỷ-kheo, ba lâu đài được xây dựng cho Ta, một cái cho mùa đông, một cái cho mùa hạ, một cái cho mùa mưa. Và Ta, nay các Tỷ-kheo, tại lâu đài mùa mưa, trong bốn tháng mưa, được những nữ nhạc công đoanh vây, Ta không có xuống dưới lầu. Trong các nhà của người khác, các người đầy tớ, làm công được cho ăn cơm tấm, cháo chua. Trong nhà phụ vương Ta, các người đầy tớ, làm công được cho ăn gạo, thịt gà và cơm nấu.

2.- Với Ta, nay các Tỷ-kheo, được đầy đủ với sự giàu sang như vậy, được cứu cánh nuôi dưỡng tế nhị như vậy, ta suy nghĩ rằng: "Kẻ vô văn phạm phụ tự mình bị già, không vượt qua khỏi già, khi thấy người khác bị già, lại bực phiền, hổ thẹn, ghê tởm, quên rằng mình cũng như vậy. Ta cũng bị già, không vượt qua khỏi già, sau khi thấy người khác già, ta có thể bực phiền, hổ thẹn, ghê tởm sao? Như vậy, thật không xứng đáng cho ta". Sau

khi quan sát về ta như vậy, này các Tỷ-kheo, sự kiêu mạn của tuổi trẻ trong tuổi trẻ được đoạn trừ hoàn toàn.

"Kẻ vô văn phạm phu tự mình bị bệnh, không vượt khỏi bệnh, thấy người khác bị bệnh, lại bực phiền, hổ thẹn, ghê tởm, quên rằng mình cũng như vậy. Ta cũng bị bệnh, không vượt qua khỏi bệnh, sau khi thấy người khác bị bệnh, ta có thể bực phiền, hổ thẹn, ghê tởm sao? Như vậy, thật không xứng đáng cho ta". Sau khi quan sát về ta như vậy, này các Tỷ-kheo, sự kiêu mạn của không bệnh trong không bệnh được đoạn trừ hoàn toàn.

"Kẻ vô văn phạm phu tự mình bị chết, không vượt khỏi chết, thấy người khác bị chết, lại bực phiền, hổ thẹn, ghê tởm, quên rằng mình cũng như vậy. Ta cũng bị chết, không vượt qua khỏi chết, sau khi thấy người khác chết, ta có thể bực phiền, hổ thẹn, ghê tởm sao? Như vậy, thật không xứng đáng cho ta". Sau khi quan sát về ta như vậy, này các Tỷ-kheo, sự kiêu mạn của sự sống trong sự sống được đoạn trừ hoàn toàn.

Sớ Giải Bài Kinh Được Nuôi Dưỡng Tế Nhị

(Atthakathāsukhumāsutta)

Nên hiểu luận giải trong sớ giải bài kinh được nuôi dưỡng tế nhị thứ 38 như sau:

Đời Sống Được Nuôi Dưỡng Tế Nhị

Từ **Sukhumālo** tức (Như Lai) là người không có khổ. Từ **Paramasukhumālo** tức là người không có khổ trầm trọng. Từ **Accantasukhumālo** tức là người không có khổ xuyên suốt thời gian. Đức Thế Tôn thuyết đến từ này bởi vì Ngài ám chỉ rằng

Ngài không có khổ tính từ khi sanh ra trong nước **Kapilavatthu**. Nhưng trong lúc Ngài hành khổ hạnh thì khổ mà Ngài cảm thọ không có tột cùng.

Từ **Ekattā** tức một nơi trong hồ sen. Cụm từ **Uppalam vappati** nghĩa là họ trồng bông xanh. Hồ sen đó đầy dẫy bởi rừng hoa sen xanh. Từ **Paduma** tức sen trắng. Từ **Puṇḍarikam** tức hoa sen đỏ. Cả 2 hồ sen thì hồ sen ngoài ra đầy dẫy hoa sen trắng và hoa sen đỏ.

Thiên Tử **Vissukamma** Kiến Tạo Hồ Sen

Tương truyền rằng, trong lúc bồ tát sanh ra được 7-8 tuổi thì đức vua **Suddhodana** phán hỏi tất cả các quan rằng bọn trẻ con thích chơi thể thao loại nào? Các quan tâu rằng: “Tâu bệ hạ, thích chơi nước”. Từ đó, đức vua ra lệnh cho tập hợp công nhân đào đất rồi lựa chọn lấy nơi xây dựng hồ sen.

Lúc ấy vua trời **Sakka** xem xét hiểu được sự diễn biến đó, ngài suy rằng dụng cụ sử dụng của nhân loại không thích hợp với bồ tát vật dụng sử dụng (riêng biệt) của chư thiên mới thích hợp, rồi truyền gọi thiên tử **Vissukamma** rằng: “Này thiên tử, người hãy xây dựng hồ sen trong sân chơi của bậc đại nhân”. Thiên tử **Vissukamma** tâu rằng: “Tâu đại vương, thiết kế kiểu dáng như thế nào?”.

Vua trời **Sakka** ra lệnh rằng hồ sen phải không có bùn sinh, rải đầy bằng ngọc maṇī, ngọc trai và ngọc san hô bao quanh tường thành bằng 7 loại ngọc cùng tất cả cầu thang có bậc thang được làm bằng vàng, bạc và ngọc maṇī có lan can cầu thang làm bằng ngọc maṇī có cổng cầu thang làm bằng ngọc san hô và hồ sen này phải có thuyền làm bằng vàng, bạc, ngọc maṇī

và ngọc san hô, trong thuyền vàng phải có ngai bằng vàng, trong thuyền ngọc maṇi phải có ngai bằng ngọc san hô, trong thuyền ngọc san hô phải có ngai bằng ngọc maṇi, phải có gáo múc nước làm bằng vàng, bạc, ngọc maṇi và ngọc san hô và hồ sen phải đầy đầy 5 loại hoa sen. Thiên tử **Vissukamma** nhận lệnh của vua trời Sakka rằng: “Thưa vâng, tâu đại vương”, rồi xuống lúc nửa đêm xây dựng hồ sen theo cách thức đó trong nơi mà đức vua ra lệnh lựa chọn.

Vấn: Các hồ sen này không có bùn lầy phải chăng? Các bông sen nở ra trong hồ này như thế nào?

Đáp: Thiên tử **Vissukamma** đó tạo lên chiếc thuyền thân nhỏ bé làm bằng vàng, bạc, ngọc maṇi và ngọc san hô tùy theo nơi khác nhau trong các hồ sen đó rồi chú nguyện rằng các chiếc thuyền này hãy đầy bùn sinh và xin 5 loại hoa sen hãy nở trong thuyền này đi. 5 loại hoa sen nở ra như trường hợp đã giải thích. Bụi hoa sen tỏa ra 5 loại ong cùng nhau bay đến lượn quanh. Thiên tử **Vissukamma** tạo ra các hồ sen đó xong rồi thì trở về thành phố chư thiên như ban đầu.

Khi lúc đêm trăng sáng, dân chúng nhìn thấy thì cùng nhau suy nghĩ rằng: “Chắc hẳn hồ sen có ai hóa hiện ra dâng đến bậc đại nhân” mới cùng nhau đi đến tâu cho đức vua biết. Đức vua có đại chúng vây quanh ngự đến đưa mắt nhìn xem hồ sen thì vui thích rằng các hồ sen này chỉ có chư thiên hóa hiện ra bằng oai lực phước của con trai ta. Kể từ đó về sau bậc đại nhân ngự đến vui chơi trong hồ sen.

Từ **Yavadeva** trong cụm từ **Yāvadeva mamatthāya** này là từ xác định đến lãnh vực của việc kiến tạo, nghĩa là chỉ để được lợi ích đối với chúng ta không có nguyên nhân nào khác

trong vấn đề này. Cụm từ **Na kho panassāhaṃ** phân từ ra thành **Na kho panassa ahaṃ**. Cụm từ **Kāsikaṃ candanaṃ** tức gỗ đàn hương xứ **Kāsī** chất gỗ mềm mịn màng. Cụm từ **Kāsikaṃ su me taṃ bhikkhave veṭhanaṃ** nghĩa là cho dù khăn quần đầu của ta cũng là vải của xứ **Kāsī**.

Từ **su** và **taṃ** trong cụm từ **Kāsikaṃ su me taṃ veṭhanaṃ** này chỉ là bất biến từ (**nipāta**). Từ **me** là cách thứ 6 (**chatthivibhatti**). Đức Thế Tôn thuyết rằng khăn quần đầu của Như Lai chất vải thật mịn màng. Cụm từ **Kāsikā kuṇḍukā** tức dù rằng đáp đèn Ngài cũng là đáp đèn cho Ngài loại mềm mịn màng. Cụm từ **Setacchattaṃ dhāriyati** nghĩa là đặt lọng trắng của nhân loại và lọng trắng của chư thiên che trên đầu đều giống nhau. Cụm từ **Mā naṃ sitaṃ vā** nghĩa là xin cho sự lạnh hoặc nóng... một thứ nào đừng chạm vào bồ tát.

Việc Xây Dựng Tòa Lâu Đài 3 Mùa

Cụm từ **Tayo pāsādā ahesuṃ** nghĩa là khi bồ tát sanh ra được 16 tuổi, đức vua **Suddhodana** suy nghĩ rằng sẽ cho xây dựng tòa lâu đài để cho thái tử trú ngụ mới ra lệnh cho thợ mộc cùng nhau đến tụ họp rồi ra lệnh làm bản phác thảo tòa lâu đài 9 tầng theo giờ lành canh tốt cho xây dựng 3 tòa lâu đài, Đức Thế Tôn ám chỉ đến 3 tòa lâu đài đó mới thuyết rằng **Tayo pāsādā ahesuṃ**.

Trong từ **Hemantiko**... nghĩa là tòa lâu đài trú ngụ được vui thú trong mùa đông gọi là **Hemantikaparāsāda** (tòa lâu đài trú ngụ trong mùa đông). Ngay cả 2 từ ngoài ra cũng có lý này. Cũng trong nhóm từ này thì ý nghĩa của từ trú trong mùa đông gọi là **Hemanta**, lâu đài gọi là **Hemantika** bởi vì thích hợp với mùa đông. Ngay cả 2 từ ngoài ra cũng có lý này.

Tòa Lâu Đài Mùa Đông

Tất cả 3 tòa lâu đài đó thì tòa lâu đài trong mùa đông có 9 tầng, mỗi tầng của tòa lâu đài đó thấp xuống dần theo tuần tự cũng để nhận được hơi ấm, cửa và cửa sổ của tòa lâu đài đó có cửa dính khít lại không có kẽ hở, các thợ mộc khi vẽ thành đám lửa rực cháy trong mỗi tầng đó. Thảm trải nền trong tòa lâu đài này làm từ vải **kambala**. Vải màn, trần nhà, y phục, chăn mền và khăn quấn đầu cũng giống nhau (làm bằng vải **kambala**). Cửa sổ mở ra vào buổi trưa rồi đóng lại vào buổi tối để đón nhận sự nóng.

Tòa Lâu Đài Mùa Nóng

Tòa lâu đài mùa nóng có 5 tầng. Mỗi tầng trong tòa lâu đài này (nâng lên) cao không chật hẹp để đón nhận hơi mát. Cửa và cửa sổ đóng lại không khít lắm có kẽ hở và gắn lưới. Trong công việc của công nhân thì họ vẽ bông sen xanh, bông sen trắng và bông sen đỏ. Thảm trải nền trong tòa lâu đài này làm từ vải vỏ cây, vải màn trần nhà, y phục, chăn mền và vải khăn quấn đầu (cũng làm từ vỏ cây) giống nhau. Và ngay gần cửa sổ trong tòa lâu đài này đám thợ mộc đặt 9 cái lu đổ đầy nước lấy bông sen xanh... phủ lên. Họ làm cho nước rơi theo các chỗ đó để dòng nước chảy đến giống như khi (trời) mưa rơi, bên trong tòa lâu đài họ đặt máng cây đổ bùn sinh đầy vào trong nơi đó rồi trồng bông sen ngủ sắc. Trên đỉnh tòa lâu đài buộc dây da trâu khô dùng dụng cụ máy móc nâng hòn đá lên cao cho đến mái nhà để làm cho dòng nước chảy ra giống như khi mưa rơi tiếng nước chảy sẽ giống như tiếng sấm, cửa và cửa sổ trong tòa lâu đài này đóng lại vào buổi trưa rồi mở ra vào buổi tối.

Tòa Lâu Đài Mùa Mưa

Tòa lâu đài mùa mưa có 7 tầng. Mỗi tầng trong tòa lâu đài này không cao quá và không thấp quá để cần nhận được thời tiết cả 2 mùa (lạnh và nóng). Cửa và cửa sổ có cánh đóng khít lại có cánh thì thừa ra. Công nhân trong tòa lâu đài này có nơi vẽ làm thành đồng lửa cháy bùng, có nơi thì làm thành hồ nước thiên nhiên. Thảm trải nền... trong tòa lâu đài này lẫn lộn nhau cả 2 loại tức bằng vải kambala và vải vỏ cây. Cửa và cửa sổ có cánh mở ra vào buổi tối rồi đóng lại vào buổi trưa, có cánh mở ra buổi trưa rồi đóng lại buổi tối. Cả 3 tòa lâu đài về chiều cao có kích cỡ bằng nhau, nhưng có sự khác nhau về tầng.

Bồ Tát Biểu Diễn Tài Nghệ

Khi xây dựng hoàn thành tòa lâu đài, đức vua suy nghĩ rằng thái tử của ta đã đến tuổi trưởng thành, ta sẽ giương cao lọng trắng lên cho thái tử để chờ đợi vương sản kết tường. Đức vua mới truyền chỉ dụ đến tất cả hoàng tộc **Sākya** rằng: “Thái tử của ta đã đến tuổi trưởng thành, ta sẽ truyền vương sản (**rājasamapatti**) lại cho thái tử của ta, xin tất cả hoàng tộc **Sākya** hãy gửi công chúa trưởng thành trong hoàng cung của ta đi đến cung điện này”.

Nhóm hoàng tộc đó nghe được việc truyền ngôi ai cũng suy nghĩ rằng thái tử ra dáng oai phong nhưng không biết tài nghệ như thế nào? Sẽ có thể chăm sóc vương phi được chăng? Chúng ta sẽ không bằng lòng gả con gái cho.

Đức vua nghe được tin đó ngự đến nơi trú ngụ của thái tử rồi truyền bảo lại. Bồ tát tâu rằng: “Tâu phụ vương, con có thể biểu diễn tài nghệ nào?”.

Đức vua phán dạy rằng: “Con hãy giương cây cung **sahassathāmadhana** (cây cung nặng phải dùng đến sức mạnh của một ngàn người) lên”. Nếu như thế xin phụ vương hãy cho đem cung đến, đức vua truyền lệnh cho đem cây cung đến cho thái tử. Cây cung đó phải dùng một ngàn người nâng lên, dùng một ngàn người đỡ xuống. Bậc đại nhân cho đem cung đến ngồi trên bục (ngai), Ngài kéo dây nơi ngón chân cái (**pādamaṅguṭṭha**) rồi lôi đi, Ngài lấy ngón chân cái đó đem cây cung đến lấy cung tên bằng tay trái, Ngài kéo dây bằng tay phải cả kinh thành đến bằng tình trạng sửng sốt. Và khi có ai hỏi rằng: “Tiếng gì vậy?”. Tất cả hoàng tộc **Sākya** cùng nhau đáp rằng “Tiếng sấm sét trời mưa”. Tại nơi đó một nhóm người nữa cũng đáp rằng: “Các vị không biết hay sao không phải tiếng sấm sét trời mưa đâu! Đó là tiếng buông dây cung của thái tử bộ **tộc Aṅgīrassa** nâng cung lên phải dùng sức lực đến một ngàn người rồi Ngài giương dây cung. Tất cả hoàng tộc **Sākya** ai cũng có tâm hân hoan vui thích bởi việc biểu diễn tài nghệ chỉ bấy nhiêu thôi.

Bậc đại nhân tâu với phụ vương rằng: “Con phải làm điều gì khác nữa?”.

Đức vua đáp rằng: “Con phải lấy cung tên bắn thủng tấm bảng sắt dày khoảng 8 ngón tay”.

Bậc đại nhân bắn thủng tấm bảng sắt đó, rồi tâu rằng: “Con phải làm điều gì khác nữa?”.

Đức vua đáp rằng: “Con phải bắn thủng tấm ván cây gỗ trấu dày 4 ngón tay”.

Bậc đại nhân bắn thủng tấm ván đó, rồi tâu rằng: “Con phải làm điều gì khác nữa?”.

Đức vua đáp rằng: “Con phải bắn thủng tấm ván cây sung đầy một gang tay”.

Bậc đại nhân bắn thủng tấm ván cây sung đó, rồi tâu rằng: “Con phải làm điều gì khác nữa?”.

Đức vua đáp rằng: “Con phải bắn thủng tấm ván được ép bằng máy từ 100 tấm”.

Bậc đại nhân bắn thủng tấm ván được ép bằng máy từ 100 tấm ấy rồi tâu rằng: “Con phải làm điều gì khác nữa?”.

Đức vua đáp rằng: “Con phải bắn thủng tấm da trâu khô dày 60 lớp da”.

Bậc đại nhân bắn thủng tấm da trâu khô đó, rồi tâu rằng: “Con phải làm điều gì khác nữa?”.

Tuần tự sau đó, tất cả hoàng tộc Sākya bảo rằng (cho bắn) chiếc xe bò chở cát...

Bậc đại nhân bắn tất cả chiếc xe bò chở cát lẫn chiếc xe bò chở rơm, bắn cây cung xuống trong nước khoảng 1 **usabha** (và) bắn lên đi trên đường bộ xa 6 **usabha**.

Nơi đó tất cả hoàng tộc tâu với bậc đại nhân rằng: “Bây giờ, thái tử phải bắn trúng xuyên qua lông đuôi con nai vào mục tiêu là trái cà”.

Đức đại bồ tát nếu như vậy thì các vị hãy buộc lông đuôi con nai.

Các hoàng tộc rằng: “Tất cả nhóm các vị hãy đến giúp nhau để cho buộc lông đuôi con nai, tức một nhóm hãy buộc trong quãng đường khoảng giữa tiếng vang dội, một nhóm hãy đi đến

đường phía trước buộc trong quăng đường một gāvuta, một nhóm hãy đi đến đường phía trước buộc trong quăng đường một do tuần”.

Đức đại bồ tát cho buộc lông đuôi con nai trong quăng đường xa khoảng một do tuần bằng cách để trái cà làm mục tiêu rồi bắn cây cung đi trong tất cả phương hướng dày đặt bởi màn mây trong lúc ban đêm tối mịt. Cây cung bay đi rẽ lông đuôi con nai trong quăng đường xa một do tuần rồi rơi xuống xuyên thủng mặt đất và không phải chỉ có đơn thuần bắn tên mà thôi.

Cũng trong ngày đó Đức đại bồ tát biểu diễn tài nghệ đủ mọi loại đang có trong thế gian. Tất cả hoàng tộc Sākya trang điểm con gái của mình rồi gửi đến hiến dâng. Vũ nữ có đến số lượng 40.000 nàng. Bạc đại nhân trú ngụ trong 3 tòa lâu đài giống như vị thiên tử.

Trong Tòa Lâu Đài Không Có Nam Nhân

Cụm từ **Nippurisehi turiyehi** nghĩa là nhạc cụ không có người nam chơi. Và trong tòa lâu đài này không phải chỉ nhạc công người nam là không có mà ngay cả người gác cửa cũng là người nữ. Nhóm làm công việc trong lúc phục vụ cho việc tắm rửa... cũng đều là người nữ.

Tương truyền rằng, đức vua suy nghĩ sự khó chịu sẽ khởi lên với con trai của ta đang thụ hưởng an lạc từ địa vị, vì vậy mới không cho thấy người nam thì sự khó chịu đó mới không có đối với con của ta”, nên đức vua mới cử người nữ đảm trách mọi phận sự. Từ **Paricārayamāno** nghĩa là tâm đang hân hoan.

Đức Bồ Tát Không Ngự Xuống Tầng Dưới

Cụm từ **Na heṭṭhapāsādaṃ orohāmi** nghĩa là Như Lai không được đi xuống phía dưới tòa lâu đài bởi vì không cho Như Lai nhìn thấy chỉ một người nam (cho dù là đứa bé) để tóc búi suốt 4 tháng. Từ **Yathā** tức bởi quy luật (**niyāma**) nào. Từ **Dāsakammakaraporisassa** tức nô lệ, nhân công nhận được việc nuôi sống bằng giá trị thức ăn hàng ngày và người sống nương vào suốt. Từ **Kaṇajakam** tức gạo trộn lẫn với tấm. Từ **Vilaṅgadutiyaṃ** tức có nước rau muối là thứ 2. Cụm từ **Evarūpāya iddhiyā** tức hội đủ phước thông (thần thông do phước) được sanh ra đời như vậy. Cụm từ **Evarūpena ca sukhumālena** tức là người hội đủ không có khổ từ khi sanh ra đời. Trong kinh là **Sukhumālena** cũng có.

Nguyên Nhân Thuyết Kế Lạc Vương Sản Của Ngài

Đức Như Lai thuyết kể lại đến tài sản kiệt tường (**sirisampatti**) bằng chỉ bấy nhiêu trường hợp như đã diễn giảng trên. Khi thuyết kể lại cũng không thuyết kể lại bằng tâm kiêu ngạo, chỉ thuyết kể lại để trình bày đến tánh chất của sự không dễ duôi rằng Như Lai cho dù sống trong tài sản ngàn ấy cũng không dễ duôi. Do đó, Đức Phật mới thuyết rằng **Assutvā kho puthujano...** Tất cả các từ đó thì từ **Param** tức người khác. Từ **Jiṇṇaṃ** tức tiêu tụy do già. Từ **Atṭiyati** tức người quan tâm đến sự chết. Từ **Harāyati** tức sự hổ thẹn nghĩa là tâm hổ thẹn. Từ **Jigucchati** tức khởi lên sự ghê tởm giống như nhìn thấy vật không sạch sẽ. Cụm từ **Attānaṃyeva atisitvā** nghĩa là bực phiền, chán ngáy quên mình rằng có sự già là thường nhiên. Từ **Jarādhammo** tức có trạng thái già. Cụm từ **Jaraṃ anatito** nghĩa là Như Lai không thoát khỏi già được vẫn còn sinh diễn

trong già. Cụm từ **Iti paṭisañcikkhato** tức người quán xét nhìn thấy như vậy.

3 Sự Say Mê

Sự say mê do ngã mạn nương vào tuổi trẻ khởi hiện gọi là kiêu mạn về tuổi trẻ (**yobbanamada**). Cụm từ **Sabbaso pahiyi** tức Đức Thế Tôn thuyết về sự say mê đoạn trừ được bằng các trường hợp giống như đoạn trừ được bằng Đạo. Nhưng học viên nên hiểu rằng sự say mê này không phải đoạn trừ được bằng Đạo, Đức Thế Tôn thuyết rằng đoạn trừ được bằng sự quán xét (minh quán-**vipassanā**). Bởi vì tất cả chư thiên để cho người chứng kiến sự già với bồ tát, kể từ đó cho đến trở thành bậc A La Hán thì sự say mê trong tuổi trẻ không sanh lên với đức đại bồ tát. Ngay cả 2 từ còn lại cũng có lý này.

Lại nữa, trong 2 từ còn lại này có giải thích như sau: Sự say mê do mãnh lực ngã mạn khởi hiện do nương vào sự vô bệnh rằng ta là người không có bệnh gọi là kiêu mạn về không bệnh tật (**ārogayamada**). Sự say mê do mãnh lực ngã mạn khởi hiện do nương vào sự sống (**jīvita**) rằng ta sống lâu gọi là kiêu mạn về sự sống (**jīvitamada**). Cụm từ **Sikkhampaccakkhāya** tức hoàn trả lại học giới (**sikkhā**). Từ **Hināyāvatatti** nghĩa là xoay quanh theo tánh chất thấp kém để trở thành cư sĩ tầm thường.

Từ **Yathādhammā** tức có loại tánh chất nào bởi các tánh chất như bệnh tật... Từ **Tathāsantā** được giải thích là người có sự bệnh... là thực tánh không thay đổi giống như đang có. Từ **Jigucchanti** tức ghê tởm người khác. Cụm từ **Mama evaṃvihārino** nghĩa là khi Như Lai sống bởi trạng thái như vậy

tức bằng sự sống đáng ghê tởm thì sự ghê tởm này là pháp không thích hợp, không xứng đáng.

Cụm từ **Sohaṃ evaṃ viharanto** nghĩa là Như Lai đình chỉ vượt khỏi tất cả 3 sự say mê.

Cụm từ **Nekhamme daṭṭhu khemataṃ** nghĩa là thấy thực tánh an lạc của Niết-bàn. Trong Kinh là **Nekkhammaṃ daṭṭhu khemato** nghĩa là thấy được sự xuất ly bằng thực tánh an lạc.

Cụm từ **Tassa me ahu ussāho** tức khi Ta thấy được Niết-bàn nghĩa là xuất ly đó sáng tỏ nên có được sự nỗ lực tinh cần.

Cụm từ **Nahaṃ bhabbo etarahi kāmāni paṭisevituṃ** nghĩa là giờ đây Như Lai không thể thụ hưởng cả 2 loại dục (**kāma**). Cụm từ **Anivatti bhavissāmi** tức Như Lai sẽ không quay trở lại, sẽ không thối lùi trở lại khỏi sự xuất gia và Toàn Giác Trí. Từ **Brahmacariyaparāyano** nghĩa là Như Lai trở thành bậc Đạo Hạnh (**maggabrahmacariya**) tiến hành đến phía trước.

Đức Thế Tôn thuyết đến sự tinh cần là nhân làm cho Ngài chứng đắc tại bồ đoàn dưới cây đại thọ Bồ Đề bằng các kệ ngôn trên.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh

Được Nuôi Dưỡng Tế Nhị Thứ 38



Chánh Kinh Bài Kinh Trọng Yếu

40.- Tăng Thượng

1- Nay các Tỷ-kheo, có ba tăng thượng này. Thế nào là ba? Ngã tăng thượng, thế giới tăng thượng, pháp tăng thượng.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là ngã tăng thượng?

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đi đến ngôi rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, quan sát như sau: "Không phải vì y áo, ta xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Không phải vì món ăn khát thực, không phải vì sàng tọa, không phải vì nhân có mặt hay không có mặt ở đây mà ta xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, (nhưng với ý nghĩ như sau): "Nay ta bị rơi vào sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, rơi vào khổ, bị khổ chi phối. Có thể do làm như vậy, sự đoạn tận tất cả khổ uẩn này được hiện khởi lên (cho ta). Và ta đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, sau khi đã đoạn tận tất cả các dục vọng như vậy, lại còn đeo đuổi các dục vọng như kia hay còn ác tệ hơn. Như vậy, thật không xứng đáng cho ta".

Vị ấy quan sát như sau: "Thắng tấn là tinh tấn của ta, không có thụ động; an trú là niệm của ta, không có thất niệm; khinh an là thân của ta, không có dao động; định tĩnh là tâm của ta, được nhứt tâm". Vị ấy làm cho tăng thượng tự ngã, từ bỏ bất thiện, tu tập thiện, từ bỏ có tội, tu tập không tội, gìn giữ cho tự ngã được thanh tịnh. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là tự ngã tăng thượng.

2.- Như thế nào, nay các Tỷ-kheo, là thế giới tăng thượng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đi đến ngôi rừng hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, rồi thẩm sát như sau: "Không phải vì y áo, ta xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Không phải vì món ăn khát thực, không phải vì sàng tọa, không phải vì nhân có mặt hay không có mặt ở đây mà ta xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, (nhưng với ý nghĩ như sau): "Nay ta bị rơi vào sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, rơi vào khổ, bị khổ chi phối. Có thể làm như vậy, đoạn tận của tất cả khổ uẩn này được hiện khởi lên cho ta. Và ta đã xuất gia như vậy, lại có thể suy nghĩ về dục tầm hay có thể suy nghĩ về sân tầm, hay có thể suy nghĩ về hại tầm. To lớn là đại chúng này sống ở trong đời. Trong đại chúng sống ở đời, có các vị Sa-môn, Bà-la-môn có thần thông, có thiên nhãn, có tha tâm thông. Các vị này có thể thấy từ xa, tuy ở gần nhưng không thể thấy chúng được, và chúng có thể biết tâm ta với tâm của chúng. Chúng biết về ta như sau: "Hãy xem thiện nam tử này, tuy vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nhưng sống xen lẫn với các pháp ác, bất thiện". Lại có các chư Thiên có thần thông, có thiên nhãn, có tha tâm thông. Các vị này có thể thấy từ xa, tuy ở gần nhưng không thấy chúng được, và chúng có thể biết tâm ta với tâm của chúng. Các vị ấy có thể biết về ta như sau: "Hãy xem thiện nam tử này, tuy vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nhưng sống xen lẫn với các pháp ác, bất thiện."

Vị ấy lại quan sát như sau: "Thẳng tấn là tinh tấn của ta, không có thụ động; an trú là niệm của ta, không có thất niệm; khinh an là thân của ta, không có dao động; định tĩnh là tâm của ta, được nhứt tâm". Vị ấy làm cho tăng thượng thế giới, từ bỏ bất thiện, tu tập thiện, từ bỏ có tội, tu tập không có tội, giữ gìn cho

tự ngã được thanh tịnh. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là thế giới tăng thượng.

3.-Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp tăng thượng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đi đến ngôi rừng hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, rồi thẩm sát như sau: "Không phải vì y áo, ta xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Không phải vì món ăn khát thực, không phải vì sàng tọa, không phải vì nhân có mặt hay không có mặt ở đây mà ta xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, (nhưng với ý nghĩ như sau): "Nay ta bị rơi vào sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, rơi vào khổ, bị khổ chi phối. Có thể do làm như vậy, đoạn tận tất cả các khổ uẩn này được hiện khởi lên cho ta. Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có kết quả ngay tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu. Nay ta có những người đồng Phạm hạnh, chúng sống biết và thấy. Ta đã được xuất gia trong pháp và Luật khéo giảng như vậy, không lẽ ta lại có thể sống biếng nhác phóng dật. Như vậy, thật không xứng đáng cho ta".

Vị ấy lại quán sát như sau: "Thăng tấn là tinh tấn của ta, không có thụ động; an trú là niệm của ta, không có thất niệm; khinh an là thân của ta, không có dao động; định tĩnh là tâm của ta, được nhưt tâm". Vị ấy làm cho tăng thượng pháp, từ bỏ bất thiện, tu tập thiện, từ bỏ có tội, tu tập không tội, giữ gìn cho tự ngã được thanh tịnh. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là pháp tăng thượng. Nay các Tỷ-kheo, có ba pháp tăng thượng này.

4.

Trên đời không giấu được
Ác nghiệp tự mình làm
Ngã của người ta biết
Là thật hay là giả
Người thật khinh thiện ngã
Mặt giáp mặt chứng kiến
Muốn che giấu tự ngã
Điều ác tự ngã làm
Chư Thiên và Như Lai
Thấy rõ ở trong đời
Sở hành của kẻ ngu
Làm các hạng tà vạy
Vây vị ngã tăng thượng
Sở hành phải chánh niệm
Vị thế giới tăng thượng
Hãy khôn khéo, Thiền tịnh
Với vị pháp tăng thượng
Hãy sống theo tùy pháp
Đại sĩ không thối thất
Tinh cần theo chân lý
Nhiếp phục được ma quân
Chiến thắng được tử thần
Với tinh cần tinh tấn
Sanh đã được đoạn tận.
Bậc đạo sĩ như vậy,
Hiểu thế gian diệu chí
Đối với tất cả pháp
Không có gì xúc phạm

Sớ Giải Bài Kinh Trọng Yếu
(Atthakathāadhipateyyasutta)

Nên hiểu luận giải trong bài kinh trọng yếu thứ 40 như sau:

Giải Thích Về 3 Trọng Yếu

Ảnh hưởng sanh lên từ nguyên nhân quan trọng nhất gọi là **trọng yếu (adhipateyya)**. Trong từ **attādhīpateyyam...** nên hiểu theo giải thích như sau:

Thực tánh (**gūṇajāta**) khởi hiện do làm cho mình trở thành lớn lao, gọi là **lấy mình làm trọng yếu (attādhīpateyyam)**. Thực tánh khởi hiện do làm cho dân gian trở thành lớn lao, gọi là **lấy thế gian làm trọng yếu (lokādhīpateyya)**. Thực tánh khởi hiện do làm cho 9 pháp siêu thế trở thành lớn lao gọi là **lấy pháp làm trọng yếu (dhammādhīpateyya)**.

Từ **Itibhavo** trong câu **Na itibhavābhavahetu** ám chỉ đến bên trong vị lai (Như Lai xuất gia trở thành bậc thoát tục (**anāgārika**) không phải do nhân của kiếp sống vị lai, không phải do nhân của kiếp sống hiện tại. Từ **Otiṇṇo** tức bị bao vây. Sanh bị bao vây bên trong của người nào thì người đó gọi là bị sanh vây phủ, ngay cả già... cũng có lý này. Cụm từ **Kevalassa dukkhakkhandhassa** tức tất cả khối khổ luân hồi. Cụm từ **Antakiriyā paññāyetha** nghĩa là hành động rốt ráo tức hành động theo con đường toàn diện cho đứt giai đoạn phải hiển lộ. Từ **Ohāya** tức đoạn trừ. Từ **Pāpitṭhatare** tức thấp kém hơn.

Từ **Āraddham** tức sự tinh cần mà duy trì cho đầy đủ gọi là không thối giảm do sự khởi đầu. Từ **Upatṭhitā** nghĩa là niệm

(**sati**) vững chắc và không quên lãng bởi vì vững chắc bởi mãnh lực 4 niệm xứ (**satipatthāna**). Cụm từ **Passaddho kāyo** tức danh thân và sắc thân yên tịnh tức có tịnh chỉ sự chộn rộn và do tịnh chỉ nên gọi là không dao động. Cụm từ **Samāhitam cittam** tức tâm vững chắc chín chắn nghĩa là duy trì tâm tốt đẹp trong cảnh và do duy trì chín chắn nên gọi là có chỉ một cảnh đặc thù.

Cụm từ **Adhipatiṃ karitvā** tức làm cho pháp trở thành trọng yếu. Cụm từ **Suddhamattānaṃ pariharati** tức rèn luyện thực hành phòng hộ mình cho thanh tịnh nghĩa là làm cho chấm dứt cấu uế. Tỳ kheo này gọi là rèn luyện mình cho thanh tịnh bằng cách gián tiếp cho đến A La Hán Đạo. Còn người chứng đắc Quả thì gọi là rèn luyện mình cho thanh tịnh bằng cách trực tiếp. Tất cả từ như từ **Svākkhato...** đã được giải thích trong Thanh Tịnh Đạo.

Cụm từ **Janam passam viharanti** nghĩa là tất cả bạn đồng phạm hạnh (**sabrahmacārī**) đang biết đang thấy pháp đó. Cũng trong cụm từ **Imāni kho bhikkhave tīpi adhipateyyāni** này có nghĩa là 3 nhóm trọng yếu đó Đức Thế Tôn thuyết lẫn lộn nhau cả hiệp thế và siêu thế.

Từ **Pakubbato** nghĩa là đang thực hành. Cụm từ **Attā te purisa jānāti saccam vā yadi vā musā** nghĩa là người làm điều nào thì điều đó sẽ có tánh chất thật hoặc có tánh chất không thật đi nữa thì tự thân của người luôn biết được điều đó, học viên nên hiểu theo nguyên nhân này. Gọi là che đậy nơi chốn đối với người tạo ác nghiệp không có trên thế gian. Từ **Kalyānaṃ** tức tốt đẹp. Từ **Atimaññasi** tức suy nghĩ bằng quơ (quên mình). Cụm từ **Atha naṃ pariguyhasi** tức người đang

tinh cần rằng ta sẽ che đậy bằng trường hợp mà ngay cả tự thân của ta cũng không biết.

Từ **Attādhipatho** tức có mình làm trưởng (**adhipati**) nghĩa là có mình là trọng yếu. Từ **Lokādhipo** tức có thể gian làm trọng yếu. Từ **Nipāko** tức có trí tuệ. Từ **Jhāyī** tức đang chú vào. Từ **Dhammādhipo** tức có pháp làm trọng đại. Từ **Saccaparakkamo** tức có sự tận tụy vững chắc nghĩa là có sự nỗ lực thật sự. Cụm từ **Pasayha maram** tức nhiếp phục ma vương. Cụm từ **Abhibhuyya antakam** này là từ đồng nghĩa của cụm từ **Pasayha māram**.

Cụm từ **Yo ca phusī jatikkhayaṃ parānavā** nghĩa là người thường xuyên tinh cần chuyên chú (thiền định) thì chế ngự ma vương rồi xúc chứng A La Hán Quả là thực tánh chấm dứt của sự sanh. Cụm từ **So tādiso** tức loại người đó đang bảo tồn bởi trạng thái như vậy. Từ **Lokavidū** nghĩa là làm cho thấu đáo tam giới tức làm cho hiển lộ. Từ **Sumedho** tức người có trí tuệ hoàn hảo. Cụm từ **Sabbesu dhammesu atammayo muni** nghĩa là muni tức bậc Lộ Tận gọi là bậc ly ái (**atammaya**) bởi vì không còn ái dục tức ái dục trong pháp diễn tiến trong 3 cõi.

Giải thích: Ngài không thối hóa, không lụn bại trong bất cứ lúc nào, trong bất cứ nơi nào.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Làm Chủ Thứ 40

Kết Thúc Phẩm Thiên Sư Thứ 4



V. Phẩm Nhỏ

Diễn Giảng Tiểu Phẩm Thứ 5

(Cūlavaggavaṇṇanā Thứ 5)

Chánh Kinh Bài Kinh Sự Có Mặt

41.- Sự Có Mặt

- Do sự có mặt của ba pháp, này các Tỷ-kheo, một thiện nam tử có lòng tin tạo ra nhiều phước. Thế nào là ba?

Do sự có mặt của lòng tin, này các Tỷ-kheo, một thiện nam tử có lòng tin tạo ra nhiều phước. Do sự có mặt của vật bố thí, này các Tỷ-kheo, một thiện nam tử có lòng tin tạo ra nhiều phước. Do sự có mặt của các vị xứng đáng được cúng dường, này các Tỷ-kheo, một thiện nam tử có lòng tin tạo ra nhiều phước.

Do sự có mặt của ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một thiện nam tử có lòng tin tạo ra nhiều phước.

Sớ Giải Bài Kinh Sự Có Mặt

(**Atthakathāsammukhīsutta**)

Nên hiểu luận giải trong bài kinh sự có mặt (**sammukhīsutta**) thứ 1 của tiểu phẩm thứ 5 như sau:

Từ **Sammukhībhāvā** nghĩa là do hội đủ tức bởi vì đang có. Từ **Pasavati** tức trở lại được. Từ **Saddhāya sammukhībhāvo** nghĩa là nếu không có đức tin, không có vật thí và không có người thọ thí thì người bố thí sẽ tạo phước được như thế nào? Chỉ do hội đủ 3 duyên mới có thể tạo phước được, vì vậy Đức Thế Tôn mới thuyết câu **Saddhāya sammukhībhāvā** này.

Và trong 3 loại này thì 2 pháp tức 1- vật thí, 2- người thọ thí tìm kiếm được dễ dàng nhưng đức tin khó tìm kiếm được. Bởi vì phàm nhân có đức tin không vững chắc, khác biệt nhau theo từng chữ theo từng câu. Do đó, cho dù Bạc Chí Thượng tinh văn như ngài **Mahāmoggallāna** cũng không thể chấp nhận đức tin đó được mới nói rằng: “Này hiền giả, tôi chấp nhận pháp của ngài được 2 thứ, tức 1- tài sản (bhoga), 2- sanh mạng (jīvita) nhưng tự thân ngài cần phải đón nhận đức tin.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Sự Có Mặt Thứ 41



Chánh Kinh Bài Kinh Sự Kiện

42.- Sự Kiện

- Do ba sự kiện, này các Tỷ-kheo, một người được biết là có lòng tin. Thế nào là ba?

Ưa thấy người có giới hạnh, ưa nghe diệu pháp, với tâm ly cấu uế của xan tham, sống trong nhà, bố thí rộng rãi với bàn tay sạch sẽ, ưa thích từ bỏ, sẵn sàng để được yêu cầu, thích phân phát vật bố thí. Do ba sự kiện này, này các Tỷ-kheo, một người được biết là có lòng tin.

*Thích thấy người giới hạnh
Muốn được nghe diệu pháp
Nhiếp phục uế xan tham
Vị ấy gọi có tin*

Sớ Giải Bài Kinh Sự Kiện

(Atthakathāṭhānasutta)

Nên hiểu luận giải trong bài kinh sự kiện thứ 42 như sau:

Từ **Vigatamalamaccherena** tức không có cấu uế bốn xén. Từ **Muttacāgo** tức xả ly bằng cách không thắc mắc. Từ **Payatapāṇī** tức có bàn tay đã rửa.

Giải thích: Người không có đức tin cho dù rửa bàn tay đến 7 lần cũng được xếp vào vẫn còn bàn tay dơ bẩn, nhưng người có đức tin gọi là có bàn tay sạch sẽ hoàn toàn bởi vì là người vui thích trong việc bố thí. Từ **Vossaggarato** tức vui thích trong

việc bố thí nghĩa là sẵn sàng từ bỏ. Từ **Yācayogo** tức thích hợp cho người xin.

Một lý khác nữa, gọi là yācayogo bởi vì có sự vừa vặn với tất cả người ăn xin. Từ **Dānasamvirāgato** nghĩa là trước khi cho cũng như trước khi sắp đặt phân chia luôn là người vui thích trong việc bố thí và sắp đặt phân chia.

Cụm từ **Dassanakāmo silavatam** tức có sự mong muốn gặp vị giữ giới 10 do tuần cũng đi, 20 do tuần cũng đi, 30 do tuần cũng đi, 100 do tuần cũng đi giống như bà la môn **Pāṭaliputtaka** và đức vua **Saddhātissamahārāja**.

Câu Chuyện Bà La Môn Pāṭaliputtaka

Tương truyền rằng, gần cổng thành **Pāṭaliputta** có 2 người bà la môn hiểu được danh tiếng của trưởng lão **Mahānāga** là vị ngụ trong **Kāḷavallimaṇḍapa** suy nghĩ với nhau rằng 2 người chúng ta có lẽ đi tìm vị tỳ kheo đó, cả 2 người mới rời khỏi thành phố. Một người đến với nghiệp trong giữa đường, một người đi đến bờ biển xuống thuyền giữa đường **Mahādīttha** đến **Anurādhapurī**.

Vấn: **Kāḷavallimaṇḍapa** ở nơi nào?

Đáp: Ở làng **Rohaṇa** đi đến nơi ngụ của trưởng lão theo tuần tự.

Giữ lại nơi nghỉ trong thuyền làm theo phận sự gần thành thị **Cullana** để nấu vật thực dâng đến trưởng lão. Hỏi thăm đến nơi ngụ của trưởng lão đề vào tìm gặp từ sáng sớm rồi đi đến đứng cuối dân chúng, nhìn thấy trưởng lão vừa đi đến từ xa thì đứng ngay đó một chốc lát đánh lễ rồi đi vào tìm kiếm nữa. Năm chặt khuỷu chân của trưởng lão rồi thưa rằng: “Bạch thiên sư

cao vời vợi”. Trưởng lão không cao quá, không thấp quá đáng người vừa chừng, do đó y mới thưa lại với ngài nữa rằng: “Thiền sư không cao quá đâu! nhưng ân đức tốt đẹp của thiền sư lan tỏa theo làn nước biển xanh tràn ngập đến tất cả xứ Diêm Phù Đề cho dù con ngòi gần cổng thành **Paṭaliputta** cũng nghe được danh tiếng của thiền sư”. Y dâng vật thực cho trưởng lão, trao tam y của mình xin xuất gia vào trong trú xứ của trưởng lão, gìn giữ theo lời giáo huấn (**ovāda**) của ngài chứng đắc A La Hán Quả chỉ 2-3 ngày.

Câu Chuyện Đức Vua Saddhātissamahārāja

Đức vua **Saddhātissamahārāja** bạch hỏi rằng: “Bạch ngài, xin thiền sư hãy chỉ dạy một vị đức độ xứng đáng cho con đánh lễ”. Chư tỳ kheo phước chúc chỉ dạy rằng: “Ngài trưởng lão **Kujjatissa** là vị ở trong chùa **Maṅgala**”. Đức vua cùng với rất nhiều tùy tùng ngự đến quăng đường 5 do tuần. Trưởng lão hỏi chư tỳ kheo Tăng: “Tiếng gì đó?”, chư tỳ kheo thưa rằng: “Bạch ngài, đức vua ngự đến để đánh lễ ngài”. Trưởng lão suy nghĩ rằng: “Có việc gì trong hoàng cung vào lúc này ta đã già rồi” nằm trên giường tại nơi nghỉ trưa (rời đứng lên) đi gạch dấu kéo đi trên mặt đất. Đức vua bạch hỏi rằng: “Trưởng lão đi đâu vậy?”. Đức vua nghe rằng trưởng lão nhớ chùa ở trong nơi nghỉ trưa nên đi đến nơi đó, nhìn thấy trưởng lão đang gạch trên đất đức vua suy nghĩ rằng thông thường bậc lậu tận sẽ không quơ tay ngài này không phải bậc Lậu Tận nên không đánh lễ ngài rồi ngự trở về. Chư tỳ kheo Tăng thưa với trưởng lão rằng: “Bạch ngài vì sao ngài gây nên sự nóng nảy nơi tâm của đức vua có đức tin, thành tín như vậy”. Trưởng lão nói rằng: “Này các hiền giả, việc gìn giữ cho đức vua có đức tin không phải phận sự của

các vị chỉ là phận sự của trưởng lão già này”. Rồi trước khi viên tịch vô dư y Niết-bàn trong thời gian về sau mới nói với chư tỳ kheo Tăng rằng: “Các vị hãy trải cái bệ khác trên ngôi nhà nóc nhọn (**kūṭāgāra**) để cho ta”.

Khi chư tỳ kheo Tăng trải tọa cụ trên bệ rồi thì trưởng lão chú nguyện rằng: “Trong khoảng thời gian này xin cho ngôi nhà nói nhọn vừa mới tạo dựng chỉ riêng biệt trong lúc đức vua nhìn thấy mới từ từ dừng lại nơi mặt đất rồi viên tịch Niết-bàn”. Ngôi nhà nóc nhọn bay lơ lửng đi theo đường hư không hết quãng đường 5 do tuần. Cây cối có thể cầm cờ được cũng được cầm cờ suốt quãng đường 5 do tuần cả bụi cây, gốc cây tất cả cũng nghiêng theo như tìm kiếm ngôi nhà.

Tất cả tỳ kheo báo tin đến tâu với đức vua rằng: “Trưởng lão đã viên tịch Niết-bàn trong ngôi nhà nóc nhọn đang bay lơ lửng theo đường hư không”. Đức vua không tin, ngôi nhà cất tạm bay lơ lửng theo đường hư không nhiều quanh chùa **Thūpārāma** rồi đi đến nơi bảo tháp đá”. Bảo tháp cùng với vật phẩm bay lơ lửng đi bên trên nơi tạo dựng ở dưới là nóc ngôi nhà nóc nhọn. Hàng ngàn tiếng sādhu cũng vang lên.

Trong sát na đó, ngài trưởng lão **Mahābyaggha** ngồi trên ngôi nhà nóc nhọn 7 tầng gần tòa lâu đài bằng đồng (**lohaparāsāda**) đang thực hành luật (**vinayakamma**) với chư tỳ kheo nghe tiếng sādhu đó thì hỏi rằng: “Đó là tiếng gì vậy?”, chư tỳ kheo thưa rằng: “Bạch ngài, trưởng lão **Kujjatissa** là vị ở chùa **Maṅgala** đã viên tịch Niết-bàn”. Ngôi nhà nóc nhọn bay lơ lửng theo hư không hết quãng đường 5 do tuần, đó là tiếng sādhu bởi vì ngôi nhà nóc nhọn bay lơ lửng đến. Trưởng lão nói rằng: “Này các hiền giả, ta nương theo bậc hữu phước (rồi xuôi

theo) thọ nhận sự lễ bái, cho đệ tử sám hối tội rồi bay đến theo đường hư không đó đi vài đến ngôi nhà nóc nhọn ngồi trên giường thứ 2 rồi viên tịch vô dư y Niết-bàn.

Đức vua cầm lấy vật thơm, bông hoa và bột chiên đàn rồi đi đến cúng dường ngôi nhà nóc nhọn ngự trên hư không. Trong sát na đó, ngôi nhà nóc nhọn bay lơ lửng đến chỗ tạo dựng nơi mặt đất. Đức vua ra lệnh cho hỏa táng bằng sự vô cùng tôn kính đánh lễ rồi ngài nhận lấy xá lợi cho kiến tạo bảo tháp. Ngài là bậc trì giới ngàn ấy mà thường nhiên có người nguyện vọng sẽ gặp được. Đức vua **Saddhātissamahārāja** sẽ là bậc Tối Thượng Thịnh Văn thứ 2 của Đức Phật **Sirīariyametteyya** (tiếp theo trong vị lai).

Cụm từ **Saddhammaṃ sotumicchati** nghĩa là người có nguyện vọng sẽ nghe được Chánh Pháp mà Đức Như Lai tuyên thuyết giống như trưởng lão **Piṇḍapātika**...

Câu Chuyện Trưởng Lão Piṇḍapātika

Tương truyền rằng, 30 vị tỳ kheo vào an cư mùa mưa trên đồi gọi là **Gavaravāla** mỗi nửa tháng trong ngày sám hối (**uposatha**) sẽ nói với nhau đến tông chỉ của bậc đại thịnh văn (**mahāariyavaṃsa**) giải thích đến việc tri túc tứ vật dụng và vui thích trong việc tu tiến (**bhāvana**). Một vị trưởng lão thọ trì hạnh khát thực đến phía sau ngồi trong nơi che khuất, tuần tự sau đó con rắn hai đầu đã cắn ngài (cho đến sứt da) giống như lấy kèm kẹp thịt ra khỏi chân cẳng. Trưởng lão nhìn thấy con rắn hai đầu là một loại rắn có thân hình giống nhau ở Việt Nam gọi là rắn hai đầu suy nghĩ rằng hôm nay ta sẽ không làm trở ngại đối với việc nghe pháp, bắt bỏ vào trong túi vải buộc miệng túi lại rồi đặt trong nơi không xa ngồi nghe pháp.

1. Rạng đông bùng dậy.
2. Nọc độc rần lảng dịu đi trưởng lão đắc được Tam Quả.
3. Nọc độc rần chảy ra khỏi miệng vết thương xuống đường đi.
4. Trưởng lão nghe pháp đến kết thúc pháp thoại.

Được chỉ trong một sát na. Sau đó trưởng lão nói rằng: “Này các hiền giả ta bắt được một tên trộm rồi mở túi vải ra thả con rắn hai đầu. Chư tỳ kheo nhìn thấy mới hỏi rằng: “Bạch ngài, nó cắn ngài lúc nào?”.

Trưởng lão: “Này các hiền giả, ta bị nó cắn buổi tối hôm qua”.

Chư tỳ kheo: “Bạch ngài, vì sao ngài tạo nghiệp nặng đến như vậy”.

Trưởng lão: “Này các hiền giả, nếu ta nói ra ta bị rắn cắn thì ta sẽ không được quả báo vô lượng ngàn ấy”.

Đây là câu chuyện (dẫn chứng) của trưởng lão **Piṇḍapātika**.

Câu Chuyện Tỳ Kheo Trẻ Trong Đại Tịnh Xá Tissa

Trong nước **Dīghavāpi** có một vị tỳ kheo trẻ ở thường xuyên trong đại tịnh xá Tissa gần thôn làng lớn, hiểu được rằng vị trưởng lão thuyết về Bốn Sanh (**mahājātaka**) sẽ thuyết pháp thoại **Mahāvessantara** nên ra khỏi chùa đến hết quãng đường một do tuần bằng cách đi chỉ một ngày mà thôi. Trong chính lúc ấy trưởng lão bắt đầu thuyết pháp, tỳ kheo trẻ ghi nhận được chỉ riêng biệt kệ ngôn cuối với kệ ngôn đầu bởi vì thân khởi lên sự bồn chồn do việc đi đường xa. Sau đó, trong lúc trưởng lão thuyết rằng **Idamavoca** (kết thúc) thì đứng lên ra đi, tỳ kheo

trẻ đứng khóc lóc than thở rằng việc đi đường của ta trở thành điều vô ích rồi. Một người đàn ông nghe được lời lẽ đó thì đi đến kể lại cho trưởng lão rằng: “Bạch ngài, một vị tỳ kheo trẻ đến từ đại tịnh xứ **Tissa** bởi hy vọng rằng sẽ được nghe pháp thoại của ngài, vị ấy đứng khóc lóc than thở rằng việc đi đến của ta trở thành vô ích bởi vì thân có sự bồn chồn”. Trưởng lão đáp rằng: “Hãy đi đến hứa với vị ấy rằng ngày mai ta sẽ thuyết pháp lập lại nữa”. Vào buổi sáng vị ấy được nghe pháp thoại của trưởng lão rồi thì chứng đắc Nhập Lưu Quả.

Câu Chuyện Nữ Nhân Xứ Ullangakolikaṇṇi

Vẫn còn một câu chuyện nữa, một nữ nhân nông thôn xứ **Ullangakolikaṇṇi** đang cho con bú thì nghe được tin báo rằng trưởng lão **Mahāabhaya** thuyết kinh Trường Bộ (**dīghanikāya**) sẽ thuyết bài kinh Thực hành Thánh Tông (**ariyavaṃsapatipada**) nên đi đường đến hết quãng đường 5 do tuần vào đến tịnh xá trong lúc trưởng lão đang ngồi thuyết pháp vào buổi trưa, để con nằm trên mặt đất đứng nghe pháp của trưởng lão thuyết vào ban trưa. Cho dù trưởng lão đang thuyết lý lẽ trong kinh (**padabhāṇa**) cũng đứng nghe giống như khi trưởng lão thuyết xong rồi đứng dậy. Đại trưởng lão thuyết về Trường Bộ Kinh thì bắt đầu thuyết Đại Thánh Tông (**mahāariyavaṃsa**) giải thích đến việc tri túc tứ vật dụng và vui thích trong việc tu tiến (**bhāvanā**). Nàng đứng chấp tay nghe, trưởng lão thuyết 3 vật dụng rồi giả bộ sẽ đứng lên, nàng mới thưa rằng: “Bạch ngài, tất cả vị thiên sư suy nghĩ rằng sẽ thuyết về Thánh Tông rồi thọ dụng vật thực ngon, nước uống có vị ngon ngọt, pha chế thuốc bằng cam thảo dây và dầu... rồi mới có thể đứng lên từ nơi thuyết pháp (pháp tọa), trưởng lão

nói rằng: “Lành thay” cô gái khởi đầu là pháp rồi vui thích trong việc tu tiến tiếp theo.

- 1- Bình minh ló dạng.
- 2- Trưởng lão thuyết đến từ **Idamavoca** (được nói như vậy).
- 3- Cận sự nữ chứng đắc Nhập Lưu Quả.

(3 pháp này) chỉ trong một sát na

Câu Chuyện Nữ Nhân Dân Làng **Kālumabara**

Một nữ nhân nữa là dân làng **Dalumabara** bỗng bế con đi đến **Cittalapabbata** với suy nghĩ rằng sẽ nghe pháp, rồi cho con ngủ tựa một đầu gốc cây tự mình đứng nghe pháp. Vào giữa lúc ban đêm một con rắn cắn đứa bé nằm ở gần sát nàng cho dù trông thấy 4 răng nanh rồi cũng bỏ trốn đi. Nàng suy nghĩ rằng nếu ta loan báo con của ta bị rắn cắn sẽ gây trở ngại đối với việc nghe pháp trong khi ta vẫn còn luân chuyển trong vòng luân hồi, đứa bé này đã làm con của ta rất nhiều lần rồi, ta sẽ thực hành pháp mà thôi rồi đứng suốt cả 3 canh để cố duy trì pháp thì chứng đắc Nhập Lưu Quả. Khi rạng đông ló dạng thì nọc độc rắn tiêu tan nơi đứa con trai do nguyện vọng chơn thật (**saccakiriya**) rồi bỗng đứa con trai đi. Người như vậy gọi là người ao ước được nghe pháp.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Sự Kiện Thứ 42



Chánh Kinh Bài Kinh Hiền Trí

45.- Bốn Phận

- Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, được người Hiền trí tuyên bố, được bậc Chân nhân tuyên bố. Thế nào là ba?

Bồ thí, này các Tỷ-kheo, được người Hiền trí tuyên bố, được bậc Chân nhân tuyên bố. Xuất gia, này các Tỷ-kheo, được người Hiền trí tuyên bố, được bậc Chân nhân tuyên bố. Hầu hạ cha mẹ, này các Tỷ-kheo, được người Hiền trí tuyên bố, được bậc Chân nhân tuyên bố. Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, được người Hiền trí tuyên bố, được bậc Chân nhân tuyên bố.

*Biết bố thí thiện sĩ
Bất hại, chế ngự căn
Tự điều, hầu cha mẹ,
Các vị sống phạm hạnh,
Bốn phận kẻ thiện khen
Người Hiền thực hiện chúng
Bậc Thánh thấy rõ vậy
Đạt được đời an lạc.*

Sớ Giải Bài Kinh Hiền Trí

(Atthakathāpaṇḍitasutta)

Nên hiểu luận giải bài kinh hiền trí thứ 45 như sau:

Từ **Paṇḍitapaññattāni** nghĩa là tất cả bậc hiền trí (**paṇḍita**) được nêu lên định đặt tức được tán thán. Từ **Sappurisapaññattāni** nghĩa là tất cả bậc chân nhân tức tất cả bậc đại nhân được nêu lên chế định tức được ca ngợi.

Cả bi mẫn (**karuṇā**) và pháp giai đoạn đầu của bi mẫn gọi là vô hại (**ahimsā**). Sự phòng hộ giới gọi là thu thúc (**saṃyama**). Sự thu thúc quyền hoặc rèn luyện mình bằng bát quan trai giới (**uposatha**) gọi là thuần hóa (**dama**). Còn trong bài kinh **punṇovāda** Đức Phật thuyết gọi nhẫn nại là thuần hóa.

Ngay cả trí tuệ được thuyết trong bài kinh **Ālavaka** cũng thích hợp trong bài kinh này như nhau. Việc gìn giữ, bảo vệ hầu hạ cha mẹ gọi là chăm sóc cha mẹ. Từ **Santānam** trong bài kinh khác tức Đức Phật, Đức Phật Độc Giác và tất cả bậc Thánh Thánh Văn gọi là bậc chân nhân (**sattapurusa**) nhưng trong bài kinh này Ngài ám chỉ lấy người chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ. Do đó nhóm người này gọi là bậc chân nhân do ý nghĩa cao tột, gọi là phạm hạnh (**brahmacāri**) do ý nghĩa thực hành thanh cao nhất. Việc nuôi dưỡng cha mẹ này thì các bậc chân nhân được (nêu lên) định đặt (**paññatti**) nên hiểu ý nghĩa trong vấn đề này như đã giải thích trên.

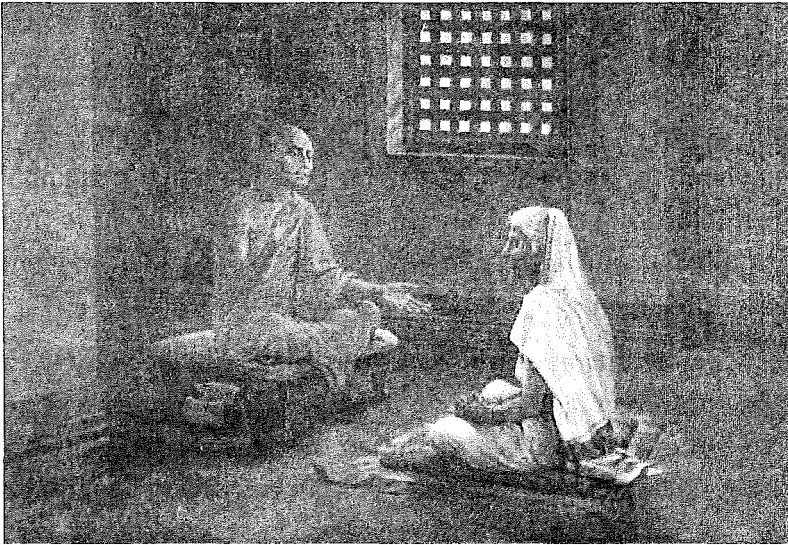
Cụm từ **Sataṃ etāni thānāni** nghĩa là các điều này là vai trò, là nhân của tất cả bậc chân nhân. Người cao thượng và hội đủ tri kiến (**dassana**) bởi vì 3 nhân diễn biến này nên hiểu là Bậc Thánh hội đủ tri kiến trong bài kinh này không phải là Đức Phật... và không phải là bậc Nhập Lưu.

Một lý khác nữa, nên hiểu giải thích của kệ ngôn này do năng lực của việc nuôi dưỡng cha mẹ như vậy là nhân (trở thành) bậc chân nhân nghĩa là tất cả bậc thượng nhân (**udamapurusa**)

- 1- Nuôi dưỡng cha,
- 2- Nuôi dưỡng mẹ

Gọi là bốn phận của các bậc chân nhân. Thật vậy, người nuôi dưỡng cha mẹ Đức Thế Tôn gọi là bậc Thánh hội đủ tri kiến trong bài kinh này. Cụm từ **Sa lokam bhajate sivaṃ** nghĩa là người đó thường đi đến thiên giới là nơi an vui.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Hiền Trí Thứ 45



*Sông dài sánh với núi cao
Đạo màu đen đáp ân sâu màu từ*
TÔN GIẢ SĀRĪPUTTA (XÁ LỢI PHÁT) TRƯỚC KHI VIỆN TỊCH CỐ GĂNG VỀ QUÊ ĐỂ ĐỘ THÂN MẪU.

Chánh Kinh Bài Kinh Giới Hạnh

46.- Bậc Giới Hạnh

- Gần làng hay thị trấn nào, này các Tỷ-kheo, các bậc xuất gia có giới hạnh trú ở, tại chỗ ấy, các người nhờ ba sự kiện được gặt nhiều công đức. Thế nào là ba? Bởi thân, bởi lời nói, bởi ý.

Gần làng hay thị trấn nào, này các Tỷ-kheo, các bậc xuất gia có giới hạnh trú ở, tại chỗ ấy, các người nhờ ba sự kiện này, được gặt nhiều công đức.

Sớ Giải Bài Kinh Giới Hạnh

(Atthakathāsīlasutta)

Nên hiểu luận giải trong bài kinh giới hạnh thứ 46 như sau:

Cụm từ **Tīhi thānehi** tức bởi 3 nhân. Từ **Kāyena...** được giải thích là tất cả mọi người khi thấy chư tỳ kheo đi đến thì tiếp đón, khi đi cũng theo tiễn đưa. Việc xoa bóp và thoa dầu... trái tọa cụ trên sàng tọa dâng nước uống gọi là được phước bằng thân.

Tất cả mọi người thấy chư tỳ kheo Tăng đi khát thực thì nói lời... rằng các vị hãy cúng dường cơm, cháo, cơm tẻ, bơ trong và bơ đặc... hãy cúng dường cùng với vật thơm và bông hoa... rồi thọ trì bát quan trai giới, hãy nghe pháp và hãy đánh lễ bảo tháp đi, gọi là **được phước bằng ngữ**.

Tất cả mọi người thấy chư tỳ kheo đi lại khát thực thì suy nghĩ rằng xin cho dân làng bố thí, cúng dường đi gọi là được phước bằng tâm.

Từ **Pasavanti** tức được riêng biệt. Trong bài kinh này Đức Phật thuyết về phước lẫn lộn hiệp thế và siêu thế.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Giới Hạnh Thứ 46



Chánh Kinh Bài Kinh Hữu Vi

47.- Hữu Vi

- Có ba tướng hữu vi này, này các Tỷ-kheo, cho các pháp hữu vi. Thế nào là ba?

Sanh được trình bày rõ, diệt được trình bày rõ, sự biến dị khi đang trú được trình bày rõ. Có ba tướng hữu vi này, này các Tỷ-kheo, cho các pháp hữu vi.

- Có ba tướng vô vi này, này các Tỷ-kheo, cho các pháp vô vi. Thế nào là ba?

Sanh không được trình bày rõ, diệt không được trình bày rõ, sự biến dị khi đang trú không được trình bày rõ. Có ba tướng vô vi này, này các Tỷ-kheo, cho các pháp vô vi.

Sớ Giải Bài Kinh Hữu Vi (AtthakathāSaṅkhataSutta)

Nên hiểu Bài Kinh Hữu Vi thứ 47 như sau: Từ **Saṅkhatassa** nghĩa là tất cả Duyên gom lại với nhau tạo tác, dấu hiệu làm Nhân cho biết rằng điều này làm duyên tạo tác, gọi là Tướng Trạng của Hữu Vi (**Saṅkhatalakkhaṇa**). Từ **Uppādo** tức sự Sanh, sự Diệt gọi là Tiêu hoại, sự già gọi là biến đổi của người đang tồn tại. Pháp sinh diệt trong 3 cõi gọi là Hữu vi (**Saṅkhata**) trong từ **Saṅkhatassa**.

Nhưng Đạo - Quả Đức Thế Tôn không thuyết trong bài Kinh này, bởi vì không dẫn đến việc Quán xét. Sự sanh..., gọi là

tướng trạng của Hữu vi. Tất cả 3 tướng đó thì sự Sanh có trong sát-na sanh, sự già có trong sát-na Trụ (**Ṭhitikhaṇa**), sự Hoại có trong sát-na diệt.

Dấu hiệu tướng trạng không phải là Hữu vi (pháp bị tạo tác), hữu vi (pháp bị tạo tác) cũng không phải là Tướng trạng (dấu hiệu). Nhưng pháp hữu vi bị Ghi nhận bằng tướng trạng. Tướng của ngựa, voi, bò và trâu..., là Nhân làm cho Ghi nhớ được nhằm để hiểu biết như cây giáo, cây lao v.v..., không phải là con voi..., ngay đến con voi..., cũng không phải là tướng giống như vậy, nhưng voi, ngựa, bò và trâu..., mà chúng ta hiểu biết với nhau rằng là con voi của người đó, con ngựa của người kia hoặc con voi tên đó, con ngựa tên kia..., bằng tất cả tướng trạng như thế nào thì điều ví dụ này cũng nên hiểu như vậy.

Kết Thúc Sơ Giải Bài Kinh Hữu Vi thứ 7



Chánh kinh Bài Kinh Nhiệt Tâm Tinh Cần

49.- Nhiệt Tình Tinh Tấn

- Có ba trường hợp, này các Tỷ-kheo, nhiệt tình cần phải làm mạnh. Thế nào là ba?

Các ác bất thiện pháp chưa sanh, cần nhiệt tình làm mạnh đừng cho sanh. Các Thiện pháp chưa sanh, cần nhiệt tình làm mạnh để cho sanh. Để chịu đựng các thân thọ khổ đã sanh, nhói đau, da diết đau, gay gắt đau, không thích thú, không thích ý,

đoạt mạng sống, cần nhiệt tình làm mạnh. Có ba trường hợp, này các Tỷ-kheo, nhiệt tình cần phải làm mạnh.

Khi nào Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp ác, bất thiện chưa sanh, nhiệt tình làm mạnh đừng để cho sanh, đối với các pháp thiện chưa sanh, nhiệt tình làm mạnh để cho sanh khởi. Để chịu đựng các thân thọ đã sanh, khổ đau, nhói đau, da diết đau, gay gắt đau, không thích thú, không thích ý, đoạt mạng sống, nhiệt tình làm mạnh. Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, được gọi là vị có nhiệt tình, thận trọng, chánh niệm để chơn chánh đoạn tận khổ đau.

Sớ Giải Bài Kinh Nhiệt Tâm Tinh Cần

(AtthakathāĀtappaSutta)

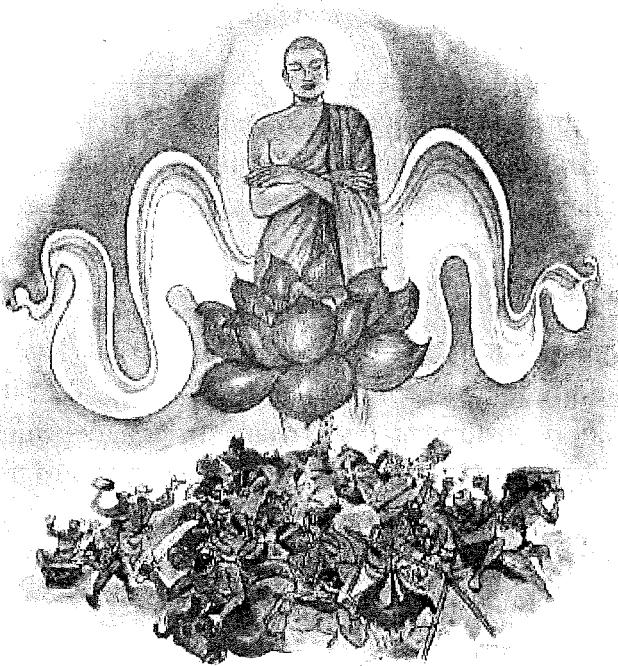
Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Nhiệt Tâm Tinh Cần thứ 49 như sau: Cụm từ **Ātappam karaṇīyam** nghĩa là nên thực hành tinh cần. Từ **Anuppādāya** nghĩa là để muốn không cho sanh lên phải tạo bằng nhân này tức phải suy nghĩ rằng ta sẽ quán xét không cho phiền não sanh lên ngay cả từ đây trở đi cũng có lý này giống như vậy.

Từ **Sāririkānam** tức sanh lên trong cơ thể. Từ **Dukkhānam** nghĩa là (tất cả cảm thọ) là khổ. Từ **Tippānam** tức dày đặc hoặc dững mảnh bởi năng lực của việc thiêu đốt. Từ **Asātānam** tức không ngọt ngào. Từ **Amanāpānam** tức không thể làm cho tâm tăng trưởng được. Từ **Pāṇaharānam** tức cắt đứt sanh mạng. Từ **Adhivāsanāya** tức để muốn hãm lại nghĩa là để muốn chịu đựng, đè nén.

Bậc Đạo Sư khi chế ngự tức Ngài vẫn chỉ thị cho Chư Tăng tiến hành theo phạm sự tiết chế, bấy giờ trước khi khuyến nhủ (chư tỳ kheo) mới thuyết rằng **Ya to bhikkhave**.

Tất cả các từ đó thì từ **Yato** tức **yadā** nghĩa là khi nào. Từ **Ātāpi** tức có sự tinh cần. Từ **Nipāko** tức có trí tuệ. Từ **Sato** tức thực hành bằng niệm. Cụm từ **Dukkhasa antakiriya** tức để thực hành con đường toàn diện cắt đứt đoạn khổ luân hồi. Ba ân đức pháp như sự tinh cần... Đức Thế Tôn thuyết lẫn lộn nhau cả hiệp thế và siêu thế.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Nhiệt Tâm Tinh Cần Thứ 49



Chánh kinh Bài Kinh Đại Giác Cướp

50.- Giác Cướp

- Do đầy đủ ba điều kiện, này các Tỷ-kheo, một tên cướp lớn có thể chặt được khóa cửa, mang đi được đồ ăn trộm, làm kẻ cướp trộm một nhà, làm kẻ đứng đường chặn cướp. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, tên cướp lớn dựa vào quanh co hiểm trở, dựa vào rừng rậm, dựa vào kẻ có quyền lực.

Và thế nào, này các Tỷ-kheo, là tên cướp lớn dựa vào quanh co hiểm trở? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tên cướp lớn dựa vào con sông khó lội qua, hay sự quanh co hiểm trở của núi non. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là tên cướp lớn dựa vào sự quanh co hiểm trở.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tên cướp lớn dựa vào rừng rậm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tên cướp lớn dựa vào rừng rậm cỏ, hay rừng rậm cây, hay khóm rừng, hay đống rừng lớn rậm. Như vậy, này các Tỷ-kheo, tên cướp lớn dựa vào rừng rậm.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tên cướp lớn dựa vào kẻ có quyền lực? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tên cướp lớn dựa vào vua hay các vị đại thần của vua và nghĩ như sau: "Nếu có ai kết tội ta, các vua ấy hay các vị đại thần của vua ấy sẽ giải thích, cứu thoát ta". Và thực sự là như vậy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, tên cướp lớn dựa vào kẻ có quyền lực.

Do đầy đủ ba điều kiện này, này các Tỷ-kheo, một tên cướp lớn có thể chặt được khóa cửa, mang đi được đồ ăn trộm, làm kẻ cướp trộm một nhà, làm kẻ đứng đường chặn cướp.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị ác Tỷ-kheo đầy đủ ba pháp, tự mình xử sự như một vật mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị kẻ trí quở trách, và tạo nên nhiều điều vô phước. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, ác Tỷ-kheo dựa vào quanh co hiểm trở, dựa vào rừng rậm và dựa vào kẻ có quyền lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ác Tỷ-kheo dựa vào sự hiểm trở? Ở đây, này các Tỷ-kheo, ác Tỷ-kheo đầy đủ với thân hành quanh co hiểm trở, với ngữ hành quanh co hiểm trở, với ý hành quanh co hiểm trở. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là ác Tỷ-kheo dựa vào quanh co hiểm trở.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ác Tỷ-kheo dựa vào rừng rậm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, ác Tỷ-kheo có tà kiến, đầy đủ những tri kiến đi đến cực đoan. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là các Tỷ-kheo dựa vào rừng rậm.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ác Tỷ-kheo dựa vào kẻ có quyền? Ở đây, này các Tỷ-kheo, dựa vào các vua hay các đại thần của vua, ác Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Nếu có ai kết tội ta, các vua ấy, hay các đại thần của vua ấy sẽ giải thích, cứu thoát ta". Và thực sự là như vậy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là ác Tỷ-kheo dựa vào kẻ có quyền lực.

Đầu đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, ác Tỷ-kheo tự mình xử sự như một vật mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị kẻ trí quở trách, và tạo nên nhiều điều vô phước.

Sớ Giải Bài Kinh Đại Giặc Cướp
(Atthakathāmahācorasutta)

Nên hiểu luận giải bài kinh đại giặc cướp thứ 50 như sau:

Giặc cướp có sự mạnh có nhiều nhóm gọi là đại giặc cướp (**mahācora**). Từ **Sandhim** tức nơi đối mặt lại nhà cửa. Từ **Nillopaṃ** tức cướp bóc phá hoại tiêu tan. Từ **Ekāgārikaṃ** tức cướp bóc vây kín một căn nhà. Cụm từ **Paripanthepi tiṭṭhati** tức rình rập trấn lột theo con đường.

Từ **Nadīviduggaṃ** tức nơi mà con sông chảy đi không thuận lợi tức đảo gập ghềnh mà bọn cướp có thể ở lên lút cùng với 2000 thuộc hạ, 3000 thuộc hạ cũng có. Từ **Pubbatavisamaṃ** tức nơi mà đồi núi không bằng phẳng tức kẻ hở của đồi núi mà bọn cướp có thể ở lên lút được cùng với thuộc hạ 700 ngàn hoặc 800 ngàn người.

Từ **Tiṇagahaṇaṃ** tức nơi khoảng một do tuần mà cỏ mọc phủ lên. Từ **Gehaṃ** tức nhà cửa. Bìa rừng mà nơi cành cây đan nhau dính liền nhau gọi là bìa rừng già.

Cụm từ **Pariyodhāya atthaṃ bhaṇissanti** nghĩa là (đức vua hoặc quan đại thần) sẽ đề cập nội dung che đậy để thêm nhân kia vào. Từ **Tyāssa** phân từ ra thành **Te assa**.

Cụm từ **Pariyodhāya atthaṃ bhaṇanti** nghĩa là khi bất cứ ai đề cập chê bai (đồi núi) thì (đức vua hoặc quan đại thần) sẽ che đậy để tránh né sự kiện đó mặc dù là tội nặng, đề cập nội dung này rằng tất cả các vị chớ nói như vậy chúng tôi biết rõ người này đến cả dòng tộc, người này sẽ không làm như vậy.

Một lý khác nữa, giải thích từ **Pariyodhāya** tức bùng bít, bởi vì đức vua cùng nhóm quan đại thần nói lời lẽ bùng bít tội lỗi của họ.

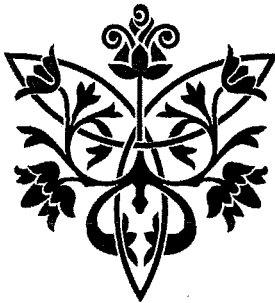
Cụm từ **Khatam upahatam** tức gọi là bị họ đào thải do bị loại trừ vứt bỏ công lao, nghĩa là bị giết để hủy diệt công lao. Cụm từ **Visamena kāyakammena** tức bằng nghiệp tạo bằng đường thân môn gọi là không thích hợp bởi vì phạm sai lầm. Ngay cả trong ngữ nghiệp và ý nghiệp cũng có lý giống như vậy. Từ **Antagāhikāya** tức bằng tà kiến chấp thủ tội cùng như 10 tà kiến. Nội dung còn lại trong tất cả từ có ý nghĩa để cả.

Kết Thúc Sơ Giải Bài Kinh Đại Giác Cướp Thứ 50

Kết Thúc Dẫn Giải Tiểu Phẩm Thứ 1

Kết Thúc Tập Lục Thứ 1

(Paṭhamapaṇṇasaka)



VI. Phẩm Các Bà-la-môn

Tạp Lục Thứ Hai

(Dutiyapaṇṇāsaka)

Chánh kinh Bài Kinh Người Thứ Nhất

51.- (a) Hai Người

- Có hai vị Bà-la-môn già yếu, trưởng lão, tuổi lớn, cuộc đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đời, đã 120 tuổi, đi đến Thế Tôn, đánh lễ, nói lên những lời chào đón thăm hỏi thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Những Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi là những Bà-la-môn già yếu, trưởng lão, tuổi lớn, cuộc đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đời, đã 120 tuổi, nhưng chúng tôi không làm điều lành, không làm điều thiện, không làm những điều để chấm dứt các sợ hãi. Tôn giả Gotama hãy răn dạy chúng tôi, Tôn giả Gotama hãy giảng dạy chúng tôi. Nhờ vậy, chúng tôi sẽ được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

- Thật vậy, các ông là những Bà-la-môn già yếu, trưởng lão, tuổi lớn, cuộc đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đời, đã 120 tuổi, nhưng các Ông không làm điều lành, không làm điều thiện, không làm những điều để chấm dứt các sợ hãi. Thật vậy, này các Bà-la-môn, thế giới này đã bị già, bệnh, chết dất dãn. Thế giới đã bị già, bệnh, chết dất dãn như vậy, này các Bà-la-môn, thời chế ngự thân, chế ngự lời nói, chế ngự ý trong đời này, đối với kẻ đã đi đến cõi chết, phải là chỗ nương tựa, là hang trú ẩn, là hòn cù lao (hay ngọn đèn), là chỗ quy y và là đích xứ nó đến.

Đời sống bị dắt dẫn
Mạng sống chẳng là bao
Bị già kéo dẫn đi
Không có nơi nương tựa
Hãy luôn luôn quán tưởng
Sợ hãi tử vong này
Hãy làm các công đức
Đưa đến chơn an lạc.
Ở đây chế ngự thân,
Chế ngự lời và ý,
Kẻ ấy dầu có chết,
Cũng được hưởng an lạc,
Vì khi còn đang sống
Đã làm các công đức.

Diễn Giải Phẩm Bà-la-môn Thứ Nhất

(Brahmaṇavaggavaṇṇanā)

Sớ Giải Bài Kinh Người Thứ Nhất

(Atthakathāpaṭhamajanasutta)

Nên hiểu luận giải bài kinh người thứ 51 của phẩm Bà-la-môn như sau:

Từ **Jiṇṇā** tức lão hóa do già. Từ **Vuddhā** tức trưởng thành. Từ **Mahallakā** tức già do sanh ra (từ lâu). Từ **Aḍḍhagatā** tức đã trải qua phân nửa tuổi. Cụm từ **Vayo anuppattā** tức bước vào cuối đời. Cụm từ **Yena bhagavā henupasaṅkamimsu**

nghĩa là Bà-la-môn thấy vợ, con không thực hành theo lời nói của mình suy nghĩ rằng ta sẽ diện kiến Sa-môn Gotama tìm cầu con đường thoát khổ rồi mới đi đến diện kiến.

Cụm từ **Mayamassu bho gotama brahmana** tức cả 2 Bà-la-môn tuyên bố điều mà mình trở thành Bà-la-môn rằng: “Bạch Ngài Gotama cả 2 chúng tôi là Bà-la-môn, không phải là Sát Đế Ly, không phải là quan đại thần, không phải là cư sĩ, tâu lời nói... rằng **Jiṇṇā** (là người đã già).

Từ **Akatabhiruttāṇā** tức cả 2 bà la môn trình bày rằng: “Bạch Ngài, cả 2 chúng tôi chưa ngăn chặn được sợ hãi nghĩa là công việc là nơi nương, là nơi trú ngụ. Tức **Taggha** là bất biến từ lồng vào trong ý nghĩa thuần nhất như nhau hoặc lồng vào trong ý nghĩa đón nhận. Và Đức Thế Tôn nêu lên thuyết bằng cách rất ráo đồng nhất như nhau rằng tất cả các vị là như vậy cho dù Như Lai cũng đón nhận như nhau. Từ **Upaniyati** tức bị dẫn đến.

Giải thích: Chúng sanh trong thế gian này bị sanh dẫn đến già, bị già dẫn đến bệnh, bị bệnh dẫn đến chết, bị chết dẫn đến tái sanh nữa. Do đó, Đức Thế Tôn mới thuyết rằng **Upaniyati** như vậy.

Câu Chuyện Bà-la-môn Giữ 5 Giới

Bấy giờ do nhân nhóm Bà-la-môn này mặc dù đã xuất gia cũng không thể thực hành phạm sự cho đầy đủ được vì là người già, cho nên Đức Thế Tôn trước khi cho cả 2 Bà-la-môn gìn giữ 5 giới mới thuyết rằng **Yodha kāyena saññāmo**.

Tất cả nhóm từ đó việc phòng hộ thân môn gọi là **Kāyasaññāma** trong từ còn lại cũng có lý giống như nhau. Bằng

cụm từ **Tam tassa petassa** này Đức Thế Tôn thuyết rằng phước đó gọi là **Tāṇa** do ý nghĩa là nơi ngăn chặn cửa người đi đến thế giới khác.

Gọi là **Senā** do ý nghĩa là nơi che khuất, gọi là **Dīpa** do ý nghĩa là nơi cư ngụ, gọi là **Saraṇa** do ý nghĩa là nơi nương tựa và gọi là **Parāyana** bởi vì có thể sẽ làm sanh loại cao trội được.

Kệ ngôn có ý nghĩa để cả. Nhóm bà la môn đó Đức Như Lai cho thọ trì 5 giới thì gìn giữ ngũ giới suốt đời được sanh lên thiên giới.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Người Thứ 51



Chánh kinh Bài Kinh Bà-la-môn

53. Vị Bà-la-môn

Rồi một Bà-la-môn đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ, nói lên những lời chào đón thăm hỏi thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn:

- Pháp là thiết thực hiện tại, thừa Tôn giả Gotama, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thừa Tôn giả Gotama, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu?

- Bị tham ái làm say đắm, này Bà-la-môn, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, nên suy nghĩ điều hại mình, suy nghĩ điều hại người, suy nghĩ điều hại cả hai, cảm thọ tâm khổ tâm ưu. Tham ái được đoạn trừ, thời không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại

người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ tâm ưu. Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Bị sân làm uế nhiễm, này Bà-la-môn, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, nên suy nghĩ điều hại mình, suy nghĩ điều hại người, suy nghĩ điều hại cả hai, cảm thọ tâm khổ tâm ưu. Sân được đoạn trừ, thời không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ tâm ưu. Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Bị si làm cho mê mờ, này Bà-la-môn, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, nên suy nghĩ điều hại mình, suy nghĩ điều hại người, suy nghĩ điều hại cả hai, cảm thọ tâm khổ tâm ưu. Si được đoạn trừ, thời không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ tâm ưu. Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng những gì bị quăng ngã xuống, hay trình bày cái gì bị che kín, hay chỉ đường cho người bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện thuyết giảng. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con

làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Sớ Giải Bài Kinh Bà-la-môn

(Atthakathābrahmanasutta)

Nên hiểu luận giải bài kinh Bà-la-môn thứ 53 như sau:

Từ **Sammodanīyaṃ** tức làm cho tâm sanh lên hơn hờ. Từ **Sārāṇīyaṃ** tức thích hợp làm cho nhớ đến nhau.

Từ **Vītisaretvā** tức khi (làm cho nhớ đến nhau) hoàn chỉnh.

Từ **Kittāvatā** tức bởi bao nhiêu loại nhân.

Cụm từ **Sandiṭṭhiko dhammo hoti** tức pháp cần phải tự mình làm cho thấy được.

Từ **Akāliko** tức không cho quá trong thời gian khác. Bằng từ **Ehipassiko** này Bà-la-môn bạch hỏi đến việc thực hành để chứng đắc (**āgamanīyapaṭipāda**) rằng pháp thực hành có thể chỉ được như vậy **Ehi passa** (ngài hãy đến xem đi).

Từ **Opanayiko** tức cần phải hướng tâm của mình đi đến tâm cầu.

Từ **Paccattaṃ veditabbo** tức cần phải hiểu bằng tự mình. Từ **Viññūhi** tức tất cả bậc hiền trí.

Từ **Pariyādinnaṭṭo** tức là người có tâm tham ái chấp thủ nắm giữ và mê mên. Từ **Ceteti** tức suy nghĩ.

Từ còn lại trong kinh đều dễ cả. Nhưng trong bài kinh này bà la môn bạch hỏi đến Đạo siêu thế mà ngay đến Bạc Tỏi Thượng Đạo Sư thuyết về Đạo siêu thế giống như nhau. Bằng từ Đạo siêu thế gọi là **sandiṭṭhika** bởi vì phải tự mình thấy.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Bà-la-môn Thứ 53



Chánh kinh Bài Kinh Cám Dỗ

56. người giàu có

Rồi một Bà-la-môn giàu có lớn đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ, nói lên những lời chào đón thăm hỏi thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn giàu có lớn bạch Thế Tôn: - Con có nghe, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn thuở xưa, các trưởng lão lớn tuổi, bậc thầy của các bậc Thầy nói rằng: “Thuở xưa, thế giới này quá sung mãn, với người, người ta nghĩ như một vực sâu không có sóng, các làng, các thị trấn, các kinh thành quá gần để một con gà trống có thể bước từ chỗ này qua chỗ kia.”

Do nhân gì, thưa Tôn giả Gotama, do duyên gì, ngày nay loài người lại bị tiêu diệt, bị giảm thiểu trông rõ như thế, các làng trở thành không phải làng, các thị trấn trở thành không phải thị trấn, các thành phố trở thành không phải thành phố, các quốc độ trở thành không phải quốc độ?”

- Ngày nay, này Bà-la-môn, loài người bị Tham ái phi pháp làm cho say đắm, và bị ác tham chinh phục, bị tà kiến chi phối. Vì bị tham ái phi pháp làm cho say đắm, vì bị ác tham chinh phục, vì

bị tà kiến chi phối, chúng cầm gươm sắc bén sát hại lẫn nhau. Do vậy, nhiều người mạng chung. Đây là nhân, này Bà-la-môn, đây là duyên, ngày nay loài người bị tiêu diệt, bị giảm thiểu trông rõ như thế, các làng trở thành không phải làng, các thị trấn trở thành không phải thị trấn, các thành phố trở thành không phải thành phố, các quốc độ trở thành không phải quốc độ.

Lại nữa, này Bà-la-môn, ngày nay, các loài người bị Tham ái phi pháp làm cho say đắm, và bị ác tham chinh phục, bị các tà kiến chi phối. Vì bị tham ái phi pháp làm cho say đắm, vì bị ác tham chinh phục, vì bị tà kiến chi phối, trời không mưa xuống đều đặn. Vì vậy, bữa ăn khó tìm, mùa màng hư mất, trắng xóa với côn trùng, chỉ còn lại cọng dẹp. Do vậy, nhiều người mạng chung. Đây là nhân, này Bà-la-môn, đây là duyên, vì sao ngày nay loài người bị tiêu diệt, bị giảm thiểu trông rõ như thế, các làng trở thành không phải làng, các thị trấn trở thành không phải thị trấn, các thành phố trở thành không phải thành phố, các quốc độ trở thành không phải quốc độ.

Lại nữa, này Bà-la-môn, ngày nay, các loài người bị Tham ái phi pháp làm cho say đắm, và bị ác tham chinh phục, bị các tà kiến chi phối. Vì bị tham ái phi pháp làm cho say đắm, vì bị ác tham chinh phục, vì bị tà kiến chi phối, các loài **Yakkha** (Dạ-xoa) thả ra các loài phi nhân dữ tợn. Vì vậy, nhiều người mạng chung. Đây là nhân, này Bà-la-môn, đây là duyên, ngày nay loài người bị tiêu diệt, bị giảm thiểu trông rõ như thế, các làng trở thành không phải làng, các thị trấn trở thành không phải thị trấn, các thành phố trở thành không phải thành phố, các quốc độ trở thành không phải quốc độ.

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng những gì bị quăng ngã xuống, hay trình bày cái gì bị che kín, hay chỉ đường cho người bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện thuyết giảng. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Sớ Giải Bài Kinh Cám Dỗ
(**AtthakathāPolobhaSutta**)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Cám Dỗ thứ 56 như sau:

Từ **Ācariyapācariyānaṃ** nghĩa là tất cả các bậc Thầy, các bậc Thầy của tất cả các bậc Thầy. Cụm từ **Avīci maññe puṭṭho hoti** tức tràn đầy khắp tất cả Nhân loại giống như Đại địa ngục Vô gián (**Avecīmahānaraka**) mà chúng sanh thọ lãnh, nghĩa là tràn đầy liên tục khắp nhóm chúng sanh địa ngục. Từ **Kukkuṭasampātikā** tức sự bay xuống của con gà, nghĩa là sự việc con gà bay đi từ mái nhà của một xóm nhà, rơi xuống nơi một nơi xóm nhà khác nữa đang có trong xóm nhà này, vì vậy các xóm nhà này mới gọi là **Kukkuṭasampātika** (đang có cùng khắp các con gà bay xuống), Kinh văn thì từ **Kukkuṭasampādikā** cũng có.

Giải thích: Việc rơi xuống của con gà, tức việc bước chân đi của con gà từ xóm nhà lân cận đến xóm nhà lân cận đang có trong xóm làng này. Cả 2 từ này Đức Thế Tôn thuyết đến việc cùng sống với nhau dày đặc.

Từ **Adhammarāgarattā** tức Tham ái là Phi pháp thuần nhất, nhưng tham ái khởi lên trong tư trang của mình (tự thân) Ngài không ám chỉ là tham ái phi pháp, tham ái khởi lên trong tư trang của người khác thì Ngài muốn lấy là Tham ái phi pháp.

Từ **Visamalobhā bhībhūtā** tức nhắc đến tham sẽ không có lúc đều đặn. Tham này thuần nhất không đều đặn, tuy nhiên khi khởi lên nơi đồ vật mà mình chấp giữ thì gọi là **Samolobha**, khởi hiện nơi đồ vật mà người khác yêu thích thì Ngài muốn lấy là **Visamalobha**. Từ **Micchādhammaparetā** tức là hội đủ pháp sai trái, nghĩa là sử dụng điều mà không phải là vật chất.

Cụm từ **Devo na sammā dhāraṃ anuppavecchati** nghĩa là mưa không rơi trong lúc có thể rơi, từ **Dubbhikkhaṃ** tức vật thực khó tìm kiếm được. Từ **Dussassaṃ** tức là mạ hư hoại, bởi vì đủ thứ loại mạ không nảy mầm, từ **Setaṭṭhikaṃ** tức khi lúa đang trở bông thì đám sâu sẽ xuống ăn, bông lúa đã trở sẽ có màu trắng không có hạt, bởi vì bị đám sâu chui vào đục khoét. Ngài ám chỉ lúa lép, thuyết rằng: **Setaṭṭhikaṃ**. Từ **Salākavuttaṃ** tức là mạ đã gieo tươi tốt chỉ giữ tốt cho thân cây mà thôi, nghĩa là không ra bông, từ **Yakkhā** tức Dạ xoa lớn mạnh (làm Trưởng). Cụm từ **Vāle amanusse assajjanti** tức là bỏ mặc Dạ xoa hung ác đi vào trong lãnh vực (vùng) của Nhân loại. Nhóm dạ xoa ấy được cơ hội làm cho dân chúng mất mạng rất nhiều.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Cám Đỗ thứ 56

Chánh Kinh Bài Kinh Vacchagotta

57.- Vacchagotta

Rồi du sĩ Vacchagotta đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ, nói lên những lời chào đón thăm hỏi thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ Vacchagotta thưa với Thế Tôn:

- Tôi có được nghe, thưa Tôn giả Gotama, người ta loan truyền rằng Sa-môn Gotama nói như sau: "Cần phải bố thí cho Ta, không cần bố thí cho người khác."

Cần phải bố thí cho đệ tử của Ta, không cần phải bố thí cho đệ tử những người khác. Bố thí cho Ta có quả lớn, bố thí cho những người khác không có quả lớn. Bố thí cho các đệ tử của ta có quả lớn, bố thí cho những đệ tử của người khác không có quả lớn!" Thưa Tôn giả Gotama, những ai nói rằng Sa-môn nói như sau: "Cần phải bố thí cho Ta, không cần bố thí cho người khác. Cần phải bố thí cho đệ tử của Ta, không cần phải bố thí cho đệ tử những người khác. Bố thí cho Ta có quả lớn, bố thí cho những người khác không có quả lớn. Bố thí cho các đệ tử của ta có quả lớn, bố thí cho những đệ tử của người khác không có quả lớn!" những người nói như vậy, có phải nói đúng lời nói của Tôn giả Gotama, không có xuyên tạc Tôn giả Gotama với điều không thật? Có phải họ nói như vậy là đúng pháp và thuận pháp, và những ai là người đúng pháp, nói lời đúng pháp và thuận pháp, không có cơ hội để chỉ trích? Họ không muốn xuyên tạc Tôn giả Gotama?"

- Nay Vaccha, những ai nói rằng Sa-môn Gotama nói như sau: "Cần phải bố thí cho Ta, không cần bố thí cho người khác. Cần phải bố thí cho đệ tử của Ta, không cần phải bố thí cho đệ tử những người khác. Bố thí cho Ta có quả lớn, bố thí cho những người khác không có quả lớn. Bố thí cho các đệ tử của ta có quả lớn, bố thí cho những đệ tử của người khác không có quả lớn!"

những người ấy không nói đúng với lời nói của ta, họ đã xuyên tạc ta với điều không thật, họ đã nói láo. Nay Vaccha, ai ngăn chặn người khác bố thí, người ấy tạo ra ba chướng ngại pháp và đánh cắp mất ba vật. Thế nào là ba?

Người ấy làm chướng ngại người cho không được công đức, người ấy ngăn chặn người nhận không được bố thí, và tự ngã người ấy trước đã mất gốc, lại càng bị thương tổn hơn. Nay Vaccha, ai ngăn chặn người cho không bố thí người khác, tạo ra ba chướng ngại như vậy, và đánh cắp mất ba vật. Nay Vaccha, ta nói như sau: “Những ai đổ đồ phế thải trên mâm bàn, hay đồ rửa chén bát vào hố phân hay hố rác rưởi với ý nghĩ để các loài hữu tình trong ấy nhờ đấy được ăn để sống.” Do nhân duyên ấy, nay Vaccha, ta nói có đem lại công đức, còn nói gì đối với loài người.

Lại nữa, nay Vaccha, Ta tuyên bố rằng, cho người có Giới hạnh được quả lớn, cho người ác giới không phải như vậy. Người có giới hạnh là người đã đoạn tận năm pháp và đã đầy đủ năm pháp.

Thế nào là năm pháp đã được đoạn tận? Dục tham đã được đoạn tận, sân đã được đoạn tận, hôn trầm thù miên đã được đoạn tận, trạo hối đã được đoạn tận, nghi đã được đoạn tận, năm pháp này đã được đoạn tận.

Năm pháp nào đã được đầy đủ?

Đầy đủ vô học Giới uẩn, đầy đủ vô học Định uẩn, đầy đủ vô học Tuệ uẩn, đầy đủ vô học Giải thoát uẩn, đầy đủ vô học giải thoát Tri kiến uẩn. Vị ấy được đầy đủ năm pháp này. Ở đây, Ta tuyên bố rằng, bố thí cho người đoạn tận năm pháp, đầy đủ năm pháp có quả lớn.

Như trong một đàn bò,
Có con đen, trắng, đỏ
Màu hung hay có đốm,
Có con màu bờ câu
Dầu con bò màu gì,
Kiếm được con bò thuần,
Con vật kéo sức mạnh,
Đẹp, lanh và hăng hái,
Mặc kệ nó màu gì,
Liền mắc vào gánh nặng,
Cũng vậy, giữa loài người,
Dầu có sinh chỗ nào,
Hoàng tộc, Bà-la-môn
Thương gia hay nô bộc,
Kẻ không có giai cấp,
Hay hạ cấp đồ phân,
Giữa những người như vậy.
Ai điều phục thuần thực,
Ngay thẳng, đủ giới đức
Nói thực, biết tầm quý,
Sanh tử đã đoạn tận,
Phạm hạnh được vẹn toàn
Gánh nặng đã hạ xuống,
Không còn bị trói buộc,
Việc cần làm đã làm,

Không còn bị lậu hoặc,
Đã đến bờ bên kia,
Không chấp pháp tịch tịnh,
Phước điền ấy vô cấu.
Quả lớn đáng cúng dường;
Như kẻ ngu không biết,
Thiếu trí, ít nghe nhiều,
Chỉ bố thí bên ngoài,
Không đến gần kẻ thiện,
Nhưng ai gần kẻ thiện,
Có tuệ, tôn bực hiền
Họ tin bậc Thiên Thê,
An trú tận gốc rễ.
Sanh Thiên hay ở đây
Được sanh gia đình tốt
Bậc trí tuần tự tiến
Chúng được cảnh Niết-bàn.

Sớ Giải Bài Kinh Vacchagotta

(AtthakathāJappaSutta)

Nên hiểu Bài Kinh Vacchagotta thứ 57 như sau:

Từ Mahapphalam tức có Quả lớn. Trong cụm từ **Dhammassa ca anudhammaṃ byākaronti** này nên hiểu giải thích như sau: Lờ lẽ mà Đức Thế Tôn thuyết gọi là Pháp, việc nói

ôn lại ý nghĩa đã nói ra gọi là Tùy thuận pháp (**Anudhamma**). Từ **Sahadhammiko** tức đồng cùng sự việc, đồng cùng nguyên nhân việc thọ trì tức xuôi theo, nghĩa là thực hành theo lời lẽ gọi là **Vādānupāta**. Cụm từ **Gārayham ṭhānam** tức nhân đáng chê bai. Ngài giải thích rằng việc xuôi theo lời lẽ có nguyên nhân mà Đức **GoTaMa** đã thuyết không thể đáng chê bai bất cứ gì. Một lý khác nữa: Bà la môn hỏi rằng việc xuôi theo tánh chất của Chủ thuyết có nhân mà nhóm người đó nói đến bất cứ nhân gì đáng chê bai phải chăng?

Cụm từ **Antarāyakaro hoti** tức tạo sự nguy khốn tai họa làm cho nhận lãnh khổ sở, nghĩa là làm cho nhiệt não sanh lên. Từ **Pāripanthiko** tức trộm cướp đón đường trấn lột cướp bóc người đi đường. Cụm từ **Khato ca hoti** tức bị đào thải bằng cách đào thải vứt bỏ công lao, từ **Upahato** tức bị loại trừ bằng cách hủy hoại công lao tốt đẹp. Từ **Candanikāya** tức nước bùn không sạch sẽ, từ **Oligalle** tức ống nước chưa được rửa bùn.

Từ **So ca** tức bậc Lậu Tận mà Ngài thuyết rằng Vị đó là người có Giới. Từ **Silakkhandhena** tức bằng nhóm Giới, trong các từ còn lại cũng có Lý như nhau. Trí phản quán (**Paccavekkhaṇāñāṇa**) Đức Thế Tôn thuyết rằng là Giải thoát Trí kiến (**Vimuttiñāṇa dassana**) trong từ **Vimuttiñāṇadassanakkhandhena** này. Trí phản quán Đức Thế Tôn thuyết là Vô học (**Asekha**) bởi vì đã tiến hành với bậc Vô học, trí ngoài ra tự thân cũng là Vô học, bởi vì đã chứng đắc sau cùng của Tam học (**Sikkhā**). Cả nhóm Trí đó nữa cũng là Siêu Thế, nhưng Trí phản quán là Hiệp thế.

Từ **Rohiṇṇṃsu** tức có màu đỏ, từ **Sarūpāsu** tức có màu tương đồng với con bò con, từ **Parevatāsu** tức có màu giống như

chim bò câu. Từ **Danto** tức đã chấm dứt ương ngạnh. Con bò đực gọi là **Puṅgavo**, từ **Dhorayho** tức con bò sử dụng trong việc làm. Từ **Kalyāṇajava nikkamo** tức là kết hợp bởi sự minh mẫn nhanh trí ngay thật. Cụm từ **Nāssa vaṇṇaṃ parikkhāre** nghĩa là không quan tâm đến màu sắc thân thể của con bò chỉ quan tâm riêng biệt đến công việc, là phận sự thực hành của nó mà thôi. Cụm từ **Yasmiṃ kismiñci jātiye** tức đã sanh vào trong bất cứ dòng giống nào. Cụm từ **Yāsu kāsucipi etāsu** tức sanh ra trong một loại nào, phân loại thành Sát để ly... Cụm từ **Brhmacariyassakevalī** nghĩa là hội đủ sự sống chấm dứt Phạm hạnh.

Giải thích: Hội đủ trở thành bậc Viên Mãn Phạm Hạnh, bởi vì bậc Lưu Tận, gọi là bậc Thực hành tất cả Phạm hạnh, vì vậy Ngài mới thuyết từ này. Từ **Pannabhāro** tức đã đặt gánh nặng.

Giải thích: Đặt gánh nặng (tức Uẩn), gánh nặng (tức Phiền não) và gánh nặng (tức Ngũ dục) xuống.

Từ **Katakicco** tức đã thực hành phận sự bằng 4 Đạo hoàn tất. Cụm từ **Pāragū sabbadhammānaṃ** nghĩa là 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới gọi là Tất cả Pháp (**Sabbadhammā**), gọi là **Pāragū** bởi vì đạt đến 6 loại bờ là:

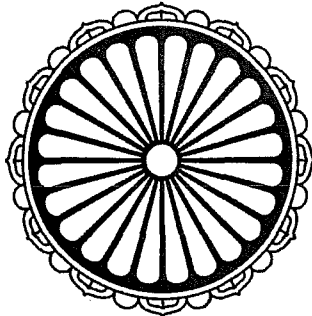
1. Bờ Thần Thông (**Abhiññā**)
2. Bờ Đoạn Trừ (**Pahāna**)
3. Bờ Thiên Định (**Jhāna**)
4. Bờ Tu Tiến (**Bhāvanā**)
5. Bờ Giác Ngộ (**Saccikiriya**)
6. Bờ Nhập Định (**Samāpatti**) của tất cả Pháp đó.

Từ **Anupādāya** tức không chấp thủ, từ **Nibbuto** tức lìa khỏi sự nóng nảy của phiền não. Từ **Viraje** tức lìa khỏi bụi tham ái, sân hận và si mê.

Từ **Avijānantā** tức không biết Phước điền (**Puññakhetta**), từ **Dummedhā** tức không có Trí tuệ. Từ **Assutāvino** tức lìa khỏi việc được nghe, những điều chuẩn đoán liên quan đến Phước điền, từ **Bahiddhā** tức bên ngoài (khỏi Giáo Pháp này). Cụm từ **Na hi sante upāsare** nghĩa là không đi đến tìm kiếm Đức Phật. Đức Phật Độc Giác và tất cả bậc Lưu Tận là những Bậc cao tột (Tối thượng);

Từ **Dhīrasammate** tức bậc Thiện trí tán thán, ca ngợi. Bằng cụm từ **Mūlajātā patitṭhitā** này Ngài thuyết đến Đức tin của bậc Dự Lưu. Cụm từ **Kule vā adhi jāyare** nghĩa là hoặc sanh vào dòng giống Sát đế ly, dòng giống Bà la môn, dòng giống Phệ đà trong cõi Nhân loại này, nhóm người do 3 loại hành Thiện (**Kusalasampatti**). Cụm từ **Anupubbena nibbānaṃadhigacchanti** nghĩa là tu tập Đức hạnh (**Gaṇadhamma**) Giới - Định - Tuệ cho tròn đủ rồi chứng đắc Niết-bàn theo tuần tự.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Vacchagotta thứ 7



Chánh Kinh Bài Kinh Tikaṇṇa

58. Tikanna

Rồi Bà-la-môn Tikanna đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ, nói lên những lời chào đón thăm hỏi thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Tikanna, trước mặt Thế Tôn, tán thán các bậc Bà-la-môn có đầy đủ ba minh.

- Phải, này Bà-la-môn, họ là các bậc có Ba minh. Phải, các Bà-la-môn có ba minh. Cho đến như thế nào, này Bà-la-môn, các Bà-la-môn diễn tả ba minh của các Bà-la-môn?

- Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, vị Bà-la-môn thiện sanh cả từ mẫu và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một dèm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh, là nhà phúng tụng, nhà trì chú, thông hiểu ba tập Veda với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và các cổ truyện là thứ năm, thông hiểu ngữ pháp và văn phạm, biện tài về thuận thế (tự nhiên học) và tướng của các vị đại nhân. Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, các vị Bà-la-môn diễn tả ba minh các vị Bà-la-môn.

- Thật là khác, này Bà-la-môn, các Bà-la-môn diễn tả ba minh của các Bà-la-môn. Thật là khác ba minh trong luật của bậc thánh.

- Như thế nào, thưa Tôn giả Gotama, là Ba minh trong giới luật của bậc thánh? Lành thay, nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp cho chúng tôi về ba minh trong Luật của bậc Thánh.

- Vậy Bà-la-môn hãy nghe và khéo tác ý, ta sẽ giảng.

- Thừa vâng, Tôn giả.

Bà-la-môn Tikana vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau: - Ở đây, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo ly dục, ly các pháp ác, bất thiện, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, vị ấy chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh, nhất tâm. Ly hỷ, trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc thánh gọi là xả niệm lạc trú, vị ấy chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, vị ấy chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời. Nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây."

Như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ, cùng với các nét đại cương và các nét chi tiết. Đây là minh thứ nhất đã đạt được, vô minh diệt, minh khởi, bóng tối diệt, ánh sáng sanh, đối với vị an trú không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến Trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhân thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Các chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, ngữ, ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh này làm những thiện hạnh về thân, ngữ, ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các cõi thiện, cõi trời, cõi đời này.

Như vậy, vị ấy với Thiên nhân thuần tịnh, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Đây là minh thứ hai đã đạt được, vô minh diệt, minh khởi, bóng tối diệt, ánh sáng sanh, đối với vị an trú không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Lộ tận trí. Vị ấy biết như thật: “Đây là khổ,” biết như thật: “Đây là nguyên nhân của khổ,” biết như thật: “Đây là khổ diệt,” biết như thật: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.” Biết như thật: “Đây là những lậu hoặc,” biết như thật: “Đây là nguyên nhân các lậu hoặc,” biết như thật: “Đây

là sự diệt trừ các lậu hoặc," biết như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc."

Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi Dục lậu, thoát khỏi Hữu lậu, thoát khỏi Vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa." Đây là Minh thứ ba đã đạt được, vô minh diệt, minh khởi, bóng tối diệt, ánh sáng sanh, đối với vị an trú không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Giới hạnh không cao thấp

Khôn khéo và thiền tịnh,

Với tâm được chinh phục,

Nhứt tâm, khéo định tĩnh,

Bậc trí đoạn mê ám,

Ba minh, diệt tử thân,

Vị ấy được tôn xưng,

Đại hạnh cho Trời Người,

Bậc "Đoạn tận tất cả."

Đầy đủ cả ba minh

An trú không mê vọng,

Đức Phật, bậc Giác Ngộ,

Bậc chứng thân tối hậu,
Chúng lễ Gotama.
Ai biết được đời trước,
Thấy Thiên giới, đọa giới,
Vị ấy là đạo sĩ,
Đoạn sanh, đạt thắng trí
Vị Bà-la-môn nào,
Chúng được ba minh này,
Ta gọi là ba minh
Không như thường được gọi.

Như vậy, này Bà-la-môn, là Ba Minh trong Luật của bậc Thánh. - Thật khác, thưa Tôn giả Gotama, là ba minh của các Bà-la-môn! Thật khác là ba minh trong Luật của bậc Thánh! Và thưa Tôn giả Gotama, người có được ba minh của các Bà-la-môn không sánh bằng một phần mười sáu của vị chứng ba minh trong Luật của bậc Thánh.

Sớ Giải Bài Kinh Tikappa

(Atthakathā Tikappa Sutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Tikappa thứ 58 như sau:

Từ **Tikappa** là tên của Bà-la-môn, từ **Upasankami** nghĩa là Bà-la-môn suy nghĩ rằng: ‘Được nghe tin đồn sa môn **Gotama** là

bậc Hiền trí, ta sẽ đi đến trú xứ của Ngài. Khi vật thực được Bồ thí buổi sáng có đại chúng vây quanh, đi đến diện kiến Đức Thế Tôn, cụm từ **Bhagavato sammukhā** tức ngồi trước mặt đấng Thập Lực, cụm từ **Vaṇṇam bhāsati**.

Vấn: Nguyên nhân nào mới nói lời tán thán?

Đáp: Được biết rằng từ trước đây Bà-la-môn đó không từng đi đến trú xứ của Đức Như Lai; Bà-la-môn mới có suy nghĩ rằng: ‘Thông thường Chư Phật khó được diện kiến, ta bạch hỏi trước, nếu sẽ nói hoặc không nói cũng được, nếu như Đức Phật sẽ không nói trong lúc đó thì mọi người sẽ trách móc rằng ta nói trong nơi hội họp như vậy, rằng: ‘Vi sao Ngài nói trong nơi đây, bởi vì Ngài đi đến trú xứ của Sa-môn **Gotama** cũng chưa được cho dù chỉ được phán gọi. Do đó, Bà-la-môn khi đang suy nghĩ rằng: ‘Ta sẽ tránh điều chỉ trích bằng cách thức như vậy mới trình bạch lên (Bà-la-môn thật sự tán thán tất cả Bà-la-môn) nhưng nói đến Tam Minh với ý định (duy nhất) rằng ta sẽ thử dò xét Trí tuệ của Đức Như Lai.

Cụm từ **Evampi tevijjā brahmaṇā** nghĩa là Bà-la-môn gìn giữ 3 Minh là bậc Hiền trí tức là bậc Thông thái là người Tinh tường cũng là bậc Đa văn, nghĩa là người có thói quen nói như vậy.

Giải thích: Là người nhận được sự định đặt này. Bằng từ **Itipi** Đức Thế Tôn thuyết xác định tính chất của bậc Hiền trí..., cho nhóm Bà-la-môn đó. Trong điều này có giải thích rằng: bậc Hiền trí do chỉ bấy nhiêu nhân này..., là người nhận được sự định đặt bởi ngàn ấy nhân. Từ **Yathā** trong cụm từ **Yathā kathaṃ pana brahmaṇā** này từ trình bày đến nhân, từ **Kathaṃ pana** là câu hỏi. Điều này phù hợp như Đức Thế Tôn thuyết rằng: “Này Bà-la-môn, tất cả Bà-la-môn định đặt Bà-la-môn là người có được Tam Minh

như thế nào? Ngài hãy nói đến nhân để làm cho biết được Bà-la-môn có Tam minh.” Bà-la-môn khi được nghe nói như vậy thì hân hoan rằng Đức Chánh Đẳng Giác hỏi đến Pháp theo lãnh vực vừa đủ để biết được, không phải theo lãnh vực không biết được nên bạch lời rằng: **Idha bho Gotama** này. Tất cả nhóm từ đó thì từ Ubhato tức cả 2 bên. Cụm từ **Māti to ca pitito ca** nghĩa là người nào có mẹ là nữ Bà-la-môn, có bà ngoại là nữ Bà-la-môn, bà cố ngoại cũng là nữ Bà-la-môn, có cha là Bà-la-môn, có ông nội là Bà-la-môn, ông cố nội cũng là Bà-la-môn, người ấy gọi là sanh chủng tốt cả bên Mẹ và bên Cha.

Từ **Samsuddhagahaṇiko** nghĩa là người nào sanh ra trong bụng của người mẹ thanh tịnh, người đó gọi là sanh chủng thuần khiết (**Samsuddhagerāhaṇī**), nhưng trong từ **Samavepākinīyā gahaṇiyā** này Đức Thế Tôn gọi là chấp thủ Hỏa đại (**Tejodhātu**) sanh ra từ Nghiệp; trong cụm từ **Yāva sattamā pitāmahayugā** này có nghĩa là Cha của Cha gọi là Ông nội (**Pitāmaha**), đời sống của ông nội gọi là giai đoạn tuổi thọ của ông nội (**Pitāmakayuga**). Số lượng của tuổi thọ Ngài gọi là 1 đời sống (**Yuga**), từ **Yuga** này chỉ là từ gọi với nhau mà thôi, nhưng theo ý nghĩa tuổi thọ ông nội gọi là Một đời sống của ông nội (**Pitāmahayuga**). Tất cả người nam tiếp nối từ ông nội trở xuống thì người gọi là sanh chủng thuần khiết sẽ có chỉ khoảng 7 đời người (là thấp).

Một lý khác nữa: Ngài thuyết rằng Bà-la-môn là người Thiện sanh lưỡng phần (**Ubhatasujāta**) sẽ không bị phản bác, bị chỉ trích do việc nói dựa vào dòng giống. Từ **Akkhitto** tức không bị phản bác rằng: “Các vị hãy đem người này ra khỏi đi, người này có lợi ích gì đâu!” Từ **Anupakkuṭṭho** tức sẽ không bị chê bai, không từng bị mắng chửi hoặc không từng bị xuyên tạc.

Vấn: Vì sao?

Đáp: Do việc nói dựa vào dòng giống.

Giải thích: Do việc nói chỉ bấy nhiêu rằng người này là dòng giống thấp kém bởi trường hợp này. Từ **Ajjhāgako** này nên hiểu như sau, lời chê bai khởi lên với Bà-la-môn là người lìa khỏi Thiên trong thời kỳ Sơ kiếp rằng: “Này **Vāsetṭha** và **Bhāradvāja** giờ đây các người không Chuyên chú, giờ đây nhóm các người không chuyên chú,” từ **Ajjhāyakā ajjhāyakā** (Người không chuyên chú ám chỉ đến người Soạn và dạy Kinh) mới nảy sinh lên lần thứ 3. Nhưng trong hiện tại này Bà-la-môn gọi là **Ajjhāyako** bởi vì học Vệ đà, tất cả mọi người nói lời tán thán với giải thích rằng: ‘Bà-la-môn niệm chú thuật (Vệ đà), Bà-la-môn gọi là **Mantadharo** bởi vì ghi nhớ chú thuật (Vệ đà) được. Cụm từ **Tinṇam vedānam** tức Vệ đà nói về hình thức cúng tế (**Yajubbedā**), vệ đà nói về xã hội học (**irubbedā**) và Vệ đà nói về cách thức tu tập ở rừng (**Samābedā**).

Bà-la-môn gọi là **Pāragū** bởi vì đến bờ bằng khả năng của việc từ bỏ Tụng niệm (tức đã ghi nhớ). Ba tập Vệ đà cùng với môn học **Nighaṇḍa** và môn học **Keṭubha** gọi là **Sanighaṇḍuketubha**. Từ **Nighaṇḍu** tức môn học phân tích tên (đồ vật khác nhau) như môn học nói về tên của cây cối v.v... Từ **Keṭukam** tức môn học nhận định dáng điệu hành vi như môn học hỗ trợ cho Thi sĩ. Vệ đà cùng với phân loại văn tự gọi là **Sākakharapabheda**. Học tập và ngôn ngữ gọi là **Akkharappabheda**.

Từ **Itihāsapāñcamānam** tức Vệ đà gọi là có Lịch sử (cổ truyền) là thứ 5, bởi vì có lịch sử cổ truyền kết hợp với từ như **Iti-Ha-Āsa, iti, ha, āsa** đề cập đến Kinh **Purāṇa** hoặc đề cập đến Kinh nói về kiến thức của Sát đế lỵ (chiến sĩ) là thứ 5 bằng cách ghép vào **Athabbanaveda** là thứ 4 của nhóm Vệ đà đó thành Lịch sử cổ

truyền (**Itihāsa**) là thứ 5. Gọi là biết câu biết ngữ pháp, bởi vì ghi nhớ biết cả thân bài và lời giải thích thân bài còn lại. Môn học **Vitaṇḍa** (nói vui chơi với nhau) Ngài gọi là Phái Thuận Thế (**Lokāyata**) [**Lokāyata** là phái Thuận Thế, một học thuyết Duy vật cực đoan chủ trương vạn vật ngẫu nhiên mà có], từ **Mahāpurisalakkhaṇaṃ** tức môn học có trăm câu xâu kết lại khoảng 12 ngàn bộ Kinh trình bày tướng của bậc Đại Nhân như Đức Phật..., gọi là Phật chú (**Buddha manta**) khoảng 16 ngàn câu Kệ ngôn có thể là nhân làm cho biết được sự khác biệt nhau rằng: “Người hội đủ tướng này gọi là Đức Phật,” tướng này gọi là Đức Phật Độc Giác, tướng này gọi là cả hai vị Tối Thượng Thịnh Văn, tướng này gọi là 80 vị Đại Thịnh Văn, tướng này gọi là Mẹ của Đức Phật, tướng này gọi là Cha của Đức Phật, tướng này gọi là Tối thượng nam hộ độ (**Aggaupaṭṭhāka**), tướng này gọi là Tối thượng nữ hộ độ (**Aggaupaṭṭhāyikā**) và tướng này gọi là Chuyển Luân vương.

Từ **Anavayo** tức là người không khiếm khuyết nghĩa là người đầy đủ trong Kinh Phái Thuận Thế (**Lokāyata**) và Kinh Đại Nhân Tướng (**Mahāpurisa lakkhaṇa**). Có lời giải thích không phải là người Suy giảm. Người không thể ghi nhớ các Bộ môn đó được cả bằng lời giải thích và Bộ kinh thì người đó gọi là Suy giảm.

Một lý khác nữa: Từ **Anavayo** phân từ thành **Anuavayo** bằng cách hợp âm (**Sandhi**) bỏ từ U ra cho nên **Anu_ avayo** mới thành **Anavayo** nghĩa là đầy đủ tài nghệ. Đức Thế Tôn thấy Bà la môn đang thỉnh cầu Ngài biết rằng: “Bây giờ là lúc thích hợp, ta sẽ trả lời câu hỏi của Bà-la-môn đó,” mới thuyết rằng: **Tenahi** như vậy, từ **Tenahi** có nghĩa là: Bởi vì Ngài thỉnh cầu vì vậy Ngài hãy lắng nghe. Cụm từ **Vivicceva kāmehi...**, được giải thích chi tiết trong Kinh Thanh Tịnh Đạo, nhưng trong nơi đây từ **Vivicceva**

kāmehi..., này nên hiểu rằng Đức Thế Tôn nêu lên thuyết để trình bày đến điều thực hành phần đầu (**Pubbabhāga**) của hai Minh (**Vijjā**). Tất cả hai Minh thì việc diễn giảng hai Minh theo tuần tự hay Lý của việc Tu tiến hai Minh được làm cho chi tiết trong bộ Thanh Tịnh Đạo giống nhau.

Kê Ngôn Diễn Giải Túc Mênh Trí

Cụm từ **Paṭhama Vijjā** tức gọi là Minh thứ nhất, bởi vì sanh lên lần đầu tiên. Gọi là Minh do ý nghĩa làm cho Sáng tỏ (am tường).

Vấn: Thực hành như thế nào để làm cho Sáng tỏ?

Đáp: Thực hành làm cho Uẩn từng nương vào trong kiếp sống trước được sáng tỏ. Sự che đậy Túc Mạng Trí (**Pubbenivāsānusatiñāṇa**), bởi vì làm cho Túc mạng trí không sáng tỏ, gọi là Vô minh (**Avijjā**). Từ **Tamo** nghĩa là Si (sự tối tăm), gọi là **Tama** bởi vì Nhân che đậy. Từ **Āloka** nghĩa là Minh, gọi là **Āloka** (ánh sáng) bởi vì làm cho sáng rực. Trong bài Kinh này nhắm đến chứng đắc ba Minh. Từ còn lại là từ đề cập tán thán. Trong điều này trình bày Y đã chứng đắc Minh này theo tuần tự; Vô minh cũng bị đoạn trừ do Y chứng đắc Minh, nghĩa là làm cho tiêu tan.

Vấn: Vì sao?

Đáp: Bởi vì Minh sanh lên. Trong 2 từ ngoài ra này cũng có Lý như vậy.

Từ **yathā** trong cụm từ **yathā tam** này là ví dụ, từ **tam** chỉ là bất biến từ. Gọi là không dễ duôi, bởi vì không mất niệm, gọi là tinh cần, bởi vì có sự tinh cần làm duyên thiêu đốt phiền não, gọi

là nâng tâm mình, bởi vì không bận tâm vướng mắc trong thân thể và đời sống. Ngài giải thích người không để duôi có sự tinh cần nâng tâm thì vô minh sẽ loãng (mờ nhạt) mất hẳn thì minh sẽ sanh lên, sự tăm tối sẽ mờ nhạt mất hẳn, sự sáng tỏ sẽ sanh lên như thế nào thì vô minh cũng giống như vậy, được bà la môn diệt trừ thì minh sanh lên, sự tăm tối bị xua tan thì sự sáng tỏ khởi hiện. Bà la môn mới nhận lãnh được quả tương ứng với sự thực hành tinh cần đó.

Kê ngôn diễn giải sanh tử trí

Nên hiểu luận giải kê ngôn diễn giải sanh tử trí (**cutūpapātañña**) như sau: minh tức thiên nhãn trí gọi là minh (**viññā**). Sự không biết che đậy tử và tục sanh của tất cả chúng sanh gọi là vô minh (**avijjā**). Từ còn lại có lý như đã đề cập.

Kê ngôn diễn giải lâu tâm trí

Nên hiểu Luận giải về Minh thứ ba như sau: Trong cụm từ **So evaṃ samāheti citte** nên hiểu rằng Tứ thiên là nền tảng của Minh quán (**Vipassanā**). Cụm từ **Āsavaṇaṃ khayaññaya** tức là để được lợi ích với A La Hán Đạo Tuệ, bởi vì A La Hán Đạo Ngài gọi là Pháp chấm dứt của tất cả lậu, bởi vì hủy diệt tất cả lậu. Và A La Hán Đạo Tuệ trong cụm từ **Āsavaṇaṃ khayaññaya** gọi là Trí (**Ñāṇa**) bởi vì liên quan trong A La Hán đạo. Cụm từ **Cittaṃ abhininnāmeti** tức hướng tâm trong Minh quán. Trong từ chẳng hạn như **So idaṃ dukkhaṃ** nên hiểu rằng người luôn Tuệ tri được tất biết thấu đáo tất cả Khổ Đế theo Sự Thật, bằng việc thấu đáo tương trạng cùng với phận sự rằng: “Khổ đế chỉ có bấy nhiêu, không nhiều hơn đây,” và biết thấu đáo Ái dục làm cho Khổ sanh lên rằng: “Đây là nhân làm cho Khổ sanh lên,” theo Sự Thật bằng việc thấu đáo tương trạng cùng với phận sự, biết thấu đáo nơi chốn

nào đã đến của Khổ và Tập diệt đi tại nơi đó tức Niết-bàn, nơi Khổ và Tập không sinh diễn được theo Sự Thật bằng việc thấu đáo tướng trạng cùng với phạm sự rằng đây là Diệt Khổ và biết thấu đáo Thánh Đạo làm cho chứng đạt Niết-bàn theo Sự Thật bằng việc thấu đáo tướng trạng cùng với phạm sự rằng đây là Pháp thực hành đưa đến Diệt Khổ.

Đức Thế Tôn khi Ngài thuyết tất cả Đế bằng cách tóm tắt, tiếp đến trước khi Ngài thuyết tất cả Đế theo gián tiếp bởi mãnh lực của phiền não, mới thuyết rằng: **Ime āsavā**. Cụm từ **Tassa evaṃ jānato evaṃ passato** tức là vị Tỳ khuru đó là Vị đang Biết đang Thấy như vậy. Đức Thế Tôn thuyết về Đạo đạt đến rốt ráo cùng với Minh quán (trong nơi đây). Từ **Kāmasavā** tức từ Dục lậu. Bằng cụm từ **Cittam vimuccati** Đức Thế Tôn thuyết đến Đạo Tuệ (sát-na tâm tương ứng với Đạo), nghĩa là trong sát-na của tâm Đạo là tâm đang Giải thoát, trong sát-na của tâm Quả là tâm đã Giải thoát. Bằng cụm từ **Vimuttasmim vimuttamiti nīṇaṃ** này Đức Thế Tôn thuyết đến Trí Phán Khán (**Paccavekkha ṇāṇaṇa**). Bằng tất cả từ như **Khīṇajāti** Ngài thuyết đến lãnh vực của bậc Lậu Tận, bởi vì bậc Lậu tận khi phán khán bằng Trí luôn hiểu được sự việc..., rằng Sanh đã tận.

Vấn: Loại sanh nào của bậc Lậu Tận đã tận diệt và Ngài sẽ biết rằng sanh đó tận diệt như thế nào?

Đáp: Trước tiên kiếp sống quá khứ của Ngài không tận diệt được, bởi vì kiếp sống quá khứ đó đã chấm dứt trước rồi, kiếp sống vị lai cũng không chấm dứt, bởi vì không có sự tinh cần trong vị lai, kiếp sống hiện tại cũng chưa chấm dứt, bởi vì kiếp sống hiện tại vẫn đang còn. Nhưng kiếp sống nào mà phân loại thành Nhất uẩn, tứ uẩn và ngũ uẩn, sẽ phải sanh vào trong Nhất uẩn hữu

(**Ekavokārabhava**), tứ uẩn hữu (**Catuvokārabhava**) và ngũ uẩn hữu (**Pañcavokārabhava**) bởi vì không được Tu tiến đạo, còn các kiếp sống đó gọi là đã chấm dứt, bởi không đưa đến sự khởi hiện theo thông thường do được Tu tiến đạo. Khi ngài Phán khán phiền não đã Sát trừ bằng Tu Tiến Đạo (**MaggaBhāvanā**) thì Biết rằng nghiệp mới đang có cũng không dẫn đến Tục sanh tiếp tục bởi vì không còn phiền não, gọi là Biết Được Kiếp Sống Đó.

Từ **Vusitam** tức là sự sống đã kết thúc, tức đời sống đã hoàn thành (chấm dứt). Từ **Brahmacariyam** tức là Đạo Phạm Hạnh mà 7 bậc Hữu học cùng với tất cả Phạm thiện bằng hữu gọi là vẫn còn thực hành Phạm hạnh, còn bậc Lưu Tận gọi là đã kết thúc Phạm hạnh, bởi vì khi Ngài quán xét đời sống thực hành Phạm hạnh của mình thì Biết rõ rằng Phạm hạnh của ta đã chấm dứt.

Cụm từ **Katam karanīyam** nghĩa là 16 phận sự do năng lực của việc chứng đắc bằng Phận sự Biến Tri (**Pariññākicca**) Phận sự Đoạn Trừ (**Pahānākicca**) Phận sự Tác Chứng (**Saccikiriyākicca**) và Phận sự Tu Tiến (**Bhāvanākicca**) bằng 4 Đạo trong Tứ Đế mà Ngài đã hoàn thành xong rồi. Bởi vì Phạm thiện bằng hữu..., đang thực hành phận sự đó, còn bậc Lưu Tận đã hoàn thành phận sự, vì vậy khi Ngài quán xét phận sự mà mình cần phải làm thì Biết rõ rằng: “Phận sự cần phải làm ta đã làm xong.” Cụm từ **Nāparam itthattāya** tức Ngài biết rõ rằng phận sự tu tiến đạo để trở thành lại như vậy nữa, tức để trở lại 16 Phận sự hoặc để chấm dứt phiền não không có đối với ta.

Một lý khác nữa: từ **itthattāya** tức biết rõ rằng sự nối tiếp của uẩn khác từ sự trở thành như vậy..., nghĩa là sự nối tiếp của uẩn đang có trong hiện tại như trạng thái này không có đối với ta, nhóm ngũ uẩn này nơi ta đã xác định biết rằng vẫn còn duy trì giống

như cây cối có gốc rễ đã bị cắt đứt. Nhóm ngũ uẩn đó sẽ diệt đi bởi vì tâm thức cuối cùng diệt đi, giống như ngọn lửa chấm dứt việc mỗi (lửa) rồi diệt đi. Minh (**vijjā**) tức A La Hán đạo tuệ (**arahattamaggañāṇa**) gọi là minh trong nơi đây. Vô minh che đậy tứ thánh đế thì gọi là vô minh (**avijjā**), từ còn lại có lý như đã đề cập.

Từ **anuccāvacaṣṣa** nghĩa là người có giới đôi lúc suy giảm, đôi lúc tăng trưởng, gọi là có giới thăng trầm. Còn bậc lậu tận thuần nhất có giới tăng trưởng mà thôi, vì vậy ngài mới gọi có giới không thăng, không trầm. Từ **vasībhutaṃ** tức đạt đến thuần thực. Từ **susamāhitaṃ** tức khéo tác ý, nghĩa là khéo tác ý trong cảnh. Từ **dhīraṃ** tức là người đầy đủ bằng trí tuệ ghi nhớ, từ **maccuhāyinaṃ** tức buông bỏ tứ thân, rồi đang tồn tại. Từ **buddhaṃ** tức giác ngộ tứ thánh đế, từ **antimadehadhāraṃ** tức bảo tồn thân thể lần sau cùng. Cụm từ **taṃ namassanti gotamaṃ** nghĩa là bậc thánh văn của chư phật đánh lễ đức phật là bậc dòng họ **Gotama**.

Một lý khác nữa: Ngay cả bậc Thánh Văn của Đức Phật gọi danh tánh Ngài là **Gotama**, tất cả Chư thiên và Nhân loại đánh lễ Chư thánh văn của bậc gọi là **Gotama**.

Từ **pubbenivāsaṃ** tức uẩn sống nương vào trong kiếp sống trước nối tiếp nhau trở đi, từ **yoveti** tức người nào không thôi giảm, không sa sút. Trong chánh kinh từ **yovedi** cũng có. Người nào đã biết được, tức làm điều đã biết cho hiển lộ tồn tại. Cụm từ **saggāppāyaṇī capassati** nghĩa là người đó thấy 6 tầng chư thiên dục giới, 4 tầng phạm thiên giới và cả 4 khổ cảnh. Cụm từ **jatikkhayaṃ patto** tức chứng đắc A La Hán quả. Từ **abhiññāvosito** tức sống bằng việc chấm dứt phận sự bởi vì biết rõ.

Mâu Ni tức bậc lậu tận, là bậc hội đủ sự liễu tri, gọi là **munī**, từ **etāhi** tức bằng tất cả trí (**ñāṇa**) như túc mạng trí..., mà ngài đã thuyết. Cụm từ **nāññamlapitalāpanam** tức như lai không gọi theo người khác mà gọi theo trường hợp người khác gọi **tevijjo** (người có tam minh).

Giải thích: Như Lai gọi là Bậc tự mình Biết rõ ràng rồi dạy lại Tam Minh với người khác rằng bậc có Tam Minh. Từ **Kalam** tức phần. Từ **Nāggghati** tức không đạt đến. Bây giờ, bà la môn tịnh tín Phật Ngôn, trước khi trình bày trạng thái của người Tịnh tín, mới nói từ chặng hạn như **Abhikkantaṃ** này.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Tikāṇṇa thứ 58



Chánh kinh Bài Kinh Saṅgāraḥa

60. Saṅgāraḥa

Rồi có Bà-la-môn Saṅgāraḥa đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ, nói lên những lời chào đón thăm hỏi thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Saṅgāraḥa bạch Thế Tôn: -Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi làm lễ tế đàn và khuyên các người khác làm lễ tế đàn. Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, ai làm lễ tế đàn và ai khuyên các người khác làm lễ tế đàn, tất cả đều thực hành con đường đưa đến công đức cho nhiều người, tức là kết quả của tế đàn. Thưa Tôn giả Gotama, ai xuất gia, từ bỏ gia tộc, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chỉ nhiếp phục một tự ngã của mình, chỉ an tịnh một tự ngã của mình, chỉ làm cho một tự ngã chứng được Niết-bàn. Như vậy, người ấy

thực hành con đường đưa đến công đức chỉ có một mình, tức là kết quả của sự xuất gia.

- Vậy này Bà-la-môn, ở đây, Ta sẽ hỏi Ông. Ông kham nhẫn như thế nào, hãy như vậy trả lời. Ông nghĩ như thế nào, này Bà-la-môn, ở đây, Thế Tôn xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiên Tuệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Vị ấy nói như sau: “Đây là con đường, đây là đạo lộ, nhờ thực hành con đường này, Ta đã thể nhập vô thượng Phạm hạnh, tự mình với thắng trí, chứng đạt, an trú và tuyên thuyết. Các người hãy đến! Hãy như vậy thực hành! Các người sẽ thể nhập vô thượng Phạm hạnh, tự mình với thắng trí, chứng đạt và an trú.” Như vậy, vị Đạo sư này thuyết pháp, và các người khác như thật hành trì.

Số người như vậy là hàng trăm, hàng ngàn, hàng trăm ngàn. Ông nghĩ thế nào, này Bà-la-môn, sự việc là như vậy, thời con đường đưa đến công đức này ảnh hưởng chỉ đến một người hay ảnh hưởng đến nhiều người, tức là kết quả của sự xuất gia?”

- Sự việc này là như vậy, thưa Tôn giả Gotama, con đường đưa đến công đức này là ảnh hưởng đến nhiều người, tức là kết quả của sự xuất gia.

Được nghe nói như vậy, Tôn giả Ananda nói với Bà-la-môn Sangārava: - Trong hai con đường, này Bà-la-môn, con đường nào, Ông có thể kham nhẫn là giản dị hơn, ít khó chịu hơn, kết quả lớn hơn và lợi ích hơn?”

Được nói như vậy, Bà-la-môn Sangārava nói với Tôn giả Ananda: - Như Tôn giả Gotama và Tôn giả Ananda, cả hai đối với tôi là đáng kính lễ và đáng tán thán.

Lần thứ hai, Tôn giả Ananda nói với Bà-la-môn Sangāra:va:

- Nay Bà-la-môn, Ta không hỏi Ông như vậy: “Những ai là đáng đánh lễ, hay những ai là đáng tán thán?” Nay Bà-la-môn, như thế này Ta hỏi Ông: “Này Bà-la-môn, trong hai con đường này, con đường nào Ông có thể kham nhẫn là giản dị hơn, ít khó chịu hơn, kết quả lớn hơn, lợi ích lớn hơn?”

Lần thứ hai, Bà-la-môn Sangāra:va nói với Tôn giả Ananda:

- Như Tôn giả Gotama và Tôn giả Ananda, cả hai đối với tôi là đáng đánh lễ và đáng tán thán.

Lần thứ ba, Tôn giả Ananda nói với Bà-la-môn Sangāra:va:

- Nay Bà-la-môn, Ta không hỏi Ông như vậy: “Những ai là đáng kính lễ, hay những ai là đáng tán thán?” Nay Bà-la-môn, như thế này Ta hỏi Ông: “Này Bà-la-môn, trong hai con đường này, con đường nào Ông có thể kham nhẫn là giản dị hơn, ít khó chịu hơn, kết quả lớn hơn, lợi ích lớn hơn?”

Lần thứ ba, Bà-la-môn Sangāra:va nói với Tôn giả Ananda:

- Như Tôn giả Gotama và Tôn giả Ananda, cả hai đối với tôi là đáng kính lễ và đáng tán thán.

Rồi Thế Tôn suy nghĩ như sau: “Cho đến lần thứ ba, Bà-la-môn Sangāra:va, được hỏi một câu đúng pháp lại tránh né, không trả lời. Vậy Ta hãy giải tỏa việc này.”

Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Sangāra:va: - Nay Bà-la-môn, câu chuyện gì đã khởi lên hôm nay trong cung điện Nhà Vua, khi hội chúng nhà vua ngồi tụ họp lại?

- Thừa Tôn giả Gotama, hôm nay, trong cung điện nhà vua, câu chuyện như sau đã khởi lên, khi hội chúng nhà vua ngồi tụ

họp lại: “Thuở xưa, các Tỷ-kheo ít hơn, nhưng nhiều hơn là các pháp thượng nhân, các thần thông thần biến được thị hiện. Ngày nay, các Tỷ-kheo nhiều hơn, nhưng ít hơn là các pháp thượng nhân, các thần thông thần biến được thị hiện.” Thưa Tôn giả Gotama, đây là câu chuyện đã khởi lên hôm nay trong cung điện nhà vua, khi hội chúng nhà vua ngồi tụ họp lại.

Này Bà-la-môn, có ba loại thần thông. Thế nào là ba? Thần thông biến hóa, thần thông kỹ thuật, thần thông giáo hóa, và Bà-la-môn, thế nào là thần thông biến hóa?

Ở đây, này Bà-la-môn, có người chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân, hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách qua tường, qua núi như đi ngang qua hư không, độn thổ, trời lên ngang qua đất liền như ở trong nước, đi trên nước, không nứt rã ra như trên đất liền, ngồi kiết già, đi trên hư không như con chim, với bàn tay, chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy, có thể tự thân bay đến cõi Phạm Thiên.

Và này Bà-la-môn, thế nào là thần thông kỹ thuật?

Ở đây, này Bà-la-môn, có người nói lên nhờ tướng: “Như vậy là ý của Ông, như thế này là ý của Ông, như thế này là tà tâm của Ông.” Nếu vị ấy nói lên có nhiều, cũng chỉ là như vậy, không có gì khác.

Ở đây, này Bà-la-môn, có người nói lên không nhờ tướng, nhưng nghe tiếng của loài người hay của phi nhân, hay của Chư Thiên, liền nói lên: “Như vậy là ý của Ông, như thế này là ý của Ông, như thế này là tà tâm của Ông.” Nếu vị ấy nói lên nhiều, cũng chỉ là như vậy, không có gì khác.

Ở đây, này Bà-la-môn, có người nói lên không nhờ tướng, cũng không nhờ nghe tiếng của loài người hay của phi nhân, hay của Chư Thiên, nhưng sau khi nghe được tiếng trình bày rõ ràng và có suy tư; sau khi suy tầm và suy tư liền nói lên: “Như vậy là ý của Ông, như thế này là ý của Ông, như thế này là tâm của Ông.” Nếu vị ấy nói lên có nhiều, cũng chỉ là như vậy, không có gì khác.

Ở đây, này Bà-la-môn, có người không nói lên nhờ tướng, không nói lên nhờ nghe tiếng của loài người hay của phi nhân, hay của Chư Thiên, không nói lên sau khi nghe được tiếng trình bày rõ ràng và có suy tư, sau khi suy tầm và suy tư. Những thành tựu định không tầm không tứ, với tâm của mình biết rõ tâm của người khác tùy theo hành ý của vị Tôn giả này hướng đến chỗ nào, thời tâm của vị này lập tức suy tầm đến chỗ ấy. Nếu vị ấy nói lên có nhiều, cũng chỉ là như vậy, không có gì khác. Này Bà-la-môn, đây gọi là thần thông ký thuyết.

Và như thế nào, này Bà-la-môn, là thần thông giáo hóa? Ở đây, này Bà-la-môn, có người giáo giới như sau: “Hãy suy nghĩ như thế này, chớ suy nghĩ như vậy! Hãy tác ý như thế này, chớ tác ý như vậy! Hãy từ bỏ cái này! Hãy đạt đến cái này và an trú!” Này Bà-la-môn, đây gọi là thần thông giáo hóa. Này Bà-la-môn, có ba loại thần thông này.

Trong ba loại thần thông này, Ông có thể chấp nhận loại thần thông nào là hy hữu hơn, thù diệu hơn?

- Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, loại thần thông này: Ở đây có người chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân, hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách qua tường, qua núi như đi ngang qua hư không, độn

thổ, trôi lên ngang qua đất liền như ở trong nước, đi trên nước, không nứt rã ra như trên đất liền, ngồi kiết già, đi trên hư không như con chim, với bàn tay, chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy, có thể tự thân bay đến cõi Phạm Thiên. Loại thần thông này, thưa Tôn giả Gotama, ai làm loại thần thông ấy, người ấy tự kinh nghiệm lấy. Ai làm thần thông ấy, tự mình có được thần thông ấy. Loại thần thông này, đối với tôi, được xem tánh chất như là huyền hóa.

Còn loại thần thông này, thưa Tôn giả Gotama: Ở đây có người nói lên nhờ tướng: "Như vậy là ý của Ông, như thế này là ý của Ông, như thế này là tâm của Ông." Nếu vị ấy nói lên có nhiều, cũng chỉ là như vậy, không có gì khác. Có người nói lên không nhờ tướng, nhưng nghe tiếng của loài người hay của phi nhân, hay của Chư Thiên, liền nói lên: "Như vậy là ý của Ông, như thế này là ý của Ông, như thế này là tâm của Ông." Nếu vị ấy nói lên nhiều, cũng chỉ là như vậy, không có gì khác.

Có người nói lên không nhờ tướng, cũng không nhờ nghe tiếng của loài người hay của phi nhân, hay của Chư Thiên, nhưng sau khi nghe được tiếng trình bày rõ ràng và có suy tư; sau khi suy tầm và suy tư liền nói lên: "Như vậy là ý của Ông, như thế này là ý của Ông, như thế này là tâm của Ông." Nếu vị ấy nói lên có nhiều, cũng chỉ là như vậy, không có gì khác. Có người không nói lên nhờ tướng, không nói lên nhờ nghe tiếng của loài người hay của phi nhân, hay của Chư Thiên, không nói lên sau khi nghe được tiếng trình bày rõ ràng và có suy tư, sau khi suy tầm và suy tư. Những thành tựu định không tầm không tứ, với tâm của mình biết rõ tâm của người khác tùy theo hành ý của vị Tôn giả này hướng đến chỗ nào, thời tâm của vị này lập tức suy tầm đến chỗ

ấy. Nếu vị ấy nói lên có nhiều, cũng chỉ là như vậy, không có gì khác. Loại thần thông này, thưa Tôn giả Gotama, ai làm loại thần thông ấy, người ấy tự kinh nghiệm lấy. Ai làm thần thông ấy, tự mình có được thần thông ấy. Loại thần thông này, đối với tôi, được xem tánh chất như là huyền hóa.

Còn loại thần thông này, thưa Tôn giả Gotama: Ở đây có người giáo giới như sau: "Hãy suy nghĩ như thế này, chớ suy nghĩ như vậy! Hãy tác ý như thế này, chớ tác ý như vậy! Hãy từ bỏ cái này! Hãy đạt đến cái này và an trú." Loại thần thông này, thưa Tôn giả Gotama, tôi có thể chấp nhận là hy hữu hơn và thù diệu hơn trong ba loại thần thông.

Thật là vi diệu, thưa Tôn giả Gotama! Thật là hy hữu, thưa Tôn giả Gotama! Vấn đề này được Tôn giả Gotama khéo nói như vậy, Chúng tôi thọ trì rằng Tôn giả Gotama có thành tựu cả ba loại thần thông này. Thật vậy, Tôn giả Gotama có thể chứng được nhiều loại thần thông ... Thật vậy, Tôn giả Gotama thành tựu được định không tầm không tứ, với tâm của mình rõ biết tâm của người khác, tùy theo ý hành của vị Tôn giả này hướng đến chỗ nào, thời tâm của vị này lập tức suy tầm đến chỗ ấy. Thật vậy, Tôn giả Gotama giáo giới như sau: "Hãy suy nghĩ như thế này, chớ suy nghĩ như vậy! Hãy tác ý như vậy, chớ tác ý như vậy! Hãy từ bỏ cái này, hãy đạt đến cái này và an trú!"

Thật vậy, này Bà-la-môn, lời nói của Ông trước như là chống ta, sau xích lại gần ta. Và Ta sẽ trả lời cho Ông. Này Bà-la-môn, Ta chứng được nhiều loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân... Này Bà-la-môn, ta thành tựu được định không tầm không tứ, với tâm của mình rõ biết tâm của người khác, tùy theo ý hành của Ta hướng đến chỗ nào, thời tâm của Ta lập tức suy

tầm đến chỗ ấy. Nay Bà-la-môn, Ta có thể giáo giới như sau: “Hãy suy nghĩ như thế này, chớ suy nghĩ như vậy. Hãy tác ý như vậy, chớ tác ý như vậy! Hãy từ bỏ cái này, hãy đạt được cái này và an trú!”

- Thưa Tôn giả Gotama, có một Tỷ-kheo nào khác, cũng thành tựu được ba loại thần thông này, ngoài Tôn giả Gotama?

- Nay Bà-la-môn, không phải chỉ có một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm mà còn nhiều hơn nữa các Tỷ-kheo thành tựu được ba loại thần thông này.

- Nhưng thưa Tôn giả Gotama, nay các Tỷ-kheo ấy hiện ở đâu?

- Nay Bà-la-môn, trong chúng Tỷ-kheo này.

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng những gì bị quăng ngã xuống, hay trình bày cái gì bị che kín, hay chỉ đường cho người bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện thuyết giảng. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Sớ Giải Bài Kinh Saṅgārava

(AtthakathāSaṅgāravaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Saṅgārava thứ 60 như sau:

Từ **Saṅgāro** tức Bà la môn trông coi người làm trùng tu đồ vật cũ trong thành **Rājagaha** có tên như vậy. Từ **Upasaṅkami** tức Bà la môn nhận lãnh Bồ thí vật thực buổi sáng có đại chúng vây quanh đi vào diện kiến Đức Thế Tôn. Từ **Assu** trong từ **Mayamassu** này chỉ là bất biến từ (**Nipāta**) là từ trình bày sự việc rằng: “Bạch ngài **Gotama**, chúng con là Bà la môn.” Cụm từ **Yaññaṃ yajāma** tức nổi danh cúng tế cùng việc giết thú vật như vậy: Nhóm 4 con, nhóm 8 con, nhóm 16 con, nhóm 32 con, nhóm 64 con, nhóm 100 con và nhóm 500 con..., hiện có trong Chủ thuyết bên ngoài (Phật giáo). Đức Thế Tôn thuyết ám chỉ đến cúng tế đó. Từ **Anekaśāṅrikaṃ** tức liên quan đến nhiều người, từ **Yadidaṃ** bằng với **Yāesā** cái nào là.

Từ **Yaññādhikaraṇaṃ** tức có sự cúng dường tế lễ là Nhân và việc sai bảo người khác cúng dường là nhân. Thật vậy điều thực hành liên quan đến Phước (**Puññāpaṭipadā**) trong vật thí thuần nhất mà người tự mình cho hay sai bảo người khác cho với số lượng nhiều người đủ trong nhiều loại vật thí mà người tự mình cho hay sai bảo người cho với số lượng nhiều người, gọi là thực hành liên quan đến nhiều người.

Từ này Đức Thế Tôn thuyết ám chỉ đến thực hành liên quan đến Phước, và việc thực hành liên quan đến Phước của người nói rằng: “Tôi cúng dường Ngài, Tôi cúng dường Ngài” hay sai bảo người khác rằng: “Hãy cúng dường Ngài, hãy cúng dường Ngài,” gọi là thực hành liên quan đến nhiều nhóm người như nhau, lời này Đức Thế Tôn thuyết ám chỉ ngay cả việc thực hành liên quan đến Phước đó.

Cụm từ **Yassa vā tassavā** bằng với **Yassa vā tassa vā** tức từ dòng giống nào đi nữa. Cụm từ **Ekamattānaṃ dameti** tức một

người phòng hộ mình bằng khả năng của việc phòng hộ Quyền của mình. Cụm từ **Ekamattānaṃ sameti** tức một người làm cho mình vắng lặng bằng sự vắng lặng Tham ái..., của mình. Từ **Parinibbāpeti** tức viên tịch Niết-bàn bằng sự diệt hẳn Tham ái... Từ **Evamassāyaṃ** tức khi được như vậy thì vấn đề xuất gia này cũng bằng với việc thực hành liên quan đến Phước này.

Bậc Đạo Sư nghe lời lẽ của vị Bà-la-môn rồi Ngài suy nghĩ rằng: “Bà-la-môn này đề cập đến Đại cúng tế kết hợp với việc sát sanh rằng việc thực hành Phước liên quan đến nhiều nhóm người, nhưng đề cập đến sự thực hành là nhân làm phát sanh Phước như xuất gia là nền tảng, là thực hành Phước liên quan đến chỉ một người thì Bà-la-môn này không biết thực hành liên quan đến chỉ một người, không biết thực hành liên quan đến số lượng nhiều người (bằng trò rượt đuổi), ta sẽ Thuyết thực hành liên quan đến chỉ một người lẫn liên quan đến số lượng nhiều người với y.” Trước khi Ngài thuyết Pháp giải rộng thêm ra nữa, mới thuyết rằng: **Tenahi brahmaṇa** này.

Tất cả nhóm từ đó, thì cụm từ **Yathā te khameyya** tức Ngài hài lòng như thế nào? Cụm từ **Idha tathā gato loke uppajjati** được giải thích chi tiết trong bộ Thanh Tịnh Đạo. Cụm từ **Ethāyaṃ maggo** tức tất cả các vị hãy đến Như Lai sẽ giảng dạy đây là Con đường. Cụm từ **Ayaṃ paṭipadā** này là đồng nghĩa của từ **Maggo**.

Cụm từ **Yathā paṭipanno** tức tiến hành đi bằng đạo nào. Cụm từ **Anuttaraṃ brahmacariyogadham** nghĩa là Pháp đạt đến rốt ráo không có Pháp nào khác vượt trội hơn tức Niết-bàn là nơi nương tựa tốt cùng của Phạm Hạnh tức A La Hán đạo. Từ **Iccāyaṃ** phân từ ra thành **Iti ayaṃ**. Từ **Appatthatarā** tức thực hành không cần phải trợ giúp hoặc không cần phải dùng nhiều số lượng dụng

cụ. Từ **Appasamārambhatarā** tức không thực hành để có sự so sánh hoàn hảo, nghĩa là đè nén (lấn áp) bằng cách làm cản trở nghiệp (tốt) của phần đông người.

Cụm từ **seyyathāpi bhavaṃ gotamo bhavañca anando ete me pujjā** nghĩa là Bà-la-môn nói lời đó, ám chỉ đến điều này, như: người như ngài **Gotama** và ngài **Ānanda** là người mà tôi (đáng) cúng dường, tức cả hai vị là người mà tôi đáng cúng dường, tán thán. Được nghe rằng Bà-la-môn đó có suy nghĩ như vậy: trưởng lão **Ānanda** muốn cho ta trả lời câu hỏi này nhưng khi ta nói lời tán thán đức tánh của mình thì người sẽ không có sự không hài lòng.

Do đó, Bà-la-môn khi không có ý định trả lời câu hỏi, mới nói như vậy để lệch đi bằng khả năng của việc nói lời tán thán. Cụm từ **na khotyākaṃ** phân từ **na** thành **na kho te ahaṃ**. Được nghe rằng ngay cả Trưởng lão cũng suy nghĩ: ‘Bà-la-môn này không có ý định sẽ trả lời câu hỏi mới kiếm chuyện, ta sẽ làm cho Bà-la-môn này trả lời câu hỏi này cho bằng được’, cho nên Ngài mới nói như vậy với Bà-la-môn đó. Từ **Sahadhammikaṃ** dịch là có Nhân, từ **Samsādeti** tức Khiếp đảm. Cụm từ **No visajjeti** tức sẽ không trả lời. Cụm từ **Yannūnāhaṃ parimocayaṃ** tức đừng như thế đó, ta sẽ đỡ đàn cho hai người thoát khỏi sự khổ tâm.

Bởi vì Bà-la-môn khi không trả lời câu hỏi mà Ngài **Ānanda** hỏi thì thường khổ tâm, về phần Ngài **Ānanda** trước khi làm cho Bà-la-môn không trả lời phải trả lời cho bằng được cũng khổ tâm. Do đó, Đức Thế Tôn suy nghĩ rằng: “Ta sẽ đỡ đàn cho cả hai người này lìa khỏi khổ tâm mới thuyết như vậy. Từ **Kānuvajja** phân từ ra thành **Kā nu ajja**, từ **Antarākathā udapādi** tức Đức Thế Tôn hỏi rằng trong giai đoạn đối thoại với nhau dẫn đến những vấn đề

khác, như vấn đề gì khởi lên? Bạc Đạo Sư thuyết như vậy bởi có ý định. Được nghe rằng khi đó trong Hoàng cung có 3 bài Kệ nhắc đến điều vi diệu phi thường khởi lên, ta sẽ hỏi về ý nghĩa đó.

Tuần tự sau đó Bà-la-môn suy nghĩ rằng: ‘Bây giờ ta có thể sẽ nói được trước khi bạch hỏi sự việc khởi lên trong Hoàng cung, mới nói lời rằng: **Ayaṃ khvajja bho Gotama** tất cả nhóm từ đó thì Cụm từ **Ayaṃ khvajja** phân từ ra thành **Ayaṃ kho ajja**.

Từ **Sudam** trong cụm từ **Pubbe sudam** chỉ là bất biến từ (**Nipāta**). Từ **Uttarimanussadhammā** tức pháp Nhân loại cao thượng, nghĩa là Thập thiện nghiệp đạo (**Kusala kammapatha**). Bằng cụm từ **Iddhipāṭihāriyaṃ dassetuṃ** Bà-la-môn nói ám chỉ đến việc bay lên đi trên hư không đã diễn tiến trong thời kỳ trước, tức các vị Tỳ khuru khi đi khát thực cả đi lẫn về sẽ bay đi bằng đường hư không. Bằng cụm từ **Etarahi pana bahutarā ca Bhikkhu** này Bà-la-môn nói như vậy theo chủ thuyết rằng: Khi trước tất cả Tỳ khuru có lẽ suy nghĩ rằng: Bọn ta sẽ làm cho Tứ vật dụng phát sanh lên mới hành động như vậy, nhưng giờ đây biết rằng tứ vật dụng đã phát sanh mới bỏ mặc cho thời gian trôi qua bằng Si và sự Dể dôi.

Từ **Paṭihāriyāni** tức sự kỳ diệu bằng cách loại trừ chủ thuyết chống đối, từ **Iddhipāṭihariyaṃ** nghĩa là Vi Diệu bằng năng lực khai triển thần thông gọi là Thần thông kỳ diệu (**Iddhipaṭihāriya**). Ngay cả điều vi diệu ngoài ra đây cũng có Lý này như nhau.

Giải thích về 8 loại Minh như Thần thông khác nhau, phương cách của việc phát triển (8 loại Minh) cho chi tiết đã có trong bộ Thanh Tịnh đạo. Cụm từ **Nimittena ādisati** tức tiên đoán rằng điều này sẽ có bởi hiện tượng xảy đến, bởi hiện tượng đã trôi qua hoặc bởi hiện tượng vẫn đang còn. Trong điều này có Câu chuyện như

sau: Tương truyền rằng một Đức vua cầm 3 viên ngọc Trai rồi hỏi Quan tế tự (**Purohita**) rằng: “Này khanh cái gì ở trong tay của ta?” Quan tế tự mới xem xét phía này phía nọ và lúc đó có 1 con cắc kè chạy đi bằng chủ tâm sẽ bắt con ruồi, trong lúc bắt, con ruồi bay thoát được. Y mới tâu rằng: “Tâu đại vương, ngọc trai vì sự kiện (đoán hiện tượng) con ruồi bay (trốn) thoát khỏi được.” Đức vua hỏi tiếp tục rằng: “Đúng là ngọc trai, nhưng có bao nhiêu viên?” Quan tế tự xem xét hiện tượng nữa, lúc đó con gà gáy lên 3 lần nơi không xa. Quan tế tự tâu rằng: “Tâu đại vương, có 3 viên.” Một số người tiên đoán hiện tượng như đã giải thích trên. Ngay cả hiện tượng đã trôi qua và vẫn đang còn cũng nên hiểu việc đoán hiện tượng theo cách thức này.

Cụm từ **Evampi te mano** tức tâm của Ngài như vậy, tức vào thọ Hỷ, nương vào thọ Ưu hoặc kết hợp với Dục tâm... Cụm từ thứ 2 (**Itthampi te mano**) là đồng nghĩa với cụm từ **Evampi te mano**. Cụm từ **Itipi te cittam** tức tâm của Ngài sinh diễn bởi trường hợp này.

Giải thích: Ngài đang suy nghĩ đến sự việc này và điều này..., tâm đã diễn biến. Cụm từ **Bahuñcepi ādisati** tức nếu như Y sẽ dự đoán cho dù nhiều. Cụm từ **Tatheva tam hoti** tức (vấn đề khác nữa) sẽ trở thành giống như chính việc tiên đoán đó. Từ **Amanussānam** tức Phi nhân như Dạ xoa và **Atula** (yêu tinh) ... Từ **Devatānam** tức tất cả Chư thiên, như Chư thiên tăng Tứ Đại Thiên vương... Cụm từ **Saddam sutvā** tức nghe được tiếng của Y đang nói mới tiên tri bởi vì biết tâm của người khác.

Từ **Vitakkavicārasaddam** tức tiếng nói của người ngủ và dễ duôi..., thì ảo tưởng đến đều khởi hiện do khả năng của tâm và tứ, từ **Sutvā** tức nghe được tiếng đó, nghĩa là tiên đoán tiếng khởi hiện

lên bằng mãnh lực của cánh mà Y đang nghĩ đó rằng: Tâm của Ngài là như vậy.

Trong điều đó có câu chuyện như sau:

Tương truyền rằng, một người con trai suy nghĩ rằng: “Ta sẽ đi giải quyết vụ kiện,” liền ra khỏi nhà đi đến thành phố, kể từ nơi ra khỏi lên đường đi thì suy nghĩ miên man rằng: “Trong tòa án ta sẽ làm điều này, sẽ nói lời này với Đức vua, quan đại thần giống như đi đến Hoàng tộc, đứng đối mặt với Đức vua và giống như đang làm việc với Thẩm phán.” Một người đàn ông nghe được tiếng của Y mới thét lên bằng năng lực của tâm và tứ: “Ngài sẽ đi với công việc nào?” Y đáp rằng sẽ đi giải quyết vụ kiện, người đàn ông đó mới nói rằng: “Đi thôi! Ngài sẽ thắng kiện.” Y đi giải quyết vụ kiện đạt được thắng lợi.

Ngay cả một vị nữ, Trưởng lão dân xứ **Poliyagāma** đi vào khát thực trong làng, lúc đó một đứa bé gái để tâm đi nơi khác nên không nhìn thấy Ngài bước đi. Ngài đứng nơi cổng làng rồi ra đi trở lại trông thấy bé gái đó rồi bước đi suy nghĩ và khi bước đi thì nói rằng: “Cháu làm gì vậy mà không nhìn thấy ta?” Một người con trai đứng kế bên nghe được thì nói rằng: “Bạch ngài, thỉnh Ngài đi vào làng **Poliyagāma** đi!” Cụm từ **Manosaṅkhārā paṇihitā** tức tâm hành Khéo tác ý, từ **Vitakkessati** tức biết rõ rằng sẽ suy nghĩ, nghĩa là làm cho tâm diển tiến.

Khi y đang biết rõ gọi là luôn biết rõ bởi chính hiện tượng xảy đến đó. Biết được bởi hiện tượng là phần khởi đầu, biết được bằng cách nâng tâm lên bên trong bằng Định chứng (**Samāpatti**). Trong lúc Chuẩn bị chú niệm đề mục Hoàn tịnh thì vị Tỳ khuru biết rằng: Hành giả này hướng đến Tu tiên đề mục Hoàn tịnh (**Kasiṇa**) bằng trạng thái nào sẽ đạt đến Sơ thiên... Tứ thiên hoặc 8 Định

chúng, cho khởi hiện với trạng thái đó gọi là biết bởi hiện tượng sẽ xảy đến.

Khi hướng đến Chỉ Tĩnh - Minh Quán (**samatha vipassanā**) thì khuru biết rằng hành giả này hướng đến minh quán bằng trạng thái nào sẽ đạt được nhập lưu đạo..., hoặc A La Hán đạo cho khởi hiện bằng trạng thái đó gọi là biết hiện tượng bằng (giai đoạn) phần khởi đầu. Tỷ khuru biết rằng ý hành của hành giả này khéo tác ý, y sẽ suy xét tâm ‘tên này’ theo tuần tự của tâm ‘tên này’ bằng trạng thái nào, định của hành giả này lia khỏi định chứng thuộc về phần thuận thối phần (**hānabhāgiya**), thuộc về phần thuận trụ phần (**thitibhāgiya**), thuộc về phần thuận thắng tấn phần (**visesabhāgiya**) hoặc quyết trạch phần (**nibbedha bhāgiya**) sẽ có hoặc thật cho sáng tỏ bằng thần thông (**abhiññā**) sẽ khởi hiện với họ bằng trạng thái đó gọi là biết bằng cách suy xét tâm bên trong của thiền chứng.

Tất cả nhóm từ đó, phạm nhân đắc tha tâm thông (**cetopariyañña**) biết được tâm của phạm nhân khác như nhau, nhưng không biết được tâm của bậc thánh, cho dù trong tất cả bậc thánh thì bậc thánh thấp không biết được tâm của bậc thánh cao, nhưng bậc thánh cao biết được tâm của bậc thánh thấp. Lại nữa, tất cả bậc thánh này thì bậc Nhập Lưu nhập Thiền quả của bậc Nhập Lưu, bậc Nhất Lai..., bậc Bất Lai..., bậc A La Hán nhập Thiền quả của bậc A La Hán, bậc Thánh cao sẽ không Nhập định của bậc Thánh thấp.

Cụm từ **Tattheva tam hoti** nghĩa là chính lời tiên đoán đó thuần nhất là như vậy, bởi vì lời tiên đoán đó Ngài biết bằng mãnh lực của Tha tâm thông, gọi là sẽ không trở thành khác đi (tức không sai lệch). Cụm từ **Evam vitakketha** nghĩa là tất cả các vị hãy suy

xét về Ly dục (**Nekkhammavitakka**)..., tiến hành như vậy. Cụm từ **Mā evaṃ vitakkayittha** tức tất cả người dùng suy nghĩ làm cho Dục tầm (**Kāmavitakka**)..., diễn tiến. Cụm từ **Evaṃ manasikarotha** tức là các người hãy Tác ý đến Vô thường tướng (**Aniccasaññā**) hoặc Tướng loại khác trong tất cả Khổ tướng... Cụm từ **Mā evaṃ** tức các người chớ Tác ý theo cách..., như Thường... Từ **Idaṃ** tức các người hãy từ bỏ Dục vọng trong Ngũ dục. Cụm từ **Idaṃ pana upasampajja** nghĩa là tất cả các Vị hãy Giác ngộ chứng đắc Pháp Siêu Thế, phân loại ra thành 4 Đạo - 4 Quả cho hoàn thành.

Cụm từ **Māyāsahadhammarūpaṃ viya khāyati** nghĩa là thường hiện bày như Sắc sanh lên từ Nhân tương ứng với sự Xảo trá. Người biểu diễn ảo thuật thường biểu diễn ảo thuật được nhiều cách như lấy nước cho làm thành dầu ăn cũng được, lấy dầu ăn cho trở thành nước cũng được..., thì điều kỳ diệu cũng làm theo kiểu giống như vậy. Bà la môn nói rằng: “Bạch sa môn **Gotama**, ngay cả điều kỳ diệu này hiện bày đối với con giống như trò chơi ảo thuật (ám chỉ sự việc kỳ diệu tương tự như chú thuật điều luyện (**Vijjācintāmaṇī manta**), bởi vì người biết được Chú thuật điều luyện này thấy người đang bước chân đến thì biết rằng người này bước đi suy nghĩ về vấn đề nà...”. Lại nữa, thường biết rằng người này đứng suy nghĩ về vấn đề tên này, ngồi suy nghĩ về vấn đề tên này, nằm suy nghĩ về vấn đề tên này v.v...

Từ **Abhikkantataraṃ** tức tốt hơn. Từ **Paṇīta taraṃ** tức cao hơn. Trong cụm từ **Bhavañhi Gotamo avitakkaṃ avicāraṃ** này Bà la môn không bám giữ điều kỳ diệu còn lại thuộc Chủ thuyết bên ngoài (Phật giáo). Bà la môn đó trước khi nói lời tán thán Đức Như Lai mới nói ra tất cả sự việc này. Từ **Addhā kho tyāhaṃ** tức lời nói này Ngài nói chuẩn xác tuyệt đối thật. Cụm từ **Āsajja**

upaniyya vācā bhāsītā nghĩa là lời nói mà Ngài nói đề cập đến ta Ngài nói chuẩn xác. Cụm từ **Apica tyāhaṃ byākarissāmi** tức cả ta nữa sẽ tiên đoán cho Ngài. Từ còn lại có ý nghĩa nông cạn cả.

Kết Thúc Sớ Giải Saṅgāraṇa thứ 60

Kết Thúc Diễn Giảng Phẩm Bà-la-môn thứ 10



VII. Phẩm Lớn

Chánh kinh Bài Kinh Chủ Thuyết Của du sĩ Ngoại Đạo

61.- Sớ y xứ

1.- Nay các Tỷ-kheo, có ba y xứ này của ngoại đạo, đều có bị các bậc Hiền giả cật vấn, nạn vấn lý do, thảo luận, vẫn kiên trì trong quan điểm truyền thống về vô vi (không hành động). Thế nào là ba?

Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn thuyết như sau, chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì về con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do nhân nghiệp quá khứ." Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, thuyết như sau, chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì về con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do nhân một tạo hóa tạo ra." Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, hay Bà-la-môn, thuyết pháp như sau, chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì về con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do không nhân, không duyên."

2.- Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn, thuyết như sau, chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì về con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do nhân nghiệp quá khứ." Đối với các vị ấy, Ta đến và nói: "Chư Tôn giả, có thật chẳng, Chư Tôn giả có thuyết như sau, chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì về con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do nhân nghiệp quá khứ?"

Được Ta hỏi vậy, họ trả lời: "Thưa phải, có như vậy."

Ta nói với họ như sau: "Như vậy, thời theo các Tôn giả, do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người sát sanh; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người lấy của không cho; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người không Phạm hạnh; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người nói láo; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người nói hai lưỡi; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người ác khẩu; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người nói lời phù phiếm; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người tham lam; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người tâm sân; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người theo tà kiến." Nhưng này các Tỷ-kheo, với những ai trở lại dựa vào nghiệp quá khứ là do kiên thực, với những người ấy sẽ không có ước muốn, không có tinh tấn, không có "Đây là việc phải làm," hay "Đây là việc không nên làm." Như vậy, sự cần thiết cần phải làm hay không cần phải làm không được tìm thấy là chân thực, là đáng tin cậy, thời danh từ Sa-môn không thể áp dụng đúng pháp cho các Ông được, vì các Ông sống thất niệm và với các căn không hộ trì. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là sự chỉ trích đúng pháp thứ nhất của ta đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn có thuyết như vậy, có chấp kiến như vậy.

3.- Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn, thuyết như sau, chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì về con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do nhân một tạo hóa tạo ra." Đối với các vị ấy, Ta đến và nói: "Chư Tôn giả, có thật chẳng, Chư Tôn giả có thuyết như sau: "Phàm có cảm giác gì về con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do nhân một tạo hóa tạo ra?"

Được Ta hỏi vậy, họ trả lời: “Thưa phải, có như vậy.”

Ta nói với họ như sau: “Như vậy, thời theo các Tôn giả, do nhân một vị tạo hóa tạo ra, sẽ trở thành người sát sanh ... Do nhân một vị tạo hóa tạo ra, sẽ trở thành người theo tà kiến.” Nhưng này các Tỷ-kheo, với những ai trở lại dựa vào vị tạo hóa tạo ra là lý do kiên thực, với những người ấy sẽ không có ước muốn, không có tinh tấn, không có “Đây là việc phải làm,” hay “Đây là việc không nên làm.” Như vậy, sự cần thiết cần phải làm hay không cần phải làm không được tìm thấy là chân thực, là đáng tin cậy, thời danh từ Sa-môn không thể áp dụng đúng pháp cho các Ông được, vì các Ông sống thất niệm và với các căn không hộ trì. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là sự chỉ trích đúng pháp thứ hai của ta đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn có thuyết như vậy, có chấp kiến như vậy.

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn, thuyết như sau, chấp kiến như sau: “Phàm có cảm giác gì về con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do không nhân không duyên.” Đối với các vị ấy, Ta đến và nói: “Chư Tôn giả, có thật chăng, Chư Tôn giả có thuyết như sau chấp kiến như sau: “Phàm có cảm giác gì về con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do không nhân không duyên?”

Được Ta hỏi vậy, họ trả lời: “Thưa phải, có như vậy.”

Ta nói với họ như sau: “Như vậy, thời theo các Tôn giả, do không nhân không duyên, sẽ trở thành người sát sanh ... Do không nhân không duyên, sẽ trở thành người theo tà kiến.” Nhưng này các Tỷ-kheo, với những ai trở lại dựa vào không nhân

không duyên là lý do kiên thực, với những người ấy sẽ không có ước muốn, không có tinh tấn, không có “Đây là việc phải làm,” hay “Đây là việc không nên làm.” Như vậy, sự cần thiết cần phải làm hay không cần phải làm không được tìm thấy là chân thực, là đáng tin cậy, thời danh từ Sa-môn không thể áp dụng đúng pháp cho các Ông được, vì các Ông sống thất niệm và với các căn không hộ trì.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là sự chỉ trích đúng pháp thứ ba của ta đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn có thuyết như vậy, có chấp kiến như vậy. Này các Tỷ-kheo, đây là ba y xứ của ngoại đạo, dù có được các bậc Tôn giả cất vấn, nạn vấn lý do thảo luận, vẫn kiên trì trong quan điểm truyền thống về vô vi (không hành động).

5. -Và này các Tỷ-kheo, đây là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị ướm nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị ướm nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách?

Sáu giới này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị ướm nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Sáu xúc xứ này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị ướm nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Mười tám ý cận hành này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị ướm nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Bốn Thánh đế này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết

giảng, không bị chỉ trích, không bị ướm nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách.

6. - Sáu giới này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị ướm nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến? Này các Tỷ-kheo, có sáu giới này: địa giới, thủy giới, phong giới, hỏa giới, không giới, thức giới. Sáu giới này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị ướm nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này đã được nói đến.

7. - Có sáu xúc xứ này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị ướm nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên nào đã được nói đến? Này các Tỷ-kheo, có sáu xúc xứ này: nhãn xúc xứ, nhĩ xúc xứ, tỷ xúc xứ, thiệt xúc xứ, thân xúc xứ, ý xúc xứ. Có sáu xúc xứ này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị ướm nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này đã được nói đến.

8. - Có mười tám ý cận hành này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị ướm nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên nào đã được nói đến? Khi con mắt thấy sắc, tư tưởng hướng về và đến gần sắc, làm y xứ cho hỷ, hướng về và đến gần sắc, làm y xứ cho ưu, hướng về và đến gần sắc, làm y xứ cho xả. Khi tai nghe tiếng, tư tưởng hướng về và đến gần tiếng, làm y xứ cho hỷ, hướng về và đến gần tiếng, làm y

xứ cho ưu, hướng về và đến gần tiếng, làm y xứ cho xả. Khi mũi ngửi hương ... khi lưỡi nếm vị ... khi thân cảm xúc ... khi ý nhận thức pháp, tư tưởng hướng về và đến gần pháp, làm y xứ cho hỷ, hướng về và đến gần pháp, làm y xứ cho ưu, hướng về và đến gần pháp, làm y xứ cho xả. Có mười tám ý cận hành này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị ướm nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này đã được nói đến.

9.- Bốn thánh đế này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị ướm nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên nào đã được nói đến? Do chấp thủ sáu giới, này các Tỷ-kheo, nên có nhập thai. Do có nhập thai, nên có danh sắc. Do duyên danh sắc, nên có sáu xứ. Do duyên sáu xứ, nên có xúc. Do duyên xúc, nên có thọ. Với người có cảm thọ, này các Tỷ-kheo, Ta nêu rõ: “Đây là khổ.” Ta nêu rõ: “Đây là khổ tập”; Ta nêu rõ: “Đây là khổ diệt.” Ta nêu rõ: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

10.- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Khổ Thánh đế?

Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu bi, khổ, ưu, não là khổ. Điều mong cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ. Này các Tỷ-kheo, đây là Khổ Thánh đế.

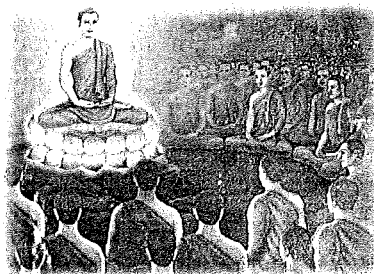
11.- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ tập? Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết,

sầu, bi, khổ, ưu não. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ tập.

12.-Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ diệt? Do vô minh diệt không có tàn dư, nên các hành diệt. Do hành diệt, nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não đều diệt. Như vậy là sự đoạn diệt toàn bộ của khổ uẩn này. Nay các Tỷ-kheo, Đây gọi là Thánh đế về Khổ diệt.

13.-Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về con đường đưa đến Khổ diệt? Đây là Thánh đạo Tám ngành, tức là Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về con đường đưa đến Khổ diệt.

Bốn Thánh đế này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không có uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này được nói đến.



Sớ Giải Đại Phẩm thứ II

AtthkathādutiyaMahāvagga)

Sớ Giải Bài Kinh Chủ Thuyết Của du sĩ Ngoại Đạo

(AtthakathāTitthāyatanaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Chủ Thuyết của du sĩ Ngoại Đạo thứ 61 của Đại Phẩm thứ II như sau:

Người được gọi là Tu Sĩ Ngoại Đạo: Nguồn gốc của nơi chốn (Āyātana) giống như bến đậu (Tittha) hoặc nguồn gốc của tất cả Tu sĩ ngoại đạo gọi là Ngoại đạo xứ (Titthāyatana) tức Chủ thuyết của Tu sĩ ngoại đạo. Trong từ Titthāyatanāni này Học viên nên biết về Chủ thuyết (Tittha), nên biết về Giáo chủ (Titthakara), nên biết Tu sĩ ngoại đạo, nên biết môn đồ của Ngoại đạo (trước). 62 Tà kiến gọi là Chủ thuyết (Laddhi). Người làm cho 62 Tà kiến khởi hiện gọi là Giáo chủ (Titthakara). Người thích thú hài lòng nhóm 62 Tà kiến đó gọi là Tu sĩ ngoại đạo. Người dâng tỳ vật dụng cho nhóm Tu sĩ ngoại đạo đó gọi là môn đồ của Tu sĩ ngoại đạo.

Từ Āyatana tức nơi chốn khởi hiện gọi là āyatana, (tựa như) trong câu xứ sở Campuchia là nơi chốn sanh ra các con ngựa, vùng nông thôn phía nam là nơi sanh ra các con bò. Nơi tụ hội gọi là xứ (Āyatana) như trong câu: Trong nơi hội tụ đáng hoan các con chim thường làm nơi đậu, đàn chim muốn được bóng mát thì cùng nhau bay đi, đàn chim muốn ăn trái cây thì cùng nhau ăn trái.

Nhân gọi là xứ trong câu như: này các tỳ khưu, có 5 loại giải thoát xứ (vimuttāyatana) nghĩa là nhân của giải thoát. Tất cả xứ đó (có ý nghĩa) dùng được trong nơi đây, bởi vì tất cả người tà kiến khi khởi hiện cũng khởi hiện trong 3 trường hợp này mà thôi, ngay

cả khi gom vào thì gom vào, hội tụ vào, rơi vào trong 3 trường hợp này như nhau.

Khi nhóm người đó tà kiến thì chính 3 nhóm nhân đó gọi là xứ, bởi vì giống như bên nước, tức nơi chốn khởi sanh ra (của tất cả chủ thuyết) vì vậy mới gọi là chủ thuyết của tu sĩ ngoại đạo (**titthāyatana**). Lại nữa, gọi là chủ thuyết của tu sĩ ngoại đạo bởi vì là nguồn gốc của tất cả tu sĩ ngoại đạo bởi chính ý nghĩa đó. Từ **samanuyuññijyamānāni** tức bị bậc hiền trí hỏi rằng: “nhóm tà kiến đó là gì?” Từ **samanuggāhiyamānāni** tức bị hỏi vặn rằng: “vì sao nhóm tà kiến đó khởi sanh?” Từ **samanubhāsiya mānāni** tức bị chỉ bảo vặn lại rằng: “Các người hãy chính đốn từ bỏ nhóm tà kiến bản thiếu đó đi!” Lại nữa, cả 3 từ này (**samauyuññijyamānāni. Samanuggāhi yamānāni. Samanubhāsiyamānāni**) là từ đồng nghĩa của việc vấn hỏi và việc hỏi giỡn nhau.

Do đó, ngài mới đề cập nêu lên trong sớ giải (**atthakathā**) rằng: từ **samauyuññjati** hay từ **samanuggāhati** hay từ **samanubhāsati** này chỉ là có một ý nghĩa như nhau, bằng nhau, có phần bằng nhau, khởi sanh từ điều đó (giống nhau) chỉ là một loại. Cụm từ **parampi gantvā** tức ngay cả việc nối tiếp của 1 loại nào trong cả 3 nhóm nối tiếp này tức sự truyền thừa đối với vị thầy (**acāriyapa ramparā**), sự truyền thừa đối với chủ thuyết (**laddhiparamparā**), sự truyền thừa đối với bản ngã (**attabhavaparamparā**). Cụm từ **akiriyāya saññahanti** tức đang duy trì trong vai trò ở mức độ thuộc Vô hành kiến (**Akiriyaditthi**).

3 loại truyền thừa (**paramparā**)

Nhóm chủ thuyết của tu sĩ ngoại đạo này đang tiến hành như vậy, tức thầy (**acāraya**) của chúng ta có chủ thuyết nghiệp tạo trong kiếp sống trước là nguyên nhân (**pubbekatavādī**); thầy của thầy

(**pācāraya**) của chúng ta thuộc chủ thuyết nghiệp tạo trong kiếp sống trước là nguyên nhân (chủ thuyết chấp thủ rằng: chấm dứt từ nghiệp cũ); tổ thầy của thầy (**ācariyapācāraya**) của chúng ta thuộc chủ thuyết nghiệp tạo trong kiếp trước là nguyên nhân (**pubbekatavādi**).

Thầy (**acāraya**) của chúng ta có chủ thuyết sự sáng tạo của thượng đế là nguyên nhân (**issaraninimmānavādi**). Thầy của thầy (**pācāraya**) thuộc chủ thuyết sự sáng tạo của thượng đế là nguyên nhân (**issaranimmānavādi**). Tổ thầy của thầy (**ācariyapācāraya**) của chúng ta cũng thuộc chủ thuyết sự sáng tạo của thượng đế là nguyên nhân (**issaranimmānavādi**). Thầy (**ācāraya**) của chúng ta là vị có chủ thuyết không có nhân không có duyên (**ahetukaapaccayavādi**). Thầy của thầy (**pācāraya**) thuộc chủ thuyết không có nhân không có duyên (**ahetukaapaccayavādi**). Tổ thầy của thầy (**ācāriya pācāraya**) của chúng ta cũng thuộc chủ thuyết không có nhân không có duyên (**ahetu kaapaccayavādi**) gọi là tiến hành theo sự truyền thừa đối với vị thầy.

Chủ thuyết của tu sĩ ngoại đạo (**titthāyatana**) tiến hành theo như vậy: Thầy của chúng ta là người có chủ thuyết nghiệp tạo trong kiếp sống trước là nguyên nhân (**pubbekataladdhipuggala**). Thầy của thầy chúng ta... tổ thầy của thầy chúng ta là người có chủ thuyết nghiệp tạo trong kiếp sống trước là nguyên nhân (**pubbekataladdhipuggala**). Thầy của chúng ta là người có chủ thuyết sự sáng tạo của thượng đế là nguyên nhân (**issaranimmānaladdhipuggala**). Thầy của thầy chúng ta... tổ thầy của thầy chúng ta là người có chủ thuyết sự sáng tạo của thượng đế là nguyên nhân (**issaranimmānaladdhipuggala**). thầy của chúng ta là người có chủ thuyết không có nhân không có duyên (**ahetukaapaccayaladdhipuggala**). Thầy của thầy chúng ta... tổ

thầy của thầy chúng ta là người có chủ thuyết không có nhân không có duyên (**ahetukaapaccayaladdhipuggala**), gọi là tiến hành theo sự truyền thừa đối với chủ thuyết.

Chủ thuyết của ngoại đạo tiến hành theo như vậy: bản ngã của thầy chúng ta có nghiệp tạo trong kiếp sống trước là nguyên nhân (**attabhāvapubbekatā**), bản ngã của thầy của thầy chúng ta... bản ngã của tổ thầy của thầy chúng ta có nghiệp tạo trong kiếp sống trước là nguyên nhân (**attabhāvapubbekata**). Bản ngã của thầy chúng ta theo sự sáng tạo của thượng đế là nguyên nhân (**attabhāvaissaranimmāna**), bản ngã của thầy của thầy chúng ta... bản ngã của tổ thầy của thầy chúng ta theo sự sáng tạo của thượng đế là nguyên nhân (**attabhāvaissaranimmāna**). Bản ngã của thầy chúng ta theo sự không có nhân không có duyên (**atthabhāvaahetukaapaccaya**), bản ngã của thầy của thầy chúng ta... bản ngã của tổ thầy của thầy chúng ta theo sự không có nhân không có duyên (**atthabhāvaahetukaapaccaya**), gọi là tiến hành theo truyền thừa bản ngã. Cũng nhóm chủ thuyết của tu sĩ ngoại đạo đó tiến hành theo cho dù có chấm dứt xa vô cùng cũng như đang duy trì trong vai trò ở mức độ nào cũng thuộc vô hành kiến (**akiriyadiṭṭhi**), người tạo tác hoặc người làm cho tạo tác của nhóm người tà kiến đó cũng không hiển lộ cho dù chỉ 1 người.

Chúng Sanh - Đàn Ông - Người

Từ **Purisapuggalo** tức Chúng sanh. Thật ra, khi Đức Thế Tôn thuyết rằng: Đàn ông cũng có, thuyết rằng Người cũng có thì cũng là thuyết (ám chi) đến chúng sanh, nhưng trong Kệ ngôn này được xếp vào Chế định, người nào hiểu được như thế nào, thì thuyết cho người đó như thế đó. Từ **Paṭisaṃvedeti** tức biết rằng Lạc thọ, khổ thọ hoặc phi khổ phi lạc thọ sanh khởi trong cơ tánh của tánh,

tức làm cho Lạc thọ (**Sukhavedanā**), khổ thọ (**Dukkavedanā**) hoặc Phi khổ phi lạc thọ (**Adukkhamasukhavedanā**) mà mình biết rõ hoặc thường Cảm thọ.

Giải Thích Chủ Thuyết Nghiệp Tạo Trong Kiếp Sống Trước Là Nguyên Nhân (**Pubbekatahetuvāda**)

Từ **Pubbekatahetu** tức do Nghiệp mà mình tạo trong kiếp sống trước là Nguyên nhân.

Giải thích: Người cảm thọ (lạc thọ, khổ thọ hoặc phi khổ phi lạc thọ) do nghiệp mà mình tạo trong kiếp sống trước làm duyên mà thôi. Bằng từ **Pubbekatahetu** này tất cả người Tà kiến phản bác thọ sanh lên từ nghiệp (**Kammavedanā**) và nghiệp sanh lên từ hành động (**Kiriyavedanā**) chỉ chấp nhận riêng biệt duy nhất thọ sanh lên từ quả (**Vipākavedanā**) mà thôi.

Nói về 8 loại bệnh... Đức Thế Tôn thuyết về 8 loại bệnh này, tức 1. Bệnh do mật (hoành hành) là căn nguyên (**Samuṭṭhāna**) 2. Bệnh do đàm là căn nguyên 3. Bệnh do gió là căn nguyên 4. Bệnh khởi sanh từ mật, đàm, gió hội tụ lại với nhau 5. Bệnh khởi sanh từ thời tiết thay đổi 6. Bệnh phát sanh từ việc vận động (thân thể) không đúng cách 7. Bệnh phát sanh do rắng sức quá 8. Bệnh phát sanh từ quả của nghiệp (**Vipākakamma**). Trong 8 loại bệnh này thì người Tà kiến phản bác 7 loại bệnh phía trên chỉ chấp nhận riêng biệt loại bệnh thứ 8.

Trong nhóm của 3 loại nghiệp mà Đức Thế Tôn thuyết tức là

1- Hiện báo nghiệp (**Diṭṭhadhamma vedanīyakamma**)

2- Sanh báo nghiệp (**Uppajjavedanīyakamma**)

3- Hậu báo nghiệp (**Aparapariyāyavedanīyakamma**) thì người Tà kiến phản bác 2 loại nghiệp (đầu) chỉ chấp nhận riêng biệt duy nhất Hậu báo nghiệp. Ngay cả trong nhóm quả của 3 loại quả mà Đức Thế Tôn thuyết, tức là:

- 1) Hiện báo quả (**Diṭṭhadhammavedanīyavipāka**)
- 2) Sanh báo quả (**Uppajjavedanīyavipāka**)
- 3) Hậu báo quả (**Aparapariyāyavedanīyavipāka**)

Thì người Tà kiến phản bác 2 loại quả đầu, chỉ chấp nhận riêng biệt duy nhất Hậu báo quả. Ngay cả trong nhóm của 4 loại Tư mà Đức Thế Tôn thuyết là:

1. Tư thiện (**Kusalacetasika**)
2. Tư bất thiện (**Akusalacetasika**)
3. Tư quả (**Vipākacetasika**)
4. Tư duy tác (**Kiriyaacetasika**)

Thì người Tà kiến phản bác 3 loại Tư, chỉ chấp nhận riêng biệt duy nhất Tư quả.

Giải thích sự sáng tạo của thượng đế là nguyên nhân (issaranimmāhahetu)

Từ **Issaranimmāhahetu** tức do Sự sáng tạo của Thượng đế là nguyên nhân.

Giải thích: Người cảm giác lạc thọ, khổ thọ hoặc phi khổ phi lạc thọ bởi vì bị Sự sáng tạo của Thượng đế (đem lại). Vì nhóm người Tà kiến đó có sự hiểu như sau: Cả 3 thọ này người không thể cảm thọ được bởi vì có nghiệp tạo trong hiện tại là nguồn gốc cũng

có, do sự sai khiến (của người khác) là nguồn gốc cũng có, do nghiệp mà mình tạo trong kiếp sống trước cũng có, do không có nhân không có duyên (tức ngẫu nhiên) cũng có, nhưng người cảm giác nhóm thọ này được do sự sáng tạo của Thượng đế là nguyên nhân duy nhất.

Cũng nhóm người Tà kiến này có chủ thuyết như vậy nên không chịu chấp nhận bệnh cho dù là 1 loại Bệnh hay trong tất cả 8 loại Bệnh đã đề cập trong phần đầu mà phản bác tất cả và không chịu chấp nhận 1 loại Nghiệp nào trong tất cả 3 loại Nghiệp, 1 loại Quả nào trong 3 loại Quả và 1 loại Tư nào trong tất cả 4 loại Tư đã nêu trên trong phần đầu, đều phản bác tất cả.

Giải Thích về Không Có Nhân Không Có Duyên (**Ahetuapaccayā**) Từ **Ahetuapaccayā** tức loại trừ Nhân và Duyên.

Giải thích: Người cảm giác Lạc thọ, khổ thọ hoặc phi khổ phi lạc thọ bởi không có Nhân, vì nhóm người Tà kiến có sự hiểu như sau: Cả 3 thọ này bất cứ ai cũng không thể cảm giác được bởi vì nghiệp mà mình tạo trong hiện tại là nguồn gốc, do sai khiến (của người khác) là nguồn gốc, do nghiệp tạo trong kiếp sống trước, do sự sáng tạo của tạo hóa là nhân cũng có. Người cảm giác nhóm thọ này bởi không có nhân không có duyên, nhóm người Tà kiến này có chủ trương như vậy nên không chấp nhận tất cả Nhân như đã đề cập trong phần đầu như bệnh..., cho dù chỉ một loại đều phản bác tất cả.

Đức Phật Lập Ra Chủ Thuyết

Bậc Đạo Sư khi Ngài nêu lên Mầu Đê (**Matikā**), bấy giờ để phân tích trình bày Mầu đê đó mới thuyết rằng: **Ttra Bhikkhave...**

Tất cả nhóm câu đó bằng cụm từ **Evam vadāmi** Đức Thế Tôn thuyết rằng.

Như Lai thuyết như vậy cũng để lập ra Chủ thuyết, bởi vì Đức Thế Tôn không lập ra Chủ thuyết bước vào Chủ thuyết để lia khỏi Chủ thuyết bị chìm xuống (lụi bại) thì tất cả người Tà kiến sẽ nói lời... rằng: “Sa môn **Gotama**, chúng tôi đề cập đến Chủ thuyết nghiệp tạo trong kiếp sống trước là Nguyên nhân (**Pubbekata vāda**) không được sao?” Nhưng khi lập ra Chủ thuyết thì tất cả người Tà kiến bước vào Chủ thuyết (của họ) không được sẽ bị áp chế dễ dàng. Đức Thế Tôn thuyết rằng **Evam vadāmi** với nhóm người Tà kiến đó để lập ra Chủ thuyết với trường hợp như vậy.

Từ **Tenahāyasamanto** phân từ ra thành **Tenahi āyasamanto** có lời giải thích như thế nào? Giải thích rằng nếu điều đó là thật khi là như vậy theo Chủ thuyết của tất cả các vị. Cụm từ **Paṇātipātino bhabhissanti pubbe katahetu** nghĩa là một nhóm người nào trong thế gian Sát sanh thì tất cả nhóm người đó sẽ trở thành sát sanh, bởi vì nghiệp tạo trong kiếp sống trước là nguyên nhân.

Vì sao? Bởi vì tất cả vị có Chủ thuyết rằng: Họ có thể thọ lãnh nghiệp sát sanh, bởi vì nghiệp mà mình tạo là nguồn gốc cũng chẳng phải, do sự sai khiến (của người khác) là nguồn gốc cũng chẳng phải, do sự sáng tạo của Thượng đế là nhân cũng chẳng phải, do không có Nhân không có Duyên cũng chẳng phải mà Họ thọ lãnh do nghiệp tạo trong kiếp sống trước là Nguyên nhân. Cũng là người Sát sanh bằng tánh chất nào, mặc dù khi từ bỏ sát sanh cũng từ bỏ bằng tánh chất đó tức do nghiệp tạo trong kiếp sống trước là Nguyên nhân giống nhau. Đức Thế Tôn nắm lấy Chủ thuyết của nhóm người Tà kiến đó nên Ngài áp chế nhóm người Tà kiến đó

bằng trường hợp như đã giải thích. Nên hiểu lời lẽ được giải thích thì ngay cả trong từ Trộm cắp (**Adinnādayino**)..., theo Lý này.

Cụm từ **Sārato paccāgacchantam** tức Chấp thủ trở thành cốt lõi, từ **Chando** tức mong muốn làm điều đó (**Kattukamyātachanda**). Trong cụm từ **Idam vā karaṇīyam idam vā akaraṇīyam** này có giải thích rằng: Không là người mong muốn sẽ thực hành hoặc có sự nỗ lực riêng biệt của bản thân người để muốn làm điều nên làm với suy nghĩ rằng: Điều này nên làm hoặc để không muốn làm điều không nên làm với suy nghĩ rằng: Điều này không nên làm.

Một lý khác nữa: Khi dục và cần không có thì không có suy nghĩ điều này nên làm, điều này không nên làm. Cụm từ **Iti karaṇīyā karaṇīye kho pana saccato thetato anupa labbhiyamāne** tức khi điều nên làm và không nên làm không hiện bày nghĩa là không là Sự thật không là điều rõ ràng. Nếu người sẽ phải làm điều nên làm, sẽ phải loại trừ điều không nên làm thì điều nên làm và không nên làm họ sẽ phải là điều Sự thật, là điều đích xác. Nhưng không được cả 2 nhân, vì vậy phạm sự nên làm và không nên làm đó Họ mới không được điều Sự thật, là điều đích xác tức không được điều nên làm và không nên làm bởi trường hợp này.

Từ **Muṭṭhassatinam** tức có Niệm mờ nhạt đi nghĩa là buông bỏ niệm. Cụm từ **Anārakkhānam viharatam** tức lìa khỏi phòng hộ (trong 6 môn). Cụm từ **Na hoti paccattam sahadhammiko samaṇavādo** tức Chủ thuyết sa môn cùng với nhân riêng biệt bản thân rằng: Tất cả chúng ta là sa môn thì không có, nghĩa là không thành tựu với tất cả các vị hoặc nhóm người khác là người như vậy. Bởi vì cho dù tất cả Sa-môn cũng là người

có Nghiệp tạo trong kiếp sống trước là Nguyên nhân như nhau, ngay cả người không phải Sa-môn cũng là người có nghiệp tạo trong kiếp sống trước là Nguyên nhân như nhau. Từ **Sahadhammiko** tức cùng với nhân.

Cụm từ **Niggaho hoti** tức sự trấn áp của Như Lai đang có, cũng tất cả người Tà kiến đó như đã bị trấn áp. Khi Ngài trấn áp Chủ thuyết người tạo nghiệp trong kiếp sống trước là nguyên nhân rồi, bấy giờ để trấn áp Chủ thuyết người sáng tạo của Thượng đế Ngài mới thuyết rằng: **Ttra Bhikkhave...** Ý nghĩa của từ đó nên hiểu theo Lý đã đề cập trong Chủ thuyết nghiệp tạo trong kiếp sống trước là Nguyên nhân (**Pubbekatavāda**), trong Chủ thuyết không có Nhân không có Duyên là Nguyên nhân (**Ahetukaapaccayavādī**) cũng như nhau.

Con Thỏ Hốt Hoảng

Đức Thế Tôn khi ngài thuyết chủ thuyết của nhóm tu sĩ ngoại đạo này rõ ràng không như vậy, bởi đưa đến việc truyền thừa nhau bảo tồn trong vai trò thuộc vô hành kiến hay chủ thuyết của nhóm tu sĩ ngoại đạo này không phải là ân đức làm duyên thoát khỏi khổ hay người tin tưởng chấp thủ trong chủ thuyết của tu sĩ ngoại đạo giống như con bọ cánh vàng cất tiếng bởi tưởng rằng trong lửa bởi vì dẫn đến trạng thái giống như già trâu. vì không có thực thể (cốt lõi) hay người có chủ thuyết của tu sĩ ngoại đạo đó là tà kiến ví như thợ đan mù mắt bởi vì không nhìn thấy ý nghĩa của chủ thuyết tu sĩ ngoại đạo cả đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối. Hay người chấp thủ chủ thuyết của nhóm tu sĩ ngoại đạo do nguyên nhân chỉ là tiếng tăm có quan kiến là cốt lõi có tánh chất giống như con thỏ nghe được tiếng đáng sợ hãi của trái thốt nốt chín rụng xuống mặt đất rồi chạy trốn bởi tưởng rằng đất sụp.

Bấy giờ, để thuyết Pháp mà Đức Phật thuyết là Pháp có cốt lõi và là Pháp làm duyên dẫn ra khỏi Khổ mới thuyết rằng **Ayaṃ kho pana Bhikkhave...**, tức: “Này các Tỳ khuru, pháp mà ta thuyết...” Tất cả nhóm từ đó thì từ **Aniggahito** tức không bị người khác trấn áp nghĩa là không có ai có thể đè bẹp được. Từ **Asaṃkiliṭṭho** là Pháp không mờ ám, tức Thanh tịnh mà cho dù có người suy nghĩ rằng: Sẽ làm cho Pháp đó sâu muộn rồi hành động cũng không thể làm cho thành như vậy được. Từ **Anūpavajjo** tức tránh khỏi việc bị điều tệ hại. Từ **Uppaṭikuṭṭho** tức không bị phản bác hoặc không bị chống đối rằng: “Lợi ích gì bởi Pháp này, các vị hãy đem Pháp đó bỏ đi!” Từ **Vinñūhi** tức tất cả bậc Hiền trí. Bởi vì lời nói của người không phải là bậc Hiền trí nói, bởi không hiểu biết, không chuẩn mực, vì vậy Đức Thế Tôn mới thuyết rằng: **Vinñūhi**. Bấy giờ, để thuyết Pháp đó Đức Thế Tôn mới đặt câu hỏi rằng: **Katame ca Bhikkhave** rồi lập ra Mẫu Đề bằng cách thức... **Imā cha dhātuyo** trước khi Ngài thuyết phân tích theo tuần tự, mới thuyết..., rằng **Imā cha dhātuyo**

Giải Thích về Giới (Dhātu)

Tất cả nhóm từ đó, thì từ **dhātuyo** tức tất cả pháp thực tánh, nghĩa là thực tánh công bố đến không phải là sanh mạng, không phải là chúng sanh, gọi là giới (**dhātu**). Từ **phassāyatanāni** tức gọi là xứ (**āyatana**) do ý nghĩa là nguồn gốc của tất cả quả của xúc (**vipākaphassa**). Từ **manopavicārā** tức việc Luân chuyển đi của tâm trong 18 lãnh vực bằng việc tựa vào tầm và tứ. Từ **paṭhavīdhātu** tức giới là nơi vững vàng. Từ **āpodhātu** tức giới làm phạm sự gắn liền nhau. Từ **tejodhātu** tức giới làm phạm sự cho Âm áp. Từ **Vāyodhātu** tức Giới làm phạm sự cho Chuyển động. Từ **Viññānadhātu** tức Giới làm phạm sự Biết rõ.

Nghiệp Xứ Về Giới (Dhātukammaṭṭhāna)

Nghiệp xứ về Giới này đã trình bày như vậy cũng nhìn thấy Nghiệp xứ này, nghiệp xứ kia trong nơi đó bằng cách tóm tắt thì nên đề cập cả tóm tắt và chi tiết, nhưng trong nơi nói đến bằng cách chi tiết thì không nên đề cập bằng cách tóm tắt chỉ nên đề cập duy nhất bằng cách chi tiết. Còn trong bài Kinh chủ thuyết của nhóm Ngoại đạo (**TitthāyatanaSutta**) này thì Nghiệp xứ nói đến mãnh lực của 6 Giới bằng cách tóm tắt. Sẽ đề cập Nghiệp xứ đó theo cả 2 cách (cả bằng cách tóm tắt và bằng cách chi tiết) cũng được.

Ghi Nhận Bằng Cách Tóm Tắt

Hành giả mặc dù khi Ghi nhận Nghiệp xứ bằng 6 Giới theo tóm tắt thì Ghi nhận như vậy: 4 nhóm Sắc này tức Địa giới (**Paṭhavīdhātu**), thủy giới (**Āpodhātu**), hỏa giới (**Tejodhātu**), phong giới (**Vāyodhātu**) được xếp vào Sắc tứ đại (**Mahābhūtarūpa**), hư không giới (**Ākāsadhātu**) được xếp vào Sắc y sinh (**Upādārūpa**) và khi Thấy 1 loại Sắc y sinh thì 23 Sắc y sinh còn lại nên Ghi nhận rằng bị Thấy giống như vậy. Từ Thức giới (**Viññāṇadhātu**) tức tâm. Tâm tức Thức uẩn, thọ đồng sanh với thức uẩn đó gọi là Thọ uẩn, tưởng đồng sanh với thức uẩn, gọi là Tưởng uẩn, xúc và Tư đồng sanh với thức uẩn gọi là Hành uẩn, cả 4 Uẩn này gọi là Vô sắc uẩn.

Lại nữa, 4 Sắc tứ đại và Sắc nương vào Sắc tứ đại gọi là Sắc uẩn. Tất cả Sắc uẩn và Vô sắc uẩn đó, gọi là Danh (4 vô sắc uẩn), sắc uẩn là Sắc, có 2 loại Pháp này mà thôi, tức là: 1) Danh 2) Sắc, không có chúng sanh hoặc sanh mạng ngoài ra 2 Pháp đó. Nên hiểu Nghiệp xứ làm cho chúng đắc A La Hán quả bằng mãnh lực 6 Giới bằng cách tóm tắt nơi vị Tỳ khưu như đã trình bày.

Ghi Nhận Bằng Cách Chi Tiết

Hành giả trước khi Ghi nhận bằng cách chi tiết, khi Ghi nhận 4 Sắc tứ đại (**Mahābhūtarūpa**) rồi mới Ghi nhận 23 Sắc y sinh (**Upādārūpa**) theo cách thức của việc Ghi nhận Hư không giới (**Ākāsadhātu**).

Tiếp đến trước khi ghi nhận duyên của nhóm sắc đó thì quán xét xem 4 sắc tứ đại đó nữa rồi gom vào thành nhóm (**koṭṭhāsa**) như địa giới có 22 nhóm, thủy đại có 12 nhóm, hỏa đại có 4 nhóm, phong đại có 6 nhóm (gom lại thành) ghi nhận 42 sắc tứ đại. Thêm 23 sắc y sinh vào (gom lại thành) ghi nhận 65 sắc mà hành giả quán xét thấy 65 nhóm sắc đó và gom sắc ý vật (**vatthurūpa** hay **hadayavatthu**) vào thành 66 sắc.

Còn thức giới (**viññāṇadhātu**) tức 81 tâm là tâm hiệp thế, tất cả 81 tâm gọi là thức uẩn (**viññāṇakhandha**) cho dù thọ..., đồng sanh với 81 tâm thì có số lượng như nhau, gom lại 81 thọ gọi là thọ uẩn, 81 tưởng gọi là tưởng uẩn, 81 tư gọi là hành uẩn, gom lại 4 nhóm vô sắc uẩn này khi ghi nhận bằng mãnh lực pháp diễn tiến trong 3 cõi cũng tức là 324 pháp xứ (**dhammāyatana**).

Không có chúng sanh hoặc sanh mạng chỉ có 2 pháp: tất cả pháp tức nhóm vô sắc pháp và 66 sắc pháp như đã trình trên khi gom lại thì chỉ có 2 loại pháp là: 1) danh 2) sắc mà không có chúng sanh hoặc sanh mạng ngoài ra 2 pháp đó.

Ghi nhận duyên của danh sắc

Hành giả khi ghi nhận ngũ uẩn theo danh sắc, khi tìm kiếm duyên của danh - sắc đó thì thấy duyên như vậy: Tức có vô minh làm duyên, do có ái dục làm duyên, do có nghiệp làm duyên, do có vật thực làm duyên rồi thì thoát khỏi hoài nghi trong cả 3 thời, tức

là cho dù trong quá khứ thì danh - sắc cũng diễn tiến bởi nhóm duyên này, cho dù trong vị lai cũng sẽ diễn tiến bởi nhóm duyên này, ngay cả trong hiện tại cũng đang diễn tiến bởi nhóm duyên này như nhau (từ đó) thực hành theo tuần tự (cho đến) chứng đắc A La Hán quả. Nên hiểu nghiệp xứ là nhân làm cho chứng đắc A La Hán quả bởi mãnh lực của 6 giới theo chi tiết.

6 xúc xứ (**phassāyatana**)

Cụm từ **cakkhū phassāyatanaṃ** tức nhãn gọi là xứ do ý nghĩa là nguồn gốc, theo ý nghĩa là sở sanh của 7 xúc đồng sanh với 7 nhóm thức, tức là 2 tâm nhãn thức, 2 thức tiếp thân, 3 thức quan sát giống như vàng..., là nguồn gốc của (dây chuyền) vàng..., ngay cả trong nhóm từ **sotam phassāyatanaṃ**..., cũng có lý như vậy. Còn trong cụm từ **mano phassāyatanaṃ** nên hiểu là 22 xúc quả (**vipākaphassa**) nghiệp xứ này do mãnh lực của 6 xúc xứ. Nghiệp xứ đó nên đề cập bằng cách tóm tắt và bằng cách chi tiết. Nói theo tóm tắt trước thì trong 6 xứ này thì 5 xứ đầu gọi là sắc y sinh, khi thấy 5 xứ thì xem như thấy sắc y sinh còn lại. Xứ thứ 6 tức tâm là thức uẩn, 3 pháp còn lại như thọ..., đồng sanh với thức uẩn là vô sắc uẩn. Nên hiểu nghiệp xứ là nhân làm cho chứng đắc A La Hán quả cả theo tóm tắt và chi tiết theo lý như đã trình bày trong phần đầu.

18 Ý Cận Hành (**Manopavicāra**)

Cụm từ **cakkhunā rūpaṃ disvā** tức thấy sắc bằng nhãn thức. Từ **somanassaṭṭhāniyaṃ** tức nhân của thọ hỷ. Tỷ khuru khi đưa tâm đạo đi gọi là đạo đi gần kề. Trong từ xem xét (**upavicarati**) này, ngay cả trong từ còn lại cũng có lý này. Cũng trong cụm từ **cakkhunā rūpaṃ disvā** này nên hiểu rằng sắc là nơi đáng mong muốn, khi thấy sắc nào rồi thì hỷ thọ khởi hiện, sắc đó gọi là làm

nền tảng cho hỷ thọ (**somanassa**), thấy sắc nào rồi ưu thọ khởi hiện thì sắc đó gọi là làm nền tảng cho ưu thọ (**domanassa**), thấy sắc nào rồi thì xả thọ khởi hiện thì sắc đó gọi là làm nền tảng cho xả thọ (**upekkhā**), ngay cả thính..., cũng có lý này. Nghiệp xứ này trình bày theo tóm tắt bằng trường hợp như giải thích trên. Còn đối với nghiệp xứ kia trong nơi trình bày theo tóm tắt thì nên đề cập theo tóm tắt và theo chi tiết. Trong nơi trình bày theo chi tiết thì không nên trình bày theo tóm tắt, nhưng trong bài kinh chủ thuyết của du sĩ ngoại đạo thì nghiệp này trình bày bằng mãnh lực của 18 ý xem xét (**manopavicāra**) theo tóm tắt, nghiệp xứ đó nên trình bày cả theo tóm tắt và chi tiết.

Trong nghiệp xứ đó nói theo tóm tắt trước thì 9 nhóm sắc này tức là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thính, khí, vị là sắc y sinh, khi thấy 9 sắc y sinh rồi thì sắc y sinh còn lại cũng xem như thấy giống nhau. Xúc (**phoṭṭhabba**) tức 3 sắc tứ đại, khi thấy 3 sắc tứ đại thì sắc tứ đại thứ 4 cũng xem như thấy được giống nhau. Ý (**mano**) là thức uẩn (**viññāṇakhandha**), tất cả pháp như thọ..., đồng sanh với thức uẩn là vô sắc uẩn (**arūpakhandha**). Nên hiểu nghiệp xứ là nhân làm cho chứng đắc A La Hán quả cả theo tóm tắt và theo chi tiết theo lý đã đề cập trong phần đầu. Từ **ariyasaccāni** tức là tất cả để làm cho trở thành bậc thánh hoặc bậc thánh đã thấu đáo. Trong nơi đây tóm tắt chỉ bấy nhiêu, nhưng nói theo chi tiết thì từ này được nêu lên trình bày trong Thanh Tịnh Đạo (**visuddhimagga**).

6 giới (**dhātu**)

Vấn: Cụm từ **channaṃ bhikkhave dhātuvaṃ** này đức Thế Tôn nêu lên mở đầu để làm gì?

Đáp: Để cho người khác hiểu được dễ dàng. Đức như lai có chủ định thuyết 12 duyên luân hồi (**paccayavaṭṭaka**) với người

nào, thì ngài thuyết về luân hồi về việc sanh vào thai bào của người đó. Bởi vì ngài thuyết luân hồi về việc sanh vào thai bào rồi thì ngài sẽ thuận lợi tự thuyết giáo chỉ dạy cho người khác biết. Do đó đức Thế Tôn khởi đầu bằng câu này cho người khác biết được dễ dàng.

Tất cả các từ đó thì cụm từ **channam dhātunam** như địa giới... từ **upādāya** tức nương vào, bằng từ **upādāya** này đức Thế Tôn chỉ thuyết về duyên (**paccaya**), nghĩa là sanh vào thai bào người mẹ do có 6 giới làm duyên, bởi vì 6 giới của chúng sanh sanh vào trong thai bào đó làm duyên.

Vấn: Của mẹ hay của cha?

Đáp: Không phải của mẹ. Không phải của cha bởi vì 6 giới của chúng sanh chấp thủ tục sanh làm duyên mới có sự sanh vào (thai bào người mẹ) của chúng sanh sanh vào trong thai bào.

Gọi là thai sanh (**gabbhasattava**) này có nhiều trường hợp khác nhau, tức thai sanh trong địa ngục, thai sanh trong sanh loại bàng sanh, thai sanh trong cảnh giới nạ quỷ, thai sanh trong sanh loại nhân loại, thai sanh trong sanh loại chư thiên. Nhưng trong nơi đây muốn lấy thai sanh trong sanh loại nhân loại. Cụm từ **avakkanti hoti** nghĩa là bước vào, sanh lên, hiện bày.

Vấn: Có được như thế nào?

Đáp: Có, do việc hội tụ của 3 chi. Tương hợp như đức Thế Tôn thuyết rằng: “này các tỳ khuru, do việc hội tụ của 3 chi nên có sự sanh vào (thai bào của người mẹ) của chúng sanh sanh vào trong thai bào.”

Vấn: 3 chi như thế nào?

Đáp: 1. Cha mẹ trong thế gian đang chung sống với nhau

2. Mẹ không phải nữ nhân trong thời kỳ có kinh nguyệt

3. Thức tái sanh của chúng sanh chưa hiện bày.

Sanh vào trong (thai bào của người mẹ) của chúng sanh sanh vào trong thai bào chưa có trước.

Cha mẹ trong thế gian đang chung sống với nhau và mẹ là nữ nhân đang trong thời kỳ có kinh nguyệt nhưng thức tục sanh (**gandhabbasattava**) không hiện bày. Như vậy việc sanh vào (thai bào của người mẹ) của chúng sanh sanh vào trong thai bào cũng chưa có trước. Nay các tỷ khuru, chỉ khi nào:

1- Cha mẹ đang chung sống với nhau

2- Mẹ là nữ nhân đang trong thời kỳ có kinh nguyệt

3- Thức tục sanh hiện bày.

Do sự hội tụ của 3 chi này thì việc sanh vào (thai bào của người mẹ) của chúng sanh sanh vào trong thai bào mới có.”

Cụm từ **okkantiyā sati nāmarūpaṃ** tức nơi mà thuyết rằng do thức làm duyên nên có danh, sắc. Đức Thế Tôn ám chỉ 33 pháp tức là ý vật thập sắc (**vatthudassana**), thân thập sắc (**kāyadassana**), tánh thập sắc (**bhāvadassana**) và 3 vô sắc uẩn (**arūpakhandha**), nhưng trong nơi mà thuyết rằng khi sanh vào thì danh, sắc mới có này thì nên hiểu rằng đức Thế Tôn ám chỉ đến 34 pháp (nơi sanh vào) trong sát-na tục sanh của chúng sanh thai sanh bằng cách trực tiếp thêm thức uẩn vào. Sự việc 6 xứ hiện bày trong khi có danh, sắc. Xúc hiện bày trong khi có xứ. Thọ hiện bày trong khi có xúc... đức Thế Tôn thuyết nêu lên bằng tất cả từ **nāmarūpapaccayā saḷāyatanaṃ** giống như ngài thuyết sự việc

đanh, sắc hiện bày trong khi có sanh vào (thai bào của người mẹ) bằng cụm từ **okantiyā sati nāmarūpaṃ**.

Cảm giác thọ

Trong từ **vediyamānassa** này có giải thích như sau: người đang cảm giác thọ, người đang biết thọ, gọi là người hưởng thọ (cảnh).

Giải thích: Người đang cảm giác gọi là người hưởng thọ, như trong câu: “bạch ngài, con đang cảm thọ xin chư tăng hãy ghi nhớ cho con rằng đang thọ hưởng,” người đang biết gọi là người cảm giác, như trong câu rằng: “khi người cảm giác lạc thọ thì biết rõ rằng tôi đang cảm giác lạc thọ.” Ngay cả trong nơi đây đức Thế Tôn muốn ám chỉ người đang biết đó là người cảm giác.

Cụm từ **idaṃ dukkhanti paññāpemi** tức là như lai chế định rằng “đây là khổ,” khổ ngăn ấy ngoài ra không có khổ hơn thế nữa đối với chúng sanh đang biết như vậy, tức là chỉ dạy cho họ biết cũng là chỉ dạy cho họ hiểu được, ngay cả trong cụm từ **ayaṃ dukkhasamudayo...**, cũng có lý như vậy. Tất cả để như khổ..., trong bài kinh đó có kệ ngôn giả định như trừ ái dục ra thì 5 uẩn diễn tiến trong 3 cõi gọi là khổ (**dukkha**), ái dục trong thời gian trước là nhân làm cho sanh lên khổ, gọi là khổ tập (**dukkhasamudaya**), sự diệt cả 2 đế này bằng cách không cho sanh lên nữa, gọi là khổ diệt (**dukkhanirodha**). Thánh đạo 8 chi, gọi là khổ diệt đạo hành (**dukkhanirodhagaminīpaṭipadā**).

Thuyết Pháp Duyên Khởi Cho Ai?

Đức Thế Tôn trước khi thuyết rằng: khi có sự sanh vào (thai bào của người mẹ) thì danh, sắc mới có, thì cũng thuyết cho người đang cảm giác, người đang biết, ngay cả trước khi thuyết do có

đanh, sắc làm duyên lục nhập (**saḷāyatana**) mới có thì thuyết cho người đang cảm giác, người đang biết, trước khi thuyết rằng do có lục nhập làm duyên xúc (**phassa**) mới cũng có thuyết cho người đang cảm giác, người đang biết, trước khi thuyết rằng do có xúc làm duyên thọ (**vedanā**) mới có thì cũng thuyết cho người đang cảm giác, người đang biết, ngay cả trước khi thuyết rằng: “này các tỷ khuru, như lai chế định rằng đây là ‘khô’, cho người đang cảm giác, người đang biết, cho dù trước khi thuyết như lai chế định rằng đây là ‘khô tập’, thì cũng thuyết cho người đang cảm giác, người đang biết, cho đến trước khi thuyết như lai chế định rằng đây là ‘khô diệt’, cũng thuyết cho người đang cảm giác, người đang biết, thậm chí trước khi thuyết, như lai chế định rằng đây là ‘khô diệt đạo hành’, cũng thuyết cho người đang cảm giác, người đang biết mà thôi.”

Bây giờ, trước khi ngài giải rộng nhóm đế đó, nêu lên định đặt theo tuần tự cho chi tiết đức Thế Tôn mới thuyết rằng: **katamañca bhikkhave...** tất cả khô trong từ đó tôi (giáo thọ sư **buddhaghosa**) đã giải thích chi tiết mọi khía cạnh, mọi góc độ trong bộ Thanh Tịnh Đạo, nên hiểu theo lý đã đề cập trong bộ Thanh Tịnh Đạo; còn sự khác biệt như sau: Tất cả nhóm thánh đế đó thì thánh đế như khô tập đã nói đến theo phương cách này **yayaṃ tañhā ponobbhāvikā** đã nói đến trong nơi đây do mãnh lực của pháp duyên khởi (**paccayakāra**) rằng: **avijjāpaccayā saṅkhārā...** lại nữa, tất cả nhóm thánh đế đó thì thánh đế như khô diệt đã nói đến theo phương cách này **yo tassāyeva tañhāya asesavirāgaṇirodho** đã nói đến trong nơi đây do mãnh lực diệt của pháp duyên khởi rằng: **Avijjāyatveva asesavirāgaṇirodhā...** tất cả các từ đó thì từ **asesavirāgaṇirodhā** nghĩa là cả 2 từ đó (**virāga**

với **nirodha**) là từ đồng nghĩa lẫn nhau do đoạn trừ không dư sót và do diệt không dư sót (như nhau).

Từ **saṅkhāranirodho** tức sự diệt tất cả hành bằng cách không cho sanh lên nữa. Trong các từ còn lại cũng có lý như vậy. Lại nữa, tất cả phiền não như vô minh..., dẫn đến theo trường hợp nào thì diệt đi theo trường hợp đó, khi nói về ý nghĩa Niết-bàn, xem như đức Thế Tôn đã thuyết bằng các từ này. Thật vậy, đức Thế Tôn thuyết theo tên gọi rằng: sự diệt hẳn của nhóm pháp đó tức **avijjānirodho** (sự diệt hẳn vô minh) cũng có **saṅkhāranirodho** (sự diệt hẳn hành) cũng có.

Từ **kevalassa** tức tất cả. Từ **dukkhakkhandhassa** tức khỏi khổ luân hồi. Từ **nirodho hoti** tức không có sự diễn tiến. Trong từ **nirodho hoti** đó nên hiểu rằng do nhân diệt hẳn của tất cả phiền não như vô minh..., gọi là trạng thái chấm dứt của tất cả phiền não như vô minh..., bởi A La Hán quả cũng có, bởi Niết-bàn cũng có, vì vậy trong nơi đây đức Thế Tôn mới nêu lên thuyết A La Hán quả trong 12 lãnh vực bằng mãnh lực thấy trạng thái phiền não như vô minh..., đã chấm dứt (và) nêu lên thuyết Niết-bàn trong 12 lãnh vực như nhau. Trong cụm từ **idaṃ vuccati** này có giải thích rằng: **Idaṃ** đức Thế Tôn thuyết ám chỉ chẳng phải duy nhất Niết-bàn, từ **aṅṭhaṅgiko** tức gọi là đạo khác thoát khỏi 8 chi không có, so sánh giống như khi nói rằng: nhạc cụ hội đủ 5 dụng cụ thì xem như nói rằng nhạc cụ chỉ có 5 dụng cụ như thế nào thì ngay cả trong nơi đây cũng như vậy giống nhau, tức khi đức Thế Tôn thuyết rằng đạo hội tụ 8 chi thì nên hiểu rằng xem như ngài thuyết rằng đạo chỉ có 8 chi mà thôi. Từ **aniggahito** tức không bị trấn áp, nghĩa là người khi bị trấn áp thì pháp thuyết về thánh đế giảm số lượng xuống cũng có, thêm số lượng lên cũng có, thay đổi thánh đế cũng có. Tuy nhiên bất cứ điều đó, mà bất cứ ai cũng không thể thuyết 4 thánh

để giảm số lượng xuống tức 4 thánh đế này không có chỉ có 2 hoặc 3 mà thôi, và không thể thuyết thêm số lượng lên tức là thánh đế có 5 hoặc 6 cũng có, không thể thuyết thay đổi rằng thánh đế không phải 4 pháp này thánh đế là 4 pháp khác. Vì vậy pháp này mới gọi là không bị trấn áp.

Kết Thúc Số Giải Bài Kinh Chủ Thuyết

Cửa du sĩ Ngoại Đạo thứ 1



Chánh kinh bài Kinh Sợ Hãi thứ 1

62.- Các Sợ Hãi

1. - Có ba sợ hãi này, này các Tỷ-kheo, làm chia rẽ mẹ con, được người phàm phu không học nói đến. Thế nào là ba?

Có một thời, này các Tỷ-kheo, một hỏa tai lớn khởi lên. Khi hỏa tai lớn này khởi lên, này các Tỷ-kheo, các làng bị thiêu, các thị trấn lớn bị thiêu, các thành phố bị thiêu. Khi các làng bị thiêu, các thị trấn lớn bị thiêu, các thành phố bị thiêu, mẹ không tìm được con, con không tìm được mẹ. Đây là sợ hãi thứ nhất, này các Tỷ-kheo, làm chia rẽ mẹ con, được kẻ phàm phu không học nói đến.

Giải Thích về Kinh Sợ Hãi thứ 1

Nên hiểu luận giải trong bài kinh Sợ Hãi (**bhaya**) thứ 1 của pháp 3 chi, như sau: trong từ **bhayāni**... tâm rung động kinh sợ gọi là sợ hãi, trạng thái tâm không định tĩnh gọi là tai họa (**uppadava**),

trạng thái tâm chướng ngại tức trạng thái tâm dính mắc trong cảnh gọi là nguy khốn (**upassagga**).

Nên hiểu sự khác nhau của từ sợ hãi, tai họa và nguy khốn, như sau: bọn cướp nương trú theo đồi núi và vùng hẻo lánh loan tin đến dân làng rằng: “bọn ta sẽ vào cướp phá xóm làng của các ngươi vào ngày đó.” Kể từ lúc nghe tin ấy nhóm dân làng cùng nhau kinh sợ, hỗn loạn, trạng thái này gọi là trạng thái tâm rúng động kinh sợ.

Dân làng cùng suy nghĩ rằng: “làm sao để được bình an, khi bọn cướp giận dữ chúng ta, chắc chắn chúng sẽ tàn sát chúng ta,” rồi góp nhặt tài sản cầm trên tay đi vào rừng cùng với súc vật 2 chân, 4 chân ngủ trên đất ở trong rừng bị côn trùng như mòng và ruồi... cắn, cùng nhau lẫn trốn đi đến giữa các bụi cây giẫm đạp gốc cây và gai... sự tán loạn của nhóm dân làng đang dong ruổi đi như thế đó gọi là trạng thái tâm không định tĩnh.

Sau đó, khi bọn cướp không đến theo như ngày báo, dân làng suy nghĩ với nhau rằng: “có lẽ là tin đồn thất thiệt, chúng ta sẽ trở về thôn làng,” rồi cùng nhau khuân chuyển đồ đạc trở về thôn làng. Khi đó, bọn cướp hiểu rằng nhóm dân làng đó cùng nhau trở về thôn làng nên cùng nhau bao vây thôn làng châm lửa thiêu đốt cổng làng, tàn sát nhiều người cướp lấy toàn bộ tài sản... Rồi bỏ đi. Nhóm dân làng còn lại cùng nhau dập tắt lửa rồi ngồi xuống buồn bã trong nơi bóng mát cổng làng và bóng mát mái nhà... buồn rầu, than khóc nhớ đến người thân bị sát hại và đồ đạc bị cướp lấy. Trạng thái tâm dính mắc như vậy gọi là tâm dính mắc trong cảnh đó.

Từ **naḷāgārā** tức ngôi nhà lợp và che bằng cây sậy, phần kết cấu ngôi nhà còn lại thì làm từ gỗ, ngay cả ngôi nhà lợp lá cỏ cũng có lý này. Từ **kuṭāgārāni** tức ngôi nhà nóc nhọn.

Từ **ullittāviluttāni** tức tô cả bên trong lẫn bên ngoài nhà; từ **nivātāni** tức gió không vào được; từ **bhusitaggaḷi** tức cánh cửa gắn dính khít vào khung cửa bởi vì là đồ vật do người thợ thiện nghệ tạo ra; từ **pihitakavāṭāni** tức cánh cửa đã gắn vào. Bảng 2 từ này **đức Thế Tôn** không thuyết ám chỉ cánh cửa và cửa sổ thường xuyên đóng lại ngài chỉ thuyết thành tựu ân đức (**guṇasamapatti**) mà thôi, cũng như cánh cửa và cửa sổ thường đóng và mở mọi lúc cần muốn.

Từ **bālato uppajjanti** nghĩa là tất cả sự nguy khốn thường sanh lên do nương vào người ngu (**bāla**). Thật vậy, người không phải là bậc hiền trí mà là người ngu khi muốn làm vua, làm phó vương (**uparāja**) hoặc muốn địa vị cao sang khác thì sẽ dẫn dắt những đứa con mồ côi cha, du côn, du đãng là những người ngu giống như mình, rồi khuyên bảo rằng: “các người hãy đến đây ta sẽ làm cho các người trở thành vĩ đại, hãy tập hợp lại trong đồi núi và rừng sâu... rồi tiến vào thôn làng ở vùng biên giới làm cho thôn làng tiêu tán, đánh phá cả thành thị, thôn xóm theo tuần tự, người ở đó muốn đi nơi chốn nào để thoát nạn thì nên bỏ nhà cửa lẫn trốn đi.”

Tỳ khuu, tỳ khuu ni nương nhờ vào nhóm người đó cũng cùng nhau bỏ nơi chốn của mình lẫn trốn đi, trong nơi chốn mà các vị ấy đi thì cả đồ ăn khát thực và sàng tọa..., cũng khó tìm kiếm được. Sợ hãi thường dẫn đến 4 hội chúng như vậy.

Ngay cả trong hàng tu sĩ xuất gia mà nếu có 2 vị tranh cãi với nhau thì ai cũng bêu riếu lẫn nhau nên khởi sanh sự náo động, ồn ào càng to lớn thêm giống như nhóm tỳ khuu xứ **Kosambī**. Sợ hãi thường dẫn đến 4 hội chúng như vậy, các sự sợ hãi nào đã phát

sinh lên như đã đề cập thì tất cả sợ hãi đó thường phát khởi từ người ngu. Đức Thế Tôn thuyết sự tiếp diễn như vậy.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Sợ Hãi Thứ 1



Chánh kinh Bài Kinh Sợ Hãi thứ 2

2.- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một thời có mưa lớn khởi lên. Khi mưa lớn khởi lên, này các Tỷ-kheo, lụt lội lớn sanh khởi. Do có lụt lớn sanh khởi, nên các làng bị cuốn trôi, các thị trấn bị cuốn trôi, các thành phố bị cuốn trôi. Khi các làng bị cuốn trôi, các thị trấn bị cuốn trôi, các thành phố bị cuốn trôi, mẹ không tìm được con, con không tìm được mẹ. Đây là sợ hãi thứ hai, này các Tỷ-kheo, làm chia rẽ mẹ con, được kẻ phàm phu không học nói đến.

Sớ Giải Bài Kinh Sợ Hãi thứ 2

(*AtthakathāBhayaSutta*)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Sợ Hãi thứ 2 như sau:

Sợ hãi Mẹ và Cha không giúp đỡ lẫn nhau được: Từ **Amātāputtikāmi** tức Mẹ và con trai, mẹ và con trai không có trong các Sợ hãi này bởi có thể bảo vệ lẫn nhau được, vì vậy các Sợ hãi này nên gọi là Không có với mẹ và con trai. Từ **Yaṃ** tức trong thời kỳ nào. Cụm từ **Tattha mātāpi puttam na paṭilabhati** tức khi nạn lửa cháy khởi hiện thì cho dù Mẹ cũng không thấy được con trai mà ngay cả con trai cũng không thấy được mẹ. Cụm từ **Bhayaṃ hoti** tức sự kinh hoàng hốt hoảng của tâm. Từ **Aṭṭavisaṅkopo** tức

sự hoành hành của giặc cướp ẩn núp ở trong rừng rậm, cũng trong từ **Aṭavī** này nên hiểu rằng giặc cướp lén lút ở trong rừng rậm.

Giải thích: Khi nào bọn giặc cướp đó ra khỏi rừng rậm xuống đến xóm làng, đi lại cướp bóc phá hoại xóm làng, thị trấn và thành phố khi đó gọi là có sự bành trướng của giặc cướp ở trong rừng rậm. Đức Thế Tôn ám chỉ đến sự bành trướng của giặc cướp ở trong rừng rậm, nên thuyết từ này rằng: **Aṭavīsankopo**.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Sợ Hãi thứ 2



Chánh kinh Bài Kinh Sợ Hãi thứ 3

3.- *Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một thời có sợ hãi về giặc cướp rừng nổi lên, và dân chúng leo lên xe chạy trốn. Khi sợ hãi giặc cướp rừng nổi lên, này các Tỷ-kheo, khi dân chúng leo lên xe chạy trốn, mẹ không tìm được con, con không tìm được mẹ. Đây là sợ hãi thứ ba, này các Tỷ-kheo, làm chia rẽ mẹ con, được kẻ phàm phu không học nói đến.*

Có ba sợ hãi này, này các Tỷ-kheo, làm chia rẽ mẹ con, được kẻ phàm phu không học nói đến.

Sớ Giải Bài Kinh Sợ Hãi thứ 3

(AtthakathāBhayaSutta)

Trong từ **cakkasamāruḥhā** này được giải thích rằng: xoay chuyển đi cả bánh xe, tức oai nghi (**iriyāpatha**), cả bánh xe phương tiện xe cộ. Bởi vì khi sợ hãi đến, thì nhóm người nào mà có phương tiện xe cộ thì nhóm người đó đem đồ đạc phụ thuộc của mình lên phương tiện xe cộ đó rồi trốn đi, nhóm người nào không có thì nhóm người đó dùng cây gánh hoặc dùng đầu đội trốn chạy khổ sở. Nhóm người đó gọi là tạo thành bánh xe. Từ **pariyāyanti** tức đi phía kia, phía này. Từ **kadāci** tức trong đôi lúc thời gian đó, từ **karahaci** là từ đồng âm với từ **kadāci**. Cụm từ **mātāpi puttam paṭilabhati** tức (ngay cả mẹ) thấy được con trai đang đến, người đang đi hoặc người đang núp trốn trong một nơi nào. Từ **udakavāhako** tức đẩy con sông. Cụm từ **mātāpi puttam paṭilabhati** tức con trai trôi theo dòng nước dính trên phao hoặc bè trong dụng cụ bằng đất hoặc trên khúc cây mẹ cũng nhìn thấy được hoặc mẹ thấy được con trai bơi vượt qua với sự không sợ hãi khi đang đứng trong xóm nhà hoặc trong rừng.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Sợ Hãi thứ 4



Chánh kinh Bài Kinh Sợ Hãi thứ 5

5.-Có ba sợ hãi này, này các Tỷ-kheo, làm chia rẽ mẹ con. Thế nào là ba? Sợ hãi về già, sợ hãi về bệnh, sợ hãi về chết.

Này các Tỷ-kheo, mẹ không muốn con mình bị già: "Ta nay bị già, mong rằng con Ta không bị già!" Hay người con không

muốn mẹ mình bị già: “Ta nay bị già, mong rằng mẹ Ta không bị già!”

Này các Tỷ-kheo, mẹ không muốn con mình bị bệnh: “Ta nay bị bệnh, mong rằng con Ta không bị bệnh!” Hay con không muốn mẹ mình bị bệnh: “Ta nay bị bệnh, mong rằng mẹ Ta không bị bệnh!”

Này các Tỷ-kheo, mẹ không muốn con mình bị chết: “Ta nay bị chết, mong rằng con Ta không bị chết!” Hay người con không muốn mẹ mình bị chết: “Ta nay bị chết, mong rằng mẹ Ta không bị chết!” Đây là ba sợ hãi, này các Tỷ-kheo, làm chia rẽ mẹ con.

Sớ Giải Bài Kinh Sợ Hãi thứ 5

Ba loại sợ hãi

Đức Thế Tôn khi thuyết về sự sợ hãi mẹ và con trai không được gặp nhau... ngài muốn (thuyết) theo cách gián tiếp. Bây giờ, trước khi ngài thuyết sợ hãi theo cách trực tiếp mới thuyết rằng: **tñimāni**... tất cả từ đó thì từ **jarābhayaṃ** tức sợ hãi nương từ già khởi hiện, trong 2 loại sợ hãi ngoài ra cũng có lý như vậy. Tương hợp như lời mà đức Thế Tôn nêu lên thuyết rằng: sợ hãi điều đáng kinh sợ, hốt hoảng ghê rợn, lông dựng lên, sự kinh hoàng sợ hãi của tâm khởi hiện do nương vào già..., do nương vào bệnh, sợ hãi đáng kinh sợ hốt hoảng ghê rợn, lông dựng đứng, sự hốt hoảng sợ hãi của tâm do nương vào sự chết.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Sợ Hãi thứ 5

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Sợ Hãi thứ 62

Chánh kinh Bài Kinh Venāga

63.- Venāga

1. Một thời, Thế Tôn đang đi du hành giữa dân chúng Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo, đi đến một làng Bà-la-môn Kosala, tên là Venāgapura. Các gia chủ Bà-la-môn ở Venāgapura được nghe: “Sa-môn Gotama, dòng họ Thích-ca, xuất gia từ gia tộc Thích-ca đến Venāgapura. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama: “Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân sư, Phật, Thế Tôn. Ngài với thắng trí, tự thân chứng ngộ và tuyên bố về thế giới này, cùng với Thiên Giới, Ma Giới, Phạm Thiên Giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài Trời, loài Người. Ngài thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, và giới thiệu đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch.” Tốt đẹp thay được chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy.”

2. Rồi các Bà-la-môn gia chủ ở Venāgapura đi đến Thế Tôn, sau khi đến, có người đánh lễ Sa-môn Gotama rồi ngồi xuống một bên; có người nói lên với Sa-môn Gotama những lời chào đón hỏi thăm rồi ngồi xuống một bên; có người chấp tay vái chào Sa-môn Gotama rồi ngồi xuống một bên; có người xưng tên và dòng họ rồi ngồi xuống một bên; có người im lặng rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Vacchagotta, người xứ Venāgapura bạch Thế Tôn:

3- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Các căn của Tôn giả Gotama thật trong sáng, màu da thật thanh tịnh chói sáng. Ví như, thưa Tôn giả Gotama, trái táo vàng vào mùa thu, được thanh tịnh chói sáng; cũng vậy,

các căn của Tôn giả Gotama thật trong sáng, màu da thật thanh tịnh chói sáng. Ví như, thưa Tôn giả Gotama, trái cây tala chín vừa rời khỏi cành, thanh tịnh, chói sáng; cũng vậy, các căn của Tôn giả Gotama thật trong sáng, màu da thật thanh tịnh, chói sáng. Ví như, thưa Tôn giả Gotama, một đồ trang sức bằng vàng đỏ, được người thợ vàng khéo léo luyện trong lò, khéo đập và đặt trên tấm vải vàng, được chiếu sáng, chói sáng, rực sáng; cũng vậy, các căn của Tôn giả Gotama thật trong sáng, màu da thật thanh tịnh chói sáng.

Thưa Tôn giả Gotama, còn các giường cao và lớn như ghế bành, nệm trải giường bằng lông cừu, vải trải giường nhiều tấm, nhiều màu, chần len trắng, chần len thêu bông, nệm bông, nệm thêu hình các con thú, mền bằng lông thú cả hai phía, mền bằng lông thú một phía, mền có đính ngọc, mền bằng lụa, tấm thảm lớn có thể chứa mười sáu người múa, nệm voi, nệm ngựa, nệm xe, nệm bằng da sơn dương khâu lại với nhau, nệm bằng da con sơn dương gọi là Kadali, tấm thảm có lầu che phía trên, ghế dài có hai đầu gối chân màu đỏ. Các loại giường cao và giường lớn như vậy, chắc Tôn giả Gotama có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức?"

4. - Nay Bà-la-môn, các giường cao và lớn ấy, như ghế bành ... có hai đầu gối chân màu đỏ, thật rất khó được các vật ấy. Và nếu có được, cũng không thích hợp với những người xuất gia.

Nay Bà-la-môn, có ba loại giường cao và giường lớn này, nay Ta được chúng không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Thế nào là ba?

Giường cao, giường lớn chư Thiên, giường cao, giường lớn Phạm thiên, giường cao, giường lớn Bạc thánh. Ba giường cao, giường lớn này, này Bà-la-môn, Ta được chúng không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.

5. - Và thưa Tôn giả Gotama, thế nào là giường cao, giường lớn chư Thiên, mà Tôn giả Gotama được không có khó khăn ... được chúng không có phí sức?

Ở đây, này Bà-la-môn, Ta sống gần một làng hay một thị trấn. Buổi sáng, Ta đắp y, cầm y bát, đi vào làng ấy hay vào thị trấn ấy để khát thực. Sau khi ăn xong, trên con đường đi khát thực trở về, Ta đi đến góc cuối của ngôi rừng. Ở tại đấy, Ta lượm cỏ hay lá chất thành một đống, rồi ta ngồi kiết già, lưng thẳng, để niệm trước mặt, ly dục, ly pháp bất thiện, Ta chứng đạt và an trú sơ Thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Làm cho chỉ tịnh tâm và tứ, Ta chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, Ta chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Đoạn lạc và đoạn khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ trước, Ta chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ lạc, xả niệm thanh tịnh.

Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu ta đi kinh hành, thời trong lúc ấy, chỗ kinh hành của Ta thuộc chư Thiên. Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu ta đứng, thời trong lúc ấy, chỗ đứng của Ta thuộc chư Thiên. Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu ta ngồi, thời trong lúc ấy, chỗ ngồi của ta thuộc Chư Thiên. Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu ta nằm, thời trong lúc ấy giường cao và giường lớn của

Ta thuộc chư Thiên. Nay Bà-la-môn, đây là giường cao, giường lớn thuộc chư Thiên, mà Ta có được không khó khăn, được chúng không có mệt nhọc, được chúng không phí sức.

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Ai khác, ngoài Tôn giả Gotama, có thể có được giường cao, giường lớn chư Thiên như vậy, được chúng không có khó khăn, được chúng không có mệt nhọc, được chúng không có phí sức!

6. - Thế nào, thưa Tôn giả Gotama, thế nào là giường cao, giường lớn Phạm thiên, mà Tôn giả Gotama được chúng không khó khăn, được chúng không mệt nhọc, được chúng không phí sức?

Ở đây, này Bà-la-môn, Ta sống gần một làng hay một thị trấn. Buổi sáng, Ta đắp y, cầm y bát, đi vào làng ấy hay thị trấn ấy để khát thực. Sau khi ăn xong, trên con đường đi khát thực trở về, Ta đi đến góc cuối của ngôi rừng. Ở tại đấy, Ta lượm cỏ hay lá chất thành một đống, rồi ta ngồi kiết già, lưng thẳng, để niệm trước mặt. Ta an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ cùng khắp vô biên giới. Ta an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, đại hành, vô biên, không hận, không sân. Với tâm câu hữu với bi, ... Với tâm câu hữu với hỷ, ... Với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai ... quảng đại, đại hành, vô biên, không hận, không sân.

Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu ta đi kinh hành, thời trong lúc ấy, chỗ kinh hành của Ta thuộc Phạm Thiên.

Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu ta đứng, thời trong lúc ấy, chỗ đứng của Ta thuộc Phạm Thiên. Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu ta ngồi, thời trong lúc ấy, chỗ Ta ngồi thuộc Phạm Thiên. Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta nằm, thời trong lúc ấy, các giường cao giường lớn của Ta thuộc Phạm Thiên. Này Bà-la-môn, đây là giường cao, giường lớn thuộc Phạm Thiên, mà Ta có được không khó khăn, được chúng không có mệt nhọc, được chúng không phí sức.

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Ai khác, ngoài Tôn giả Gotama, có thể có được giường cao, giường lớn Phạm Thiên như vậy, được chúng không có khó khăn, được chúng không có mệt nhọc, được chúng không có phí sức!

7. Thế nào, thưa Tôn giả Gotama, thế nào là giường cao, giường lớn bậc Thánh, mà Tôn giả Gotama được chúng không khó khăn, được chúng không mệt nhọc, được chúng không phí sức?

Ở đây, này Bà-la-môn, Ta sống gần một làng hay một thị trấn. Buổi sáng, Ta đắp y, cầm y bát, đi vào làng ấy hay thị trấn ấy để khát thực. Sau khi ăn xong, trên con đường đi khát thực trở về, Ta đi đến góc cuối của ngôi rừng. Ở tại đấy, Ta lượm cỏ hay lá chất thành một đồng, rồi ta ngồi kiết già, lưng thẳng, để niệm trước mặt. Ta biết rõ như sau: "Tham ái đã được Ta đoạn tận, chặt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Sân đã được ta đoạn tận, chặt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Si đã được Ta đoạn tận, chặt đứt từ gốc rễ, làm

cho như thân cây tala, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai.”

Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu ta đi kinh hành, thời trong lúc ấy, chỗ kinh hành của Ta thuộc bậc Thánh. Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu ta đứng, thời trong lúc ấy, chỗ đứng của Ta thuộc bậc Thánh. Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu ta ngồi, thời trong lúc ấy, chỗ Ta ngồi thuộc bậc Thánh. Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu ta nằm, thời trong lúc ấy, các giường cao, giường lớn, của Ta thuộc bậc Thánh. Này Bà-la-môn, đây là giường cao, giường lớn thuộc bậc Thánh, mà Ta có được, không có khó khăn, được chúng không có mệt nhọc, được chúng không phí sức.

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Ai khác, ngoài Tôn giả Gotama, có thể có được giường cao, giường lớn bậc Thánh như vậy, được chúng không có khó khăn, được chúng không có mệt nhọc, được chúng không có phí sức!

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thừa Tôn giả, như người dựng đứng những gì bị quăng ngã xuống, hay trình bày cái gì bị che kín, hay chỉ đường cho người bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện thuyết giảng. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Sớ Giải Bài Kinh Venāga

(AtthakathāVenāgaSutta)

Nên hiểu luận giải trong bài kinh Venāga thứ 63 như sau:

Du hành (**cārika**) có 2 loại: từ **kosalesu** tức vùng nông thôn có tên như vậy. Cụm từ **cārikaṃ caramāno** tức (đức Thế Tôn) ngự đi phật sự du hành đến con đường xa. Thông thường ngự đi du hành của đức Thế Tôn có 2 cách, tức là 1) ngự du hành khẩn cấp 2) ngự đi du hành không khẩn cấp.

Sự việc đức Thế Tôn thấy được người có thể tế độ cho dù trong nơi xa vẫn khẩn cấp ngự đi để lợi ích trong việc giáo hóa cho người đó lãnh hội gọi là ngự đi du hành khẩn cấp. Việc ngự đi du hành khẩn cấp đó nên thấy trong việc dự đi đón ngài **mahākassapa**..., còn sự việc mà đức Thế Tôn khi tế độ thế gian bằng phật sự như đi lại khát thực..., ngự đi tuần tự theo xóm làng mỗi ngày 1 do tuần, 2 do tuần gọi là ngự đi du hành không khẩn cấp. Đức Thế Tôn nhắm vào việc du hành không khẩn cấp này nên thuyết rằng: **carikañcaramāno** trong kệ ngôn bởi việc ngự đi du hành đã đề cập chi tiết diễn giải trong bài kinh **Ambaṭṭhasutta** trong sớ giải kinh Trường Bộ gọi là **sumañgalavilāsini**.

Ngôi nhà Bà-la-môn

Từ **Brahmaṇḍagāmo** tức xóm làng mà các Bà-la-môn đến hội họp với nhau hay xóm làng mà các Bà-la-môn đến thọ thực, gọi là xóm làng Bà-la-môn cả. Trong nơi đây, xóm làng mà các Bà-la-môn đến hội họp với nhau muốn lấy là xóm làng Bà-la-môn. Từ **Tadavasari** tức ngự đi trong xóm làng Bà-la-môn đó, nghĩa là đã ngự đến. Còn việc trú ngụ không xác định được trong nơi này. Do đó, nên hiểu rằng trong nơi không xa xóm làng Bà-la-môn đó có

bìa rừng là một nơi phù hợp với Chư Phật, bậc Đạo Sư ngự đến bìa rừng đó.

Từ **Assosum** tức (tất cả Bà-la-môn gia chủ) nghe được đi đến, tức biết rõ đi theo dòng âm thanh phát ra thành lời nói đến Nhĩ môn. Từ **Kho** là bất biến từ dùng trong ý nghĩa nhấn mạnh (ngăn chặn việc khác) hoặc trong ý nghĩa chỉ là cho câu được đầy đủ. Tất cả 2 loại ý nghĩa đó thì bằng ý nghĩa nhấn mạnh, nên hiểu ý nghĩa như sau: Tất cả Bà-la-môn đã nghe được, nhóm Bà-la-môn gia chủ không có trở ngại của sự nghe nào cả. Và trong việc làm cho đầy đủ câu (điền câu vào cho đầy đủ - **Padapūraṇa**) nên hiểu chỉ là sự bóng bẩy của văn tự mà thôi.

Ý Nghĩa Của Sa-môn

Bấy giờ, để tuyên bố ý nghĩa mà tất cả Bà-la-môn gia chủ đã nghe. Giáo thọ Sư **Samgīti** mới đề cập rằng: **Samano khalu bho Gotamo...** Trong nhóm từ đó nên hiểu rằng, người gọi là Sa-môn (**Samaṇa**) bởi vì đã tịnh chỉ Ác xấu (**Pāpa**). Từ **Khalu** là bất biến từ dùng trong ý nghĩa được nghe nối tiếp nhau, từ **Bho** chỉ là nhóm Bà-la-môn gọi lẫn nhau. Từ **Gotamo** là từ trình bày đến Đức Thế Tôn do mãnh lực dòng tộc. Do đó, trong câu **Samano khalu bho Gotamo** này nên hiểu như vậy: “Này bậc Tiến hóa được, nghe rằng sa môn người dòng tộc **Gotama**,” còn trong từ **Sakyaputto** này là từ trình bày dòng dõi cao cả của Đức Thế Tôn. Cụm từ **Sakyakulā pabbajito** là cụm từ trình bày rằng: Đức Thế Tôn Ngài xuất gia bằng Đức tin.

Giải thích: Đức Thế Tôn Ngài không bị thối hóa, hay bị chi phối chi cả. Ngài từ bỏ dòng dõi chưa (bị) suy vong, xuất gia bằng đức tin.

Cụm từ **Tam kho pana** là cách thứ 2 (**Dutiya vibhatti**) sử dụng trong ý nghĩa nêu rõ bảo rằng là như vậy, tức của Ngài **Gotama** đó. Từ **Kalyāno** tức hội đủ Ân đức hoàn hảo, nghĩa là Cao thượng tột cùng. Từ **Kittisaddo** tức chính danh tiếng đó hoặc tiếng tán thán, từ **Abbhagato** tức lừng lẫy cho đến Thiên giới.

Vấn: Lời ca tụng lừng lẫy như thế nào?

Đáp: Lừng lẫy như **Itipiso Bhagavā... Buddho Bhagavā**. Trong **Pāli** có từ liên quan như Đức Thế Tôn là bậc A La Hán do nhân này, là bậc Chánh Đẳng Giác do nhân này..., là Đức Thế Tôn do nhân này. Trong Ân Đức Phật Ngài lập ra Mẫu đề bằng phương cách..., rằng: Đức Thế Tôn nên hiểu rằng là bậc A La Hán do các nhân này:

1. Bởi vì là Bậc xa lìa phiền não
2. Bởi vì Ngài triệt tiêu tất cả quân thù
3. Bởi vì Ngài bẻ gãy tất cả cãm xe
4. Bởi vì là Bậc xứng đáng thọ lãnh Tứ vật dụng...
5. Bởi vì không có che khuất hành động Ác xấu.

Các câu này được giải rộng ra mỗi câu cho chi tiết trong Xiển Minh tùy niệm Ân Đức Phật (**Buddhā nussati**) trong bộ Kinh đặc biệt Thanh Tịnh Đạo, học viên nên nắm giữ chi tiết các câu đó trong Bộ Kinh đặc biệt gọi là Thanh Tịnh Đạo. Cụm từ **So imam lokam** tức Ngài **Gotama** đó..., trong thế gian này.

Tiếp theo đây sẽ trình bày từ cần phải đề cập, từ **Sadevakam** tức (chúng sanh thế gian) cùng với tất cả Chư thiên, gọi là **Sadevaka** (chúng sanh thế gian), cũng nói đến như vậy, gọi là

Samāraka (chúng sanh thế gian) cùng với Phạm thiên, gọi là **Sabrahmaka**. Nhóm chúng sanh cùng với Sa-môn, Bà-la môn gọi là **Sassamaṇabrahmaṇī**, nhóm chúng sanh gọi là dòng giống (**Pajā**) bởi vì có bản ngã sanh lên từ nước, cũng dòng giống đó mà dòng giống cùng với tất cả chư thiên và nhân loại gọi là **Sadevamanussa**.

Tất cả các từ đó thì từ **sadevaka** nên hiểu rằng ám chỉ đến chư thiên 5 tầng dục giới, bằng từ **samāraka** nên hiểu rằng ám chỉ đến chư thiên tầng dục giới thứ 6, bằng từ **sabrahmaka** nên hiểu rằng ám chỉ đến phạm thiên, bằng từ **sassamaṇabrahmaṇī** nên hiểu rằng ám chỉ đến Sa-môn, Bà-la-môn là người đối nghịch lại phật giáo, và ám chỉ đến Sa-môn, Bà-la-môn là người có tội lỗi đã tịnh chỉ, là người đã buông bỏ tội lỗi. Bằng từ **pajā** nên hiểu là ám chỉ đến chúng sanh thế gian, bằng từ **sadevamanussa** nên hiểu rằng ám chỉ đến chư thiên chế định và nhân loại còn lại. Trong nơi đây chúng sanh thế gian (**sattavaloka**) nên hiểu rằng ngài sử dụng bằng 3 từ, chúng sanh thế gian tức nhóm chúng sanh nên hiểu rằng ngài sử dụng bằng 2 từ như đã giải thích trên.

Một lý khác nữa: Thế gian tầng vô sắc giới ngài sử dụng bằng từ **sadevaka**, chư thiên 6 tầng dục giới ngài sử dụng bằng từ **samāraka**, thế gian của phạm thiên sắc giới ngài sử dụng bằng từ **sabrahmaka**, thế gian nhân loại cùng với 4 hội chúng hay chư thiên chế định hoặc tất cả chúng sanh thế gian còn lại ngài sử dụng bằng từ **sassamaṇabrahmaṇa**... về phần các giáo thọ sư tiền bối đề cập rằng **sadevakam** tức thế gian còn lại cùng với tất cả chư thiên, từ **Samarakam** tức thế gian còn lại cùng với Ma vương. Từ **Sabrahmakam** tức thế gian còn lại cùng với Phạm thiên. Để gom chúng sanh vào trong 3 cõi, trong 3 từ bằng 3 tánh chất rồi xác định sử dụng bằng 2 từ nữa Ngài mới thuyết rằng:

Sassamaṇabrahmaṇiṃ pajama sadevamanussaṃ như đã giải thích trên. Ngài xác định 3 giới theo tánh chất đó bằng 5 từ này.

Từ **Sayama** trong cụm từ **Sayama abhiññā saccikatvā pavedeti** nghĩa là do chính Đức Phật mà không có người khác (tế độ). Từ **Abhiññā** nghĩa là bằng Thắng trí, tức Ngài biết bằng Trí vượt trội. Từ **Saccikatvā** tức là Ngài làm cho tỏ tường, rõ ràng Ngài thực hiện việc phân bác những sự suy lường phỏng đoán..., bằng từ **Sacchikatvā** đó. Từ **Pavedeti** tức là Ngài làm cho Biết, cho Hiểu được bằng việc tuyên thuyết.

Đoạn Đầu - Đoạn Giữa - Đoạn Cuối

Cụm từ **So dhammaṃ deseti adikalyāṇaṃ... pariyoṣānakalyāṇaṃ** tức là Đức Thế Tôn dựa vào lòng Bi mẫn đối với tất cả chúng sanh mới ngưng lại (tạm thời việc thuyết Pháp) rồi Ngài thuyết về sự An lạc viễn ly tối thượng.⁽³⁾ Đức Thế Tôn trước khi thuyết về sự An lạc của viễn ly (**Viveka**) ít cũng có, nhiều cũng có Ngài thuyết riêng biệt trường hợp hoàn hảo trong đoạn đầu..., như lời giải thích rằng: Ngài thuyết làm cho hoàn hảo không có lỗi lầm, cả trong phần đầu Ngài thuyết làm cho hoàn hảo không có lỗi lầm cả đoạn giữa và đoạn cuối của việc thuyết giảng. Trong điều đó được giải thích rằng đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối của

³ Trong kinh Pāli rằng: **Hitvāpi anuttaraṃ vivekasukhaṃ**. Ngài Giáo Thọ Sư **Tikā** giảng giải rằng: Đức Thế Tôn đang thuyết Pháp, sát-na làm cho Hội chúng nói lời **Sādhu** hoặc suy xét Pháp đã nghe thì Ngài tạm thời ngưng lại việc Thuyết pháp, bắt đầu Ngài nhập vào Thiền quả (**Phalasamāpatti**) và Ngài xuất ra khỏi Thiền quả tùy theo thời gian ấn định rồi Ngài mới Thuyết pháp kế tiếp, sau thời gian dừng nghỉ.

việc Thuyết giảng hiện hữu thì đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối của Giáo pháp (lời Giáo hóa) cũng hiện hữu.

Đối với việc thuyết giảng trong Kệ ngôn 4 câu thì câu thứ 1 gọi là đoạn đầu, 2 câu kế tiếp là đoạn giữa, 1 câu trong phần cuối gọi là đoạn cuối. Đối với bài Kinh chỉ có một sự tương quan (**Anusandhi**), thì câu khởi đầu là đoạn đầu, câu kết thúc rằng **Idamavoca** (được nói như vậy) là đoạn cuối, phần giữa cả 2 câu đầu và câu cuối là đoạn giữa. Đối với bài Kinh có nhiều mối tương quan thì mối tương quan đầu tiên là đoạn đầu, mối tương quan cuối cùng là đoạn cuối, chỉ 1 mối tương quan cũng có, 2 mối tương quan cũng có, nhiều mối tương quan (hơn một hoặc hai) cũng có trong phần giữa, tất cả là đoạn giữa. Đối với Giáo Pháp (lời Giáo hóa) thì Giới-Định và Minh quán (**Vipassanā**) gọi là đoạn đầu. Tương hợp như lời mà Đức Thế Tôn thuyết rằng: “Thế nào là đoạn đầu của tất cả Thiện pháp? Giới thanh tịnh và Chánh kiến (**Sammāditṭhi**) là đoạn đầu của tất cả Thiện pháp,” còn Thánh đạo (**Ariyamagga**) được nêu lên thuyết rằng: “Này các Tỳ khưu, con đường Trung đạo (**Majjhimapaṭipadā**) mà Như Lai đã thuyết đang hiện hữu, gọi là đoạn giữa, Quả và Niết-bàn gọi là đoạn cuối,” trong câu: Này Bà la môn do nhân đó người mới thực hành, đó là (bên) bờ. Niết-bàn mà Ngài thuyết rằng là đoạn cuối, trong câu: Này Hiền giả **Visākha** Ngài đang thực hành Phạm hạnh để tác chứng Niết-bàn, có Niết-bàn là nơi đặt đến trong vị lai, có Niết-bàn là sau cùng.

Trong nơi Ngài muốn lấy đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối của việc thuyết giảng bởi vì Đức Thế Tôn trước khi thuyết pháp cũng thuyết Giới (**Sīla**) là đoạn đầu, Ngài thuyết Đạo (**Magga**) trong đoạn giữa, rồi Ngài thuyết Niết-bàn trong đoạn cuối. Do đó, Giáo thọ Sư **Samgītika** mới đề cập rằng Đức Thế Tôn thuyết pháp hoàn hảo trong đoạn đầu, hoàn hảo trong đoạn giữa, hoàn hảo trong

đoạn cuối. Vì vậy cho dù bất cứ vị Pháp Sư nào khác trước khi thuyết: Cũng phải thuyết về Giới trong đoạn đầu, phải thuyết Đạo trong đoạn giữa, phải thuyết Niết-bàn trong đoạn cuối. Đây gọi là nền tảng hoàn hảo của vị Pháp Sư.

Cụm từ **Sāttam sabyañjanam** tức việc thuyết giảng của vị Pháp sư nào diễn giảng đến cháo, cơm tẻ, người nam và người nữ... (nuơng vào các điều này là nhân đề cuốn hút mới thuyết), pháp sư đó không gọi là Thuyết pháp đầy đủ ý nghĩa (lợi ích).

Đức Thế Tôn từ bỏ thuyết pháp bằng chỉ ngón ấy mà Ngài thuyết nuơng vào Tứ niệm xứ..., cho nên Giáo thọ Sư **Samgīti** mới đề cập rằng Ngài thuyết pháp đầy đủ với ý nghĩa (lợi ích). Còn việc thuyết pháp của vị Pháp sư nào kết hợp cùng với sự phát ngôn chỉ một trường hợp cũng có..., sự phát ngôn mà mất đi mỗi chữ cũng có, mất đi tất cả sự phát ngôn, cả giọng mũi của sự phát ngôn cũng có thì việc thuyết pháp của vị Pháp sư đó gọi là không có phát ngôn (**Byañjana**), bởi vì có sự phát ngôn không đầy đủ, giống như ngôn ngữ của nhóm người rừng, như dân **Damīla**, dân **Kirāyataka** và dân **Yomaka**... Tuy nhiên Đức Thế Tôn thuyết pháp làm cho việc phát ngôn (**Byañjana**) được đầy đủ, Ngài không bỏ sót việc phát ngôn cả 10 loại được nói đến như sau:

Việc nhận biết vấn đề Phát Ngôn có 10 loại:

- 1- Giọng yếu (**Sithila**)
- 2- Giọng mạnh (**Dhanita**)
- 3- Giọng kéo dài (**Dīgha**)
- 4- Giọng ngắn (**Rassa**)
- 5- Giọng nhẹ (**Lahu**)

6- Giọng nặng (**Garu**)

7- Giọng mũi (**Niggahita**)

8- Đọc dính theo nguyên âm sau (**Sambandha**)

9- Từng đọc tách rời (**Vavaṭṭhita**)

10- Đọc mở miệng (**Vimutta**).

Do đó, Ngài Giáo thọ Sư **Samgītika** mới đề cập rằng Ngài thuyết Pháp đầy đủ bằng việc Phát ngôn. Từ **Kevalam** trong câu **Kevalaparipunṇam** này là từ dùng để thay thế từ **Sakalam** ám chỉ đến tất cả. Từ **Paripunṇam** ám chỉ đến không thiếu không dư.

Giải thích: Đức Thế Tôn thuyết pháp hoàn toàn đầy đủ tất cả, cho dù thuyết một vấn đề mà không đầy đủ thì không có. Từ **Parisuddham** tức không có Tùy phiền não (**Upakilesa**).

Giải thích: Vị pháp sư thuyết Pháp với mong cầu rằng: Ta sẽ được lợi lộc hoặc tôn kính do nương vào Pháp thuyết này, thì việc thuyết giảng của vị Pháp sư đó gọi là không Thanh tịnh.

Nhưng đối với Đức Thế Tôn Ngài không mong cầu tài sản vật chất (**Lokāmisā**) Ngài có tâm nhu nhuyễn rải lợi ích hỗ trợ bằng việc phát triển tâm Từ; Ngài thuyết Pháp bằng tâm đang giữ vững trong việc tán thán. Vì vậy, Giáo Thọ Sư **Samgītika** mới đề cập rằng: Ngài thuyết Pháp thanh tịnh. Từ **Brahmacariyam** trong cụm từ **Brahmacariyam pakāseti** này tức Giáo pháp (lời Giáo hóa) được gom vào Tam học, cho nên Ngài Giáo thọ Sư mới đề cập rằng: Ngài tuyên bố Phạm hạnh. Nên hiểu ý nghĩa trong câu này rằng: Đức Thế Tôn vị ấy thuyết Pháp hoàn hảo trong đoạn đầu... Thanh tịnh và khi Ngài thuyết Pháp như vậy gọi là Ngài tuyên bố Giáo Pháp Phạm Hạnh (**SāsanaBrhmacariya**), tất cả

được gom vào Tam học. Từ **Brahmacariyaṃ** tức Hạnh (**Cariya**) gọi là Phạm thiên (**Brahma**) do ý nghĩa Cao quý tột cùng.

Một lý khác nữa: Hạnh của tất cả vị Cao quý như Đức Phật gọi là Phạm Hạnh.

Cụm từ **Sādhu kho pana** tức sự Thấy được các bậc A La Hán là báu vật, như lời giải thích rằng: Đem lợi ích đến cho, đem An lạc đến cho. Cụm từ **Tathārūpānaṃ arahaṃ** tức tất cả bậc A La Hán như Ngài **Gotama** là Vị khó thấy được, bởi trải qua thời gian lâu dài đến nhiều trăm ngàn **Koṭi** Đại kiếp (mới thấy được) có thân thể cuốn hút tâm, chói sáng bởi 32 Đại nhân tướng tuyệt hảo, tô điểm bằng 80 tướng phụ (**Anubyañjana**) bao quanh bởi hào quang lan tỏa ra khoảng 1 sải tay đáng ngắm nhìn, có dòng âm thanh Thuyết pháp vô cùng thanh tao, được xưng hô (danh tánh) là bậc A La Hán trên thế gian, bởi vì chứng đắc Ân Đức theo Sự Thật. Cụm từ **Dassanaṃ hoti** tức cho dù chỉ mở mắt, tia sáng Đức Tin..., nhìn xem cũng là điều tốt đẹp bởi vì tạo khuynh hướng như vậy, nếu như khi Đức Phật là Ngài **Gotama** đang thuyết Pháp với giọng giống như tiếng Phạm thiên hội đủ 8 chi mà chúng ta nghe được khoảng 1 câu thì sẽ được hoàn toàn tốt hơn nữa. Cụm từ **Yena Bhagavā tenupasaṃka mimsu** tức là tất cả dân **Venāgapura** từ mọi thứ công việc có tâm vui thích. Trong từ **Añjalimpaṇāmetvā** này nghĩa là nhóm người nào cùng vào với nhau cả 2 bên: Chánh kiến và Tà kiến, nhóm người đó suy nghĩ rằng: Nếu nhóm Tà kiến phản bác chúng ta rằng: “Vì sao, các vị đánh lễ Sa-môn **Gotama**?” chúng tôi sẽ trả lời với nhóm Tà kiến đó rằng: “Ngay cả nguyên nhân chấp tay xá chào thì cũng xếp vào là đánh lễ hay sao?” nếu nhóm Chánh kiến phản bác lại nhóm chúng ta rằng: “Vì sao, các vị không đánh lễ Đức Thế Tôn?” Chúng ta sẽ trả lời rằng: “Bởi vì cái đầu mà đụng xuống mặt đất thì được xếp vào là đánh lễ thì ngay cả

việc chấp tay cũng xem như đánh lễ giống nhau không phải chăng?”

Tuyên Bố Tên và Dòng Tộc

Từ **Nāmagottam** tức tất cả dân **Venāgapura** khi nói rằng: “Bạch Ngài **Gotama**, con tên **Datta** là con trai của người đó, tên **Mitta** là con trai của người kia..., đến nơi đây,” gọi là tuyên bố tên. Khi nói rằng: “Bạch Ngài **Gotama**, con tên **Vāsetṭha**, con tên **Kaccāna**..., đến trong nơi đây,” gọi là tuyên bố dòng tộc. Tương truyền rằng, nhóm dân **Venāgarupa** đó nghèo khổ là những người già cũng làm như vậy với mong muốn rằng: “Chúng ta sẽ được biểu lộ tên và dòng tộc giữa hội chúng,” nhóm dân **Venāgarupa** nào ngồi lặng thinh thì nhóm dân **Venāgarupa** đó là người bòn xén, là người ngu dốt. Trong tất cả nhóm người đó, thì nhóm Bốn xén suy nghĩ rằng: “Khi chúng ta đàm luận mà phát biểu 1 lời, 2 lời thì **Samôn Gotama** cũng sẽ quen biết, khi có sự quen biết mà không cho 1,2 vá đồ ăn khát thực cũng sẽ không thích hợp,” như vậy trước khi bỏ đi khỏi việc phát biểu đàm luận đó mới ngồi lặng thinh. Nhóm người Ngu dốt thì đang ngồi trong 1 nơi giống như ném cục đất xuống, bởi vì mình không là người hiểu biết.

Từ **Venāgapuriko** tức dân xứ **Venāgapurī**. Từ **Etadavoca** tức dân xứ **Venāgapurī** xem xét kim thân của Đức Như Lai kể từ đầu bàn chân trở lên cho đến đầu ngọn tóc thì thấy kim thân của Đức Như Lai tô điểm bởi 32 Đại nhân tướng chói sáng bởi 80 tướng phụ, vây quanh bởi hào quang của Đức Phật có 6 màu đậm tỏa ra từ kim thân lan rộng trong đất nước, chu vi được 80 hắc tay, mới khởi lên sự bàng hoàng ngạc nhiên. Trước khi tán thán Ân Đức nên mới đề cập rằng: **Acchariyam kho Gotama**.

Tâm Trong Sáng làm Ngũ Quyền Trong Sáng

Tất cả nhóm từ đó thì từ **yāvañcidam** này là từ chỉ rõ đến việc xác định có ước lượng trội hơn. Từ **yāvañcidam** đó liên quan với từ **vippasannam**. Và (tất cả quyền) chùng nào trong sáng, gọi là trong sáng vượt trội, nghĩa là vô cùng trong sáng. Từ **idriyāni** tức là 6 quyền như nhãn..., sự việc 6 quyền đó được trong sáng hiển lộ đối với bà la môn **vacchagotta** bởi vì thấy được nơi mà 5 quyền an trú trong sáng do nhân trong sáng đó thường trong sáng chính tự nơi tâm, bởi vì đối với người có tâm không trong sáng thì sẽ có quyền không trong sáng, ngay cả sự trong sáng của ý quyền cũng được hiện bày đối với bà la môn **vacchagotta** đó. Bà la môn **vacchagotta** nhằm đến sự việc 6 quyền trong sáng như thế này, thế nọ mới nói rằng: **vippasannāni indriyāni**.

Từ **Parisuddho** tức không có Cấu uế, từ **Pariyodāto** tức trong sáng. Cụm từ **Sāradam badarapaṇḍum** tức là các trái táo chín đầy vào mùa thu, thật sự các quả táo chín mùi đó có cả khô và tươi. Từ **Tātapakkam** tức là quả thốt nốt chín mùi. Cụm từ **Sampati bandhanā pamuttam** rơi khỏi cuống trong chính lúc đó.

Giải thích: Thịt của quả thốt nốt chỉ bằng 4 ngón tay chín mà người bứt ra khỏi cuống của (buồng) thốt nốt, rồi lật ngửa mặt lên đặt trên tấm ván gỗ luôn hiện bày màu tươi sáng óng ả với người nhìn. Bà-la-môn **Vacchagotta** ám chỉ quả thốt nốt chín đó mới nói như vậy. Cụm từ **Nekkham jambonadam** tức thối vàng rờng có màu đỏ thắm. Cụm từ **Dukkhakammāra puttasuparikammakatam** tức là con trai của người chủ kim hoàng điều luyện trang hoàng đẹp đẽ. Cụm từ **Ukkā mukhe sukulasampahaṭṭham** tức vàng rờng mà ông chủ kim hoàng có tay nghề nấu chảy trong lò rồi đánh bóng bằng việc dát, cán và gò rồi đánh bóng vuốt lại. Cụm từ **Paṇḍukambale nikkhittam** tức là

ông chủ kim hoàng có tay nghề dùng lửa thổi hơi, đánh lau bằng nanh cọp vàng, lấy nhựa cây bôi rồi đặt trên vải **Kambala** màu đỏ.

Từ **Bhāsate** tức phát ra ánh sáng do có ánh sáng tự sanh, từ **Tapate** tức chiếu sáng do diệt trừ đi sự tối tăm, từ **Virocati** tức lan tỏa rực rỡ chiếu sáng uy nghi. Trong từ **Uccārayanamahāsayanāni** này được giải thích như sau: Nơi nằm (cao) hơn kích cỡ gọi là nơi nằm cao. Nơi nằm không thích hợp với sa môn (**Akappiyabhaṇḍa**) cả chiều dài và chiều rộng gọi là nơi nằm to lớn. Bấy giờ trước khi trình bày về nơi nằm cao và nơi nằm to lớn đó Bà-la-môn **Vacchagotta** mới nói rằng: **Seyyathīdam āsandi...**

Giải Thích Câu Chuyện Chỗ Ngồi

Trong từ **Āsandi...**, như giải thích sau đây, gọi là **Āsandi** tức chỗ ngồi cao hơn kích cỡ, gọi là **Pallamka** (giường hoặc bục) mà Họ làm bằng các hình dáng chúng sanh hung ác đặt nơi chân (giường, ghế...). Gọi là **Gonaka** tức vải thảm lớn có lông dài, được nghe rằng lông của tấm vải lớn đó (dài) hơn 4 ngón tay, gọi là **Cittika** tức tọa cụ lông cừu lông lấy bằng ngọc báu. Gọi là **Pātikā** tức tọa cụ có bông hoa dày đặc gọi là thảm me rừng, gọi là **Tūlikā** tức tọa cụ làm từ bông gòn nhồi nhét đầy bằng 1 loại bông gòn nào trong 3 loại bông gòn. Gọi là **Vikatikā** tức tọa cụ lông cừu (mỹ thuật) bằng hình sư tử chúa và hổ vằn... Gọi là **Uddhalomī** tức tọa cụ lông cừu có người nam 2 phía. Một số vị Giáo thọ Sư đề cập rằng: Tọa cụ lông cừu có bông hoa nổi lên chỉ 1 phía. Gọi là **Ekantalomī** tức tọa cụ lông cừu có người nam chỉ 1 phía. Một số vị Giáo thọ Sư đề cập rằng: Tọa cụ lông cừu có bông hoa nổi lên cả 2 phía. Gọi là **Katṭhissa** tức tọa cụ làm từ tơ tằm khâu đính bằng ngọc báu, gọi là **Koseyya** tức tọa cụ làm từ sợi tơ tằm khâu đính

bằng ngọc báu giống nhau. Gọi là **Kuttaka** tức tọa cụ lông cừu kích cỡ mà 16 nàng vũ công đứng lượn múa được. Gọi là tọa cụ voi..., tức tọa cụ trải trên lưng voi..., và tọa cụ làm biểu hiện hình con voi... Gọi là **Ajinappavēni** tức tọa cụ lấy da cạp khâu lại làm bằng kích cỡ cái giường. Từ còn lại có ý nghĩa như đã đề cập trong phần đầu.

Từ **Nikāmalābhī** dịch là (Sa-môn **Gotama**) thông thường theo mong muốn, tức thông thường được nằm nơi cao và to lớn theo mong muốn. Từ **Akicchālābhī** tức thông thường được bởi không khó khăn, từ **Akasiralābhī** tức thông thường nằm nơi hoàn hảo, là thông thường được nằm nơi to lớn.

Bà-la-môn **Vacchagotta** đề cập ám chỉ rằng Sa-môn **Gotama** sẽ thấy được nơi nằm cao quý đích thực. Được nghe rằng bà la môn này hiểu rõ trong việc nằm (đúng chỗ nằm), y thấy rằng các quyền của Đức Thế Tôn trong sáng tưởng rằng Sa-môn **Gotama** ngồi và nằm trên chỗ nằm cao và chỗ nằm to lớn chắc thật chỉ bấy nhiêu. Do đó, tất cả quyền của Ngài mới trong sáng, màu da mới thanh tịnh, trong trẻo nên nói lời lợi ích của trú xứ này.

Trong cụm từ **Laddhā ca pana na kappanti** này được giải thích theo **Pāli** rằng: Một số tọa cụ dùng được, nghĩa là sợi pha tơ toàn là để trải lót trên giường cũng được, tọa cụ làm bằng vải lông thú..., trải lót bằng cách dùng làm vật trải nền cũng được, cắt bỏ chân ghé chỗ ngồi (rời ngồi) cũng được, phá bỏ hình thú dữ của bọc (rời ngồi) cũng được, xé chỗ ngồi nhờ bông lấy đem đi làm gối cũng được, ngay cả các tọa cụ này cũng phải làm theo cách thức như nhau bởi vì dựa vào đồ vật không phù hợp (**Akappiya**) với sa môn, tất cả tọa cụ đó Đức Thế Tôn phán rằng không phù hợp.

Cụm từ **Vanantayeva pacāsayamī** tức là Như Lai đi đến rừng. Từ **Yadeva** tức **Yāniyeva** (dịch là nhóm nào). Cụm từ **Pallaṅkaṃ ābhujitvā** tức ngồi làm chỗ ngồi dính sát bắp đùi với nhau (ngồi kiết già). Cụm từ **Ujūṃ kāyaṃ paṇidhāya** tức đặt thân thẳng làm cho 18 đốt xương sống kèm giữ từ đầu cho đến cuối. Cụm từ **Parimukhaṃ satim upaṭṭhapetvā** tức đặt Niệm hướng thẳng đối với đề mục (**Kammaṭṭhāna**) hoặc Ghi nhận và việc dẫn xuất (khỏi Khổ) cho hiện bày rõ. Phù hợp như lời Thuyết rằng: Từ **Pari** có nghĩa là Ghi nhận (trọn vẹn). Từ **Mukhaṃ** có nghĩa là Dẫn xuất. Từ **Sati** có nghĩa là Vững trú, vì vậy Đức Thế Tôn mới Thuyết rằng: Đặt niệm ngay trước mặt. Cụm từ **Upasampajja viharāmi** tức là Như Lai làm cho tỏ tường.

Đức Phật Nhập Thiên Đi Kinh Hành

Từ **Evambhūto** tức là (Như Lai) là bậc tròn đủ bởi một loại thiên nào trong tất cả bậc thiên như sơ thiên... cụm từ **dibbo me eso tasmim samaye caṅkamohoti** tức là việc đi kinh hành của Như Lai là Bậc nhập vào bốn Thiên hữu sắc đi kinh hành, được gọi là sự kinh hành của Chư Thiên, cho dù khi Như Lai xuất ra khỏi định chứng đi kinh hành thì sự kinh hành đó gọi là sự kinh hành của chư thiên giống nhau.

Cụm từ **So evaṃ pajānāmi rāgo me pahīno** tức là Đức Thế Tôn trước khi thuyết “Tham ái được đoạn trừ bằng A La Hán đạo tại Bảo Tọa Đại Giác (**MahāBodhipallanka**),” mới thuyết rằng: **So evaṃ pajānāmi rāgo me pahīno**. Ngay cả trong từ còn lại cũng có lý như vậy.

Vấn: Bằng chỉ từ này xem như thuyết đến Pháp gì?

Đáp: Đức Thế Tôn thuyết đến việc **Quán xét** (Trí phản khán - **Paccavekkhaṇāṇa**). Đức Thế Tôn thuyết đến việc nhập Thiền quả (**Phalasamāpatti**) bằng việc Quán xét. Thật vậy, oai nghi như việc đi kinh hành..., của bậc thánh nhập thiền quả hay bậc xuất khỏi thiền quả được gọi là việc kinh hành của bậc thánh... từ còn lại trong bài kinh này tất cả đều dễ.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Venāga



Chánh kinh Bài Kinh du sĩ Sarabha

64.- Sarabha

1. Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), tại núi Gijjhakūta (Linh Thứu).

Lúc bấy giờ, du sĩ Sarabha, từ bỏ pháp và Luật này không bao lâu, đang tuyên bố như sau với hội chúng ở Rājagaha: “Ta đã hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử. Và vì hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử, nên ta đã từ bỏ Pháp và Luật ấy.”

2. Rồi có nhiều Tỷ-kheo, vào buổi sáng đắp y, cầm bát y đi vào Rājagaha để khát thực. Các vị Tỷ-kheo ấy, nghe du sĩ Sarabha tuyên bố như sau với hội chúng ở Rājagaha: “Ta đã hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử. Và vì hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử, nên ta đã từ bỏ Pháp và Luật ấy.”

Rồi các vị Tỷ-kheo đi khát thực ở Rājagaha xong, trên con đường khát thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế

Tôn rời ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Du sĩ Sarabha, bạch Thế Tôn, đã từ bỏ Pháp và Luật này không bao lâu. Vị ấy tuyên bố: "Ta đã hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử. Và vì hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử, nên ta đã từ bỏ Pháp và Luật ấy." Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn vì lòng lân mẫn, hãy đi đến du sĩ Sarabha!"

Thế Tôn im lặng nhận lời.

3.- Thế Tôn vào buổi chiều, từ chỗ Thiền định đứng dậy, đi đến bờ sông Sappinikāti, khu vườn của các du sĩ, đến du sĩ Sarabha; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xuống, Thế Tôn nói với du sĩ Sarabha:

- Có thật chăng, này Sarabha, Ông đã nói như sau: "Ta đã hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử. Và vì hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử, nên ta đã từ bỏ Pháp và Luật này?"

Khi được nghe nói như vậy, du sĩ Sarabha giữ im lặng.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với du sĩ Sarabha: - Hãy nói lên, này Sarabha, Ông đã hiểu rõ pháp các Sa-môn Thích tử như thế nào? Nếu Ông hiểu chưa được đầy đủ, thì Ta sẽ làm cho được đầy đủ. Nhưng nếu Ông hiểu được đầy đủ, thì Ta sẽ hoan hỉ tiếp nhận.

Lần thứ hai, du sĩ Sarabha giữ im lặng.

4. Lần thứ ba, Thế Tôn nói với du sĩ Sarabha: - Chính do Ta, này Sarabha, pháp các Sa-môn Thích tử được trình bày lên. Hãy nói lên, này Sarabha, Ông đã hiểu rõ pháp các Sa-môn Thích tử

như thế nào? Nếu Ông hiểu chưa được đầy đủ, thời Ta sẽ làm cho được đầy đủ. Nhưng nếu Ông hiểu được đầy đủ, thời Ta sẽ hoan hỉ tiếp nhận.

Lần thứ ba, du sĩ Sarabha giữ im lặng.

Rồi các du sĩ ở Rājagaha nói với du sĩ Sarabha:

- Nay Hiền giả, những điều gì, Hiền giả cần hỏi Sa-môn Gotama, Sa-môn Gotama đã cho Hiền giả có cơ hội nói lên. Hãy nói lên, này Sarabha, Hiền giả đã hiểu pháp các Sa-môn Thích tử như thế nào? Nếu Hiền giả hiểu chưa được đầy đủ, Sa-môn Gotama sẽ làm cho đầy đủ. Nếu Hiền giả hiểu được đầy đủ, Sa-môn Gotama sẽ hoan hỷ tiếp nhận.

Được nói như vậy, du sĩ Sarabha giữ im lặng, hoang mang, rụt vai, cúi đầu, sững sờ, không thể trả lời.

5. Rồi Thế Tôn biết được du sĩ Sarabha đang giữ im lặng, hoang mang, rụt vai, cúi đầu, sững sờ, ngồi không trả lời, liền nói với các du sĩ ấy: - Nay các du sĩ, ai nói với Ta như sau: “Dầu Ông tự cho là đã Chánh Đăng Giác, nhưng Ông không có Chánh Đăng Giác các pháp này.” Ở đây, Ta sẽ khéo cật vấn, nạn vấn, thảo luận với người ấy. Người ấy bị Ta khéo cật vấn, nạn vấn, thảo luận như vậy, không có chỗ nào, không có trường hợp nào, ngoài cách dựa vào một trong ba thái độ như sau: Hoặc là tránh né về vấn đề với một vấn đề khác, sẽ hướng dẫn câu chuyện ra ngoài đề tài chính, hay tỏ lộ phần nộ, sân hận, và bất mãn hay im lặng, hoang mang, rụt vai, cúi đầu, sững sờ, không nói gì, như du sĩ Sarabha.

Này các du sĩ, nếu có ai nói về ta như sau: “Dầu Ông tự cho đã đoạn tận các lậu hoặc, nhưng các lậu hoặc này chưa được

đoạn tận!" Ở đây, Ta sẽ khéo cất vấn, nạn vấn, thảo luận với người ấy. Người ấy bị Ta khéo cất vấn, nạn vấn, thảo luận như vậy, không có chỗ nào, không có trường hợp nào, ngoài cách dựa vào một trong ba thái độ như sau: Hoặc là tránh né về vấn đề với một vấn đề khác, sẽ hướng dẫn câu chuyện ra ngoài đề tài chính, hay tỏ lộ phần nộ, sân hận, và bất mãn hay im lặng, hoang mang, rụt vai, cúi đầu, sững sờ, không nói gì, như du sĩ Sarabha.

Này các du sĩ, nếu có ai nói về Ta như sau: "Pháp do Ông thuyết giảng với mục đích chơn chánh đoạn tận khổ đau, không có đưa người thực hành đến mục đích ấy." Ở đây, Ta sẽ khéo cất vấn, nạn vấn, thảo luận với người ấy. Người ấy bị Ta khéo cất vấn, nạn vấn, thảo luận như vậy, không có chỗ nào, không có trường hợp nào, ngoài cách dựa vào một trong ba thái độ như sau: Hoặc là tránh né về vấn đề với một vấn đề khác, sẽ hướng dẫn câu chuyện ra ngoài đề tài chính, hay tỏ lộ phần nộ, sân hận, và bất mãn hay im lặng, hoang mang, rụt vai, cúi đầu, sững sờ, không nói gì, như du sĩ Sarabha.

Rồi Thế Tôn, tại khu vườn các du sĩ, trên bờ sông Sappinnikāti, sau khi rống lên ba lần tiếng rống con sư tử, liền ra đi trên hư không.

6. Các du sĩ ấy, sau khi Thế Tôn ra đi không bao lâu, liền bao vây du sĩ Sarabha, công kích du sĩ Sarabha với những dòng nước nhiếc mắng như sau: - "Này Hiền giả Sarabha, như con đã can già yếu trong rừng rậm nghĩ rằng: "Ta sẽ rống tiếng con Sư tử" nhưng nó chỉ thốt ra tiếng rú con dã can, chỉ thốt ra tiếng rú con thú ăn thịt. Cũng vậy, này Hiền giả Sarabha, ngoài Sa-môn Gotama có thể có tiếng rống con sư tử, Ông nghĩ: "Ta sẽ rống

tiếng rống con sư tử” nhưng Ông chỉ thốt ra tiếng rú con dã can, chỉ thốt ra tiếng rú con thú ăn thịt.

Ví như, này Hiền giả Sarabha, con gà con nghĩ rằng: “Ta sẽ gáy lên tiếng gáy con gà trống,” nhưng nó chỉ có thể thốt ra tiếng kêu con gà con. Cũng vậy, này Hiền giả Sarabha, ngoài Sa-môn Gotama có thể gáy lên tiếng gáy gà trống, Ông nghĩ: “Ta có thể gáy lên tiếng gáy con gà trống,” nhưng Ông chỉ thốt ra tiếng gáy con gà con.

Ví như, con bò cái con, này Hiền giả Sarabha, khi chuồng bò trống không, nghĩ rằng có thể rống tiếng rống sâu đậm con bò đực. Cũng vậy, này Hiền giả Sarabha, ngoài Sa-môn Gotama ra, Ông nghĩ rằng Ông có thể rống lên tiếng rống sâu đậm con bò đực, nhưng Ông chỉ thốt ra tiếng rống con bò cái con.

Như vậy, các du sĩ ấy bao vây du sĩ Sarabha, công kích du sĩ Sarabha với những dòng nước.nhiếc mắng như vậy.

Sớ Giải Bài Kinh du sĩ Sarabha

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh du sĩ Sarabha thứ 64 như sau:

Từ **Rājagahe** tức trong kinh thành có tên như vậy. Cụm từ **Gijjhakūṭe pabbate** tức núi đó có đỉnh giống như con chim kên kên.

Một lý khác nữa: Gọi là **Gijjhakūṭa** bởi vì chim kên kên ở trên đỉnh núi đó, tại núi **Gijjhakūṭa** đó. Bằng từ **Gijjhakūṭe** này Thuyết đến nơi ở của Đức Thế Tôn Ngài đang ngự bằng cách lấy thành **Rājagaha** làm xóm làng.

Giải thích: Họ xây dựng Tịnh xá dâng đến Đức Như Lai trên núi **Gijjhakuṭa** cho nên từ **Gijjhakuṭavihāro** mới là tên của Tịnh xá. Trong thời kỳ đó du sĩ **Sarabha** này ngụ tại nơi đó. Cụm từ **Sarabho nāma paribbājako acirapakkanto hoti** nghĩa là du sĩ có tên **Sarabha** đã xuất gia trong giáo pháp này không lâu thì lánh ra đi, nghĩa là không bao lâu thì hoàn tục.

Thật vậy, khi bậc Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian, nhóm tu sĩ ngoại đạo cùng nhau suy giảm lợi lộc, cung kính. Lợi lộc, cung kính phát sanh lên vô số đối với Tam Bảo, như giáo thọ sư **Samgāhaka** đề cập rằng: Vào thời kỳ đó Đức Thế Tôn là Vị mà tất cả mọi người cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường kính nể, là vị nhận được đồ phụ thuộc như Y, đồ ăn khát thực, trú xứ và thuốc trị bệnh. Còn tất cả Tu sĩ ngoại đạo khác và các du sĩ thì không được cung kính, tôn trọng, tin tưởng, cúng dường và kính nể, không nhận được đồ phụ thuộc như Y, đồ ăn khát thực, trú xứ và thuốc trị bệnh.

Tu sĩ ngoại đạo khác khoảng 500 nhóm bị suy giảm lợi lộc và cung kính mới hẹn nhau tụ họp trong Chùa một nơi ở của du sĩ bàn bạc nhau rằng: “Này các vị, ban đầu từ lúc Sa-môn **Gotama** xuất hiện thì nhóm chúng ta trở thành người suy giảm lợi lộc, cung kính..., các vị hãy suy nghĩ tìm lỗi của Sa-môn **Gotama** và môn đồ của Sa-môn **Gotama** khoảng chừng 1 điều để lan truyền lỗi lầm ra, chê bai lời dạy của Sa-môn **Gotama** thì sẽ làm cho lợi lộc, cung kính phát sanh đến tất cả nhóm của chúng ta,” nhóm Tu sĩ ngoại đạo khác khi xem xét lỗi lầm thì nói với nhau rằng: “Nhóm chúng ta không thể tìm thấy lỗi lầm của Sa-môn **Gotama** trong 4 tình trạng tức trong 3 môn và nuôi mạng được, các vị hãy từ bỏ 4 trường hợp trước để xem xét đến trường hợp khác.”Tuần tự sau đó trong giữa nhóm Tu sĩ ngoại đạo đó có một Tu sĩ ngoại đạo nói rằng:

“Tôi không thấy phương kế nào khác, tuy nhiên nhóm Sa-môn này tụ họp nhau mỗi nửa tháng, đóng cửa, cửa sổ không cho ai ngay cả **Sa di** đi vào, cho dù người hộ độ kề cận cũng không nhìn thấy được nhóm sa môn này đọc chú thuật xảo quyết làm cho người mê muội, để làm cho người thay đổi ý định, vào cùng phe nhóm với mình. Nếu chúng ta có thể lấy được chú thuật xảo quyết làm cho người mê muội bằng phương kế này thì lợi lộc, cung kính cao quý sẽ có với nhóm chúng ta,” và 1 người Tu sĩ ngoại đạo khác đứng lên nói giống như vậy rồi tất cả nhóm Tu sĩ ngoại đạo có quan kiến đó chỉ là 1 như nhau. Kể từ đó trở đi, tất cả du sĩ ngoại đạo nói rằng: “Người nào có thể lấy được chú thuật xảo quyết đó thì nhóm chúng ta sẽ tôn lên làm lãnh đạo trong Chủ thuyết của tất cả nhóm chúng ta.”

Tuần tự kể đến nhóm Tu sĩ ngoại đạo hỏi với nhau cho đến người sau cùng, ai có thể đi rằng: “Ngài có khả năng không? Ngài có khả năng không?” Thì phần nhiều trả lời rằng: “Tôi không có khả năng, tôi không có khả năng!” mới cùng nhau hỏi du sĩ **Sarabha** rằng: “Thưa thầy, thầy có khả năng không?” Y đáp rằng: “Việc đến lấy thần chú xảo quyết không phải là vấn đề vượt quá tầm tay, nếu như nhóm các vị nhất quyết làm theo lời của mình là Tôn tôi lên làm lãnh đạo,” thì nhóm Tu sĩ ngoại đạo nói rằng: “Thưa thầy, thầy chớ có lo âu Thầy hãy đi lấy thần chú xảo quyết đi! Ngài làm hoàn thành thì nhóm chúng tôi chắc chắn tôn lên làm lãnh đạo.” Y nói rằng: “Người đến lấy chú thuật xảo quyết được sẽ không thể đến lấy bằng cách trộm cắp hoặc cướp lấy chỉ phải làm thành một nhóm với môn đồ của Sa-môn **Gotama**, tức phải lễ bái môn đồ của Sa-môn **Gotama**, thực hành phạn sự dùng vật thực trong bát với nhóm môn đồ Sa-môn **Gotama** đó mới có thể lấy được, hành vi mà thực hành như thế này, như thế kia nhóm các vị có hài lòng chăng?”

Tất cả Tu sĩ ngoại đạo trả lời rằng: “Ngài hãy làm điều nào để mà đến lấy rồi giao cho chúng tôi.” du sĩ **Sarabha** giao ước với tất cả du sĩ rằng: “Nếu như vậy các vị khi thấy tôi thì phải làm giống như không thấy,” rồi vào ngày kia, thức dậy từ sáng sớm đi đến Đại Tịnh Xá **Gijjhakuṭa** đánh lễ dưới chân các vị Tỳ khuru mà mình đã thấy bằng ngũ thể đầu địa, chư Tỳ Khuru nói với nhau rằng: “Nhóm tu sĩ ngoại đạo khác bướng bỉnh, thô lỗ nhưng có lẽ Tu sĩ ngoại đạo này sẽ là người có Đức tin, có sự Tịnh tín.” Y nói rằng: “Bạch ngài, các Ngài đã xuất gia trong trú xứ thích hợp bởi vì hiểu biết được (Thiền pháp), còn con không suy xét dẫn đến thiệt thòi mới dẫn đi sai lệch đường lối, không dắt dẫn chúng sanh thoát khổ được!” Khi y nói như vậy rồi đánh lễ một vị Tỳ khuru mà mình đã thấy, chuẩn bị nước tắm..., làm cây chà răng cho phù hợp với Luật, rửa chân, thoa dầu, nhận được tàn thực (của Chư Tăng) rồi thọ thực.

Một vị Đại Trưởng Lão thấy Y theo lẽ lối này, mới nói rằng: “Con có Đức tin tịnh tín vì sao không xuất gia?” Y trả lời rằng: “Bạch ngài, ai sẽ cho con xuất gia? Bởi vì nhóm chúng con đã thực hành đối nghịch lại với Ân đức của các Ngài suốt thời gian dài lâu!” Trưởng lão nói rằng: “Nếu con muốn xuất gia, ta sẽ cho xuất gia,” rồi cho Y xuất gia. Kể từ giai đoạn đã xuất gia Y thường xuyên thực hành phạm sự. Trưởng lão hài lòng đối với việc thực hành các phạm sự của Y, không bao lâu thì cho thọ Đại Giới (**Upasampadā**). Trong ngày thọ Đại Giới, y đi vào trong phòng Bồ tát (**Uposatha**) cùng với chư Tỳ khuru, thấy chư Tỳ Khuru tán thán Giới Bản Ba la đề mộc xoa (**Paṭimokkha**) bằng sự nỗ lực nhiều, mới suy nghĩ rằng: “Nhóm Tỳ khuru này tụng đọc chú thuật xảo quyết làm cho người mê muội rồi làm cho thay đổi ý định để vào nhập bọn. Hai, ba ngày nữa thôi ta sẽ tụng đọc được,” y đi đến khuôn viên Thầy tế độ, đánh lễ hỏi rằng: “Bạch ngài, Giới Bản ba la đề mộc xoa này là

Pháp cao tốt phải chăng?” “Phải rồi con, điều học này sẽ duy trì được tất cả Pháp trong Phật giáo.” “Bạch ngài, nếu học Giới pháp (*Sikkhādharmā*) này là Pháp cao tốt, con sẽ học chính học Giới pháp này trước.” Trưởng lão chấp thuận rằng: “Học đi Sư!” Y đang học thì gặp các du sĩ hỏi y rằng: “Thế nào Thầy?” Y mới bảo rằng: “Nhóm các vị chớ suy nghĩ chi cả, 2, 3 ngày nữa tôi sẽ đem về cho.” Không bao lâu thì học cho đến hoàn tất, rồi nói với Thầy tế độ rằng: “Bạch Ngài, chỉ có chừng này hay vẫn còn Pháp khác nữa?” Trưởng lão trả lời rằng: “Này Sư chỉ có chừng này.” Vào sáng hôm sau, Y lâm y như bình thường cầm bát theo lẽ lối từng chấp trì, rồi ra khỏi Chùa *Gijjhakuṭa* đi đến Chùa của du sĩ (*Paribajaka*), các du sĩ thấy Y rồi mới cùng nhau vây quanh Y, hỏi rằng: “Có lẽ không được chú thuật xảo quyết làm cho người mê muội phải chăng?” Y trả lời rằng: “Này các hiền giả, chớ bận tâm, chú thuật xảo quyết làm cho người mê muội ta đem về được rồi, kể từ đây trở đi chúng ta sẽ có nhiều lợi lộc, cung kính, các vị hãy đoàn kết gắn bó nhau chớ tranh cãi gây gổ nhau” các du sĩ nói rằng: “Thưa thầy, nếu Thầy học được rồi thì hãy dạy chú thuật xảo quyết làm cho người mê muội với nhóm chúng tôi,” y mới tụng đọc Giới bốn ba la đề mộc xoa, bắt đầu từ đầu (cho đến kết thúc). Tuần tự sau đó, các nhóm du sĩ nói với nhau rằng: “Đi thôi các vị, nhóm chúng ta sẽ đi vào trong Kinh thành nói lỗi lầm của sa môn **Gotama**.” Khi cổng Thành chưa kịp mở, cùng nhau đi đến gần cổng thành, đi vào trước mọi người, tất cả con đường đã mở cửa. Cụm từ **Sarabho nāma paribbājako acirapakkanto hoti** (không bao lâu du sĩ **Sarabha** trốn tránh đi) Ngài thuyết ám chỉ đến du sĩ đó lẫn trốn đi cùng với hình tướng của mình.

Cũng trong ngày đó Đức Thế Tôn quán xét chúng sanh trên thế gian, trong lúc hừng sáng Ngài nhìn thấy nguyên nhân rằng:

“Ngày này du sĩ **Sarabha** du hành trong Kinh thành rồi phao du, khi Y nói lời chê bai Tam Bảo, gọi là rải thuốc độc xuống rồi đi đến Chùa của du sĩ, ngay đến Đức Như Lai cũng sẽ đi đến tại nơi đó như nhau, thậm chí 4 hội chúng sẽ tụ hội lại trong Chùa của du sĩ đó, trong nơi hội họp đó có 84.000 người được uống nước Bát Tử (**Amata**).” Tuần tự sau đó Đức Thế Tôn suy nghĩ rằng: “Du sĩ **Sarabha** có dịp tuyên bố lỗi lầm theo ý thích,” rồi gọi Trưởng lão **Ānanda** đến phán dạy rằng: “Con hãy đi báo cho Chư Tăng trong 18 nơi ở Đại Tịnh Xá đi khát thực cùng với Như Lai.” Trưởng lão thực hiện theo như vậy.

Tất cả chư Tỳ khưu ai cũng mang theo Y Bát vây quanh Đức Như Lai, bậc Đạo Sư dẫn chư Tỳ khưu Tăng đi khát thực nơi các nhà gần công thành. Về phần du sĩ **Sarabha** cũng đi vào đến Kinh thành cùng với tất cả du sĩ, khi đến giữa nhóm hội chúng thì cửa thành Hoàng cung, cửa nhà quan đại thần và cả 4 nơi đường phố đều mở..., thì Y tuyên bố rằng: “Pháp của tất cả nhóm Sa-môn Thích tử ta đã biết hết...,” ở các nơi đó. Cụm từ chẳng hạn như **So rājagahe parisati evaṃ vācaṃ bhāsati** (Du sĩ đó nói như vậy trong hội chúng tại Kinh thành **Rājagaha**) này Ngài nói ám chỉ đến việc chê bai lỗi lầm đó. Tất cả các từ đó bằng từ **Aññāto** du sĩ **Sarabha** biểu lộ rằng (Pháp của nhóm Sa-môn Thích tử) ta đã biết, tức là đã hiểu, đã học am tường. Từ **Aññaya** tức đã biết. Từ **Apokkanto** tức lẫn trốn đi thậm chí vẫn giữ hình tướng đó (hình tướng Tỳ khưu) trước khi biểu lộ như vậy, mới nói rằng: Nếu giáo pháp của Sa-môn **Gotama** có cốt lõi như thế nào thì sẽ không bỏ trốn đi, nhưng vì Giáo pháp của Sa-môn **Gotama** đó không thực thể, không cốt lõi mà tất cả Sa-môn tụng đọc chú thuật xảo quyết mới lừa gạt dân gian được.

Cụm từ **Athakho sambahulā Bhikkhū** nghĩa là lúc đó khi du sĩ đang nói như vậy, về phần 500 vị Tỳ khuru sống trong rừng không biết rằng bậc Đạo Sư ngự đi khát thực tại nơi đó nên mới đi vào khát thực trong Thành **Rājagaha**, trong lúc đi khát thực. Cụm từ **Athakho sabbahulā Bhikkhū** này Ngài đề cập ám chỉ đến nhóm Tỳ khuru đó. Từ **Assosum** tức được nghe. Cụm từ **Yena Bhagavā tenupasaṅkami** tức đi vào với chủ tâm rằng: Nhóm chúng ta sẽ bạch hỏi vấn đề này từ đấng Thập Lực. Cụm từ **Sippiniyā tīraṃ** tức bờ sông **Sippiniyā**, cụm từ **Adhivāsesi Bhagavā tuṇhībhāvena** được giải thích rằng: (Giữ vững) sự tồn tại nhẫn nại bên trong Ngài nhận biết thuần nhất bằng tâm bởi Ngài không dao động thân và ngữ. Đức Thế Tôn khi Ngài nhận biết (bằng cách im lặng) như vậy rồi. Ngài suy xét tiếp tục rằng: Ngày nay trước khi Như Lai bác bỏ luận điểm của du sĩ **Sarabha**, có lẽ đi chỉ một mình hoặc có chư Tỳ Khuru Tăng tháp tùng vây quanh? Tuần tự sau đó, Đức Phật chấp thuận trong tâm rằng: Nếu ta có chư Tỳ Khuru Tăng vây quanh đi theo thì đại chúng sẽ suy nghĩ rằng: Sa môn **Gotama** trước khi đi vào đến nơi để biện bác luận điểm thì phải kéo nhóm đi theo, dùng sức mạnh của hội chúng, việc biện bác đã khởi hiện không cho phe đối kháng ngẩng đầu lên được khi luận điểm phát sanh đến ta, phận sự bác bỏ luận điểm bằng cách cùng với người khác tháp tùng theo không có đối với ta, một mình ta đi đến biện bác luận điểm đó. Và sự kiện ta là Phật biện bác luận điểm sanh khởi với ta trong hiện tại này không là điều phi thường, bởi vì trong thời gian ta trau giồi (vun bồi) Phật hạnh (**Buddhacariyā**) mà người khác cố tình thay thế phận sự của ta thậm chí khi (ta) tục sanh bằng tâm vô nhân cũng không từng có. Để làm cho ý nghĩa được tỏ tường nên dẫn chúng Bốn Sanh **Kaṇha Jātaka** ra (trình bày) như sau: “Khi nào có công việc nặng nhọc, khi nào đi đường

khó khăn, khi đó chủ nhân cũng buộc con bò **Kaṇha** (vào xe kéo), con bò **Kaṇha** cũng phải dẫn đầu phận sự (kéo xe) đó.”

Câu Chuyện Con Bò Kāḷaka

Tương truyền rằng, trong thời quá khứ một người lái buôn có chiếc xe bò lưu lại trong nhà của một bà lão. Khi đó 1 con bò sữa cái của người lái buôn sanh con vào lúc nửa đêm, nó sanh ra 1 con bò. Bà lão từ đầu nhìn thấy con bò thì khởi lên sự thương mến như con. Vào sáng hôm sau, con trai của người lái buôn có chiếc xe bò nói rằng bà hãy nhận tiền cho thuê nhà của bà.

Bà lão nói rằng: “Ta không cần trao đổi đồ đạc gì khác, con hãy cho con bò con này đến ta đi,” con trai của người lái buôn có chiếc xe bò nói rằng bà hãy nhận nó đi. Bà lão nhận con bò đó rồi nuôi dưỡng, cho uống sữa, ăn cháo, ăn cơm và cỏ..., nó phát triển lớn lên có thân hình mập mạp đầy đặn, dồi dào sức mạnh và siêng năng cùng với đức tánh tốt có tên **Kāḷaka**.

Sau đó khi người lái buôn khác của 1 chiếc xe bò đi đường đến cùng 500 chiếc xe bò, bánh xe bò bị sa lầy trong nơi mà nước đang xối mòn, họ cố gắng buộc 10 con bò kéo, 20 con bò kéo cũng không thể lôi chiếc xe bò lên khỏi lầy được, mới đi đến tìm con bò **Kāḷaka** nói rằng: “Này bậc đại cường lực ta sẽ cho người máng dây leo, xin người giúp dùm kéo xe bò của ta lên đi!,” khi nói như vậy rồi dẫn con bò **Kāḷaka** đi, suy nghĩ rằng con bò khác mà có sức lực kéo cái ách cùng với chiếc xe bò này đi thì không thể được, mới buộc dây vào cái ách chiếc xe bò rồi chỉ buộc 1 mình con bò **Kāḷaka** đó vào, con bò **Kāḷaka** kéo chiếc xe bò lên bờ, kéo cả 500 chiếc xe bò lên được bằng cách tương tự này, nó kéo chiếc xe bò sau cùng lên được rồi (khi nó được tháo gỡ ra khỏi ách) thì giơ cái đầu lên biểu lộ trạng thái mệt lả. Người thương buôn chiếc xe bò

suy nghĩ rằng: “Con bò **Kāḷaka** này khi kéo xe bò có số lượng chừng ấy lên được mà chưa từng làm như vậy, có lẽ nó đòi tiền công,” nên cầm lấy các đồng tiền vàng bằng với số lượng chiếc xe bò, buộc gói tiền 500 đồng tiền vàng (**Kahāpana**) vào cổ của nó. Nó không chịu cho người khác đến gần nó đi thẳng ngay lập tức đến nhà, bà lão nhìn thấy thì cười ra biết rằng là đồng tiền vàng, mới nói rằng: “Con ơi, vì sao con làm như vậy? Con đừng hiểu rằng mẹ được tồn tại sanh mạng bằng tài sản mà con làm công việc nặng nhọc rồi đến giao cho mẹ!” Rồi cho con bò tắm bằng nước ấm, thoa dầu trên thân con bò, rồi dạy rằng từ đây trở đi con đừng làm như vậy nữa.

Đức Thế Tôn suy nghĩ rằng: Bởi vì trong lúc ta trau giồi (vun bồi) Pháp Độ, mà người khác gọi là thay thế phận sự của ta ngay cả sanh lên bằng tâm tục sanh vô nhân cũng không từng có được; Ngài ám chỉ đến chính câu chuyện được nói trên, rồi mới ngự đi đơn độc một mình. Để thuyết về vấn đề đó Ngài mới nói rằng: **Athako Bhagavā sayaṇhasamayam paṭisallānā vuṭṭhito** (Tuần tự sau đó Đức Thế Tôn rời khỏi nơi ẩn cư vào buổi chiều).

Tất cả nhóm từ đó thì Từ **Paṭisallānā** tức là Ngài tỉnh tâm khỏi tất cả cảnh thô thiên, nghĩa là khi xuất khỏi Thiên quả. Từ **Tenupasaṅkami** tức khi tất cả du sĩ loan truyền phao vu (**Nīyakamma**) khắp Kinh thành, rồi ra khỏi Kinh thành hội họp nhau lại tại Chùa của du sĩ ngồi đàm luận với nhau đến Kệ ngôn Sư Tử Hống (**Sīhanādakattha**) như vậy thì các du sĩ hỏi rằng: “Ngài **Sarabha** nếu Sa-môn **Gotama** ngự đến Ngài sẽ làm thế nào?,” du sĩ **Sarabha** trả lời rằng: “Tôi sẽ làm như vậy, khi Sa-môn **Gotama** rống lên 2 cách thì tôi sẽ rống lên 4 cách, khi Sa-môn **Gotama** rống lên 4 cách thì tôi sẽ rống lên 5 cách, khi Sa-môn **Gotama** rống lên 5 cách thì tôi sẽ rống lên 10 cách, khi Sa-môn

Gotama rống lên 10 cách thì tôi sẽ rống lên 20 cách, khi Sa-môn **Gotama** rống lên 20 cách thì tôi sẽ rống lên 30 cách, khi Sa-môn **Gotama** rống lên 30 cách thì tôi sẽ rống lên 40 cách, khi Sa-môn **Gotama** rống lên 40 cách thì tôi sẽ rống lên 50 cách, khi Sa-môn **Gotama** rống lên 50 cách thì tôi sẽ loan báo 100 cách, khi Sa-môn **Gotama** rống lên 100 cách thì tôi sẽ rống lên 1000 cách,” thì Đức Thế Tôn đã đi vào.

Đức Thế Tôn khi ngự vào Ngài vẫn Y hai lớp (mà người dưng đã nhuộm hoàn hảo) Ngài đắp đại y (**Sugatamahācivara**) ngự vào đơn độc chỉ một mình giữa kinh thành, giống như đức vua không có đội quân, bởi vì con đường đi đến chùa của du sĩ ở giữa Kinh thành, tất cả người Tà kiến nhìn thấy cùng nhau đi theo, bởi suy nghĩ rằng: “Tất cả du sĩ loan truyền phao vu (**Niyakamma**) nêu rõ lỗi lầm của Sa-môn **Gotama**, có lẽ Ngài ngự đến để cho nhóm du sĩ đó chấp thuận cho xu hướng theo.” Về phần nhóm người Chánh kiến cũng cùng nhau đi theo, bởi suy nghĩ rằng: “Đức Chánh Đẳng Giác cầm lấy bát và y ngự đi đơn độc một mình, có lẽ ngày nay sẽ có giao tranh Đại Pháp (**Mahādhamma**) với du sĩ **Sarabha**, ngay cả tất cả nhóm chúng ta cũng đồng cùng nhau là nhân chứng trong việc tụ hội đó,” khi đại chúng đang nhìn xem thì bậc Tối Thượng Đạo Sư ngự đi vào chùa của du sĩ.

Tất cả du sĩ nhìn thấy hào quang 6 màu của Đức Chánh Đẳng Giác thành chùm túa ra phóng xuyên qua thân cây, đám cỏ tranh và các cành cây nên cùng nhau ngẩng mặt xem, bởi suy nghĩ rằng: Dù cho bất cứ ngày nào khác cũng chưa từng có được cơ hội xem như vậy “Cái gì vậy?” du sĩ **Sarabha** nghe như vậy rồi thì ngồi cúi mặt, gục mặt xuống đầu gối. Vào thời điểm đó, Đức Thế Tôn khi ngự đến chùa đó, ngồi trên chỗ ngồi mà họ đã trải. Thật vậy, Đức Như Lai là bậc xứng đáng với chỗ ngồi, bởi vì Ngài sanh ra trong

dòng giống cao quý trong xứ Diêm Phù Đề, trong bất cứ nơi nào trở đi Họ sắp đặt chỗ ngồi dành cho riêng Ngài. Đức Thế Tôn ngồi trên Phật tọa (**Buddhā-āsana**) có nhiều giá trị mà Họ đã trải ra như vậy. Cụm từ **Te paribbājakā sarabham paribbājakam etadavocum** nghĩa là: Được nghe rằng, khi đức Chánh Đẳng Giác thuyết chỉ chừng này lời với du sĩ **Sarabha** đó thì chư Tỳ Khuru Tăng theo chân của bậc Đạo Sư đi đến Chùa của các du sĩ, ngay cả 4 hội chúng tu họp nhau trong Chùa của du sĩ. Tuần tự sau đó, nhóm du sĩ đó suy nghĩ rằng: “Thật đáng phi thường sa môn **Gotama** ngự đến trú xứ của nhóm chúng ta, người hướng dẫn tuyên truyền lỗi lầm, loan truyền phao vu khắp cả Kinh thành, người song hành với sự thù hận, là kẻ thù, đối nghịch không nói lời tạo lên sự tranh cãi, xung đột cho dù chút ít nhưng trở lại nói lời dịu dàng tựa như thoa dầu được nấu chín cả 100 lần, tựa như cho uống nước Bất Tử khởi đầu từ lúc đã ngự đến,” thì mọi người mới bạch lời nói này xu hướng theo Đức Chánh Đẳng Giác.

Từ **Yāceyyāsi** tức Ngài nên xin, nên mong muốn, nghĩa là cần. Từ **Tuñhībhūto** tức cho dù là người im lặng. Từ **Maṅkubhūto** tức cho dù chằm dứt quyền lực. Từ **Pattakkhandho** có cỗ cong xuống, từ **Adhomukho** tức (ngồi) cúi mặt. Cụm từ **Sammāsambuddhassa te paṭijānato** tức Ngài tuyên bố rằng: Ta là bậc Chánh Đẳng Giác, tất cả Pháp Như Lai đã Giác ngộ. Từ **Anabhisambuddhā** tức gọi là tất cả Pháp này mà Ngài không Giác ngộ. Từ **Tattha** tức trong các Pháp đó mà Đức Phật thuyết rằng ta chưa được Giác ngộ. Cụm từ **Aññena vā aññaṃ paṭicarissati** nghĩa là hoặc sẽ giấu giếm bằng một loại câu, bằng một loại lời lẽ nào.

Giải thích: Bị hỏi về một loại thì trả lời về loại khác. Cụm từ **Bahiddhā katham apanāmessati** nghĩa là đem lời lẽ khác ngoài

mục đích chính để giấu giếm lời lẽ ban đầu. Từ **Appaccayaṃ** nghĩa là không vui thích lắm, tức trạng thái không vừa lòng. Từ **Pātukarissati** tức sẽ làm cho hiện bày. Trong tất cả trường hợp đó, thuyết về ưu buồn (**Domanassa**) bằng từ **Paccaya** (trạng thái không vừa lòng), thuyết về sự nóng giận (**Koradha**) thì phân loại ra thành nóng giận nhẹ và nóng giận dữ dội bằng cả 2 từ phía trên.

Đức Thế Tôn khi Ngài rống tiếng rống sư tử bằng trường hợp Pháp Vô Sở Úy (**Vesarajja**) đầu tiên rồi, trước khi Ngài rống tiếng rống sư tử bằng trường hợp Pháp Vô Sở Úy thứ hai..., tiếp theo nữa mới Thuyết rằng: **Yo kho maṃ paribbājaka** này. Tất cả nhóm từ đó thì Từ **Yassa kho pana te atthāya dhammo desito** nghĩa là pháp Tứ Thánh Đế mà Đức Phật đã thuyết để được lợi ích đối với Đạo hoặc Quả nào. Cụm từ **Sona niyyāti** tức Pháp đó không dẫn đến, nghĩa là không Giác ngộ (An lạc) Ngài giải thích rằng không làm cho lợi ích, thành tựu. Từ **Takkarassa** được giải thích rằng cho người thực hành theo, tức người tu tập Pháp hành. Cụm từ **Sammā dukkhakkhayāya** tức để chấm dứt tất cả khổ Luân hồi bằng Nhân, bằng Phương cách, bằng Căn nguyên.

Một lý khác nữa: Cụm từ **Yassa kho pana atthāya dhammo desito** tức là Pháp mà Đức Phật thuyết để được lợi ích, là: Nghiệp xứ Bất mỹ (**Asubhakammaṭṭhāna**) để được lợi ích trừ khử Tham ái; tu tiến Tâm từ (**Mettābhāvanā**) để được lợi ích diệt trừ Sân; Chơn pháp (**SaccaDhamma**) tức sự chết, để được lợi ích diệt trừ Si; Niệm hơi thở (**Ānāpānassati**) để được lợi ích diệt trừ Tầm.

Trong cụm từ **So na niyyāti takkarassa sammā dukkhakkhayāya** được giải thích như sau: Pháp đó không dẫn đến, tức không Giác ngộ, nghĩa là không làm cho lợi ích thành tựu để chấm dứt khổ Luân hồi, với cách chơn chánh, tức bằng Nhân

(Hetu), bằng Phương cách (Naya), bằng Căn nguyên (Kāraṇa) đối với người thực hành Pháp theo như Ngài thuyết giáo. Cụm từ **Seyyathāpi sarabho paribbājako** tức Họ sẽ ngồi giống như du sĩ **Sarabha**, ngồi buồn bã mất hết sự thông minh sáng suốt, khi Đức Như Lai Ngài rống tiếng rống sư tử bằng 3 từ rồi, Ngài quay trở lại Thuyết pháp cho hội chúng khoảng 84.000 chúng sanh tại nơi đó được uống nước Bát Tử, bậc Đạo Sư biết rằng hội chúng đã uống nước Bát Tử mới bay lên trên hư không ra đi. Để biểu lộ ý nghĩa đó Ngài thuyết rằng: **Athakho Bhagavā** này. Tất cả nhóm từ đó thì Từ **Sīhanādam** tức sự rống lên cao quý, nghĩa là rống lên không khiếp sợ, tức là rống lên mà không có người sánh bằng. Cụm từ **Vehāsam pakkāmi** tức là Đức Thế Tôn nhập Tứ thiên làm nền tảng cho Thần thông, xuất ra khỏi Thiên Ngài chú nguyện bay lên hư không cùng với chư Tỳ Khuru Tăng, và khi ngự đi như vậy thì ngay lúc đó cũng ngự tại Đại Tịnh Xá **Gijjhakūṭa**.

Cụm từ **Vācāya sannitodakena** tức mĩa mai bằng lời nói, cụm từ **Sañjambharim akamsu** tức các du sĩ nói chầm biếm, nghĩa là nói đụng chạm không ngại ngốt, nói mĩa mai vô cùng. Từ **Brahāraññe** tức trong rừng già. Cụm từ **Sīhanādam nadissāmi** tức loài chó rừng, giả can già nhìn thấy trạng thái của sư tử chúa rống tiếng rống sư tử thì suy nghĩ rằng sư tử chúa là loài bàng sanh thì ta cũng là loài bàng sanh, sư tử chúa có 4 chân thì ta cũng có 4 chân, ta cũng rống tiếng rống sư tử được giống như vậy, nhưng nó không thể rống tiếng rống sư tử trước mặt sư tử chúa được, khi sư tử chúa ra khỏi hang đi tìm vật thực, còn chỉ mình nó, bắt đầu rống tiếng rống sư tử, khi đó, nó cũng chỉ sủa ra tiếng chó rừng, giả can rồi ra đi. Vì vậy nhóm du sĩ mới nói rằng rống lên thành tiếng chó rừng, giả can. Từ **Bhesaṇ ḍakam** là từ đồng nghĩa của Từ **Sīgalaka**.

Một lý khác nữa: Ngài giải thích rằng rỗng tiếng khàn khàn tức rỗng ra thành tiếng không đáng hài lòng. Bằng ví dụ này như **Evameva kho tvam** tất cả du sĩ so sánh với Đức Như Lai, thì Đức Như Lai giống như sư tử chúa, du sĩ **Sarabha** giống như chó rừng, già can. Từ **Ambaka maddarī** tức bất cứ con gà mái nào. Từ **Purisakara vikaṃ ravissāmi** tức nó thấy con gà gáy (tiếng lớn) thì suy nghĩ rằng: Con gà này có 2 chân, 2 cánh thì ta cũng có giống như vậy, ta sẽ gáy như vậy (nhưng) nó không dám gáy trước mặt con gà cồ, khi con gà cồ đi chỗ khác mới dám gáy (nhưng) cũng gáy ra tiếng con gà mái. Do đó, Ngài mới thuyết rằng: **Ambakamaddariravikaṃyeva ravati**. Từ **Usabho** tức con bò đực, từ **Suññāya** nghĩa là rỗng không, tức trừ ra con bò đực có thân hình phát triển. Cụm từ **Gambhī raṃ naditabbam maññati** tức tưởng là tiếng kêu của mình vang xa giống như tiếng của con bò đực thù nhất.

Kết Thúc Sáu Giải Bài Kinh du sĩ Sarabha thứ 64



Chánh Kinh Bài Kinh Kālāmā

65.- Các Vị Ở Kesaputta

1.- Như vậy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn đang đi du hành giữa dân chúng Kosala, cùng với đại chúng Tỷ-kheo, đi đến Kesaputta, thị trấn của các người Kālāmā.

Các người Kālāmā ở Kesaputta được nghe: "Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích ca đã đến Kesaputta. Tiếng đồn tốt đẹp như sau được truyền đi về Sa-môn Gotama: Ngài là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiên Tuệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Sau khi tự thực chứng, Ngài đã giảng dạy chư thiên và loài người, hàng tu sĩ và cư sĩ, vua chúa cùng thường dân, Ngài đã giảng Pháp cao diệu từ chặng đầu, chặng giữa, cho đến chặng cuối; Ngài đã giảng đời sống phạm hạnh chi tiết và rõ ràng, toàn hảo, hoàn toàn tinh khiết. Lành thay, nếu chúng tôi được yết kiến một vị Ứng cúng như vậy."

2.- Rồi các người Kālāmā ở Kesaputta đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, có người đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có người nói lên với Thế Tôn những lời chào đón thăm hỏi, sau khi nói lên những lời chào đón thăm hỏi thân hữu rồi ngồi xuống một bên; có người chấp tay vái chào Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có người xưng tên và dòng họ rồi ngồi xuống một bên; có người im lặng rồi ngồi xuống một bên.

Sau khi ngồi xuống một bên, các người Kālāmā ở Kesaputta bạch Thế Tôn: - Có một số Sa-môn, Bà-la-môn, bạch Thế Tôn, đi đến Kesaputta. Họ làm sáng tỏ, làm chói sáng quan

điểm của mình, nhưng họ bài xích quan điểm người khác, khinh miệt, chê bai, xuyên tạc. Bạch Thế Tôn, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn khác cũng đi đến Kesaputta, họ làm sáng tỏ, làm chói sáng quan điểm của mình, nhưng họ bài xích quan điểm người khác, khinh miệt, chê bai, xuyên tạc. Đối với họ, bạch Thế Tôn, chúng con có những nghi ngờ phân vân: “Trong những Tôn giả Sa-môn này, ai nói sự thật, ai nói láo?”

3. - Đương nhiên, này các Kālāmā, các Ông có những nghi ngờ! Đương nhiên, này các Kālāmā, các Ông có những phân vân! Trong những trường hợp đáng nghi ngờ, các Ông đương nhiên khởi lên phân vân.

Này các Kālāmā, chớ có tin vì nghe báo cáo, chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền, chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc đạo sư của mình.

Nhưng này các Kālāmā, khi nào tự mình biết rõ như sau: “Các pháp này là bất thiện; Các pháp này là đáng chê; Các pháp này bị các người có trí chỉ trích; Các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến bất hạnh khổ đau,” thời này Kālāmā, hãy từ bỏ chúng!

4. Các Ông nghĩ thế nào, này Kālāmā! Lòng tham khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh?

- Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

- Người này có tham, này các Kālāmā, bị tham chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

5. - Các Ông nghĩ thế nào, này các Kālāmā, lòng sân khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh?

- Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

- Người này có sân, này các Kālāmā, bị sân chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

6. - Các Ông nghĩ thế nào, này các Kālāmā, lòng si khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh?

- Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

- Người này có si, này các Kālāmā, bị si chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

7. - Các Ông nghĩ thế nào, này các Kālāmā, các pháp này là thiện hay bất thiện?

- Là bất thiện, bạch Thế Tôn.

- Đáng chê hay không đáng chê?

- Có tội, bạch Thế Tôn.

- Bị người có trí quả trách hay không bị người có trí quả trách?

- Bị người có trí quả trách, bạch Thế Tôn.

- Nếu được thực hiện, được chấp nhận, có đưa đến bất hạnh đau khổ không? Hay ở đây, là như thế nào?

- Được thực hiện, được chấp nhận, bạch Thế Tôn, chúng đưa đến bất hạnh, đau khổ, ở đây, đối với chúng con là vậy.

8. - Như vậy, này các Kālāmā, điều Ta vừa nói với các Ông: “Chớ có tin vì nghe báo cáo, chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền, chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc đạo sư của mình.”

Nhưng này các Kālāmā, khi nào tự mình biết rõ như sau: “Các pháp này là bất thiện; Các pháp này là đáng chê; Các pháp này bị các người có trí quả trách; Các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến bất hạnh khổ đau,” thời này Kālāmā, hãy từ bỏ chúng! Điều đã được nói lên như vậy, chính do duyên như vậy được nói lên.

9. Này các Kālāmā, chớ có tin vì nghe báo cáo, chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có

tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền, chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc đạo sư của mình.

Nhưng này các Kālāmā, khi nào tự mình biết như sau: "Các pháp này là thiện; Các pháp này là không đáng chê; Các pháp này không bị các người có trí chỉ trích; Các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến hạnh phúc an lạc," thời này Kālāmā, hãy tự đạt đến và an trú!

10. Các Ông nghĩ thế nào, này các Kālāmā, không tham, khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy, là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

- Hạnh phúc, bạch Thế Tôn.

- Người này không tham, này các Kālāmā, không bị tham chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy hạnh phúc an lạc lâu dài hay không?

- Thừa có, bạch Thế Tôn.

11. - Các Ông nghĩ thế nào, này các Kālāmā, không sân, khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

- Hạnh phúc, bạch Thế Tôn.

- Người này không sân, này các Kālāmā, không bị sân chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo, khích lệ

người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có đem lại đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho người ấy hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

12. - Các Ông nghĩ thế nào, này các Kālāmā, không si khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

- Hạnh phúc, bạch Thế Tôn.

- Người này không si, này các Kālāmā, không bị si chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có đem lại hạnh phúc an lạc lâu dài cho người ấy hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

13. - Các Ông nghĩ thế nào, này các Kālāmā, các pháp này là thiện hay bất thiện?

- Là thiện, bạch Thế Tôn.

- Các pháp này là đáng chê hay không đáng chê?

- Không đáng chê, bạch Thế Tôn.

- Bị người có trí quở trách hay được người có trí tán thán?

- Được người trí tán thán, bạch Thế Tôn.

- Nếu được thực hiện, được chấp nhận, có đưa đến hạnh phúc an lạc không, hay ở đây, là như thế nào?

- Được thực hiện, được chấp nhận, bạch Thế Tôn, chúng đưa đến hạnh phúc, an lạc. Ở đây, đối với chúng con là vậy.

14. - Nay các Kālāmā, chớ có tin vì nghe báo cáo, chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình; chớ có tin vì đúng theo một lập trường; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền, chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc đạo sư của mình.

Nhưng nay các Kālāmā, khi nào tự mình biết rõ như sau: "Các pháp này là thiện; Các pháp này là không có tội; Các pháp này được người có trí tán thán; Các pháp này nếu được thực hiện, được chấp nhận đưa đến hạnh phúc an lạc," thời này Kālāmā, hãy chứng đạt và an trú! Điều đã được nói lên như vậy, chính do duyên như vậy được nói lên.

15. - Nay các Kālāmā, vị Thánh đệ tử nào ly tham, ly sân, ly si như vậy, tỉnh giác, chánh niệm, với tâm câu hữu với Từ biến mãn một phương; cũng vậy phương thứ hai; cũng vậy phương thứ ba; cũng vậy phương thứ tư.

Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với Từ, quảng đại, đại hành, vô biên, không hận, không sân.

Vị Thánh đệ tử nào ly tham, ly sân, ly si như vậy, tỉnh giác, chánh niệm, với tâm câu hữu với Bi biến mãn một phương; cũng vậy phương thứ hai; cũng vậy phương thứ ba; cũng vậy phương thứ tư.

Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm

câu hữu với Bi, quảng đại, đại hành, vô biên, không hận, không sân.

Vị Thánh đệ tử nào ly tham, ly sân, ly si như vậy, tỉnh giác, chánh niệm, với tâm câu hữu với Hỷ biến mãn một phương; cũng vậy phương thứ hai; cũng vậy phương thứ ba; cũng vậy phương thứ tư.

Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thủy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với Hỷ, quảng đại, đại hành, vô biên, không hận, không sân.

Vị Thánh đệ tử nào ly tham, ly sân, ly si như vậy, tỉnh giác, chánh niệm, với tâm câu hữu với Xả biến mãn một phương; cũng vậy phương thứ hai; cũng vậy phương thứ ba; cũng vậy phương thứ tư.

Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thủy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với Xả, quảng đại, đại hành, vô biên, không hận, không sân.

16. Thánh đệ tử ấy, này các Kālāmā, với tâm không oán như vậy, không sân như vậy, không uế nhiễm như vậy, thanh tịnh như vậy, ngay trong hiện tại, người ấy đạt được bốn sự an ổn:

i) “Nếu có đời sau, nếu có kết quả dị thực các nghiệp thiện ác, sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ sanh lên cõi thiện, cõi trời, cõi đời này”; đây là an ổn thứ nhất vị ấy có được.

ii) “Nếu không có đời sau, nếu không có kết quả dị thực các nghiệp thiện ác, thời ở đây, trong hiện tại, ta tự sống với tâm

không oán, không sân, không phiền não, được an lạc”; đây là an ổn thứ hai vị ấy có được.

iii) “Nếu việc ác có làm, nhưng ta không có tâm ác đối với ai cả, và nếu ta không làm điều ác, sao ta có thể cảm thọ khổ đau được?”; đây là an ổn thứ ba vị ấy có được.

iv) “Nếu việc ác không có làm, như vậy, cả hai phương diện (do ta làm vô ý hay cố ý), ta quán thấy ta hoàn toàn thanh tịnh”; đây là an ổn thứ tư vị ấy có được.

Thánh đệ tử ấy, này các Kālāmā, với tâm không oán như vậy, với tâm không sân như vậy, với tâm không uế nhiễm như vậy, với tâm thanh tịnh như vậy, ngay trong hiện tại, vị có được bốn an ổn này.

17. - Sự việc là như vậy, bạch Thế Tôn! Sự việc là như vậy, bạch Thiện Thệ! Thánh đệ tử ấy, bạch Thế Tôn, với tâm không oán như vậy, với tâm không sân như vậy, với tâm không uế nhiễm như vậy, với tâm thanh tịnh như vậy, ngay trong hiện tại, vị có được bốn an ổn:

“Nếu có đời sau, nếu có kết quả dị thực các nghiệp thiện ác, sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ được sanh lên cõi thiện, cõi Trời, cõi đời này”; đây là an ổn thứ nhất vị ấy có được.

“Nếu không có đời sau, nếu không có kết quả dị thực các nghiệp thiện ác, thời ở đây, trong hiện tại, ta tự sống với tâm không oán, không sân, không phiền não, được an lạc”; đây là an ổn thứ hai vị ấy có được.

“Nếu việc ác có làm, nhưng ta không có tâm ác đối với ai cả, và nếu ta không làm điều ác, sao ta có thể cảm thọ khổ đau được?”; đây là an ổn thứ ba vị ấy có được.

“Nếu việc ác không có làm, như vậy, cả hai phương diện (do ta làm vô ý hay cố ý), ta quán thấy ta hoàn toàn thanh tịnh”; đây là an ổn thứ tư vị ấy có được.

Vị Thánh đệ tử ấy, bạch Thế Tôn, với tâm không oán như vậy, với tâm không sân như vậy, với tâm không uế nhiễm như vậy, với tâm thanh tịnh như vậy, ngay trong hiện tại, vị có được bốn an ổn này.

Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng những gì bị quăng ngã xuống, hay trình bày cái gì bị che kín, hay chỉ đường cho người bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện thuyết giảng. Chúng con nay xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận chúng con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, chúng con xin trọn đời quy ngưỡng.

Sớ Giải Bài Kinh Kālāma

(AtthakathāKālāmaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Kālāma thứ 65 như sau:

Cụm từ **Kālāmānaṃ nigamo** tức Thành thị của nhóm Sát Đế Ly gọi là Kālāma. Từ **Kesaputtīyā** tức người ở trong Thị trấn gọi là Kesaputta. Từ **Upasaṅkamimsu** tức cho mang thuốc trị bệnh như bơ trong, bơ đặc..., và 8 loại thức uống đi vào diện kiến.

Cụm từ **Sakamyeva vādaṃ dīpenti** tức nói về Chủ thuyết của mình. Từ **Jotenti** tức tuyên bố, từ **Khumsenti** tức nói bóng, nói gió. Từ **Vambhenti** tức nói khinh bỉ, từ **Paribhavanti** tức làm cho ghê tởm. Cụm từ **Opapakkhī karonti** tức thực hiện sự xóa bỏ đem vứt đi. Cụm từ **Aparepi Bhante** tức là được nghe rằng ngôi nhà đó ở tại bìa rừng, cho nên các Sa-môn, Bà-la-môn khi đi qua khu rừng đến nơi hay quay trở về đều phải nghỉ trong nhà đó. Tất cả Sa-môn, Bà-la-môn đó nhóm đi đến trước sẽ trình bày Chủ thuyết của mình rồi lánh đi, nhóm đến sau thì trình bày Chủ thuyết của mình rằng: “Nhóm Sa-môn, Bà-la-môn đó biết được gì? Bọn họ là nhóm đệ tử của chúng ta học một số nghiệp nghệ trong trú xứ của chúng ta rồi lánh đi.” Tất cả dân chúng nơi đó không có khả năng nắm vững về một Chủ thuyết được trong các Chủ thuyết đó. Nhóm dân **Kālāma** đó trình bày sự việc này với Đức Thế Tôn, rồi bạch rằng: **Tesaṃ no Bhanto** này. Tất cả nhóm từ đó thì Cụm từ **Hoteva kaṅkhā** nghĩa là (bạch Đức Thế Tôn) có sự hoài nghi thật sự. Từ **Vicikicchā** là đồng nghĩa với từ **Kaṅkhā**, từ **Alaṃ** tức vừa phải rồi.

Cụm từ **Mā anussavena** tức đừng tin cho dù lời lẽ theo như đã được nghe. Cụm từ **Mā paramparāya** tức đừng tin cho dù lời lẽ theo truyền thống, từ **Mā itikiriyāya** tức đừng tin rằng do được nghe điều này là như vậy. Từ **Mā piṭakasampadānena** tức đừng tin rằng sự việc này thích hợp với sách vở của mình, từ **Mā takkahetu** tức đừng tin cho dù nắm giữ theo suy nghĩ. Từ **Mā nayahetu** tức đừng tin cho dù nắm giữ theo phương thức, từ **Mā ākāraparivitakkena** tức đừng tin cho dù suy nghĩ theo tình huống rằng nhân này tốt. Từ **Diṭṭhinijjhānakkhantuyā** tức đừng tin rằng điều này thích

hợp với quan kiến mà nhóm chúng ta cân nhắc suy xét đối với việc chứng minh nên nắm giữ. Từ **Mā bhabbarūpatāya** tức đừng tin do Tỳ khuru này xứng đáng, nên tin tưởng lời lẽ của vị Tỳ khuru này, từ **Mā samaṇono garu** tức đừng tin rằng vị sa môn này là Thầy của ta, nên tin tưởng lời lẽ của vị sa môn này.

Từ **Samattā** tức đầy đủ, từ **Samādinna** tức nơi mà chúng ta đã giữ lấy, tức vồn vã. Cụm từ **Yaṃ tassa hoti** tức nhân nào có với người đó. Tất cả căn thiện (**Kusalamūla**) như Vô tham..., nên hiểu bằng mãnh lực của pháp đối trị lại tham... Đức Thế Tôn thuyết phần đầu của Tâm Từ, chẳng hạn như **Vigatābhiyyo** này. Bấy giờ, Đức Thế Tôn trước khi thuyết Nghiệp xứ như tâm từ..., mới thuyết từ **Mettāsahagatena** này. Trong tất cả nhóm từ đó thì Từ nào nên đề cập theo cách thức của Kế ngôn Nghiệp xứ (**Kammaṭṭhānakathā**) và Tinh cần Tu tiến (**Bhāvanāpadhāna**) hoặc theo Sớ Giải của **Pāli**, tất cả từ đó tôi đã đề cập trong bộ *Thanh Tịnh Đạo*.

Cụm từ **Evam averacitto** tức gọi là có tâm không thù hận, bởi vì không có cả thù hận là bất thiện lẫn người đối với sự thù hận. Từ **Abyāpajjhacitto** tức gọi là tâm không có khổ, bởi vì không có tâm nóng giận. Từ **Asaṅkiliṭṭhacitto** tức gọi là người có tâm không sàu muộn, bởi vì không có phiền não. Từ **Visuddhacitto** tức gọi là có tâm Thanh tịnh, bởi vì không có hoen ố phiền não, từ **Tassa** tức bậc Thánh Thinh Văn chỉ có ngần ấy. Từ **Assāsā** tức là nơi dựa vào, nghĩa là nơi nương tựa. Cụm từ **Sace kho pana atthi paro loko** tức nếu gọi là thế gian khác ngoài ra thế gian này đang có. **Ṭhānametaṃ yenāhaṃ kāyassa bheda... uppajjissāmi** nghĩa là điều mà ta sẽ vào đến cõi vui Thiên Giới, sau khi chết, bởi vì thân thể tiêu hoại là

nguyên nhân có được. Từ **Anīghaṃ** tức không có khổ, từ **Sukhiṃ** đưa đến An lạc. Cụm từ **Ubhayenava visuddhaṃ attānaṃ samanupassāmi** tức là ta sẽ tự Quán xét thấy là người Thanh tịnh do cả hai nhân này (nếu ác hạnh mà người phải tạo):

- 1) Ta không tạo Ác hạnh
- 2) Dù cho khi người khác tạo ác hạnh đang có, ta cũng không tạo (ác hạnh).

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Kālāma thứ 65



Chánh Kinh Bài Kinh Sālaha

66.- Sālhā

Như vậy tôi nghe. Một thời Tôn giả Nandaka trú ở Sāvattthi, tại Đông Viên, ở lâu đài mẹ của Migāra.

Rồi Sālhā, cháu của Migāra, và Rohana, cháu của Pekhuniya đi đến Tôn giả Nandaka; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Nandaka rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Nandaka nói với Sālhā, cháu trai của Migāra như sau:

2. - Hãy đến, này các Sālhā Nandaka, chớ có tin vì nghe theo truyền thống; chớ có tin vì nghe theo người ta nói; chớ có tin vì được Kinh Tạng truyền tụng; chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình; chớ có tin vì đúng theo một lập trường; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có

tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền, chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc đạo sư của mình. Nhưng này các Sālḥā, khi nào tự mình biết như sau: "Các pháp này là bất thiện; các pháp này là có tội; các pháp này bị người trí quở trách; các pháp này nếu được thực hành và chấp nhận, đưa lại bất hạnh và đau khổ," thời này các Sālḥā, các vị cần phải từ bỏ chúng.

Này các Sālḥā, các Vị nghĩ thế nào, có tham hay không?

3.- Thưa có, bạch Tôn giả; Tham, này các Sālḥā, ta nói nghĩa này là vậy. Này các Sālḥā, người có tham này bị tham chinh phục, giết các sinh loại, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cùng làm như vậy, như vậy có làm người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Tôn giả.

4. - Này các Sālḥā, các Vị nghĩ thế nào, có sân hay không? - Thưa có, bạch Tôn giả.

- Sân, này các Sālḥā, ta nói nghĩa này là vậy. Này các Sālḥā, người có sân này bị sân chinh phục, giết các sinh loại, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy, như vậy có làm người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Tôn giả.

5. - Này các Sālḥā, các Vị nghĩ thế nào, có si hay không?

- Thưa có, bạch Tôn giả.

- Si, này các Sālḥā, ta nói nghĩa này là vậy. Này các Sālḥā, người có si này bị si chinh phục, giết các sinh loại, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cũng làm như

vậy, như vậy có làm người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Tôn giả.

6. - Các vị nghĩ thế nào, này các Sālā. Các pháp này là thiện hay bất thiện?

- Là bất thiện, thưa Tôn giả.

- Có tội hay không có tội?

- Có tội, thưa Tôn giả.

- Bị người có trí quả trách hay được người có trí tán thán?

- Bị người có trí quả trách, thưa Tôn giả.

- Được thực hiện, được chấp thuận, có đưa lại bất hạnh hay đau khổ không? Hay ở đây là thế nào?

- Được thực hiện, được chấp thuận, thưa Tôn giả, chúng đưa lại bất hạnh đau khổ. Ở đây, đối với chúng con là như vậy.

7.-Như vậy, này các Sālā, điều ta vừa nói với các Vị, “Chớ có tin vì nghe theo truyền thống; chớ có tin vì nghe theo người ta nói; chớ có tin vì được Kinh Tạng truyền tụng; chớ có tin vì nhân lý luận; chớ có tin vì nhân định lý; chớ có tin, sau khi thẩm lự hay chấp nhận một vài lý thuyết; chớ có tin vì thấy là thích hợp; chớ có tin, sau khi thẩm lự hay chấp nhận một vài lý thuyết, chớ có tin vì thấy là thích hợp; chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc đạo sư của mình.” Này các Sālā, khi nào tự mình biết như sau: “Các pháp này là bất thiện; các pháp này là có tội; các pháp này bị người có trí quả trách; các pháp này nếu được thực hành và chấp nhận, đưa lại bất hạnh và đau khổ,” thời này các Sālā, hãy từ bỏ

chúng! Điều này đã được nói lên như vậy, chính là do duyên như vậy được nói lên.

Như vậy, này các Sālhā, chớ có tin vì nghe theo truyền thống; chớ có tin vì nghe theo người ta nói; chớ có tin vì được Kinh Tạng truyền tụng; chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình; chớ có tin vì đúng theo một lập trường; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền, chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc đạo sư của mình. Nhưng này các Sālhā, khi nào tự mình biết như sau: "Các pháp này là thiện; các pháp này là không có tội; các pháp này không bị người có trí quả trách; các pháp này nếu được thực hành và chấp nhận, đưa đến hạnh phúc an lạc," thời này các Sālhā, hãy đạt đến và an trú!

8. - Các Ông nghĩ như thế nào, này các Sālhā, không tham khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại bất hạnh hay hạnh phúc lâu dài cho người ấy?

- Hạnh phúc, thưa Tôn giả.

- Người này không tham, này các Sālhā, không bị tham chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy được hạnh phúc, an lạc lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Tôn giả.

9. - Các Ông nghĩ như thế nào, này các Sālhā, không sân khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại bất hạnh hay hạnh phúc lâu dài cho người ấy?

- Hạnh phúc, thưa Tôn giả.

- Người này không sân, này các Sālhā, không bị sân chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo, không khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy được hạnh phúc, an lạc lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Tôn giả.

10. - Các Ông nghĩ như thế nào, này các Sālhā, không si khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại bất hạnh hay hạnh phúc lâu dài cho người ấy?

- Hạnh phúc, thưa Tôn giả.

- Người này không si, này các Sālhā, không bị si chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy được hạnh phúc, an lạc lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Tôn giả.

11. - Các ông nghĩ thế nào, này các Sālhā. Các pháp này là thiện hay bất thiện?

- Là thiện, bạch Tôn giả.

- Các Pháp này là tội hay không có tội?

- Không có tội, bạch Tôn giả.

- Bị người trí quả trách hay được người trí tán thán?

- Được người trí tán thán, bạch Tôn giả.

- Nếu được thực hiện, được chấp thuận, có đem đến hạnh phúc an lạc không? Hay ở đây là như thế nào?

- Được thực hiện, được chấp thuận, bạch Tôn giả, chúng đưa đến hạnh phúc an lạc. Ở đây, đối với chúng con là như vậy.

12.- Như vậy, này các Sālhā, điều ta vừa nói với các thầy, "Chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì nghe người ta nói, chớ có tin vì được Kinh Tạng truyền tụng; chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình, chớ có tin vì đúng theo một lập trường; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc đạo sư của mình." Nhưng này các Sālhā, khi nào tự mình biết như sau: "Các pháp này là thiện; các pháp này không có tội; các pháp này được các người trí tán thán; các pháp này nếu được thực hiện, được chấp nhận, đưa lại hạnh phúc an lạc," thời này các Sālhā, hãy chứng đạt và an trú! Điều đã được nói lên như vậy, chính là do duyên như vậy được nói lên.

13.- Này các Sālhā, vị Thánh đệ tử nào ly tham, ly sân, ly si như vậy, tỉnh giác, chánh niệm, với tâm câu hữu với Từ ... với tâm câu hữu với Bi ... với tâm câu hữu với Hỷ ... với tâm câu hữu với Xả, biến mãn một phương, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba; cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, đại hành, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy rõ biết như sau: "Có trạng thái này, có trạng thái liệt, có trạng thái thù thắng, có xuất ly ra khỏi tưởng giới này." Do vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa. Vị ấy rõ

biết như sau: “Trước ta có tham, tham ấy là bất thiện. Nay ta không có nữa. Như vậy là thiện. Trước ta có sân, sân ấy là bất thiện. Nay ta không có nữa. Như vậy là thiện. Trước ta có si, si ấy là bất thiện. Nay ta không có nữa. Như vậy là thiện.” Như vậy, ngay trong đời sống hiện tại, vị ấy được giải thoát khỏi hy cầu, được tịch tịnh, được thanh lương, cảm thấy an lạc, tự mình an trú trong Phạm tánh.

Sớ Giải Bài Kinh Sāḷaha **(AtthakathāSāḷahaSutta)**

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Sāḷaha thứ 66 như sau:

Từ **Migāranattā** nghĩa là cháu của Trưởng giả **Migāra**. Từ **Kheṇiyanattā** là cháu của trưởng giả **Kheṇiya**, từ **Upasaṅkamimsu** tức cả hai người cháu thọ thực vào buổi sáng có nô lệ và nhân công vây quanh đi vào tìm. Được nghe rằng buổi sáng trước khi dùng vật thực tại nhà của hai người cháu trưởng giả, rồi đặt một câu hỏi, nhưng không có cơ hội trả lời câu hỏi đó được. Cả hai người suy nghĩ rằng: ‘Chúng ta sẽ nghe được câu hỏi đó’, mới đi đến trú xứ của vị trưởng lão **Nandaka** đánh lễ rồi ngồi im lặng.

Vị trưởng lão biết tâm của Họ rằng: Họ sẽ nghe câu hỏi khởi lên trong nhà đó, trước khi nói với nhau về câu hỏi đó, mới nói rằng: **Tetha tumhe saḷhā** này. Tất cả nhóm từ đó thì cụm từ **Athi loko** tức là Trưởng lão **Nandaka** hỏi rằng: Gọi là Tham

có trạng thái mong muốn hiện hữu phải chăng? Cụm từ **Abhijjhāti kho ahaṃ sālā etamatthaṃ vadāmi** nghĩa là trưởng lão **Nandaka** trước khi trình bày câu hỏi đặt lên, mới nói rằng: Ta nói điều này Tham (**Lobha**) là Tham ác (**Abhijjhā**), là Ái dục (**Taṇhā**), nên đem ý nghĩa này đi sử dụng trong bất cứ mọi thời điểm. Cụm từ **So evaṃ pajānāti** nghĩa là bậc Thánh Thỉnh Văn đang phát triển bảo tồn 4 Phạm trú rồi xuất khỏi Định nhập, khi bắt đầu Minh quán (**Vipassanā**) luôn biết rõ như vậy. Cụm từ **Atthi idaṃ** tức là bậc Thánh Thỉnh Văn khi xác định Biết ngũ uẩn là Khổ Đế, bằng thực tánh của danh-sắc rằng: Khổ đế đang có. Ngài gọi là Biết rằng điều này đang có. Từ **Hīnaṃ** tức Tập Đế, từ **Paṇītaṃ** tức Đạo Đế.

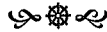
Cụm từ **Imassa saññāgatassa uttari nissaranam** nghĩa là trưởng lão **Nandaka** trình bày Diệt Đế bằng từ này rằng: Thông thường việc vượt ra khỏi tột đỉnh (cao) của tướng, tức Minh quán tướng này gọi là Niết-bàn; Niết-bàn đó đang có. Cụm từ **Vimuttasmim vimuttimitiñāṇam** nghĩa là 19 Tuệ phân khán (**Paccavekkhaṇaṇāṇa**). Ngài đã nêu lên thuyết. Cụm từ **Ahu pubbe lobho** tức là Tham của chúng ta đã có trong thời gian trước. Cụm từ **Tadahu akusalam** tức đó được gọi là Bất thiện.

Một lý khác nữa: Gọi là Bất thiện đã có trong thời gian đó.

Cụm từ **Iccetaṃ kusalam** phân từ ra thành **Iti etaṃ kusalam** tức như vậy là thiện. Trưởng lão **Nandaka** đề cập ám chỉ đến: Chính không có Bất thiện đó thì là Thiện thuộc lãnh vực An lạc. Từ **Nicchāto** tức chấm dứt Ái dục, từ **Nibbuto** tức gọi là đã diệt, bởi vì không có phiền não làm cho nóng nảy bên trong. Từ **Sitibhūto** tức là người điềm tĩnh. Từ **Sukhapaṭisaṃvedī**

tức là người hưởng thụ Lạc theo đường thân và đường tâm. Từ **Brahmabhutena** tức là người Cao quý nhất.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Sālaka thứ 66



Chánh Kinh Bài Kinh Các Vấn Đề Được Nói Đến

67.- Các Vấn Đề Được Nói Đến

1. - *Này các Tỷ-kheo, có ba vấn đề này được nói đến. Thế nào là ba? Có thể nói về quá khứ, này các Tỷ-kheo, nói rằng: "Như vậy đã xảy ra trong thời quá khứ. Có thể nói về tương lai, này các Tỷ-kheo, nói rằng: "Như vậy sẽ xảy ra trong thời tương lai." Có thể nói về hiện tại, này các Tỷ-kheo, nói rằng: "Như vậy đang xảy ra trong thời hiện tại."*

2.-*Với sự thảo luận, này các Tỷ-kheo, một người có thể biết được là có khả năng nói chuyện hay không có khả năng? Nếu người nào, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu không trả lời một cách dứt khoát một câu hỏi cần phải trả lời dứt khoát, không trả lời một cách phân tích một câu hỏi cần trả lời một cách phân tích, không trả lời một câu hỏi ngược lại với một câu hỏi cần phải trả lời với một câu hỏi ngược lại, không có gạt qua một bên một câu hỏi cần phải gạt qua một bên. Như vậy, này các Tỷ-kheo, một người như vậy không có khả năng để thảo luận.*

Nếu người nào, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu trả lời một cách dứt khoát một câu hỏi cần phải trả lời dứt khoát, trả lời phân tích một câu hỏi cần trả lời một cách phân tích, trả lời với một câu hỏi ngược lại với một câu hỏi cần phải trả lời với một câu hỏi ngược lại, gạt qua một bên một câu hỏi cần phải gạt qua một bên. Như vậy, này các Tỷ-kheo, một người như vậy có khả năng để thảo luận.

3.- Với sự thảo luận, này các Tỷ-kheo, một người có thể biết được là có khả năng thảo luận hay không có khả năng thảo luận?

Nếu một người, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu, không xác nhận là đúng hay không đúng, không xác nhận là một giả thuyết, không xác nhận là quan điểm của bậc trí, không xác nhận là sở hành thường làm. Nếu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người ấy không có khả năng thảo luận.

Nếu một người, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu, xác nhận là đúng hay không đúng, xác nhận là một giả thuyết, xác nhận là quan điểm của bậc trí, xác nhận là sở hành thường làm. Nếu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người ấy có khả năng thảo luận.

4.- Với sự thảo luận, này các Tỷ-kheo, một người có thể biết được là có khả năng thảo luận hay không có khả năng thảo luận?

Nếu một người, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu, tránh câu hỏi ấy với một câu hỏi khác, hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, bày tỏ sự phẫn nộ, sân, hận, bất mãn. Nếu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người này không có khả năng thảo luận.

Nếu một người, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu, không tránh câu hỏi ấy với một câu hỏi khác, không hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, không bày tỏ sự phẫn nộ, sân, hận, bất

mãn. Nếu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người này có khả năng thảo luận.

5.- Với sự thảo luận, này các Tỷ-kheo, một người có thể biết được là có khả năng thảo luận hay không có khả năng thảo luận?

Nếu một người, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu, lại mắng chửi, đánh đập, nhạo báng, chụp lấy chỗ sơ hở. Nếu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người này không có khả năng thảo luận.

Nếu một người, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu, không mắng chửi, không đánh đập, không nhạo báng, không chụp lấy chỗ sơ hở. Nếu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người này có khả năng thảo luận.

6.- Với sự thảo luận, này các Tỷ-kheo, có thể biết được một người có duyên hay không có duyên.

Không có lóng tai, này các Tỷ-kheo, là không có duyên. Có lóng tai là có duyên. Người có duyên thắng tri một pháp, biến tri một pháp, từ bỏ một pháp, chứng đắc một pháp. Do thắng tri một pháp, liễu tri một pháp, từ bỏ một pháp, chứng đắc một pháp, vị ấy cảm thấy chánh giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là lợi ích của thảo luận, như vậy là lợi ích của đàm luận, như vậy là lợi ích có duyên, như vậy là lợi ích nghe lời khuyên, tức là tâm giải thoát không có chấp thủ.

Nói chuyện với hiềm thù

Thiên chấp và kiêu mạn

Nghịch lại đức bậc Thánh

Bới móc lỗi lẫn nhau

Thích nghe nói xấu người

Người làm, người bối rối
Người bị thua, bị hại
Bậc Thánh không làm vậy.
Nếu muốn cùng đàm luận
Bậc Hiền biết thời gian
Câu chuyện của bậc Thánh
Liên hệ Pháp, pháp nghĩa
Người có Trí nói chuyện
Không hiềm thù kiêu mạn
Vớ tâm không chấp trước
Không hiềm hận độc đoán
Không để tâm lơ đãng
Nói lên với Chánh trí
Hoan hỷ lời khéo nói
Không vui lời vụng về
Không học cách chỉ trích,
Không chụp sơ hở người
Không nhiếc mắng đánh đập
Không nói lời vu vơ
Lời nói của bậc Thánh
Vừa dạy vừa hoan hỷ

*Như vậy bậc Thánh nói
Như vậy bậc Thánh luận đàm
Bậc Trí biết rõ vậy
Nói lời thật khiêm tốn.*

**Sớ Giải Bài Kinh Các Vấn Đề Được Đàm Luận
(AtthakathāKathāvatthuSutta)**

Nên hiểu Luận Giải Bài Kinh Các Vấn Đề Được Đàm Luận thứ 7 như sau:

Từ **Kathāvattūni** tức nguyên nhân làm phát sanh vấn đề (**Kathā**) nghĩa là nền tảng tức cứ điểm của vấn đề. Từ **Atītaṃ vā Bhikkhave addhānaṃ** tức thời gian hay Uẩn (**Khandha**) gọi là thời quá khứ (**Atīta**)-Giai đoạn lâu dài đã trôi qua), ngay cả trong quá khứ và hiện tại cũng có Lý như nhau. Trong tất cả 3 thời khi nói theo Lý này, Đức Chánh Đẳng Giác hồng danh **Kassapa** trong quá khứ, Đức vua kinh thành **Kāsi** tên **Kiṅki** là vị tối thắng hộ độ (**Aggaupatthāka**) của Đức Phật; Đức Phật có tuổi thọ đến 20.000 ngàn năm, gọi là đề cập nhắc đến vấn đề quá khứ.

Khi nói theo Lý này, Đức Phật hồng danh sẽ có trong vị lai, Đức vua **Sanjha** sẽ là vị tối thắng hộ độ của Đức Phật; Đức Phật sẽ có tuổi thọ 80.000 ngàn năm, gọi là đề cập nhắc đến vấn đề vị lai. Khi nói theo Lý chẳng hạn như trong hiện tại này Đức vua tên đó là **Vị** vua đức độ; Đức Phật đó cũng là bậc Đức Hạnh (**Dhammika**). Như vậy gọi là đề cập nhắc đến vấn đề hiện tại.

Từ **Kathāsampayogena** tức (trình bày) luận điểm với nhau. Từ **Kaccho** tức cần phải nói, từ **Akaccho** tức không cần phải nói. Nên hiểu Luận giải trong cụm từ **Ekamsabyākaraṇīyaṃ pañham** như sau: **Người vấn:** Nhãn là Vô thường phải chăng? **Đáp một chiều rằng:** “Phải rồi!” Nhãn là Vô thường. Trong tất cả các Quyền khác như Nhĩ..., cũng có Lý giống như vậy. Đây gọi là **Câu hỏi nên đáp theo một chiều** (tức đáp duy nhất theo mục đích chính). Nhưng người bị hỏi rằng: Nhãn gọi là Vô thường phải chăng? thì nên phân tích đáp rằng: Không phải duy nhất nhãn là Vô thường, ngay cả nhĩ cũng vô thường, tỷ cũng vô thường..., gọi là câu hỏi phải đáp Phân tích.

Người bị hỏi rằng: “Nhãn giống như nhĩ, nhĩ giống như nhãn phải chăng?” nên hỏi ngược lại rằng: “Ngài hỏi theo ý nghĩa như thế nào?” khi Họ trả lời rằng: Tôi hỏi ám chỉ đến sự ‘Thấy’, thì mới trả lời rằng: “Không giống nhau,” nhưng khi Họ trả lời rằng: “Tôi hỏi đến sự Vô thường,” thì nên trả lời rằng: “Phải rồi!” Đây gọi là Câu hỏi phải hỏi Ngược lại rồi mới Trả lời.

Nhưng khi người bị hỏi câu hỏi..., rằng: “Sanh mạng cũng như thể xác phải chăng?” nên miễn trả lời bằng cách nói rằng: “Điều này Đức Thế Tôn không giải đáp câu hỏi,” theo cách này thuộc câu hỏi không cần phải giải đáp. Đây gọi là Câu hỏi nên Miễn trả lời.

Cụm từ **Thānatthāne na saṅghāti** tức không hiện diện trong Nhân hoặc trong điều không phải là Nhân, trong điều đó có phương thức như sau: Người có Luận điểm Thường kiến (**Sassatavādīpuggala**-Người chấp thủ Chủ thuyết trường tồn) có thể trấn áp người có Luận điểm Đoạn kiến

(**Ucchedavādīpuggala**-Người chấp thủ Chủ thuyết tiêu mất) bằng nhân thích hợp được, người có Luận điểm Đoạn kiến khi bị trấn áp sẽ trình bày trở thành người có Luận điểm Thường kiến ra rằng: Tôi nói tiêu mất đâu? Y gọi là không thể khẳng quyết trong Luận điểm của mình được, khi người có Luận điểm Đoạn kiến có thể (họ đang bị trấn áp) như vậy Họ sẽ trở thành là người có Luận điểm Thường kiến. Khi người có Luận điểm Nhân sinh (Người chấp thủ Chủ thuyết Nhân sinh) có thể (họ đang bị trấn áp) thì Họ sẽ trở thành người có Luận điểm Rỗng không (Người chấp thủ Chủ thuyết Rỗng không), khi người có Luận điểm Rỗng không (**Suññatavādīpuggala**) có thể sẽ trở thành người có Luận điểm Nhân sinh (**Puggalavādīpuggala**) với những trường hợp đã đề cập trên, gọi là không có trường hợp này, và sự kiện nay không xảy ra.

Cụm từ **Parikappe na saṅṭhāti** này cả trong việc hỏi câu hỏi và việc trả lời câu hỏi.

Vấn: Điều này như thế nào?

Đáp: Một vài người rướn cổ lên định hỏi câu hỏi rằng: Ta sẽ hỏi câu hỏi mà Họ (suy) đoán. Một bên nữa nói rằng: Ngài sẽ hỏi câu hỏi này chẳng? biết rằng Họ đã biết thì nói rằng: “Không phải điều này, tôi hỏi điều khác.”

Mặc dù Y bị hỏi câu hỏi cũng vượt cảm định trả lời câu hỏi rằng: Ta sẽ trả lời câu hỏi. Y bị một bên nữa nói rằng: “Ngài sẽ trả lời câu hỏi này chẳng?” biết rằng Họ đã biết, thì nói rằng không phải điều này, tôi sẽ trả lời điều khác. Gọi là không vững chắc trong điều xác định. Cụm từ **Aññavāde na saṅṭhāti** nghĩa là không vững chắc trong Luận điểm đã hiểu.

Vấn: Điều này như thế nào?

Đáp: Có người đang hỏi câu hỏi, một bên nữa hỏi với Y rằng: Ngài hỏi câu hỏi hợp lý, câu hỏi này Ngài học từ đâu? Còn một bên nữa hỏi câu hỏi theo cách thức sẽ phải hỏi gây nên sự ngạc nhiên trong lời lẽ với người đó rằng: Tôi hỏi không đúng với ý chính (mục đích) như thế nào? Một bên bị hỏi câu hỏi thì đang trả lời câu hỏi. Người khác nói với Y rằng: Ngài đã trả lời câu hỏi suông sẽ Ngài học câu hỏi từ đâu? Thông thường người sẽ trả lời câu hỏi phải trả lời như vậy. Còn một bên nữa mặc dù giải đáp câu hỏi theo chính cách thức giải đáp đó, nhưng tạo lên sự ngạc nhiên trong lời lẽ với người đó rằng: Ta đã trả lời không đúng với ý chính (mục đích) như thế nào?

Cụm từ **Paṭipadā na saṅghāti** nghĩa là không vững chắc trong điều thực hành.

Giải thích: Hỏi về điều không nên hỏi, bởi không biết quy luật. Thông thường câu hỏi này, người bị Họ hỏi nơi sân Bảo Tháp thì không nên trả lời. Bước đi khát thực hay trong lúc đi lại khát thực trong nhà hay trong lúc ngồi trên bục Trai đường hay trong lúc ngồi nhận cháo và thức ăn, hay trong lúc thọ thực hoặc ngay cả trong lúc đi đường đến nơi nghỉ trưa cũng không nên trả lời giống như vậy. Nhưng trong lúc ngồi trong nơi nghỉ trưa, mà Họ xin (phép) cơ hội hỏi trước thì nên trả lời, nếu không xin (phép) cơ hội để hỏi thì không nên trả lời. Người hỏi không biết theo quy luật này, gọi là không vững chắc trong lối cư xử.

Cụm từ **Evam santāyaṃ Bhikkhave puggalo akaccho hoti** nghĩa là: Nay các Tỳ khưu, khi nhân này đang có thì không nên trả lời câu hỏi cho người này. Cụm từ **Thānatthāne**

saṅghāti nghĩa là Người có Luận điểm Thường kiến không đủ để trấn áp người có Luận điểm Đoạn kiến, người có luận điểm Đoạn kiến cho dù bị người có luận điểm Thường kiến đang trấn áp cũng nói (khẳng định) rằng: Tôi cho dù sẽ bị Ngài trấn áp đến 7 lần thì cũng vẫn giữ luận điểm Đoạn kiến. Ngay cả người có luận điểm Thường kiến, người có luận điểm Nhân sinh và người có luận điểm Rỗng không thì nên theo phương cách này. Đây gọi là vững chắc trong lãnh vực và không phải lãnh vực. Cụm từ **Parikappe saṅghāti** nghĩa là một số người rường cổ lên định sẽ hỏi câu hỏi rằng: “Ta sẽ hỏi câu hỏi,” khi bị Họ hỏi rằng: “Ngài sẽ hỏi câu hỏi tên này phải chăng?” Thì trả lời rằng: “Phải rồi, tôi sẽ hỏi câu hỏi ý nghĩa này,” (cho dù Y bị hỏi câu hỏi) cũng vượt cầm định trả lời câu hỏi rằng: “Tôi sẽ trả lời câu hỏi,” khi bị hỏi rằng: “Ngài sẽ trả lời câu hỏi ý nghĩa này phải chăng?” thì nói khẳng định rằng: “Đúng rồi! Tôi sẽ trả lời câu hỏi ý nghĩa này,” gọi là vững chắc trong ý nghĩa xác định.

Cụm từ **Aññavade saṅghāti** nghĩa là một số người đã hỏi câu hỏi, có người nói rằng: “Ngài hỏi câu hỏi trôi chảy rồi,” thông thường người hỏi câu hỏi nên hỏi như vậy thì chấp nhận không làm cho khởi lên sự ngạc nhiên (với người khác). Mặc dù đã trả lời câu hỏi, khi có người hỏi rằng: “Ngài đã trả lời câu hỏi sông sẽ,” thông thường người trả lời câu hỏi nên trả lời như vậy thì chấp nhận không làm cho khởi lên sự ngạc nhiên, gọi là vững chắc trong Luận điểm của người khác. Cụm từ **Paṭipadāya saṅghāti** nghĩa là một số vị mà họ thỉnh mời, cho ngồi trong nhà cúng dường cháo và thức ăn nhai..., ngồi trong khoảng thời gian cho đến khi xong buổi ăn mới hỏi câu hỏi, cầm lấy thuốc như bơ lỏng..., 8 loại nước uống hoặc vải để che kín chính tỳ và vật thơm..., đi đến Tịnh xá mang các đồ vật đó về,

rồi đi đến nơi nghỉ trưa, xin được (phép) cơ hội rồi mới hỏi câu hỏi. Người biết hỏi câu hỏi bởi biết quy luật, như vậy gọi là vững chắc trong lối cư xử thì Vị ấy sẽ trả lời câu hỏi của Y cũng phù hợp. Cụm từ **Aññenaññam paticarati** nghĩa là lấp liếm một loại lời lẽ bằng một loại lời lẽ khác nữa hoặc bị hỏi một loại câu hỏi thì trả lời bằng loại khác nữa. Cụm từ **Bahiddhā katham apanāmeti** tức khi vượt qua vấn đề đầu tiên gọi là nói quanh co (không đúng ngay vấn đề). Trong điều này có Câu chuyện như sau:

Câu Chuyện Nói Quanh Co Ngoài Vấn Đề.

Được nghe rằng, các Tỳ khuru hội họp nhau nói với một vị Tỳ khuru trẻ rằng: “Hiền giả, sư bị tội tên này và tên này...” Tỳ khuru trẻ trả lời rằng: “Bạch tôn giả, tôi đi đường đến đảo **Nāga (Nāgadīpa)**,” chư Tỳ Khuru nói rằng: “Hiền giả, chúng tôi không quan tâm vấn đề Sư đi đến đảo **Nāga**, chúng tôi hỏi Sư rằng: Sư bị phạm tội phải chăng?” Tỳ khuru trẻ: “Bạch tôn giả, tôi đi đến đảo **Nāga**, rồi ăn cá!” chư Tỳ khuru: “Vấn đề ăn cá của Sư không liên quan gì đến sư, sư bị phạm tội gì?” Tỳ khuru trẻ: “Thưa, tôi ăn cá không được chín hẳn, làm cho tôi không an ổn,” chư Tỳ khuru: “Hiền giả, sư được an ổn hoặc không an ổn không liên quan gì đến chúng tôi, sư bị phạm tội gì?” Tỳ khuru trẻ: “Thưa, tôi khởi lên không an ổn suốt thời gian ở trên đảo **Nāga**.” Với câu chuyện kể trên nên hiểu rằng: Gọi là quanh co ngoài vấn đề bằng cách lấy vấn đề khác chen vào để nói.

Từ **Abhihati** tức nói tầm phào bằng cách đem bài Kinh kia, bài Kinh nọ cũng có như Trưởng lão **Tepitakatissa**. Được nghe rằng, khi trước chư Tỳ Khuru hội họp nhau tại sân Đại Bảo Tháp làm phận sự của Chư Tăng, giáo Giới cho chư Tỳ Khuru rồi

đàm luận hỏi han câu hỏi với nhau. Trong nơi tụ hội đó có một vị Trưởng lão hỏi các bài Kinh từ Bộ này, bộ kia trong Tam Tạng suốt cả ngày, dù chỉ một câu hỏi cũng không chấm dứt được. Từ **Abhimaddati** tức hỏi nguyên nhân đến để nói, đáp đối. Từ **Anupajagghati** tức khi vị Tỳ khuru khác hỏi câu hỏi hay trả lời câu hỏi, hay vỗ tay, cười đùa là nguyên nhân làm cho phát sanh sự ngạc nhiên, nghi ngờ rằng: Ta hỏi câu hỏi mà người khác Họ không hỏi hoặc trả lời câu hỏi mà Họ không trả lời với nhau. Cụm từ **Kalitamganhāti** tức nắm lấy ý nghĩa mà nói sai lệch đi chút ít tức nêu lên lỗi lầm rằng điều này phải trả lời như vậy, trong khi nói sai lệch đi 1 mẫu tự (**akkhara**), 1 câu (**pada**) hoặc 1 chữ. Từ **Saupaniso** tức có điều kiện (**Upanissaya**) nghĩa là có duyên (**Paccaya**), từ **Ohitasoto** tức Chú tâm lắng nghe.

Cụm từ **Abhijānāti ekam dhammam** nghĩa là Biết tỏ tường một loại Thiện pháp, tức Biến tri Thánh đạo. Cụm từ **Parijānāti ekam dhammam** tức xác định Biết (mọi) loại pháp Khổ để bằng cách xác định Biết, bởi sự suy xét (**Tīraṇa pariññā**). Cụm từ **Pajahāti ekam dhammam** nghĩa là đoạn trừ (một) loại pháp, tức pháp Bất thiện. Cụm từ **Sacchikaroti ekam dhammam** nghĩa là thực hành (một) loại pháp, tức pháp A La Hán quả hoặc Diệt (**Nirodha**) cho thấu đáo. Cụm từ **Sammāvimuttiṃ phusati** là thực chứng Giải thoát, tức A La Hán quả bằng sự thực chứng bởi Trí tuệ, với cách chín chắn tức bằng Nhân, bằng Phương cách, bằng Căn nguyên.

Cụm từ **Etadatthā Bhikkhave kathā** nghĩa là tất cả Tỳ khuru, kệ ngôn mà ta thuyết rằng: Bằng sự hỏi han, đàm luận với nhau như Giải thoát này là lợi ích, tức sự Giải thoát của 'Tâm', bởi vì không Chấp thủ, là nền tảng, tức là cứ điểm, là vấn đề của Kệ ngôn đó nên hiểu kết hợp trong mọi câu như đã giải thích

trên. Cụm từ **Etadatthā mantanā** tức là tất cả người thích hợp và không thích hợp, việc bàn luận với người thích hợp để được Giải thoát này là lợi ích giống nhau. Cụm từ **Etadatthā upanisā** tức cho dù có điều kiện (**Upanissaya**) thuyết để người lắng tai nghe, người có Căn duyên được Giải thoát này là lợi ích giống nhau. Cụm từ **Etadattham sotadattham sotāvadhānam** nghĩa là ngay cả việc lắng tai nghe cùng với căn nguyên của người đó được Giải thoát là lợi ích giống nhau. Từ **Anupādā** là vì không Chấp thủ bởi Tứ thủ (**Upādāna**).

Sự Giải thoát tức là A La Hán quả, gọi là Giải thoát của tâm. Bởi vì tất cả từ này được Thuyết để đạt lợi ích A La Hán quả, vì vậy khi Đức Phật tóm tắt bài Kinh gom lại ý chính bằng Kệ ngôn tiếp theo, mới thuyết rằng: **Yeviruddhā** này. Tất cả nhóm từ đó thì Từ **Viruddhā** tức nghịch ý bởi vì Sân, nghĩa là nổi giận.

Từ **Sallapanti** tức đàm luận hỏi han với nhau, từ **Vinivittā** tức là người quyết tâm. Từ **Samussitā** tức đưa lên cao bằng cách giương lên bởi mãnh lực Ngã mạn. Từ **Anariyagūṇamāsajja** tức nói đến Ân đức Kệ ngôn, không phải cách thức bậc Thánh xúc phạm. Ân đức tốt đẹp, nghĩa là nói đến Kệ ngôn xúc phạm Ân đức tốt đẹp gọi là Kệ ngôn phạm tục (**Anariyakathā**) không phải là Kệ ngôn bậc Thánh (**Ariyakathā**).

Từ **Aññañña vivaresino** tức chực chờ tìm kẻ hở, tức tìm lỗi sai phạm lẫn nhau, từ **Dubbhāsitaṃ** tức nói xấu. Từ **Vikkhalitaṃ** tức nói lỡ lời chút ít. Cụm từ **Sampamoḥaṃ parājayaṃ** tức vừa lòng lời nói sai phạm và sự tổn thất lẫn nhau, bởi vì chút ít ác ngữ, từ **Abhinandanti** tức hài lòng. Từ **Nācare** tức không biết cách để cư xử, tức không nói.

Từ **Dhammaṭapaṭi saṃyuttā** tức là kệ ngôn mà người định đặt trong việc bàn luận Pháp với nhau, gọi là **Dhammaṭapaṭi saṃyuttā** bởi vì vừa định đặt trong Pháp vừa tạo ra Pháp đó. Cụm từ **Anuttiṇṇe na manasā** tức là có tâm không phóng tán, từ **Apalāso** tức là không xem ngang hàng với việc xem ngang hàng bằng cách nắm giữ được đối thủ. Từ **Asāhaso** tức không gay gắt bằng mãnh lực của sự mạnh bạo tức Tham ái, sân hận và si mê.

Từ **Anussuyyāyamaṇo** tức không Ganh tỵ. Cụm từ **Dubbhaṭṭhe nāpasādaye** tức không lấn áp bằng lời lẽ phạm sai lầm. Cụm từ **Upārambhaṇa na sikkheyya** tức không quan tâm chỉ trích nguyên nhân tánh chất nhiều hơn.

Cụm từ **Kalitañca na gāhaye** tức lời nói lỗ lòi chút ít cũng không chấp giữ rằng: Đây là sai phạm của Ngài, từ **Nābhihare** tức không nói bồi thêm. Từ **Nābhimadde** tức không nói đạp đố bằng cách viện cớ vào nguyên nhân khác.

Kết Thúc Bài Kinh Các vấn đề được Đàm Luận thứ 67



Chánh Kinh Bài Kinh du sĩ Ngoại Đạo

68. Du sĩ Ngoại Đạo

1. - *Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi như sau: "Có ba pháp này, này các Hiền giả. Thế nào là ba? Tham, sân, si. Những pháp này, này các Hiền giả, là ba pháp. Trong ba pháp này, này các Hiền giả, thế nào là đặc thù, thế nào là thù thắng,*

thế nào là khác biệt? “Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông trả lời như thế nào với các du sĩ ngoại đạo ấy?”

- Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm nương tựa. Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết ý nghĩa lời nói này cho chúng con. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

- Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý, ta sẽ nói!

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn. Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau: - Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi như sau: “Có ba pháp này, này các Hiền giả. Thế nào là ba? Tham, sân, si. Những pháp này, này các Hiền giả, là ba pháp. Trong ba pháp này, này các Hiền giả, thế nào là đặc thù, thế nào là thù thắng, thế nào là khác biệt? “Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các Sư cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: “Tham, thừa các Hiền giả, là tội nhỏ, nhưng ly tham là chậm chạp. Sân là tội lớn, nhưng ly sân là mau chóng. Si là tội lớn, và ly si là chậm chạp.”

2.- “Do nhân gì, này chư Hiền, do duyên gì tham chưa sanh được sanh khởi, và tham sanh rồi đưa đến tăng trưởng, quảng đại?”

Cần phải trả lời là “Tịnh tướng” “Với ai không như lý tác ý tịnh tướng, thời tham chưa sanh được sanh khởi, và tham đã sanh được tăng trưởng quảng đại. Đây là nhân, này các Hiền giả, đây là duyên, tham chưa sanh được sanh khởi, và tham đã sanh được tăng trưởng quảng đại.”

3. "Do nhân gì, này các chư Hiền, do duyên gì sân chưa sanh được sanh khởi, và sân đã sanh được tăng trưởng, quảng đại?"
Cần phải trả lời là "Chướng ngại tướng" "Vớ ai không như lý tác ý chướng ngại tướng, thời sân chưa sanh được sanh khởi, sân sanh rồi được tăng trưởng quảng đại. Đây là nhân, này các Hiền giả, đây là duyên, khiến sân chưa sanh được sanh khởi, và sân đã sanh được tăng trưởng quảng đại."

4. "Do nhân gì, này các chư Hiền, do duyên gì si chưa sanh được sanh khởi, và si đã sanh được tăng trưởng, quảng đại?"

Cần phải trả lời là "Không như lý tác ý" "Vớ ai không như lý tác ý, thời si chưa sanh được sanh khởi, và si đã sanh được tăng trưởng quảng đại. Đây là nhân, này các Hiền giả, đây là duyên, khiến si chưa sanh được sanh khởi, và si đã sanh được tăng trưởng quảng đại."

5.- "Do nhân gì, này các chư Hiền, do duyên gì tham chưa sanh không sanh khởi, hay tham đã sanh được đoạn tận?"

Cần phải trả lời là "Tướng bất tịnh" "Vớ ai như lý tác ý tướng bất tịnh, thời tham chưa sanh không sanh khởi, hay tham đã sanh được đoạn tận. Đây là nhân, này các Hiền giả, đây là duyên khiến tham chưa sanh không sanh khởi, hay tham đã sanh được đoạn tận."

6. "Do nhân gì, này các chư Hiền, do duyên gì sân chưa sanh không sanh khởi, hay sân đã sanh được đoạn tận?"

Cần phải trả lời là "Từ tâm giải thoát" "Vớ ai như lý tác ý từ tâm giải thoát, thời sân chưa sanh không sanh khởi, hay sân đã sanh được đoạn tận. Đây là nhân, này các Hiền giả, đây là

duyên khiến sân chưa sanh không sanh khởi, hay sân đã sanh được đoạn tận.”

7. “Do nhân gì, này các chư Hiền, do duyên gì si chưa sanh không sanh khởi, hay si đã sanh được đoạn tận?”

Cần phải trả lời là “Như lý tác ý” “Với ai như lý tác ý, thời si chưa sanh không sanh khởi, và si đã sanh được đoạn tận. Đây là nhân, này các Hiền giả, đây là duyên khiến si chưa sanh không sanh khởi, hay si đã sanh được đoạn tận.”

Sớ Giải Bài Kinh du sĩ Ngoại Đạo (AthakathāTittiyaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Tittiya thứ 68 như sau: Từ **Bhagavaṃmūlakā** tức tất cả Pháp gọi là **Bhagavaṃmūlakā** bởi vì lấy Đức Thế Tôn làm căn bản. Ngài đề cập lời giải thích như sau, tất cả chư Tỳ Khưu bạch rằng: “Bạch Đức Thế Tôn, các Pháp này của chúng con được Đức Chánh Đẳng Giác **Kassapa** làm cho hiện khởi trong thời trước, khi Ngài đã Viên tịch Niết-bàn thì việc nhắc tên sa môn hoặc Bà la môn khác nữa sẽ không thể làm cho các Pháp này hiện khởi suốt thời gian từ Đức Phật này đến Đức Phật kế tiếp hiện khởi trên thế gian (**Buddhantara**), nhưng các Pháp này của chúng con khi Đức Thế Tôn đã hiện khởi thì chúng con sẽ Liễu tri, tức Giác ngộ các Pháp này được do nương vào Đức Thế Tôn, vì vậy, bạch Đức Thế Tôn pháp của chúng con gọi là có Đức Thế Tôn làm căn bản bởi trường hợp này.”

Từ **Bhagavaṃnettikā** tức là Đức Thế Tôn là bậc dẫn dắt, tức là Ngài dẫn xuất ra khỏi (Luân hồi) theo sự hướng dẫn

tất cả Pháp, nghĩa là đặt tên mỗi loại Pháp rồi Ngài thuyết theo thực tánh, vì vậy tất cả Pháp mới gọi là có Đức Thế Tôn là bậc hướng dẫn. Từ **Bhagavam paṭisaraṇā** tức Pháp dẫn tiến (sinh dẫn) trong 4 lãnh vực, khi đến lãnh vực của Toàn Giác Trí gọi là luôn tiềm ẩn trong Đức Thế Tôn cho nên mới gọi là Đức Thế Tôn là nơi nương tựa (**Bhagavāpaṭisaraṇā**). Từ **Paṭisaranti** tức đang gom lại nghĩa là đang hội tụ.

Một lý khác nữa: Đức Thế Tôn trước khi đặt tên Pháp dẫn tiến trong 4 lãnh vực, mỗi Pháp đó theo Sự Thật, nên Ngài hồi tưởng nhớ đến tất cả Pháp bằng mãnh lực của việc thấu đáo của Đức Phật; Ngài ngồi tại cây Đại Giác (**MahāBodhi**) rằng Xúc (**Phassa**) như đến bạch hỏi rằng: “Bạch Đức Thế Tôn, con tên là gì?,” thì được trả lời rằng: Tên con là Xúc do ý nghĩa đụng chạm... Thọ... Tưởng... Hành... Thức (như) đến bạch hỏi rằng: “Bạch Đức Thế Tôn, con tên là gì?,” được trả lời rằng: Tên con là... Thức do ý nghĩa biết rõ, vì vậy tất cả Pháp mới gọi là có Đức Thế Tôn là nương tựa (**Bhagavā paṭisaraṇā**). Cụm từ **Bhagavantamyeva paṭibhātu** nghĩa là ý nghĩa của ngôn ngữ này hãy hiện bày với (một mình) Đức Thế Tôn đi! Xin Đức Phật hãy dạy bảo (Giáo hóa) cho chúng con.

Cụm từ **Rāgo kho** tức Tham ái dẫn tiến bởi năng lực của sự vui thích, từ **Appasāvajjo** tức có ý nghĩa đáng chê trách ít, nghĩa là có tội nhỏ theo cả 2 mức độ, tức theo lãnh vực của tội thuộc tội Thế gian (**Lokavajja**) (tội trong hiện tại) cũng có, theo lãnh vực của tội thuộc tội Dị thực quả (**Vipākavajja**) (tội trong vị lai) cũng có. Điều này như thế nào?

- 1) Cha mẹ cho anh với em..., cưới nhau
- 2) Cho đám con cưới với anh em của con họ.

Tham ái này có tội nhỏ theo tội thể gian trước. Còn tham ái có tội nhỏ theo tội dị thực quả tức gọi là tục sanh vào Khổ cảnh như không có tri túc với vợ mình làm gốc. Từ **Dandhavirāgī** tức tham ái này trước khi giảm thì cũng sẽ từ từ giảm, không thoát khỏi nhanh chóng sẽ dính theo lâu dài, giống như vãi nhuộm bằng bồ hóng pha trộn với dầu, dù cho đi đến 2, 3 kiếp khác cũng chưa từ bỏ được, nên mới gọi là Ly tham chậm chạp (**Dandhavirāgī**) giảm bớt lâu lắc. Trong điều đó có Câu chuyện dẫn chứng như sau:

Câu Chuyện Nữ Nhân Giết Chồng.

Được nghe rằng, một người nam hành động Tà hạnh (**Micchācāra**) đối với vợ của người anh, y được nữ nhân yêu thương nhiều hơn chồng của mình. Nàng nói với Y rằng: “Khi sự việc này bại lộ thì điều chê bai to lớn sẽ có, anh hãy giết Anh của anh đi,” y dọa nữ nhân đó rằng: “Đồ chết tiệt, con đốn mặt, mày chớ có nói như vậy nữa!” Nàng im lặng, trôi qua 2, 3 ngày thì nói nữa, tâm của Y cho dù còn chần chừ, kể từ đó trở đi bị nàng thúc giục đến 3 lần mới nói rằng: “Ta sẽ làm thế nào mới có cơ hội (hành động)?” Tuần tự sau đó, nàng chỉ phương kế cho Y rằng: “Anh hãy làm theo tôi chỉ dẫn mà thôi, gần nhà của thằng gù (**Mahākakudha**) ngay nơi đó có bến nước, anh hãy cầm lấy con dao bầu bén đi rình ở tại nơi đó,” y làm theo như vậy. Về phần anh của Y làm công việc trong rừng xong rồi trở về nhà. Nàng làm giống như có tâm thương yêu chồng, nói rằng: “Này ông đi thôi! Tôi sẽ gọi đầu cho,” rồi xem xét cái đầu của chồng nói rằng: “Cái đầu của ông dơ bẩn,” rồi trao trái me rừng cho chồng cùng với lời dặn rằng: “Ông hãy đi gọi đầu tại bến nước đó rồi trở về.” Y đi đến bến nước theo như nàng chỉ dẫn,

gội đầu bằng bột trái me rừng, lặn đầu xuống nước tắm. Khi ấy người em trai đi ra từ giữa lùm cây chặt mạnh vào gáy cổ Y cho chết rồi trở về nhà.

Người anh trai khi không thể từ bỏ tình yêu thương vợ được mới sanh làm con rắn lục lớn trong nhà sau, cho dù khi nàng (là người vợ cũ) đứng, ngồi đi nữa..., nó cũng rơi xuống nơi thân (của nàng). Về sau nàng mới cho giết con rắn đó bởi hiểu rằng có lẽ thân mình của ta sẽ trở thành thân mình con rắn này. Do thương yêu nàng là vợ, nó sanh làm con chó trong nhà sau đó nữa, kể từ khi đi được nó chạy theo sau nàng, cho dù nàng đi vào rừng, nó cũng đi theo cùng, mọi người nhìn thấy vậy thì nói chế giễu rằng: “Người thợ săn và con chó đi ra sẽ đi về đâu?” Nàng sai biểu cho giết nó (con chó đó) nữa.

Mặc dù nó (đã chết) cũng sanh làm con bò trong nhà sau đó nữa, rồi đi theo nàng giống như vậy... Trong lúc đó mọi người nhìn thấy nó thì cùng nhau nói chế giễu rằng: “Người chăn bò đã đi rồi các con bò sẽ đi đâu?” Nàng cũng sai biểu cho giết nó trong chỗ kia. Mặc dù lúc đó nó không thể cắt đứt tình yêu thương nàng tiếp tục được, vào giai đoạn thứ 4, nó sanh vào trong bụng của nàng rồi thì nhớ lại được kiếp sống, nó thấy rằng bản thân bị giết đến 4 lần theo tuần tự, suy nghĩ rằng: “Ta sanh vào trong bụng của nữ nhân là kẻ thù chỉ chừng ấy!” Kể từ đó trở đi, không chịu cho nàng lấy tay đụng vào thân mình, nếu nàng đụng vào thân mình thì Y sẽ khóc rống lên. Lúc đó chỉ có ông ngoại mới nuôi nấng Y được...

Sau đó, y phát triển lớn khôn, ông ngoại mới hỏi rằng: “Cháu à, vì sau cháu không chịu cho mẹ lấy tay đụng vào thân mình, nếu mẹ đụng vào thân mình cháu, cháu sẽ khóc với tiếng

gào thét?” y kể lại tất cả sự diễn tiến với ông ngoại rằng: “Thưa ông, người này không phải là mẹ của con mà chỉ là kẻ thù!” ông ngoại quàng tay ôm người Y rồi khóc nói rằng: “Đi thôi cháu à! Dù cho có vấn đề gì chúng ta cũng sẽ nương vào nơi đây,” rồi dẫn Y ra khỏi nhà đi đến Tịnh xá, cùng nhau xuất gia trong Tịnh xá đó, cả hai người đều chứng đắc A La Hán.

Từ **Mahāsāvajjo** tức gọi là Tội lớn bởi 2 lãnh vực:

- 1) Bởi mãnh lực tội theo Thế gian
- 2) Bởi mãnh lực tội theo Dị thực quả.

Điều này như thế nào? Người mà Sân gây tổn hại, thường hành động sai quấy đối với Mẹ, đối với Cha, đối với Anh em, đối với Chị em, đối với Bậc xuất gia, cũng trải qua trong mọi nơi Họ sẽ bị chê bai to tát rằng: Người này hành động sai quấy ngay cả đối với Cha mẹ, đối với anh em, chị em cho dù đối với bậc Xuất gia. Sân gọi là có tội lớn theo mãnh lực tội thuộc tội của Thế gian như đã diễn giải trước, nhưng Họ sẽ thọ nhận quả trong Địa ngục suốt Đại kiếp bởi Nghiệp vô gián (**Anantariyakamma**) mà mình đã tạo do mãnh lực của sân. Sân gọi là có Tội lớn bởi mãnh lực của tội thuộc tội của Thế gian như đã giải thích trên.

Từ **Khippavirāgī** tức là từ bỏ nhanh chóng, nghĩa là người bị Sân gây tổn hại, hành động sai quấy đối với Cha mẹ, nơi Bảo tháp, nơi cây Bồ đề, đối với tất cả Bậc xuất gia cũng có, họ xin sám hối rằng: Các vị hãy tha thứ tội lỗi cho con. Cùng với việc xin xóa tội của Y thì Nghiệp đó sẽ trở thành bình thường ngay tức thì.

Còn Si gọi là có Tội lớn do 2 lãnh vực giống nhau. Điều này như thế nào? Người lầm lạc do Si hành động sai quấy đối với

Cha mẹ, nơi Bảo tháp, nơi cây Bồ đề, đối với Bạc xuất gia rồi nhận lấy sự chỉ trích trong mọi nơi mà Họ đi đến. Si gọi là có Tội lớn bởi mãnh lực của tội thuộc tội theo Thế gian trước, rồi Họ sẽ phải nhận lấy quả trong Địa ngục suốt Đại kiếp do Nghiệp vô gián mà Họ đã tạo bằng mãnh lực si. Si gọi là có Tội lớn bởi mãnh lực của tội thuộc tội của Dị thực quả như đã giải thích trên.

Từ **Dandhavirāgī** tức là từ từ giảm bớt đi, nghĩa là nghiệp mà người làm lạc do Si tạo ra sẽ lần lần khỏi đi. Ví dụ giống như da gấu mà Họ tẩy trắng đến 7 lần cũng không nhanh trắng được như thế nào thì Nghiệp mà làm lạc đã tạo do Si mê cũng như thế đó sẽ không vượt qua nhanh được mà sẽ từ từ qua đi.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh du sĩ Ngoại Đạo thứ 68



Chánh Kinh Bài Kinh Các Căn

Thiện - Bất Thiện

69.- Các Căn Bản Thiện - Bất Thiện

1. - *Này các Tỷ-kheo, có ba căn bản bất thiện này. Thế nào là ba? Tham là căn bản bất thiện, sân là căn bản bất thiện, si là căn bản bất thiện. Cái gì là tham, này các Tỷ-kheo, cái ấy bất thiện. Ai với lòng tham có làm gì về thân, về lời, về ý, cái ấy bất thiện. Với ai có lòng tham, bị lòng tham chinh phục, tâm không được tự chủ, vu cáo làm người khác đau khổ, bằng cách sát hại, trói buộc, tịch thu tài sản, mắng nhiếc hay tấn xuất, dựa trên: "Ta là sức mạnh, ta có sức mạnh." Cái ấy là bất thiện. Như vậy, rất*

hiều ác bất thiện pháp này sanh từ tham, duyên khởi từ tham, tập khởi từ tham, khởi lên nơi người ấy.

2.- Cái gì là sân, này các Tỷ-kheo, cái ấy bất thiện. Ai với lòng sân có làm gì về thân, về lời, về ý, cái ấy bất thiện. Với ai có lòng sân, bị lòng sân chinh phục, tâm không được tự chủ, vu cáo làm người khác đau khổ, bằng cách sát hại, trói buộc, tịch thu tài sản, mắng nhiếc hay tấn xuất, dựa trên: "Ta là sức mạnh, ta có sức mạnh." Cái ấy là bất thiện. Như vậy, rất nhiều ác bất thiện pháp này sanh từ sân, duyên khởi từ sân, tập khởi từ sân, khởi lên nơi người ấy.

3.- Cái gì là si, này các Tỷ-kheo, cái ấy bất thiện. Ai với lòng si có làm gì về thân, về lời, về ý, cái ấy bất thiện. Với ai có lòng si, bị lòng si chinh phục, tâm không được tự chủ, vu cáo làm người khác đau khổ, bằng cách sát hại, trói buộc, tịch thu tài sản, mắng nhiếc hay tấn xuất, dựa trên: "Ta là sức mạnh, ta có sức mạnh." Cái ấy là bất thiện. Như vậy, rất nhiều ác bất thiện pháp này sanh từ si, duyên khởi từ si, tập khởi từ si, khởi lên nơi người ấy.

4.- Như vậy, này các Tỷ-kheo, người này được gọi là người nói phi thời, nói không thực, nói không trúng đích, nói phi pháp, nói phi luật. Vì sao người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là người nói phi thời, nói không thực, nói không trúng đích, nói phi pháp, nói phi luật? Như vậy là vì người này, này các Tỷ-kheo, đã vu cáo làm người khác đau khổ, bằng cách sát hại, trói buộc, tịch thu tài sản, mắng nhiếc hay tấn xuất, dựa trên: "Ta là sức mạnh, ta có sức mạnh." Khi được đối chất với sự thật, người ấy phủ nhận, không có chấp nhận; khi được đối chất với sự không thật, người ấy không có nhiệt tình thoát mở ra ngoài, nói rằng: "Đây là không chân, đây là không thực." Cho nên, người như vậy được

gọi là người nói phi thời, nói không thực, nói không trúng đích, nói phi pháp, nói phi luật. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, bị các ác bất thiện pháp do tham sanh nhiếp phục, tâm mất tự chủ, ngay trong hiện tại sống đau khổ với sự tổn não, với sự ưu não, với sự nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, được chờ đợi là ác thú. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, bị các ác bất thiện pháp do sân sanh nhiếp phục, tâm mất sự tự chủ, ngay trong hiện tại sống đau khổ với sự tổn não, với sự ưu não, với sự nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, được chờ đợi là ác thú. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, bị các ác bất thiện pháp do si sanh nhiếp phục, tâm mất tự chủ, ngay trong hiện tại sống đau khổ với sự tổn não, với sự ưu não, với sự nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, được chờ đợi là ác thú.

5.- Ví như này các Tỷ-kheo, cây sālā hay cây dhava hay cây phandana bị phá hoại, bị bao trùm bởi ba loại tầm gửi, đi đến tổn hại, đi đến bất hạnh, đi đến tổn hại, và bất hạnh. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, người như vậy, bị các ác bất thiện pháp do tham sanh chinh phục, tâm mất tự chủ, ngay trong hiện tại sống đau khổ với sự tổn não, với sự ưu não, với sự nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, được chờ đợi là Ác thú ... bị các ác bất thiện pháp do sân sanh ... bị các ác bất thiện pháp do si sanh chinh phục, tâm mất tự chủ, ngay trong hiện tại sống đau khổ với sự tổn não, với sự ưu não, với sự nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, được chờ đợi là Ác thú.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba căn bản bất thiện.

6.- Có ba căn bản của thiện, này các Tỷ-kheo. Thế nào là ba? Không tham là căn bản của thiện, không sân là căn bản của thiện, không si là căn bản của thiện.

Cái gì là không tham, này các Tỷ-kheo, cái ấy thiện. Ai với lòng không tham có làm gì về thân, về lời, về ý, cái ấy thiện. Ai không có lòng tham, không bị lòng tham chinh phục, tâm được tự chủ, không vu cáo làm người khác đau khổ, bằng cách sát hại, trói buộc, tịch thu tài sản, mắng nhiếc hay tấn xuất, dựa trên: “Ta là sức mạnh, ta có sức mạnh.” Cái ấy là thiện. Như vậy, rất nhiều thiện pháp này sanh từ không tham, duyên khởi từ không tham, tập khởi từ không tham, khởi lên nơi người ấy.

7.- Cái gì là không sân, này các Tỷ-kheo, cái ấy thiện. Ai với lòng không sân có làm gì về thân, về lời, về ý, cái ấy thiện. Với ai không có lòng sân, không bị lòng sân chinh phục, tâm được tự chủ, không vu cáo làm người khác đau khổ, bằng cách sát hại, trói buộc, tịch thu tài sản, mắng nhiếc hay tấn xuất, dựa trên: “Ta là sức mạnh, ta có sức mạnh.” Cái ấy là thiện. Như vậy, rất nhiều thiện pháp này sanh từ không sân, duyên khởi từ không sân, tập khởi từ không sân, khởi lên nơi người ấy.

8.- Cái gì là không si, này các Tỷ-kheo, cái ấy là thiện. Ai với lòng không si có làm gì về thân, về lời, về ý, cái ấy thiện. Với ai không có lòng si, không bị lòng si chinh phục, tâm được tự chủ, không vu cáo làm người khác đau khổ, bằng cách sát hại, trói buộc, tịch thu tài sản, mắng nhiếc hay tấn xuất, dựa trên: “Ta là sức mạnh, ta có sức mạnh.” Cái ấy là thiện. Như vậy, rất nhiều thiện pháp này sanh ra từ không si, duyên khởi từ không si, tập khởi từ không si, khởi lên nơi người ấy.

9.- Như vậy, này các Tỷ-kheo, người này được gọi là người nói đúng thời, nói thực, nói trúng đích, nói đúng pháp, nói đúng luật. Vì sao người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là người nói đúng thời, nói thực, nói trúng đích, nói đúng pháp, nói đúng

luật? Như vậy là vì người này, này các Tỷ-kheo, đã không vu cáo làm người khác đau khổ, bằng cách sát hại, trói buộc, tịch thu tài sản, mắng nhiếc hay tấn xuất, dựa trên: "Ta là sức mạnh, ta có sức mạnh." Khi được đối chất với sự thật, người ấy chấp nhận, không có phủ nhận; khi được đối chất với sự không thật, người ấy nhiệt tình thoát mở ra ngoài, nói rằng: "Đây là chân, đây là thực." Cho nên, người như vậy được gọi là người nói đúng thời, nói thực, nói trúng đích, nói đúng pháp, nói đúng luật.

10.- Người như vậy, này các Tỷ-kheo, đoạn tận các ác bất thiện do tham sanh, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tãla, làm cho không hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, ngay trong hiện tại sống an lạc, không có tổn não, không có ưu não, không có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, ngay trong hiện tại được Bát-niết-bàn. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, không bị các ác bất thiện pháp do sân sanh nhiếp phục, tâm không mất tự chủ ... Người như vậy, này các Tỷ-kheo, không bị các ác bất thiện pháp do si sanh nhiếp phục, tâm không mất tự chủ, ngay trong hiện tại sống an lạc, không có tổn não, không có ưu não, sau khi thân hoại mạng chung, ngay trong hiện tại được Bát-niết-bàn.

11.- Ví như, này các Tỷ-kheo, cây sãla hay cây dhava, cây phandana, bị ba cây tầm gỡ phá hoại bao trùm. Rồi có người đi đến, cầm cuốc và thúng. Người ấy chặt đứt rễ cây tầm gỡ ấy, sau khi chặt đứt rễ, người ấy đào mương. Đào mương xong, người ấy nhổ các rễ lên, nhổ cho đến các rễ nhỏ, rễ usira. Rồi người ấy chặt cây tầm gỡ thành từng khúc nhỏ, bửa và chẻ thành từng mảnh nhỏ, người ấy đem phơi giữa gió và mặt trời. Sau khi phơi giữa gió và mặt trời, người ấy lấy lửa đốt, làm thành một đồng tro, và quạt chúng ra giữa gió lớn, hay đổ chúng xuống dòng

nước chảy nhanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các cây tầm gỏi ấy, bị cắt đứt gốc từ rễ, bị làm cho như thân cây tãla, làm cho không hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với người như vậy, các ác bất thiện pháp do tham sanh đã được đoạn tận, được chặt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây tãla, được làm cho không thể hiện hữu, được làm cho không sanh khởi trong tương lai, ngay trong hiện tại được sống an lạc, không có tổn não, không có ưu não, không có nhiệt não, ngay trong hiện tại được Bát-niết-bàn ... do sân sanh ... các ác bất thiện pháp do si sanh đã được đoạn tận, được chặt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây tãla, được làm cho không thể hiện hữu, được làm cho không sanh khởi trong tương lai, ngay trong hiện tại được sống an lạc, không có tổn não, không có ưu não, không có nhiệt não, ngay trong hiện tại được Bát-niết-bàn.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba căn bản của Thiện.

Sớ Giải Bài Kinh Các Căn Thiện - Bất Thiện

(AtthakathāKusalaAkusalamūlaṃSutta)

Nên hiểu Luận Giải Bài Kinh thứ 69 như sau: Pháp có căn Bất thiện gọi là Bất Thiện Căn (**Akusala mūlaṃ**).

Một lý khác nữa: Vừa là Pháp vừa là Căn nên mới gọi là Bất thiện căn. Cụm từ **Yadapi Bhikkhave lobho** bằng với **Yopi Bhikkhave lobho** tức là: Này các Tỷ khưu, cho dù có Tham nào. Cụm từ **Tadapi akusalamūlaṃ** tức Tham đó là gốc rễ của Bất thiện hoặc là (tự thân) của Bất thiện cũng được.

Giải thích: Trong nơi đây ngay cả Bất thiện đó cũng ám chỉ đến căn Bất thiện cũng thích hợp như nhau. Trong tất cả từ nên đem Lý (để giải thích) theo cách thức này.

Từ **Abhisankharoti** tức tập hợp, nghĩa là gom lại làm cho thành khối. Cụm từ **Asatā dukkham upadahati** nghĩa là tạo ra Khổ, bởi nói đến một loại tội lỗi nào mà không thật đối với Họ, bởi vấn đề không thật tức không đang có. Cụm từ **Vadhena vā...** Đức Thế Tôn thuyết để biểu lộ trạng thái mà Họ tạo ra Khổ, trong tất cả từ đó thì Từ **Jāniyā** tức suy giảm tài sản. Từ **Pabbājanāya** tức việc đi ra khỏi nhà, ra khỏi vào rừng hoặc lìa khỏi đất nước. Từ **Balavamhi** tức là người có sức mạnh. Cụm từ **Balattho itipi** tức nói rằng tôi là sức mạnh hay tôi đang có sức mạnh. Từ **Akālavādī** tức không nói trong lúc nên nói, gọi là nói trong lúc không thích hợp. Từ **Abhūtavādī** tức không nói vấn đề thật, gọi là nói vấn đề không thật, từ **Anavatthavādī** tức không nói vấn đề lợi ích, gọi là nói vấn đề không lợi ích. Từ **Arammavādī** tức là không nói sự việc theo Pháp, gọi là nói sự việc Phi pháp, từ **Avinayavādī** tức không nói sự việc theo Luật, gọi là nói Phi luật. Từ **Tathāhayam** phân từ ra thành **Tathā hi ayam**. Cụm từ **Na attappam karoti tassa nibbhedhanāya** tức không thực hành tinh cần để được lợi ích đối với việc giải quyết vấn đề không thật. Cụm từ **Itipetaṃ atacchaṃ** tức sự việc này không thật do nhân này. Từ ngoài ra (**Abhūtaṃ**) là từ đồng nghĩa của từ **Atacchaṃ** đó. Cụm từ **Duggati pāṭikaṅkhā** tức Khổ cảnh phân loại ra thành Địa ngục..., nên ước muốn (thì) được.

Giải thích: Khổ cảnh phải là phần dành cho Y chắc chắn, tức Y sẽ phải sanh vào trong Khổ cảnh đó. Từ **Uddhassato** tức là bị dây leo khu vực (vùng đất) cát bao phủ ở phía trên, từ

Pariyonadho tức bị dây leo trong khu vực (vùng đất) cát bao phủ lên xung quanh. Cụm từ **Anayam āpajjati** tức đến không phát triển lớn lên được, cụm từ **Byasana āpajjati** dẫn đến điêu tàn.

Giải thích: Vào mùa nóng, khi trái chín vùng đất cát văng ra rơi xuống nơi gốc cây đa..., trong các gốc cây đó, nơi gốc cây nào có hạt rơi xuống 3 hạt trong 3 hướng, khi gốc cây bị mưa vào mùa mưa rơi lá tả thì 3 chồi từ cả 3 hạt sẽ mọc lên dính theo cây đó, kể từ đó thọ thân..., cũng không thể nương trú theo đường của mình được, cả 3 chồi đó sanh sôi nảy nở trở thành dây leo bám vào cây đó, dính mắc bao trùm đến các chạc cây, cành nhỏ, cành lớn che phủ cây cho đến che kín. Cây đó bị dây leo vùng đất cát móc vào đầy đầy dây leo, vùng đất cát dày và lớn khi mưa rơi xuống hoặc gió thổi cũng sẽ bẻ gãy cây ngã xuống trong nơi đó còn lại chỉ là gốc mà thôi. Cụm từ **Byasanam āpajjati** này Đức Thế Tôn thuyết ám chỉ đến cây đó.

Cũng trong cụm từ **Evameva kho** này có điều so sánh như sau: Chúng sanh thế gian nên thấy giống một thân cây trong các cây gỗ..., 3 căn Bất thiện nên thấy giống như 3 dây leo vùng đất cát. Lúc tham..., chưa gặp phải Môn nên thấy giống như sự việc các dây leo đó bao bọc cây lên thẳng chưa đến cành cây, lúc tham..., diễn tiến cùng mãnh lực của môn nên thấy như lúc dây leo bò đi theo lối cành cây, lúc tham..., vây hãm tâm nên thấy giống như lúc dây leo che phủ cây.

Lúc vị Tỳ khuru bị phạm tội chút ít do mãnh lực của các phiền não đến gặp phải môn nên thấy giống như lúc cành cây nhỏ rơi xuống, lúc Tỳ khuru bị phạm trọng tội nên thấy giống như lúc cành cây lớn gãy xuống, lúc Tỳ khuru bị phạm tội Bất

cộng trụ rời rơi xuống trong 4 Khổ cảnh theo tuần tự nên thấy giống như lúc cây ngã xuống trên mặt đất trong khi gốc cây ẩm ướt cùng với nước chảy xuống theo đường dây leo.

Về phần Pháp trắng (**Thiện pháp**) nên hiểu theo cách ngược lại như đã đề cập. Nhưng trong cụm từ **Evameva kho** nên hiểu theo điều so sánh như sau: Chúng sanh thế gian này nên thấy giống như một loại cây nào trong tất cả loại gỗ..., cả 3 Bất thiện căn nên thấy giống như 3 dây leo vùng đất cát. Hành giả giống như người đến làm cho các dây leo đó tàn lụi (đào dây leo vớt bỏ). Trí tuệ nên thấy giống như cuốc, năng lực của Đức tin nên thấy giống như sức mạnh của việc cuốc, việc đào bằng Minh quán (**Vipassanā**) nên thấy giống như việc đào bằng cuốc, lúc Hành giả dùng Tuệ quán (**Vipassanāñāṇa**) chặt đứt gốc rễ của Vô minh nên thấy giống như việc chặt đứt gốc rễ của cây bằng việc cuốc, lúc Hành giả thấy (danh-sắc) bằng lãnh vực Uẩn nên thấy giống như lúc chặt đứt dây leo thành khúc nhỏ, khúc lớn. Lúc hành giả nhỏ phiền não lên bằng Đạo tuệ nên thấy giống như lúc chẻ dây leo, lúc Ngũ uẩn vẫn còn tồn tại nên thấy giống như lúc làm cho dây leo trở thành tro, lúc Hành giả diệt đi Uẩn Thủ (**Upādinnaka khandha**) bằng cách diệt không cho Tục sanh nữa, rồi không Chấp thủ tục sanh trong kiếp sống mới nên thấy giống như lúc Họ rãi tro xuống nơi mà bão lớn làm cho không sanh khởi nữa. Trong bài Kinh này Đức Thế Tôn thuyết về **Luân hồi (Vaṭṭa)** và **Phi luân hồi (Vivaṭṭa)**.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Các Căn thứ 69



Chánh Kinh Bài Kinh Bát Quan Trai Giới

70. Các Lễ Uposatha

Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở Sāvatti (Xá-vệ), Pubbarama (Đông viên), lâu đài của mẹ Migara. Rồi Visākhā, mẹ của Migara, trong ngày Uposatha (Bổ-tát trai giới) đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Visākhā, mẹ của Migara đang ngồi xuống một bên:
- Nay Visākhā, từ đâu bà đến sáng sớm như thế này?

- Bạch Thế Tôn, hôm nay con thọ trai giới.

- Có ba loại trai giới này, này Visākhā. Thế nào là ba?

Trai giới người chăn bò, trai giới Niganthā, và trai giới bậc Thánh. Như thế nào, này Visākhā, là trai giới người chăn bò? Ví như, này Visākhā, người chăn bò vào buổi chiều lừa các con bò về cho chủ của chúng. Người ấy suy nghĩ: "Hôm nay, các con bò đã ăn cỏ tại chỗ này và chỗ này, đã uống nước tại chỗ này và chỗ này. Ngày mai, các con bò sẽ ăn cỏ tại chỗ này và chỗ này, sẽ uống nước tại chỗ này và chỗ này." Cũng vậy, này Visākhā, ở đây có người giữ trai giới suy nghĩ: "Hôm nay, ta đã ăn loại đồ ăn cứng này, loại đồ ăn cứng này ta đã ăn; ta đã ăn loại đồ ăn mềm này, loại đồ ăn mềm này ta đã ăn. Ngày mai, ta sẽ ăn loại đồ ăn cứng này, loại đồ ăn cứng này ta sẽ ăn; ta sẽ ăn loại đồ ăn mềm này, loại đồ ăn mềm này ta sẽ ăn." Như vậy, người ấy sống cả ngày với tâm đồng hành với tham dục. Như vậy, này Visākhā, là trai giới người chăn bò.

Này Visākhā, thế nào là trai giới các Niganthā?

Ở đây, này Visākhā, có hạng Sa-môn tên là Niganthā, họ khích lệ đệ tử như sau: “Ông hãy quảng bỏ trượng đối với các sinh loại sống ở phương Đông, ngoài một trăm do tuần. Hãy quảng bỏ trượng đối với các sinh loại sống ở phương Tây, ngoài một trăm do tuần. Hãy quảng bỏ trượng đối với các sinh loại sống ở phương Bắc, ngoài một trăm do tuần. Hãy quảng bỏ trượng đối với các sinh loại sống ở phương Nam, ngoài một trăm do tuần.” Như vậy, họ khích lệ vì lòng thương, vì lòng từ mẫn đối với một số sinh loại mà thôi, họ không khích lệ vì lòng thương, vì lòng từ mẫn, đối với một số sinh loại khác. Trong ngày Uposatha, họ khích lệ đệ tử như sau: “Này các Ông, hãy quảng bỏ tất cả áo quần và nói như sau: “Ta không có bất cứ vật gì, bất cứ ở đâu, bất cứ chỗ nào. Bất cứ vật gì, bất cứ ở đâu, bất cứ chỗ nào, không có cái gì là của ta.” Nhưng cha và mẹ của người ấy biết người ấy là con của mình. Và người ấy biết họ là cha mẹ của mình. Vợ và con người ấy biết người ấy là chồng, là cha của mình, và người ấy biết họ là vợ, là con của mình. Các người nô tỳ làm công biết người ấy là chủ của họ. Và người ấy biết họ là nô tỳ, là nhân viên của mình. Như vậy, trong thời gian đáng phải khích lệ đúng với sự thật, trong thời gian ấy, lại được khích lệ bằng điều nói láo. Đây ta tuyên bố là một sự nói láo. Sau khi đêm ấy đã qua, người ấy thọ hưởng tất cả tài sản chưa đem cho. Đây ta tuyên bố là lấy của không cho. Như vậy, này Visākhā, là lễ Uposathā của các Niganthā. Được sống thực hành như vậy, này Visākhā, Uposatha của các Niganthā không quả lớn, không lợi ích lớn, không chói sáng, không ánh sáng lớn.

Và này Visākhā, thế nào là trai giới các bậc Thánh? Chính là làm thanh tịnh một tâm uế nhiễm với phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là làm thanh tịnh một tâm ướ nhiễm với phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, Thánh đệ tử niệm Phật: “Đây là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.” Do vị ấy niệm Như Lai, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Ví như, này Visākhā, dầu ướ nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là dầu ướ nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi?

Do duyên bột nhồi, do duyên đất sét, do duyên nước và do duyên nỗ lực thích nghi của con người. Như vậy, này Visākhā, là dầu ướ nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi. Cũng vậy, này Visākhā, là tâm ướ nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là tâm ướ nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, Thánh đệ tử niệm Như Lai: “Đây là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.” Do vị ấy niệm Như Lai, tâm được tịnh tín, hân hoan khởi lên, các phiền não của tâm được đoạn tận. Này Visākhā, đây gọi là Thánh đệ tử để thực hành trai giới Phạm Thiên, vị ấy cùng sống với Phạm Thiên. Do duyên Phạm Thiên, tâm vị ấy được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não

của tâm được đoạn tận. Như vậy, này Visākhā, là tâm ế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi.

Này Visākhā, tâm ế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi. Và này Visākhā, thế nào là tâm ế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, vị Thánh đệ tử niệm pháp: “Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.” Do vị ấy niệm Pháp, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Ví như, này Visākhā, thân ế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là thân ế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi? Do duyên sottom (một thứ đá bọt dùng để chà lưng), do duyên bột tắm, do duyên nước và do duyên nỗ lực thích nghi của con người. Như vậy, này Visākhā, là thân ế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi. Cũng vậy, này Visākhā, là tâm ế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi.

Và như thế nào, này Visākhā, là tâm ế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, Thánh đệ tử niệm pháp: “Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.” Do người ấy niệm Pháp, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Này Visākhā, đây gọi là Thánh đệ tử thực hành pháp trai giới, vị ấy

sống với pháp. Chính nhờ pháp, tâm vị ấy tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Như vậy, này Visākhā, là tâm uesthiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi.

Này Visākhā, tâm uesthiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi. Và này Visākhā, thế nào là tâm uesthiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, Thánh đệ tử niệm Tăng: “Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn; Trục hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn; Ứng lý hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn; Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng tôn trọng, đáng cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời.” Do vị ấy niệm Tăng, tâm vị ấy tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Ví như, này Visākhā, một tấm vải bị uesthiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là một tấm vải bị uesthiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi?

Do duyên usam (đất mặn) do duyên khāram (nước tro), do duyên phân bò, do duyên nước, và do duyên nỗ lực thích nghi của con người. Như vậy, này Visākhā, một tấm vải bị uesthiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi. Cũng vậy, này Visākhā, là tâm uesthiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là tâm uesthiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, Thánh đệ tử niệm Tăng: “Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn; Trục hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn; Ứng lý

hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn; Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng tôn trọng, đáng cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời." Nhờ vị ấy niệm Tăng, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Nay Visākhā, đây gọi là Thánh đệ tử thực hành chúng Tăng trai giới, sống với chúng tăng. Chính nhờ chúng tăng, tâm vị ấy tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Như vậy, này Visākhā, là tâm uesthiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi.

Này Visākhā, tâm uesthiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi. Và này Visākhā, thế nào là tâm uesthiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, Thánh đệ tử niệm Giới: "Không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị nhiễm ô, không bị uesthiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiên định." Vị ấy nhờ niệm Giới, tâm vị ấy được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Ví như, này Visākhā, một tấm gương uesthiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi?

Và này Visākhā, thế nào là một tấm gương uesthiễm được rửa sạch nhờ phương pháp thích nghi?

Do duyên dầu, do duyên tro, do duyên bàn chải lông và do duyên nỗ lực thích nghi của con người. Như vậy, này Visākhā, là tấm gương uesthiễm được rửa sạch với phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là một tấm gương uesthiễm được rửa sạch nhờ phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, Thánh đệ tử niệm Giới: “Không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị nhiễm ô, không bị ướ nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiên định.” Vị ấy nhờ niệm Giới, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Này Visākhā, đây gọi là thánh đệ tử thực hành giới Uposatha, sống chung với giới. Nhờ giới, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Như vậy, này Visākhā, là tâm ướ nhiễm được rửa sạch nhờ phương pháp thích nghi?

Này Visākhā, tâm ướ nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi. Và này Visākhā, thế nào là tâm ướ nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, Thánh đệ tử niệm Thiên: “Có Chư Thiên bốn Thiên Vương; có Chư Thiên cõi trời Ba mươi ba; có chư Thiên Yāmā; có chư Thiên Tusita (Đâu suất); có chư Thiên Hóa lạc; có chư Thiên Tha hóa tự tại; có chư Thiên Phạm chúng; có chư Thiên cao hơn nữa. Đầy đủ với lòng tin như vậy, chư Thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Lòng tin như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với giới như vậy, chư Thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Giới như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với nghe pháp như vậy, chư Thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Nghe pháp như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với thí như vậy, chư Thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Thí như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ tuệ như vậy, chư Thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Tuệ như vậy cũng có đầy đủ nơi ta.” Khi người ấy niệm tín, giới, nghe pháp, thí và tuệ của tự mình và chư Thiên ấy, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi. Các

phiền não của tâm được đoạn tận. Ví như, này Visākhā, là vàng bị ố nhiễm được làm cho thanh tịnh nhờ phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là vàng bị ố nhiễm được làm cho thanh tịnh nhờ phương pháp thích nghi?

Do duyên lò, do duyên đất muối, do duyên phấn đỏ, do duyên ống bệ, do duyên cái kim, và do duyên nỗ lực thích nghi của con người. Như vậy, này Visākhā, là vàng bị ố nhiễm được làm cho thanh tịnh nhờ phương pháp thích nghi. Cũng vậy, này Visākhā, là tâm bị ố nhiễm được làm cho thanh tịnh nhờ phương pháp thích nghi?

Và này vì, thế nào là tâm bị ố nhiễm được làm cho thanh tịnh nhờ phương pháp thích nghi.

Ở đây, này Visākhā, Thánh đệ tử niệm Thiên: “Có Chư Thiên bốn Thiên Vương; có Chư Thiên cõi trời ba mươi ba; có chư Thiên Yāmā; có chư Thiên Tusita (Đâu suất); có chư Thiên hóa lạc; có chư Thiên tha hóa tự tại; có chư Thiên Phạm chúng; có chư Thiên cao hơn nữa. Đầy đủ với lòng tin như vậy, chư Thiên ấy, mạng chung ở chỗ này, được sanh tại chỗ ấy. Ta cũng có lòng tin như vậy. Đầy đủ với giới như vậy, chư Thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Giới như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với nghe pháp như vậy, chư Thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Nghe pháp như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với thí như vậy, chư Thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Thí như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với trí tuệ như vậy, chư Thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Ta cũng có trí tuệ như vậy.” Khi vị ấy niệm tín, giới, nghe pháp, thí, và tuệ của tự mình và của chư Thiên ấy,

tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi. Các phiền não của tâm được đoạn tận. Đây gọi là Thánh đệ tử thực hành Thiên trai giới, sống chung với chư Thiên. Nhờ chư Thiên, tâm vị ấy được tịnh tín, hân hoan sanh khởi. Các phiền não của tâm được đoạn tận. Như vậy, này Visākhā, là tâm bị ứ nhiễm được làm cho thanh tịnh nhờ phương pháp thích nghi.

Thánh đệ tử ấy, này Visākhā, suy tư như sau: “Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Cũng vậy đêm nay và ngày nay, ta sống từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới.”

“Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Cũng vậy, đêm nay và ngày nay, ta sống từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới.”

“Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ tà hạnh, tịnh tu Phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Cũng vậy, đêm nay và ngày nay, ta sống từ bỏ tà hạnh, tịnh tu Phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới.”

“Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ nơi sự thật chắc chắn, đáng

tin cậy, không lừa gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Cũng vậy, đêm nay và ngày nay, ta sống từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ nơi sự thật chắc chắn, đáng tin cậy, không lừa gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới.”

“Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ rượu men, rượu nấu làm cho đấm say, tránh xa rượu men, rượu nấu làm cho đấm say. Cũng vậy, đêm nay và ngày nay, ta sống từ bỏ rượu men, rượu nấu làm cho đấm say, tránh xa rượu men, rượu nấu làm cho đấm say. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới.”

“Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán ăn một ngày một bữa, không ăn ban đêm, không ăn phi thời. Cũng vậy, đêm nay và ngày nay, ta sống ăn một ngày một bữa, không ăn ban đêm, không ăn phi thời. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới.”

“Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán tránh xa không xem múa, hát, nhạc, diễn kịch, không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Cũng vậy, đêm nay và ngày nay, ta sống tránh xa không xem múa, hát, nhạc, diễn kịch, không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới.”

“Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ giường cao, giường lớn, tránh xa giường cao, giường lớn. Các vị ấy nằm trên giường thấp, trên giường nhỏ hay trên đệm cỏ. Cũng vậy, đêm nay và ngày nay, ta từ bỏ giường cao, giường lớn, tránh xa giường cao, giường lớn. Ta nằm trên giường thấp, trên giường nhỏ hay trên

đêm cỏ. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới.”

Như vậy, này Visākhā, là Thánh trai giới, thực hành Thánh trai giới, này Visākhā, có quả lớn, có lợi ích lớn, có chói sáng lớn, có ánh sáng lớn.

Quả lớn là như thế nào? lợi ích lớn như thế nào? Chói sáng lớn như thế nào? Ánh sáng lớn như thế nào?

Ví như, này Visākhā, có người áp đặt chủ quyền trên 16 quốc độ lớn tràn đầy bảy báu như Anga, Magadha, Kāsi, Kosala, Vajji, Mallā, Ceti, Vangā, Kurū, Pancālā, Macchā, Surasenā, Assakā, Avanti, Gandhārā, Kambojā, nhưng chủ quyền ấy không bằng một phần mười sáu của một trai giới thực hành đầy đủ cả tám mặt. Vì có sao? Nhỏ nhoi thay, này Visākhā, là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc Chư Thiên!

Năm mươi năm của một đời người, này Visākhā, bằng một đêm một ngày của chư Thiên của Bốn Thiên Vương. Ba mươi đêm như vậy, làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Năm mươi năm chư thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư Thiên của Bốn Thiên Vương. Sự kiện này có xảy ra, này Visākhā, ở đây có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hiện trai giới đầy đủ cả tám mặt, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên của Bốn Thiên Vương. Chính dựa trên trường hợp này được nói lên rằng: “Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên!”

Một trăm năm của một đời người, này Visākhā, bằng một ngày một đêm của chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba. Ba mươi đêm

như vậy, làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Một ngàn năm chư Thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba. Sự kiện này có xảy ra, này Visākha, ở đây có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hiện trai giới đầy đủ cả tám mặt, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba. Chính dựa trên trường hợp này được nói lên rằng: "Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên!"

Hai trăm năm của một đời người, này Visākha, bằng một ngày một đêm của chư Thiên ở cõi trời Yāmā. Ba mươi đêm như vậy, làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Hai ngàn năm chư Thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư Thiên ở cõi trời Yāmā. Sự kiện này có xảy ra, này Visākha, ở đây có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hiện trai giới đầy đủ cả tám mặt, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi trời Yāmā. Chính dựa trên trường hợp này được nói lên rằng: "Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên!"

Bốn trăm năm của một đời người, này Visākha, bằng một ngày một đêm của chư Thiên ở cõi trời Tusita (Đâu-suất). Ba mươi đêm như vậy, làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Bốn ngàn năm chư Thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư Thiên ở cõi trời Tusita. Sự kiện này có xảy ra, này Visākha, ở đây có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hiện trai giới đầy đủ cả tám mặt, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi trời Tusita. Chính dựa trên trường hợp này được nói lên rằng: "Nhỏ nhoi

thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên!”

Tám trăm năm của một đời người, này Visākhā, bằng một ngày một đêm của chư Thiên ở cõi trời Hóa lạc. Ba mươi đêm như vậy, làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Tám ngàn năm chư Thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư Thiên ở cõi trời Hóa lạc. Sự kiện này có xảy ra, này Visākhā, ở đây có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hiện trai giới đầy đủ cả tám mặt, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi trời Hóa lạc. Chính dựa trên trường hợp này được nói lên rằng: “Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên!”

Mười sáu trăm năm của một đời người, này Visākhā, bằng một ngày một đêm của chư Thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Ba mươi đêm như vậy, làm thành một tháng, mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Mười sáu ngàn năm chư Thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư Thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Sự kiện này có xảy ra, này Visākhā, ở đây có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hành Uposatha đầy đủ cả tám mặt, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Chính dựa trên trường hợp này, được nói lên rằng: “Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên.”

Chớ giết hại sinh loài

Chớ lấy của không cho

Chớ nói lời nói láo

Chớ uống thứ rượu say

Từ bỏ không phạm hạnh
Từ bỏ, không dâm dục
Không ăn vào ban đêm
Tránh không ăn phi thời
Không mang các vòng hoa
Không dùng các hương liệu
Hãy nằm trên tấm thảm
Được trải dài trên đất
Chính hạnh trai giới này
Được gọi có tám phần
Do Đức Phật nói lên
Đưa đến đoạn tận khổ
Mặt trăng và mặt trời
Được thấy là lành tốt
Chỗ nào chúng đi tới
Chúng chói sáng hào quang
Chúng làm mây sáng chói
Giữa hư không chúng đi
Trên trời chúng chói sáng
Sáng rực mọi phương hướng
Trong khoảng không gian ấy
Tài sản được tìm thấy

Trân châu và ngọc báu
Lưu ly, đá cầu may
Vàng cục trong lòng đất
Hay loại Kancana
Cùng loại vàng sáng chói
Được gọi là Hattaka
Tuy vậy chúng giá trị
Chỉ một phần mười sáu
Vớ hạnh giữ trai giới
Đầy đủ cả tám mặt
Kể cả ánh sáng trắng
Vớ cả vòm trời cao.
Vậy người nữ người nam
Hãy giữ theo định giới
Hành bố-tát trai giới
Đầy đủ cả tám mặt
Làm thiện các công đức
Đem lại nhiều an lạc
Được sanh lên cõi trời
Không bị người cười chê.

Sớ Giải Bài Kinh Bát Quan Trai Giới

(AtthakathāUposathaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Bát Quan Trai Giới thứ 70 như sau: Từ **Tadahuposathe** bằng với **Tasmimahu uposathe** tức **Tamdivasam uposathe** nghĩa là trong ngày Bát quan trai giới đó tức là ngày trăng tròn Bát quan trai giới. Từ **Upasankamati** tức nàng **Visākhā** nguyện Thọ trì Bát quan trai giới cầm vật thơm và nhang đèn..., đi vào diện kiến, từ **Handa** là bất biến từ dùng trong ý nghĩa thỉnh mời. Cụm từ **Divā divassa** tức lúc giữa trưa gọi là vẫn còn là ngày, nghĩa là trong lúc có mặt trời hiện diện trong khoảng giữa. Cụm từ **Kuto nu tvam āgacchasi** tức Đức Thế Tôn phán hỏi rằng: Con đi đến làm gì?

Bát quan trai giới như người làm công chăn bò, bởi vì có Suy tư không thanh tịnh gọi là Bát Quan Trai Giới của Người Chăn Bò (**GopālakaUposatha**). Bát quan trai giới thọ trì theo tất cả **Nigantha** gọi là Bát quan trai giới của (Ngoại đạo) **Nigantha (NiganthaUposatha)**.

Bát quan trai giới thọ trì theo các bậc Thánh gọi là (**AriyaUposatha**). Cụm từ **Seyyathāpi visakhe** tức này **Visākhā** so sánh giống như cụm từ **Sāyaṇhasamaye sāmikānam gāvo niyyādetvā** nghĩa là thật sự người làm công chăn bò nhận bò về nuôi bởi vì theo giá thuê mướn hàng ngày bằng cách quy định rằng 5 ngày, 10 ngày, nửa tháng, một tháng, 6 tháng hoặc 1 năm (mới mua), nhưng trong Bài Kinh này thuyết rằng **Gopālaka Uposatha** này Ngài ám chỉ đến người nuôi bò, bởi vì giá thuê mướn hàng ngày.

Từ **Niyyā detvā** tức giao cho, nghĩa là nói rằng bỏ của người có lượng chừng này. Cụm từ **Iti paṭisañcikkhati** tức đi đến nhà của mình dùng vật thực rồi ngồi trên giường xem xét như vậy, từ **Abhijjhāsaḥagatena** tức tương ứng với Ái dục. Cụm từ **Evam kho visāke gopālakaUposatho hoti** nghĩa là đây cũng giống như là theo Bát quan trai giới bậc Thánh nhưng bởi vì suy nghĩ không Thanh tịnh nên chỉ ở trong phạm vi Bát quan trai giới của người chăn bò mà thôi. Cụm từ **Na mahapphalo** không có quả lớn vì là Quả (**Phala**) tức Dị thực quả (**Vipāka**). Cụm từ **Na mahānisamsa** tức gọi là không có quả phước (**Ānisamsa**) lớn bởi vì quả phước cũng tức là Dị thực quả. Cụm từ **Na mahājutiko** tức không có sáng chói nhiều, bởi vì sáng chói do Dị thực quả. Cụm từ **Na Mahāvippāro** tức gọi là lan tỏa đi không nhiều, bởi vì sự lan tỏa đi của dị thực quả không có nhiều.

Từ **Samaṇagātikā** tức nhóm Sa môn. Cụm từ **Param yojanasatam** tức xa hơn nhiều 100 do tuần, nghĩa là vượt quá từ đó trở đi. Cụm từ **Tesu daḍḍam nikkhipāhi** tức đặt điều lệ quy định, nghĩa là đặt điều lệ quy định đối với tất cả chúng sanh ở hơn 100 do tuần trở đi. Cụm từ **Nāhaṃ kavacini kassaci kiṇṇanam tasmim** tức ta không có bận tâm đối với người nào khác trong bất cứ nơi nào.

Giải thích: Đức Phật gọi sự ràng buộc (**Paḷibodha**) rằng là sự bận tâm, ta là người không có sự bận tâm. Cụm từ **Na ca mama kvacini kismiñci kiñcanam natthi** nghĩa là Ta không có sự bận tâm, tức ràng buộc trong bất cứ điều gì, ngay cả 1 loại tư cụ (**Parikhāra**) nào trong bất cứ nơi nào cả bên trong lẫn bên ngoài.

Giải thích: Ta cắt đứt được sự ràng buộc, từ **Bhoge** tức đồ vật sử dụng và việc thọ dụng (**Paribhoga**) như giường, ghế, cháo và thức ăn v.v... Cụm từ **Adinnamyeva paribhuñjati** tức vào sáng hôm sau khi Y nằm trên giường hay ngồi trên ghế, húp cháo hay dùng vật thực gọi là thọ dụng các vật chất đó mà Y không có được. Cụm từ **Na mahapphalo** tức không có quả. Trong cụm từ **Na mahapphalo** này chỉ có 1 từ (**Byañjana**) còn thừa lại mà thôi, còn ý nghĩa thì không thừa lại. Bởi vì Bát quan trai giới của người thọ trì như vậy không có quả đáng mong muốn, đáng ao ước, đáng hài lòng dù chỉ cho chút ít, cho nên Bát quan trai giới của Ngoại đạo **Nigantha** nên hiểu cũng không có quả. Trong từ còn lại cũng có Lý giống như vậy.

Vấn: Vì sao Đức Thế Tôn thuyết rằng tâm ô nhiễm?

Đáp: Bởi sự việc Bát quan trai giới mà người có tâm Thanh tịnh thọ trì thì có Quả lớn, xem như Đức Phật cho phép, bởi vì Ngài thuyết từ này rằng: Bát quan trai giới mà người có tâm ô nhiễm thọ trì thì không có quả lớn. Do đó, Đức Thế Tôn thuyết từ này để nói lên Nghiệp xứ làm Nhân, làm cho tâm Thanh tịnh, tức nghiệp xứ (**Kammaṭṭhāna**) là nhân tẩy rửa tâm. Tất cả các từ đó thì Từ **Upakkamena** tức bằng sự tinh cần riêng biệt của mình hoặc bằng phương pháp.

Cụm từ **Tathāgataṃ anussarati** nghĩa là niệm tưởng đến Ân đức của Như Lai bằng 8 trường hợp, cũng trong cụm từ **Tathāgataṃ anussarati** này Ngài gom lại lấy tất cả Ân Đức Phật cả Hiệp thế và Siêu thế bằng Cụm từ **Itipi so Bhagavā** giải rộng ra rằng do Giới-Định-Tuệ này mà Ngài tác thành Phật. Ngài thuyết riêng về Ân Đức Phật bằng từ như **Araham** này. Cụm từ **Tathāgataṃ anussarato cittaṃ pāsīdati** tức khi người niệm

tưởng đến Ân đức của Như Lai cả Hiệp thế lẫn Siêu thế thì tâm thường trong sáng.

Cả 5 triền cái gọi là Tùy phiền não của tâm. Nước vắt trái me rừng gọi là **Kakka**. Cụm từ **Tajjam vāyāmaṃ** tức cố gắng để tắm, thoa thuốc và rửa bằng cặn nướng từ nước vắt trái me rừng, thích hợp với nước trái me rừng đó. Cụm từ **Pariyodapanā hoti** tức làm cho sạch sẽ. Thật vậy, Đức Thế Tôn thuyết như vậy với chủ ý của Đức Phật rằng: Nếu trang điểm bằng trang sức trên đầu mà dơ bẩn đi chơi lễ hội thì không đẹp đẽ, nhưng nếu trang điểm bằng trang sức trên đầu mà sạch sẽ đi chơi lễ hội thì xinh đẹp (như thế nào) thì Bát quan trai giới mà có tâm ô nhiễm, nguyện chi phần Bát quan trai giới rồi thọ trì sẽ không có quả lớn, nhưng Bát quan trai giới mà người có tâm trong sạch, nguyện chi phần Bát quan trai giới rồi thọ trì sẽ có quả lớn giống như thế đó.

Cụm từ **Brahmuposathaṃ upavasati** nghĩa là bậc Chánh Đẳng Giác họ gọi với nhau rằng “Phạm Thiên,” thì Bát quan trai giới này gọi là Bát quan trai giới Phạm thiên (**BrahmaUposatha**) bằng sự nguyện của việc niệm tưởng đến Ân đức của Phạm thiên rồi thọ trì Phạm thiên bát quan trai giới đó. Cụm từ **Brahmunā saddhiṃ samvasati** tức thân cận với bậc Chánh Đẳng Giác. Cụm từ **Brahmañcassa arabbha** tức nghĩ đến bậc Chánh Đẳng Giác.

Cụm từ **Dhammaṃ anussarati** tức niệm tưởng đến Pháp siêu thế cùng với Phật ngôn. Từ **Sottim** tức bột đá tìm ra trong xứ **Kuru**. Tất cả mọi người pha trộn với bột đá tìm thấy trong xứ **Kuru** nặn thành hạt chuỗi, khoan lỗ rồi lấy chỉ xuyên vào thành vòng xuyên chuỗi cả 2 phía rồi đánh bóng sau. Cụm từ **Sottiñca**

paṭicca này Đức Thế Tôn thuyết ám chỉ đến vòng khâu chuỗi bột. Từ **Cuṇṇam** tức bột dùng lúc tắm nước.

Cụm từ **Tajjam vāyāmaṃ** tức sự siêng năng thích hợp với công việc như việc xoa, thoa, tắm và tẩy rửa sạch... Từ **Dhammuposathaṃ** tức là Bát quan trai giới này Đức Thế Tôn gọi là Bát quan trai giới Pháp (**Dhamma Uposatha**) bởi vì nghĩ đến 9 Pháp siêu thế cùng với Phật ngôn rồi thọ trì. Học viên nên đặt câu rằng **Pariyodapanā** nêu lên làm nền tảng rồi kết hợp theo Lý trước đó.

Cụm từ **Saṅghaṃ anussarati** tức niệm tưởng đến Ân đức của 8 bậc Thánh. Cụm từ **Usaṅca paṭicca** tức nương vào hơi xông làm cho bám vào bằng cách đem lên bếp lò nấu 2, 3 lần, trong Chánh Kinh từ **Ussaṃ** cũng có ý nghĩa như nhau. Từ **Khīraṃ** tức tro, từ **Gomayaṃ** tức nước tiểu bò hoặc cứt dê, ngay cả trong từ **Pariyodapanā** này nên kết hợp theo Lý trước đó. Từ **Saṅghuposathaṃ** tức Bát quan trai giới này gọi là Bát quan trai giới Tăng (**SaṅghaUposatha**) bởi vì nghĩ đến Ân đức của 8 bậc Thánh rồi mới thọ trì. Từ **Silāni** tức Cư sĩ niệm tưởng đến Giới của cư sĩ, bậc Xuất gia niệm tưởng đến Giới của bậc xuất gia. Giải thích từ **Akhaṇḍāni**... Tôi đã trình bày chi tiết trong bộ Thanh Tịnh Đạo.

Từ **Kālaṇḍukaṃ** tức bàn chải mà Họ làm bằng đuôi con ngựa hoặc bằng sợi đay... Cụm từ **Tajjam vāyāmaṃ** tức sự việc lấy bàn chải chà. Học viên nên kết hợp ý nghĩa này bằng cách nắm lấy từ **Pariyodapanā** này làm nền tảng tiếp theo. Giống như thân thể mới trang điểm chưng diện (nhưng) khi soi gương dơ bẩn thì ngắm nhìn không đẹp, khi soi gương mà sạch sẽ thì mới xinh đẹp như thế nào; Bát quan trai giới mà thọ trì cũng

giống như vậy, khi tâm ô nhiễm cũng không có quả lớn nhưng khi tâm Thanh tịnh mới có quả lớn.

Từ **Sīluposathaṃ** tức Bát quan trai giới mà thọ trì bằng mãnh lực tưởng niệm đến Giới của mình, gọi là Bát quan trai giới hướng về Giới (**SīlaUposatha**). Cụm từ **Sīlena saddhim** tức cùng với 5 Giới, 10 Giới của mình. Từ **Sīlaṃ ārabha** tức nghĩ đến 5 Giới, 10 Giới. Cụm từ **Devatā anussarati** tức niệm tưởng đến Ân đức như Tín..., của mình bằng cách đặt để Chư thiên lên trong vai trò y cứ, từ **Ukkamaṃ** tức bếp lò.

Từ **Lonamaṃ** tức đất nặn, từ **Gerukamaṃ** tức bột thạch cao. Từ **Nālikasaṇḍāsaṃ** tức cái bươm làm bằng cây sậy và kim để gắp. Cụm từ **Tajjamaṃ vāyāmaṃ** tức siêng năng thích hợp như đặt xuống trên bếp lò, việc bươm và dùng kim bới... Học viên nên đặt từ **Pariyodapanā** này làm căn bản kết hợp theo Lý trước đó, bởi vì người trang điểm thân thể bằng đồ trang sức làm bằng vàng mờ đục đi chơi lễ hội thì không đẹp (nhưng nếu trang điểm thân thể bằng đồ trang sức) làm bằng vàng không mờ đục đi chơi lễ hội xinh đẹp như thế nào, thì người có tâm ô nhiễm cũng giống như vậy Bát quan trai giới thường không có quả lớn, còn người Thanh tịnh mới có quả lớn.

Từ **Devatūposathaṃ** tức Bát quan trai giới mà người niệm tưởng đến Ân đức Pháp của mình đặt để Chư thiên trong vai trò y cứ rồi thọ trì gọi là **DevatāUposatha**. Từ nào còn lại có thể nói đến Nghiệp xứ như Tùy niệm Phật (**Buddhānussati**)..., tất cả Tôi đã đề cập trong bộ Thanh Tịnh Đạo. Từ **Pānātipātaṃ** tức sát sanh, từ **Pahāya** tức từ bỏ ác giới (**Dusīla**) nghĩa là chủ tâm là nhân sát sanh, từ **Paṭiviratā** tức tránh xa người ác giới kể từ lúc từ bỏ.

Cụm từ **Nihitadaṇḍā nihitasatthā** được giải thích như gọi là vứt bỏ khúc cây, vứt bỏ vũ khí, bởi vì không cầm khúc cây hoặc vũ khí dẫn đến giết người khác. Ngoài khúc cây ra tất cả dụng cụ còn lại nên hiểu gọi là vũ khí, trong cụm từ **Nihitadaṇḍā nihitasatthā** này bởi vì dẫn đến tiêu diệt tất cả chúng sanh. Còn sự việc Tỳ khuru cầm cây gậy của người già, con dao chuốt cây chà răng hoặc cây kéo không phải để giết người khác, vì vậy nhóm Tỳ khuru đó xếp vào phần bỏ khúc cây, bỏ vũ khí giống nhau. Từ **Lajjī** tức nhiều sự hổ thẹn như trạng thái ghê tởm ác giới, từ **Dyāpannā** tức dẫn đến sự thương xót, tức là người có tâm từ. Từ **Sabbapāṇa bhūtahitānukampi** tức giúp đỡ chúng sanh có sanh mạng bằng sự trợ giúp lợi ích.

Giải thích: Có tâm giúp đỡ chúng sanh có sanh mạng bởi vì là người có tâm thương xót. Từ **Ahampajja** phân từ ra thành **Ahampi ajja**, cụm từ **Imināpiṅgena** tức bằng tánh chất Ân đức. Cụm từ **Arahaṃ anukaromi** tức khi bước theo sau người đi phía trước, gọi là bước theo như thế nào thì ta cũng (làm theo) như vậy, khi tu tập Ân đức tốt đẹp này là theo sau các bậc A La Hán đã tu tập trước, gọi là noi gương theo các bậc A La Hán đó. Cụm từ **Uposatho ca me upavuttho bhavissati** tức sự việc mà ta làm như vậy xem như gọi là noi gương theo bậc A La Hán và sẽ gọi là thọ trì Bát quan trai giới.

Sự cầm lấy đồ vật mà chủ nhân không cho, tức làm người khác tiếc nuối gọi là Trộm cắp, nghĩa là sự trộm cắp tức việc làm của kẻ cướp giựt. Gọi là **Dinnādāyī** bởi vì chỉ cầm lấy riêng biệt đồ vật mà Họ cho, gọi là **Dinnapāṭikankhī** bởi vì lập nguyện với tâm (riêng biệt) chỉ lấy đồ vật mà Họ cho. Gọi là **Thena** do trộm cắp, gọi là **Athena** do không trộm cắp, gọi là người trong

sạch bởi vì không trộm cắp. Từ **Attanā** có tự thể, nghĩa là làm cho bản thân không trộm cắp cho được trong sạch.

Từ **Abrahmacariyaṃ** tức hành vi không thanh cao. Gọi là **Brahmacāriyaṃ** bởi vì thực hành Pháp thanh cao tức phẩm hạnh cao quý. Từ **Ācārī** gọi là có phẩm hạnh xấu, bởi vì không thực hành Pháp thanh cao, từ **Methunā** tức Phi chánh pháp dẫn đến Tà dâm, bởi vì giao hợp (phi pháp) gọi là tà dâm (**Methuna**) bởi vì tương tự như nhau do phiền não vây hãm, tức Tham ái, từ **Gāmadhammā** tức Pháp của dân gian. Từ **Musāvādā** tức sự việc nói vớ vẩn, nghĩa là nói vô ích. Gọi là **Saccavādī** bởi vì nói Chơn thật, gọi là **Saccasandhā** bởi vì nối tiếp sự Chơn thật bằng chơn thật.

Giải thích: Không nói dối trong bất cứ khoảng thời gian nào. Bởi vì người nào đôi khi nói dối, đôi khi cũng nói chơn thật thì người đó không gọi là nối tiếp sự Chơn thật bằng chơn thật bởi vì có sự nói dối làm hạn chế, vì vậy Họ mới không gọi là có sự chơn thật tiếp nối. Nhưng nhóm này không phải như vậy, chỉ thuần nhất tiếp nối lời nói của chúng sanh đến lời nói của chúng sanh, bởi không chịu nói dối vì nguyên nhân của sanh mạng, cho nên mới gọi là có sự Chơn thật liên tục.

Từ **Thetā** tức vững chắc, nghĩa là có lời lẽ vững vàng. Một người không có lời lẽ vững vàng, giống nhuộm vải bằng nghệ, giống như cây cột cắm trên đồng trấu và giống như tấm ván cánh cửa đặt trên lưng ngựa; Nhưng một người có lời lẽ vững chắc giống như dấu khắc chữ trên đất và giống như cây cọc (móng) ở ngưỡng cửa, dù cho lấy cây kiếm chặt đầu cũng không chịu nói hai lời, người này gọi là đáng tin cậy có lời lẽ vững chắc.

Từ **Paccayika** tức yên tâm, nghĩa là tin tưởng được. Bởi vì một số người không tin tưởng được như khi bị ai đó hỏi rằng: “Ai nói lời này?” thì trả lời rằng người kia nói, cũng sẽ là người mà Y nói cũng chớ tin lời nói của họ. Nhưng một người nói tin tưởng được, như khi bị hỏi rằng: “Lời nói này ai nói?” thì trả lời rằng người kia nói, cũng sẽ chấp nhận được rằng: Nếu người đó nói điều này thì nắm giữ độ chùng được, bấy giờ không có điều gì sẽ phải bác bỏ lời này là như thế này, như vậy... Người này gọi là tin tưởng được. Cụm từ **Avisamvāda kālokassa** nghĩa là không nói bịp thế gian, bởi vì chỉ nói Sự Thật mà thôi.

Nhân của sự Dể duôi tức Cố ý (**Cetanā**), uống nước say sưa nghĩa là rượu và các chất say gọi là **Surāmerayamajjapamādaṭṭhāna**. Từ **Ekabhattikā** tức là vật thực có 2 thời:

- 1) Vật thực sẽ phải thọ dụng trong lúc buổi sáng
- 2) Vật thực sẽ phải thọ dụng vào buổi chiều.

Tất cả 2 loại vật thực đó thì vật thực sẽ thọ dụng vào buổi sáng được quy định bằng thời điểm bên trong (vòng) giữa trưa, còn vật thực sẽ thọ dụng vào buổi chiều ngoài quy định thời gian chỉ vượt quá trưa trở đi cho đến lúc rạng sáng. Do đó, trong thời gian (bên trong vòng) giữa trưa dù sẽ thọ dụng 10 lần cũng gọi là có thọ dụng vật thực chỉ có một thời gian.

Đức Thế Tôn thuyết rằng **Ekabhattikā** Ngài ám chỉ việc thọ dụng bên trong (vòng) thời gian buổi trưa. Việc thọ dụng vật thực trong thời gian nửa đêm gọi là **Ratti**. Người từ bỏ việc thọ dụng vật thực lúc nửa đêm, mới gọi là **Rattūparatā**. Việc thọ dụng vật thực trong lúc vượt quá giữa trưa trở đi cho đến

lúc mặt trời lặn, gọi là thọ dụng vật thực trong lúc phi thời (**Vikāla**), người gọi là từ bỏ vật thực phi thời, bởi vì từ bỏ thọ dụng vật thực trong lúc phi thời đó.

Việc xem múa hát..., gọi là kẻ thù đối nghịch bởi vì không tùy thuận theo Lời dạy (trái với Giáo pháp), vì vậy mới gọi là Xem múa hát (**Visūka**), việc nhảy múa, ca hát, đánh, thổi, đàn..., cho dù bằng năng lực của việc tự mình múa và làm cho người khác múa..., và múa lượn..., diễn tiến đến cuối bởi năng lực của việc múa như xòe đuôi chim công..., là trái nghịch, vì vậy mới gọi là múa hát, thổi đờn kèn, xem múa hát (**Naccagītavāditavisūdassana**). Việc thực hiện việc múa..., với tự mình hay làm cho người khác thực hiện, hay việc xem múa..., mà Họ trình diễn không thích hợp đối với Tỳ khuru, tỳ Khuru ni. Trong các vòng hoa của một loại bông hoa nào gọi là Vòng hoa (**Mālā**), phấn thơm (**Gandhājāta**) của một loại nào gọi là Vật thơm. Đồ dùng mà bôi lên da gọi là Thoa xức phấn thơm (**Vilepana**). Trong tất cả vật đó khi trang điểm gọi là Chung diện, khi bổ sung thêm phần thiếu sót gọi là Chính trang. Khi thích thú với vật thơm hay bằng đồ dùng bôi xức lên da gọi là Sửa soạn. Nguyên nhân mà Đức Thế Tôn thuyết gọi là Cú điểm (nguồn gốc) (**Tḥāna**).

Giải thích: Bởi vì đại chúng tạo sự chung diện bông hoa..., với Chủ ý thì trở thành người Phạm giới (**Dusīla**) như thế nào, bậc A La Hán là Vị từ bỏ chủ ý Phạm giới.

Chỗ ngồi, nằm vượt quá kích cỡ Ngài thuyết rằng: Giường cao (**Uccāsayana**). Tọa cụ không đúng Luật (**Akappiya**) (không thích hợp) gọi là chỗ Ngồi, nằm cao, lớn (**Mahāsayana**).

Giải thích: Các bậc A La Hán từ bỏ chỗ ngồi, nằm cao và chỗ ngồi, nằm lớn. Từ **Kīvamahāpphalo** tức có quả lớn cỡ nào. Trong từ còn lại cũng có Lý này giống nhau. Từ **Pahutasattaratanānaṃ** tức đầy châu báu, nghĩa là vô số ngọc.

Giải thích: Tiêu diệt tất cả xứ Diêm Phù Đề cho thành giống như mặt trống rồi đổ cả 7 loại châu báu cao đến eo. Từ **Issariyādhiccaṃ** tức (hưởng thụ Vương sản) vĩ đại hoặc là Chúa tể cho đến trở thành Tạo hóa, và trở thành Chúa tể không phải là vĩ đại hoặc là người thống trị trở thành là Đức vua Nặng trĩu tâm. Gọi là thụ hưởng quyền lực bá chủ bởi vì không có tội ác nghiêm trọng (tội trạng khốc liệt) như vậy. Cụm từ **Rajjāṃ kāreyyaṃ** tức thụ hưởng Chuyển luân vương sản chừng ấy. Từ **Aṅgānaṃ...**, là tên của nhóm thôn quê đó. Cụm từ **Nagghati solasiṃ** tức chia Phước trong việc thọ trì Bát quan trai giới suốt 1 ngày và đêm ra thành 16 phần thì Vương sản của Chuyển luân vương chưa có giá trị đến 1 phần của 16 phần đó.

Giải thích: Dị thực quả phần thứ 16 của Bát quan trai giới 1 đêm nhiều hơn Vương sản Chuyển luân vương. Từ **Kapaṇaṃ** tức chút ít, từ **Abrahmacariyā** tức từ việc hành động không thanh cao. Cụm từ **Rattimaṃ bhuñyetha vikālobhojanaṃ** tức là khi không thọ trì Bát quan trai giới mới thọ thực vào lúc nửa đêm và vật thực vào lúc trưa xem như Phi thời. Cụm từ **Maññe chamāyaṃ vā sayetha santhate**.

Giải thích: Phù hợp nên nằm trên giường đúng Luật (**Kappiya**), có chân cao 1 hắc tay của cây cặm xe hoặc mặt đất mà Họ đổ bằng vôi trắng..., hoặc trên tọa cụ mà Họ trải bằng cỏ, lá cây hoặc rơm v.v... Từ **Etamaṃ hi atthaṅgikamāhu posathaṃ** tức là bậc Thiện trí gọi Bát quan trai giới mà người không vi

phạm như Sát sanh..., đã thọ trì như vậy là Bát Quan Trai Giới hội đủ 8 chi phần, bởi vì hội đủ 8 trường hợp. Còn người thọ trì Bát quan trai giới hội đủ 8 chi suy nghĩ rằng: Sáng mai ta sẽ thọ trì Bát quan trai giới, rồi mới xem xét điều phải sắp đặt như vật thực..., rằng ta phải làm như vậy, như vậy trong ngày nay ngay tức thì. Trong ngày Bát quan trai giới nên phát nguyện lời thọ trì chi phần Bát quan trai giới trong trú xứ của Tỳ khuru, tỳ Khuru ni, hoặc Cận sự nam, Cận sự nữ người biết được đặc tánh của 10 Giới từ sáng sớm.

Còn người không biết Pāli thì nên phát nguyện rằng: **Buddhapaññattam Uposatham adhiṭṭhāmi** (con xin phát nguyện thọ trì chi phần Bát quan trai giới mà Đức Phật đã chế định, trong tâm). Khi không tìm được người khác thì tự mình nên phát nguyện, còn việc phát ra lời thì nên thực hành bằng thực tâm. Người thọ trì Bát quan trai giới không nên suy xét công việc liên quan đến sự thiếu sót của người khác, hoặc người nghĩ đến quả được quả mất không nên bỏ mặc thời gian làm cho trôi qua đi. Còn người nhận được vật thực trong nhà thì nên dùng giống như vị Tỳ khuru nhận được vật thực thường xuyên rồi đi ngay đến Tịnh xá nghe Pháp hoặc (Tác ý-Thiền) đến một loại cảnh nào (Nghệp xứ) trong 38 loại.

Từ **Sudassanā** tức Thấy được rõ ràng. Từ **Obhāsayaṃ** tức đang chiếu sáng, từ **Anupariyanti** tức dạo đi. Từ **Yāvatā** tức đến nơi có hạn định bao nhiêu, từ **Antalikkhagā** tức trôi đi đến hư không. Từ **Pabhāsanti** tức chiếu ánh sáng (tức tỏa sáng). Cụm từ **Disā virocānā** tức chiếu ánh sáng đi trong tất cả phương hướng.

Một lý khác nữa: Từ **Pabhāsanti** sáng trưng đi khắp mọi phương hướng, từ **Virocanā** bằng với từ **Virocamānā** tức chiếu sáng.

Từ **Velūriyam** tức là Đức Thế Tôn thuyết về từ “**Maṇi**,” (nhưng) Ngài chỉ thuyết đến ngọc **Maṇi** bằng nguồn gốc từ **Velūriyam** này, bởi vì ngọc đá da trời có màu giống như cây tre khởi hiện màu được 1 năm gọi là ngọc **Maṇi** theo nguồn gốc. Đức Thế Tôn thuyết như vậy Ngài ám chỉ đến ngọc **Maṇi** theo nguồn gốc đó. Từ **Bhaddakam** bằng với từ **Laddhakam** tức xinh đẹp, từ **Singisuvanṇam** tức vàng mọc lên có hình dáng như sừng bò.

Từ **Kañcanam** tức vàng xuất xứ từ núi, nghĩa là vàng hiện khởi trên đồi núi, từ **Jātarūpam** tức vàng có màu giống như màu da vàng của bậc Đạo Sư. Từ **Haṭakam** tức vàng mà con kiến lửa tha đến, từ **Nānubhavanti** tức chưa đến. Từ **Candappabhā** là cách thứ nhất (**Paṭhamāvibhatti**) vào trong ý nghĩa của cách thứ 6 (**Chatthīvibhatti**).

Giải thích: (không đến 1 phần của phần thứ 16) của ánh sáng mặt trăng. Từ **Upavassuposatham** tức thọ trì Bát quan trai giới. Cụm từ **Saggamupenti tñanam** tức là vào đến lãnh vực Thiên giới, nghĩa là không có ai chê bai, thường sanh vào trong Thiên giới. Từ còn lại không được đề cập nêu lên trong khoảng cách giữa trong bài Kinh này, bài Kinh kia nên hiểu theo tương tự như đã đề cập.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Bát Quan Trai Giới thứ 70

Kết Thúc Dẫn Giải Đại Phẩm thứ 2



VIII. Phẩm Ananda

Chánh Kinh Bài Kinh Channa

71- Channa

1. Nhân duyên ở Sāvatti.

Rồi du sĩ Channa đi đến Tôn giả Ananda, sau khi đến, nói lên với Tôn giả những lời chào đón thăm hỏi; sau khi nói lên với Tôn giả những lời chào đón thăm hỏi thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ Channa nói với Tôn giả Ananda:

- Thưa Hiền giả Ananda, có phải các người tuyên thuyết về đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si?

- Vâng, thưa Hiền giả, chúng tôi tuyên thuyết về đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si.

- Thưa Hiền giả, do thấy nguy hại của tham như thế nào, các Người tuyên thuyết về đoạn tận tham? Do thấy nguy hại của sân như thế nào, các Người tuyên thuyết về đoạn tận sân? Do thấy nguy hại của si như thế nào, các Người tuyên thuyết về đoạn tận si?

2. - Người có tham, thưa Hiền giả, bị tham chinh phục, tâm mất tự chủ, nghĩ đến hại mình, nghĩ đến hại người, nghĩ đến hại cả hai, cảm giác khổ ưu thuộc về tâm. Khi tham được đoạn tận, không nghĩ đến hại mình, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm giác khổ ưu thuộc về tâm. Người có tham, thưa Hiền giả, bị tham chinh phục, tâm mất tự chủ, thân

làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Khi tham được đoạn tận, thân không làm ác, miệng không nói ác, ý không nghĩ ác.

Người có tham, thừa Hiền giả, bị tham chinh phục, tâm mất tự chủ, không như thật rõ biết lợi mình, không như thật rõ biết lợi người, không như thật rõ biết lợi cả hai. Khi tham được đoạn tận, như thật rõ biết lợi mình, như thật rõ biết lợi người, như thật rõ biết lợi cả hai. Tham, thừa Hiền giả, làm thành mù, làm thành không mắt, làm thành không trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tổn não, không đưa đến Niết-bàn.

Người có sân, thừa Hiền giả, bị sân chinh phục, tâm mất tự chủ, nghĩ đến hại mình ... như thật rõ biết lợi cả hai.

Sân, thừa Hiền giả, làm thành mù, làm thành không mắt, làm thành không trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tổn não, không đưa đến Niết-bàn.

Người có si, thừa Hiền giả, bị si chinh phục, tâm mất tự chủ, nghĩ đến hại mình ... Khi si được đoạn tận, không nghĩ đến hại mình ... không cảm giác khổ ưu thuộc về tâm... như thật rõ biết lợi cả hai. Người có si, thừa Hiền giả, bị si chinh phục, tâm mất tự chủ, làm ác hạnh với thân ... làm ác hạnh với ý. Khi si được đoạn tận, không làm ác hạnh với thân ... với ý. Người có si, thừa Hiền giả, bị si chinh phục, tâm mất tự chủ, không như thật rõ biết lợi mình, ... không như thật rõ biết lợi cả hai. Khi si được đoạn tận, như thật rõ biết lợi mình ... như thật rõ biết lợi cả hai. Si, thừa Hiền giả, làm thành mù, làm thành không mắt, làm thành không trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tổn não, không đưa đến Niết-bàn.

Thấy sự nguy hại này của tham, thưa Hiền giả, chúng tôi tuyên thuyết đoạn tận tham. Thấy sự nguy hại này của sân, thưa Hiền giả, chúng tôi tuyên thuyết đoạn tận sân. Thấy sự nguy hại này của si, thưa Hiền giả, chúng tôi tuyên thuyết đoạn tận si.

3. - Có con đường nào, thưa Hiền giả, có đạo lộ nào đưa đến đoạn tận tham, sân, si?

- Có con đường, thưa Hiền giả, có đạo lộ đưa đến đoạn tận tham, sân, si.

- Con đường ấy là gì, thưa Hiền giả, đạo lộ ấy là gì đưa đến đoạn tận tham, sân, si?

- Chính là Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy..., chánh định. Đây là con đường, thưa Hiền giả, đây là đạo lộ đưa đến đoạn tận tham, sân, si.

- Hiền thiện là con đường, thưa Hiền giả! Hiền thiện là đạo lộ đưa đến đoạn tận tham, sân, si! Thật là vừa đủ, thưa Hiền giả Ananda, để áp dụng không phóng dật.

Diễn Giải Phẩm Ānanda thứ III

(ĀnandaVaggavaṇṇanā III)

Sớ Giải Bài Kinh Channa

(AtthakathāChannaSutta)

Nên hiểu Luận Giải Bài Kinh **Channa** thứ 71 của **Phẩm thứ III** như sau:

Từ **Channo** tức du sĩ có vải trùm kín (thân thể) có tên như vậy. Cụm từ **Tumhepi āvuso** tức du sĩ **Channa** hỏi rằng: “Này tôn giả, chúng ta chế định đoạn trừ phiền não như tham ái..., như thế nào, các Vị cũng chế định như thế đó hay chăng?” Tuần tự theo đó, Trưởng lão suy nghĩ rằng: du sĩ này nói với chúng ta rằng: “Chúng ta chế định đoạn trừ Tham ái..., nhưng việc đoạn trừ tham ái..., này không có trong Chủ thuyết bên ngoài,” mới nói rằng **“Mayaṃ kho āvuso.”** Từ **Kho** trong cụm từ **Mayaṃ kho āvuso** là bất biến từ dùng trong ý nghĩa ‘Ngăn chặn’, nghĩa là chỉ có chúng ta chế định mà thôi. Tuần tự tiếp đến du sĩ suy nghĩ rằng: Trưởng lão này trước khi bẻ Chủ thuyết bên ngoài ra khỏi mới nói rằng: “Chỉ chúng ta mà thôi,” nhóm sa môn này thấy tội lỗi như thế nào nhỉ? Mới chế định đoạn trừ nhóm Tham ái..., này. Sau đó, du sĩ **Channa** trước khi hỏi Trưởng lão mới nói rằng: **“Kim panatumhe,”** này. Trưởng lão trước khi giải đáp cho Y mới nói rằng: **“Ratto kho āvuso.”** Tất cả các từ đó thì Từ **Attattham** tức là lợi ích cho mình cả trong hiện tại và kiếp vị lai, cả Hiệp thế và Siêu thế. Ngay cả lợi ích của người khác và lợi ích cả hai cũng có Lý giống như vậy.

Nên hiểu Luận giải trong từ **Andhakarāṇo...**, như sau: Tham ái gọi là **Andhakarāṇo** bởi vì làm cho người có Tham ái hiện khởi sự mù lòa, bằng cách ngăn chặn sự Thấy, sự Biết theo sự Thật; Gọi là **Acakkhukarāṇo** bởi vì không làm cho Tuệ nhãn khởi hiện.

Gọi là **Aññāṇakarāṇo** bởi vì không làm cho trí (**Nāṇa**) sanh lên. Gọi là **Paññānirodhiko** bởi vì cả ba loại Tuệ này tức:

1) Tuệ nghiệp sở thuộc (**Kammassakatapaññā**-Tuệ biết rằng Chúng sanh có nghiệp là của mình)

2) Tuệ chỉ tịnh (**Jhānapaññā**-Tuệ sanh lên từ việc Trụ vào) và

3) Tuệ minh quán (**Vipassanāpaññā**-Tuệ quán xét Thấy rõ) diệt đi bởi không làm cho diễn tiến.

Gọi là **Vighātapakkhiko** bởi vì diễn tiến trong nhóm Nhiệt não, nghĩa là Khổ do mãnh lực quả không đáng mong muốn. Gọi là **Anibbānasamvattaniko** bởi vì không đưa đến diễn tiến Diệt phiền não.

Cụm từ **Alaṃ ca panāvuso Ānanda appamādāya** tức là du sĩ **Channa** tùy hỷ lời lẽ của Trưởng lão rằng: “Bạch ngài **Ānanda**, nếu như thực hành theo phương pháp đang có này, thì phù hợp trọn vẹn để các Vị sẽ không dễ duôi, các Vị hãy tu tập sự không dễ duôi đi,” rồi bỏ đi. Trong bài Kinh này, Trưởng lão **Ānanda** nói đến Thánh đạo pha lẫn bởi Siêu thế. Từ còn lại trong bài Kinh này có ý nghĩa dễ cả.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Ānanda thứ 71



Chánh Kinh Bài Kinh Tà Mạng Ngoại Đạo

72 - Tà Mạng Đệ Tử

1. Một thời, Tôn giả Ananda trú ở Kosambi, tại khu vườn Ghositā. Rồi một tà mạng đệ tử gia chủ đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Ananda rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, tà mạng đệ tử gia chủ nói với Tôn giả Ananda:

- Thưa Tôn giả Ananda, pháp của những ai được khéo thuyết? Những ai khéo hành trì ở đời? Những ai khéo vượt qua ở đời?

- Vậy này gia chủ, về vấn đề này Ta sẽ hỏi Ông. Ông kham nhẫn thế nào, hãy trả lời như vậy. Ông nghĩ thế nào, này gia chủ, những ai thuyết pháp để đoạn tận tham, thuyết pháp để đoạn tận sân, thuyết pháp để đoạn tận si, pháp có được các vị ấy khéo thuyết hay không? Hay ở đây, Ông nghĩ thế nào?

- Thưa Tôn giả, ai thuyết pháp để đoạn tận tham, thuyết pháp để đoạn tận sân, thuyết pháp để đoạn tận si, pháp ấy được khéo thuyết. Và ở đây, tôi nghĩ như vậy.

2. - Ông nghĩ thế nào, này gia chủ, những ai thực hành đoạn tham, thực hành đoạn sân, thực hành đoạn si, những vị ấy có khéo thực hành ở đời hay không? Hay ở đây, Ông nghĩ thế nào?

- Thưa Tôn giả, những ai thực hành đoạn tham, thực hành đoạn sân, thực hành đoạn si, những vị ấy khéo thực hành ở đời. Và ở đây, tôi nghĩ như vậy.

3. - Ông nghĩ thế nào, này gia chủ, với những ai tham được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; với những ai, sân được đoạn tận ... với những ai, si được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; những vị ấy có khéo vượt qua ở đời hay không? Hay ở đây, Ông nghĩ thế nào?

- Thưa Tôn giả, với những ai tham được đoạn tận..., với những ai, sân được đoạn tận ..., với những ai, si được đoạn tận,

cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; những vị ấy khéo vượt qua ở đời. Và ở đây, tôi nghĩ như vậy.

4. -Như vậy, Ông đã trả lời như sau: “Thưa Tôn giả, những ai thuyết pháp để đoạn tận tham, thuyết pháp để đoạn tận sân, thuyết pháp để đoạn tận si, pháp được các vị ấy khéo thuyết.” Và Ông đã trả lời như sau: “Thưa Tôn giả, những ai đã thực hành đoạn tận tham ... đoạn tận sân ... đoạn tận si, những ai đã khéo thực hành ở đời.” Và Ông đã trả lời như sau: “Thưa Tôn giả, những ai đã đoạn tận tham, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Những ai đã đoạn tận sân ... Những ai đã đoạn tận si, đã cắt đứt từ gốc rễ ..., làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Những vị ấy khéo vượt qua ở đời.”

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả! Ở đây sẽ không có tự khen pháp của mình, không có chê trách pháp của người khác, chỉ có thuyết pháp trong giới xứ, chỉ nói đến mục đích mà không đề cập đến tự ngã.

5.- Thưa Tôn giả, Tôn giả thuyết pháp để đoạn tham, thuyết pháp để đoạn sân, thuyết pháp để đoạn si, và thưa Tôn giả, pháp được Tôn giả khéo thuyết. Thưa Tôn giả Ananda, Tôn giả thực hành đoạn tham ..., đoạn sân ... Tôn giả thực hành đoạn si, Tôn giả đã khéo thực hành ở đời. Thưa Tôn giả Ananda, tham đã được Tôn giả đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai ..., sân đã được Tôn giả đoạn tận ..., si đã được Tôn giả đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tala,

làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Tôn giả đã khéo vượt qua ở đời.

Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả! Thưa Tôn giả, người như dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống ... Thưa Tôn giả Ananda, con nay xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và chúng Tăng. Mong Tôn giả Ananda nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng!

Sớ Giải Bài Kinh Tà Mạng Ngoại Đạo

(AtthakathāĀjīvaSutta)

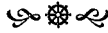
Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Tà Mạng Ngoại Đạo thứ 72 như sau:

Cụm từ **Tenahi gahapati** tức được nghe rằng: Trưởng lão suy nghĩ rằng: “Ngoại đạo Tà mạng này khi đến tại nơi đây cũng không đến với mục đích để mong muốn hiểu biết, chỉ đến để chứng minh, ta sẽ trả lời câu hỏi mà Bà la môn này hỏi bằng cách hỏi ngược lại.” Trưởng lão muốn cho Bà la môn đó tự trả lời câu hỏi đó bằng cách thức này mới nói từ **Tenahi** này.

Trong từ **Tenahi**..., đó thì từ **Tenahi** là dựa vào nhân, nghĩa là Nhân mà Ngài hỏi như vậy, tôi xin hỏi ngược lại Ngài trong điều này. Cụm từ **Kesam no** tức với ai nhỉ? Từ **Sadhammukkaṃsanā** tức có chủ ý nêu Chủ thuyết của mình lên. Từ **Paradhammāpasādanā** tức không nói bóng, nói gió, dọa dẫm, châm biếm Chủ thuyết của người khác. Cụm từ **Āyataneva dhammadesanā** nghĩa là Thuyết pháp có nhân. Cụm từ **Attho ca vutto** tức giải thích ý nghĩa của câu hỏi mà ta đã hỏi. Cụm từ **Attā ca anupanīto** tức không khoe khoang

khoác lác rằng: Chúng tôi là như vậy. Trong Kinh Văn từ Nupanīto này cũng có.

Kết Thúc Số Giải Bài Kinh Tà Mạng Ngoại Đạo thứ 72



Chánh Kinh Bài Kinh Người Dòng Họ Thích

73 - Người Họ Thích

1. Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Thích tử, tại Kapilavatthu, ở khu vườn Nigrodha. Lúc bấy giờ, Thế Tôn khỏi bệnh, được khỏi bệnh không bao lâu. Rồi họ Thích Mahānāma đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, họ Thích (Sakya) bạch Thế Tôn: - Đã lâu ngày, bạch Thế Tôn, con biết pháp đã được dạy như sau: “Trí đến với người định tĩnh, không đến với người không định tĩnh.” Bạch Thế Tôn, định đến trước rồi trí đến sau? Hay trí đến trước rồi định đến sau?

2.- Rồi Tôn giả Ananda suy nghĩ như sau: “Thế Tôn mới khỏi bệnh, khỏi bệnh không bao lâu. Họ Thích Mahānāma này hỏi một câu rất thâm sâu. Vậy ta hãy đưa họ Thích Mahānāma qua một bên và thuyết pháp cho họ Thích.”

Rồi Tôn giả Ananda cầm tay họ Thích Mahānāma, kéo qua một bên rồi nói với họ Thích Mahānāma:

3. - Giới của bậc hữu học, này Mahānāma, được Thế Tôn nói đến. Và giới của bậc vô học cũng được Thế Tôn nói đến. Định

bậc hữu học được Thế Tôn nói đến. Định bậc vô học cũng được Thế Tôn nói đến. Tuệ bậc hữu học được Thế Tôn nói đến. Tuệ bậc vô học cũng được Thế Tôn nói đến.

4. - Nay Mahānāma, thế nào là bậc hữu học?

Ở đây, nay Mahānāma, vị Tỷ-kheo giữ giới, sống hộ trì với sự hộ trì của giới bốn, đầy đủ quy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhất, cấp nhận và học tập các học giới. Nay Mahānāma, đây là giới bậc hữu học.

5. - Và nay Mahānāma, thế nào là định bậc hữu học?

Ở đây, nay Mahānāma, ly dục, ly bất thiện pháp, vị Tỷ-kheo chứng đạt và an trú sơ Thiền ...Thiền thứ hai ... Thiền thứ ba ... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Nay Mahānāma, đây là định của bậc hữu học.

Và nay Mahānāma, thế nào là trí tuệ của bậc hữu học?

Ở đây, nay Mahānāma, vị Tỷ-kheo như thật quán tri: “Đây là khổ” ... “Đây là khổ tập” ... “Đây là khổ diệt” ... như thật quán tri: “Đây là con đường đưa đến Khổ diệt.” Nay Mahānāma, đây gọi là trí tuệ của bậc Hữu học. Vị Thánh đệ tử như vậy đầy đủ giới, như vậy đầy đủ định, như vậy đầy đủ tuệ, do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Như vậy, nay Mahānāma, là giới bậc Hữu học được Thế Tôn thuyết, là giới bậc Vô học được Thế Tôn thuyết, là định bậc Hữu học được Thế Tôn thuyết, là định bậc Vô học được Thế Tôn thuyết, là tuệ bậc Hữu học được Thế Tôn thuyết, là tuệ bậc Vô học được Thế Tôn thuyết.

**Sớ Giải Bài Kinh Người Dòng Họ Thích
(AtthakathāSakyaSutta)**

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Người Dòng Họ Thích thứ 73 như sau:

Cụm từ **Gilānā vuṭṭhito** nghĩa là Đức Thế Tôn Ngài chấm dứt hẳn đau bệnh. Từ **Gelaññā** từ cơn bệnh. Từ **Upasaṅkami** tức Đức vua **Mahānāmasakya** ngự đến ngự thiện vào buổi sáng, Ngài cầm lấy nhang đèn và vật thơm..., có nhiều tùy tùng vây quanh vào diện kiến Đức Thế Tôn.

Bằng cụm từ **Bahāyaṃ gahetvā** nên hiểu rằng Trưởng lão **Ānanda** không được nắm lấy cánh tay (của Đức vua **Mahānāma**) kéo đi, chỉ đứng dậy từ chỗ ngồi đi ngay đến Đức vua **Mahānāma** dùng ngón tay khều cánh tay phải rồi dẫn đi đến tại một phía.

Trưởng lão **Ānanda** khi chỉ dạy Giới-Định và Tuệ của 7 bậc Hữu học bằng cách thức như: “Này **Mahānāma**, Đức Thế Tôn thuyết Giới thuộc Hữu học cũng có,” rồi trước khi chỉ dạy Giới-Định-Tuệ của bậc Vô học bằng năng lực của A La Hán quả cao tốt mới thuyết rằng:

Tuệ quán là Hữu học và Quả tuệ là Vô học, sanh lên sau Định hữu học và Quả định (**Phalasaṃādhi**) là Vô học, sanh lên sau Minh quán (**Vipassanā**) là Hữu học, còn Định tương ưng Pháp nên hiểu là sanh lên không trước không sau.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Người Dòng Họ Thích thứ 73



Chánh Kinh Bài Kinh Lỏa Thế Niganṭha

74 - Vị Lỏa Thế

1. Một thời, Tôn giả Ananda trú tại Vesālī, rừng Đại Lâm, trong ngôi giảng đường có góc nhọn. Rồi Abhaya người Licchavi và Panditakumārako người Licchiva, đi đến Tôn giả Ananda, sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Ananda rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Abhaya người Licchiva thưa với Tôn giả Ananda:

- Niganthā Nāthaputta, thưa Tôn giả, tự cho là toàn tri, toàn kiến, có tri kiến toàn diện: “Khi ta đi, ta đứng, ta ngủ, ta thức, tri kiến luôn luôn được an trú, không có gián đoạn.” Vị ấy tuyên bố chấm dứt các nghiệp cũ với khổ hạnh, và phá hoại các nghiệp mới với vô vi (không hành động). Như vậy, do nghiệp đoạn diệt nên khổ đoạn diệt; do khổ đoạn diệt nên thọ đoạn diệt; do thọ đoạn diệt nên tất cả khổ sẽ được tiêu diệt. Như vậy là (pháp môn) siêu thoát, thanh tịnh, diệt nhiệt não, thiết thực hiện tại. Ở đây, thưa Tôn giả, Thế Tôn nói thế nào?

2- Nay Abhaya, có ba (pháp môn) thanh tịnh, diệt nhiệt não, được Thế Tôn, bậc Trí giả, bậc Kiến giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chơn chánh tuyên bố, khiến chúng sanh được thanh tịnh, khiến vượt qua sầu bi, khiến chấm dứt khổ ưu, khiến đạt được chánh lý, khiến chứng được Niết bàn. Thế nào là ba?

Ở đây, này Abhaya, vị Tỷ-kheo giữ giới, sống hộ trì với sự hộ trì của giới bốn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhất, chấp nhận và học tập trong các học giới. Vị ấy không làm các nghiệp mới, và với các nghiệp cũ ảnh hưởng đến mình, chấm dứt các nghiệp ấy. Đây là (sự thanh tịnh thứ nhất), thiết thực hiện tại, diệt nhiệt não, không có thời gian, đến

để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tuệ mình giác hiểu.

Vị Tỷ-kheo ấy, này Abhaya, đầy đủ với giới như vậy, ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú sơ Thiền ... Thiền thứ hai .. Thiền thứ ba ... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Vị ấy không làm các nghiệp mới, và với các nghiệp cũ ảnh hưởng đến mình, chấm dứt các nghiệp ấy. Đây là (sự thanh tịnh thứ hai), thiết thực hiện tại, diệt nhiệt não, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tuệ mình giác hiểu.

Vị Tỷ-kheo ấy, này Abhaya, đầy đủ với giới như vậy, với sự đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Vị ấy không làm các nghiệp mới, và với các nghiệp cũ ảnh hưởng đến mình, chấm dứt các nghiệp ấy. Đây là (sự thanh tịnh thứ ba), thiết thực hiện tại, diệt nhiệt não, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tuệ mình giác hiểu.

Này Abhaya, có ba sự thanh tịnh, diệt nhiệt não này, được Thế Tôn, bậc Trí giả, bậc Kiến giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chọn chánh tuyên bố, khiến chúng sanh được thanh tịnh, vượt qua sầu bi, chấm dứt ưu khổ, đạt được chánh lý, chứng được Niết bàn.

3.- Khi được nói như vậy, Panditakumārako người Licchavi nói với Abhaya người Licchavi:

- Này bạn Abhaya, bạn có tín thọ lời khéo nói của Tôn giả Ananda là khéo nói không?

- *Này bạn, tôi là ai lại không tín thọ lời khéo nói của Tôn giả Ananda là khéo nói. Đầu người ấy sẽ vỡ tan, nếu ai không tín thọ lời khéo nói của Tôn giả Ananda là khéo nói.*

Sớ Giải Bài Kinh Lỏa Thế Niganṭha

(AtthakathāNiganṭhaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Lỏa Thế Niganṭha thứ 74 như sau:

Từ **Kuṭāgārasālāyaṃ** tức hương cốc mà Họ gắn thanh gỗ hình đầu rồng đặt trên 2 đầu nóc nhà giống như Thiên nga múa lượn... Cụm từ **Aparisesaṃ nāṇadassanaṃ paṭijānāti** nghĩa là Biết rõ mọi loại Kiến thanh tịnh (Nāṇadassana) không dư sót cho dù chỉ chút ít.

Cụm từ **Sattaṃ samitaṃ** tức suốt mọi thời gian, nghĩa là giai đoạn liên tục. Bằng cụm từ **Nāṇadassanaṃ paccupaṭṭhitaṃ** này du sĩ Nataputta, là biểu hiện Toàn Giác Trí hiển lộ đối với ta. Cụm từ **Purāṇānaṃ kammānaṃ** tức là Nghiệp tích tập lại. Cụm từ **Tapasā byantībhāvaṃ** tức làm cho phiền não chấm dứt cùng với khổ hạnh (Tapa) thực hành được bằng cách khó khăn. Cụm từ **Navānaṃ kammānaṃ** tức Nghiệp nên tích lũy lại trong hiện tại. Từ **Akaraṇā** tức bởi vì không tích lũy lại. Cụm từ **Kammakkhayā dukkhakkhayo** tức chấm dứt khổ Luân hồi, bởi vì nghiệp Luân hồi chấm dứt. Cụm từ **Dukkhakkhayā vedanākkhayo** tức chấm dứt Thọ bởi vì chấm dứt khổ Luân hồi.

Giải thích: Khi khổ Luân hồi chấm dứt thì ngay cả sự Luân chuyển của Thọ cũng xem như chấm dứt giống nhau. Cụm từ

Vedanakkhayā sabbam dukkham nijjīṇaṃ bhavissati tức tất cả khổ Luân hồi sẽ tiêu hoại đi không còn dư sót bởi vì tất cả Thọ chấm dứt. Từ **Sandiṭṭhikāya** tức là cần phải tự Thấy, nghĩa là (Thấy) tỏ tường. Cụm từ **Nijjarāya visuddhiyā** tức gọi là **Nijjarāya** bởi vì thực hành làm tiêu hoại đi phiền não hoặc bởi vì tất cả phiền não tiêu hoại, suy tàn đi không còn dư sót, gọi là Thanh tịnh bởi vì làm cho tất cả chúng sanh đạt đến Thanh tịnh, vì vậy mới gọi là Thanh tịnh do triệt tiêu (**Nijjarāvisuddhi**). Cụm từ **Samatikkamo hoti** tức vắng lặng đình chỉ tất cả khổ Luân hồi sẽ có được.

Cụm từ **Idha Bhante Bhagavā kimāha** tức du sĩ **Nātaputta** hỏi rằng: “Bạch ngài, đối với điều thực hành này Đức Thế Tôn thuyết như thế nào? tức Ngài chế định việc thực hành chấm dứt đi phiền não này như thế nào?” hoặc chế định nêu lên điều khác. Từ **Jānatā** tức Biết bằng Vô chướng ngại Trí (**Anāvaraṇañāṇa**), từ **Passatā** tức Thấy bằng Phổ nhãn Trí (**Samanta cakkhu**). Từ **Visuddhiyā** tức là để muốn đạt đến sự Thanh tịnh, từ **Samatikkamāya** tức để muốn đạt đến sự diệt tất Rỗng không. Cụm từ **Sāyassa adhigamāya** tức để được lợi ích chứng đắc đạo cùng với Minh quán (**Vipassanā**). Cụm từ **Nibbānassa sacchikiriyāya** tức muốn làm cho thấu rõ Niết-bàn không có duyên. Cụm từ **Navaṅca kammaṃ na karoti** tức không tích lũy nghiệp mới. Cụm từ **Purāṅca kammaṃ** tức nghiệp đã tích lũy trong lúc trước. Cụm từ **Phussa phussa byantikaroti** tức giáp mặt (nghiệp cũ đã đến) cũng làm cho chấm dứt, nghĩa là xúc chạm xem như dị thực quả tạo cho nghiệp đó chấm dứt đi. Từ **Sandiṭṭhikā** tức người nên tự Thấy, từ **Akālīkā** tức không làm phận sự trong thời gian khác. Từ **Ehipassikā** tức thích hợp để chỉ cho Thấy như vậy rằng: Ngài

hãy đến để xem đi. Từ **Opanayikā** tức thích hợp trong việc hướng dẫn, nghĩa là phù hợp với Pháp mà mình đang vướng mắc. Cụm từ **Paccattam veditabbo viññūhi** tức tất cả bậc Thiện trí cần phải biết được trong cơ tánh của chính mình, nhưng các người ngu khó biết được. Do đó, hai Đạo, hai Quả mà Đức Thế Tôn đã thuyết bằng mãnh lực của Giới, bởi vì bậc Nhập Lưu, bậc Nhất Lai là Bậc làm cho tròn đủ Giới, còn ba Đạo, ba Quả đã nêu lên thuyết do Định chứng (**Samādhi Samapatti**) chẳng hạn như **Vivicevakāmehi** (do đã Viễn ly khỏi tất cả dục), bởi vì bậc Thịnh Văn Bất Lai Đức Thế Tôn thuyết rằng là Bậc làm cho tròn đủ Định.

Bằng từ như **Āsavānaṃ khayā** Đức Phật thuyết ám chỉ đến bậc A La Hán quả. Cũng một số loại Giới và Định tương ưng với A La Hán quả Ngài muốn lấy trong bài Kinh này, nhưng để Ngài thuyết đến điều thực hành bởi mãnh lực của Giới và Định mỗi loại, nên Ngài nêu cách thức này lên thành mỗi phần nhỏ với nhau như vậy.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Lỏa Thế Nigandha thứ 74



Chánh Kinh Bài Kinh Cần Phải Khích Lệ

75 - Cần Phải Khích Lệ

1. Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda đang ngồi xuống một bên:

- Này Ananda, với ai Sư có lòng từ mẫn, và với những ai Sư nghĩ là nên nghe theo, các bạn bè, thân hữu, bà con hay cùng một huyết thống. Với những người ấy, này Ananda Sư cần phải khích lệ, cần phải hướng dẫn, cần phải an trú trong ba điểm. Thế nào là ba?

2. - Hãy khích lệ, hướng dẫn và an trú vào tịnh tín bất động đối với Đức Phật: “Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.” Hãy khích lệ, hướng dẫn và an trú vào tịnh tín bất động đối với pháp: “Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.” Hãy khích lệ, hướng dẫn và an trú vào tịnh tín bất động đối với chúng Tăng: “Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, Trục hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng được cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời.”

3.- Dầu cho bốn đại chúng có đối khác, này Ananda, địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, nhưng vị thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với Phật không có đối khác. Ở đây, đối khác là

như thế này: Vị Thánh đệ tử ấy, này Ananda, thành tựu tịnh tín bất động đối với đức Phật, sẽ sanh vào địa ngục, loại bàng sanh hay cõi ngạ quỷ. Sự kiện này không xảy ra.

4.- Dầu cho bốn đại chúng có đối khác, này Ananda, địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, nhưng vị thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với Pháp không có đối khác. Ở đây, đối khác là như thế này: Vị Thánh đệ tử ấy, này Ananda, thành tựu tịnh tín bất động đối với Pháp, sẽ sanh vào địa ngục, loại bàng sanh hay cõi ngạ quỷ. Sự kiện này không xảy ra.

5.- Dầu cho bốn đại chúng có đối khác, này Ananda, địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, nhưng vị thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với chúng Tăng không có đối khác. Ở đây, đối khác là như thế này: Vị Thánh đệ tử ấy, này Ananda, thành tựu tịnh tín bất động đối với chúng Tăng, sẽ sanh vào địa ngục, loại bàng sanh hay cõi ngạ quỷ. Sự kiện này không xảy ra.

Này Ananda, với ai Sư có lòng từ mẫn, và với những ai Sư nghĩ là nên nghe theo, các bạn bè, thân hữu, bà con hay cùng một huyết thống. Với những người ấy, này Ananda Sư cần phải khích lệ, cần phải hướng dẫn, cần phải an trú trong ba điểm này.

Sớ Giải Bài Kinh Cần Phải Khích Lệ

(AtthakathāSamādapakaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Cần Phải Khích Lệ thứ 75 như sau: Từ **Amaccā** tức quan đại thần có tâm tốt, từ **Nāti** tức quyến thuộc, thuộc về ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại. Từ **Sālohitā** tức quyến thuộc người cùng chung dòng máu như anh

trai, em trai, chị gái, em gái... Từ **Aveccappasāde** tức có lòng Tin không lay động sanh lên do thấu hiểu đến tất cả Ân đức.

Từ **Aññathattam** tức trở thành sự việc khác, lìa khỏi Sự thật. Nên hiểu Luận giải về từ **Paṭhavīdhā tuyā...**, như Địa giới là giới có trạng thái cứng trong 20 loại thể trước (**Koṭṭhāsa**) (nên trở thành loại khác nhau được), thủy giới (**Āpodhātu**) là giới có trạng thái quển lại trong 12 loại thể trước (nên trở thành loại khác nhau được), hỏa giới (**Tejodhātu**) là giới có trạng thái thiêu đốt trong 4 loại thể trước (nên trở thành loại khác nhau được), phong giới (**Vāyodhātu**) là giới có trạng thái chuyển động trong 6 loại thể trước (nên trở thành loại khác nhau được).

Bằng cụm từ **Siyā aññathattam na tveva** Trưởng lão **Ānanda** thuyết rằng 4 nhóm Sắc tứ đại (**Mahābhūtarūpa**) này nên trở thành loại khác nhau được, bởi vì hình thành Hỗ tương duyên (**Aññamañña paccaya**) nhưng đối với bậc Thánh Thinh Văn thì không có sự trở thành loại khác được.

Cũng trong bài Kinh này, từ **Aññathattam** tức trở thành loại khác với sự tin tưởng (Đức tin) và trở thành loại khác bằng Sanh hữu (**Gati**), bởi vì cả hai loại đó không có đối với bậc Thánh Thinh Văn chỉ có trở thành loại khác bằng thực tánh (**Sabhāva**).

Giải thích: bậc Thánh Thinh Văn là Nhân loại trở thành Chư thiên cũng có, trở thành Phạm thiên cũng có nhưng Đức Tin của bậc Thánh Thinh Văn sẽ không gián đoạn (thay đổi) trong suốt thời gian các kiếp sống, lần sẽ không dẫn đến trở thành loại khác bằng Sanh hữu, tức Sanh hữu Khổ cảnh (**Apāyagati**), ngay cả bậc Tối Thượng Đạo Sư thuyết về chính

điều đó, nên Ngài mới thuyết rằng **Taddhitam aññathattam** này. Từ còn lại trong bài Kinh này đều dễ cả.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Cần Phải Khích Lệ thứ 75



Chánh Kinh Bài Kinh Tư và Khởi Điểm

77 - Tư và Khởi Điểm

1. Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn: - Hữu, hữu, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được xem là có hữu?

- Nay Ananda, nếu không có hành động (nghiệp) và sự chín muồi của dục giới thời dục hữu có thể trình bày được không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Như vậy, nay Ananda, nghiệp là thừa ruộng, thức là hạt giống, ái là sự nhuận ướt. Chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái trói buộc, nên Tư được an lập, khởi điểm được an lập trong giới thấp kém. Như vậy, trong tương lai có sự tái sanh sanh khởi. Như vậy, nay Ananda, hữu có mặt.

2.- Và nay Ananda, nếu không có hành động và sự chín muồi của sắc giới, thời sắc hữu có thể trình bày được không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Như vậy, này Ananda, nghiệp là thừa ruộng, thức là hạt giống, ái là sự nhuận ướt. Chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái trói buộc, nên Tư được an lập, khởi điểm được an lập trong giới bậc trung. Như vậy, trong tương lai có sự tái sanh sanh khởi. Như vậy, này Ananda, hữu có mặt.

3. -Và này Ananda, nếu không có hành động và sự chín muồi của vô sắc giới, thời vô sắc hữu có thể trình bày được không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Như vậy, này Ananda, nghiệp là thừa ruộng, thức là hạt giống, ái là sự nhuận ướt. Chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái trói buộc, nên Tư được an lập, khởi điểm được an lập trong giới bậc thù thắng. Như vậy, trong tương lai có sự tái sanh sanh khởi. Như vậy, này Ananda, hữu có mặt.

Sớ Giải Bài Kinh Tư và Khởi Điểm

(AtthakathāThānavaSutta)

Nên hiểu luận giải Bài Kinh Tư và Khởi Điểm thứ 77 như sau:

Từ **Kāmadhātuvepakkam** tức Nghiệp nấy mầm Quả từ Dục giới (**Kāmadhātu**). Từ **Kāmabhavo** tức Sanh hữu (**Upattibhava**) trong Dục giới. Cụm từ **Kammaṃ khettaṃ** tức nghiệp Thiện và nghiệp Bất thiện, gọi là giống như thừa ruộng do ý nghĩa là nơi mọc lên (của Uẩn quả - **Vipākakhandha**).

Cụm từ **Viññāṇaṃ bijāṃ** tức Thức có Tối vi hành (**Abhisankhāra**) làm duyên đồng sanh với nhau, gọi là hạt giống do ý nghĩa là nhân nảy mầm lên.

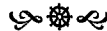
Cụm từ **Taṇhā senho** tức Ái dục (**Taṇhā**) gọi là nước bởi vì có thể ủng hộ và tăng trưởng.

Cụm từ **Avijjā nīvaraṇānaṃ** tức người mà Vô minh cản trở. Từ **Taṇhāsaññojanānaṃ** tức người bị Trói buộc, tức Ái dục trói buộc.

Cụm từ **Hīnāya dhātuyā** tức trong Dục giới. Cụm từ **Viññāṇaṃ patitthitaṃ** tức có Tối vi hành làm duyên vững chắc.

Cụm từ **Majjhimāya dhātuyā** tức trong Sắc giới (**Rūpadhātu**). Cụm từ **Paṇītāya dhātuyā** tức trong Vô sắc giới (**Arūpadhātu**). Từ còn lại trong bài Kinh này để cả.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Tư và Khởi Điểm thứ 77



Chánh Kinh Bài Kinh Giới Cấm Thủ

78 - Sự Hầu Hạ Giúp Đỡ

1. Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda đang ngồi một bên: -Này Ananda, mọi giới cấm, sinh sống Phạm hạnh, sự hầu hạ căn bản đều có quả phải không?

- Ở đây, bạch Thế Tôn, không thể trả lời một chiều được.

- Vậy này Ananda, hãy phân tích thêm!

- Bạch Thế Tôn, phạm giới cấm, sinh sống Phạm hạnh, sự hầu hạ căn bản nào được áp dụng, khiến pháp không thiện tăng trưởng, pháp thiện đoạn tận, thời giới cấm, sinh sống Phạm hạnh, sự hầu hạ căn bản như vậy không có kết quả. Và bạch Thế Tôn, phạm giới cấm, sinh sống Phạm hạnh nào, sự hầu hạ căn bản nào được áp dụng, khiến pháp không thiện đoạn tận, pháp thiện tăng trưởng, thời giới cấm, sinh sống Phạm hạnh, sự hầu hạ căn bản như vậy có kết quả.

Tôn giả Ananda nói như vậy và bạch Đạo Sư đồng ý.

Rồi Tôn giả Ananda nghĩ: "Bạch Đạo Sư đã đồng ý với ta," từ chỗ ngồi đứng dậy, thân phía hữu hướng về ngài rồi ra đi.

Rồi Thế Tôn, khi Tôn giả Ananda ra đi không bao lâu, nói với các Tỷ-kheo: - Này các Tỷ-kheo, Ananda còn là hữu học, nhưng không dễ gì tìm được người có trí tuệ ngang bằng.

Sớ Giải Bài Kinh Giới Cấm Thủ

(AtthakathāSīlabbataSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Giới Cấm Thủ thứ 78 như sau: Từ **Sīlabbataṃ** tức Giới và sự Tu hành, từ **Jīvitam** tức sự Tinh cần của người tạo nghiệp khó thực hành được. Từ **Brahmacariyaṃ** tức sống thực hành Phạm hạnh, từ **Upaṭṭhānasāraṃ** tức Giới..., này gọi là cốt lõi, bởi vì là Pháp làm duyên hiển lộ.

Giải thích: Hiển lộ như vậy: Giới..., này là Cốt lõi, giới..., này là Cao thượng, giới..., này là Nhân làm cho thành tựu. Đức

Thế Tôn phán hỏi rằng: “Giới..., là Pháp như thế nào?” Tức có sự tăng trưởng, bằng từ **Sophalam** này. Cụm từ **Na khevattha Bhante ekamsena** nghĩa là (Ngài **Ānanda** trả lời rằng): Bạch Đức Thế Tôn, trong điều này không nên giải đáp bằng cách một chiều. Cụm từ **Upaṭṭhānasāraṃ sevato** tức khi thực hành Giới..., là cốt lõi, là điều kiện để hiện bày rằng Giới..., này là cốt lõi, là Pháp cao thượng, là nhân lành làm cho thành tựu.

Từ **Aphalam** tức không có quả, như quả mong muốn. Bằng chỉ bấy nhiêu lời tranh biện này xem như dựa vào tất cả Chủ thuyết bên ngoài còn lại, trừ ra việc xuất gia của người có Luận thuyết về Nghiệp (**Kammavādīpuggala**) và người có Luận thuyết về Hành vi (**Kiriyavādīpuggala**). Từ **Sophalam** tức là có quả như thế nào để Quả phải như mong muốn, bằng chỉ bấy nhiêu lời tranh biện này xem như tất cả dựa vào việc xuất gia của người có Luận thuyết về Nghiệp, và người có Luận thuyết về Hành vi, bắt đầu kể từ (Đức Phật) Giáp pháp này. Bằng cụm từ **Na ca panassa sulabharūpo samasamo paññāya** này Đức Thế Tôn thuyết rằng: Người hiện diện trong lãnh vực Hữu học trả lời câu hỏi được như vậy mà ngang bằng với Trí tuệ của Ngài **Ānanda** thì chẳng phải dễ dàng. Pháp gọi là lãnh vực Hữu học (**Sekhabhūmi**) Đức Thế Tôn đã nêu lên Thuyết trong bài Kinh này.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Giới Cấm Thủ thứ 78



Chánh Kinh Bài Kinh Mùi Hương

79 - Hương

1. Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn: - Có ba loại cây hương này, bạch Thế Tôn, hương của chúng bay theo gió, không bay ngược gió. Thế nào là ba? Cây hương rể, cây hương lõi và cây hương hoa. Có ba loại cây hương này, bạch Thế Tôn, hương của chúng bay theo chiều gió, không bay ngược gió. Bạch Thế Tôn, có thể có loại cây hương nào, có hương bay thuận gió, có hương bay ngược gió, có hương bay thuận gió ngược gió?

- Có loại cây hương, này Ananda, có hương bay thuận gió, có hương bay ngược gió, có hương bay thuận gió ngược gió.

2. - Bạch Thế Tôn, loại cây hương ấy là gì, có hương bay thuận gió, có hương bay ngược gió, có hương bay thuận gió ngược gió?

- Ở đây, này Ananda, tại làng nào hay tại thị trấn nào, có nữ nhân hay nam nhân quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong dục vọng, từ bỏ nói láo, từ bỏ dùng rượu, men rượu nấu làm say người, giữ giới, tâm tánh hiền lương, sống trong nhà với tâm không nhiễm xan tham, bố thí không luyến tiếc với tay rộng mở, thích thú từ bỏ, sẵn sàng được yêu cầu, ưa thích chia sẻ đồ bố thí. Người như vậy, được các Sa-môn, Bà-la-môn tán thán khắp bốn phương: Tại làng ấy, hay tại thị trấn ấy, có nữ nhân hay nam nhân quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng..., ưa thích chia sẻ đồ bố thí. Chư Thiên và các phi nhân cũng tán thán: Tại làng

ấy, hay tại thị trấn ấy, có nữ nhân hay nam nhân quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng..., ưa thích chia sẻ đồ bố thí. Cây hương như vậy, này Ananda, có hương bay thuận gió, có hương bay ngược gió, có hương bay thuận gió ngược gió.

Không một hương hoa nào

Bay ngược chiều gió thổi

Dầu là hoa chiêm-đàn

Già-là hay mạt-ly

Chỉ hương người đức hạnh

Bay ngược chiều gió thổi

Chỉ có Bạc Chân nhân

Biển mãn mọi phương trời.

Sớ Giải Bài Kinh Mùi Hương

(AtthakathāGandhaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Mùi Hương thứ 79 như sau: Từ **Etadavoca** tức thời gian sau khi thọ thực, Trưởng lão **Ānanda** trở về từ việc khát thực, thực hiện phận sự đối với Đấng Thập Lực xong rồi đi đến nơi nghỉ trưa của mình, suy nghĩ rằng: Trên thế gian này cây cối có gốc rễ thơm hiện hữu, cây có lõi thơm hiện hữu, nhưng cả 3 loại này thường lan tỏa đi theo chiều gió, mà không lan tỏa đi ngược chiều gió có mùi như thế nào, lan tỏa đi ngược chiều gió được hay chăng?

Bởi vì Ngài được chấp nhận lời cầu xin 8 trường hợp, tức được đi vào diện kiến trong lúc phát sanh hoài nghi. Trong lúc được chấp nhận 8 lời cầu xin này, ngay lúc đó mới ra khỏi nơi

ngửi trưa đi đến trú xứ của bậc Đạo Sư đánh lễ rồi ngồi xuống tại một bên để diệt trừ sự hoài nghi phát sanh, nên bạch lời này rằng: **Tīṇimāni Bhante** này. Tất cả từ đó thì từ **Gandhajātāni** tức tất cả nguồn gốc của vật thơm. Từ **Mūlagandho** tức mùi hiện diện nơi gốc rễ, hoặc gốc rễ dồi dào bởi mùi đó, gọi là **Mūlagandho** bởi vì mùi của gốc rễ đó thường lan tỏa đi theo chiều gió, nhưng mùi của mùi không có. Ngay cả mùi nơi lõi cây và mùi nơi gốc rễ cũng có Lý này giống như vậy.

Nên hiểu Luận giải trong cụm từ **Atthānanda gandhajātam** này như sau: Việc thọ trì Tam quy..., gọi là mùi bởi vì giống như mùi lan tỏa đi mọi phương hướng do mãnh lực của lời tán thán Ân đức tốt đẹp của các mùi đó có người là cứ điểm, nên gọi là các loại chất thơm (**Gandhagāta**). Cụm từ **Gandho gacchati** tức sự lan tỏa tháp tùng theo mãnh lực của lời tán thán. Từ **Sīlavā** tức là có Giới, như 5 Giới hoặc 10 Giới... từ **Kalyāṇadhammo** tức là có đạo đức, nghĩa là có Pháp tốt đẹp do chính Giới pháp đó.

Giải thích về từ: Vigatamalamaccherena..., đã nêu lên chi tiết trong bộ Thanh Tịnh Đạo, từ **Disāsu** tức trong 4 hướng chánh, trong 4 hướng phụ. Từ **Samaṇabrhmaṇā** tức là các bà la môn, sa môn đình chỉ tội lỗi và buông bỏ ác hạnh.

Cụm từ **Na pupphagandho paṭivātameti** tức mùi của bông lài..., sẽ không lan tỏa đi ngược chiều gió. Cụm từ **Na candanam tagaramallikāvā** được giải thích ý nghĩa rằng: Cho dù mùi của gỗ chiên đàn, trầm hương và hắc kỳ cũng không lan tỏa ngược chiều gió được. Thật vậy, các bậc Trí giả nói rằng: Ngay cả trong Thiên giới cũng vẫn có bông lài nở giống nhau, trong ngày bông lài nở thì mùi sẽ lan tỏa đi đến 100 do tuần

nhưng mùi đó cũng không thể lan tỏa đi ngược chiều gió được, cho dù chỉ một gang tay hay một hắc tay. Cụm từ **Satañca gandho paṭivatameti** tức về phần mùi của Ân đức như Giới..., của các bậc Chân Nhân, các bậc Hiền trí như Đức Phật-Đức Phật Độc Giác và Chư Thánh Văn Giác thường lan tỏa đi ngược chiều gió được. Cụm từ **Sabbā disā sappuriso pavāyati** nghĩa là bậc Chân nhân tức bậc Hiền trí thường lan tỏa đi khắp mọi phương hướng bằng mùi Ân đức tốt đẹp như Giới..., nghĩa là có mùi lan tỏa đi khắp mọi phương hướng.

Kết Thúc Bài Kinh Mùi Hương thứ 79



Chánh Kinh Bài Kinh Abhibhū

80 - Abhibhū

1. Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn: - Con được nghe trước mặt Thế Tôn, con được nắm giữ trước mặt Thế Tôn: “Abhibhū, đệ tử Đức Phật Sikhī, đứng ở Phạm Thiên Giới, có thể làm cho ngàn thế giới nghe tiếng của mình.” Nhưng bạch Thế Tôn, Thế Tôn bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có thể làm cho nghe tiếng xa như thế nào?

- Vị ấy chỉ là một đệ tử, này Ananda. Các Như Lai là vô lượng.

Lần thứ hai, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Con được nghe trước mặt Thế Tôn, ... có thể làm cho nghe tiếng xa như thế nào?

- Vị ấy chỉ là một đệ tử, này Ananda. Các Như Lai là vô lượng.

2. Lần thứ ba, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Con được nghe trước mặt Thế Tôn, ... có thể làm cho nghe tiếng xa như thế nào?

- Này Ananda, Sư có được nghe nói đến tiểu thiên thế giới không?

- Nay đã đến thời, bạch Thế Tôn! Nay đã đến thời, bạch Thế Tôn Thiện Thệ, để Thế Tôn nói về vấn đề này. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

- Vậy này Ananda, hãy nghe và khéo tác ý, ta sẽ nói.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

3. - Xa cho đến mặt trăng, mặt trời chạy trong quỹ đạo của chúng và chói sáng khắp bốn phương với ánh sáng của chúng, xa như vậy là một ngàn thế giới. Trong ấy có một ngàn mặt trăng, một ngàn mặt trời, một ngàn núi Sineru (Tu-di), một ngàn Jambudīta (Diêm-phù-đề), một ngàn Aparagoyānā (Tây ngưu hóa châu), một ngàn Uttarakurū (Bắc-cu-lô châu), một ngàn Pūbbavidehā (Đông thắng thần châu), bốn ngàn biển lớn, bốn ngàn đại vương, 1000 cõi trời Bốn thiên vương, 1000 cõi trời ba mươi ba, 1000 Dạ-ma thiên, 1000 Tusitā (Đâu-suất thiên), 1000 Hóa Lạc thiên, 1000 Tha Hóa Tự tại thiên, 1000 Phạm Thiên. Này Ananda, đây gọi là một tiểu thiên thế giới. Này Ananda, cho đến

1000 lần một tiểu thiên thế giới, được gọi là, này Ananda, ba Đại thiên thế giới. Này Ananda, Như Lai có thể làm cho tiếng mình nghe xa cho đến ba ngàn Đại thiên thế giới hay xa hơn nữa nếu muốn.

4. - Làm sao, bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể làm cho tiếng mình nghe xa cho đến ba ngàn Đại thiên thế giới hay xa hơn nữa nếu muốn?

- Ở đây, này Ananda, Như Lai chiếu ánh sáng cho đến ba ngàn Đại thiên thế giới, cho đến khi các chúng sanh nhận thức được ánh sáng ấy. Rồi Thế Tôn phát âm và làm cho tiếng mình được nghe. Như vậy, này Ananda, Như Lai làm cho tiếng mình nghe xa cho đến ba ngàn Đại thiên thế giới hay xa hơn nữa nếu muốn.

5. Khi được nói như vậy, Tôn giả Ananda nói với Tôn giả Udāyi: - Được lợi thay cho tôi, khéo được lợi thay cho tôi, có được bậc Đạo sư có thần lực như vậy, có uy lực như vậy!

Khi được nghe nói như vậy, Tôn giả Udāyi nói với Tôn giả Ananda: - Này Hiền giả Ananda, ở đây Hiền giả nghĩ có được gì, nếu bậc Đạo sư của Hiền giả có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy?

Khi được nghe nói như vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Udāyi: - Chớ có nói như vậy, này Udāyi, chớ nói vậy, này Udāyi. Này Udāyi, nếu Ananda chưa có đoạn tận tham và mệnh chung, nhưng với tâm tịnh tín của mình, vị ấy có thể bảy lần ngự trị trên thế giới chư Thiên, có thể bảy lần ngự trị trên cõi Jambudīpa này. Nhưng này Udāyi, Ananda ngay trong hiện tại sẽ được Bát-Niết-bàn.

Sớ Giải Bài Kinh Abhibhū
(AtthakathāCūḷaniSutta)

Trong Bài Kinh thứ 80 có 2 loại ý nghĩa được nêu lên, là:

1) Nêu lên ý nghĩa liên quan đến nguyên nhân phát sanh sự kiện

2) Liên quan đến khả năng của việc vấn hỏi.

Nếu có câu hỏi rằng: Trong việc phát sanh có ý nghĩa như thế nào? Đức Thế Tôn trả lời câu hỏi của ai?

Đáp: Trong việc phát sanh ý nghĩa của bài Kinh **Aruṇavadī** Đức Thế Tôn trả lời câu hỏi của Trưởng lão **Ānandā**.

Vấn: bài Kinh **Aruṇavadī** được ai nói đến?

Đáp: hai Đức Phật là Đức Thế Tôn hồng danh **Sikhī** và bậc Đạo Sư của chúng ta nêu lên Thuyết.

Việc Xuất Hiện Bài Kinh **Aruṇavadī** vào Thời Kỳ Đức Phật **Sikhī**

Giải thích: Kể từ Đại kiếp này trở lui lại về quá khứ, trong Đại kiếp thứ 31 nơi Kinh thành **Aruṇavadī** Đức Thế Tôn hồng danh **Sikhī**. Ngài tục sanh vào thai bào của Hoàng hậu **Pabhāvadī** của Đức vua **Aruṇavatta**, khi Trí tuệ già mạnh Ngài đi xuất gia (**Mahābhinesa karamaṇa**) Giác ngộ Toàn Giác Trí nơi cội cây đại thọ Bồ đề Chuyển Pháp Luân cao thượng Ngài trú ngụ nơi Thành phố **Aruṇavadī**. Một ngày nọ vào buổi sáng sớm Ngài làm lễ hỏa táng có số lượng nhiều chư Tỳ Khưu Tăng tùy tùng. Ngài suy nghĩ rằng: “Ta sẽ đi vào Kinh thành

Arunavadi khát thực, rồi ngự đi đứng gần cổng Tịnh xá. Ngài gọi bậc Tối Thượng Tinh Văn **Abhibhū** đến nói rằng: “Này tỳ khuru, vẫn còn thời gian sớm lắm để đi vào Kinh thành **Arunavadi** khát thực, chúng ta sẽ đi trước đến một tầng nào cõi Phạm thiên.” Tương ứng như Đức Phật thuyết rằng: “Này các Tỳ khuru, khi đó Đức Thế Tôn hồng danh **Sikhī**, bậc A La Hán Chánh Đẳng Giác phán gọi Tỳ khuru **Abhibhū** đến dạy rằng: “Này bà la môn, chúng ta sẽ đi đến một tầng Phạm thiên giới nào vào lúc chưa thọ thực?” này các Tỳ khuru, Tỳ khuru **Abhibhū** vâng lệnh phán dạy của Đức Thế Tôn, bậc A La Hán Chánh Đẳng Giác hồng danh **Sikhī**, rồi này các Tỳ khuru khi đó Đức Thế Tôn, bậc A La Hán Chánh Đẳng Giác hồng danh **Sikhī** và Tỳ khuru **Abhibhū** đi đến một tầng Phạm thiên giới nào. Đại phạm thiên trong cõi Phạm thiên đó thấy được bậc Chánh Đẳng Giác thì hân hoan đón tiếp, trải chỗ ngồi Phạm thiên dâng cúng, còn Trưởng lão thì tất cả Phạm thiên giúp nhau trải chỗ ngồi thích hợp dâng cúng. Đức Thế Tôn ngồi trên chỗ ngồi mà Họ dâng cúng, cả Trưởng lão cũng ngồi trên chỗ ngồi mà Họ sửa soạn dâng cúng cho mình, còn Vua trời Đại Phạm Thiên thì đánh lễ Đấng Thập Lực rồi ngồi tại một bên.

Khi đó, Đức Thế Tôn hồng danh **Sikhī** phán gọi Tỳ khuru **Abhibhū** đến nói rằng: “Này Bà-la-môn, pháp thoại trong sáng đối với người (người hãy Thuyết pháp thoại) để Phạm thiên, hội chúng của Phạm thiên và để Phạm thiên tầng Phạm chúng thiên (**Pārisajjā**) nghe.” Này các Tỳ khuru, Tỳ khuru **Abhibhū** vâng lệnh lời phán dạy của Đức Thế Tôn, bậc A La Hán Chánh Đẳng Giác hồng danh **Sikhī** thuyết Pháp thoại với Phạm thiên, hội chúng của Phạm thiên và Phạm thiên tầng Phạm chúng thiên, khi Trưởng lão đang thuyết Pháp thì tất cả Phạm thiên

trách rằng: “Đã lâu lắm chúng ta mới được thấy bậc Tối Thượng Đạo Sư ngự đến Phạm thiên giới nhưng Tỳ khuru này ngăn chặn bậc Đạo Sư sẽ chuẩn bị thuyết chính Pháp đó.” Bậc Đạo Sư hiểu rằng: Nhóm phạm thiên đó không hài lòng, mới nói với Tỳ khuru **Abhibhū** rằng: “Này Bà-la-môn, phạm thiên, hội chúng Phạm thiên và Phạm thiên tăng Phạm chúng thiên cùng nhau trách người, nếu như vậy người hãy làm cho nhóm Phạm thiên đó vô cùng kinh hãi đi Bà-la-môn.” Trưởng lão vâng lệnh lời dạy của Đức Phật **Sikhī** khai triển thần thông, nhiều thứ nhiều loại trước khi sẽ làm cho 1000 luân vi thế giới biết rõ bằng tiếng nói, nên đã nói 2 Kệ ngôn: **Ārambhatha nikkhamatha** tức là: Hãy bắt đầu đi! Hãy chỉ có Tinh cần, tất cả các Vị...

Vấn: Trưởng lão làm như thế nào mới làm cho 1000 luân vi thế giới biết rõ được?

Đáp: Trưởng lão nhập vào đề mục Hoàn tịnh xanh (**Nilakasīna**) trước rải đi sự tối tăm mù mịt khắp tất cả phương hướng, từ đó khi tất cả chúng sanh khởi lên suy nghĩ rằng: Đây là sự tối tăm mù mịt gì vậy? thì mới hiển lộ ánh sáng. Khi họ suy nghĩ rằng: Đây là ánh sáng gì? Mới hiện bày cho tất cả thấy Chư thiên và Nhân loại trong 1000 luân vi thế giới cùng nhau đang đứng đánh lễ chấp tay Trưởng lão; Trưởng lão chú nguyện rằng: “Xin cho Đại chúng hãy nghe được tiếng của ta đang thuyết Pháp về âm thanh của các Kệ ngôn này,” tất cả Chư thiên và Nhân loại nghe được tiếng của Trưởng lão giống như đang thuyết Pháp trong giữa hội chúng đông đủ, thậm chí ý nghĩa (thuyết Pháp) cũng hiện bày rõ ràng với nhóm Chư thiên và Nhân loại đó.

Rồi sau đó, Đức Thế Tôn hồng danh **Sikhī** trở lại Kinh thành **Arunavadi** cùng với Trưởng lão ngự đi khát thực, khi khát thực trở về, sau đó đã thọ thực rồi phán hỏi chư Tỳ Khuru rằng: “Này các Tỳ khuru, các con được nghe hay chăng?” các Tỳ Khuru đó bạch rằng: “Bạch Đức Thế Tôn nghe được.” Trước khi tuyên bố điều mà mình nghe được mới nêu cả 2 Kệ ngôn lên dẫn chứng.

Việc Xuất Hiện của Bài Kinh Arunavadi của Đức Phật chúng ta

Còn Đức Thế Tôn của chúng ta Ngài chứng đắc Toàn Giác Trí Ngài Chuyển Pháp Luân vô thượng đi vào ngụ nơi Kinh thành **Sāvatthī**, rồi ngụ trong Tịnh xá **Jetavana** trong ngày giữa đầu tháng 7, phán gọi các Tỳ khuru đến rồi Ngài thuyết bài Kinh **Arunavadi** này. Trưởng lão **Ānanda** đang đứng quạt học các bài Kinh từ đầu cho đến cuối không bỏ sót dù chỉ 1 từ. Vào sáng hôm sau, Ngài đi khát thực trở về thực hành phận sự đối với Đấng Thập Lực, rồi trở về nơi nghỉ trưa của mình, khi các bạn đồng Phạm hạnh (**Saddhivihārika**) và đệ tử thực hành phận sự rồi lánh đi, ngồi suy ngẫm đến bài Kinh **Arunavadi** mà Đức Thế Tôn đã thuyết hôm qua, khi đó tất cả bài Kinh hiện bày được rõ ràng đối với Ngài (**Ānanda**).

Ngài Trưởng lão **Ānanda** suy nghĩ rằng: bậc Tối Thượng Thịnh Văn của Đức Thế Tôn hồng danh **Sikhī** đang đứng trên cõi Phạm thiên tủa hào quang ra khỏi thân xưa tan sự tăm tối mù mịt trong 1000 luân vi thế giới rồi thuyết Pháp cho Chư thiên và Nhân loại nghe được tiếng của mình vang lên như đến nơi (Họ) mà bậc Tối Thượng Đạo Sư đã thuyết trong ngày hôm qua về lãnh vực của bậc Thịnh Văn (có oai lực) chỉ chừng ấy trước, còn bậc Chánh Đẳng Giác tu tập 10 Pháp ba la mật

(Pāramī) rồi chúng đấng Toàn Giác Trí tỏa âm thanh ra được xa bao nhiêu? Để giải tỏa hoài nghi sanh lên như vậy, ngay lúc đó Ngài mới đi vào diện kiến Đức Thế Tôn bạch hỏi sự việc đó. Để trình bày ý nghĩa đó Ngài Giáo Thọ Sư **Dhammasaṅgahaka** mới đề cập rằng: **Athakho āyasmā Ānando** này. Tất cả các từ đó thì Từ **Sammukhā** nghĩa là bài Kinh này tôi (**Ānanda**) đang đứng trước mặt, nghe không phải nghe bằng cách được truyền tai nhau, tức không nghe bằng cách nối tiếp từ người trung gian. Trưởng lão **Ānanda** nói như vậy với chủ ý như đã giải thích trên.

Cụm từ **Kīvatakaṃ pahoti rarena viññāpetuṃ** nghĩa là Đức Thế Tôn Ngài sẽ diệt trừ sự tối tăm mù mịt bằng hào quang tỏa ra từ kim thân rồi phát ra giọng nói vang lên đi được xa bao nhiêu? Đức Thế Tôn thuyết rằng: “**Sāvako so Ānanda uppameyyā Tathāgatā.**,” với chủ ý của Đức Phật rằng: “Này **Ānanda**, con nghĩ như thế nào?, bậc Thinh Văn đang phát huy được phần nào riêng biệt về Trí tuệ, nhưng Như Lai tạo trử 10 pháp Ba la mật rồi chúng đấng Toàn Giác Trí (**Sabbaññutaññāṇa**) có Trí tuệ không ước lượng được, con nghĩ thế nào giống như lấy đầu ngón tay (cái) móc đất lên (trên đầu ngón tay cái) so sánh với đất trên quả địa cầu, bởi vì mãnh lực của các bậc Thinh Văn cùng là một tánh chất, của tất cả Chư Phật cũng cùng là một tánh chất. Pháp thuộc phạm vi của các bậc Thinh Văn cùng là một tánh chất, của tất cả Chư Phật cũng cùng là một tánh chất, oai lực của các bậc Thinh Văn cùng là một tánh chất, oai lực của tất cả Chư Phật cũng cùng là một tánh chất. Đức Thế Tôn khi thuyết sự kiện mà tất cả Chư Phật có oai lực không ước lượng được với chủ ý của Đức Phật như đã giải

thích trên rồi Ngài im lặng, cho dù Trưởng lão bạch hỏi lần thứ hai. Bạc Tối Thượng Đạo Sư khi Ngài thuyết rằng:

Này **Ānanda**, con nghĩ như thế nào? Giống như lấy đọt của cây thốt nốt đem so sánh với hư không bao la không tận cùng, giống như lấy con chim én đem so sánh với thân mình Kim sí điểu vương bay được mỗi ngày 150 do tuần, giống như lấy nước trong vòi voi đem so sánh với nước trong sông Hằng (**Mahāganga**), giống như lấy nước trong hố rộng dài 8 hắc tay đem so sánh với 7 hồ, ví như người có được chỉ từng đầu lúa đem so sánh với Chuyển Luân Vương, giống như lấy Tà thần, ma quỷ đem so sánh với vua Trời Đế Thích, tứ Đại Thiên Vương và giống như lấy ánh sáng của con đom đóm đem so sánh với ánh sáng của mặt trời. Ngài thuyết sự kiện mà tất cả Chư Phật (Toàn Giác) có uy lực không ước lượng được lần thứ hai rồi Ngài im lặng.

Tuần tự tiếp đến Trưởng lão suy nghĩ rằng: “Bạc Đạo Sư mà ta bạch hỏi không trả lời cho ta,” để xin (cơ hội bạch hỏi) đến ba lần, rồi để làm cho bạc Đạo Sư rống lên tiếng rống sư tử Phật (**Buddhasīhanāda**) mới bạch xin lần thứ ba. Để thuyết đến việc bạch xin lần thứ ba đó, Ngài mới thuyết rằng: **Tatīyampi kho**. Tuần tự sau đó, Đức Thế Tôn để trả lời câu hỏi của Trưởng lão **Ānanda** mới thuyết rằng: **Sūtā me Ānanda** này, Trưởng lão suy nghĩ rằng: Bạc Tối Thượng Đạo Sư thuyết có giới hạn chỉ bấy nhiêu, đối với ta rằng: “Này **Ānanda**, một ngàn luân vi thế giới số lượng nhỏ nhoi, con đã được nghe (không phải chăng?),” rồi Ngài im lặng, tiếp đến Đức Phật Ngài rống tiếng rống sư tử Phật. Trước khi bạch xin bạc Tối Thượng Đạo Sư mới bạch rằng: **Etassa Bhagavā kālo** này. Về phần Đức Thế Tôn thuyết rằng: **Etanahānanda** này để thuyết Kệ ngôn chi

tiết cho Ngài **Ānanda**. Tất cả nhóm từ này thì Từ **Yāvatā** nghĩa là xuyên suốt có số lượng bao nhiêu? Cả mặt trăng và mặt trời gọi là **Candimasuriyā**, từ **Pariharanti** tức xoay quanh. Cụm từ **Disā bhanti** tức chiếu sáng đi khắp mọi phương hướng, từ **Virocanā** tức sáng rực. Bằng chỉ bấy nhiêu từ này xem như Ngài trình bày luân vi thế giới (**Cakkavāla**) bằng cách xác định chỉ một luân vi thế giới.

Bấy giờ trước khi Ngài thuyết một ngàn luân vi thế giới nhân với một ngàn, mới thuyết rằng **Tāva sahasā loko** này. Cụm từ **Tasmim sahasadhā loko** tức trong một ngàn của luân vi thế giới đó. Cụm từ **Sahasam cātummahārājikānam** tức một ngàn tầng Thiên giới Tứ Đại Thiên Vương, bởi vì trong mỗi luân vi thế giới có Thiên vương ở thường xuyên, mỗi luân vi có 4 vị, vì vậy mới thuyết rằng: **Cattāri mahārājasahasāni** này. Trong bất cứ mỗi từ nên hiểu ý nghĩa theo cách thức này. Từ **Cūlanikā** tức luân vi Thế giới loại nhỏ, đây là phạm vi của tất cả luân vi thế giới.

Vấn: Vì sao Đức Thế Tôn đem luân vi thế giới loại nhỏ này ra (thuyết)?

Đáp: Để Ngài thuyết đến việc xác định luân vi thế giới loại trung. Từ **Yāvatā** tức có số lượng bao nhiêu? Cụm từ **Tāva sahasadhā** tức chừng đó phần của một ngàn. Bằng cụm từ **Dvisahasā majhimikā lokadhātu** này Ngài thuyết rằng luân vi thế giới này có số lượng một ngàn hơn cho hai có số lượng một trăm (triệu) ngàn luân vi thế giới, bằng cách lấy một ngàn hơn cho một ngàn luân vi thế giới, gọi là Luân vi thế giới loại trung. Đây không phải lãnh vực của các bậc Thánh Văn thuộc về lãnh vực của Chư Phật (Toàn Giác) mà thôi, bởi vì trong bấy

nhiều đây các Đấng Như Lai có thể tóa hào quang từ Kim thân Phật xua tan sự mù mịt tăm tối làm cho tất cả Chư thiên và Nhân loại nghe được tiếng vang động. Gọi là Sanh vực (**Jātikhetta**) của tất cả Chư Phật, Ngài thuyết bằng từ có số lượng chừng đó.

Giải thích: Trong kiếp sau cùng của tất cả các vị Bồ Tát:

- 1) Trong ngày mà các Ngài mệnh chung từ Thiên giới tục sanh vào thai bào của Phật mẫu
- 2) Trong ngày Đản sanh từ thai bào
- 3) Trong ngày đi Xuất gia
- 4) Trong ngày Giác ngộ
- 5) Trong ngày Chuyển Pháp luân
- 6) Trong ngày từ bỏ Thọ hành
- 7) Trong ngày Viên Tịch Niết-bàn có số lượng nơi chốn chừng ấy (Luân vi thế giới loại trung) thường rung chuyển.

Cụm từ **Tisahassī mahāsahassī** tức gọi là **Tisahassī** bởi vì kể từ số lượng một ngàn trở đi lấy một ngàn hơn cho 3 lần, luân vi thế giới hơn cho nhiều ngàn bởi vì nêu lên một ngàn, lấy một ngàn nhân thành luân vi thế giới loại trung rồi hơn cho một ngàn, vì vậy mới gọi là Đại thiên (**Mahāsahassī**). Bằng chừng này từ xem như Ngài thuyết về thế gian có số lượng một trăm ngàn **Koṭi** luân vi thế giới. Đức Thế Tôn khi có chủ ý của Đức Phật sẽ tóa hào quang ra khỏi Kim thân Phật diệt trừ sự tối tăm mù mịt làm cho tất cả Chư thiên và Nhân loại nghe được tiếng vang động trong chừng này nơi chốn. Còn Trưởng lão **Gaṇakaputtatissa** đề cập rằng Tam thiên thế giới (**Tissahassīlokadhātu**) và Đại thiên thế gian

(**Mahāsahassīlokadhātu**) có số lượng như vậy, bởi vì số lượng này là cứ điểm của việc loan truyền đi bằng ngôn ngữ (nói quen miệng với nhau) là nguyên do đọc thuộc của các Giáo thọ Sư, nhưng nơi chốn gọi là Tam thiên thế giới và Đại thiên thế giới có số lượng một triệu **Koṭi** luân vi thế giới, cũng bằng từ có số lượng chừng này xem như Đức Thế Tôn thuyết đến lãnh vực gọi là Uy vực (**Anākhetta**) bởi vì trong khoảng giữa này thì từ **Āṇa** (Uy lực) của bài Kinh **Āṭānāṭiyaparitta, isigiliparitta, dhajaggaparitta, bojjaṅgaparitta, khandhaparitta, moraparitta, mettāparitta** và **Ratanaparitta** thường lan tỏa đi đến.

Cụm từ **Yāvataṃ pana ākaṅkheyya** nghĩa là Ngài muốn nơi chốn có số lượng bao nhiêu thì bằng từ này Đức Phật thuyết đến Phạm vi vực (**Visayakhetta**), bởi vì theo thông thường phạm vi vực của tất cả Chư Phật không có xác định số lượng. Trong điều mà Phạm vi vực của tất cả Chư Phật không có xác định số lượng thì các bậc Giáo thọ Sư tiền bối đem ví dụ dẫn chứng như sau:

Nếu có bất cứ ai lấy đồng hạt giống rau cải làm cho đầy một trăm ngàn **Koṭi** (10 ngàn tỷ) luân vi thế giới cho đến Phạm thiên giới, bỏ hạt giống rau cải xuống trong luân vi thế giới, mỗi một luân vi thế giới thì hạt giống theo đường phương hướng Đông, cho dù tất cả hạt giống rau cải đó hết trước, nhưng luân vi thế giới về phía hướng đông sẽ chưa chấm dứt. Ngay cả luân vi thế giới phía hướng Nam..., cũng với cách thức này giống như vậy. Trong phạm vi vực (**Visayakhetta**) gọi là Pháp mà không phải là lãnh vực của tất cả Chư Phật (Toàn Giác) thì không có. Khi Đức Thế Tôn thuyết như vậy thì Trưởng lão **Ānanda** rằng:

“Bậc Đạo Sư thuyết rằng: Nay **Ānanda**, Như Lai khi muốn thì làm cho Tam thiên thế giới và Đại thiên thế giới nghe được tiếng vang động theo như ý muốn,” thế gian này không ngang bằng nhau thì luân vi thế giới (**Cakkavāla**) không có tận cùng, mặt trời mọc lên ở một nơi, nghiêng về giữa (trưa) ở một nơi, lặn ở một nơi, canh đầu có trong một nơi, canh giữa có trong một nơi, canh cuối có trong một nơi khác. Ngay cả tất cả chúng sanh miệt mài trong công việc, quan tâm trong việc vui chơi, tìm kiếm vật thực v.v..., vì vậy tất cả chúng sanh thường phóng dật và dễ duôi, cho nên bậc Tối Thượng Đạo Sư sẽ làm cho tất cả chúng sanh đó nghe được tiếng vang động như thế nào. Trưởng lão **Ānanda** suy nghĩ như vậy trước khi bạch hỏi Đấng Như Lai để giải tỏa hoài nghi mới bạch lời..., rằng **Yathā kathaṃ pana** này.

Tuần tự sau đó, bậc Tối Thượng Đạo Sư trước khi giải đáp cho Trưởng lão **Ānanda** mới nói rằng **Idhānanda Tathāgato** này. Tất cả các từ đó thì Cụm từ **Obhāsena phareyya** nghĩa là tỏa hào quang từ Kim thân.

Vấn: **Obhāsa** khi lan tỏa đi thì làm bằng trường hợp như thế nào?

Đáp: Nơi nào có mặt trời hiện bày thì nơi đó Đức Phật làm cho mặt trời lặn bằng oai lực của Đức Phật, nhưng nơi nào mặt trời không hiện bày thì nơi đó Đức Phật sẽ làm cho mặt trời hiển lộ, nhìn thấy ở giữa (bầu trời), từ đó trong nơi nào mặt trời hiện bày thì trong nơi đó tất cả Nhân loại cũng khởi lên suy tư rằng: Mặt trời (vừa mới hiện bày không bao lâu thì mặt trời đó cũng sẽ lặn đi ngay bây giờ, điều này có lẽ là sự hóa hiện của

Long vương hoặc hóa hiện của Phi nhân (**Bhūta**), hóa hiện của Dạ xoa hoặc hóa hiện của một loại Chư thiên nào.

Nhưng trong nơi nào mặt trời không hiện bày thì trong nơi đó tất cả Nhân loại sẽ khởi lên suy tư rằng: Mặt trời vừa mới lặn đi ngay lúc này, rồi chỉ có một mặt trời này cũng trở lại mọc lên ngay bây giờ nữa. Đây nhắc lại là sự hóa hiện của Long vương, hóa hiện của Phi nhân, hóa hiện của Dạ xoa và hóa hiện của một loại Chư thiên nào đó hoặc như thế nào nhỉ? Từ đó tất cả nhóm Nhân loại đó suy tưởng đến Ánh sáng và Bóng tối, rồi cùng nhau tìm kiếm (nguyên nhân) với suy nghĩ rằng: “Như vậy có gì làm duyên nhỉ?” Bậc Đạo Sư nhập vào đề mục hoàn tịnh xanh (**Nilakasīṇa**) rải đi tối mịt.

Vấn: Vì sao?

Đáp: Bởi vì Ngài rải đi để cho tất cả chúng sanh miệt mài trong công việc..., khởi lên sự hốt hoảng. Tiếp theo đó, bậc Tối Thượng Đạo Sư biết rằng tất cả chúng sanh đó đã hốt hoảng. Ngài nhập định vào đề mục hoàn tịnh Ánh sáng (**Obhāsakaṣīṇa**), Ngài tủa hào quang màu trắng ra từ Kim thân Ngài hóa hiện làm cho mọi nơi (trong toàn bộ không gian) có ánh sáng chỉ là một bằng cách thuần nhất tủa hào quang giống như lúc mặt trăng và mặt trời cùng nhau mọc lên hàng ngàn cái và Ngài tủa ánh sáng đó ra theo bộ phận của Kim thân có số lượng bằng hạt mè. Nếu người nào hóa hiện khắp mặt đất trong cả luân vi thế giới cho trở thành ngọn đèn, hóa hiện nước trong đại dương cho trở thành dầu, hóa hiện núi Tu di cho trở thành tim đèn giống như đặt trên đỉnh quả núi Tu di khác thì người đó có thể làm cho chiếu sáng chỉ trong một luân vi thế giới mà thôi, không thể làm cho địa hình chiếu sáng cho dù chỉ một gang

tay ngoài ra đó thì làm cho chói sáng được. Còn Đấng Như Lai tủa ánh sáng nơi Kim thân có số lượng bằng hạt mè nên làm cho Tam thiên và Đại thiên thế giới hoặc hơn thế đó làm cho ánh sáng trở thành một thứ được, bởi vì Ân đức của Đức Phật có uy lực Vô lượng.

Cụm từ **Tam ālokaṃ sañjāneyyumaṃ** nghĩa là tất cả mọi người thấy được ánh sáng đó rồi suy nghĩ rằng: Mặt trời lặn rồi mọc lên, sự tối mịt cũng diệt đi do người nào? Giờ đây người này hóa hiện làm cho ánh sáng chói rực lên “Ồ! Thật kỳ diệu, bậc Siêu việt,” rồi đứng yên chấp tay. Từ **Saddamanussāveyya** tức là Đức Như Lai làm cho tất cả Chư thiên và Nhân loại quan tâm nghe Pháp; Thật vậy, người nào hóa hiện núi luân vi thế giới là một quả núi cho trở thành cái trống, hóa hiện địa đại cho trở thành da bọc cái trống, hóa hiện núi Tu di cho trở thành cây dùi đánh trống rồi đặt trên đỉnh của quả núi Tu di khác rồi đánh, người đó cho tất cả mọi người nghe được tiếng đó (chỉ được) riêng biệt trong một thế giới mà thôi không thể làm cho tiếng đó vượt quá phía trước dù chỉ một gang tay. Còn đấng Như Lai ngồi trên Bồ đoàn hoặc (trên) ghế Ngài làm cho Tam thiên và Đại thiên thế giới hoặc hơn thế đó được nghe tiếng vang động, đấng Như Lai có uy lực nhiều như vậy. Do đó, Đức Thế Tôn mới Thuyết chính Phạm vi vực (**Visayakhetta**) đó bằng số lượng chừng này theo trường hợp đã đề cập trên.

Do được nghe lời sư tử hống Phật (**Buddhasihanāda**) này thì Trưởng lão phát sanh Hỷ duyệt (**Pīti**) có sức mạnh (tăng) lên bên trong, Ngài trước khi thốt lên lời cảm thán (**Udāna**) bằng sức mạnh hỷ duyệt mới nói rằng **Lābhā vata me** (Lợi lạc thay cho ta nhĩ) này. Tất cả các từ đó thì Cụm từ **Yassa me sattā evaṃ mahiddhiko** nghĩa là được bậc Đạo Sư của ta

là Bậc có thần lực nhiều như vậy, bậc Đạo Sư của ta là Bậc có thần lực nhiều như vậy, thật lợi lạc thay lẫn điều tốt đẹp thay!

Một lý khác nữa: Trưởng lão **Ānanda** nói như vậy, ám chỉ đến điều mà ta được cơ hội cầm Bát và Y của bậc Đạo Sư chỉ ngần ấy rồi du hành (đi lại) cùng bậc Đạo Sư, (hay) có cơ hội xoa bóp chân, tay (hay) có cơ hội dâng nước rửa mặt và nước tắm (hay) có cơ hội quét khu vực hương cốc (**Gandhakuṭi**), (hay) có cơ hội bạch hỏi câu hỏi mà điều hoà nghi đã phát sanh (hay) được nghe Pháp vi diệu.

Tất cả việc này được xếp vào là Lợi lạc lẫn là điều tốt đẹp. Trong bài Kinh này Học viên nên hiểu sự việc Đức Thế Tôn là Bậc có nhiều thần lực, bởi vì Ngài có thần lực làm cho sự tối tăm được sáng chói, làm cho tất cả Chư thiên và Nhân loại nghe được tiếng vang động. (Và nên hiểu) Đức Thế Tôn có nhiều uy lực bởi các thần lực đó tủa ra liên tục.

Từ **Udāyī** tức Trưởng lão **Loḷudāyī**. Được nghe rằng Trưởng lão **Loḷudāyī** buộc oan trái với Trưởng lão (**Ānanda**) bởi ý định chủ tâm khi trước, vì vậy bấy giờ khi được cơ hội mới áp đảo Đức tin của Trưởng lão mới nói như vậy, giống như dập tắt ngọn đèn đang cháy sáng trong lúc kết thúc sự tử hống Phật này, giống như lấy cây đánh vào con bò đang bước đi và giống như úp mâm có đầy vật thực.

Cụm từ **Evam vutte Bhagavā** nghĩa là Trưởng lão **Udāyī** nói như vậy, Đức Thế Tôn trước khi ngăn chặn Trưởng lão **Udāyī** lìa khỏi lời nói đó, mới nói rằng **Mā hevaṃ udāyī** (chớ có nói như vậy này **Udāyī**), giống như đang nhắm đến lợi ích đang đứng tại một phía mới nói đi nói lại với người đang đứng run rẩy nơi cửa vực thẳm rằng: Hãy đi đến đường này, hãy đi

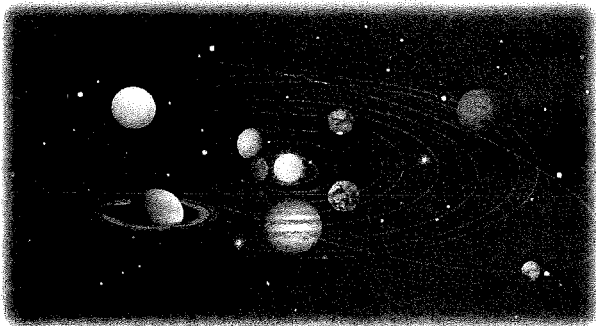
đến đường này... Từ Mahārajjam tức Vương sản của vua Chuyển Luân.

Vấn: bậc Đạo Sư làm cho Quả Phước trọng đại của Đức tin khởi hiện do thuyết Pháp cho một vị Thánh Văn không có xác định không phải chăng? Vì sao Đức Phật xác định quả phước của Đức tin? Với ngài Ānanda (khi) đề cập đến sự tử hống Phật (Buddhasīhanāda)?

Đáp: Bởi vì bậc Thánh Thánh Văn có tự thể giới hạn chỉ chừng này (7 kiếp), do đó bậc Dự Lưu cho dù có Trí tuệ chậm chạp cũng sẽ được tự thể trong tất cả Chư thiên và Nhân loại 7 lần (mà thôi), cho nên Đức Thế Tôn khi Ngài xác định Sanh hữu của Ngài Ānanda mới nói như vậy. Từ **Ditṭheva dhamme** nghĩa là đang duy trì trong tự thể này mà thôi. Từ **Parinibbāyissati** nghĩa là sẽ viên tịch Niết-bàn bằng viên tịch Niết-bàn (**Parinibbāna**) chẳng phải có duyên. Đức Thế Tôn dựa vào đỉnh (điểm) là Niết-bàn rồi Ngài kết thúc bài Kinh Sự Tử hống này (**SīhanādaSutta**).

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Abhibhū Sutta thứ 10

Kết Thúc Diễn Giải Phẩm Ānanda thứ 3.



IX. Phẩm Sa-môn

Chánh Kinh Bài Kinh Sa-môn

81. Sa-môn

1. - *Này các Tỷ-kheo, có ba hạnh Sa-môn cần phải làm này của Sa-môn. Thế nào là ba?*

Thọ trì tăng thượng giới học, thọ trì tăng thượng định học, thọ trì tăng thượng tuệ học. Đây là ba hạnh Sa-môn cần phải làm này của Sa-môn. Ở đây vậy, này các Tỷ-kheo, hãy học tập như sau: “Sắc bén sẽ là ước muốn chúng ta để thọ trì tăng thượng giới học. Sắc bén sẽ là ước muốn chúng ta để thọ trì tăng thượng định học. Sắc bén sẽ là ước muốn chúng ta để thọ trì tăng thượng tuệ học.” Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Sư cần phải học tập.

Diễn Giải Phẩm Sa-môn thứ IV

(SamaṇaVaggavaṇṇanā)

Sớ Giải Bài Kinh Sa-môn

(AtthakathāSamaṇaSutta)

Nên hiểu Diễn giải Bài Kinh Sa-môn thứ 81 của Phẩm thứ IV như sau:

Từ **Samaṇassa** tức của Sa-môn. Từ **Samaṇakaraṇīyāni** tức phận sự của Sa-môn phải thực hành. Trong từ **Adhisīlasikkhāsamādānaṃ...**, có giải thích như Việc thọ trì gọi là **Samādāna** việc thọ trì, chấp hành, tu tập tăng thượng Giới học (**Adhisīla sikkhā**) gọi là thực hành Tăng thượng Giới

học (**Adhisīlasikkhā samādāna**). Trong hai từ còn lại cũng có Lý này giống như vậy.

Tăng Thượng Giới (**Adhisīla**)

Tăng Thượng Tâm (**Adhicitta**)

Tăng Thượng Tuệ (**Adhipaññā**)

Lại nữa, trong nơi đây nên hiểu theo phân tích như sau: Giới, tăng thượng Giới, tâm, tăng thượng Tâm, tuệ, tăng thượng Tuệ, trong việc phân tích đó thì 5 giới gọi là Giới, 10 giới gọi là Tăng thượng Giới bởi vì so sánh với 5 giới, tứ Thanh tịnh Giới (**Catuparisuddhisīla**) là Tăng thượng Giới bởi vì so sánh với 10 giới. Lại nữa, tất cả giới Hiệp thế (**Lokiyasīla**) được xếp vào là Giới, giới Siêu thế (**Lokuttarasīla**) được xếp vào là Tăng thượng Giới, chính Tăng thượng Giới đó gọi là điều học (**Sikkhā**) bởi vì phải Học tập. Còn tâm Dục giới gọi là tâm, tâm Sắc giới gọi là Tăng thượng Tâm bởi vì so sánh với tâm Dục giới, tâm Vô sắc giới gọi là Tăng thượng Tâm bởi vì so sánh với tâm Sắc giới. Lại nữa, tất cả tâm Hiệp thế được xếp vào là tâm, tâm Siêu thế được xếp vào là Tăng thượng Tâm. Trong Tuệ cũng có Lý như vậy.

Từ **Tasmā** nghĩa là bởi vì phạm sự mà sa môn phải thực hành cả ba nhóm này. Từ **Tibbo** tức dày dặn, từ **Chando** nghĩa là hài lòng trong Thiện pháp tức trở thành người mong muốn thực hành. Tam học cả Hiệp thế và Siêu thế Đức Thế Tôn nêu lên Thuyết trong bài Kinh này với trường hợp như đã diễn giải trên.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Sa-môn thứ 1

Chánh Kinh Bài Kinh Con Lừa

82. Ví như, này các Tỷ-kheo, một con lừa đi theo sau lưng một đàn bò nghĩ rằng: “Ta cũng là con bò, ta cũng là con bò, nhưng nó không có màu sắc giống như con bò. Nó không có tiếng giống như con bò. Nó không có chân giống như con bò. Tuy vậy, nó vẫn đi theo đàn bò, nghĩ rằng: “Ta cũng là con bò, ta cũng là con bò.” Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây Tỷ-kheo đi theo sau lưng chúng Tỷ-kheo, nghĩ rằng: “Ta cũng là Tỷ-kheo, ta cũng là Tỷ-kheo.” Nhưng vị ấy không có ước muốn thọ trì tăng thượng giới học như các Tỷ-kheo khác. Vị ấy không có ước muốn thọ trì tăng thượng định học như các Tỷ-kheo khác. Vị ấy không có ước muốn thọ trì tăng thượng tuệ học như các Tỷ-kheo khác. Tuy vậy, vị ấy vẫn đi theo sau lưng chúng Tỷ-kheo, nghĩ rằng: “Ta cũng là Tỷ-kheo, ta cũng là Tỷ-kheo.”

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: “Sắc bén sẽ là ước muốn chúng ta để thọ trì tăng thượng giới học. Sắc bén sẽ là ước muốn chúng ta để thọ trì tăng thượng định học. Sắc bén sẽ là ước muốn chúng ta để thọ trì tăng thượng tuệ học.” Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Sư cần phải học tập.

Sớ Giải Bài Kinh Con Lừa

(AtthakathāGadrabhaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Con Lừa (tiếp bài) thứ 2 như sau: Cụm từ **Piṭṭhito piṭṭhito** tức phía sau nữa, từ **Ahampi amhā ahampi amhā** tức con bò đang kêu **Ahampi amhā** (như thế nào) thì (con lừa cũng kêu rằng) **Ahampi gāvī** (ngay cả ta cũng là con bò mẹ như thế đó). Cụm từ **Seyyathāpi gunnaṃ**

tức tất cả con bò mẹ như thế nào. Thật vậy, tất cả con bò có màu đỏ, có màu đen, có màu trắng v.v..., cũng có. Tuy nhiên con lừa không có màu như vậy và màu như thế nào tiếng kêu hay vết chân cũng như thế đó. Từ còn lại có ý nghĩa để hiểu dù là trong bài Kinh này Đức Thế Tôn cũng nêu lên Thuyết Tam Học lẫn lộn nhau.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Con Lừa thứ 2

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh sa môn thứ 81



Chánh Kinh Bài Kinh Nghề Nông

82. Nghề Nông

1. Có ba việc này, này các Tỷ-kheo, một nông phu gia chủ cần phải làm trước. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người nông phu gia chủ, trước hết khéo cày và khéo bừa. Khéo cày và khéo bừa xong, người ấy cho gieo hạt giống đúng thời. Cho gieo hạt giống đúng thời xong, người ấy cho nước chảy vô chảy ra đúng thời. Ba việc này, này các Tỷ-kheo, một nông phu gia chủ cần phải làm trước.

2. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có ba công việc này, một Tỷ-kheo cần phải làm trước. Thế nào là ba? Thọ trì tăng thượng giới học, thọ trì tăng thượng định học, thọ trì tăng thượng tuệ học. Ba công việc này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải làm trước. Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: “Sắc

bén sẽ là ước muốn của tôi thọ trì tăng thượng giới học. Sắc bén sẽ là ước muốn của tôi thọ trì tăng thượng định học. Sắc bén sẽ là ước muốn của tôi thọ trì tăng thượng tuệ học.” Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Sư cần phải học tập.

Sớ Giải Bài Kinh Nghề Nông (AtthakathāKhettaSutta)

Nên hiểu Luận Giải Bài Kinh Nghề Nông thứ 82 như sau:

Từ **Paṭikacce** tức trước hoàn toàn. Cụm từ **Sakaṭṭham karoti** nghĩa là người nông dân làm ruộng cho cày (đất) xốc lên bằng cày. Từ **Sumatikataṃ** tức (làm ruộng) cho đất đai được gần nắp bằng phẳng, từ **Kālena** tức tùy theo thời gian nên gieo. Tất cả từ còn lại đều dễ cả, trong bài Kinh này Đức Thế Tôn nêu lên Thuyết Tam Học lẫn lộn nhau.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Nghề Nông thứ 82



Chánh Bài Kinh Người Vajji

83 - Người Vajji.

1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn trú ở Vesāli, tại Đại Lâm, chỗ giảng đường có góc nhọn. Rồi một Tỷ-kheo người Vajji đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo người Vajji bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, hơn 150 học pháp này, nửa tháng một lần con phải tụng đọc, ở đây, con không có thể học nổi.

- Nay Tỷ-kheo, Sư có thể học ba học pháp không, tăng thượng giới học, tăng thượng định học, tăng thượng tuệ học?

- Bạch Thế Tôn, con có thể học ba học pháp, tăng thượng giới học, tăng thượng định học, tăng thượng tuệ học.

2. - Do vậy, nay Tỷ-kheo, Sư hãy học tập ba học pháp, tăng thượng giới học, tăng thượng định học, tăng thượng tuệ học. Nếu Sư học tập tăng thượng giới học, tăng thượng định học, tăng thượng tuệ học. Nay Tỷ-kheo, nhờ học tập ba học pháp này, tham sẽ đoạn tận, sân sẽ đoạn tận, si sẽ đoạn tận. Do đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si; điều bất thiện, Sư sẽ không làm; điều ác, Sư sẽ không theo điều ác.

3. - Tỷ-kheo ấy, sau một thời gian học tập tăng thượng giới, học tập tăng thượng định, học tập tăng thượng tuệ; do học tập tăng thượng giới, học tập tăng thượng định, học tập tăng thượng tuệ, tham được đoạn tận, sân được đoạn tận, si được đoạn tận. Vì ấy, do đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si; nên không làm điều bất thiện, không theo điều ác.

Sớ Giải Bài Kinh Người Vajjī

(AtthakathāVajjīputtaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Người Vajjī thứ 83 như sau: Từ **Vajjīputtako** tức con trai của Đức vua dòng **Vajjī**, từ **Diyaḍḍhasikkhāpadasatam** tức 150 điều học (**Sikkhāpada**). Từ **Vajjīputta** ám chỉ lấy điều học mà Ngài chế định trong Thời kỳ đó, mới nói đến từ này rằng **Diyaḍḍhasikkhāpadasatam**.

Được nghe rằng, Tỳ khuru đó đầy đủ Pháp trung thực (**Ājavaddhamma**) là người có tánh tình ngay thật không dối trá, vị ấy mới suy nghĩ rằng: Ta có thể gìn giữ số lượng chùng này điều học được hay chăng? rồi bạch cho Bạc Đạo Sư biết. Từ **Sakkomaḥam** phân từ ra thành **Sakkomi aḥam** (ta có thể) được nghe rằng:

Tỳ khuru đó tưởng rằng: “Khi ta học được số lượng điều học chùng này thì không bận tâm sẽ học Tam Học,” mới bạch như thế đó. Tuần tự sau đó, Đức Thế Tôn trước khi nêu lên hai Học pháp (**Sikkhā**) nữa theo tuần tự cao thêm lên với Tỳ khuru không thể học tập một Học pháp, mới Thuyết rằng: **Tasmā tvam Bhikkhu...**, so sánh giống như người buộc 100 bó cỏ đặt trên đầu của người không thể vác 50 bó cỏ lên được.

Thí Dụ: Được nghe rằng, trong vùng thôn quê **Rohana**, một người dân thôn quê tên **Uttara** ở trong Tịnh xá **Bherapāsāna**, đi đến các vị Tỳ khuru trẻ nói với Họ rằng: “Nhà bếp bị mưa dột xin các Sư hãy lột cỏ cho hoàn thiện đi,” rồi dẫn Họ đi vào rừng nơi **Uttara** đã gặt cỏ, các vị Tỳ khuru trẻ bó thành từng bó rồi nói rằng: “**Uttara**, ông có thể vác 50 bó cỏ đi được không?” **Uttara** nói rằng: “Dạ, không thể đi được đâu!” “Nhưng

(nếu) 80 bó cỏ người có thể đi được chăng?" "Dạ, không thể đi được đâu!" "100 bó cỏ (bó gom lại thành 1) người có thể đi được chăng? (nếu như vậy)." "Dạ, con vác đi được." Tất cả các vị Tỳ khuru trẻ mới buộc 100 bó cỏ gom lại với nhau đặt lên đầu của y. Ông Uttara đó đưa lên (đi một quãng) rồi thở dài và quãng bó cỏ xuống đặt gần nhà bếp. Tuần tự sau đó, tất cả Tỳ khuru nói rằng: "Mệt nhọc lìa khỏi Uttara chưa?" ông Uttara trả lời rằng: "Thưa các Vị, nhóm chư Tăng trẻ lừa tôi, (thật sự) tôi không thể vác 100 bó cỏ này đâu (nhưng) các vị bảo rằng: Ông hãy vác 50 bó," tất cả Tỳ khuru nói rằng: "Đúng rồi Uttara, nhóm chư Tăng trẻ lừa ông." Nên hiểu dẫn chứng này là như vậy. Trong bài Kinh này Đức Thế Tôn cũng nêu lên thuyết Tam Học lẫn lộn nhau.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Người Vajjī thứ 83



Chánh Kinh Bài Kinh Bạc Hữu Học

(thứ nhất)

84 - Hữu Học (1)

1. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo bạch Thế Tôn: - Hữu học, hữu học, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là hữu học?

- Học tập, này Tỷ-kheo, nên được gọi là hữu học, và học tập cái gì? Học tập tăng thượng giới, học tập tăng thượng định, học

tập tăng thượng tuệ. Vì ấy, này Tỷ-kheo, do vậy được gọi là vị hữu học.

Bậc hữu học, học tập

Đi theo con đường thẳng

Ở trong sự diệt tận

Trí thứ nhất khởi lên

Tiếp theo không gián đoạn

Chánh trí mới sanh khởi

Rồi chánh trí giải thoát

Trí như vậy khởi lên

Bất động ta giải thoát

Hữu kết sử đoạn tận.

Sớ Giải Bài Kinh Bạc Hữu Học (thứ nhất)

(AtthakathāpaṭhamaSekkhaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Bạc Hữu Học (thứ nhất) thứ 84 như sau:

Từ **Ujumaggānusārino** tức Thánh đạo gọi là Con Đường Ngay Thẳng mà bậc Hữu học thực chứng, nghĩa là tiến hành đi đến Đạo lộ Chánh trực. Cụm từ **Khayasmiṃ paṭhamam ñāṇam** tức là Đạo tuệ sanh lên trước. Thật vậy, Đạo gọi là Đoạn Diệt (**Khaya**) tất cả Phiền não. Trí tuệ tương ưng với Đạo gọi là Trí Đoạn Diệt (**Khayañāṇa**). Cụm từ **Tato Aññā anantarā** nghĩa là Tuệ liễu tri khởi hiện nối tiếp Đạo tuệ thứ 4, tức là A La

Hán quả sanh lên. Từ **Aññāvimuttassa** thoát khỏi bằng Giải thoát (**Vimutti**) tức A La Hán quả. Cụm từ **Nāṇam ve hoti** tức Phẫn khán trí (**Paccavekkhaṇāṇa**). Đức Thế Tôn thuyết 7 bậc Hữu học nêu lên trong Kinh và tất cả Kệ ngôn, nhưng Ngài thuyết bậc Lưu tận trong phần sau cùng.

Kết Thúc Bài Kinh Bậc Hữu Học (thứ nhất) thứ 84



Chánh Kinh Bài Kinh Bậc Hữu Học (thứ hai)

85 - Hữu Học (2)

1. - *Này các Tỷ-kheo, bản tụng đọc này gồm hơn 150 học giới cần phải đọc nửa tháng một lần, ở đây các người thiện nam tử muốn được lợi ích, học tập bản tụng ấy. Này các Tỷ-kheo, tất cả được thâm nhiếp hợp lại thành ba học giới này. Thế nào là ba? Tăng thượng giới học, tăng thượng định học, tăng thượng tuệ học. Chính ba học giới này, này các Tỷ-kheo, thâm nhiếp tất cả.*

2. *Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ Kheo đối với các giới luật, hành trì toàn phần, đối với định, hành trì một phần, đối với tuệ, hành trì một phần. Vị ấy có vi phạm học pháp nhỏ nhất nhỏ nhiệm nào, vị ấy được xem là thanh tịnh. Vì có sao? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố chúng làm cho vị ấy không có khả năng. Phạm có những học pháp nào là căn bản Phạm hạnh, tương xứng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Vị ấy, do đoạn tận ba kiết sử, là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc đạt đến Chánh giác.*

3. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ Kheo đối với các giới luật, hành trì toàn phần, đối với định, hành trì toàn phần, đối với tuệ, hành trì một phần. Vị ấy có vi phạm học pháp nhỏ nhất nhỏ nhiệm nào, vị ấy được xem là thanh tịnh. Vì có sao? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố chúng làm cho vị ấy không có khả năng. Phạm có những học pháp nào là căn bản Phạm hạnh, tương xứng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Vị ấy, do đoạn tận ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si là bậc Nhất lai, chỉ trở về thế giới này một lần, rồi đoạn tận khổ đau.

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ kheo đối với các giới luật, hành trì toàn phần, đối với định, hành trì toàn phần, đối với tuệ, hành trì một phần. Vị ấy có vi phạm học pháp nhỏ nhất nhỏ nhiệm nào, vị ấy được xem là thanh tịnh. Vì có sao? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố chúng làm cho vị ấy không có khả năng. Phạm có những học pháp nào là căn bản Phạm hạnh, tương xứng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Vị ấy, do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, tại đấy nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui đời này nữa.

5. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ kheo đối với các giới luật, hành trì toàn phần, đối với định, hành trì toàn phần, đối với tuệ, hành trì toàn phần. Vị ấy có vi phạm học pháp nhỏ nhất nhỏ nhiệm nào, vị ấy được xem là thanh tịnh. Vì có sao? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố chúng làm cho vị ấy không có khả năng. Phạm có những học pháp nào là căn bản Phạm hạnh, tương xứng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Vị ấy, do đoạn tận

các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, người hành trì có một phần, thành tựu được một phần; người hành trì toàn phần, thành tựu được toàn phần. Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, các học giới không phải là rỗng không.

Sớ Giải Bài Kinh Bạc Hữu Học (thứ hai)

(AtthakathādutiyaSekkhaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Bạc Hữu Học (thứ hai) thứ 85 như sau:

Từ **Attakāmā** tức là tất cả Thiện nam tử mong cầu lợi ích trợ giúp cho mình. Cụm từ **Yatthetaṃ sabbam samodhānaṃ gacchati** nghĩa là tất cả 150 điều học gom vào trong nhóm Học pháp (**Sikkhā**) nào. Cụm từ **Paripurikārī hoti** tức là Tỷ khuru là Vị thường xuyên thực hành cho đầy đủ. Từ **Mattasokarī** tức là Vị thường xuyên thực hành có chừng mực, nghĩa là không làm được tất cả. Từ **Khuddānukhuddakāni** tức điều học (**Sikkhāpada**) còn lại trừ 4 Bất cộng trụ.

Lại nữa, trong từ **Khuddānukhuddakāni** đó được giải thích là Tăng tàn (**Saṅghādisesa**) gọi là **Khuddaka sikkhāpada**, trọng tội (**Thullaccaya**) gọi là **Anukhuddakasikkhāpada**. Lại nữa Trọng tội gọi là **Khuddakasikkhāpada**, ung đối trị (**Pācittiya**) gọi là **Anukhuddakasikkhāpada**. Lại nữa, Ung đối trị gọi là **Khuddakasikkhāpada**, tác ác (**Pāṭidesanīyadukkata**) và ác ngữ (**Dubbhāsita**) gọi là **Anukhuddaka sikkhāpada**. Nhưng

Giáo thọ Sư sử dụng trong Tăng Chi Kinh (**Āṅuttaramāhānikāya**) này đề cập rằng: Tất cả điều học còn lại ngoại trừ 4 Bất cộng trụ gọi là **Khuddānukhuddakasikkhāpada**.

Bậc Lậu Tận Bị Phạm Tội

Trong cụm từ **Tāni āpajjatipi vuṭṭhātipi** này nghĩa là bậc Lậu tận không bị phạm tội do thể gian chê trách (**Lokavajja**), chỉ bị phạm tội do Chế định (**Paṇṇattivajja**) mà thôi, và khi bị thì phạm theo đường thân, theo đường ngữ, theo đường tâm cũng có. Tức là khi bị theo đường thân thì bị điều Học xây cốc liêu (**Kuṭṭikārasikkhāpada**) và điều Học ngủ chung một nhà (với phụ nữ) (**Sahaseyyasikkhāpada**)..., khi bị theo đường ngữ thì bị điều Học người đưa tin (**Sañcarittasikkhāpada**) và điều Học dạy Pháp cho người chưa Thọ cụ túc Giới (đọc từng câu) (**Padasaddhammasikkhāpada**), khi bị phạm theo đường tâm (do) nhận tiền tệ. Trong từ còn lại cũng có Lý này. Cụm từ **Na hi mettha Bhikkhave abhabbatā vuttā** nghĩa là này các Tỷ khuru, trong nơi đây Như Lai không nói rằng bậc Thánh không đáng trong việc bị và thoát khỏi tội chỉ bấy nhiêu đó. Từ **Ādibrahmaca riyakāni** nghĩa là 4 điều Học đại giới là phần đầu của Đạo Phạm Hạnh (**Maggabrahmacariya**). Từ **Brahmacariyasāruppāni** tức điều Học đại giới đó thích hợp vừa vặn với Đạo phạm hạnh thứ 4. Từ **Tattha** tức trong các điều Học đó.

Đặc Tánh Của Bậc Nhập Lưu

Từ **Dhuvāsīno** tức người hằng luôn có Giới, từ **Thiṭṭasīlo** tức người có Giới kiên cố. Từ **Sotāpanno** tức người

chứng đắc Đạo quả do nghe (**Sota**). Từ **Avinipātaḍḍhammo** tức có thực tánh không rơi vào trong 4 Khổ cảnh. Từ **Niyato** tức người vững chắc, được xác định bởi Ân đức Nhập Lưu đạo. Từ **Sambodhiparāyano** tức có Trí tuệ làm duyên Giác ngộ 3 Đạo cao diễn tiến trong tương lai.

Đặc Tánh Của Bậc Nhất Lai

Từ **Tanuttā** tức bởi vì giảm nhẹ tất cả Phiền não, nghĩa là tất cả phiền não như Tham ái..., của bậc Nhất Lai giảm nhẹ không có dày đặc, so sánh như tầng mây mỏng và so sánh giống như cánh con ruồi.

Đặc Tánh Của Bậc Bất Lai

Từ **Oraṃbhāgiyānaṃ** tức diễn tiến trong phần thấp. Từ **Samyojanānaṃ** tức Kiết sử (tất cả vật trói buộc). Từ **Parikkhayā** tức bởi vì chấm dứt. Cụm từ **Oppātiko hoti** tức là người sanh lên. Cụm từ **Tattha parinibbāyī** tức không sanh xuống cõi thấp sẽ viên tịch Niết-bàn trong cõi cao. Từ **Anāvattidhammo** tức không trở lại nữa theo thông thường bởi mãnh lực sanh loại và Sanh hữu.

Người Làm Được Một Phần;

Người Làm Được Trọn Vẹn

Trong cụm từ **Padesaṃ padesakārī...**, nghĩa là bậc Nhập Lưu, bậc Nhất Lai và bậc Bất Lai gọi là người thực hành thường xuyên được một phần, tức bậc Nhập Lưu, bậc Nhất Lai, bậc Bất Lai làm cho Tam Học được đầy đủ một phần, còn bậc A La Hán gọi là người thực hành thường xuyên, được trọn vẹn tức bậc A La Hán, làm cho Tam Học được trọn vẹn đầy đủ hoàn toàn.

Từ **Avañjhāni** tức không rỗng không, nghĩa là có Quả lợi lạc. Ngay cả trong bài Kinh này Đức Thế Tôn cũng nêu lên thuyết Tam Học lẫn lộn nhau.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Bạc Hữu Học

(thứ hai) thứ 85



Chánh Kinh Bài Kinh Bạc Hữu Học (thứ ba)

86 - Bản Tụng Đọc (1)

1. - *Này các Tỷ-kheo, bản tụng đọc này gồm hơn 150 học giới cần phải đọc nửa tháng một lần, ở đây các người thiện nam tử muốn được lợi ích, học tập bản tụng ấy. Này các Tỷ-kheo, tất cả được thâu nhiếp làm thành ba học giới này. Thế nào là ba? Tăng thượng giới học, tăng thượng định học, tăng thượng tuệ học. Chính ba học pháp này, này các Tỷ-kheo, thâu nhiếp tất cả.*

2. *Ở đây, này các Tỷ-kheo, có Tỷ kheo đối với các giới luật, hành trì toàn phần, đối với định, hành trì một phần, đối với tuệ, hành trì một phần. Vị ấy có vi phạm học pháp nhỏ nhất nhỏ nhiệm nào, vị ấy được xem là thanh tịnh. Vì có sao? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố chúng làm cho vị ấy không có khả năng. Phạm có những học giới nào là căn bản Phạm hạnh, tương xứng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Vị ấy, do đoạn tận ba kiết sử, là bậc tối đa phải sanh lại bảy lần. Sau khi sanh lại bảy lần, sau khi dong ruổi, luân chuyển tối đa bảy lần giữa chư Thiên và loài người, liền đoạn tận khổ đau. Vị ấy, do đoạn tận ba kiết*

sử, là bậc "Gia gia," dong ruỗi, lưu chuyển trong hai hay ba gia đình, rồi đoạn tận khổ đau. Vị ấy, do đoạn tận ba kiết sử, là bậc Nhất chủng, sau khi phải sanh hiện hữu làm người một lần, rồi đoạn tận khổ đau. Vị ấy do đoạn tận ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si là bậc Nhất lai, phải trở lui lại đời này chỉ một lần, rồi đoạn tận khổ đau.

3. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đối với các giới luật, hành trì toàn phần, đối với định, hành trì toàn phần, đối với tuệ, hành trì một phần. Vị ấy có vi phạm ... chấp nhận và học tập trong các học pháp. Vị ấy do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là bậc Thượng lưu, đạt được Sắc cứu kính thiên. Vị ấy, do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là bậc Hữu hành Bát-Niết-bàn. Vị ấy do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là bậc Vô hành Bát-Niết-bàn. Vị ấy do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là bậc Tôn hại Bát-Niết-Bàn. Vị ấy do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là bậc Trung gian Bát-Niết-bàn.

4. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đối với các giới luật, hành trì toàn phần, đối với định, hành trì toàn phần, đối với tuệ, hành trì toàn phần. Vị ấy có vi phạm ... chấp nhận và học tập trong các học pháp. Vị ấy do đoạn tận các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thẳng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, người hành trì có một phần, thành tựu được một phần; người hành trì toàn phần, thành tựu được toàn phần. Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, các học giới không phải là rỗng không.

Sớ Giải Bài Kinh Bậc Hữu Học (thứ ba)

(AtthakathātiyaSekkhaSutta)

Nên hiểu Luận giải Sớ Giải Bài Kinh Bậc Hữu Học (thứ ba) thứ 86 như sau:

Bậc Nhập Lưu: từ **Kolaṃkolo** tức là (bậc Nhập Lưu) đi từ dòng giống (này) đến dòng giống (kia). Trong từ dòng giống này Ngài ám chỉ lấy Kiếp, vì vậy cho dù từ 2 hoặc 3 dòng giống này nên hiểu ý nghĩa là 2 hoặc 3 kiếp. Thật vậy, bậc Nhập Lưu Luân chuyển 2 kiếp, 3 kiếp cũng có hoặc cao tột cùng 6 kiếp, vì vậy nên thấy luân phiên (quy luật) trong từ này rằng 2 kiếp, 3 kiếp, 4 kiếp, 5 kiếp, 6 kiếp cũng có.

Bậc Nhất Lai

Từ **Ekabījī** như ... phân tích rằng hạt giống 1 kiếp của bậc Thánh này đang có, cho nên bậc Thánh này mới gọi là Bậc có 1 lần hạt giống (**Ekabījī**).

Bậc Bất Lai

Trong từ **Uddhamsoto...**, nghĩa là bậc Bất Lai loại Thượng Lưu bang Bất Hườn (**Uddhamsotoaka niṭṭhagāmi**) là Bậc xuôi theo dòng nước bên trên và đi đến cội Sắc cứu cánh có 1, bậc Bất Lai loại Thượng Lưu bang Bất Hườn là Bậc xuôi theo dòng nước bên trên nhưng không đi đến cội Sắc cứu cánh có 1, bậc Bất Lai loại Phi Thượng Lưu bang Bất Hườn là Bậc không xuôi theo dòng nước bên trên nhưng đi đến cội Sắc cứu cánh có 1, bậc Bất Lai loại Phi Thượng Lưu bang Bất Hườn là Bậc không xuôi theo dòng nước bên trên và không đi đến cội Sắc cứu cánh có 1.

Tất cả nhóm Bất Lai đó thì bậc Bất Lai chứng đắc Bất Lai quả trong cõi này sanh lên trong cõi Tịnh cư như tầng Vô Phiền (**Avihā**)..., tồn tại trong tầng Vô phiền cho đến lúc chấm dứt tuổi thọ thì sanh lên cõi Tịnh cư, tầng cao nhất (Sắc cứu cánh), bậc Bất Lai này gọi là Thượng lưu bang bất hườn (**Uddhamsotaaka niṭṭhagāmi**).

Còn bậc Bất Lai nào sanh lên cõi Tịnh cư tầng Vô phiền..., nhưng không viên tịch Niết-bàn trong tầng Tịnh cư đó mà viên tịch Niết-bàn trong tầng Phạm thiên cao hơn chưa đến tầng Tịnh cư Sắc cứu cánh, bậc Bất Lai này gọi là Thượng lưu bang bất hườn, bậc Bất Lai nào chết từ cõi này rồi sanh vào tầng Tịnh cư Sắc cứu cánh (ngay lập tức), bậc Bất Lai này gọi là Phi thượng lưu bang bất hườn (**Nauddhamsota akanīṭṭhagāmi**).

Còn bậc Bất Lai nào sanh vào 1 trong cõi 4 Tịnh cư nào trong các tầng Tịnh cư như Vô phiền..., rồi viên tịch Niết-bàn trong tầng Tịnh cư đó, bậc Bất Lai này gọi là Phi thượng lưu bang bất hườn. Còn bậc Bất Lai sanh vào một tầng Phạm thiên giới nào đó rồi chứng đắc A La Hán quả bằng tâm hữu trợ (**Sasaṅkhāra**) và có sự nỗ lực (**Sappayoga**), bậc Bất Lai này gọi là Hữu hành bang bất hườn (**Sasaṅkhāraparinibbāyī**). Bậc Bất Lai chứng đắc A La Hán quả bằng tâm vô trợ (**Asaṅkhāra**) và không có sự nỗ lực (**Asappayoga**), bậc Bất Lai này gọi là Vô hành bang bất hườn (**Asaṅkhāraparinibbāyī**). Bậc Bất Lai sanh vào trong cõi Tịnh cư tầng Vô phiền có tuổi thọ 1000 đại kiếp, vượt qua được 100 đại kiếp đầu thì chứng đắc A La Hán quả, bậc Bất Lai này gọi là Trung bang bất hườn (**Upahaccaparinibbāyī**).

Trong cõi Tịnh cư tầng Vô Nhiệt..., cũng có Lý như vậy. Từ **Antarāparinibbāyī** (Sanh bang bất hườn) nghĩa là bậc Bất Lai nào mà tuổi thọ chưa đến nửa kiếp sống thì viên tịch Niết-bàn, bậc Bất Lai này có ba loại, tức thứ nhất bậc Bất Lai sanh vào trong cõi Tịnh cư tầng Vô phiền có tuổi thọ 1000 đại kiếp thì chứng đắc A La Hán quả chính trong ngày sanh lên đó, nếu như không chứng đắc được A La Hán quả trong ngày mà mình sanh lên nhưng được chứng đắc vào sau 100 đại kiếp đầu, bậc Bất Lai này gọi là Sanh bang bất hườn (**Antarāparinibbāyī**) loại thứ nhất. Một bậc Bất Lai nữa không thể chứng đắc A La Hán quả nhưng chứng đắc được vào sau cùng của 200 đại kiếp, bậc Bất Lai này gọi là Sanh bang bất hườn loại thứ hai. Một bậc Bất Lai nữa, cho dù vào sau cùng 200 đại kiếp cũng không thể chứng đắc A La Hán quả mà chứng đắc được vào sau cùng 400 đại kiếp, bậc Bất Lai này gọi là Sanh bang bất hườn loại thứ ba. Từ còn lại có ý nghĩa như đã đề cập.

24 bậc Nhập Lưu

Lại nữa, học viên nên giữ vững theo trường hợp này rồi đề cập bậc Nhập Lưu có 24 nhóm, bậc Nhất Lai có 12 nhóm, bậc Bất Lai có 48 nhóm và bậc A La Hán có 12 nhóm.

Giải Thích: Trong Giáo Pháp này có hai hạnh, tức là

- 1) Hạnh đức tin (**Saddhādhura**)
- 2) Hạnh trí tuệ (**Paññādhura**) như Hành nan đặc trị (**Dukkā patipadādandhābhiññā**)...

Trong hạnh Đức Tin với hạnh Trí Tuệ thì một vị Nhập Lưu chấp trì hạnh Đức tin cho đến khi chứng đắc Nhập Lưu quả rồi sanh vào 1 cõi và làm cho Khổ được tận diệt thì bậc Nhập Lưu

này được xếp vào loại có 1 lần hạt giống (Sanh trở lại một lần-**Ekabijī**). Bậc Nhập Lưu sanh trở lại 1 lần có 4 loại, do mãnh lực thực hành (**Paṭipadā**), bậc Dự Lưu sanh trở lại một lần do chấp trì hạnh Đức tin như thế nào thì Bậc chấp trì hạnh Trí tuệ cũng như vậy, tóm lại bậc Dự Lưu có 8 loại. Bậc Dự Lưu loại sanh trở lại 2, đến 6 kiếp (**Kolaṃkala**) và bậc Dự Lưu loại sanh trở lại (cõi Dục) tối đa 7 kiếp (**Sattakkhattuparama**) cũng như nhau, tức mỗi Bậc có 8 loại. Tổng cộng nhóm Nhập Lưu này có 24 loại.

Trong 3 sự Giải thoát (**Vimokkha**), bậc Nhất Lai chứng đắc theo lãnh vực của bậc Nhất Lai cũng có 4 do mãnh lực của 4 sự thực hành. Lại nữa, bậc Nhất Lai chứng đắc theo lãnh vực của bậc Nhất Lai bằng Vô Tướng Giải Thoát (**Animittavimokkha**) cũng có 4, bậc chứng đắc theo lãnh vực của bậc Nhất Lai bằng Phi Thuộc Lụy Giải Thoát (**Appaṇihitavimokkha**) cũng có 4, bậc chứng đắc theo lãnh vực của bậc Nhất Lai bằng Không Tánh Giải Thoát (**Suññattāvimokkha**) cũng có 4. Tổng cộng nhóm Nhất Lai này có 12 loại.

Còn trong cõi Phạm thiên Vô phiền (**Avihā**), bậc Bất Lai có 5 là: bậc Bất Lai loại Sanh Bang Bất Hườn (**Antarāparinibbāyī**) có 3, bậc Bất Lai loại Trung Bang Bất Hườn (**Upahaccaparinibbāyī**) có 1, bậc Bất Lai loại Thượng Lưu Bang Bất Hườn (**Uddhamsoṭoaka niṭṭhagāmi**) có 1, nhóm Bất Lai đó phân ra thành 10, tức bậc Bất Lai loại Vô Hành Bang Bất Hườn (**Asaṅkhāraparinibbāyī**) có 5, bậc Bất Lai loại Hữu Hành Bang Bất Hườn (**Sasaṅkhāra parinibbāyī**) có 5. Trong cõi Tịnh cư thì tầng Vô nhiệt (**Atappā**)..., có số lượng bằng nhau, nhưng trong cõi Tịnh cư tầng Sắc cứu cánh (**Akaniṭṭha**) loại Thượng Lưu Bang Bất Hườn không có. Do đó,

trong cõi Tịnh cư tầng Sắc cứu cánh mới có 8 bậc Bất Lai, tức bậc Bất Lai loại Hữu hành bang bất hườn có 4, bậc Bất Lai loại Vô hành bang bất hườn có 4, tổng cộng nhóm Bất Lai này có 48. Bậc A La Hán nên hiểu rằng có 12 giống như bậc Nhất Lai, trong Bài Kinh này Đức Phật cũng nêu lên Thuyết Tam Học lẫn lộn nhau.

Kết Thúc Số Giải Bài Kinh Hữu Học (thứ ba) thứ 86



Chánh Kinh Bài Kinh Bậc Hữu Học (thứ tư)

87. - Bản Tụng Đọc (2)

1. - *Này các Tỷ-kheo, bản tụng đọc này ... (như kinh trước, đoạn số 1) ... này các Tỷ-kheo, thâm nhiếp tất cả.*

2. *Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các giới luật, hành trì toàn phần, đối với định, hành trì toàn phần, đối với tuệ, hành trì toàn phần. Vị ấy có vi phạm ... chấp nhận và học tập trong các học pháp. Vị ấy do đoạn tận các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thẳng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.*

3. *Hoặc nếu chưa chứng đạt, nếu chưa thể nhập, sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là bậc Trung gian Bát-Niết-bàn. Hoặc nếu chưa chứng đạt, nếu chưa thể nhập, sau khi đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là bậc Tồn hại Bát-Niết-bàn ... là bậc Vô hành Bát-Niết-bàn ... là bậc Hữu hành Bát-Niết-bàn ... là bậc Thượng lưu, chứng đạt Sắc cứu kính thiên. Hoặc nếu chưa chứng đạt, nếu chưa thể nhập, sau khi đoạn tận ba kiết sử, sau khi làm*

cho muội lược tham, sân, si, là bậc Nhất lai, chỉ trở lui đời này một lần nữa, rồi đoạn tận khổ đau. Hoặc nếu chưa chứng đạt, nếu chưa thể nhập, sau khi đoạn tận ba kiết sử, là bậc Nhất chúng, sau khi phải sanh hiện hữu làm người một lần, rồi đoạn tận khổ đau. Hoặc nếu chưa chứng đạt, nếu chưa thể nhập, sau khi đoạn tận ba kiết sử, là bậc "Gia gia," sau khi dong ruổi, luân chuyển trong hai hay ba gia đình, rồi đoạn tận khổ đau. Hoặc nếu chưa chứng đạt, nếu chưa thể nhập, sau khi đoạn tận ba kiết sử, là bậc Tối đa phải sanh lại bảy lần, sau khi dong ruổi, luân chuyển tối đa bảy lần giữa chư Thiên và loài người, rồi đoạn tận khổ đau.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, người hành trì có một phần, thành tựu được một phần; người hành trì toàn phần, thành tựu được toàn phần. Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, các học giới không phải là rỗng không.

Sớ Giải Bài Kinh Bậc Hữu Học (thứ tư)

(AtthakathācatutthasekkhaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Bậc Hữu Học (thứ tư) thứ 87 như sau: Cụm từ **Tam vā pana anabhisam bhavaṃ appaṭivijjhaṃ** nghĩa là bậc Bất Lai chưa chứng đắc, chưa thấu triệt A La Hán quả. Học viên nên hiểu ý nghĩa trong mọi nơi của (cụm từ **Tam vā pana anabhisambhavaṃ appaṭivijjhaṃ**) theo Lý này. Trong bài Kinh này Đức Thế Tôn nêu lên Thuyết Tam Học hoàn toàn lẫn lộn nhau.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Bậc Hữu Học (thứ tư) thứ 87



Chánh Kinh Bài Kinh Tam Học Thứ Hai

89. - Học Pháp

1. - *Này các Tỷ-kheo, có ba học pháp này. Thế nào là ba? Tăng thượng giới học, tăng thượng định học, tăng thượng tuệ học.*

... (Hoàn toàn giống như kinh trước với tăng thượng giới học và tăng thượng định học, nhưng tăng thượng tuệ học có khác) ...

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tăng thượng tuệ học? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo do đoạn trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tăng thượng tuệ học. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba học pháp.

*Người tinh tấn, nghị lực
Kiên trì và Thiền tu
Sống hộ trì các căn
Hãy hành ba tăng thượng
Trước thế nào, sau vậy
Sau thế nào, trước vậy
Dưới thế nào, trên vậy
Trên thế nào, dưới vậy
Ngày thế nào, đêm vậy
Đêm thế nào, ngày vậy.
Hãy nhiếp phục mọi phương
Với vô lượng tâm định
Đây gọi hữu đạo học*

*Là thuần tịnh hạnh đức
Đây gọi là Chánh giác
Bậc trí đạt tối hậu
Với thức được đoạn diệt
Ái diệt, được giải thoát
Như đèn sáng tịch diệt
Tâm vị ấy giải thoát.*

Sớ Giải Bài Kinh (Tam) Học thứ hai

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh (Tam) Học (thứ hai) thứ 89 như sau:

Trong cụm từ **Āsavānaṃ khayā** này nghĩa là A La Hán đạo gọi là Tăng Thượng Tuệ Học (**Adhipaññāsikkhā**). Còn quả không nên nói rằng là học Pháp (**Sikkhā**), bởi vì sanh lên với người đã học tập (Tam) Học. Cụm từ **Yathā pure tathā pacchā** nghĩa là trong đoạn đầu Vị học tập Tam Học về sau cũng học tập loại đó giống như vậy, ngay cả trong từ thứ hai cũng có Lý như vậy. Cụm từ **Yathā adho tathā uddham** nghĩa là Vị quán xét thấy Thân phần thấp bằng năng lực của loại Bất mỹ (**Asubha**) nào thì Quán xét thấy Thân phần cao loại đó giống như vậy. Trong từ thứ hai cũng có Lý này giống như vậy.

Cụm từ **Yathā divā tathā rattim** nghĩa là trong lúc ban ngày Vị học tập Tam Học, ngay cả ban đêm cũng học tập loại đó giống như vậy. Cụm từ **Abhibhuyya disā sabbā** tức chi phối tất cả phương hướng, nghĩa là chi phối bằng mãnh lực cảnh. Từ **Appamāṇa samādhinā** tức bằng Định tương ưng với Đạo, từ **Sekkhamaṃ** nghĩa là người vẫn còn đang học tập, tức người vẫn còn đang có phận sự phải làm.

Từ **Paṭipadaṃ** tức người thực hành. Từ **Saṃsuddha cāriṇaṃ** tức người có hạnh (**Carana**) Thanh tịnh, nghĩa là người có Giới thanh tịnh. Từ **Sambuddhaṃ** tức Giác ngộ Tứ Đế; Cụm từ **Dhīraṃ paṭipadaṃtaguṃ** nghĩa là Tinh tường, tức người đầy đủ Tuệ ghi nhớ bằng mãnh lực của Tuệ ghi nhớ trong Uẩn, Giới và Xứ là người đạt đến tận cùng của phận sự thực hành.

Từ **Viññānassa** tức của Thức rốt ráo (**Carimaka viññāṇa**-Tâm sau cùng). Từ **Taṇhakkhayavimuttino** tức Vị hội đủ A La Hán quả giải thoát (**Arahattaphala vimutti**) nghĩa là Giải thoát do chấm dứt Ái dục. Cụm từ **Pajjotasseva nibbānaṃ** nghĩa là so sánh giống như sự dập tắt ngọn đèn. Cụm từ **Vimokkho hoti cetaso** nghĩa là thoát khỏi, tức Giải thoát thực tánh không tiếp diễn của tâm đang có.

Giải Thích: Sự giải thoát của tâm, so sánh giống như dập tắt ngọn đèn đang có đối với bậc Lưu Tận, giải thoát do chấm dứt Ái dục bởi vì Thức sau cùng diệt đi, nơi chốn mà bậc Lưu Tận không hiện bày. Ngài là Vị giác ngộ, trở thành người không còn Chế định được.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh (Tam) Học (thứ hai) thứ 89

Chánh Kinh Bài Kinh Pankadhā

90. Pankadhā

1. Một thời Thế Tôn đang du hành giữa dân chúng Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo, đi đến một thị trấn của dân chúng Kosala, tên là Pankadhā. Tại đấy, Thế Tôn trú ở Pankadhā.

Pankadhā là một thị trấn của dân chúng Kosala. Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo tên là Kassapogotta trú ở Pankadhā. Tại đây, Thế Tôn với một pháp thoại liên hệ đến học giới, giảng dạy cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Rồi Tỷ-kheo Kassapogotta, trong khi Thế Tôn với một pháp thoại liên hệ đến học pháp, giảng cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, lấy làm bất nhẫn, lấy làm bất mãn, nghĩ rằng: "Sa-môn này quá tấn măn tí mĩ!"

2. Thế Tôn, sau khi trú ở Pankadhā cho đến khi thỏa mãn, rồi ra đi, du hành hướng đến Rājagaha, tiếp tục du hành và đến tại Rājagaha. Tại đây, Thế Tôn trú ở Rājagaha, núi Gitjihakūta.

Rồi Tỷ-kheo Kassapogotta, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, cảm thấy hối hận, ăn năn, nghĩ rằng: "Thật không lợi ích cho ta, thật lợi ích không được tốt cho ta, thật không khéo lợi ích cho ta, khi Thế Tôn với pháp thoại liên hệ đến học pháp, giảng cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, ta lại lấy làm bất nhẫn, lấy làm bất mãn, nghĩ rằng: "Sa-môn này quá tấn măn, tí mĩ!" Vậy ta hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, trước mặt Thế Tôn, hãy tỏ lộ có phạm tội là có phạm tội."

3. Rồi Tôn giả Kassapogotta, sau khi dọn dẹp lại chỗ nằm, cầm y bát, rồi ra đi đến hướng Rājagaha, tiếp tục đi đến Rājagaha, núi Gijjhakūta, đến Thế Tôn, sau khi đến. Đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo Kassapogotta bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, một thời Thế Tôn trú ở Pankadhā, Pankadhā là một thị trấn các dân tộc Kosala. Tại đây, Thế Tôn với một pháp thoại liên hệ đến pháp học, giảng dạy cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Bạch Thế

Tôn, trong khi Thế Tôn, với một pháp thoại liên hệ đến pháp học, giảng dạy cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, con lấy làm bất nhẫn, con cảm thấy bất mãn, nghĩ rằng: “Vị Sa-môn này quá tăn măn tỉ mỉ.” Rồi Thế Tôn sau khi trú ở Pankadhà cho đến khi thỏa mãn, liền ra đi, du hành đến Ràjagaha. Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, con cảm thấy hối hận, ăn năn: “Thật không lợi ích cho ta, thật lợi ích không được tốt cho ta, thật không khéo lợi ích cho ta, khi Thế Tôn với pháp thoại liên hệ đến học pháp, giảng cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, lại lấy làm bất nhẫn, lấy làm bất mãn, nghĩ rằng: “Sa-môn này quá tăn măn, tỉ mỉ!” Vậy ta hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, trước mặt Thế Tôn, hãy tỏ lộ có phạm tội là có phạm tội!” Phạm tội đã chinh phục con, bạch Thế Tôn, ngu si như con, đần độn như con, bất thiện như con. Vì rằng trong khi Thế Tôn, với pháp thoại liên hệ đến pháp học, giảng dạy cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, con lấy làm bất nhẫn, con cảm thấy bất mãn, nghĩ rằng: “Vị Sa-môn này quá tăn măn tỉ mỉ.” Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận con có phạm tội là có phạm tội, để con ngăn chặn trong tương lai.

4. - Thật vậy, này Kassapogotta, phạm tội đã chinh phục Sư, ngu si đần độn như Sư, bất thiện như Sư! Vì rằng trong khi ta với pháp thoại liên hệ đến pháp học, giảng dạy cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, sư lại lấy làm bất nhẫn, lấy làm bất mãn, nghĩ rằng: “Vị Sa-môn này quá tăn măn tỉ mỉ.” Và này Kassapogotta, khi Sư thấy có phạm tội là có phạm tội, và như pháp phát lộ, thời Ta chấp nhận cho sư. Đây là sự tăng trưởng giới luật của bậc Thánh này, khi ai thấy có phạm tội là có phạm tội, và như pháp phát lộ, để ngăn chặn trong tương lai.

5. Nếu một trưởng lão Tỷ-kheo, này Kassapa, không ưa thích học tập, không tán thán chấp hành học tập, và đối với các Tỷ-kheo không ưa thích học tập, vị này không khích lệ họ học tập. Còn đối với các Tỷ-kheo ưa thích học tập, vị này không tán thán họ chơn thực và đúng thời. Tỷ-kheo trưởng lão như vậy, này Kassapa, Ta không có tán thán. Vì có sao? Vì các Tỷ-kheo khác có thể thân cận với trưởng lão ấy, nghĩ rằng: "Bậc Đạo sư tán thán vị ấy." Và những ai thân cận với vị ấy, họ có thể chấp nhận tri kiến của vị ấy. Và những ai chấp nhận tri kiến của vị ấy, sẽ đem lại bất hạnh, đau khổ lâu dài cho họ. Do vậy, này Kassapa, Ta không tán thán Tỷ-kheo trưởng lão ấy.

6. Nếu một trung niên Tỷ-kheo, này Kassapa..., nếu một tân học Tỷ-kheo, này Kassapa, không ưa thích học tập, không tán thán chấp hành học tập, và có các Tỷ-kheo không ưa thích học tập, vị này không khích lệ họ học tập. Còn đối với các Tỷ-kheo ưa thích học tập, vị này không tán thán họ chơn thực và đúng thời. Tỷ-kheo tân học như vậy, này Kassapa, Ta không có tán thán. Vì có sao? Vì các Tỷ-kheo khác có thể thân cận với Tỷ-kheo tân học ấy, nghĩ rằng: "Bậc Đạo sư tán thán vị ấy." Và những ai thân cận với vị ấy, họ có thể chấp nhận tri kiến của vị ấy. Và những ai chấp nhận tri kiến của vị ấy, sẽ đem lại bất hạnh, đau khổ lâu dài cho họ. Do vậy, này Kassapa, Ta không tán thán Tỷ-kheo tân học ấy.

7. Nếu một trưởng lão Tỷ-kheo, này Kassapa, ưa thích học tập, tán thán chấp hành học tập, và có các Tỷ-kheo không ưa thích học tập, vị này khích lệ họ học tập. Còn đối với các Tỷ-kheo ưa thích học tập, vị này tán thán họ chơn thực và đúng thời. Tỷ-kheo trưởng lão như vậy, này Kassapa; Ta tán thán. Vì có sao? Vì các Tỷ-kheo khác có thể thân cận với Tỷ-kheo trưởng lão ấy, nghĩ rằng: "Bậc Đạo sư tán thán vị ấy." Và những ai thân cận với vị

ấy, họ có thể chấp nhận tri kiến của vị ấy. Và những ai chấp nhận tri kiến của vị ấy, như vậy sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho họ. Do vậy, này Kassapa; Ta tán thán Tỷ-kheo trưởng lão ấy.

8. Nếu một Tỷ-kheo trung niên, này Kassapa, ... nếu một Tỷ-kheo tân học, này Kassapa, ưa thích học tập, tán thán chấp hành học tập, và có các Tỷ-kheo không ưa thích học tập, vị này khích lệ họ học tập. Còn đối với các Tỷ-kheo ưa thích học tập, vị này tán thán họ chơn thực và đúng thời. Tỷ-kheo tân học như vậy, này Kassapa. Ta tán thán. Vì có sao? Vì các Tỷ-kheo khác có thể thân cận với Tỷ-kheo tân học ấy, nghĩ rằng: “Bậc Đạo sư tán thán vị ấy.” Và những ai thân cận với vị ấy, họ có thể chấp nhận tri kiến của vị ấy. Và những ai chấp nhận tri kiến của vị ấy, sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho họ. Do vậy, này Kassapa, Ta tán thán Tỷ-kheo tân học ấy.

Sớ Giải Bài Kinh Paṃkadhā

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh **Paṃkadhā** thứ 90 như sau: Cụm từ **Paṃkadhā nāma kosalanam nigamo** nghĩa là thành thị trong nước **Kosala** có tên là **Paṃkadhā Āvāsiko** nghĩa là Sư Trụ trì, xây dựng, sư trụ trì sau mới lên bồi đắp, gìn giữ (những gì) sau Sư trụ trì cũ. Từ **Sikkhāpadapaṭisaṃyuttāya** tức thuộc về từ (Tam) học (**Sikkhā**) nghĩa là hội đủ Tam học. Từ **Sandasseti** tức Ngài làm cho tất cả thấy giống như đang đông đủ. Từ **Samādapeti** tức làm cho tất cả Tỳ khuru nắm giữ. Cụm từ **Samutte jeti** tức làm cho tất cả Tỳ khuru có thể đứng mãi. Từ **Sampahaṃseti** tức Thuyết tán thán làm cho tất cả Tỳ khuru thanh khiết bởi Ân đức mà mình đã được. Từ

Adhisallekhati tức là sa môn này luôn luôn trau giồi, nghĩa là sa môn này luôn thuyết Pháp vi tế làm cho vô cùng tinh xảo.

Từ **Accayo** tức sái quấy. Cụm từ **Maṃ accaggamā** tức xúc phạm ta, nghĩa là tiến hành áp chế ta. Cụm từ **Ahudeva akkhanti** tức là hoàn toàn không nhẫn nại được. Cụm từ **Ahu appaccaya** tức trạng thái không hài lòng. Từ **Patiggaṇhātu** tức là Đức Thế Tôn hãy xá tội. Cụm từ **Āyatim saṃvarāya** tức là để được lợi ích đối với sự phòng hộ trong tương lai, nghĩa là để không làm tội lỗi sái quấy, tức đừng phạm sái quấy ấy nữa. Từ **Taggha** là bất biến từ thuần nhất.

Cụm từ **Yathādhammaṃ paṭikarosi** tức là Pháp đang bảo tồn bằng trường hợp nào thì người cũng làm theo trường hợp đó để được xá tội. Cụm từ **Taṃ te mayaṃ paṭiggaṇhāma** nghĩa là chúng ta chịu nêu lên tội đó cho mọi người biết. Cụm từ **Vuddhi hesā kassapa ariyassa vinaye** nghĩa là: “Này **Kassapa**, đây gọi là sự tăng trưởng trong Giáo Pháp của Đức Thế Tôn.”

Vấn: Tăng trưởng như thế nào?

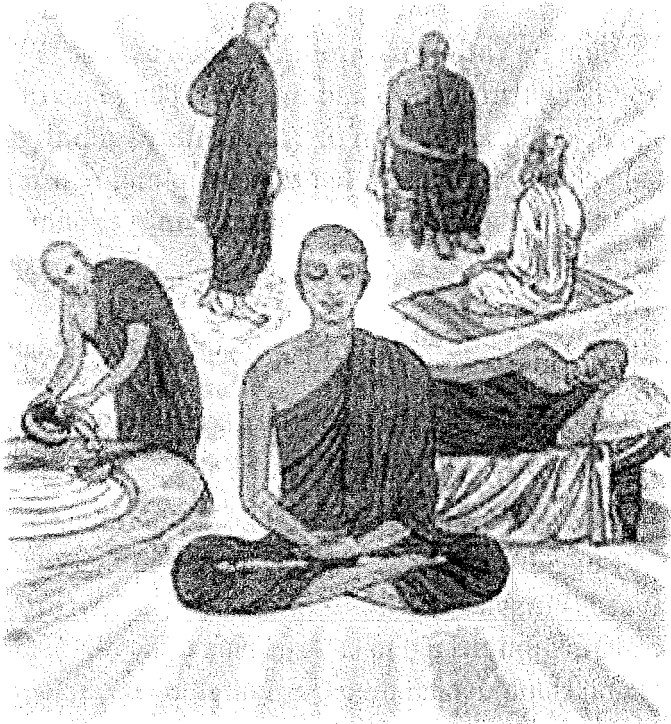
Đáp: Thấy tội lỗi là tội lỗi, thực hành chính đốn theo Pháp dẫn đến việc thu thúc tiếp theo.

Đức Thế Tôn trước khi Thuyết theo quan điểm Nhân sinh (**Puggalādiṭṭhāna**) mới Thuyết rằng **Yo accayam accayato disvā yathādhammaṃ paṭikoroti āyatim saṃvaram āpajjati** nghĩa là Người nào thấy tội lỗi là tội lỗi thì thực hành chính đốn lại theo Quy luật thường dẫn đến thu thúc tiếp tục. Cụm từ **Na sikkhākāmo** nghĩa là vị Tỳ khưu không mong muốn, không tầm cầu tức không làm cho tâm phần chấn

đối với Tam học. Từ **Sikkhāsamādānassa** tức của việc thực hành (Tam) Học cho đầy đủ. Cụm từ **Na vaṇṇavādī** tức không nói đến Ân đức, từ **Kālena** tức theo thời gian thích hợp. Những từ còn lại trong bài Kinh này có ý nghĩa dễ cả.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Paṃkadhā thứ 90

Kết Thúc Dẫn Giải Phẩm sa môn thứ IV



X. Phẩm Hạt Muối

Chánh Kinh Bài Kinh Cấp Thiết

91.- Cấp Thiết

1. - *Này các Tỷ-kheo, có ba việc cấp thiết này, người nông phu gia chủ cần phải làm. Thế nào là ba?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người nông phu gia chủ mau lẹ khéo cày thửa ruộng, khéo bừa thửa ruộng, sau khi mau lẹ khéo cày thửa ruộng, khéo bừa thửa ruộng, liền mau lẹ gieo hạt giống, sau khi mau lẹ gieo hạt giống, liền mau lẹ cho nước vô, cho nước ra. Này các Tỷ-kheo, đây là ba việc cấp thiết mà người nông phu gia chủ cần phải làm.

Người nông phu gia chủ ấy, này các Tỷ-kheo, không có thần lực hay không có uy lực (để ra lệnh): “Hôm nay lúa của ta được mọc lên, ngày mai chúng sẽ trở hạt, ngày kế tiếp chúng sẽ chín.”

Nhưng chính theo thời gian của người nông phu gia chủ, các cây lúa do sự hướng dẫn của thời tiết được mọc lên, được trở hạt và được chín.

2. *Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có ba công việc cấp thiết này Tỷ-kheo cần phải làm. Thế nào là ba?*

Chấp hành tăng thượng giới học, chấp hành tăng thượng định học, chấp hành tăng thượng tuệ học. Ba công việc cấp thiết này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải làm.

Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, không có thần lực hay không có uy lực (để ra lệnh): “Hôm nay, tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ, ngày mai cũng vậy, ngày kế tiếp cũng vậy.” Nhưng này các Tỷ-kheo, chính do thời gian Tỷ-kheo ấy sử dụng để học tập tăng thượng giới, để học tập tăng thượng tâm, để học tập tăng thượng tuệ, mà tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: “Sắc bén sẽ là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng giới học. Sắc bén sẽ là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng định học. Sắc bén sẽ là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng tuệ học.” Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Sư cần phải học tập.

Diễn Giải Phẩm Hạt Muối thứ 5

(SonaphalaVaggavaṇṇanā)

Sớ Giải Bài Kinh Cấp Thiết

(AtthakathāAccāyikaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Cấp Thiết thứ 91 như sau:

Từ **Accāyikāni** tức khẩn cấp, từ **Kāraṇiyyāni** tức là tâm cần phải làm thật sự, phận sự nào không cần phải làm thật sự thì Phận sự đó gọi là **Kicca** (Công việc riêng), phận sự cần phải làm thật sự gọi là **Karaṇīya** (Công việc bắt buộc). Từ **Sighasigham** tức bằng cách nhanh chóng, từ **Tam** trong Cụm từ **Tassa kho tam** này chỉ là bất biến từ. Cụm từ **Natthi sādiddhi vā ānubhāvovā** nghĩa là Thần thông hoặc Uy lực đó không có.

Từ **Uttaraseva** tức trong ngày thứ 3 (ngày kia). Từ **Utupariṇāmīni** tức tất cả giống thóc được thay đổi theo mùa. Từ **Jāyantipi** tức có chồi màu trắng mọc ra trong ngày thứ 3, khi vừa đủ 7 ngày chồi trở lại thành màu xanh. Cụm từ **Gabbhinīpi honti** tức đến lúc nửa tháng thì trở hạt. Từ **Paccantipi** tức đến thời gian 3 tháng thì chín. Bấy giờ, do nhân Chư Phật không muốn Nông phu gia chủ (hoặc vừa cấy mạ)... Ngài chỉ đem ví dụ đó đến để Ngài thuyết về Người hoặc ý nghĩa tương thích với Pháp thuyết đó trong Giáo Pháp, vì vậy trước khi Thuyết về ý nghĩa mà Đức Phật muốn Thuyết (để là nhân) đem ví dụ đó đến, mới Thuyết rằng **Evameva kho...**, bài Kinh đó khi nói về ý nghĩa đều để cả. Cũng từ (Tam) Học (**Sikkhā**) Đức Thế Tôn nêu lên Thuyết lẫn lộn trong bài Kinh này.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Cấp Thiết thứ 91



Chánh Kinh Bài Kinh Sống Viễn Ly

92 - Sống Viễn Ly

1- *Có ba hạnh viễn ly này được các du sĩ ngoại đạo trình bày. Thế nào là ba? Viễn ly y áo, viễn ly đồ ăn khát thực, viễn ly sàng tọa.*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về viễn ly y áo, mang vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác, mặc vải tấm liệm quăng đi, mặc vải lượm từ đồng rác, y thì dùng vỏ cây tiritaka làm áo, mặc da con sơn dương đen, mặc áo bện từng mảnh da con sơn dương đen, mặc áo từ cỏ kusa bện lại, mặc áo bằng vỏ cây, mặc áo bằng đuôi ngựa bện lại, mặc áo bằng

lông cú. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về viễn ly y áo.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về viễn ly đồ ăn khát thực: ăn rau, cây kê, gạo sống, gạo rùng, cây lau, bột gạo, bột gạo cháy, ăn bột vừng, ăn cỏ, ăn phân bò, ăn trái cây, ăn rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về viễn ly đồ ăn khát thực.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về viễn ly sàng tọa: sống trong rừng, tại một gốc cây, tại bãi tha ma, tại khóm rừng rậm, sống ngoài trời, trên một đồng rom, trong nhà bằng tranh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về viễn ly sàng tọa.

Này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về ba hạnh viễn ly này.

2. Này các Tỷ-kheo, có ba hạnh viễn ly này của vị Tỷ-kheo trong Pháp và luật. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo gìn giữ giới luật, từ bỏ ác giới, viễn ly ác giới, có chánh tri kiến, từ bỏ tà kiến, viễn ly tà kiến, đoạn tận các lậu hoặc, từ bỏ các lậu hoặc, viễn ly các lậu hoặc. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo gìn giữ giới luật, từ bỏ ác giới, viễn ly ác giới, có chánh tri kiến, từ bỏ tà kiến, viễn ly tà kiến, đoạn tận các lậu hoặc, từ bỏ các lậu hoặc, viễn ly các lậu hoặc, nên Tỷ-kheo này, này các Tỷ-kheo, được gọi là đạt được tối thượng, đạt được căn bản thanh tịnh, được an trú trên căn bản.

3. Ví như, này các Tỷ-kheo, ruộng lúa của người nông phu gia chủ đã chín, người nông phu gia chủ ấy mau mắn gặt lúa; sau

khi mau mẫn gặt lúa, phải mau mẫn chất lúa thành đống; sau khi mau mẫn chất lúa thành đống, phải mau mẫn chở lúa về; sau khi mau mẫn chở lúa về, phải mau mẫn đánh lúa thành đống; sau khi mau mẫn đánh lúa thành đống, phải mau mẫn đập lúa; sau khi mau mẫn đập lúa, phải mau mẫn giữ rom; sau khi mau mẫn giữ rom, phải mau mẫn lấy thóc ra; sau khi mau mẫn lấy thóc ra, phải mau mẫn quạt thóc; sau khi mau mẫn quạt thóc, phải mau mẫn chứa thóc; sau khi mau mẫn chứa thóc, phải mau mẫn xay thóc; sau khi mau mẫn xay thóc, phải mau mẫn sàng cám lấy gạo. Như vậy, này các Tỷ-kheo, với người nông phu gia chủ ấy, lúa gạo ấy đạt được tối thượng, đạt được căn bản thanh tịnh, đạt được an trú trên căn bản. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo gìn giữ giới luật, từ bỏ ác giới, viễn ly ác giới, có chánh tri kiến, từ bỏ tà kiến, viễn ly tà kiến, đoạn tận các lậu hoặc, từ bỏ các lậu hoặc, viễn ly các lậu hoặc, nên Tỷ-kheo này, này các Tỷ-kheo, được gọi là đạt được tối thượng, đạt được căn bản thanh tịnh, được an trú trên căn bản.

Sớ Giải Bài Kinh Sống Viễn Ly

(AthakathāVivittaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Sống Viễn Ly thứ 92 như sau:

Từ **Civarapavivekaṃ** tức là sự Viễn ly khỏi phiền não sanh khởi do nương vào Y, trong hai từ còn lại cũng có Lý như vậy. Từ **Sāṇāni** tức vải dệt bằng gai, từ **Masāṇani** tức là vải có sợi lẫn lộn nhau. Từ **Chavadussāni** tức là vải vứt bỏ từ thân xác của người chết, hoặc vải làm bằng cỏ tre để trải giường...

Từ **Pamsukūlāni** tức vải không có người vút bỏ trên đất, từ **Tirīṭakāni** tức vải bằng vỏ cây, từ **Ajinacammāni** tức da cạp vàng. Từ **Ajinakkhipam** tức da cạp vàng đó bị cắt ở giữa, một số Giáo thọ Sư nói rằng **Sahakhurakam** da cạp có móng dính lại. Từ **Kusacīram** tức Y đan lại bằng cỏ tranh, ngay cả vải bằng cỏ tre và vải vỏ cây cũng có Lý này. Từ **Ekasakambalam** tức vải **Kambala** làm bằng tóc người, từ **Vālakambalam** tức vải **Kambala** làm bằng lông đuôi ngựa... Từ **Ulūka pakkhikam** tức vải làm bằng cánh chim cú.

Từ **Sākabhakkhā** tức rau tươi làm thức ăn, từ **Sāmābhakkhā** tức có Kê làm thức ăn. Trong từ **Nivāra**..., là giống lúa tự mọc lên trong rừng gọi là Bo Bo (**Nivāra**), từ **Duddulam** tức là thịt dư thừa mà nhóm thợ đóng xe lạng ra rồi vút đi. Nhựa cây hay rong hay nhựa cây có thân cây (có hoa thơm, cánh trắng, lá dấp, đài màu da cam) ... gọi là **Haṭa**.

Từ **Kaṇam** tức cám gạo, từ **Ācāmo** tức cơm cháy dính trong nồi cơm mà các Tu sĩ ngoại đạo cất giữ cơm cháy đó trong nơi mà Họ bỏ lại để ăn. Một số Giáo thọ Sư nói là **Odanakañḍiyam** (cháo). Mè giã nát..., thì hiện bày rõ ràng rồi. Từ **Pavattaphalabhojī** tức thường xuyên dùng trái cây rụng, từ **Bhusāgāram** tức là bồn trấu.

Từ **Silavā** tức là đầy đủ Thanh Tịnh Giới, cụm từ **Dassilaṅcassapahīnam hoti** nghĩa là Ấc giới mà vị Tỳ khưu đó đã từ bỏ. Từ **Sammādiṭṭhiko** tức là Người có Chánh kiến (Thấy) theo Sự Thật, từ **Āsavā** tức 4 Lậu hoặc. Từ **Aggappatto** tức là đạt đến đỉnh của Giới, từ **Sārappatto** tức đạt đến lõi của Giới (**Silasāra**). Từ **Suddho** tức Thanh tịnh. Cụm từ **Sāre**

patiṭṭhito tức là vững chắc trong lõi Pháp (**Sāradhamma**) tức Giới-Định-Tuệ.

Từ **Seyyathāpi** bằng với **Yathānāma** (tên như thế nào). Từ **Sampannam** tức đầy đủ, tức đầy đủ gạo **Sālī** chín, từ **Samgharāpeyya** tức người nông dân phải khuân chuyển đi, từ **Ubbahāpeyya** tức phải đem đến sân đập lúa. Từ **Bhūsikam** tức trấu, từ **Kottāpeyya** tức là đổ vào trong cối rồi lấy chày giã. Từ **Aggappattāni** tức (tất cả giống thóc) đều trở thành gạo ngon, ngay cả trong từ **Sārappattāni...**, cũng có Lý này, các từ còn lại có ý nghĩa dễ cả. Từ nào được nêu lên Thuyết trong bài Kinh này rằng: Ác giới (**Dusīla**) được Tỳ khuru đó đoạn trừ và Tà kiến cũng được Tỳ khuru đó triệt tiêu, vì vậy từ đó nên hiểu rằng Đức Thế Tôn thuyết ám chỉ đến Ác giới và Tà kiến được vị Tỳ khuru đoạn trừ bằng Nhập Lưu đạo.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Sống Viễn Ly



Chánh Kinh Bài Kinh Mùa Thu

4. Ví như, này các Tỷ-kheo, vào mùa thu, khi bầu trời quang đãng, không có mây và mặt trời mọc lên giữa bầu trời, phá sạch hắc ám khắp cả hư không, và chói sáng, bình sáng, rực sáng; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với vị Thánh đệ tử; pháp nhãn Ly trần ly cấu khởi lên; và do tri kiến này khởi lên, này các Tỷ-kheo, ba kiết sử được đoạn tận, thân kiến, nghi, giới cấm thủ. Lại nữa, vị ấy được thoát khỏi hai pháp tham và sân. Vị ấy ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú sơ Thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Trong thời gian ấy, này các Tỷ-kheo, vị

Thánh đệ tử nếu có mạng chung, sẽ không có kiết sử nào, do kiết sử ấy, vị Thánh đệ tử phải đi đến thế giới này nữa.

Sớ Giải Bài Kinh Mùa Thu

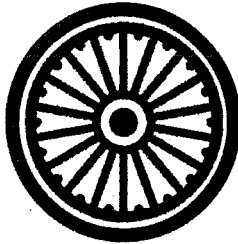
(AtthakathāSaradaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Mùa Thu thứ 3 như sau: Từ **Viddhe** tức quang đặng bởi vì không có mây, từ **Deve** tức bầu trời. Từ **Abhivhicca** tức xua tan, từ **Yato** tức trong lúc nào. Từ **Virajam** tức là không có bụi như bụi tham ái..., gọi là không có, bởi vì các loại cấu uế đó đã lìa khỏi. Từ **Dhammacakkhum** tức là Nhãn mà bậc Nhập Lưu đạo Liễu tri pháp Tứ Đế. Cụm từ **Natthi tam samyojanam** nghĩa là bậc Thánh Thinh Văn đó không có 2 loại Kiết sử (tham và sân).

Lại nữa, trong bài Kinh ngoài ra đây Ngài thuyết rằng không có bởi vì không thể sẽ dẫn đến thế gian này nữa. Thật vậy, trong bài Kinh này Đức Thế Tôn thuyết ám chỉ đến bậc Bất Lai.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Mùa Thu thứ 4

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Sống Viễn Ly thứ 92



Chánh Kinh Bài Kinh Hội Chúng

93.- Hội Chúng

1. - Có ba hội chúng này, này các Tỷ-kheo, Thế nào là ba? Hội chúng tối thượng, hội chúng không hòa hợp, hội chúng hòa hợp.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng tối thượng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, hội chúng nào có các Tỷ-kheo trưởng lão, không có sống đầy đủ, không có biếng nhác, từ bỏ dẫn đầu về đọa lạc, đi đầu về hạnh viễn ly, tinh cần tinh tấn, để chúng đạt những gì chưa chúng đạt, để chúng đắc những gì chưa chúng đắc, để chúng ngộ những gì chưa chúng ngộ. Và những thế hệ kế tiếp chúng tùy thuận theo tri kiến của chúng. Hội chúng ấy không có sống đầy đủ, không có biếng nhác, từ bỏ dẫn đầu về đọa lạc, đi đầu về hạnh viễn ly, tinh cần tinh tấn, để chúng những gì chưa chúng đạt, để chúng đắc những gì chưa chúng đắc, để chúng ngộ những gì chưa chúng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng tối thượng.

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng không hòa hợp? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào các Tỷ-kheo sống cạnh tranh, tranh luận, đấu tranh nhau, đả thương nhau bằng những binh khí miệng lưỡi. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng không hòa hợp.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng hòa hợp?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào các Tỷ-kheo sống hòa hợp hoan hỷ, không có luận tranh, sống như nước với sữa

lẫn lộn, nhìn nhau bằng cặp mắt ái kính. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng hòa hợp.

4. Lúc nào, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo sống hòa hợp, hoan hỷ, không có luận tranh, như nước và sữa lẫn lộn, nhìn nhau với cặp mắt ái kính, lúc ấy, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo tạo được công đức, lúc ấy, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo sống phạm trú. Nghĩa là, với ai hân hoan với tâm giải thoát liên hệ với hỷ, thời hỷ sanh; với ai có hỷ, thân được khinh an; với thân khinh an, cảm giác được lạc thọ; với ai cảm giác lạc thọ, tâm được định tĩnh.

5. Ví như, này các Tỷ-kheo, trên một ngọn núi có mưa rơi nặng hạt, nước mưa ấy chảy theo sườn dốc, làm đầy các hang núi, các khe núi, các thung lũng. Sau khi làm đầy các hang núi, các khe núi, các thung lũng, chúng làm đầy các hồ nhỏ. Sau khi làm đầy các hồ nhỏ, chúng làm đầy các hồ lớn. Sau khi làm đầy các hồ lớn, chúng làm đầy các sông nhỏ. Sau khi làm đầy các sông nhỏ, chúng làm đầy biển cả. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, lúc nào các Tỷ-kheo sống hòa hợp, hoan hỷ, không có luận tranh, như nước và sữa lẫn lộn, nhìn nhau với cặp mắt ái kính, lúc ấy, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo tạo được công đức, lúc ấy, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo sống phạm trú. Nghĩa là, với ai hân hoan với tâm giải thoát liên hệ với hỷ, thời hỷ sanh; với ai có hỷ, thân được khinh an; với ai có thân khinh an, cảm giác được lạc thọ; với ai cảm giác lạc thọ, tâm được định tĩnh.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba hội chúng.

Sớ Giải Bài Kinh Hội Chúng

(**AtthakathāParisāSutta**)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Hội Chúng thứ 93 như sau: Cụm từ **Bākullikā na honti** tức không là Người tham đắm tứ vật dụng. Cụm từ **Na sāthalikā** tức không làm cho Tam Học giảm sút. Cụm từ **Okkamane nikkhittadhurā** tức 5 triền cái gọi là 'roi vào' (**Okkamana**) do ý nghĩa làm cho suy tàn (Tỳ khuru là vị Trưởng lão) là người bỏ mặc phận sự đối với Triền cái, làm cho suy tàn các pháp đó. Cụm từ **Paviveke pubbaṅgamā** tức là dẫn đầu trong 3 loại Viển ly là: Thân viển ly (**Kāyaviveka**). Tâm viển ly (**Cittaviveka**) và Sanh y viển ly (**Upadhiviveka**). Cụm từ **Viriyaṃ ārabhanti** tức khởi đầu Tinh cần cả 2 loại. Từ **Appatassa** tức không chứng đắc Ân đức đặc biệt là Thiền định, minh quán, đạo và quả. Trong 2 từ còn lại cũng có Lý này. Cụm từ **Pacchimā janatā** tức hội chúng về sau như bạn đồng trú và đệ tử...

Cụm từ **Diṭṭhānugatim āpajjati** tức làm theo Thầy tế độ và Giáo thọ sư đã làm, hội chúng về sau này gọi là tiến hành đi theo điều mà hội chúng đó đã thấy của Thầy tế độ, giáo thọ sư. Cụm từ **Ayaṃ vuccati Bhikkhave aggavatī parisā** nghĩa là này các Tỳ khuru, hội chúng này gọi là Hội chúng chỉ có người tốt.

Từ **Bhaṇḍanajātā** tức khởi lên bất hòa với nhau, từ **Kalahajātā** tức khởi lên tranh cãi với nhau, về phần khởi đầu của việc tranh cãi với nhau gọi là sự Bất hòa trong bài Kinh này. Việc xúc phạm nhau do quyền uy (đến mức phải) bắt tay nhau..., gọi là tranh cãi với nhau. Từ **Vivādāpannā** tức cãi với nhau, từ **Mukhattihi** tức là lời nói thô tục gọi là binh khí miệng

lưỡi do ý nghĩa mĩa mai Ân đức (tất cả Tỳ khuru châm biếm lẫn nhau) bằng các loại binh khí miệng lưỡi đó. Cụm từ **Vitadamtā viharanti** tức đi châm biếm khắp lẫn nhau. Từ **Samaggātūc** đồng tâm với nhau, từ **Sammodamānā** tức có sự diễn tiến đồng cùng hân hoan. Từ **Khīrodakībhūtā** tức (vào với nhau được) giống như nước với sữa.

Từ **Piyacakkhūhi** tức bằng mắt hòa lẫn với từ tâm an ổn mát mẻ. Cụm từ **Pīti jāyati** tức 5 loại Hỷ duyệt sanh lên. Cụm từ **Kāyopassambhati** tức cả Danh thân và Sắc thân xem như không chộn rộn. Từ **Passaddha kāyo** tức có thân không lao chao. Cụm từ **Sukhamvedī yati** tức là cảm giác Lạc cả đường thân và đường tâm. Từ **Samādhiyati** nghĩa là tâm (của vị Tỳ khuru có sự an lạc) thường đang vững chắc trong cảnh. Từ **Thullaphu sitake** tức mưa hạt lớn. Trong từ **Pabbatakandarapa dasasākhā** này nên hiểu giải thích như sau: Gọi là **Kandara** tức (một) phần của núi đồi bị nước xói mòn, từ **Kaṃ** phá hủy mà nhân gian gọi là sườn núi (**Nitamba**) hay thung lũng sông nhỏ (**Nadīnikuñja**). Gọi là **Padara** tức địa hình nứt nẻ trong khi mưa không rơi khoảng nửa tháng. Gọi là **Sakhā** tức nhánh nhỏ đường lối để cho nước chảy đến đầm. Gọi là **Kulubbhā** tức đầm. Gọi là **Mahāsabbhā** tức hồ. Gọi là **Kannadī** tức con sông nhỏ. Gọi là **Mahānadī** tức con sông lớn như sông **Gaṅgā** và sông **Yamunā**...

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Hội Chúng thứ 93



Chánh Kinh Bài Kinh Con Ngựa Thuần Thục thứ nhất

94 - Con Ngựa Thuần Thục

1. - Đầy đủ với ba đức tánh, này các Tỷ-kheo, một con ngựa của vua, hiền thiện, thuần thục, xứng đáng để vua dùng, thuộc quyền sở hữu của vua, và được xem như một biểu tượng của vua. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, một con ngựa của vua hiền thiện, thuần thục, đầy đủ với sắc đẹp, đầy đủ với sức mạnh, đầy đủ với tốc lực. Đầy đủ với ba đức tánh này, này các Tỷ-kheo, một con ngựa của vua, hiền thiện, thuần thục, xứng đáng để vua dùng, thuộc quyền sở hữu của vua, và được xem như một biểu tượng của vua.

2. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đầy đủ với ba pháp, một Tỷ-kheo đáng được cung kính. Đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ sắc đẹp, đầy đủ sức mạnh, đầy đủ tốc lực.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ sắc đẹp? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo giữ gìn giới luật, sống hộ trì với sự hộ trì của giới bốn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đầy đủ sắc đẹp.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ sức mạnh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống tinh cần tinh cần, đoạn tận các pháp bất thiện, thành tựu đầy đủ các pháp thiện, nỗ lực kiên

trì, dũng mãnh, không từ bỏ trách nhiệm đối với các pháp thiện. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đầy đủ sức mạnh.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ tốc lực? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật rõ biết: “Đây là khổ,” như thật rõ biết: “Đây là khổ tập,” như thật rõ biết: “Đây là khổ diệt,” như thật rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.” Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đầy đủ tốc lực.

Đầy đủ với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, và ruộng phước vô thượng ở đời.

Sớ Giải Bài Kinh Con Ngựa

Thuần Thực thứ nhất

(AtthakathāPaṭhamaĀjānīyaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Con Ngựa Thuần Thực thứ nhất (thứ 94) như sau:

Từ **Ṇgehi** tức bằng tất cả chi phần đức tánh, từ **Rājāgaho** tức (con ngựa thuần thực) xứng đáng thích hợp đối với Đức vua. Từ **Rājabhaggo** tức là con ngựa đầu tiên của Đức vua. Cụm từ **Raṅṅo aṅgaṃ** tức được xem là biểu tượng của Đức vua, bởi vì có chân trước và chân sau..., cân đối vừa vặn. Từ **Vaṅṅasampanno** tức màu sắc của thân (ngựa) tròn vẹn, từ **Balasampanno** tức đầy đủ bởi sức mạnh (thân). Từ **Javasampanno** tức là hoàn hảo bởi sức lực nhanh nhẹn.

Từ **Āhuneyyo** tức là Người xứng đáng thọ nhận đồ ăn khát thực, nghĩa là thức ăn mà Họ đem đến cúng dường. Từ **Pāhuneyyo** tức là Người xứng đáng (nhận lãnh) vật thực mà Họ sắp đặt tiếp đãi khách.

Từ **Dakkhineyyo** tức là Người xứng đáng với sự cúng dường, nghĩa là đồ vật mà Họ cúng dường bằng Đức tin, bằng năng lực xả thí (10 loại vật thí). Từ **Añjalika raṇiyo** tức là Người xứng đáng đối với việc Lễ bái. Cụm từ **Anuttaram puññakkhetṭam lokassa** tức là nơi chốn sanh sôi nảy nở Phước của tất cả mọi người trên thế gian không có nơi nào so sánh ngang bằng được.

Từ **Vaṇṇasampanno** tức là đầy đủ màu sắc (trọn vẹn Ân đức). Từ **Phalasampanno** tức đầy đủ bởi sức mạnh Tinh cần. Từ **Javasampanno** tức là trọn vẹn (nhanh lẹ) bởi sức mạnh của Trí tuệ, từ **Thamvā** tức đầy đủ bởi sức mạnh của Trí tuệ. Từ **Dalhaparakkamo** tức có sự nỗ lực vững chắc. Từ **Anikkhittadhuro** tức không buông bỏ phạm sự, nghĩa là thực hành cùng với suy nghĩ rằng: “Ta không chứng đắc A La Hán quả là Quả cao tột thì sẽ không bỏ mặc phạm sự Tinh cần.” Trong bài Kinh này Nhập Lưu Đạo mà Đức Thế Tôn nêu lên Thuyết bằng mãnh lực Tứ Đế và trở thành Người hoàn hảo bởi sự nhanh lẹ của Trí tuệ, được nêu lên Thuyết bằng Nhập Lưu đạo.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh thứ 94



Chánh Kinh Bài Kinh Con Ngựa Thuần Thục thứ hai

95 - Con Ngựa Thuần Thục

1-4. ... (Hoàn toàn giống như kinh trên)

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ tốc lực? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh tại chỗ ấy nhập Bát-Niết-bàn, khỏi phải trở lui từ thế giới ấy, đến thế giới này. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là đầy đủ tốc lực.

Đầy đủ với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, và ruộng phước vô thượng ở đời.

Sớ Giải Bài Kinh Con Ngựa

Thuần Thục thứ hai

(AtthakathāDutiyaĀjānīyaSutta)

Trong bài Kinh thứ hai (thứ 95) thì 3 Đạo, 3 Quả được Đức Thế Tôn nêu lên Thuyết và là Người đầy đủ sự nhanh nhẹn của Trí tuệ. Đức Thế Tôn đã nêu lên Thuyết với 3 Đạo, 3 Quả.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh

Con Ngựa Thuần Thục (thứ hai) thứ 95



Chánh Kinh Bài Kinh Con Ngựa Thuần Thục thứ ba

96 - Con Ngựa Thuần Thục

1-4. ... (Hoàn toàn giống như kinh số 94, từ 1-4)

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ tốc lực? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ và chứng đạt an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đầy đủ tốc lực. Đầy đủ với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo xứng đáng được cung kính, xứng đáng được tôn trọng, xứng đáng được cúng dường, xứng đáng được chấp tay, và ruộng phước vô thượng ở đời.

Sớ Giải Bài Kinh Con Ngựa Thuần Thục thứ ba

(AtthakathāTatiyaĀjāniyaSutta)

Trong bài **Kinh Con Ngựa** thứ ba (thứ 96) thì A La Hán quả được Đức Thế Tôn nêu lên Thuyết, phận sự của Đạo (**Maggakicca**). Đức Thế Tôn nêu lên Thuyết bằng chính A La Hán quả đó. Còn quả không nên gọi là thấu triệt bởi vì sanh lên được do sự 'Thấu triệt' dẫn đến.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh thứ 96

Con Ngựa Thuần Thục thứ ba



Chánh Kinh Bài Kinh Vải Thô Bằng Vỏ Cây

97. Vải Thô Bằng Vỏ Cây

1. Nay các Tỷ-kheo, có tấm vải bằng vỏ cây hoàn toàn mới, sắc xấu, cảm xúc khó chịu, và không có giá trị. Nay các Tỷ-kheo, có tấm vải bằng vỏ cây bậc trung, sắc xấu, cảm xúc khó chịu, và không có giá trị. Nay các Tỷ-kheo, có tấm vải bằng vỏ cây cũ kỹ, để lau chùi nồi niêu, hay đáng được quăng trên đồng rác.

2. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo mới tu hành, ác giới, theo ác pháp, Ta nói rằng vị Tỷ-kheo ấy có sắc xấu. Nay các Tỷ-kheo, ví như tấm vải bằng vỏ cây sắc xấu ấy, nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người ấy là giống như ví dụ ấy.

Còn những ai theo vị ấy, thân cận, hầu hạ, chấp nhận, thuận theo trí kiến của vị ấy, họ bị bất hạnh, đau khổ lâu dài; đây, Ta nói rằng vị ấy có cảm xúc khó chịu. Nay các Tỷ-kheo, ví như tấm vải bằng vỏ cây có cảm xúc khó chịu ấy, nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người ấy là giống như ví dụ ấy.

Còn những ai, vị này nhận các vật dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, các dược phẩm trị bệnh, sẽ không có quả lớn, không có lợi ích lớn; đây, Ta nói rằng, không có giá trị. Nay các Tỷ-kheo, ví như tấm vải bằng vỏ cây không có giá trị ấy, nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người ấy là giống như ví dụ ấy.

3. Nay các Tỷ-kheo, nếu là trung niên Tỷ-kheo ... (như trên) ... nay các Tỷ-kheo, nếu là trưởng lão Tỷ-kheo, ác giới, theo ác pháp. Ta nói rằng vị ấy có sắc xấu. Nay các Tỷ-kheo, ví như tấm vải làm bằng vỏ cây có sắc xấu ấy, nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người ấy là giống như ví dụ ấy.

Còn từ những ai theo vị ấy, thân cận, hầu hạ, chấp nhận, thuận theo tri kiến của vị ấy, họ bị bất hạnh, đau khổ lâu dài; Ta nói rằng vị ấy có xúc chạm khó chịu. Nay các Tỷ-kheo, ví như tấm vải bằng vỏ cây có xúc chạm khó chịu ấy, nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người ấy là giống như ví dụ ấy.

Còn từ những ai, vị này nhận các vật dụng như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, các dược phẩm trị bệnh, họ sẽ không có quả lớn, không có lợi ích lớn; ở đây, Ta nói rằng, vị ấy không có giá trị. Nay các Tỷ-kheo, ví như tấm vải bằng vỏ cây không có giá trị ấy, nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người ấy là giống như ví dụ ấy.

4. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trưởng lão này nói lên ở giữa chúng Tăng, các Tỷ-kheo nói như sau: “Sao Sư nghĩ rằng Sư có thể tuyên bố, một người ngu si, không thông minh?” Vị ấy phẫn nộ, bất mãn, sẽ nói lên những lời này, chúng Tăng đuổi vị ấy ra khỏi, như người ta quăng bỏ tấm vải bằng vỏ cây ấy trên đồng rác.

98. Vải Ba-la-nại

1 - Nay các Tỷ-kheo, có tấm vải kāsī (Ba-la-nại), hoàn toàn mới, có sắc đẹp, cảm xúc dễ chịu, và có giá trị lớn. Nay các Tỷ-kheo, có tấm vải kāsī bậc trung, có sắc đẹp, cảm xúc dễ chịu, và có giá trị lớn. Nay các Tỷ-kheo, có tấm vải kāsī cũ, có sắc đẹp, cảm xúc dễ chịu, và có giá trị lớn. Và nay các Tỷ-kheo, có tấm vải kāsī cũ kỹ dùng để gói các châu báu, hay được đặt vào trong một hộp có hương thơm.

2. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo mới tu hành, giữ gìn giới luật theo thiện pháp, Ta nói rằng vị Tỷ-kheo ấy có sắc

đẹp. Nay các Tỷ-kheo, ví như tấm vải kāsī có sắc đẹp ấy, nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này là giống như ví dụ ấy.

Còn những ai theo vị ấy, thân cận, hầu hạ, chấp nhận, thuận theo trí kiến của vị ấy, họ được hạnh phúc, an lạc lâu dài; đấy, Ta nói rằng vị ấy có cảm xúc dễ chịu. Nay các Tỷ-kheo, ví như tấm vải kāsī có cảm xúc dễ chịu ấy, nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này là giống như ví dụ ấy.

Còn những ai, vị này nhận các vật dụng như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, các dược phẩm trị bệnh, họ sẽ có quả lớn, có lợi ích lớn; đây, Ta nói rằng, vị ấy có giá trị lớn. Nay các Tỷ-kheo, ví như tấm vải kāsī có giá trị ấy, nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này là giống như ví dụ ấy.

3. Còn nếu là trung niên Tỷ-kheo, ... nay các Tỷ-kheo, nếu là trưởng lão Tỷ-kheo, giữ gìn giới luật theo thiện pháp, đây ta tuyên bố là vị ấy có sắc đẹp. Nay các Tỷ-kheo, ví như tấm vải kāsī có sắc đẹp ấy, nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này là giống như ví dụ ấy.

Còn những ai theo vị ấy, thân cận, hầu hạ, chấp nhận, thuận theo trí kiến của vị ấy, họ được hạnh phúc, an lạc lâu dài; đấy, Ta nói rằng vị ấy có cảm xúc dễ chịu. Nay các Tỷ-kheo, ví như tấm vải kāsī có cảm xúc dễ chịu ấy, nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này là giống như ví dụ ấy.

Còn những ai, vị này nhận các vật dụng như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, các dược phẩm trị bệnh, họ sẽ có quả lớn, có lợi ích lớn; đây, Ta nói rằng, vị ấy có giá trị lớn. Nay các Tỷ-kheo, ví như tấm vải kāsī có giá trị ấy, nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này là giống như ví dụ ấy.

4. Như vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trưởng lão này nói lên ở giữa chúng Tăng. Các Tỷ-kheo ấy nói như sau: “Chư Tôn giả hãy im lặng, Tỷ-kheo trưởng lão đang nói pháp và luật, và lời nói của vị ấy trở thành châu báu cần phải cất giữ, như một người cất giữ tấm vải kàsi trong một hộp có hương thơm.” Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy học tập như sau: “Chúng ta sẽ được như ví dụ tấm vải kàsi, không giống như ví dụ tấm vải bằng vỏ cây.” Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Sư cần phải học tập.

Sớ Giải Bài Kinh Vải Thô Bằng Vỏ Cây (AtthakathāNavaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Vải Thô Bằng Vỏ Cây (thứ 8) như sau:

Vải mà nói rằng mới bởi vì nương vào việc mới dệt, vải được dệt từ sợi đay gọi là **Potathaka**. Vải gọi là trung bình tức vải hơi cũ do sử dụng rồi, vải gọi là cũ do sử dụng (lâu). Từ **Ukkhaliparimajjanam** tức vải lau chùi nồi cơm. Từ **Dussilo** tức không có Giới, từ **Dubbhāṇatāya** tức bởi vì là người có màu da thô nhám do không có màu đức hạnh. Cụm từ **Diṭṭhānugatiṃ āpajjanti** tức tất cả Tỷ khuru cùng nhau làm theo Tỷ khuru đó đã làm. Cụm từ **Na mahapphalam hoti** tức không có nhiều quả báu, bởi vì quả (**Phala**) thuộc Dị thực quả. Cụm từ **Mahānissam** tức không có nhiều quả Phước (**Ānisaṃsa**) bởi vì quả phước thuộc Dị thực quả (**Vipāka**). Từ **Appagghatāya** tức là bởi vì việc nhận lãnh đó có ít giá trị, bởi vì giá trị thuộc Dị thực quả. Cụm từ **Kasilaṃ vattham** tức vải dệt bằng cách quay sợi từ bông vải, loại vải đó xuất xứ riêng

biệt trong xứ **Kāsī**. Từ còn lại đều dễ cả. Còn Giới trong bài Kinh này Đức Thế Tôn thuyết lẫn lộn nhau.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Vải Thô Bằng Vỏ Cây thứ 97 và 98



Chánh Kinh Bài Kinh Hạt Muối

99. Hạt Muối

1. - Ai nói như sau, này các Tỷ-kheo: “Người này làm nghiệp như thế nào, như thế nào, người ấy cảm thọ như vậy, như vậy.” Nếu sự kiện là vậy, này các Tỷ-kheo, thời không có đời sống Phạm hạnh, không có cơ hội để nêu rõ đau khổ được chọn chánh đoạn diệt. Và này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: “Người này làm nghiệp được cảm thọ như thế nào, như thế nào, người ấy cảm thọ quả dị thực như vậy, như vậy.” Nếu sự kiện là vậy, này các Tỷ-kheo, thời có đời sống Phạm hạnh, có cơ hội để nêu rõ đau khổ được chọn chánh đoạn diệt.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tự, và nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được (trong đời sau), nói gì là nhiều.

2. Hạng người như thế nào, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, hạn hẹp, tự ngã nhỏ nhen,

sống chịu khổ ít oi. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục.

Hạng người như thế nào, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tự, và nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được (trong đời sau), nói gì là nhiều?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người thân được tu tập, giới được tu tập, tâm được tu tập, tuệ được tu tập, không có hạn hẹp, tự ngã to lớn, sống đời vô lượng. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tự, và nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được (trong đời sau), nói gì là nhiều.

3. Ví như, này các Tỷ-kheo, có người bỏ một nắm muối vào trong một chén nước nhỏ. Các Sư nghĩ như thế nào, này các Tỷ-kheo, nước trong chén ấy có vì nắm muối trở thành mặn và không uống được phải không?

- Thưa đúng vậy, bạch Thế Tôn. Vì có sao? Nước trong chén nhỏ này là ít, do nắm muối này, nước trở thành mặn, không uống được.

- Ví như, này các Tỷ-kheo, có người bỏ một nắm muối vào sông Hằng. Các Sư nghĩ như thế nào, này các Tỷ-kheo, sông Hằng có vì nắm muối trở thành mặn và không uống được phải không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn. Vì có sao? Lớn là cả khối nước sông Hằng. Khối nước ấy không vì nắm muối này, nước trở thành mặn và không uống được.

- Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, có người làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục. Ở đây, này

các Tỷ kheo, có người làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tự, và nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được (trong đời sau), nói gì là nhiều.

4. Hạng người như thế nào, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục? Ở đây, này các Tỷ-kheo có người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, hạn hẹp, tự ngã nhỏ nhen, sống chịu khổ ít oi. Hạng người như vậy, này các Tỷ-kheo, làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục. Hạng người như thế nào, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tự, và nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được (trong đời sau), nói gì là nhiều. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người thân được tu tập, giới được tu tập, tâm được tu tập, tuệ được tu tập, hạn hẹp, tự ngã to lớn, sống đời vô lượng. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tự, và nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được, nói gì là nhiều.

5. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người bị tù tội vì nửa đồng tiền, bị tù tội vì một đồng tiền, bị tù tội vì một trăm đồng tiền. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không bị tù tội vì nửa đồng tiền, không bị tù tội vì một đồng tiền, không bị tù tội vì một trăm đồng tiền.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, bị tù tội vì nửa đồng tiền, bị tù tội vì một đồng tiền, bị tù tội vì một trăm đồng tiền? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người nghèo khổ, ít sở hữu, ít tài sản. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, bị tù tội vì nửa đồng tiền, bị tù tội vì một đồng tiền, bị tù tội vì một trăm đồng tiền.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, không bị tù tội vì nửa đồng tiền, không bị tù tội vì một đồng tiền, không bị tù tội vì một trăm đồng tiền? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người giàu có, có tiền của lớn, có tài sản lớn. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, không bị tù tội vì nửa đồng tiền, không bị tù tội vì một đồng tiền, không bị tù tội vì một trăm đồng tiền.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có người làm nghiệp ác nhỏ mọn, nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tự, nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được, còn nói gì là nhiều.

6. Hạng người như thế nào, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn, nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, hạn hẹp, tự ngã nhỏ nhen, sống chịu khổ ít oi. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, làm nghiệp ác nhỏ mọn, nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục.

Hạng người như thế nào, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tự, nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được, còn nói gì là nhiều? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người thân được tu tập, giới được tu tập, tâm được tu tập, tuệ được tu tập, không có hạn hẹp, tự ngã to lớn, sống đời vô lượng. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tự, nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được, còn nói gì là nhiều.

7. Ví dụ một người đồ tể hay người giết dê, này các Tỷ-kheo, đối với một số người đánh cắp dê, có thể giết hay trói, hay tịch

thu tài sản, hay làm như ý muốn. Đối với một số người cũng đánh cắp dê, không có thể giết, không có thể trói, không có thể tịch thu tài sản, hay không có thể làm như ý muốn.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, người đồ tể hay người giết dê, đối với một số người đánh cắp dê, có thể giết, có thể trói, có thể tịch thu tài sản, hay có thể làm như ý người ấy muốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người nghèo khổ, ít sở hữu tài sản. Kẻ đồ tể hay người giết dê, đối với kẻ đánh cắp dê như vậy có thể giết, hay trói, hay có thể tịch thu tài sản, hay có thể làm như ý người ấy muốn.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, người đồ tể hay người giết dê, đối với kẻ đánh cắp dê như vậy không có thể giết, không có thể trói, không có thể tịch thu tài sản, hay không có thể làm như ý muốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người giàu có, có sở hữu lớn, có tài sản lớn, hay nhà vua, hay đại thần của nhà vua. Người đồ tể hay người giết dê, đối với kẻ đánh cắp dê như vậy không có thể giết, không có thể trói, không có thể tịch thu tài sản, hay không có thể làm như ý người ấy muốn. Không có gì phải làm khác hơn là chấp tay và cầu xin như sau: "Thưa ngài, hãy cho con lại con dê hay giá tiền con dê."

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, đối với một số người có làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với một số người làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tự, và nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được, còn nói gì là nhiều.

8. Hạng người như thế nào, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người có người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, hạn hẹp, tự ngã nhỏ nhen, sống chịu khổ ít oi. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục.

Hạng người như thế nào, này các Tỷ-kheo, có người làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tự, nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được, còn nói gì là nhiều? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người thân được tu tập, giới được tu tập, tâm được tu tập, tuệ được tu tập, không có hạn hẹp, tự ngã to lớn, sống đời vô lượng. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tự, nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được, còn nói gì là nhiều.

Ai nói như sau, này các Tỷ-kheo: “Người này làm nghiệp như thế nào, như thế nào, người ấy sẽ cảm thọ (quả) như vậy, như vậy.” Nếu sự kiện là vậy, này các Tỷ-kheo, thời không có đời sống Phạm hạnh, không có cơ hội để nêu rõ đau khổ được chơn chánh đoạn diệt. Và này các Tỷ-kheo, có ai nói như sau: “Người này làm nghiệp được cảm thọ như thế nào, như thế nào, người ấy sẽ cảm thọ quả dị thực như vậy, như vậy.” Nếu sự kiện là vậy, này các Tỷ-kheo, thời có đời sống Phạm hạnh, có cơ hội để nêu rõ đau khổ được chơn chánh đoạn diệt.

Sớ Giải Bài Kinh Hạt Muối

(AtthakathāLoṇakaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Hạt Muối thứ 99 như sau: Cụm từ **Yathā yathāyaṃ** phân từ ra thành **Yathā yathā** **ayaṃ**. Cụm từ **Tathā tathā taṃ** tức **Tathā tathā taṃ kammaṃ** có lời Giải thích như sau: Người nào nói rằng người tạo nghiệp bằng bất cứ trường hợp nào thì sẽ hưởng quả (Dị thực quả) của nghiệp với trường hợp đó, bởi vì bất cứ ai cũng không thể không hưởng quả của nghiệp mà mình đã tạo, vì vậy người tạo Nghiệp ngàn nào thì sẽ hưởng Quả của nghiệp ngàn đó.

Cụm từ **Evam santam** tức **Evam sante** nghĩa là khi là như vậy. Cụm từ **Brahmacariyavāso na hoti** nghĩa là Sanh báo nghiệp (**Uppajjavedaniyakamma**) nào mà (mình) tạo khi trước do nghiệp đạo làm cho sanh lên, do Sanh báo nghiệp mà ta phải thọ lãnh là chắc thật cho dù Phạm Hạnh đã chấm dứt cũng không xem như vẫn còn. Cụm từ **Okāso na paññāyati sammā dukkhassa antakiriya** nghĩa là bởi vì khi là như vậy thì việc tích lũy nghiệp và việc hưởng quả của nghiệp vẫn đang còn cho nên cơ hội của hành động sau cùng của khổ Luân hồi theo phương cách gọi là không hiện rõ. Cụm từ **Yathā yathā vedaniyaṃ** nghĩa là mình phải nhận lãnh theo bất cứ trường hợp nào. Cụm từ **Tathā tathāssa vipākaṃ paṭisaṃvediyati** nghĩa là hưởng Quả của Nghiệp theo trường hợp đó.

Giải Thích: Trong 7 tâm đồng lực thì Nghiệp trong tâm đồng lực thứ 1 nào khi có duyên thì sẽ được cơ hội cho Quả tức thì, nghiệp đó xếp vào là Hiện báo nghiệp (**Diṭṭhadhammavedaniyakamma**), khi không có duyên thì sẽ gọi là Vô hiệu nghiệp (**Ahosikamma**). Còn nghiệp trong tâm

đồng lực thứ 7 nào, nghiệp đó khi có duyên thì sẽ là Sanh báo nghiệp, khi không có duyên thì sẽ gọi là Vô hiệu nghiệp và Nghiệp trong 5 tâm đồng lực giữa nào, nghiệp đó gọi là Hậu báo nghiệp (**Aparāpariyavedaniyakamma**) cho đến còn luân chuyển trong vòng Luân hồi thì người tạo nghiệp đó sẽ phải nhận lãnh bằng bất cứ trường hợp nào, trong tất cả trường hợp này thì sẽ nhận lãnh Quả dị thực của Nghiệp theo trường hợp đó.

Thật vậy Ngài nêu lên đề cập trong Sớ giải rằng Nghiệp được cơ hội cho Quả mà thôi, gọi là Tùy theo nghiệp báo (**Yathāvedaniyakamma**). Cụm từ **Evam santam Bhikkhave Brahmacariyavāso hoti** nghĩa là việc sống Phạm hạnh tạo nghiệp làm cho diệt mất đi, bởi vì nghiệp phải làm cho chấm dứt đi vẫn đang còn xem như đã đề cập hoàn chỉnh rồi. Cụm từ **Okāsa paññāyati sammā dukkhassa antakiriya** nghĩa là khi là như vậy thì sẽ không sanh khởi khổ Luân hồi tiếp tục trong Kiếp đó, bởi vì Thức tối vi hành (**Abhi saṅkhāra**) diệt đi cùng với Đạo đó cho nên cơ hội của việc làm sau cùng của Khổ được hoàn tất mới hiển lộ.

- Tùy Theo Nghiệp Báo (**Yathāvedaniyakamma**)

Bấy giờ trước khi Ngài thuyết về tánh chất Tùy theo nghiệp báo, Đức Thế Tôn mới Thuyết rằng: **Idha Bhikkhave ekaccassa...**, tất cả nhóm từ đó thì Từ **Appamattakam** tức Nghiệp hy thiếu (**Parittakamma**) tức nghiệp chút ít, nghiệp đơn sơ, nghiệp nhỏ nhoi, nghiệp hữu bại. Từ **Diṭṭhadhammavedaniyam** tức là chính nghiệp đó là nghiệp sẽ phải cho quả, khi được cơ hội sẽ cho quả trong hiện tại cũng sẽ trở thành Hiện báo nghiệp

(Dīṭṭhadhammavedaniyakamma). Cụm từ **Nāṇupi khāyati** nghĩa là (nghiệp chút ít) đó không hiện bày mặc dù chỉ chút ít trong tự thể thứ hai, nghĩa là không cho quả thậm chí chỉ chút ít trong tự thể thứ hai. Từ **Bahudeva** tức còn phần nhiều nghiệp sẽ cho quả được như thế nào? Phạm nhân ngoài ra việc Tu tiến (**Bhāvanā**) (Tu tiến Niệm xứ) trong thân thường xuyên là người đi đến Luân hồi; Đức Thế Tôn thuyết bằng từ **Abhāvitakāyo...** Từ **Paritto** tức Ân đức nhỏ nhoi. Từ **Appātumo** tức tự thể **Ātuma** là Phạm nhân có tự thể nhỏ nhoi thật sự bởi vì cho dù tự thể đó lớn nhưng cũng chỉ có Ân đức nhỏ nhoi. Từ **Appadukkhavihārī** tức thường xuyên có Khổ do quả dị thực nhỏ nhoi. Bạc Lậu Tận Đức Thế Tôn thuyết bằng từ **Bhāvitakāyo...**

Giải thích: Lậu tận tu tập gọi là có thân tu tập bằng việc Tu tiến Thân tùy quán **Kāyānupassā** hoặc gọi là có thân tu tập do Tu tiến thân Tùy quán. Từ **Bhāvito** tức tu tiến Giới, trong 2 từ còn lại cũng có Lý này.

Một lý khác nữa, Bạc Lậu Tận gọi là có thân tu tập do tu tập 5 môn. Đức Thế Tôn thuyết quyền thu thúc giới (**indriyaśamvarasīla**) bằng tu tập **bhavitakāyo** này, thuyết 3 giới còn lại bằng từ **bhāvitasīlo** này. Từ **aparitto** tức có ân đức không phải nhỏ nhoi. Từ **mahattā** tức bạc Lậu Tận gọi là có tự thể lớn, bởi vì mặc dù có tự thể nhỏ nhưng cũng có nhiều ân đức. Từ **appamānavihārī** này là tên thật sự của bạc Lậu Tận, nghĩa là bạc Lậu Tận gọi là **appamānavihārī** (thường xuyên có ân đức pháp không ước lượng được) bởi vì không có phiền não như tham ái..., làm cho hạn chế (tức phân định phạm vi của ân

đức pháp). Từ **paritte** tức nhỏ nhoi. Từ **udakamallake** tức cái bát đựng nước.

Từ **Orabbhiko** tức Chúa đảo, từ **Orabbhaghāta** tức Người giết chúa đảo. Cụm từ **Japetum vā** tức để làm cho tiêu hoại bằng sự tiêu hoại tài sản, trong Chánh Kinh (**Pāṭha**) rằng từ **Jhāpetum** cũng có, ý nghĩa cũng chỉ là một. Cụm từ **Yathāpaccayam vā kātum** tức để làm theo mong muốn. Từ **Urabbhadhanam** tức giá cả con trầu. Chúa đảo hoặc người giết Chúa đảo nếu muốn cũng sẽ cho giá cả con trầu đó, nếu không muốn cũng sẽ cho nắm cổ lôi đi ra. Từ còn lại nên hiểu theo Lý. Nhưng Đức Thế Tôn nêu lên thuyết Luân hồi (**Vatṭa**) và Ly luân hồi (**Vivatṭa**) (Niết-bàn) trong bài Kinh này.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Hạt Muối thứ 99



Chánh Kinh Bài Kinh Kê Lọc Vàng

100. Kê Lọc Vàng

1. - *Này các Tỷ-kheo, có những uế nhiễm thô tạp của vàng như bụi, cát, đá, sạn và đá sỏi. Người đãi lọc bụi hay đệ tử của người đã lọc bụi đem đổ vào trong cái máng, rồi rửa sạch qua, rửa sạch lại, rửa sạch thêm nữa.*

Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, còn lại những uế nhiễm bậc trung của vàng, như cát đá, sạn tế nhị và các hạt cát thô tạp. Người đãi lọc bụi hay đệ tử của người đãi lọc bụi rửa sạch, rửa sạch thêm nữa, rửa sạch hoàn toàn.

Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, còn lại những uế nhiễm tế nhị, như cát mịn và cát bụi đen. Người đãi lọc bụi hay đê tử của người đãi lọc bụi rửa sạch, rửa sạch thêm nữa, rửa sạch hoàn toàn.

Làm xong như vậy, làm như vậy hoàn tất, chỉ còn lại bụi vàng.

2. Rồi người thợ vàng hay đê tử người thợ vàng bỏ bụi vàng ấy vào trong cái lò, rồi thụt ống bệ, thụt ống bệ thêm, thụt ống bệ cho đến khi vàng bắt đầu chảy, nhưng không chảy ra khỏi miệng lò. Vàng ấy được thụt bệ, được thụt bệ thêm nữa, được thụt bệ hơn nữa, nhưng không chảy ra khỏi miệng lò, chưa làm xong, chưa sạch các uế nhiễm, chưa có nhu nhuyễn, chưa có kham nhậm, chưa có sáng chói. Vàng ấy còn có thể bể vụn và chưa có thể được tác thành tốt đẹp.

Có một thời, này các Tỷ-kheo, người thợ vàng hay đê tử người thợ vàng ấy lại thụt bệ, thụt bệ thêm nữa, thụt bệ hơn nữa, cho đến khi vàng chảy ra khỏi lò. Vàng ấy lại được thụt bệ, được thụt bệ thêm nữa, được thụt bệ hơn nữa, cho đến khi vàng ấy chảy ra khỏi lò, được làm xong, được sạch các uế nhiễm, được nhu nhuyễn, được kham nhậm, và được sáng chói. Vàng ấy còn không bị bể vụn và có thể tác thành tốt đẹp. Và loại trang sức nào người ấy muốn, như vàng lá, hay nhẫn, hay vòng cổ, hay dây chuyền, người ấy có thể làm thành như ý muốn.

3. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tăng thượng tâm, còn tồn tại các kiết sử thô tạp, thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành. Tỷ-kheo có tư lự, có thông minh, từ bỏ, gột sạch, chấm dứt, không cho sanh khởi lại.

Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, Tỷ-kheo tu tập tăng thượng tâm, còn tồn tại các kiết sử thuộc bậc trung, dục tầm, sân tầm, hại tầm. Tỷ-kheo có tư lự, có thông minh, từ bỏ, gột sạch, chấm dứt, không cho sanh khởi.

Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, Tỷ-kheo tu tập tăng thượng tâm, còn tồn tại các kiết sử tế nhị, như tư tưởng về gia tộc, tư tưởng về quốc độ, tư tưởng không bị khinh rẻ. Tỷ-kheo có tư lự, có thông minh, từ bỏ, gột sạch, chấm dứt không cho chúng sanh khởi.

Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, chỉ còn lại các pháp tầm (tư tưởng về pháp).

4. Định như vậy không có an tịnh, không có thù thắng, không được khinh an, không đạt đến nhứt tâm, nhưng là một trạng thái chế ngự thường xuyên dẫn ép. Nhưng đến một thời, này các Tỷ-kheo, tâm của vị ấy được nội trú, lắng đứng lại, được nhứt tâm, được định tĩnh. Định ấy được an tịnh, được thù diệu, được khinh an, đạt đến nhứt tâm, không phải một trạng thái chế ngự thường xuyên dẫn ép, tùy thuộc vào pháp gì tâm người ấy hướng đến để thắng tri, để chứng ngộ; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến pháp ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

5. Nếu vị ấy ước muốn, ta sẽ chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân, hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, như đi ngang hư không, độn thổ, trồi lên ngang qua đất liền, ngồi kiết già đi đến hư không như con chim, với bàn tay chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy, có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên"; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

6. Vị ấy nếu ước muốn: “Vời thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng chư Thiên và loài người”; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

7. Nếu vị ấy ước muốn: “Mong rằng với tâm của mình có thể biết tâm của các loại chúng sanh khác, tâm của các loài Người khác như sau: Tâm có tham biết là tâm có tham. Tâm không tham biết là tâm không tham. Tâm có sân biết là tâm có sân. Tâm không sân biết là tâm không sân. Tâm có si biết là tâm có si. Tâm không si biết là tâm không si. Tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú. Tâm tán loạn biết là tâm tán loạn. Đại hành tâm biết là đại hành tâm. Không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm. Tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng. Tâm vô thượng biết là tâm vô thượng. Tâm thiền định biết là tâm thiền định. Tâm không thiền định biết là tâm không thiền định. Tâm giải thoát biết là tâm giải thoát. Tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát”; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

8. Nếu vị ấy ước muốn: “Ta sẽ nhớ đến nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp; vị ấy nhớ rằng: “Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này.

Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh tại đây." Vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào."

9. Nếu vị ấy ước muốn: "VớI thiên nhân thanh tịnh siêu nhân, ta thấy sự sống và chết của chúng sanh. Ta biết rõ chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Các chúng sanh ấy làm những ác nghiệp về thân, ngữ và ý, phỉ báng các bậc thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, địa ngục, đọa xứ. Các chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, ngữ và ý, không phỉ báng các bậc thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những vị này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các cõi thiện, cõi Trời, cõi đời này. Như vậy, vớI thiên nhân thuần tịnh siêu nhân, ta có thể thấy sự sống chết của chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ"; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

10. Nếu vị ấy ước muốn: "Do đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, vớI thắng trí, ta chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát"; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

11. Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, cần phải tỉnh thoảng tác ý ba tướng. Cần phải tỉnh thoảng tác ý tướng định, cần phải tỉnh thoảng tác ý tướng cần, cần phải tỉnh thoảng tác ý tướng xả.

12. Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, nếu một chiều tác ý tướng định, thời có sự kiện tâm vị ấy đi đến

thụ động. Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, nếu một chiều tác ý tướng tinh cần, thời có sự kiện tâm vị ấy đi đến trao cử. Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, nếu một chiều tác ý tướng xả, thời có sự kiện tâm vị ấy không chơn chánh định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc. Nhưng nếu Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, nếu thỉnh thoảng tác ý tướng định, thỉnh thoảng tác ý tướng tinh cần, thỉnh thoảng tác ý tướng xả, tâm vị ấy trở thành nhu nhuyến, kham nhậm, chói sáng, không bề vụn, chơn chánh định tĩnh để đoạn tận các lậu hoặc.

13. Ví như một thợ làm vàng, này các Tỷ-kheo, hay đệ tử người làm vàng, xây lên các lò đúc. Sau khi xây lên các lò đúc, người ấy nhóm lửa đốt miệng lò. Sau khi đốt miệng lò, với cái kèm, người ấy cầm vàng bỏ vào miệng lò; rồi thỉnh thoảng người ấy thụt ống bệ, thỉnh thoảng người ấy rưới nước, thỉnh thoảng người ấy quan sát kỹ lưỡng. Nếu người làm vàng hay đệ tử người làm vàng, này các Tỷ-kheo, một chiều thụt ống bệ, thì có sự kiện vàng ấy bị cháy. Nếu người làm vàng hay đệ tử người làm vàng, này các Tỷ-kheo, một chiều rưới nước, thì có sự kiện vàng ấy bị nguội lạnh. Nếu người làm vàng hay đệ tử người làm vàng, này các Tỷ-kheo, một chiều quan sát kỹ lưỡng, thì có sự kiện vàng ấy không chơn chánh đi đến thuần thực. Còn nếu người làm vàng hay đệ tử người làm vàng, này các Tỷ-kheo, thỉnh thoảng thụt ống bệ vàng ấy, thỉnh thoảng rưới nước, thỉnh thoảng quan sát kỹ lưỡng, thời vàng ấy trở thành trở thành nhu nhuyến, kham nhậm, chói sáng, không bề vụn, và được thành tốt đẹp. Và loại trang sức nào người ấy muốn như vàng lá, hay nhẫn, hay vòng cổ, hay dây chuyền, người ấy có thể làm thành như ý muốn.

14. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo siêng năng tu tập tăng thượng tâm, cần phải thỉnh thoảng tác ý ba tướng. Cần phải thỉnh thoảng tác ý tướng định, cần phải thỉnh thoảng tác ý tướng tinh cần, cần phải thỉnh thoảng tác ý tướng xả. Nếu Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, nếu một chiều tác ý tướng định, thời có sự kiện tâm vị ấy đi đến thụ động. Nếu Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, nếu một chiều tác ý tướng tinh cần, thời có sự kiện tâm vị ấy đi đến trạo cử. Nếu Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, nếu một chiều tác ý tướng xả, thời có sự kiện tâm vị ấy không chọn chánh định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc. Nhưng nếu Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, thỉnh thoảng tác ý tướng định, thỉnh thoảng tác ý tướng tinh cần, thỉnh thoảng tác ý tướng xả, tâm vị ấy trở thành nhu nhuyễn, kham nhậm, chói sáng, không bề vụn, chọn chánh định tĩnh để đoạn tận các lậu hoặc. Tùy thuộc theo pháp gì, tâm vị ấy hướng đến để thắng tri, để chứng ngộ, vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến pháp ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

15. Nếu vị ấy muốn: “Ta sẽ chứng đạt nhiều loại thần thông ... (như 100.5) ... chứng tri sáu loại thắng trí ... do đoạn diệt các lậu hoặc ... (như 100.10) ... sau khi chứng ngộ, ta sẽ chứng đạt và an trú”; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến pháp ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

Sớ Giải Bài Kinh Kê Lọc Vàng
(AthakathāSamghaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Kê Lọc Vàng thứ 100 như sau:

Từ **Dhovati** tức rửa, từ **Sandhovati** tức rửa sạch nghĩa là rửa rồi rửa lại nữa. Từ **Niddhovati** tức rửa không cho uế nhiễm còn lại, từ **Aniddhantaṃ** tức chưa được luyện (kim). Từ **Aninnītakāsavaṃ** tức chưa được thải cặn, từ **Pakuṅgu** tức có sự tiêu hoại đi tính chất. Trừ ra vàng nấu chảy rồi (còn lại) chỉ nắm tay đập thì vỡ. Từ **Paṭṭakāya** tức để muống làm cho thành miếng, từ **Gīveyyake** tức đồ trang sức cổ.

Từ **Adhicittaṃ** tức là Tâm tu tập bằng Chỉ tịnh và Minh quán. Từ **Anuyuttassa** tức phát triển. Từ **Sacetaso** tức bởi tâm viên mãn. Từ **Dabbajātiko** tức bậc Thiện trí thức sanh ra. Trong tất cả tư duy (**Vitakka**) như Dục tầm (**Kāma vitakka**)... nghĩa là Tư duy nghĩ đến Dục khởi lên gọi là Dục tầm, tư duy tương ưng với Sân gọi là Sân tầm (**Byāpāda vitakka**), tương ưng với Não hại gọi là Hại tầm (**Vihimsa vitakka**). Trong tất cả Tư duy như nghĩ đến quyền thuộc, nghĩa là suy nghĩ đến quyền thuộc khởi lên..., rằng tất cả quyền thuộc của ta có số lượng nhiều có phước gọi là Tư duy đến quyền thuộc (**Ñāti vitakka**), tư duy nương vào nhà cửa, nghĩ đến thôn quê khởi lên..., rằng thôn quê đó thoát nạn, tìm kiếm vật thực được dễ dàng gọi là Tư duy đến thôn quê (**Janapada vitakka**).

Cụm từ **Na paṇīto** tức không có no vui. Cụm từ **Na paṭippassaddhaladdho** tức không An tịnh được (phiền não). Cụm từ **Na ekodibhāvādhigato** tức không dẫn đến Định tĩnh.

Từ **Sasamkhāraniggayhavāritavato** tức áp chế ngăn chặn tất cả phiền não bằng sự trợ giúp và có sự nỗ lực, không phải khởi hiện sau cùng khi tất cả phiền não bị đoạn trừ, chỉ sanh lên để ngăn chặn tất cả phiền não.

Trong cụm từ **Hoti so Bhikkhave samayo** nghĩa là gọi là Thời kỳ lúc được 5 loại thuận lợi (**Sappāya**) gồm có: Thời tiết thuận lợi, vật thực thuận lợi, trú xứ thuận lợi, người thuận lợi, thính Pháp thuận lợi... Cụm từ **Yantaṃ cittaṃ** tức trong Thời kỳ nào mà tâm tu tiến Minh quán. Cụm từ **Ajjhattamyevasantiṭṭhati** tức bảo tồn chính mình thì lãnh vực của Cảnh được vững vàng bên trong (**Ajjhatta**), trong nơi đây cho dù là cảnh bên trong cũng thích hợp.

Giải Thích: Tâm (tu tiến) Minh Quán (**Vipassanā**) lìa khỏi nhiều số lượng cảnh rồi vững chắc trong một loại cảnh, tức trong cảnh Niết-bàn mà thôi. Từ **Sannisidati** tức Vắng lặng hoàn toàn. Cụm từ **Ekodibhāvo hoti** tức tâm có một Cảnh tối thượng. Từ **Samādhīyati** tức Vững chắc hoàn hảo. Trong từ **Santo...**, nghĩa là **Samādhi** tức Vắng lặng bởi vì vắng lặng tịnh chỉ phiền não đối nghịch. **Samādhi** gọi là vi tế do ý nghĩa No vui. **Samādhi** gọi là được Vắng lặng tịnh chỉ, bởi vì Tịnh chỉ được phiền não. **Samādhi** gọi là dẫn đến đệ nhất Pháp (**DhammaEka**), hiển lộ bởi vì đạt đến Pháp tánh có một Cảnh tối thượng. **Samādhi** gọi là không bị áp chế, tức ngăn chặn tất cả phiền não, cùng bị chặn lại với sự nỗ lực bởi vì sanh lên sau cùng khi tất cả phiền não bị đoạn trừ, vì vậy mới gọi là không bị sự trợ giúp áp chế ngăn lại.

Tỳ khuru này gọi là làm cho Tâm xoay chuyển trở lại rồi chứng đắc A La Hán quả bằng ước lượng ngàn này. Bấy giờ,

trước khi Ngài thuyết thấu đáo bằng Thần thông của vị Tỳ khưu đó là bậc Lậu tận, Đức Thế Tôn mới thuyết rằng **Yassa yassa ca...**

Tất cả nhóm từ đó thì Từ **Abhiññāsacchikaraṇiyassa** tức nên làm cho tỏ tường bằng Thắng trí. Cụm từ **Sati sati āyatame** nghĩa là nguyên nhân trước (**Pubbahetu**) và phân loại của Thiền..., cần phải có được hiện hữu ngay bây giờ, tức khi Nhân đang có thì Kệ ngôn diễn giảng về câu chuyện Thần thông này của bậc Lậu Tận nên hiểu chi tiết theo Lý đã đề cập trong Thanh Tịnh Đạo. Còn cụm từ **Āsavānaṃ khayā...**, trong bài Kinh nên hiểu rằng: Được nêu lên Thuyết bằng mãnh lực nhập Thiền quả (**Phalāsamāpatti**).

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Kê Lọc Vàng thứ 100

Kết Thúc Diễn Giải Phẩm Hạt Muối thứ 5

Kết Thúc Tập Lục thứ II.



XI. Phẩm Chánh Giác

Chánh Kinh Bài Kinh Trước Khi Giác Ngộ

101.- Trước Khi Giác Ngộ

1. - Nay các Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, ta suy nghĩ như sau: "Cái gì là vị ngọt ở đời? Cái gì là nguy hại, cái gì là xuất ly?" Rồi nay các Tỷ-kheo, về vấn đề ấy, tư tưởng sau đây khởi lên nơi ta: "Do duyên với đời, khởi lên lạc hỷ gì, đây là vị ngọt ở đời. Cái gì ở đời là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đây là nguy hại ở đời. Điều phục dục tham ở đời, đoạn tận tham dục, đây là xuất ly ở đời."

2. Nay các Tỷ-kheo, cho đến khi nào ta chưa Như thật Giác tri vị ngọt ở đời là vị ngọt, nguy hại là nguy hại, xuất ly là xuất ly, cho đến khi ấy, nay các Tỷ-kheo, ta không có xác nhận Ta đã Giác liễu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cùng với thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Nay các Tỷ-kheo, cho đến khi nào ta Như thật Giác tri vị ngọt ở đời là vị ngọt, nguy hại là nguy hại, xuất ly là xuất ly, cho đến khi ấy, nay các Tỷ-kheo, ta mới xác nhận Ta đã Giác liễu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cùng với thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Và tri kiến khởi lên nơi ta: "Bất động là tâm giải thoát của ta. Đây là đời sống cuối cùng. Nay không còn tái sanh nữa."

3. Nay các Tỷ-kheo, ta đã đi tìm cầu vị ngọt ở đời. Vị ngọt ở đời là gì, Ta đã tìm được. Cho đến như thế nào, vị ngọt có mặt ở đời, với Trí tuệ ta khéo thấy vị ấy ngọt. Nay các Tỷ-kheo, ta đã

tìm cầu nguy hại ở đời. Nguy hại ở đời là gì, Ta đã tìm được. Cho đến như thế nào, nguy hại có mặt ở đời, với Trí tuệ ta, ta khéo thấy nguy hại ấy, này các Tỷ-kheo ta đã tìm cầu xuất ly ở đời. Xuất ly ở đời là gì, Ta đã tìm được. Cho đến như thế nào, xuất ly có mặt ở đời, với Trí tuệ ta, ta khéo thấy xuất ly ấy.

4. Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào ta chưa Như thật Giác tri vị ngọt ở đời là vị ngọt, nguy hại là nguy hại, xuất ly là xuất ly, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, ta không có xác nhận Ta đã Giác liễu Vô thượng chánh đẳng giác, cùng với thế giới như Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào ta Như thật Giác tri vị ngọt ở đời là vị ngọt, nguy hại là nguy hại, xuất ly là xuất ly, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, ta mới xác nhận Ta đã Giác liễu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cùng với thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Và tri kiến khởi lên nơi ta: “Bất động là tâm giải thoát của ta. Đây là đời sống cuối cùng. Nay không còn tái sanh nữa.”

Phẩm Tạp Lục thứ III

Diễn Giải Phẩm Giác Ngộ thứ 1 (SambodhiVaggavaṇṇanā)

Sớ Giải Bài Kinh Trước Khi Giác Ngộ 101

(AtthakathāPuppaSambodhiSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Trước Khi Giác Ngộ thứ 1 của Tạp Lục thứ III như sau:

Cụm từ **Pubbeva sambodhā** tức trong thời gian trước khi Giác ngộ, ngài Giáo Thọ Sư giải thích rằng: Trong thời gian khác trước khi Thánh đạo khởi hiện. Từ **Anabhisam Budhassa** tức người chưa thấu đáo được Tứ Thánh Đế; Cụm từ **Bodhisattasseva sota** tức khi chính chúng sanh đó Giác ngộ, tức người khởi đầu chúng đắc Toàn Giác Trí đang có hoặc người tầm cầu vào Tuệ Giác (**Bodhiñāṇa**) đang có.

Bởi vì bậc Chánh Đẳng Giác (của chúng ta) từ trước khi thành tựu đại nguyện (**Abhīnīhāra**) bằng sự hội đủ 8 Pháp gần kề dưới bàn chân của Đức Thế Tôn hồng danh **Dīpaṃkara**, tháp tùng theo đi đến như thế đó để tầm cầu Tuệ giác. Ngài suy nghĩ rằng: Ta phải chúng đắc Tuệ Giác này, rồi Ngài không từ bỏ sự Tinh cần để chúng đắc chính Tuệ Giác đó. Do đó, nên mới gọi là Bồ Tát (**Bodhisattava**).

Cụm từ **Ko nu kho** tức **Katamo nu kho** thế nào nhỉ? Pháp hành thế gian (**Saṅkhāraloka**) gọi là Thế gian (**Loka**). Từ **Assādo** tức có trạng thái phẫn chán. Từ **Ādīnavo** tức có trạng thái không đáng tươi tỉnh. Cụm từ **Tassa mayhaṃ** tức khi đó Ta là người tầm cầu Tuệ Giác đang có.

Cụm từ **Chandarāgapaṭṭivinayo chanda rāgappahānaṃ** tức là bởi vì lìa khỏi Dục ái, nghĩa là từ bỏ được do nghĩ đến nương vào Niết-bàn, vì vậy Niết-bàn Ngài gọi là Dẫn đến Lìa khỏi Dục ái (**Chanda rāvinayo**); Đoạn Ly Dục ái (**Chandarāgappa hānaṃ**).

Từ **Idaṃ lokanissaraṇaṃ** tức là Niết-bàn Ngài gọi là Lãnh vực Thoát khỏi Thế gian (**Lokanissaraṇaṃ**) bởi vì Xuất khỏi Thế gian. Từ **Yāvakiṃvaṃ** tức suốt thời gian có ước lượng chừng đó. Từ **Abbhaññāsim** tức là Biết được Thánh Đạo Tuệ

cao quý vô cùng. Bằng cả 2 từ này **Ñaṇaṇca pana me dassanaṃ** Đức Thế Tôn thuyết ám chỉ đến Trí Phán Khán (**Paccavekkhaṇaṇāṇa**). Từ còn lại trong bài Kinh này đều dễ cả.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Trước Khi Giác Ngộ thứ 101



Chánh Kinh Bài Kinh Vị Ngọt

102.- Vị Ngọt.

1. - Nay các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt ở đời, thời các loài hữu tình không có tham nhiễm đối với đời. Vì rằng, nay các Tỷ-kheo, có vị ngọt ở đời, nên các loài hữu tình có tham nhiễm ở đời. Nay các Tỷ-kheo, nếu không có nguy hại ở đời, thời các loài hữu tình không có nhàm chán đối với đời. Vì rằng, nay các Tỷ-kheo, có nguy hại ở đời, nên các loài hữu tình có nhàm chán đối với đời. Nay các Tỷ-kheo, nếu không có xuất ly ra khỏi đời, thời các loài hữu tình không có xuất ly đối với đời. Vì rằng, nay các Tỷ-kheo, có xuất ly đối với đời, nên các loài hữu tình có xuất ly ra khỏi đời.

Và nay các Tỷ-kheo, cho đến khi nào các loài hữu tình chưa Như thật giác tri vị ngọt ở đời là vị ngọt, nguy hại là nguy hại, xuất ly là xuất ly, cho đến khi ấy, nay các Tỷ-kheo, các loài hữu tình không có thể an trú với tâm thoát ly, không có hệ phược, giải thoát, không bị hạn cuộc khỏi thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Và nay các Tỷ-kheo, cho đến khi nào các loài

hữu tình đã Như thật Giác tri vị ngọt ở đời là vị ngọt, nguy hại là nguy hại, xuất ly là xuất ly, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, các loài hữu tình có thể an trú với tâm thoát ly, không có hệ phược, giải thoát, không bị hạn cuộc khỏi thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người.

Các Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không Như thật rõ biết là vị ngọt là vị ngọt, nguy hại là nguy hại, xuất ly là xuất ly, các Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, đối với Ta không được công nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, không được công nhận là các Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn. Và các Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại không có chứng ngộ với Thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Các Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, Như thật rõ biết vị ngọt là vị ngọt, nguy hại là nguy hại, xuất ly là xuất ly, các Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, đối với Ta được công nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, được công nhận là các Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn. Và các Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại sẽ có chứng ngộ với Thắng trí, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Sớ Giải Bài Kinh Vị Ngọt

(AtthakathāAssādaSutta)

Nên hiểu Luận Giải Bài Kinh Vị Ngọt thứ 102 như sau:
Cụm từ **Assādapariyesanam acarim** tức là luân chuyển đi để được lợi ích tâm cầu Vị ngọt (**Assāda**).

Vấn: Luân chuyển đi bắt nguồn từ đâu?

Đáp: Luân chuyển đi kể từ khi là Đạo sĩ **Sumedha**. Từ **Paññāya** tức là Đạo tuệ cùng với Minh quán. Từ **Sudittho** tức là Thấu triệt hoàn toàn. Nên hiểu trong mỗi một từ bằng cách thức này.

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Sa-môn thứ 4 như sau: Từ **Sāmaññattham** tức là 4 Thánh Quả, từ ngoài ra đây là từ đồng nghĩa của Từ **Sāmaññattham**.

Một lý khác nữa: Gọi là 4 Đạo do ý nghĩa là Sa-môn, gọi là 4 Quả do ý nghĩa là Bà-la-môn, trong bài Kinh này 4 nhóm đó Đức Thế Tôn thuyết đến thuần nhất Uẩn thể gian (**Khandhaloka**).

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Vị Ngọt thứ 102



Chánh Kinh Bài Kinh Khóc Than

103.- Khóc Than

- *Này các Tỷ-kheo, đây được xem là khóc than trong giới luật bậc Thánh, tức là ca vịnh. Này các Tỷ-kheo, đây được xem là điên loạn trong giới luật bậc Thánh, tức là múa nhảy. Này các Tỷ-kheo, đây được xem là trẻ con trong giới luật bậc Thánh, tức là cười quá đáng để lộ cả răng. Do luật này, này các Tỷ-kheo, hãy phá cây cầu đi đến hát. Hãy phá cây cầu đi đến múa nhảy. Thật là vừa đủ nếu các Sư được hoan hỷ đúng pháp, mỉm cười để tỏ là các Sư được hoan hỷ.*

Sớ Giải Bài Kinh Khóc Than

(AtthakathāRoṇaSutta)

Bài kinh thứ 103 tôi sẽ nêu lên vấn đề để trình bày theo câu chuyện khởi hiện (**Atthuppatti**).

Vấn: Câu chuyện khởi hiện như thế nào?

Đáp: Câu chuyện khởi hiện do không có Giới hạnh (**Anācāra**-Hành vi sai phạm) của các vị **Chabbaggiya**.

Được nghe rằng: Nhóm **Chabbaggiya** đó ca vịnh, nhảy múa, cười đùa đi lại khắp nơi. chư Tỳ Khuru cùng nhau trình bạch Đấng Thập Lực, bậc Tối Thượng Đạo Sư gọi nhóm Tỳ khuru **Chabbaggiya** đó đến rồi Ngài nói lên bài Kinh này theo chủ ý của Đức Phật để Giáo hóa cho nhóm Tỳ khuru đó.

Tất cả nhóm từ đó Từ **Ruṇṇam** tức Than khóc. Từ **Ummattakam** tức Hành vi của người điên. Từ **Komā rikam** tức chuyện trẻ con phải làm. Từ **Dantavidamṣa kahasitam** tức cười đùa quá đáng để lộ cả răng, vỡ tay... Bằng cụm từ **Setughāto gīte** Đức Thế Tôn thuyết rằng: Hãy cắt đứt nguyên nhân trong việc ca vịnh của các người, ngay cả việc nhảy múa cũng có Lý giống như vậy. Từ **Alam** tức thích hợp rồi. Nguyên nhân gọi là Pháp trong cụm từ này rằng: **Dhammappa moditānam satam** khi tất cả mọi người vui nhộn, hớn hở với một vài nguyên nhân nào. Cụm từ **Satam satimattāya** nghĩa là khi có nhân phải cười đùa thì việc các người cười đùa chỉ để mỉm cười, tức chỉ để biểu hiện trạng thái vui tươi cho thấy chót răng mà thôi, cũng vừa đủ đối với các người.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Khóc Than thứ 103

Chánh Kinh Bài Kinh Thỏa Mãn

104.- Không Thỏa Mãn

- *Này các Tỷ-kheo, hưởng thọ ba sự ở đời, không bao giờ thỏa mãn. Thế nào là ba?*

Hưởng thọ ngủ nghỉ, này các Tỷ-kheo, không bao giờ thỏa mãn. Hưởng thọ rượu men rượu nấu, này các Tỷ-kheo, không bao giờ thỏa mãn. Hưởng thọ sự dâm dục giao hợp, này các Tỷ-kheo, không bao giờ thỏa mãn.

Sớ Giải Bài Kinh Thỏa Mãn

(AtthakathāAtittaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Thỏa Mãn thứ 104 như sau: Từ **Suppassa** tức sự ngủ. Cụm từ **Paṭisevanāya natthi titti** nghĩa là sự hưởng thụ bao nhiêu cũng vẫn chưa hài lòng chừng đó, vì vậy mới gọi là sự Thỏa mãn chưa có. Trong cả 2 từ còn lại cũng có ý nghĩa này giống như vậy. Nếu như nước đại dương trở thành rượu thì người nghiện rượu sẽ sanh làm cá để Họ bơi lội hay ngủ trong nước đó thì cũng không có sự Thỏa mãn. Trong bài Kinh này Đức Thế Tôn thuyết thuần nhất đến Luân hồi.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Thỏa Mãn thứ 104



Chánh Kinh Bài Kinh Nóc Nhọn

105.- Nóc Nhọn (1)

Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; Thế Tôn nói với gia chủ Anāthapiṇḍika đang ngồi xuống một bên:

- Nay gia chủ, khi tâm không phòng hộ, thời thân nghiệp cũng không phòng hộ, khẩu nghiệp cũng không phòng hộ, ý nghiệp cũng không phòng hộ. Với ai thân nghiệp không phòng hộ, khẩu nghiệp không phòng hộ, ý nghiệp không phòng hộ, thời thân nghiệp đầy ú tham dục và rĩ chảy; khẩu nghiệp đầy ú tham dục và rĩ chảy; ý nghiệp đầy ú tham dục và rĩ chảy; Với ai thân nghiệp đầy ú tham dục và rĩ chảy, khẩu nghiệp đầy ú tham dục và rĩ chảy, ý nghiệp đầy ú tham dục và rĩ chảy, thời thân nghiệp bị hủ bại, khẩu nghiệp ... ý nghiệp bị hủ bại. Với ai thân nghiệp bị hủ bại, khẩu nghiệp ... ý nghiệp bị hủ bại, sự chết không được hiền thiện, mạng chung không được hiền thiện.

Này gia chủ, ví như ngôi nhà nóc nhọn vụng lợp, thời nóc nhọn không được phòng hộ, rui kèo không được phòng hộ, vách tường không được phòng hộ; nóc nhọn bị đầy ú, rĩ nước, các rui kèo bị đầy ú rĩ nước, các vách tường bị đầy ú, rĩ nước, nóc nhọn bị hủ bại, rui kèo bị hủ bại, vách tường bị hủ bại. Cũng vậy, này gia chủ, khi tâm không được phòng hộ, thời thân nghiệp cũng không được phòng hộ, khẩu nghiệp ... ý nghiệp ... sự chết không được hiền thiện, mạng chung không được hiền thiện.

Này gia chủ, khi tâm được phòng hộ, thời thân nghiệp cũng được phòng hộ, khẩu nghiệp ... ý nghiệp cũng được phòng hộ. Với ai thân nghiệp được phòng hộ, khẩu nghiệp được phòng hộ, ý

nghiệp được phòng hộ, thời thân nghiệp không đầy ú tham dục và rĩ chảy; khẩu nghiệp không đầy ú tham dục và rĩ chảy; ý nghiệp không đầy ú tham dục và rĩ chảy; Với ai thân nghiệp không đầy ú tham dục và rĩ chảy, khẩu nghiệp không đầy ú tham dục và rĩ chảy, ý nghiệp không đầy ú tham dục và rĩ chảy, thời thân nghiệp không bị hủ bại, khẩu nghiệp ... ý nghiệp không bị hủ bại. Với ai thân nghiệp không bị hủ bại, khẩu nghiệp ... ý nghiệp không bị hủ bại, thời sự chết được hiền thiện, mạng chung được hiền thiện ...

Này gia chủ, ví như ngôi nhà nóc nhọn khéo lợp, thời nóc nhọn được phòng hộ, rui kèo được phòng hộ, vách tường được phòng hộ; nóc nhọn không đầy ú, rĩ nước, các rui kèo không đầy ú, rĩ nước, các vách tường không đầy ú, rĩ nước, nóc nhọn không bị hủ bại, rui kèo không bị hủ bại, vách tường không bị hủ bại. Cũng vậy, này gia chủ, khi tâm được phòng hộ, thời thân nghiệp cũng được phòng hộ, khẩu nghiệp ... ý nghiệp không bị hủ bại, thời sự chết được hiền thiện, mạng chung được hiền thiện.

Sớ Giải Bài Kinh Nóc Nhọn thứ nhất

(AtthakathāPaṭhamaKūtaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Nóc Nhọn (thứ nhất) thứ 105 như sau: Cụm từ **Avassutaṃ hoti** tức thường xuyên thấm ướt. Cụm từ **Na bhaddakaṃ maraṇaṃ hoti** tức là sự chết sưng sề Họ cũng không có được, bởi vì 3 nghiệp làm duyên cho tục sanh vào Khổ cảnh. Từ **Kālakiriya** là từ đồng nghĩa với Từ **Maraṇaṃ**. Nên hiểu Luận giải về Pháp thuộc về trăng thượng huyền (Pháp trắng) như sau: Sự chết sưng sề mà Họ có được

bởi vì 3 nghiệp làm duyên cho tục sanh lên Thiên giới, nhưng sự chết đó chỉ sử dụng được đối với 3 bậc Thánh Thanh Văn như bậc Nhập Lưu..., bằng cách tuyệt đối mà thôi. Từ còn lại trong bài Kinh này đều để cả.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Nóc Nhọn thứ 105



Chánh Kinh Bài Kinh Nóc Nhọn thứ hai

106.- Nóc Nhọn (2)

(Kinh này hoàn toàn giống như kinh trên, chỉ khác có một chữ. Chỗ nào kinh trên dùng chữ “không phòng hộ,” thời ở đây dùng chữ “thất thế, lung lay,” với những thay đổi cần thiết).

Sớ Giải Bài Kinh Nóc Nhọn thứ hai

(AtthakathāDutiyaKūṭaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Nóc Nhọn (thứ hai) thứ 106 như sau: Từ **Byāpanam** tức là Tâm lìa khỏi thường xuyên tánh chất rồi tồn tại. Từ còn lại có ý nghĩa như đã đề cập trong bài Kinh trước.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Nóc Nhọn (thứ hai) thứ 106



Chánh Kinh Bài Kinh Nhân Duyên thứ nhất

107.- Ba Nhân Duyên (1)

- Có ba nhân duyên này, này các Tỷ-kheo, khiến các nghiệp tập khởi. Thế nào là ba?

Tham là nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi, sân là nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi, si là nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi.

Phàm nghiệp nào do tham tác thành, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ tham, do tham làm nhân duyên, do tham tập khởi, nghiệp ấy là bất thiện, nghiệp ấy có phạm tội, nghiệp ấy có khổ dị thực, nghiệp ấy làm nghiệp tập khởi, nghiệp ấy không đưa đến nghiệp đoạn diệt. Phàm nghiệp nào do sân tác thành ... Phàm nghiệp nào do si tác thành, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ si, do si làm nhân duyên, do si tập khởi, nghiệp ấy là bất thiện, nghiệp ấy có phạm tội, nghiệp ấy có khổ dị thực, nghiệp ấy làm nghiệp tập khởi, nghiệp ấy không đưa đến nghiệp đoạn diệt. Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi.

Sớ Giải Bài Kinh Nhân Duyên thứ nhất

(AtthakathāPaṭhamaNidānaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Nhân Duyên (thứ nhất) thứ 107 như sau: Từ **Nidānāni** tức Tất cả nhân. Cụm từ **Kammānaṃ samudāya** tức là để được lợi ích đối với hành động tích lũy nghiệp làm cho Chúng sanh Luân hồi tử sanh (**Vaṭṭagāmi**)... Từ **Lobhapakatam** tức hành động với Tham, từ **Sāvajjam** tức Làm lỗi, tội lỗi. Cụm từ **Taṃ kammaṃ**

kammasamudayāya samvattati nghĩa là Nghiệp đó thường diễn tiến để lợi ích đối với hành động tích lũy nghiệp Tập khởi (**Kammasamudaya**-Nhân làm cho nghiệp khởi hiện), cho dù nhóm khác (Sân, si) cũng làm cho Chúng sanh Luân hồi tử sanh... Cụm từ **Na tam kammaṃ kammanirodhāya** nghĩa là những nghiệp đó không diễn tiến để lợi ích đối với sự Diệt nghiệp mà làm cho Chúng sanh Luân hồi tử sanh (**Vatṭagāmikamma**)... Nên hiểu Luận giải về Nghiệp trắng như sau, cụm từ **Kammānaṃ samudayāya** tức để lợi ích đối với việc sanh lên của Nghiệp làm cho Chúng sanh Luân hồi tử sanh. Tất cả từ nên hiểu theo Lý trên.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Nhân Duyên

(thứ nhất) thứ 107



Chánh Kinh Bài Kinh Nhân Duyên thứ 2, 3, 4.

108. - Ba Nhân Duyên (2)

- Có ba nhân duyên này, này các Tỷ-kheo, khiến các nghiệp tập khởi. Thế nào là ba?

Vô tham là nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi, vô sân là nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi, vô si là nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi.

Phàm nghiệp nào do vô tham tác thành, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ vô tham, do vô tham làm nhân duyên, do vô tham tập khởi, nghiệp ấy là thiện, nghiệp ấy không có phạm tội, nghiệp ấy có lạc dị thực, nghiệp ấy đưa đến nghiệp đoạn diệt, nghiệp ấy

không đưa đến nghiệp tập khởi. Phàm nghiệp nào do vô sân tác thành ... Phàm nghiệp nào do vô si tác thành, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ vô si, do vô si làm nhân duyên, do vô si tập khởi, nghiệp ấy là thiện, nghiệp ấy không có phạm tội, nghiệp ấy có lạc dị thực, nghiệp ấy không đưa đến nghiệp tập khởi, nghiệp ấy đưa đến nghiệp đoạn diệt. Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi.

109. - Nhân Duyên (3)

1. - Có ba nhân duyên này, này các Tỷ-kheo, khiến các nghiệp tập khởi. Thế nào là ba?

Này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong quá khứ; ước muốn khởi lên. Này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong tương lai; ước muốn khởi lên. Này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong hiện tại; ước muốn khởi lên.

2. Như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong quá khứ, ước muốn khởi lên?

Này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong quá khứ; với tâm, nó tầm cầu, nó tư sát. Do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong quá khứ; với tâm, nó tầm cầu, nó tư sát, nên ước muốn khởi sanh. Vì có ước muốn, nên nó bị liên hệ với các pháp ấy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng đó là một kiết sử, vì tâm ấy có tham ái. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong quá khứ, ước muốn sanh khởi.

3. Như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong tương lai, ước muốn sanh khởi?

Này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong tương lai; với tâm, nó tầm cầu, nó tư sát. Do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong tương lai; với tâm, nó tầm cầu, nó tư sát, nên ước muốn khởi sanh. Vì có ước muốn, nên nó bị liên hệ với các pháp ấy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng đó là một kiết sử, vì tâm ấy có tham ái. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong tương lai, ước muốn sanh khởi.

4. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong hiện tại, ước muốn khởi sanh?

Này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong hiện tại; với tâm, nó tầm cầu, nó tư sát. Do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong hiện tại; với tâm, nó tầm cầu, nó tư sát, nên ước muốn khởi sanh. Vì có ước muốn, nên nó bị liên hệ với pháp ấy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng đó là một kiết sử, vì tâm ấy có tham ái. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong hiện tại, ước muốn sanh khởi.

110. Nhân Duyên (4)

1. - Có ba nhân duyên này, này các Tỷ-kheo, khiến các nghiệp tập khởi. Thế nào là ba?

Này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong quá khứ; ước muốn không khởi sanh. Này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong tương lai; ước muốn không khởi sanh. Này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong hiện tại; ước muốn không sanh khởi.

2. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ ý xứ cho dục tham trong quá khứ, ước muốn không sanh khởi?

Có người Rõ Biết, này các Tỷ-kheo, quả dị thực trong tương lai của các pháp làm chỗ ý xứ cho dục tham trong quá khứ. Sau khi biết rõ quả dị thực trong tương lai, người ấy tránh né quả dị thực ấy. Sau khi tránh né quả dị thực ấy, sau khi tâm người ấy không còn tham đắm; với Trí tuệ, vị ấy thể nhập và Thấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ ý xứ cho dục tham trong quá khứ, ước muốn không sanh khởi.

3. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ ý xứ cho dục tham trong tương lai, ước muốn không sanh khởi?

Có người Rõ Biết, này các Tỷ-kheo, quả dị thực trong tương lai của các pháp làm chỗ ý xứ cho dục tham trong tương lai. Sau khi biết rõ quả dị thực trong tương lai, người ấy tránh né quả dị thực ấy. Sau khi tránh né quả dị thực ấy, sau khi tâm người ấy không còn tham đắm; với Trí tuệ, người ấy thể nhập và Thấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ ý xứ cho dục tham trong tương lai, ước muốn không sanh khởi.

4. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ ý xứ cho dục tham trong hiện tại, ước muốn không sanh khởi?

Có người Rõ Biết, này các Tỷ-kheo, quả dị thực trong tương lai của các pháp làm chỗ ý xứ cho dục tham trong hiện tại. Sau khi biết rõ quả dị thực trong tương lai, người ấy tránh né quả dị thực ấy. Sau khi tránh né quả dị thực ấy, sau khi tâm người ấy

không còn tham đắm; với Trí tuệ, người ấy thể nhập và Thấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ ý xứ cho dục tham trong hiện tại, ước muốn không sanh khởi.

Sớ Giải Bài Kinh Nhân Duyên thứ 2,3,4

(AtthakathāDutiyaNidānaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Nhân Duyên (thứ hai) thứ 108 đến 110 như sau:

Từ **Kammānaṃ** tức Nghiệp làm cho Chúng sanh Luân hồi tử sanh (**Vaṭṭagāmi**)... Từ **Chandarāgaṭṭhāniye** tức Nhân của Dục ái. Từ **Ārabha** tức nương vào, ám chỉ đến Chủ tâm, từ **Chando** tức là hài lòng bởi mãnh lực của Ái; Cụm từ **Yo cetaso sārāgo** tức sự ham muốn thích thú của tâm. Tâm ham muốn như thế nào thì sự Ham muốn của tâm Như Lai gọi là Kiết sử (**Samyojana**) tức Vật trói buộc.

Nên hiểu Luận giải về Pháp trắng như sau: Từ **Kammānaṃ** tức Nghiệp ly Luân hồi (**Vivaṭṭagāmi**). Từ **Tadabhinivatteti** tức làm cho Pháp bắt nguồn từ Tham ái..., và Dị thực quả của nghiệp đó đơn độc quay trở lại, nghĩa là khi nào Họ biết, hiểu đến dị thực quả bắt nguồn (từ Dục ái...), khi đó Họ sẽ vừa mang đến các Pháp đó vừa dị thực quả đó làm cho đơn độc quay trở lại. Lại nữa, bằng từ này Đức Phật nêu lên Thuyết về Minh quán (**Vipassanā**). Bằng từ **Tadabhinivaṭṭetvā** này nêu lên Thuyết về Đạo, nhưng bằng Cụm từ **Cetasā abhivirājetvā** này nêu lên Thuyết thuần nhất về Đạo; Cụm từ **Paññāya ativijha passati** nghĩa là Thấy xuyên suốt thấu đáo bằng Đạo tuệ cùng với Minh quán. Trong mỗi một từ nên hiểu

như vậy, cũng trong bài Kinh này nêu lên thuyết Luân hồi và Ly luân hồi.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Nhân Duyên

(thứ hai) thứ 108 đến 110

Kết Thúc Phẩm Diễn Giảng Chánh Giác



XII. Phẩm Đọa Xứ

Chánh Kinh Bài Kinh Rơi Vào Đọa Xứ

111.- Rơi Vào Đọa Xứ

- *Này các Tỷ-kheo, ba hạng người này rơi vào đọa xứ, rơi vào địa ngục, trừ phi họ đoạn bỏ pháp này. Thế nào là ba?*

Ai sống không Phạm hạnh, tự xưng là có sống Phạm hạnh; đối với người sống Phạm hạnh thanh tịnh, hành Phạm hạnh thật thanh tịnh, ai công kích là không Phạm hạnh một cách không căn cứ; ai chủ trương như sau: “Không có lỗi lầm trong các dục vọng,” và rơi vào say đắm trong các dục vọng; những hạng người này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người rơi vào trong đọa xứ, rơi vào địa ngục, trừ phi họ đoạn bỏ pháp này.

Diễn Giải Phẩm Đọa Xứ thứ

(ĀpāyikaVaggavaṇṇanā)

Sớ Giải Bài Kinh Rơi Vào Đọa Xứ

(AtthakathāĀpāyikaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Rơi Vào Đọa Xứ thứ 111 như sau: Tất cả chúng sanh gọi là **Āpāyikā** bởi vì sẽ rơi vào Đọa xứ (**Apāya**), tất cả Chúng sanh gọi là **Nerayikā** bởi vì sẽ rơi vào Địa ngục (**Naraka**). Từ **Idamappahāya** này nghĩa là không từ bỏ 3 nghiệp Xấu, tuyên bố rằng mình là Phạm hạnh... Từ **Brahmacāripatiñño** tức là người thực hành Phạm hạnh giả tạo.

Một lý khác nữa: Người tuyên bố rằng Ta là người sống Phạm hạnh mà không từ bỏ sở hành của bọn họ, từ **Anuddhamseti** tức chửi bới, chỉ trích, chê bai. Cụm từ **Natthi kāmesu doso** tức người hưởng thụ Phiền não dục (**Kilesakāma**) và Vật dục (**Vatthukāma**) không có tội. Từ **Pātabyatam** nghĩa là người sẽ phải uống tức là người sẽ phải thọ dụng, nghĩa là người sẽ phải ăn, uống giống như sự việc uống nước của người khát nước với tâm không phản đối. Trong bài Kinh này nêu lên Thuyết thuần nhất về Luân hồi.

Kết Thúc Số Giải Bài Kinh Rơi Vào Đọa Xứ thứ nhất



Chánh Kinh Bài Kinh Khó Tìm Được

112.- Khó Tìm Được

- Sự xuất hiện của ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, khó tìm được ở đời. Thế nào là ba?

Này các Tỷ-kheo, sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Chánh Giác, khó tìm được ở đời. Người có thể thuyết pháp và luật do Như Lai tuyên thuyết, khó tìm được ở đời. Người tri ân, người biết ơn, khó tìm được ở đời.

Sự xuất hiện của ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, khó tìm được ở đời.

Sớ Giải Bài Kinh Khó Tìm Được (AtthakathāDullabhaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Khó Tìm Được thứ 112 như sau: Cụm từ **Kataññū katavedī** tức là Người biết được Nghiệp mà Họ đã tạo (đối với mình) rằng: Người tạo Ân đức đối với ta thì ta thực hiện sự đền đáp làm cho người khác biết được, để biểu lộ (tấm lòng).

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Khó Tìm Được thứ 112



Chánh Kinh Bài Kinh Không Thể Ước Lượng Được

113. Không Thể Ước Lượng

- Có ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Dễ ước lượng, khó ước lượng và không thể ước lượng. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người dễ ước lượng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tháo động, kiêu căng, dao động, lấm mồm lấm miệng, lấm lời, thất niệm không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn thả lỏng. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người dễ ước lượng. Và này các Tỷ-kheo, thế nào gọi là người khó ước lượng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không tháo động, không kiêu căng, không dao động, không lấm mồm lấm miệng, không lấm lời, trú niệm, tỉnh giác, định tĩnh, nhất tâm, các căn

được bảo vệ. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người khó ước lượng.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào gọi là người không thể ước lượng? Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc được đoạn tận. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người không thể ước lượng. Ba hạng người này, nay các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

Sớ Giải Bài Kinh Không Thể Ước Lượng Được

(AtthakathāAppameyyaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Không Thể Ước Lượng Được thứ 113 như sau:

Người gọi là Dễ ước lượng (**Suppameyyo**), bởi vì ước lượng được dễ dàng, gọi là Khó ước lượng (**Duppameyyo**), bởi vì ước lượng được khó khăn, gọi là Không thể ước lượng (**Appameyyo**), bởi vì không thể ước chừng được. Từ **Uṇṇalo** tức người giống như cây sậy vọt lên, nghĩa là đưa Ngã mạn trống rỗng (dựng lên).

Từ **Capalo** tức người đầy sự loai choai, như sữa sang bát... Từ **Mukharo** tức người lảm mồm. Từ **Vikiṇṇavāro** tức người không Thận trọng lời lẽ. Từ **Asamāhato** tức là người không có tâm định tĩnh. Từ **Vibhantacitto** tức người có tâm chộn rộn, giống như con bò mẹ và con nai rừng hoảng sợ, tán loạn. Từ **Pākatinadriyo** tức là người có (ngũ) quyền phơi bày. Từ còn lại trong bài Kinh này đều dễ cả.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Không Thể

Ước Lượng Được thứ 113

Chánh Kinh Bài Kinh Bất Động Hành

114.- Không Vô Biên Xứ

1- Có ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người hoàn toàn vượt qua sắc tưởng, chấm dứt đối ngại tưởng, không tác ý các tưởng sai biệt, xem "Hư không là vô biên," đạt đến an trú vào Không vô biên xứ. Vị ấy thường thức cảnh giới ấy, hy cầu cảnh giới ấy, thỏa mãn với cảnh giới ấy, an trú trong cảnh giới ấy, tín giải cảnh giới ấy, an trú nhiều trong cảnh giới ấy, không có từ bỏ cảnh giới ấy, đến khi mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên đã đạt đến Không vô biên xứ. Này các Tỷ-kheo, thọ mạng của chư Thiên đã đạt đến Không vô biên xứ là hai mươi ngàn kiếp. Kẻ phàm phu, sau khi trú ở đấy cho đến hết thọ mạng, sau khi trải qua tất cả thời gian thọ mạng của chư Thiên ấy, kẻ ấy đi vào địa ngục, đi vào loại bàng sanh, đi vào cõi nạ quý. Nhưng đệ tử của Thế Tôn, sau khi trú ở đấy cho hết thọ mạng, sau khi trải qua tất cả thời gian thọ mạng của chư Thiên ấy, cuối cùng nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Đây là sự đặc thù, đây là sự tăng thượng, đây là sự sai biệt giữa vị Thánh đệ tử có nghe nhiều và kẻ Vô văn phàm phu về vấn đề sanh thú và tái sanh.

2. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có người vượt qua Không vô biên xứ, xem "Thức là vô biên," đạt đến an trú Thức vô biên xứ. Vị ấy thường thức cảnh giới ấy, hy cầu cảnh giới ấy, thỏa mãn với cảnh giới ấy, an trú trong cảnh giới ấy, tín giải cảnh giới ấy, an trú nhiều trong cảnh giới ấy, không có từ bỏ cảnh giới ấy, đến khi mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên đã đạt Thức vô biên xứ. Này các Tỷ-kheo, thọ mạng của chư Thiên đã đạt đến

Thức vô biên xứ là bốn mươi ngàn kiếp. Kẻ phàm phu, sau khi trú ở đấy cho đến hết thọ mạng, sau khi trải qua tất cả thời gian thọ mạng của chư Thiên ấy, kẻ ấy đi vào địa ngục, đi vào loại bàng sanh, đi vào cõi ngạ quỷ. Nhưng đệ tử của Thế Tôn, sau khi trú ở đấy cho đến hết thọ mạng, sau khi trải qua tất cả thời gian thọ mạng của chư Thiên ấy, cuối cùng nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Đây là sự đặc thù, đây là sự tăng thượng, đây là sự sai biệt giữa vị Thánh đệ tử có nghe nhiều và kẻ vô văn phàm phu về vấn đề sanh thú và tái sanh.

3. Lại nữa, này các Tỷ kheo, ở đây có người vượt qua Thức vô biên xứ, xem “Không có gì cả,” đạt đến an trú Vô sở hữu xứ. Vị ấy thưởng thức cảnh giới ấy, hy cầu cảnh giới ấy, thỏa mãn với cảnh giới ấy, an trú trong cảnh giới ấy, tñ giải cảnh giới ấy, không có từ bỏ cảnh giới ấy, đến khi mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên đã đạt Vô sở hữu xứ. Này các Tỷ-kheo, thọ mạng của chư Thiên đã đạt đến Vô sở hữu xứ là sáu mươi ngàn kiếp. Kẻ phàm phu, sau khi trú ở đấy cho đến hết thọ mạng, sau khi trải qua tất cả thời gian thọ mạng của chư Thiên ấy, kẻ ấy đi vào địa ngục, đi vào loại bàng sanh, đi vào cõi ngạ quỷ. Nhưng đệ tử của Thế Tôn, sau khi trú ở đấy cho đến hết thọ mạng, sau khi trải qua tất cả thời gian thọ mạng của chư Thiên ấy, cuối cùng nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Đây là sự đặc thù, đây là sự tăng thượng, đây là sự sai biệt giữa vị Thánh đệ tử có nghe nhiều và kẻ vô văn phàm phu về vấn đề sanh thú và tái sanh. Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

Sớ Giải Bài Kinh Bất Động Hành

(AtthakathāĀneñjaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Bất Động Hành thứ 114 như sau: Từ **Tadassādeti** tức thích chính Thiền đó. Cụm từ **Tam nikāmeti** tức mong muốn chính Thiền đó. Cụm từ **Tena cavattim āpajjati** dẫn đến sự hân hoan bằng Thiền đó. Cụm từ **Tattha ̄tito** tức vững trú trong Thiền đó. Từ **Tadadhimutto** tức hướng tâm theo Thiền đó. Từ **Tabbahusavihārī** tức phần nhiều sống với Thiền đó. Cụm từ **Sahabyatam uppajjati** tức hiểu sâu sắc trở thành bạn, nghĩa là thường sanh vào trong Thiên giới đó.

Từ chẳng hạn như **Nirayampi gacchati** Đức Thế Tôn thuyết ám chỉ đến việc rơi vào Địa ngục bằng mãnh lực gián tiếp khác do không thoát khỏi Địa ngục..., được, bởi vì Họ không có Bất thiện nghiệp có sức mạnh hơn Cận định (**Upacārajhāna**) sẽ là nhân làm cho sanh vào Khổ cảnh nối tiếp nhau. Cụm từ **Bhagavato pana sāvako** tức là một vị Thinh Văn nào trong tất cả bậc Thinh Văn như bậc Nhập Lưu, bậc Nhất Lai, bậc Bất Lai; Cụm từ **Tasmimyeva bhava** tức trong cõi Vô sắc đó. Từ **Parinibbāyati** tức sẽ viên tịch Niết-bàn với viên tịch Niết-bàn chẳng có duyên. Sự tinh cần làm duyên thực hành (đạt đến) tột đỉnh gọi là **Adhippāyāso**, từ còn lại trong bài Kinh này nên hiểu theo ý nghĩa đã đề cập.

Lại nữa, trong bài Kinh này Thiền sẽ là Nhân làm cho khởi hiện mà Đức Thế Tôn nêu lên Thuyết cho Phạm nhân, đối với bậc Thánh Thinh Văn Ngài thuyết cả là Nhân làm cho sanh khởi và Thiền làm nền tảng của Minh quán.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Bất Động Hành thứ 114



Chánh Kinh Bài Kinh Suy Vong Và Thành Tựu

115.- Khiếm Khuyết Và Viên Mãn

1. - *Này các Tỷ-kheo, có ba sự khiếm khuyết này. Thế nào là ba? Khiếm khuyết về giới, khiếm khuyết về tâm, khiếm khuyết về tri kiến.*

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khiếm khuyết về giới?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là khiếm khuyết về giới.

2. *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khiếm khuyết về tâm?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tham lam, với tâm sân hận. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là khiếm khuyết về tâm.

3. *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khiếm khuyết về tri kiến?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người có tà kiến, có tri kiến điên đảo: "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có cúng tế, không có quả dị thực trong các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời sau, không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh, ở đời không có các hàng Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình với thắng trí, giác ngộ và truyền dạy lại cho đời này, đời sau." Này các Tỷ-kheo, đây gọi là khiếm khuyết về tri kiến.

4. *Do nhân khiếm khuyết về Giới, này các Tỷ-kheo, các loại hữu tình, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do nhân khiếm khuyết về Tâm, này các Tỷ-kheo, các loại hữu tình, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ,*

ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do nhân khiếm khuyết về Tri kiến, này các Tỷ-kheo, các loại hữu tình, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba khiếm khuyết.

5. Này các Tỷ-kheo, có ba viên mãn này. Thế nào là ba? Viên mãn về Giới, viên mãn về Tâm, viên mãn về Tri kiến. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là viên mãn về Giới?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là viên mãn về giới.

6. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là viên mãn về Tâm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không tham lam, không có tâm sân hận. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là viên mãn về Tâm.

7. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là viên mãn về Tri kiến?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người có chánh kiến, không có tri kiến điên đảo: "Có bố thí, có lễ hy sinh, có cúng tế, có quả dị thực trong các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh, ở đời có các hàng Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình với thắng trí, giác ngộ và truyền dạy lại cho đời này, đời sau." Này các Tỷ-kheo, đây gọi là viên mãn về tri kiến.

8. Do nhân viên mãn về Giới, này các Tỷ-kheo, các loại hữu tình, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi thiện, cõi Trời, cõi đời này. Do nhân viên mãn về Tâm, này các Tỷ-kheo, các loại hữu tình, sau khi thân hoại mạng chung, sanh lên cõi thiện, cõi Trời, cõi đời này. Do nhân viên mãn về Tri kiến, này các Tỷ-kheo,

các loại hữu tình, sau khi thân hoại mạng chung, sanh lên cõi thiện, cõi Trời, cõi đời này. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba viên mãn.

Sớ Giải Bài Kinh Suy Vong Và Thành Tựu (AtthakathāAyaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Suy Vong và Thành Tựu thứ năm như sau: Từ **Sīlavipatti** tức trạng thái Giới suy vong (**Sīlavipatti**). Trong từ còn lại cũng có ý nghĩa như vậy. Bằng từ **Natthi adinnaṃ** Đức Thế Tôn thuyết ám chỉ đến Bồ thí không có quả. Việc cúng dường đại thí gọi là **Yittha**. Cung kính tiếp đãi chu đáo Ngài chủ ý lấy từ **Huta**. Người tà kiến phản bác cả 2: Việc cúng dường đại thí và Cung kính tiếp đãi chu đáo rằng Không có quả.

Từ **Sukaṭadukkaṭānaṃ** tức Nghiệp tạo tác tốt và tạo tác xấu, nghĩa là nghiệp Thiện và nghiệp Bất thiện. Bằng cụm từ **Phalaṃ vipāko** người Tà kiến nói rằng: Điều gọi là thành quả (**Phala**) hoặc Dị thực quả (**Vipāka**) không có. Cụm từ **Natthi ayaṃ loko** tức thế gian này không có tiếp diễn đối với người trong thế gian vị lai. Cụm từ **Natthi paro loko** tức thế gian vị lai không có đối với người hiện diện trong thế gian này. Người tà kiến trình bày rằng: Tất cả chúng sanh chết rồi thì tiêu mất trong thế gian đó. Bằng cụm từ **Natthi mātā natthi pitā** người Tà kiến nói về lãnh vực của việc đối xử đúng và đối xử sai quấy với Cha mẹ rằng Không có quả. Cụm từ **Natthi sattā opapātikā** tức phàm là chúng sanh sẽ chết rồi sanh lên không có. Sự thành tựu đầy đủ gọi là **Sampadā**; Giới thành tựu không khiếm

khuyết gọi là **Sīlasampada**. Trong cả 2 từ còn lại cũng có ý nghĩa này như nhau. Cụm từ **Atthi dinnam...** Học viên nên nắm giữ theo Lý đối lập lại như đã đề cập.

**Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Suy Vong
và Thành Tựu thứ năm**



Chánh Kinh Bài Kinh Chính Xác

116.- Chính Xác

1.- *Này các Tỷ kheo, có ba khiếm khuyết này, thế nào là ba? Khiếm khuyết về giới, khiếm khuyết về tâm, khiếm khuyết về tri kiến... (Giống như kinh 115, 1-4).*

2.- *Ví như, này các Tỷ Kheo, một hạt súc sắc chính xác, nếu được liệng về mặt trên, được nằm về mặt ấy, được nằm khéo đặt. Cũng vậy, này các Tỷ kheo, do nhân khiếm khuyết về giới, các loại hữu tình, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục... Do nhân khiếm khuyết về tâm ... Do nhân khiếm khuyết về tri kiến... này các Tỷ-kheo ... sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Các pháp này, này các Tỷ kheo, là ba khuyết điểm.*

3.- *Này các Tỷ-kheo, có ba viên mãn này. Thế nào là ba? Viên mãn về giới, viên mãn về tâm, viên mãn về tri kiến. (Như kinh 115, 5-8).*

4. - *Ví như, này các Tỷ Kheo, một hạt súc sắc chính xác, nếu được liệng về mặt trên, được nằm về mặt ấy, được nằm khéo đặt.*

Cũng vậy, này các Tỷ kheo, do nhân viên mãn về Giới... do nhân viên mãn về Tâm do nhân viên mãn về Tri kiến, này các Tỷ kheo, các loại hữu tình, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên cõi thiện, cõi trời, cõi đời này. Các pháp này, này các Tỷ kheo, là ba viên mãn.

Sớ Giải Bài Kinh Chính Xác

(AtthakathāApañṇakaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Chính Xác thứ 116 như sau: Cụm từ **Apañṇako maṇi** tức hột xúc sắc làm bằng 6 cạnh. Cụm từ **Sugatim saggam** tức thế gian nghĩa là Thiên giới, trong tất cả 6 tầng Thiên giới như tầng Tứ Đại Thiên Vương..., một tầng nào. Trong bài Kinh này Thuyết cả 2 Pháp tức là Giới và Chánh Kiến lẫn lộn nhau.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Chính Xác thứ sáu



Chánh Kinh Bài Kinh Thanh Tịnh

118. - Thanh Tịnh (1)

- Này các Tỷ-kheo, có ba thanh tịnh này. Thế nào là ba? Thân thanh tịnh, lời nói thanh tịnh, ý thanh tịnh.

Thế nào là thân thanh tịnh?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, này các Tỷ-kheo, đây gọi là thân thanh tịnh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lời nói thanh tịnh?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phũ phẫm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là lời nói thanh tịnh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ý thanh tịnh?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người Không có tham lam, với Tâm không sân không hận, có Chánh tri kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là ý thanh tịnh.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba thanh tịnh.

Sớ Giải Bài Kinh Thanh Tịnh

(AtthakathāPaṭhamaSoceyyaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Thanh Tịnh thứ 118 như sau:

Sự trong sạch gọi là **Soceyyam**, sự trong sạch Thân nghiệp gọi là **Kāyasocceyyam**. Trong cả 2 từ còn lại cũng có ý nghĩa này, trong 4 bài Kinh thì tất cả bài Kinh này theo tuần tự Đức Thế Tôn nêu lên Thuyết điều thực hành cho người Tại gia, cho đến bậc Thánh như bậc Nhập Lưu và bậc Nhất Lai cũng sử dụng được.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Thanh Tịnh thứ 118



Chánh Kinh Bài Kinh Thanh Tịnh thứ 119

119. - Thanh Tịnh (2)

1. - *Này các Tỷ-kheo, có ba thanh tịnh này, Thế nào là ba? Thân thanh tịnh, lời nói thanh tịnh, ý thanh tịnh.*

2. *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thân thanh tịnh? (như kinh 118, về thân thanh tịnh).*

3. *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lời nói thanh tịnh? (như kinh 118, về lời nói thanh tịnh).*

4. *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ý thanh tịnh?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo, nếu nội tâm có ước muốn về dục, vị ấy rõ biết: "Nội tâm ta có ước muốn về dục." Nếu nội tâm không có ước muốn về dục, vị ấy rõ biết: "Nội tâm ta không có ước muốn về dục." Ước muốn về dục chưa sanh khởi, được sanh khởi thế nào, vị ấy rõ biết như vậy. Ước muốn về dục đã sanh khởi, được đoạn trừ thế nào, vị ấy rõ biết như vậy. Và ước muốn về dục đã được đoạn trừ, tương lai không sanh khởi thế nào, vị ấy rõ biết như vậy.

5. *Nếu nội tâm có sân, vị ấy rõ biết: "Nội tâm ta có sân." Nếu nội tâm không có sân, vị ấy rõ biết: "Nội tâm ta không có sân." Sân chưa sanh khởi, được sanh khởi thế nào, vị ấy rõ biết như vậy. Sân đã sanh khởi, được đoạn trừ thế nào, vị ấy rõ biết như vậy. Và sân đã được đoạn trừ, tương lai không sanh khởi thế nào, vị ấy rõ biết như vậy.*

6. *Nếu tâm có hôn trầm thụy miên, vị ấy rõ biết: "Nội tâm ta có hôn trầm thụy miên." Nếu nội tâm không có hôn trầm thụy miên, vị ấy rõ biết: "Nội tâm ta không có hôn trầm thụy miên."*

Hôn trầm thụy miên chưa sanh khởi, được sanh khởi thế nào, vị ấy rõ biết như vậy. Hôn trầm thụy miên đã sanh khởi, được đoạn trừ thế nào, vị ấy rõ biết như vậy. Và hôn trầm thụy miên đã được đoạn trừ, tương lai không sanh khởi thế nào, vị ấy rõ biết như vậy.

7. Nếu tâm có trạo hối, vị ấy rõ biết: "Nội tâm ta có trạo hối." Nếu nội tâm không có trạo hối, vị ấy rõ biết: "Nội tâm ta không có trạo hối." Trạo hối chưa sanh khởi, được sanh khởi thế nào, vị ấy rõ biết như vậy. Trạo hối đã sanh khởi, được đoạn trừ thế nào, vị ấy rõ biết như vậy. Và trạo hối đã được đoạn trừ, tương lai không sanh khởi thế nào, vị ấy rõ biết như vậy.

8. Nếu tâm có nghi, vị ấy rõ biết: "Nội tâm ta có nghi." Nếu nội tâm không có nghi, vị ấy rõ biết: "Nội tâm ta không có nghi." Nghi chưa sanh khởi, được sanh khởi thế nào, vị ấy rõ biết như vậy. Nghi đã sanh khởi, được đoạn trừ thế nào, vị ấy rõ biết như vậy. Và nghi đã được đoạn trừ, tương lai không sanh khởi thế nào, vị ấy rõ biết như vậy.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là ý thanh tịnh. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba thanh tịnh.

9. Thân và lời thanh tịnh

Tâm thanh tịnh vô lậu

Trong sạch được thanh tịnh

Được gọi ác đoạn trừ.

Sớ Giải Bài Kinh Thanh Tịnh thứ hai

(AtthakathāDutiyaSoceyyaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Thanh Tịnh thứ 119 (thứ hai) như sau: Từ **Ajjhattam** tức sinh diễn bên trong nhất định. Triền cái (**Nivāraṇa**) như Dục gọi là **Kāmachanda**, ngay cả triền cái như Sân độc (**Byāpāda**)..., cũng có ý nghĩa này như nhau. Từ còn lại trong bài Kinh này có ý nghĩa như đã đề cập trong phần sau. Còn trong Kệ ngôn từ **Kāyasucim** tức sự trong sạch Thân môn hoặc sự trong sạch theo đường thân. Trong 2 từ còn lại cũng có ý nghĩa như nhau. Từ **Ninhāta pāpakaṃ** nghĩa là rửa tẩy sạch tất cả tội lỗi rồi bảo tồn. Theo bài Kinh này và cả Kệ ngôn Đức Thế Tôn thuyết thuần nhất đến bậc Lậu Tận.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Thanh Tịnh thứ 119 (thứ 2)



Chánh Kinh Bài Kinh Toàn Hảo

120.- Toàn Hảo.

- Nay các Tỷ-kheo, có ba sự toàn hảo. Thế nào là ba? Toàn hảo về thân, toàn hảo về lời nói, toàn hảo về ý.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là toàn hảo về thân? ... (như kinh 118)

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là toàn hảo về lời nói? ... (như kinh 118)

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là toàn hảo về ý? Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn trừ các lậu hoặc ngay trong hiện

tại, tự mình với Thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là ý toàn hảo. Nay các Tỷ-kheo, các pháp này là ba toàn hảo.

*Thân và lời toàn hảo,
Tâm toàn hảo vô lậu,
Toàn hảo, được toàn hảo
Được gọi đoạn tất cả.*

Sớ Giải Bài Kinh Toàn Hảo

(AtthakathāMoneyyaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Toàn Hảo thứ 120 như sau:

Toàn hảo gọi là **Moneyya**, toàn hảo tức bậc Thiện hạnh, nghĩa là bậc Thiện trí thức, về Thân môn gọi là **Kāyomoneyya**. Trong cả 2 từ còn lại cũng có ý nghĩa như nhau. Cụm từ **Idam vuccati Bhikkhave kāyamoneyyam** tức là việc từ bỏ 3 thân Ác hạnh gọi là **Kāyamoneyya**.

Lại nữa, ba thân Thiện hạnh cũng gọi là Thân toàn hảo (**Kāyamoneyya**). Trí tuệ có thân làm Cảnh cũng gọi là Thân toàn hảo giống như vậy, sự Ghi nhận biết thân cũng gọi là Thân toàn hảo. Đạo đồng sanh với Biến tri (**Pariññā**) cũng gọi là Thân toàn hảo, sự đoạn trừ Dục ái (**Chandarāga**) theo đường thân cũng gọi là Thân toàn hảo, sự Diệt thân hành (**Kāyasankhāra**) và nhập vào Tứ thiền cũng gọi là Thân toàn hảo, ngay cả Ngũ toàn hảo (**Vacimoneyya**) cũng có ý nghĩa này giống như vậy.

Còn trong ngữ toàn hảo và ý toàn hảo (**manomoneyya**) này có sự khác biệt nhau như sau: nên hiểu việc nhập vào nhị thiền thì diệt ngữ hành gọi là ngữ toàn hảo, giống như việc nhập vào tứ thiền của thân toàn hảo. Nên hiểu ý nghĩa trong ý toàn hảo theo lý này, nghĩa là việc nhập vào diệt thọ tướng (**saññāvedayitanirodha**) thì tâm hành diệt gọi là ý toàn hảo. Từ **kāyamunim** tức là người biết cao tột (tường tận), nghĩa là người thanh tịnh thân môn hoặc người biết theo đường thân. Trong cả 2 từ còn lại cũng có ý nghĩa giống như vậy. Từ **Sabbappahāyinaṃ** tức bậc Lậu Tận, bởi vì bậc Lậu Tận đoạn tận được tất cả nên gọi là **Sappapahāyī**.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Toàn Hảo thứ 120

Kết Thúc Diễn Giải Phẩm Đọa Xứ thứ II



XIII. Phẩm Kusināra

Chánh Kinh Bài Kinh Kusināra

121. Tại Kusināra

Một thời Thế Tôn trú ở Kusināra, tại khóm rừng Bariharana. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo.
- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:
- Ở đây, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo sống dựa vào một làng hay một thị trấn. Rồi người gia chủ hay con người gia chủ đi đến vị ấy mời mai lại dùng cơm. Nếu muốn, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nhận lời. Sau khi đêm ấy đã mãn, Tỷ-kheo ấy vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát và đi đến trú xứ người gia chủ hay con người gia chủ. Sau khi đến, vị ấy ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn.

Rồi người gia chủ hay con người gia chủ tự tay đứng mời và làm cho thỏa mãn Tỷ-kheo ấy với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm. Vị ấy suy nghĩ: "Thật tốt lành thay, người gia chủ hay con người gia chủ này tự tay đứng mời và làm thỏa mãn ta với các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm!" Rồi vị ấy suy nghĩ như sau: "Mong rằng người gia chủ hay con người gia chủ này trong tương lai, tự tay đứng mời và làm thỏa mãn ta với các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm!" Vị ấy thọ hưởng món ăn khát thực ấy, tham dính say đắm, đắm trước, không thấy sự nguy hại, không thấy được sự xuất ly. Vị ấy ở đây khởi lên suy tầm về dục, khởi lên sự suy tầm về sân, khởi lên sự suy tầm về hại. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng bố thí cho Tỷ-kheo như vậy

không có quả lớn. Vì có sao? Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống phóng dật.

Nhưng ở đây, nay các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo sống dựa vào một làng hay một thị trấn. Rồi một gia chủ hay con người gia chủ đi đến vị ấy mời mai lại dùng cơm. Nếu muốn, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nhận lời. Sau khi đêm ấy đã mãn, Tỷ-kheo ấy vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát và đi đến trú xứ người gia chủ hay con người gia chủ. Sau khi đến, vị ấy ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi người gia chủ hay con người gia chủ tự tay đứng mời và làm cho thỏa mãn Tỷ-kheo ấy với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm. Vị ấy không có suy nghĩ: “Thật tốt lành thay, người gia chủ hay con người gia chủ này tự tay đứng mời và làm thỏa mãn ta với các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm!” Rồi vị ấy không suy nghĩ như sau: “Mong rằng người gia chủ hay con người gia chủ này trong tương lai, tự tay đứng mời và làm thỏa mãn ta với các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm!” Vị ấy thọ hưởng món ăn khát thực ấy, không tham dính, không say đắm, không đam trước, Thấy được sự nguy hại, thấy được sự xuất ly.

Vị ấy ở đây khởi lên suy tầm về viễn ly, khởi lên sự suy tầm về vô sân, khởi lên sự suy tầm về vô hại. Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng bố thí cho Tỷ-kheo như vậy có quả lớn. Vì có sao? Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không sống phóng dật.

Diễn Giải Phẩm Kusināra thứ III

(KusināraVaggavaṇṇanā)

Sớ Giải Bài Kinh Kusināra

(AtthakathāKusināraSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Kusināra thứ 121 của Phẩm thứ III như sau:

Từ **Kusinārāyaṃ** tức Thành phố có tên như vậy. Cụm từ **Baliharāṇe vanasaṇḍe** tức bìa rừng có tên như vậy. Được nghe rằng: Tất cả mọi người đem lễ vật để cúng bái cho Phi nhân (**Bhūta**) tại bìa rừng đó, vì vậy mọi người mới gọi bìa rừng đó là **Baliharāṇa**. Từ **Ākaṇkhamāno** tức là đang Mong ước, từ **Sahatthā** tức bằng tay của mình. Từ **Sampavāreti** tức ngăn chặn bằng lời nói “Đủ rồi! Đủ rồi!” và bằng việc lắc tay. Cụm từ **Sadhu vata māyaṃ** rằng: “Thật tốt nhỉ!” (Trưởng giả hoặc con trai của Trưởng giả) này nuôi ta được no ấm sung sướng, thỏa mãn. Từ **Gadhito** tức là say mê với sự vui thích do mãnh lực của Ái, từ **Mucchito** tức lệ thuộc bằng sự Lệ thuộc do mãnh lực của chính Ái dục đó. Từ **Ajjhapanno** tức nuốt xuống cho xong hết bằng mãnh lực của Ái dục.

Từ **Anissaraṇapaṇṇo** tức là vị Tỳ khuru từ bỏ Dục ái, thọ dụng vật thực với cách lôi kéo mình ra khỏi sự ‘dính mắc’, trong Vị, nên gọi là Người có Trí tuệ làm duyên vượt ra khỏi (sự dính mắc đó). Vị tỳ khuru này thì không là như vậy, vị ấy vẫn còn Dục ái thọ dụng vật thực, cho nên gọi là **Anissaraṇapaṇṇo** (người Không có Trí tuệ làm duyên vượt ra khỏi). Pháp trắng bạc Thiện trí nên hiểu theo cách trái ngược lại cách thức như đã đề cập.

Lại nữa, trong bài Kinh này nên hiểu rằng Đức Phật thuyết về Ly dục tầm (Nekkhamma vitakka)... lẫn lộn nhau.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Kusināra thứ 1



Chánh Kinh Bài Kinh Tranh Luận

122.- Tranh Luận

- *Tại phương hướng nào, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau với binh khí miệng lưỡi, thật không thoả mái cho ta, này các Tỷ-kheo, khi nghĩ đến phương hướng ấy, còn nói gì đến chỗ ấy. Ở đây, Ta đi đến kết luận như sau: “Thật vậy, các Tỷ-kheo ấy đã từ bỏ ba pháp và đã làm quá nhiều ba pháp.”*

Ba pháp họ đã từ bỏ là gì? Viễn ly tầm, vô sân tầm, bất hại tầm. Ba pháp này họ đã từ bỏ.

Ba pháp gì họ đã làm quá nhiều? Dục tầm, sân tầm, hại tầm. Ba pháp này họ đã làm quá nhiều. Tại phương hướng nào, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau với binh khí miệng lưỡi, thật không thoả mái cho ta, này các Tỷ-kheo, khi nghĩ đến phương hướng ấy, còn nói gì đến chỗ ấy. Ở đây, Ta đi đến kết luận như sau: “Thật vậy, các Tỷ-kheo ấy đã từ bỏ ba pháp này và đã làm quá nhiều ba pháp này.”

Tại phương hướng nào, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo sống hòa hợp, hoan hỷ, không đấu tranh nhau, như sữa và nước lẫn lộn, nhìn nhau với cặp mắt ái kính, này các Tỷ-kheo, đi đến

phương hướng ấy thật thoải mái cho ta, còn nói gì nghĩ đến phương hướng ấy. Ở đây, Ta đi đến kết luận như sau: “Thật vậy, các Tỷ-kheo ấy đã từ bỏ ba pháp này và đã làm quá nhiều ba pháp này.”

Ba pháp họ đã từ bỏ là gì? Dục tầm, sân tầm, hại tầm. Ba pháp này họ đã từ bỏ.

Ba pháp gì họ đã làm quá nhiều? Viễn ly tầm, vô sân tầm, bất hại tầm. Tại phương hướng nào, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo sống hòa hợp, hoan hỷ, không đấu tranh nhau, như sữa và nước lẫn lộn, nhìn nhau với cặp mắt ái kính, này các Tỷ-kheo, đi đến phương hướng ấy thật thoải mái cho ta, còn nói gì nghĩ đến phương hướng ấy. Ở đây, Ta đi đến kết luận như sau: “Thật vậy, các Tỷ-kheo ấy đã từ bỏ ba pháp này và đã làm quá nhiều ba pháp này.”

Sớ Giải Bài Kinh Tranh Luận

(AtthakathāBhaṇḍanaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Tranh Luận thứ 122 như sau: Từ **Pajahimsu** tức thường từ bỏ được. Từ **Bahulamakaṃsu** tức là Thực hành thường xuyên. Ngay cả trong bài Kinh này Đức Thế Tôn thuyết về 3 nhóm Tầm này lẫn lộn nhau.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Tranh Luận thứ 2



Chánh Kinh Bài Kinh Bảo Tháp Gotamaka

123.- Điện Thờ Gotama

Một thời, Thế Tôn trú ở Vesālī, tại điện thờ Gotama. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo.
- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:
- Này các Tỷ-kheo, Ta thuyết pháp với Thắng trí, không phải với không thắng trí. Này các Tỷ-kheo, Ta thuyết pháp với Nhân duyên, không phải với không nhân duyên. Này các Tỷ-kheo, Ta thuyết pháp với Thần thông, không phải với không thần thông. Này các Tỷ-kheo, do vì Ta thuyết pháp có Thắng trí, không phải với không thắng trí; do vì Ta thuyết pháp có Nhân duyên, không phải không có nhân duyên; do vì Ta thuyết pháp có Thần thông, không phải không có thần thông, nên Giáo giới cần phải làm, Giảng dạy cần phải làm.

Thật là vừa đủ, này các Tỷ-kheo, để các Sư bằng lòng. Thật là vừa đủ để các Sư hoan hỷ. Thật là vừa đủ để các Sư hoan hỷ. Chánh Đẳng Giác là Thế Tôn! Pháp được Thế Tôn khéo Thuyết, khéo hành trì là Chúng Tăng!

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ rời Thế Tôn giảng. Trong khi lời thuyết giảng này được nói lên, một ngàn thế giới đều rung động.

Sớ Giải Bảo Tháp Gotamaka

(AtthakathāGotamakacetiyaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Gotamaka thứ 123 như sau: Cụm từ **Gotamake cetiye** tức trong nơi nương tựa (trú xứ Chư thiên) của Dạ xoa **Gotamaka**.

Giải Thích: Trong tiền giác thời (**PaṭhamaBodhikāla**), phần nhiều Đức Như Lai ngụ ở **Devālaya** thời gian đến 20 mươi Mùa an cư, tức đôi khi ở Bảo Tháp **Cāpāla**, đôi khi ở Bảo Tháp **Sarandada**, đôi khi ở Bảo Tháp **Bahuputta**, đôi khi ở Bảo Tháp **Sattamba**. Nhưng trong thời gian này Đức Phật ở trong xứ **Vesālī** ngụ trong trú xứ Chư thiên của Dạ xoa **Gotamaka**. Do đó, giáo thọ Sư **Dhammasaṃgāha** mới đề cập rằng **Gotamake cetiye**.

Từ **Etadavoca** này tức Đức Thế Tôn thuyết từ trong bài Kinh này, chẳng hạn như **Abhiññāyāham**. Trong việc khởi sinh lên ý nghĩa bài Kinh này nên hiểu rằng Đức Thế Tôn đã thuyết rồi.

Vấn: Khởi sinh lên của ý nghĩa như thế nào?

Đáp: Khởi sinh lên của ý nghĩa trong Kinh Căn Bản Pháp Môn (**MūlapariyāyaSutta**).

Được biết rằng: Số lượng nhiều Tu sĩ Bà la môn khởi lên sự hiểu biết mê muội bởi vì nương vào Phật ngôn mà mình đã từng học, rồi không chịu đi đến Giảng đường nghe Pháp, bởi suy nghĩ rằng 'Đức Chánh Đẳng Giác trước khi Thuyết thì cũng thuyết lời mà bọn ta đã biết không thuyết lời mà bọn ta chưa biết.' Tất cả chư Tỳ Khưu bạch lại sự việc đó với Đức Như Lai, bậc Đạo Sư cho gọi nhóm Tỳ khưu đó đến. Ngài tuyên bố lời

trọng yếu (**Mukhapatiññā**) rồi Ngài thuyết bài Kinh Căn Bản Pháp Môn, nhóm Tỳ khuru đó không nhìn thấy được nơi đến nơi đi của Pháp thuyết, khi không nhìn thấy được thì cùng nhau suy nghĩ rằng: ‘Đức Chánh Đẳng Giác có thể dẫn nhập tâm, pháp thoại của Đức Như Lai thường dẫn dắt chúng sanh thoát khỏi Khổ nên Ngài thuyết Pháp thuộc lao mà thôi.’ Bậc Đạo Sư biết tâm của nhóm Tỳ khuru đó, Ngài mới bắt đầu Thuyết bài Kinh này.

Tất cả các từ đó thì Từ **Abhiññāya** nghĩa là Biết thấu đáo, làm cho tỏ tường bằng nhóm Pháp này tức 5 Uẩn, 12 Xứ, 18 Giới, 22 Quyền, 4 Thánh Đế, 9 Nhân, 7 Xúc, 7 Thọ, 7 Tư, 7 Tướng, 7 Tầm. Lại nữa, biết Thấu đáo nghĩa là làm cho Sáng tỏ nhóm Pháp đó theo phương pháp Tứ Niệm Xứ (**Satipatthāna**) này. Từ **Sanidānam** tức là Như Lai thuyết Pháp cùng với duyên đó, không phải không có duyên. Từ **Sappātihāriyam** tức là Như Lai thuyết Pháp vi diệu, bởi vì diệt trừ được pháp đối nghịch không phải không vi diệu.

Cụm từ **Alañca pano vo** tức là Giáo hóa chỉ dạy (**Ovādānusāsani**) thích hợp với Tất cả các con. Từ **Tuṭṭhiyā** có nghĩa là thích hợp hoàn toàn, để làm hân hoan đối với tất cả các con. Người thường xuyên niệm tưởng đến Tam Bảo với Ân đức bậc Chánh Đẳng Giác là Vị tự mình Giác Ngộ chơn chánh. Pháp mà bậc Chánh Đẳng Giác thuyết toàn hảo. Chư Tăng là là bực thực hành toàn hảo. Trong cả 2 từ còn lại cũng có ý nghĩa này. Từ **Akampittha** tức là rung chuyển bởi 6 trường hợp.

Giải Thích: Sự rung chuyển của Địa đại nơi khu vực Giác Ngộ (**Bodhimaṇḍala**).

Được nghe rằng: Khi Bồ Tát ngự vào khu vực Giác ngộ thì theo đường hướng dưới, về phía hướng Dưới tận cùng trở xuống cho đến Đại địa ngục Vô gián (Avicīmahānaraka), về phía hướng Trên trở lên cho đến Phạm thiên Phi tướng Phi Phi tướng (Bhavagabrahma), về phía hướng Tây tận cùng trở xuống cho đến Đại địa ngục Vô gián, về phía hướng Đông trở lên cho đến Phạm thiên Phi tướng Phi Phi tướng, về phía hướng Bắc tận cùng trở xuống cho đến Đại địa ngục Vô gián, về phía hướng Nam trở lên cho đến Phạm thiên Phi tướng Phi Phi tướng, về phía hướng Đông trở xuống tận cùng cho đến Đại địa ngục Vô gián, về phía hướng Tây trở lên cho đến Phạm thiên Phi tướng Phi Phi tướng. Ngay cả cây Bồ Đề tận cùng trở xuống cho đến Đại địa ngục Vô gián, phía trên vọt lên cho đến Phạm thiên Phi tướng Phi Phi tướng như nhau. Trong ngày đó Địa Đại một ngàn luân vi thế giới đều rung chuyển bởi 6 trường hợp như đã diễn giải trên.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Gotamaka thứ 3



Chánh Kinh Bài Kinh Bharandū

124. Bharandū

1. Một thời, Thế Tôn đang du hành giữa dân chúng Kosala và đi đến Kapilavatthu. Họ Thích Mahānāma nghe tin Thế Tôn đã đến Kapilavatthu. Rồi họ Thích Mahānāma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Thế Tôn nói với họ Thích Mahānāma đang đứng một bên: -Hãy đi, này

Mahānāma và tìm xem ở Kapilavatthu có chỗ nào, tại chỗ ấy, hôm nay chúng ta sẽ trú lại một đêm.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Họ Thích Mahānāma vâng đáp Thế Tôn, đi vào Kapilavatthu, đi khắp toàn vùng Kapilavatthu và không thấy một chỗ nào, Thế Tôn có thể trú một đêm. Rồi họ Thích Mahānāma đi đến Thế Tôn, sau khi đến bạch Thế Tôn:

2. - Bạch Thế Tôn, ở Kapilavatthu không có chỗ nào, tại đây, hôm nay Thế Tôn có thể trú một đêm. Nhưng có Bharandu, người Kālāmā này, trước tu Phạm hạnh với Thế Tôn. Hôm nay, Thế Tôn hãy ở một đêm tại am thất của vị ấy.

- Nay Mahānāma, hãy đi và trải một tấm thảm cho ta ở đó.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Họ Thích Mahānāma vâng đáp Thế Tôn, đi đến am thất của Bharandu người Kālāmā, sau khi đến, trải tấm thảm, đặt nước để rửa chân, rồi đi đến Thế Tôn, sau khi đến, bạch Thế Tôn: - Bạch Thế Tôn, tấm thảm đã trải, nước để rửa chân đã sẵn sàng, bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy làm gì Ngài nghĩ là phải thời!

3. Rồi Thế Tôn đi đến am thất của Bharandu người Kālāmā, sau khi đến, ngồi xuống chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn rửa chân.

Rồi họ Thích Mahānāma nghĩ như sau: “Nay không phải thời để hầu hạ Thế Tôn. Thế Tôn đang mệt mỏi. Ngày mai ta sẽ đến hầu hạ Thế Tôn.” Nghĩ vậy xong bèn đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về ngài rồi đi ra.

Họ Thích Mahānāma, sau khi đêm ấy đã mãn, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với họ Thích Mahānāma đang ngồi một bên:

4. - Nay Mahānāma, có ba vị đạo sư có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Ở đây, này Mahānāma, có vị đạo sư trình bày sự Biến tri của các Dục vọng, nhưng không trình bày sự Biến tri của các Sắc, không trình bày sự Biến tri của các Cảm thọ. Ở đây, này Mahānāma, có vị đạo sư trình bày sự Biến tri của các Dục vọng, trình bày sự Biến tri của các Sắc, nhưng không trình bày sự Biến tri của các Cảm thọ. Nhưng ở đây, này Mahānāma, có vị Đạo Sư trình bày sự Biến tri của các dục vọng, trình bày sự Biến tri của các Sắc, trình bày sự Biến tri của các Cảm thọ. Nay Mahānāma, có ba vị đạo sư này có mặt, xuất hiện ở đời. Trong ba vị này, này Mahānāma, kết luận là một hay là sai khác?

5. Khi được nói như vậy, Bharandu, người Kālāmā, nói với họ Thích Mahānāma:

- Nay Mahānāma, hãy nói là một. Khi nghe nói vậy, Thế Tôn nói với họ Thích Mahānāma:

- Nay Mahānāma, hãy nói là khác.

Lần thứ hai, Brahandu, người Kālāmā nói với họ Thích Mahānāma: -Nay Mahānāma, hãy nói là một.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với họ Thích Mahānāma: -Nay Mahānāma, hãy nói là khác.

Lần thứ ba Brahandu, người Kālāmā nói với họ Thích Mahānāma: -Nay Mahānāma, hãy nói là một.

Lần thứ ba, Thế Tôn nói với họ Thích Mahānāma:

- Nay Mahānāma, hãy nói là khác.

6. Rồi Bharandu, người Kālāmā suy nghĩ như sau: “Trước mặt họ Thích Mahānāma có thể lực lớn này, ta bị Sa-môn Gotama nói trái ngược cho đến lần thứ ba. Vậy ta hãy rời khỏi Kapilavatthu.” Rồi Bharandu người Kālāmā đi ra khỏi Kapilavatthu, một sự ra đi khỏi Kapilavatthu, không bao giờ có trở lại nữa.

Sớ Giải Bài Kinh Bharanḍu

(AtthakathāBharanḍuSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Bharanḍu thứ 124 như sau:

Từ **Kevalakappam** tức toàn diện tất cả. Từ **Āhīṇḍanto** tức đi Du hành. Cụm từ **Na addasā** tức vì sao Đức vua **Mahānāmasakya** không có ý gặp. Được nghe rằng: Đạo sĩ **Bharanḍukālāma** này dùng đồ ăn khát thực thượng vị của tất cả Vua **Sākya** Luân chuyển đi. Đức Thế Tôn hiểu rằng trong lúc Ngài ngự đến trú xứ của Đạo sĩ đó Thuyết pháp một chương (**Kaṇḍa**) sẽ xảy ra, nên Ngài chú nguyện bằng cách không cho nhìn thấy hiện bày nơi nghỉ ngơi khác, vì vậy Đức vua **Mahānāmasākya** mới không nhìn thấy.

Từ **Puraṇasabrahmacārī** tức từng là Người cùng thực hành Phạm hạnh với nhau đến trước. Được nghe rằng: Đạo sĩ **Bharanḍukālāma** đó ở trong cốc (am) trong thời kỳ Đạo sĩ **Kalāmagotara**. Ngài giáo thọ Sư **Dhammasaṅgāhakā** đề cập ám chỉ đến chính Đạo sĩ đó. Cụm từ **Santharam paññāpehi** nghĩa là người hãy trải tọa cụ sẽ phải trải. Cụm từ **Santharam**

paññapetvā nghĩa là trái vải dành cho chỗ nằm trên giường mà thích hợp. Việc vi phạm gọi là hiểu biết đúng đắn (**Pariññā**).

Trong cụm từ **Kāmānaṃ pariññānaṃ paññāpeti** này do một số nhóm Đạo sư chế định việc vượt qua trong các Dục rằng là Sơ thiền. Cụm từ **Na rūpānaṃ pariññānaṃ** tức không chế định Pháp là Nhân vượt qua Sắc rằng là Vô sắc giới định (**Arūpāvacarasamāpatti**). Cụm từ **Na vedanānaṃ pariññānaṃ** tức không chế định vượt qua Thọ rằng là Niết-bàn; **Gati** tức sự Thành tựu gọi là Kết thúc (**Niṭṭhā**). Cụm từ **Udāhu puthu** sự việc hoặç khác nhau.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Bharanḍu thứ 124



Chánh Kinh Bài Kinh Hatthaka

125.- Hatthaka

1. Một thời Thế Tôn trú ở Sāvatti, tại Jetanava, khu vườn của Anāthapiṇḍika.

Rời Thiên tử Hatthaka, sau khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetanava đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, vị ấy nghĩ: “Ta sẽ đứng thẳng trước Thế Tôn,” nhưng vị ấy chìm xuống, lún xuống, không có thể đứng thẳng; ví như thực tô hay dầu đổ trên cát, chìm xuống, lún xuống, không thể giữ lại. Cũng vậy, Thiên tử Hatthaka nghĩ rằng: “Ta sẽ đứng thẳng trước mặt Thế Tôn,” nhưng vị ấy chìm xuống, lún xuống, không thể đứng thẳng.

2. Rồi Thế Tôn nói với Thiên tử Hatthaka:

- Nay Hatthaka, hãy hóa thành một tỳ thế thô xấu.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Thiên tử Hatthaka vâng đáp Thế Tôn sau khi hóa thành một tỳ thế thô xấu, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Thế Tôn nói với Thiên tử Hatthaka đang đứng một bên:

- Nay Hatthaka, các pháp được diễn tiến trước kia, khi Ông còn làm người, các pháp ấy được diễn tiến hiện nay đối với Ông không?

- Bạch Thế Tôn, các pháp được diễn tiến trước kia, khi con còn làm người, các pháp ấy có được diễn tiến hiện nay với con. Và bạch Thế Tôn, có các pháp không được diễn tiến trước kia, khi con còn làm người, các pháp ấy có được diễn tiến hiện nay đối với con. Ví như, bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn sống, được các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, các vua chúa, các đại thần của vua, các ngoại đạo, các đệ tử ngoại đạo doanh vậy. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, con sống được các Thiên tử doanh vậy. Từ xa, bạch Thế Tôn, các Thiên tử đi đến, nghĩ rằng: "Chúng ta hãy đến nghe pháp từ Thiên tử Hatthaka."

Có ba pháp, bạch Thế Tôn, con cảm thấy không bao giờ vừa đủ, con chết con vẫn còn ân hận luyến tiếc. Thế nào là ba? Bạch Thế Tôn, con cảm thấy không bao giờ vừa đủ được thấy Thế Tôn, con chết con vẫn còn ân hận luyến tiếc. Bạch Thế Tôn, con cảm thấy không bao giờ vừa đủ được nghe Diệu pháp, con chết con vẫn còn ân hận luyến tiếc. Bạch Thế Tôn, con cảm thấy không bao giờ được phục vụ hầu hạ chúng Tăng, con chết con vẫn còn ân

hận luyến tiếc. Có ba pháp này, bạch Thế Tôn, con cảm thấy không bao giờ vừa đủ. Con chết con vẫn còn ân hận luyến tiếc.

*Con thấy không vừa đủ
Khi được gặp Thế Tôn
Được phục vụ chúng Tăng
Được lắng nghe Diệu pháp
Học tập tăng thượng giới
Thích thú nghe Diệu pháp
Do đối với ba pháp
Cảm thấy không vừa đủ
Thiên tử Hatthaka
Được sanh Vô phiền thiên.*

Sớ Giải Bài Kinh Hatthaka

(AtthakathāHatthakaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Hatthaka thứ 125 như sau: **Abhikkanta** là từ trong Cụm từ **Abhikkantāya rattiya** này trình bày đến ý nghĩa Chấm dứt, tốt, sắc đẹp và đáng Tỳ hỷ vô cùng... Trong 4 ý nghĩa đó thì từ **Abhikkanta** trình bày đến sự Chấm dứt, như trong tất cả câu chẳng hạn như: “Bạch Đức Thế Tôn, đêm đã chấm dứt, đã qua canh một, chư Tỳ Khuru Tăng đã ngồi lâu, bạch Đức Thế Tôn, xin Đức Thế Tôn hãy thuyết Giới bốn Ba La Đề Mộc Xoa với tất cả Tỳ khuru.” Trình bày đến sự Tốt, như trong câu: “Người này tốt (đẹp) lẫn tinh tường hơn 4 người này.” Trình bày đến ý nghĩa Sắc đẹp như trong các câu chẳng hạn như: Ai rực rỡ bởi thần lực, bởi danh xưng có màu da đẹp vô cùng, làm cho tất cả phương hướng chói sáng, đang

đánh lễ dưới hai chân của ta. Trình bày đến ý nghĩa đáng Tỳ hỷ vô cùng như trong các câu chẳng hạn như: “Bạch Ngài, thật đáng Tỳ hỷ vô cùng.”

Nhưng trong Cụm từ **Abhikkantāya rattiya** này thì từ **Abhikkanta** trình bày trong sự Tốt, do đó Ngài mới đề cập giải thích rằng **Abhikkantāya rattiya** nghĩa là trong đêm đáng mong muốn, đáng vui thích, đáng hài lòng. Từ **Abhikkanta** trong từ **Abhikkantavaṇṇa** này trình bày đến Sắc đẹp. Còn từ **Vaṇṇa** trình bày đến màu da (**Chavi**), tán thán (**Thuti**), giai cấp (**Kulavagga**), nguyên nhân (**Karaṇa**), hình dạng (**Sañthāna**), kích cỡ (**Pamāṇa**) và trong Sắc xứ (**Rūpāratana**)...

Trong tất cả 6 ý nghĩa thì từ **Vaṇṇa** trình bày đến Màu da như trong câu: Đức Thế Tôn Ngài có màu da như vàng ròng. Trình bày đến sự Tán thán như trong câu: “Này gia chủ, sự tán thán Ân đức của sa môn **GoTaMa** được Ngài quan tâm từ khi nào?” Trình bày đến Giai cấp như trong câu: “Bạch Ngài **GoTaMa**, màu da của con có 4 loại.” Trình bày đến Nguyên nhân như trong câu: “Lại nữa, do bao nhiêu Nguyên nhân mà Họ gọi là Trộm cắp mùi thơm (**Gandhattheno**).

Trình bày đến Hình dạng như trong câu: Hóa hiện thành hình dạng con Voi chúa to lớn. Trình bày đến Kích cỡ như trong câu: Kích cỡ của Bát có 3 loại. Trình bày đến Sắc xứ như trong câu: Sắc (màu), khí, vị, vật thực. Từ **Vaṇṇa** trong nơi đây nên hiểu là Màu da. Do đó, Ngài mới đề cập Giải thích rằng: **Abhikkantavaṇṇa** nghĩa là có Màu da đẹp tức có Màu da đáng mong muốn, có Màu da đáng hài lòng.

Từ **Kevala** trong từ **Kevalakappam** này có ý nghĩa không phải nhỏ, như không còn Dư sót (**Anavasesa**), phần

hiều (**Yebhuyya**), không lẫn lộn nhau (**Abyāmissa**), không nhiều (**Nātireka**), quyết tâm (**Daḷhattha**), tách lìa khỏi (**Visamyoga**). Thật vậy **Kevala** này có ý nghĩa Không còn dư sót như trong câu: Phạm hạnh Thanh tịnh hoàn toàn Viên mãn. Sự việc mà từ **Kevala** được dùng vào ý nghĩa Phần nhiều như trong câu: Số lượng phần nhiều dân **Anga** và **Magadha** sẽ cùng nhau thọ dụng vật thực cứng (**Khādaniya**) và vật thực mềm (**Bhojanīyāhāra**) vừa đủ để đi vào diện kiến.

Sự việc từ **Kevala** có ý nghĩa Không lẫn lộn nhau như trong câu: Sự khởi hiện của khối Khổ thường không lẫn lộn nhau. Sự việc từ **Kevala** có ý nghĩa Không nhiều như trong câu: Người có tuổi thọ như vậy chỉ thuần nhất có Đức tin không nhiều. Sự việc từ **Kevala** có ý nghĩa Quyết tâm như trong câu: “Thừa hiên giả, bạn đồng trú của Ngài **Anuruddha** là bên ngoài hiện diện trong việc quyết tâm chia rẽ Tăng (**Saṅghabheda**).” Từ **Kevala** có ý nghĩa là Tách lìa khỏi như trong câu: Người tách lìa được khỏi đời sống Ngài gọi là người Cao quý nhất (**Uttamapurisa**). Nhưng trong nơi đây ngài chú ý lấy không còn dư sót là ý nghĩa của từ **kevala** đó.

Còn từ **Kappa** có nhiều ý nghĩa..., như Tin chắc (**Abhisaddahana**), cần dùng (**Vohāra**), thời gian chế định (**kālapaññatti**), dẹp bỏ (**chedana**), ấn định (**vikappa**), lý do để biện bạch (**lesa**), tánh chất khắp cả (**samantabhāva**). Thật vậy từ **kappa** có nghĩa là tin chắc như trong câu: Lời chế định của Ngài **GoTaMa** là bậc A La Hán Chánh Đẳng Giác đáng tin chắc. Từ **kappa** có ý nghĩa kêu gọi như trong câu: này các tỳ khuru, như lai cho phép dùng trái cây theo 5 loại mà sa môn cần dùng. Từ **kappa** có ý nghĩa thời gian (**kāla**) như trong câu: ta sẽ sống thường xuyên suốt thời gian với trạng thái nào. Từ **kappa** có ý

nghĩa là chế định (**paññatti**) như trong câu: “Thưa hiền giả, kiếp (được chế định) như thế nào?” Từ **Kappa** có ý nghĩa Đẹp bỏ (**Chedana**) như trong câu: Người đã sửa soạn thì cạo tóc và râu. Từ **Kappa** có ý nghĩa ấn định như 2 ngón tay là thích hợp. Từ **kappa** có ý nghĩa lý do để biện bạch như lý do biện bạch để ngủ, từ **kappa** có ý nghĩa khắp mọi phía như trong câu: làm cho chói sáng khắp cả Kỳ viên Tịnh xá. Nhưng trong nơi đây, Ngài chú ý lấy khắp cả là ý nghĩa của từ **kappa**.

Do đó, trong Cụm từ **Kevalakappam Jetavanam** này mới có ý nghĩa làm cho Kỳ viên Tịnh xá chói sáng khắp cả không còn dư sót. Từ **obhāsetvā** tức là tỏa hào quang đi. Từ **vālukāya** tức cát mịn. Cụm từ **na saññhāti** tức không đang đứng. Từ **oḷāyikam** nghĩa là bởi vì trong lúc phạm thiên và chư thiên đang đứng trên mặt đất nên hóa hiện thành tự thể thô hoặc hóa hiện mặt đất, cho nên Đức Thế Tôn mới thuyết như vậy. Bằng từ **dhammā** này ngài thuyết đến Phật ngôn mà Thiên tử **Hatthaka** từng học trong kiếp trước. Cụm từ **Nappavattino ahesum** nghĩa là tất cả Pháp suy tàn từ việc đọc của người quên học thuộc lòng. Cụm từ **Appaṭi bhāno** tức không quay trở lại nghĩa là không hứng thú. Từ **Dasabalassa** nghĩa là đối với sự thấy bằng Nhãn thức. Từ **Upaṭṭhānassa** nghĩa là đối với sự phục vụ bằng Tứ vật dụng. Từ **Adhisilam** tức 10 Giới, với 10 Giới đó Đức Thế Tôn gọi là Tăng thượng Giới bởi vì so sánh với 5 Giới; Bằng cụm từ **Aviham gato** Thiên tử **Hatthaka** trình bày rằng: Con đã sanh lên tầng Phạm thiên Vô phiền (**Avihā**).

Kết Thúc Sơ Giải Bài Kinh Hatthaka thứ 125



Chánh Kinh Bài Kinh Thối Nát

126.- Thối Nát.

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Bārānasi, tại Isipatana vườn Nai. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Ba-la-nại để khát thực. Thế Tôn, trong khi đi khát thực tại Goyogapilakkha, gần cây sung, chỗ cột đàn bò, thấy một Tỷ-kheo hưởng thọ hương vị trống không, không có Thiền định, hưởng thọ hương vị hướng ngoại của vật dục, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, với tâm tán loạn, với các căn phóng túng. Thấy vậy, Thế Tôn liền nói với vị Tỷ-kheo ấy: -Này Tỷ-kheo, này Tỷ-kheo! Sự chớ có làm cho tự ngã trở thành thối nát. Này Tỷ-kheo, ai làm cho tự ngã thối nát đầy ú, thoát ra toàn mùi hôi thối, rồi mong rằng các loài ruồi lẳng sẽ không bu đậu, sẽ không có chiếm cứ, sự kiện như vậy không xảy ra.

2. Tỷ-kheo ấy được Thế Tôn giáo giới với lời giáo giới như vậy, cảm thấy xúc động mạnh. Rồi Thế Tôn, sau khi đi khát thực ở Ba-la-nại xong, sau bữa ăn, sau khi đi khát thực trở về, bảo các Tỷ-kheo: -Này các Tỷ-kheo, ở đây, sau khi đắp y vào buổi sáng, Ta cầm lấy y bát, đi vào Ba-la-nại để khát thực. Này các Tỷ-kheo, trong khi đi khát thực tại Goyogapilakkha, Ta thấy một Tỷ-kheo hưởng thọ hương vị trống không, không có Thiền định, hưởng thọ hương vị hướng ngoại của vật dục, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, với tâm tán loạn, với các căn phóng túng. Thấy vậy, Ta liền nói với vị Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo, này Tỷ-kheo! Sự chớ có làm cho tự ngã trở thành thối nát. Này Tỷ-kheo, ai làm cho tự ngã thối nát đầy ú, thoát ra toàn mùi hôi thối, rồi mong rằng: "Các loài ruồi lẳng sẽ không bu đậu, sẽ không có chiếm cứ, sự kiện như vậy không xảy ra."

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được ta giáo giới với lời giáo giới này, cảm thấy xúc động mạnh.

3. Khi nghe nói như vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thối nát cái gì, mùi hôi thối cái gì, các loài ruồi lẳng là gì?

- Tham cầu, này các Tỷ-kheo, là thối nát; sân là mùi hôi thối, các suy tầm ác bất thiện là ruồi lẳng. Này các Tỷ-kheo, ai làm cho các tự ngã thối nát, đầy ú, thoát ra mùi hôi thối, rồi mong rằng: "Các loài ruồi lẳng sẽ không bu đậu, sẽ không chiếm cứ," sự kiện như vậy không xảy ra.

Tai mắt không giữ gìn
Các căn không phòng hộ
Ruồi lẳng sẽ bu đậu
Các tư duy tham ái
Tỷ-kheo làm thối nát
Đầy ú những mùi hôi
Xa thay là Niết-bàn!
Chịu phần về bất hạnh
Tại làng hay trong rừng
Tự ngã không an tịnh
Kẻ ngu và không trí
Đi đứng đầy ruồi lẳng
Ai đầy đủ Giới luật
Thích tịch tịnh Trí tuệ
Sống an tịnh hạnh phúc
Mọi ruồi lẳng diệt trừ.

Sớ Giải Bài Kinh Thối Nát

(AtthakathāKaṭṭvīyaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Thối Nát thứ 126 như sau:

Từ **Goyogamilakkhasmim** tức trong trú xứ của người rừng xuất hiện nhân vật trong chợ mua bán bò. Từ **Rittassādam** tức là mất đi sự hân hoan bởi vì có sự an lạc sanh lên từ Thiền, từ **Bāhirassādam** tức sự thích thú (đối với) an lạc bên ngoài bằng mãnh lực của an lạc phát sanh từ ngũ dục. Từ **Kuṭṭivīyam** tức đồ vật mà Họ đã liệng bỏ, từ **Āmakagandhe** tức có mùi tanh nghĩa là sự nổi giận. Từ **Avassutaṃ** tức ẩm thấp, ruồi tức Phiền não gọi là Ruồi (**Makkhikā**). Từ **Nānupatissanti** tức sẽ không bay theo. Từ **Nānavassavissanti** tức sẽ không theo bu vào. Từ **Samvegamāpādi** tức là bậc Nhập Lưu.

Từ **Kaṭṭvīyakato** tức làm cho trở thành vật hư thối, cụm từ **Ārakā hoti** tức có trong nơi xa. Cụm từ **Vighātasseva bhāgavā** tức có phần của chính Khổ đó. Từ **Care** tức thường tới lui. Từ **Dummedho** tức là người có Trí tuệ thấp kém. Trong bài Kinh này nêu lên Thuyết thuần nhất về Luân hồi, nhưng trong tất cả Kệ ngôn thì thuyết cả **Luân hồi** và **Phi luân hồi**.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Thối Nát thứ 126



Chánh Kinh Bài Kinh Anurudha (2)

128.- Anuruddha (2)

1. Rồi Tôn giả Anuruddha đi đến Tôn giả Sāriputta, sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sāriputta những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Anuruddha nói với Tôn giả Sāriputta: -Thưa Tôn giả Sāriputta, với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhiên, tôi có thể nhìn một ngàn thế giới. Phấn chấn là tinh tấn của tôi; không có thụ động, niệm được an trú, không có thất niệm; tâm được khinh an, không có cuồng nhiệt; tâm được định tĩnh nhất tâm. Tuy vậy, tâm của tôi chưa được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có không chấp thủ.

2. Nay Hiền giả Anuruddha, Hiền giả suy nghĩ như sau: “Với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, tôi có thể nhìn một ngàn thế giới.” Đây là kiêu mạn của Hiền giả. Nay Hiền giả Anuruddha, nếu Hiền giả suy nghĩ như sau: “Phấn chấn là tinh tấn của tôi; không có thụ động, niệm được an trú, không có thất niệm; tâm được khinh an, không có cuồng nhiệt; tâm được định tĩnh nhất tâm,” đây là trạo cử của Hiền giả. Nay Hiền giả Anuruddha, Hiền giả suy nghĩ như sau: “Tuy vậy, tâm của tôi chưa được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có không chấp thủ”; Đây là hối quá của Hiền giả. Lành thay, nếu Tôn giả Anuruddha đoạn trừ ba pháp này, không tác ý ba pháp này, hãy chú tâm vào Giới bất tử.

3. Rồi Tôn giả Anuruddha, sau một thời gian, sau khi đoạn trừ ba pháp này, sau khi không tác ý ba pháp này, chú tâm vào Giới bất tử. Rồi Tôn giả Anuruddha sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu đạt được

mục đích mà một thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Chính là Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, sau khi chứng ngộ, chứng đạt, vị ấy an trú. Vị ấy chứng tri: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa.” Tôn giả Anuruddha trở thành một vị A-la-hán nữa.

Sớ Giải Bài Kinh Anuruddha thứ 2

(AtthakathāDutiyaAnurudhaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh **Anurudha** thứ 2 (thứ 128) như sau: Cụm từ **Idante mānasmim** tức là Ngã mạn tăng trưởng, theo 9 cách của Ngài; Cụm từ **Idante Uddhaccasmim** tức đây là Phóng dật của Ngài, nghĩa là tâm của Ngài phóng dật. Cụm từ **Idante Kukkuccasmim** tức đây là sự Bực bội của Ngài.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Anuruddha thứ hai (thứ 128)



Chánh Kinh Bài Kinh Che Giấu

129. Che Giấu

1. - Nay các Tỷ-kheo, có ba pháp này được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ. Thế nào là ba?

Sở hành của nữ nhân, này các Tỷ-kheo, được che dấu khi thực hành, không có hiển lộ. Chú thuật của Bà-la-môn, này các Tỷ-kheo, được che dấu khi thực hành, không có hiển lộ. Tà kiến,

này các Tỷ-kheo, được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ. Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ.

2. Này các Tỷ-kheo, ba pháp này chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu. Vành tròn của mặt trăng, này các Tỷ-kheo, chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu. Vành tròn của mặt trời, này các Tỷ-kheo, chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu. Pháp và Luật được Thế Tôn tuyên thuyết, này các Tỷ-kheo, chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu. Ba pháp này chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu.

Sớ Giải Bài Kinh Che Giấu

(AtthakathāPaticchannaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Che Giấu thứ 129 như sau:

Từ **Vahanti** tức thường đem đi. Cụm từ **Paṭicchanno vahati** tức là che giấu rồi mới ra đi. Trong cụm từ **Viṭe virocati** là nên điều sẽ phải công bố với 4 cách tức:

- 1) Công khai (phơi bày) theo 1 chiều
- 2) Công khai (phơi bày) theo 2 chiều
- 3) Công khai (phơi bày) theo cá nhân
- 4) Công khai (phơi bày) theo toàn diện.

Trong tất cả sự việc sẽ phải công bố theo 4 cách đó thì điều học (**Sikkhāpāda**) không phổ biến (đối với Tỳ khuru và Tỳ khuru ni) gọi là Công bố theo 1 chiều, điều học phổ biến (đối với Lưỡng phái Tăng (**Ubhato saṅgha**)) gọi là Công bố theo 2 chiều.

ng có h
i thực
đức chứng đắc được gọi là Công bố riêng biệt cho mình, còn
t Ngôn tức Tam Tạng gọi là sự việc Công bố phổ biến.

Kết Thúc Sớ Giải Bài kinh Che Giấu thứ 129



ược hié
ác Tỷ-k
n của
ó che g
kheo, c
hói sá

**Chánh Kinh Bài Kinh Chữ Viết
Trên Đá, Trên Đất, Trên Nước**

130.- Chữ Viết Trên Đá, Trên Đất, Trên Nước.

1. - Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện
ở đời. Thế nào là ba? Hạng người như chữ viết trên đá, hạng
r sau người như chữ viết trên đất, hạng người như chữ viết trên nước.

ann
ocat
Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người như chữ viết
trên đá? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người luôn luôn phần nộ và
phần nộ của người này tiếp tục lâu dài. Này các Tỷ-kheo, ví như
chữ viết trên đá không bị gió hay nước tẩy xóa mau chóng, được
tồn tại lâu dài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có người luôn
luôn phần nộ và phần nộ của người này tiếp tục lâu dài. Này các
Tỷ-kheo, đây được gọi là hạng người như chữ được viết trên đá.

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người như chữ viết
trên đất? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người luôn luôn phần nộ và
phần nộ của người này không tiếp tục lâu dài. Này các Tỷ-kheo,
ví như chữ viết trên đất bị gió hay nước tẩy xóa mau chóng,
không có tồn tại lâu dài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có
người luôn luôn phần nộ và phần nộ của người này không có tiếp

tục lâu dài. Nay các Tỷ-kheo, đây được gọi là hạng người như chữ được viết trên đất.

3. Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người như chữ viết trên nước? Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có người đầu bị nói một cách kịch liệt, đầu có bị nói một cách ác độc, đầu có bị nói một cách thô lỗ, tuy vậy vẫn dễ dàng hòa hợp, thân thiện, và hoan hỷ. Nay các Tỷ-kheo, ví như chữ viết trên nước được mau chóng biến mất, không có tồn tại lâu dài. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, có người đầu bị nói một cách kịch liệt, đầu có bị nói một cách ác độc, đầu có bị nói một cách thô lỗ, tuy vậy vẫn dễ dàng hòa hợp, thân thiện, và hoan hỷ. Nay các Tỷ-kheo, đây được gọi là hạng người như chữ được viết trên nước.

Ba hạng người này, nay các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

Sớ Giải Bài Kinh Chữ Viết Trên Đá-Trên Đất-Trên Nước (AtthakathāLekhaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Chữ Viết Trên Đá, trên Đất, trên Nước thứ 130 như sau: Từ **Abhinham** tức thường xuyên, nghĩa là xấu xa liên tục. Từ **Agālhena** tức bằng lời nói nặng, nghĩa là lời nói cộc lốc (sượng cứng người). Từ **Parusena** tức bằng lời nói Thô lỗ, nghĩa là bị chê trách nặng nề, thô thiển. Từ **Amanāpena** tức bằng lời nói Không mát lòng, nghĩa là không hả dạ. Từ **Sandhiyatiyeva** tức là dẫn đến sự Hàn gán. Từ **Samsandatiyeva** tức mang lại như Chính ban đầu đó. Từ **Sammodatiyeva** tức dẫn đến xem như chỉ là một. Từ còn lại trong các câu đều dễ cả.

**Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Chữ viết
Trên Đá-Trên Đất-Trên Nước thứ 130
Kết Thúc Dẫn Giải Phẩm Kusināra thứ III**



XIV. Phẩm Kế Chiến Sĩ

Chánh Kinh Bài Kinh Kế Chiến Sĩ

131. Kế Chiến Sĩ

1. - Đầy đủ ba đức tánh, này các Tỷ-kheo, một kế chiến sĩ xứng đáng cho vua sử dụng, thuộc sở hữu của vua, là biểu tượng của vua.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, kế chiến sĩ là người bắn xa, bắn như chớp nhoáng và đâm thủng được vật lớn. Đầy đủ ba đức tánh này, này các Tỷ-kheo, một kế chiến sĩ xứng đáng cho vua sử dụng, thuộc sở hữu của vua, là biểu tượng của vua.

2. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đầy đủ ba đức tánh, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là kẻ bắn xa, bắn như chớp nhoáng và đâm thủng được vật to lớn.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo bắn xa?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phàm có sắc gì, quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, tất cả sắc, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Phàm có cảm thọ gì, quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, tất cả cảm thọ, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: "Cái này

không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.”

Phàm có tướng gì, quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, tất cả tướng, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.”

Phàm có các hành gì, quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, tất cả các hành, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.”

Phàm có thức gì, quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, tất cả các thức, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.”

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo bắn như chớp nhoáng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Như thật tuệ tri: “Đây là khổ.” Như thật tuệ tri: “Đây là khổ tập”; Như thật tuệ tri: “Đây là khổ diệt”; Như thật tuệ tri: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt”; Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo bắn như chớp nhoáng.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đâm thủng vật to lớn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đâm thủng Vô minh uẩn to lớn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đâm thủng vật to lớn. Đầy đủ ba đức tánh này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được

cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời.

Diễn Giải Phẩm Người Chiến Sĩ thứ IV

(YodhājīvaVaggavaṇṇanā)

Sớ Giải Bài Kinh Kế Chiến Sĩ

(AtthakathāYodhaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Kế Chiến Sĩ thứ 131 như sau:

Người gia nhập nương vào sự chiến đấu để nuôi sống gọi là Chiến sĩ (Yodhājīva). Từ **Rājāraho** tức tương xứng với Đức vua. Từ **Rājābhaggo** tức là người mà Đức vua sẽ phải sử dụng. Cụm từ **Anganteva saṅkhayaṃ gacchati** tức coi như là thành phần cấu tạo, bởi vì là nhu cầu cần thiết thật sự giống như tay và chân. Cụm từ **Dūre pātī hoti** tức bắn mũi tên đi xa trong nước được khoảng 1 **Usabha**, trên đất liền xa khoảng 8 **Usabha** hoặc vượt quá thể đó. Thật vậy, binh lính của Đức vua **Duṭṭhagāmaṇībhaya** bắn cung đi xa được khoảng 9 **Usabha**. Trong kiếp sau cùng Bồ Tát bắn cung đi xa được 1 do tuần. Từ **Akkhaṇavedhī** tức bắn không trật.

Một lý khác nữa: Có thể bắn được nhanh kịp tia (sét) chớp. Cụm từ **Mahato kāyassa padāletā** tức có thể bắn thủng 100 tấm ván buộc vào nhau hay 100 tấm da trâu buộc vào nhau hay tấm kim loại dày khoảng bằng ngón tay cái hay tấm bằng phẳng làm bằng cây trắc dày 4 ngón tay, tấm bằng phẳng làm bằng cây sung dày 1 gang tay hay xe bò chở cát theo chiều dài.

Cụm từ **Yaṅkiñci rūpaṃ...**, được Giải thích chi tiết trong bộ Thanh Tịnh Đạo, cụm từ **Netaṃ nama...** Đức Thế Tôn nêu lên Thuyết bằng mãnh lực của việc ngăn chặn Ái dục, ngã mạn và Tà kiến. Cụm từ **Sammappaññāya passati** tức là Quán xét Thấy bằng Đạo Tuệ cùng với Minh Quán (**Vipassanā**) đúng đắn tức với Nguyên nhân, bằng Nguồn gốc. Từ **Padāletī** tức Triệt tiêu bằng A La Hán Đạo.

Kết Thúc Bài Kinh Kế Chiến Sĩ thứ 131



Chánh Kinh Bài Kinh Hội Chúng

132. Hội Chúng

- Nay các Tỷ-kheo, có ba hội chúng này. Thế nào là ba?

Hội chúng điều luyện về khoa trương, hội chúng điều luyện về chất vấn, hội chúng điều luyện về tùy theo sở thích. Nay các Tỷ-kheo, có ba hội chúng này.

Sớ Giải Bài Kinh Hội Chúng

(AtthakathāParisāSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Hội Chúng (thứ 132) như sau: Từ **Ukkācitavinītā** tức Hội chúng dẫn dắt mà không được kiểm tra, nghĩa là Hội chúng khó dạy dỗ được. Từ **Paṭipucchāvinītā** tức Hội chúng dẫn dắt được (dễ kiểm tra), nghĩa là Hội chúng dễ huấn luyện. Cụm từ **Yāvata ca vinītā** tức Hội chúng dẫn dắt với điều hướng dẫn có chừng mực, nghĩa là

Hội chúng được dẫn dắt bằng cách biết độ lượng. Ý nghĩa của **Pāli** từ **Yāvatajjhā** cũng bằng với **Yāva ajjhāsaya** (tức đầy đủ căn cơ) nghĩa là Hội chúng được tiếp nhận để dạy dỗ do Biết được căn cơ (**Adhayāsaya**).

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Hội Chúng thứ 132



Chánh Kinh Bài Kinh Xuất Hiện

134. Xuất Hiện

1. - *Này các Tỷ-kheo, dầu các Như Lai có xuất hiện hay không xuất hiện, vẫn được an trú là pháp trú tánh của giới ấy, là pháp quyết định tánh, tức là: "Tất cả các hành là vô thường."* Vấn đề này, Như Lai chánh giác tri, chánh giác ngộ, sau khi chánh giác tri, chánh giác ngộ, Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, tuyên thuyết, xác nhận, khai thị, phân biệt, hiển thị: "Tất cả các hành là vô thường."

2. *Này các Tỷ-kheo, dầu các Như Lai có xuất hiện hay không xuất hiện, vẫn được an trú là pháp trú tánh của giới ấy, là pháp quyết định tánh, tức là: "Tất cả các hành là khổ."* Về vấn đề này, Như Lai chánh giác tri, chánh giác ngộ, sau khi chánh giác tri, chánh giác ngộ, Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, tuyên thuyết, xác nhận, khai thị, phân biệt, hiển thị: "Tất cả các hành là khổ."

3. *Này các Tỷ-kheo, dầu các Như Lai có xuất hiện hay không xuất hiện, vẫn được an trú là pháp trú tánh của giới ấy, là pháp quyết định tánh, tức là: "Tất cả các pháp là vô ngã."* Về vấn đề này, Như Lai chánh giác tri, chánh giác ngộ. Sau khi chánh giác

tri, chánh giác ngộ, Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, tuyên thuyết, xác nhận, khai thị, phân biệt, hiển thị: "Tất cả các pháp là vô ngã."

Sớ Giải Bài Kinh Xuất Hiện

(AtthakathāUppādaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Xuất Hiện (thứ 134) như sau: Từ **Dhammatthittā** tức là Trạng thái tự gìn giữ riêng biệt được theo Thực tánh. Từ **Dhamma niyāmatā** tức chắc chắn theo Thực tánh. Cụm từ **Sabbe saṅkhārā** tức là Hành sinh diễn trong lãnh vực. Từ **Aniccā** tức gọi là Vô thường do ý nghĩa thay đổi không trở lại. Từ **Dukkhā** gọi là Khổ do ý nghĩa thường xuyên bức bách. Từ **Anattā** tức gọi là Vô ngã do ý nghĩa không diễn tiến theo quyền lực. Trong bài Kinh này Đức Thế Tôn nêu lên thuyết Tam Tướng lẫn lộn nhau như đã Giải thích trên.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Xuất Hiện (thứ 134)



Chánh Kinh Bài Kinh Mền Bằng Tóc

135.- Mền Bằng Tóc

1. - Ví như, này các Tỷ-kheo, trong tất cả loại vải được dệt, mền được dệt bằng tóc được xem là hạ liệt nhất. Mền được dệt bằng tóc, này các Tỷ-kheo, khi trời lạnh thì lạnh, khi trời nóng thì nóng, xấu xí, có mùi hôi, xúc chạm khó chịu. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong các chủ thuyết của các Sa-môn ngoại đạo tuyên bố, chủ thuyết của Makkhali được xem là hèn hạ nhất. Này các

Tỷ-kheo, Makkhali, kể ngu si có thuyết như sau; có kiến như sau:
“Không có nghiệp, không có nghiệp quả, không có tinh tấn.”

2. Nay các Tỷ-kheo, những ai là các vị A-la-hán trong thời quá khứ, các vị Chánh Đẳng Giác, các bậc Thế Tôn; các vị ấy đều Chủ trương có nghiệp, đều chủ trương có nghiệp quả, đều chủ trương có tinh tấn. Nhưng nay các Tỷ-kheo, chỉ có Makkhali, kể ngu si nói phản lại tất cả: “Không có nghiệp, không có nghiệp quả, không có tinh tấn.”

3. Nay các Tỷ-kheo, những ai là các vị A-la-hán trong thời vị lai, các vị Chánh Đẳng Giác, các bậc Thế Tôn; các vị ấy đều Chủ trương có nghiệp, đều chủ trương có nghiệp quả, đều chủ trương có tinh tấn. Nhưng nay các Tỷ-kheo, chỉ có Makkhali, kể ngu si nói phản lại tất cả: “Không có nghiệp, không có nghiệp quả, không có tinh tấn.”

Còn Ta, nay các Tỷ-kheo, nay là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác cũng Chủ trương có nghiệp, chủ trương có nghiệp quả, chủ trương có tinh tấn. Nhưng nay các Tỷ-kheo, chỉ có Makkhali, kể ngu si nói phản lại tất cả: “Không có nghiệp, không có nghiệp quả, không có tinh tấn.”

5. Ví như, nay các Tỷ-kheo, tại cửa sông, có người đặt một cái sập bẫy cá đem đến bất hạnh, đau khổ, tổn hại, nguy hại cho các loại cá. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, Makkhali, kể ngu si xuất hiện ở đời như cái bẫy sập loài người, đem lại bất hạnh, đau khổ, tổn hại, nguy hại cho nhiều loài hữu tình.

Sớ Giải Bài Kinh Mền Bằng Tóc

(AtthakathāKesakambalaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Mền Bằng Tóc (thứ 135) như sau: Cụm từ **Tantāvutānaṃ vatthānaṃ** là cách thứ 6 (**Chaṭṭhīvibhatti**) vào trong ý nghĩa của cách thứ 1 (**Paṭhamavibhatti**). **Giải Thích:** Vải dệt bằng chỉ sợi, vải **Kambala** dệt bằng tóc người gọi là **Kesakambala**. Ngay cả từ **Pavādānaṃ** này cũng là cách thứ 6 vào trong ý nghĩa của cách thứ 1. Từ **Paṭikiṭṭho** tức là Chủ thuyết sau hạ liệt. Từ **Moghapurisa** tức là người Rỗng không, nghĩa là người mê muội, đần độn. Từ **Paṭipāhati** tức Phán bác. Cụm từ **Khippaṃ udḍeyya** tức là bầy đặt cá.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Mền Bằng Tóc (thứ 135)



Chánh Kinh Bài Kinh Ngựa Chưa Được Điều Phục thứ nhất

137.- Ngựa Chưa Được Điều Phục

1. - *Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về ba loại ngựa chưa được điều phục và Ta sẽ giảng về ba hạng người chưa được điều phục. Hãy lắng nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.*

- *Thưa vâng, bạch Thế Tôn.*

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba loại ngựa chưa được điều phục? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa chưa được điều phục,

có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối: bề cao, chu vi, bề ngoài. Nhưng ở đây, này các Tỷ kheo, có loại ngựa chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, và cân đối. Ba loại này, này các Tỷ-kheo, là ba loại ngựa chưa được điều phục.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba hạng người chưa được điều phục? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối. Nhưng ở đây, có hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, và cân đối. Ba loại này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người chưa được điều phục.

2. Thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Như thật rõ biết: “Đây là khổ”; Như thật rõ biết: “Đây là khổ tập”; Như thật rõ biết: “Đây là khổ diệt”; Như thật rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.” Đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Nhưng khi được hỏi về Thắng pháp thắng luật, vị ấy lại ngậm ngừng không có trả lời. Đây Ta nói trong nghĩa không có sắc đẹp. Vị ấy không có nhận được các đồ tư dụng, như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Đây Ta nói trong nghĩa không có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chưa có điều phục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối.

3. Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không cân đối? Ở đây,

này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Như thật rõ biết: “Đây là khổ”; Như thật rõ biết: “Đây là khổ tập”; Như thật rõ biết: “Đây là khổ diệt”; Như thật rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.” Đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Nhưng khi được hỏi về Thắng pháp thắng luật, vị ấy trả lời là không có ngập ngừng. Đây Ta nói trong nghĩa có Sắc đẹp. Vị ấy không có nhận được các đồ tư dụng, như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Đây Ta nói trong nghĩa không có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chưa có điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối.

4. Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Như thật rõ biết: “Đây là khổ”; Như thật rõ biết: “Đây là khổ tập”; Như thật rõ biết: “Đây là khổ diệt”; Như thật rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.” Đây Ta nói trong nghĩa có Tốc lực. Nhưng khi được hỏi về Thắng pháp thắng luật, vị ấy liền trả lời không có ngập ngừng. Đây Ta nói trong nghĩa có Sắc đẹp. Vị ấy có nhận được các đồ tư dụng, như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Đây Ta nói trong nghĩa có Cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chưa có điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối. Những hạng người này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người chưa có cân đối.

Sớ Giải Bài Kinh Ngựa Chưa Được

Điều Phục thứ nhất

(AtthakathāPaṭhamaAssaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Ngựa Chưa Được Điều Phục thứ nhất (thứ 137) như sau:

Từ **Assakhalumko** tức Giống ngựa (què quặt). Cụm từ **Idamassa javasmim vadāmi** nghĩa là Như Lai nói rằng đây là sự Nhanh lẹ, tức Trí tuệ của vị Tỳ khuru đó. Cụm từ **Idamassa vaṇṇasmim vadāmi** nghĩa là Như Lai nói rằng đây là Màu sắc, tức là Ân đức tốt đẹp của vị Tỳ khuru đó. Cụm từ **Idamassa ārohapariṇāhamasmim** nghĩa là Như Lai nói rằng đây là sự Cao trội, oai nghi của vị Tỳ khuru đó.

Kết Thúc Số Giải Bài Kinh Ngựa Chưa

Được Điều Phục thứ nhất (thứ 137)



Chánh Kinh Bài Kinh Ngựa Được Điều Phục thứ hai

138.- Ngựa Được Điều Phục

1. - *Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về ba loại ngựa được điều phục và Ta sẽ giảng về ba hạng người chưa được điều phục. Hãy lắng nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.*

- *Thưa vâng, bạch Thế Tôn.*

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau: Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba loại ngựa được điều phục?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa được điều phục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, và cân đối. Ba loại này, này các Tỷ-kheo, là ba loại ngựa được điều phục.

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba hạng người được điều phục? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được điều phục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, và cân đối. Ba loại này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người được điều phục.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người được điều phục, có tốc lực, người không có sắc đẹp, không có cân đối? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do Đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, tại đấy được nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui đời ấy nữa. Đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Nhưng khi được hỏi về Thắng pháp thắng luật, vị ấy ngậm ngừng, vị ấy không có trả lời. Đây Ta nói trong nghĩa không có sắc đẹp. Vị ấy không nhận được các đồ tư dụng, như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Đây Ta nói trong nghĩa không có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người được điều phục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do Đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, tại đấy được nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui đời ấy nữa. Đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Nhưng khi được hỏi về Thắng pháp thắng luật, vị ấy trả lời không có ngậm ngừng. Đây Ta nói trong nghĩa có Sắc đẹp. Vị ấy không nhận được các đồ tư dụng, như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Đây Ta nói trong nghĩa không có cân đối.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do Đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, tại đây được nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui đời ấy nữa. Đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Nhưng khi được hỏi về Thắng pháp thắng luật, vị ấy trả lời không có ngập ngừng. Đây Ta nói trong nghĩa có Sắc đẹp. Vị ấy nhận được các đồ tư dụng, như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Đây Ta nói trong nghĩa có Cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối. Những hạng người này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người Được điều phục.

Sớ Giải Bài Kinh Ngựa Được

Điều Phục thứ hai

(AtthakathāDutiyaAssaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Ngựa Được Điều Phục thứ hai (thứ 138) như sau:

Từ **Assasadasse** tức là Ngựa hay (ngựa lai) trong tất cả số lượng ngựa. Từ **Purisasadasse** tức là Người giống như ngựa hay trong tất cả người, nghĩa là người Lịch thiệp. Trong bài Kinh này thuyết về 3 Đạo-Quả, trong tất cả ba loại người thì Người Tốt này nên hiểu rằng: Đầy đủ sự Nhanh lẹ tức Trí trong 3 Đạo.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Ngựa Được Điều Phục thứ hai

(thứ 138)

Chánh Kinh Bài Kinh Các Loại Ngựa Thuần Thục thứ ba

139. Các Loại Ngựa Thuần Thục.

1. - Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết giảng về ba loại ngựa hiền thiện, thuần thục, ba hạng người hiền thiện, thuần thục. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là ba loại ngựa hiền thiện, thuần thục? Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có loại ngựa hiền thiện, thuần thục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, thuần thục, có loại ngựa hiền thiện, thuần thục có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có loại ngựa hiền thiện, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối. Những loại này, nay các Tỷ-kheo, là ba loại ngựa hiền thiện, thuần thục.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là ba hạng người hiền thiện, thuần thục? Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có hạng người Hiền thiện, thuần thục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có hạng người Hiền thiện, thuần thục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối. Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có hạng người Hiền thiện, thuần thục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối. Những hạng người này, nay các Tỷ-kheo, là ba hạng người Hiền thiện, thuần thục.

2. Như thế nào, nay các Tỷ-kheo, là hạng người hiền thiện, thuần thục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối? Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với Thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an

trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Khi được hỏi về Thắng pháp và thắng luật, vị ấy ngáp ngừng không trả lời. Đây Ta nói trong nghĩa không có sắc đẹp. Vị ấy không nhận được các đồ tư dụng, như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Đây Ta nói trong nghĩa không có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người Hiền thiện, thần thực, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối.

3. Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người Hiền thiện, thuần thực, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt các Lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với Thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Khi được hỏi về Thắng pháp và thắng luật, vị ấy liền trả lời không có ngáp ngừng. Đây Ta nói trong nghĩa có sắc đẹp. Vị ấy không nhận được các đồ tư dụng, như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Đây Ta nói trong nghĩa không có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người Hiền thiện, thần thực, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối.

4. Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người Hiền thiện, thuần thực, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt các Lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với Thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Đây Ta nói trong nghĩa có Tốc lực. Khi được hỏi về Thắng pháp và thắng luật, vị ấy trả lời không ngáp ngừng. Đây Ta nói trong nghĩa có Sắc đẹp. Vị ấy nhận được các đồ tư dụng, như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Đây Ta nói trong nghĩa có Cân đối. Như

vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người Hiền thiện, thần thực, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người Hiền thiện, thuần thực.

**Sớ Giải Bài Kinh Các Loại
Ngựa Thuần Thực thứ ba
(AtthakathāTatiyaAssaSutta)**

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Các Loại Ngựa Thuần Thực thứ ba (thứ 139) như sau:

Từ **Bhadre** tức con Tuấn mã trưởng thành. Con ngựa biết được nhân thích hợp và không thích hợp gọi là con ngựa Thuần thực. Ngay cả đối với Người tinh tường cũng có ý nghĩa giống như vậy. Trong bài Kinh này Đức Thế Tôn nêu lên Thuyết về A La Hán quả. Trong tất cả ba loại người thì Người tinh tường này nên hiểu là người Đầy đủ sự thấu đáo tức Trí tuệ do A La Hán đạo.

**Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Các Loại Ngựa
Thuần Thực thứ ba (thứ 139)**



Chánh Kinh Bài Kinh Moranivāpa

140- Morannivāpa

1. Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha tại Moranivāpa. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo.
- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:
- Đầy đủ ba pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đạt đến tột cùng tối hảo, tột cùng an ổn khỏi các khổ ách, tột cùng Phạm hạnh, tột cùng cứu cánh, tối thượng giữa chư Thiên và loài Người. Thế nào là ba? Với Vô học giới uẩn, với Vô học định uẩn, với Vô học tuệ uẩn, đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo là tột cùng tối hảo, tột cùng an ổn khỏi các khổ ách, tột cùng Phạm hạnh, tột cùng cứu cánh, bậc tối thượng giữa chư Thiên và loài Người.

2. Đầy đủ với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo là tột cùng tối hảo, tột cùng an ổn khỏi các khổ ách, tột cùng Phạm hạnh, tột cùng cứu cánh, bậc tối thượng giữa chư Thiên và loài Người. Thế nào là ba?

Với thần biến Thần thông, với Kỳ thuyết thần thông, với Giáo giới thần thông; đầy đủ với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo là tột cùng tối hảo, tột cùng an ổn khỏi các khổ ách, tột cùng Phạm hạnh, tột cùng cứu cánh, bậc tối thượng giữa chư Thiên và loài Người

3. Đầy đủ với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo là tột cùng tối hảo, tột cùng an ổn khỏi các khổ ách, tột cùng Phạm

hạnh, tột cùng cứu cánh, bậc tối thượng giữa chư Thiên và loài Người. Thế nào là ba?

Với Chánh tri kiến, với Chánh trí, với Chánh giải thoát, đầy đủ với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo là tột cùng tối hảo, tột cùng an ổn khỏi các khổ ách, tột cùng Phạm hạnh, tột cùng cứu cánh, bậc tối thượng giữa chư Thiên và loài Người.

Sớ Giải Bài Kinh Moranivāpa

(AtthakathāPaṭhamaMoranivāpaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Moranivāpa thứ 1 như sau:

Từ **Accantaniṭṭho** tức Thành tựu bằng vượt khỏi tận cùng (của Khổ).

Giải Thích: Thành tựu Bất Động Pháp (**Akuppadhamma**). Từ còn lại giống như nhau (với Từ đã đề cập).

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh **Moranivāpa** thứ 2 như sau:

Từ **Iddhipaṭihāriyena** tức bằng việc Khai triển Thần thông diệu kỳ. Từ **Ādesanāpaṭihāriyena** tức bằng việc đề cập đến sự Thù diệu (chỉ nói đến sự Thù diệu).

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh **Moranivāpa** thứ 3 như sau:

Từ **Sammādiṭṭhiyā** tức bằng Chánh kiến sanh khởi từ Minh quán để được lợi ích đối với việc nhập Thiền quả (**Phalasaṃpatti**). Từ **Sammāñāṇena** tức bằng Quả trí. Từ **Sammāvimuttiyā** tức Ngoài ra pháp nhập Thiền quả. Trong kinh cả ba từ này Đức Thế Tôn thuyết ám chỉ đến thuần nhất bậc Lậu Tận.

Kết Thúc Diễn Giải Phẩm Kế Chiến Sĩ thứ IV

XV. Phẩm Cát Tường

Chánh Kinh Bài Kinh Buổi Sáng Tốt Đẹp

150.- Buổi Sáng Tốt Đẹp

- Các loại hữu tình nào, này các Tỷ-kheo, vào buổi sáng, thân làm việc thiện, nói lời nói thiện, ý nghĩ điều thiện, các loài hữu tình ấy, này các Tỷ-kheo, có một buổi sáng tốt đẹp. Các loại hữu tình nào, này các Tỷ-kheo, vào buổi trưa, thân làm việc thiện, nói lời nói thiện, ý nghĩ điều thiện, các loài hữu tình ấy, này các Tỷ-kheo, có một buổi trưa tốt đẹp. Các loại hữu tình nào, này các Tỷ-kheo, vào buổi chiều, thân làm việc thiện, nói lời nói thiện, ý nghĩ điều thiện, các loài hữu tình ấy, này các Tỷ-kheo, có một buổi chiều tốt đẹp.

Vàng sao lành, điều lành

Rạng đông lành, dậy lành.

Sát-na lành, thời lành.

Cúng dường bậc Phạm hạnh.

Thân nghiệp chánh, lời chánh.

Ý nghiệp chánh, nguyện chánh.

Làm các điều chơn chánh.

Thì được lợi an lạc.

Lớn mạnh trong Phật giáo.

Hãy không bệnh an lạc.

Cùng tất cả bà con.

Sớ Giải Bài Kinh Buổi Sáng Tốt Đẹp

(AtthakathāSupubbaṇhaSutta)

Nên hiểu Luận giải Bài Kinh Buổi Sáng Tốt Đẹp 150 như sau:

Trong từ..., rằng **Sunakkhattam** ngày mà tất cả mọi người tạo tất cả ba Thiện hạnh (**Sucaritta dhamma**) cho đầy đủ gọi là ngày tạo được giờ Lành, vì vậy Đức Thế Tôn mới Thuyết rằng ngày đó có giờ Lành tốt đẹp mọi lúc.

Chính ngày đó gọi là ngày tạo ra sự Kiết Tường cho nên Đức Thế Tôn mới Thuyết rằng ngày đó có sự Kiết tường tốt đẹp mọi lúc. Ngay cả ngày có sự sáng rực cả ngày thì gọi là Buổi sáng tốt lành (**Suppabhātameva**) thường xuyên có sự sáng trưng.

Thậm chí sự thức dậy từ việc ngủ của ngày đó cũng gọi là Thức dậy tốt lành (**Suhutthitam**). Sát na của ngày đó cũng gọi là Sát na tốt lành (**Sukkhano**). Canh của ngày đó cũng gọi là Canh tốt lành (**Sumuhutto**).

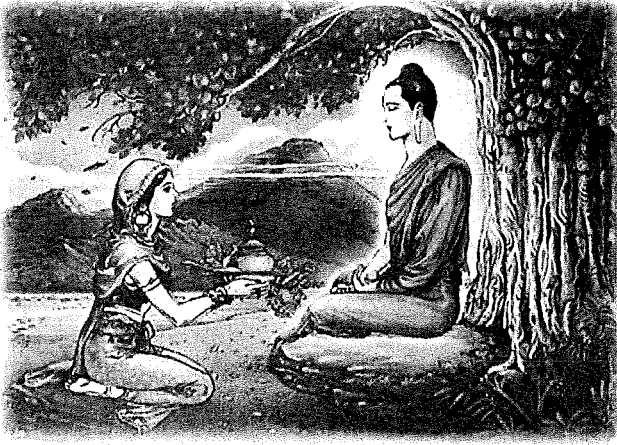
Cũng trong từ **Sumuhutto** nên hiểu phân thời gian ra như sau: Thời gian khoảng 10 phân Anh gọi là **Khaṇa**, thời gian 10 phân Anh bằng **Khaṇa** đó gọi là **Laya**, thời gian 10 **Laya** đó gọi là **Khaṇalaya**, thời gian bằng 10 **Khaṇalaya** đó gọi là **Muhutta**, thời gian bằng 10 **Muhutta** đó gọi là **Khaṇamuhutta**.

Cụm từ **Suyittham Brahmācārisu** tức Bồ thí mà dâng cho Người hành Pháp cao thượng, trong ngày mà tạo ba Thiện hạnh cho tròn đủ gọi là Cúng dường tốt lành (**Suyittham**).

Cụm từ **Padakkhinam kāyakammaṃ** tức Thân nghiệp mà Họ đã tạo trong ngày đó gọi là Thân nghiệp đầy đủ sự tiến

hóa. Trong các từ còn lại cũng có ý nghĩa giống như vậy. Cụm từ **Padakkhiṇāni katvāna** tức khi tạo Nghiệp..., đầy đủ sự tiến hóa. Cụm từ **Labhantatthe padakkhiṇe** tức sẽ được lợi ích nhiều quanh chính đó là lợi ích tiến hóa trọn vẹn. Ý nghĩa trong bài Kinh này đều dễ cả.

Kết Thúc Sớ Giải Bài Kinh Buổi Sáng Tốt Đẹp thứ 150



XVI. Phẩm Lỏa Thế

Chánh Kinh Bài Kinh Đạo Lộ

151.- Đạo Lộ (1)

1. - Nay các Tỷ-kheo, có ba đạo lộ này. Thế nào là ba? Thâm cố đạo lộ, kích khổ đạo lộ, trung đạo lộ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thâm cố đạo lộ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người nói như sau, thấy như sau: "Không có tội lớn trong các dục vọng," và rơi vào say đắm trong các dục vọng. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là thâm cố đạo lộ.

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Kích khổ đạo lộ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sống lỏa thế, sống phóng túng, không theo lễ nghi, liếm tay cho sạch, đi khát thực không chịu bước tới, đi khát thực không chịu đứng lại, không nhận đồ ăn mang đến, không nhận đồ ăn đặc biệt nấu cho mình, không nhận mời đi ăn, không nhận đồ ăn từ nơi nồi chảo, không nhận đồ ăn từ ngưỡng cửa, không nhận đồ ăn đặt giữa những cây gậy, không nhận đồ ăn đặt giữa những cối giã gạo, không nhận đồ ăn từ hai người đang ăn, không nhận đồ ăn từ người đàn bà có thai, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang cho con bú, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang giao cấu, không nhận đồ ăn đi quyên, không nhận đồ ăn tại chỗ có chó đứng, không nhận đồ ăn từ chỗ có ruồi bu, không ăn cá, thịt, không uống rượu nấu, rượu men, cho đến không uống cháo. Vị ấy chỉ nhận ăn tại một nhà, chỉ nhận ăn hai miếng, hay vị ấy chỉ nhận ăn tại hai nhà, chỉ nhận ăn hai miếng. Hay vị ấy chỉ nhận ăn tại bảy nhà, chỉ nhận ăn bảy miếng. Vị ấy nuôi sống chỉ với một bát, nuôi sống chỉ với hai bát, nuôi

sống chỉ với bảy bát. Vị ấy chỉ ăn một ngày một bữa, hai ngày một bữa, bảy ngày một bữa. Như vậy, vị ấy sống theo hạnh tiết chế ăn uống, cho đến nửa tháng chỉ ăn một lần. Vị ấy ăn rau, ăn cây kê, ăn gạo sống, ăn gạo rùng, ăn cây lau, ăn bột gạo, ăn bột gạo cháy, ăn bột vừng, ăn cỏ, ăn phân bò, ăn trái cây, ăn rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống. Vị ấy mang vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác, mặc vải tấm liệm quăng đi, mặc vải lượm từ đồng rác, dùng vỏ cây làm áo, mặc áo da con sơn dương đen, mặc áo bện từng mảnh da con sơn dương đen, mặc áo vải từ cỏ Kusa bện lại, mặc áo bằng vỏ cây, mặc áo bằng tấm gỗ nhỏ, mặc áo bằng tóc bện lại thành mền, mặc áo bằng đuôi ngựa bện lại, mặc áo bằng lông cú. Vị ấy là người sống nhổ râu tóc, là người theo tập tục sống nhổ râu tóc, là người theo hạnh thường đứng, không dùng chỗ ngồi, là người ngồi chò hỏ, sống theo hạnh ngồi chò hỏ một cách tinh tấn, là người dùng gai làm giường, thường ngủ nằm trên giường gai, sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm để gột sạch tội lỗi. Như vậy, dưới nhiều hình thức, vị ấy sống thực hành các hạnh hành hạ, hành khổ thân thể. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là kịch khổ đạo lộ.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Trung đạo lộ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục, tham ưu ở đời, quán thọ trên các cảm thọ ... quán tâm trên tâm ... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là trung đạo lộ. Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba đạo lộ.

Sớ Giải Các Bài Kinh

Không Được Xếp Vào Trong Tạp Lục

Trong tất cả bài kinh kể tiếp nên hiểu luận giải như sau: Cụm từ **Āgāḥā patipadā** là thực hành thói hóa (tức lỏng lẻo), nghĩa là chấp thủ vững chắc bởi mãnh lực tham. Từ **Nijhāmā** tức là thực hành với nhiều căng thẳng, nghĩa là Thiêu đốt mình làm cho mình, nóng nảy bởi mãnh lực của Khổ hạnh (**Attakilamatthā nuyoga**). Tức **Majjhimā** tức là Thực hành không căng, không dòn (trung dung).

Từ **Acekalo** không có Vải tức là người Lỏa thể. Từ **Muttāsāro** tức buông lơi Phẩm hạnh, họ là người lìa khỏi Phẩm hạnh Thiện gia tử theo đường lối tham đắm, theo các phận sự riêng tư như đại tiện (đứng đại tiện), đứng tiểu tiện, đứng nhai, đứng ăn v.v... Từ **Hatthāvabekkhano** tức khi vắt cơm trong tay hết rồi (Tu sĩ lỏa thể thực hành căng thẳng) thì dùng lưỡi liếm tay hoặc không thì khi đại tiện là người có tưởng rằng “Trong tay là nước”, lấy tay chùi (làm cho sạch).

Tu sĩ lỏa thể gọi là Không được vật thực thỉnh mời (**Na ehibhadantiko**), bởi vì khi đại chúng nói rằng: “Thưa tôn giả, xin Ngài vui lòng đến để nhận vật thực,” thì không đến. Tu sĩ lỏa thể gọi là Không chịu đứng lại (**Natitthabhadantiko**), bởi vì cho dù đại chúng nói rằng: “Nếu như vậy xin thỉnh Ngài đứng lại đã,” cũng không chịu đứng lại, được nghe rằng: Tu sĩ lỏa thể đó không chịu đến và đứng lại bởi vì sợ rằng sẽ làm theo lời nói của người thỉnh mời.

Từ **Abhihaṭaṃ** tức vật thực mà họ cầm đến dâng nơi (mà mình sẽ đến). Cụm từ **Uddissa kaṭaṃ** tức vật thực mà Họ

bảo rằng: Các người này (làm) chỉ đích danh (dâng cúng) cho Các vị. Từ **Nimantanam** tức tu sĩ lỏa thể bị Họ thỉnh mời rằng: Xin thỉnh đi vào (nhận vật thực), được Gia tộc mang đến từ con đường hoặc xóm nhà tên đó thì không hài lòng, tức không chịu nhận vật thực. Cụm từ **Na kumbhimukhā** tức không nhận vật thực mà Họ xới ra từ nồi mang đến cho. Từ **Kalopi** trong từ **Nakalo pimukhā** tức nồi cơm hoặc giỏ đựng. Tu sĩ lỏa thể sẽ không nhận vật thực từ nồi cơm hoặc giỏ đựng đó.

Vấn: Vì sao lại không nhận?

Đáp: Vì nghĩ rằng nồi cơm và giỏ đựng dựa vào Ta mới đựng được đến muổng múc canh.

Cụm từ **Na elakamantaram** tức không nhận vật thực mà Họ đứng trùm (đầu) tại ngưỡng cửa mà dâng cúng.

Vấn: Vì sao?

Đáp: Bởi vì nghĩ rằng người này dựa vào Ta mới được đứng trùm (đầu) tại ngưỡng cửa. Ngay cả cây gậy và cối giã gạo cũng có ý nghĩa như vậy.

Từ **Dvinnam** tức khi 2 người đang ăn với nhau, khi 1 người đứng lên cho thì không nhận.

Vấn: Vì sao?

Đáp: Bởi vì nghĩ rằng có tai hại từ miếng cơm.

Còn trong cụm từ **Na gabbhaniya...**, nên hiểu giải thích như sau: Đối với người nữ có thai thì đứa bé đang ở trong bụng sẽ đón nhận sự tác động, đối với người nữ đang cho con bú sữa thì tai hại nường từ việc bú sữa sẽ có với đứa bé, đối với người nữ đang giao cấu với người nam khác thì tai họa của việc vui

thích trong dực vọng sẽ có... Do đó, tu sĩ Lỏa thể sẽ không nhận vật thực (từ nhóm nữ nhân) này.

Cụm từ **Na saṅkutīsu** tức trong vật thực mà Họ nêu rõ cho làm. Được nghe rằng trong thời kỳ gạo châu củi quế, đệ tử nhóm Tu sĩ lỏa thể gom góp lấy gạo..., từ nơi đó đến nấu thành gạo tẻ để đem lại lợi ích cho tất cả nhóm Tu sĩ lỏa thể, tu sĩ lỏa thể nào không thích thì không chịu nhận vật thực đó.

Cụm từ **Na yatthasā** nghĩa là trong nơi nào con chó xuất hiện do muốn được vắt cơm, trong nơi đó nhóm Tu sĩ lỏa thể sẽ không chịu nhận vật thực chưa được cho với con chó đó rồi đem đến cho mình.

Vấn: Vì sao?

Đáp: Bởi vì nghĩ rằng tai hại của vắt cơm (nơi không được vắt) sẽ có với con chó đó.

Từ **Saṅḍasaṅḍacāriṇī** tức là ruồi bay đi thành từng đàn. Giải thích: Nếu tất cả mọi người nhìn thấy nhóm Tu sĩ lỏa thể đi vào đến nhà bếp, do nghĩ rằng sẽ dâng cúng cho nhóm Tu sĩ lỏa thể này và nhóm người đó đi vào thì ruồi bu theo miệng giở..., cũng sẽ bay đi thành từng đàn, nhóm Tu sĩ lỏa thể không nhận vật thực đem đến từ nơi mà ruồi bay đi đó.

Vấn: Vì sao?

Đáp: Bởi vì nghĩ rằng tai hại trong nơi tìm kiếm ăn của ruồi phát sanh do nướng vào Ta.

Cụm từ **na thīsodakaṃ** tức nước uống làm bằng thực phẩm như mọi thứ mạ. Trong nơi đây việc uống rượu mới có tội, nhưng nhóm tu sĩ lỏa thể tưởng rằng trong mọi thứ nước

uống đều có tội. Nhóm tu sĩ lỏa thể nào nhận vật thực trong một nhà rồi trở về thì nhóm tu sĩ lỏa thể đó gọi là một gia chủ (**ekāgārika**), nhóm tu sĩ lỏa thể nào nuôi bản thân bằng chỉ 1 vắt cơm thì nhóm tu sĩ lỏa thể đó gọi là chỉ một vắt (**ekālopika**). Ngay cả trong nhóm tu sĩ lỏa thể loại hai gia chủ (**dvāgārika**)..., cũng có ý nghĩa như vậy. Cụm từ **ekissāpi dattiyā** tức trong 1 mâm lá gọi là **elatti**, tức 1 mâm lá nhỏ mà người đặt vật thực thượng vị vào, từ **ekāhitam** tức vật thực không thọ dụng 1 tay. Từ **aḍḍhamāsikam** tức vật thực không thọ dụng nửa tháng, từ **pariyāyabhattabhojanam** tức việc thọ dụng vật thực mà họ dâng theo thời gian như thọ dụng vật thực mà họ đem đến cho theo thời gian với nhau, nghĩa là theo thời gian 1 ngày, theo thời gian 2 ngày, theo thời gian 7 ngày, theo thời gian nửa tháng. Từ **sākabhakkho**..., có ý nghĩa như đã đề cập. Từ **ubbhaṭṭhako** tức người đứng ở phía trên, từ **ukkuṭṭikappadhānamanuyutto** tức người thực hành tinh cần trong oai nghi ‘nhón gót’, cho dù khi ăn cũng bước đi nhón gót như nhảy tới. Từ **kaṇṭakāpassoyiko** tức đóng gai sắt hoặc gai thông thường để trên mặt đất rồi (nằm) trải da trên gai đó, làm cho oai nghi chuyển động như đứng và đi kinh hành... từ **seyyam** tức ngay cả khi nằm cũng đồng nhất hoàn thành việc nằm đó. Cụm từ **sāyam tatiyamassa** tức thực hành việc tinh cần xuống dưới nước tắm cho đến chiều là lần thứ 3, tức mỗi ngày 3 lần vào buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều bởi nghĩ rằng: “ta sẽ thả trôi tội lỗi!”

Cụm từ **kāye kāyānupassī**... nên hiểu theo lý đã đề cập trong số giải pháp một chi (**atthakathā ekanipāta**) trong phía sau. Cụm từ **ayam vuccati bhikkhave majjhimā paṭipadā** nghĩa là: “này các tỳ khuru, thực hành này không đi vào rất ráo

tận cùng, do 2 loại là: lợi dưỡng (**kāmasukallikānuyoga**) và khổ hạnh (**attakilamathānuyoga**).

Một lý khác nữa: Thực hành thoát khỏi sự tận cùng tức Thường kiến (**Sassatadiṭṭhi**) và Đoạn kiến (**Uchedadiṭṭhi**) nên hiểu là Thực hành Con đường Trung Đạo (**Majjhimā paṭipadā**). Từ **Samañño** tức là có khuynh hướng ngang nhau.

Kết thúc Bài Kinh Đạo lộ



Chánh Kinh Bài Kinh về Định

163.- Định

- Để thắng tri tham ái, này các Tỷ-kheo, ba pháp cần phải tu tập. Thế nào là ba?

Không định, vô tướng định, vô nguyện định. Để thắng tri tham ái, này các Tỷ-kheo, ba pháp này cần phải tu tập.

Này các Tỷ-kheo, để biến tri, biến diệt, đoạn tận, diệt tận, trừ diệt, ly tham, đoạn diệt, trừ khử, từ bỏ tham, ba pháp này, này các Tỷ-kheo, cần phải tu tập.

Này các Tỷ-kheo, để biến tri, biến diệt, đoạn tận, diệt tận, trừ diệt, ly tham, đoạn diệt, trừ khử, từ bỏ sân... từ bỏ si... từ bỏ phần nộ... từ bỏ hận... từ bỏ giả dối... từ bỏ não hại... từ bỏ tật đố... từ bỏ xan lẫn... từ bỏ man trá... từ bỏ phản bội... từ bỏ ngoan cố... từ bỏ bông bột nông nổi... từ bỏ mạn, từ bỏ tăng thượng mạn... từ bỏ kiêu... từ bỏ phóng dật, ba pháp này, này các Tỷ-kheo, cần phải tu tập.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các vị Tỷ kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Sớ Giải về 3 loại Định

(Samādhi)

Từ **rāgassa** tức tham ái nương vào trong ngũ dục. Từ **abhiññāya** tức là để thắng tri và minh quán mà đức Thế Tôn nêu lên thuyết bằng 3 loại định (**samādhi**) như cụm từ không tánh định (**suññato samādhi**) ... thật vậy minh quán được các tên gọi này cũng do không chấp thủ rằng: thường, hiện tướng (**nimitta**) là thường và mong muốn là thường, từ **pariññāya** tức là để xác định biết, trong các từ còn lại cũng có lý này.

Kết Thúc Dẫn Giải Pháp Ba Chi (Tikanipāta).

Trong Sớ Giải Tăng Chi Bộ Kinh gọi là Manorathapūraṇī.

Xong Phần II Sớ Giải Tăng Chi Bộ Kinh

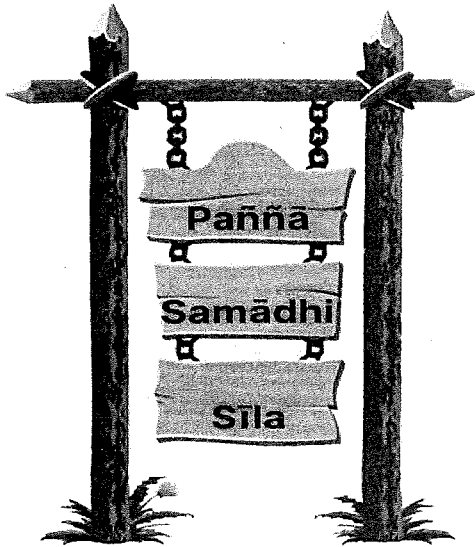
Pháp Ba Chi



Phương Danh Thí Chủ Hùn Phước

Chúng tôi xin ghi nhận công đức của quý phật tử đã hùn phước ấn tống quyển sách này. Nguyên cầu ân đức Tam Bảo gia hộ cho quý phật tử cùng gia đình luôn an vui.

Gỗ Lưu Chí Long	Gỗ Võ Thị Ngọc Thủy
Gỗ Kim Định	Gỗ Trần Văn Quý
Gỗ Phạm Đình Phong	Gỗ Dương Kim Phụng
Gỗ Kelly- Harry Stearn	Gỗ Lữ Minh Trung
Gỗ Thủy Lý	Gỗ Nguyễn Thị Thu Hà
Gỗ Huỳnh Thiện Minh	



SỐ GIẢI TẶNG CHI BỘ KINH, QUYỂN 2

Bhadantacariya Buddhaghosa

Theravàda Phật giáo Nguyên thủy

Việt dịch: **Tỳ kheo Khải Minh (Bhikkhu Jotivàđi)**

.....

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: 04.37822845 - Fax: 043 7822841

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc

ThS. Nguyễn Hữu Có

Biên tập: **Vũ Văn Hiếu**

Đối tác liên kết:

Nguyễn Thị Lệ Chinh

Số 590/213 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường 11, quận
3, TP. Hồ Chí Minh

Số lượng in: 1000 cuốn, khổ 14,5x20,5cm, In tại Công ty TNHH
Cơ khí In Tuệ Mẫn, 327 Đất Mới, khu phố 4, P. Bình Trị Đông A, Q.
Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh. Số ĐKKHXB: 1766-2021/CXBIPH/01-
57/TG. Mã ISBN 978-604-61-7787-6. Quyết định xuất bản số
241/QĐ-NXBTG ngày 25 tháng 5 năm 2021. In xong và nộp lưu chiểu
quý III năm 2021.